



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**THUYẾT MINH BIÊN SOẠN  
SỬA ĐỔI 1 - QCVN 06:2022/BXD  
QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA  
VỀ AN TOÀN CHÁY CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH**

Version 2- 30/7/2023 – sau  
Hội thảo BXD

HÀ NỘI – 2023



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**THUYẾT MINH BIÊN SOẠN  
SỬA ĐỔI 1 - QCVN 06:2022/BXD  
QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA  
VỀ AN TOÀN CHÁY CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH**

Version 2- 30/7/2023 – sau  
Hội thảo BXD

**Đơn vị thực hiện**

Viện KHCN XD – Bộ Xây dựng  
Cục CS PCCC&CNCH – Bộ Công An  
Phòng CS PCCC&CNCH – CA Hà Nội

:

**HÀ NỘI – 2023**

## MỤC LỤC

### **A. Tổng quan**

A.1. Các thông tin cơ bản về nhiệm vụ

A.2. Tổng quan về thực tiễn công tác PCCC hiện nay và nhận định các khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân

### **B. Tóm tắt những nội dung chính của Dự thảo Sửa đổi 1 - QCVN 06:2022/BXD**

### **C. Các phụ lục giải trình căn cứ soát xét, điều chỉnh**

C.1 Phụ lục thuyết minh chi tiết các nội dung sửa đổi

C.2 Bảng so sánh một số yêu cầu an toàn cháy cốt lõi giữa QCVN 06 và tiêu chuẩn, quy chuẩn một số quốc gia

C.3. Bảng giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý.

DRAFT

## A. TỔNG QUAN

### A.1. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ NHIỆM VỤ

#### 1. Tên quy chuẩn soát xét

"Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình"

Sản phẩm dự kiến: Dự thảo Sửa đổi 1 - QCVN 06:2022/BXD

#### 2. Phạm vi áp dụng của quy chuẩn

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu chung về an toàn cháy cho gian phòng, khoang cháy, nhà và các công trình xây dựng (sau đây gọi chung là nhà) và bắt buộc áp dụng trong tất cả các giai đoạn xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa hay thay đổi công năng, đồng thời quy định phân loại kỹ thuật về cháy cho các nhà, phần và bộ phận của nhà, cho các gian phòng, cấu kiện xây dựng và vật liệu xây dựng.

#### 3. Tổ chức biên soạn

**Tổ chức chủ trì:** Viện KHCN Xây dựng

Địa chỉ: Số 81, phố Trần Cung, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, tp Hà Nội.

Điện thoại: 84.24.37544196 - Fax: 84.24.38361197 E-mail:

Tên cơ quan chủ quản: (nếu có): Bộ xây dựng

#### Tổ chức phối hợp:

- Cục CS PCCC & CNCH – Bộ Công An: chủ trì biên soạn phần 5 – Cấp nước chữa cháy, và phối hợp biên soạn các nội dung khác.
- Phòng CS PCCC&CNCH – Công an Thành phố Hà Nội (PC07 Hà Nội)
- Phòng CS PCCC&CNCH – Công an Thành phố HCM (PC07 TP HCM)
- Hiệp hội PCCC&CNCH Việt Nam

#### 4. Ban biên soạn:

TT	Họ Và Tên	Chức vụ, học vị	Cơ quan	Nhiệm vụ
1	Cao Duy Khôi	TS	Viện KHCN XD	Tổ trưởng
2	Hà Văn Hạnh	ThS	Viện KHCN XD	Thư ký
3	Hoàng Anh Giang	TS	Viện KHCN XD	Thành viên
4	Nguyễn Văn Bình	Thượng tá	Cục CS PCCC CNCH	Thành viên
5	Đoàn Tự Lập	Trung tá	Cục CS PCCC CNCH	Thành viên
6	Lê Minh Hải	Trung tá	Cục CS PCCC CNCH	Thành viên
7	Đào Mạnh Hà	Thượng tá	Cục CS PCCC CNCH	Thành viên
8	Trần Hải Nam	Trung tá	Cục CS PCCC CNCH	Thành viên

9	Nguyễn Thanh Tuấn	Trung tá	Cục CS PCCC CNCH	Thành viên
10	Đặng Minh Tuấn	Thiếu tá	Cục CS PCCC CNCH	Thành viên
11	Nguyễn Thanh Hà	Thiếu tá	Cục CS PCCC CNCH	Thành viên
12	Phan Tiến Hưng	Đại úy	Cục CS PCCC CNCH	Thành viên
13	Vũ Đức Hưng	Trung tá	PC07 Hà Nội	Thành viên
14	Phạm Duy Long	Thiếu tá	PC07 Hà Nội	Thành viên
15	Đào Quang Tú	Thượng úy	PC07 Hà Nội	Thành viên
16	Nguyễn Văn Hùng		Hiệp hội PCCC&CNCH Việt Nam	Thành viên
17	Hoàng Mạnh	TS	Viện KHCN XD	Thành viên
18	Nguyễn Trung Kiên	ThS	Viện KHCN XD	Thành viên
19	Phạm Minh Điền	KS	Viện KHCN XD	Thành viên
20	Phạm Anh Tuấn	TS	Viện KHCN XD	Thành viên
21	Nguyễn Trung Thành	KTS	Viện KHCN XD	Thành viên

Trong trường hợp cần thiết, tổ chức biên soạn sẽ bổ sung thêm các cán bộ để tham gia thực hiện công tác soát xét.

## 5. Sự cần thiết

Theo chỉ đạo của Chính phủ tại công điện số 220/CĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ, các Thông báo kết luận cuộc họp của Chính phủ về vấn đề PCCC, Bộ Xây dựng được giao phối hợp với Bộ Công an và các Bộ ngành, địa phương, tổ chức để nghiên cứu soát xét, sửa đổi QCVN 06:2022/BXD. Bộ XD đã giao Viện KHCN XD và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện việc soát xét, sửa đổi QCVN 06:2022/BXD bằng Quyết định số 516/QĐ-BXD.

## 6. Tác động xã hội

Quy chuẩn an toàn cháy là công cụ đặc lực và hữu hiệu để cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng quản lý công tác thiết kế, chất lượng của công trình xây dựng theo hướng phù hợp với thực tiễn của Việt nam và thế giới. Trong quá trình vận dụng quy chuẩn vào các công trình thực tế đã gặp một số vướng mắc và cần phải làm rõ, bổ sung để giải quyết các vấn đề liên quan.

Ngày nay, càng nhiều công trình cao tầng hoặc các công trình thấp tầng có tính chất phức tạp đã và đang được xây dựng, đòi hỏi phải có những quy định bám sát vào thực tế. Mặt khác, hệ thống tiêu chuẩn về PCCC, nhất là các tài liệu hướng dẫn cho quy chuẩn của Việt Nam còn khiêm tốn, trong khi một quy chuẩn 06 không thể bao trọn được tất cả các trường hợp trên thực tiễn.

Quy chuẩn được soát xét sửa đổi, bổ sung một số nội dung còn thiếu hoặc chưa rõ của QCVN 06:2022/BXD sẽ giải quyết được một số những khó khăn vướng mắc hiện nay. Mặt khác, QC cũng sẽ liên tục được nghiên cứu, cập nhật để theo kịp thực tiễn, các công nghệ mới, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư và đảm bảo an toàn cho người, công trình xây dựng.

Bên cạnh đó, chắc chắn một QC 06 không thể bao trùm tất cả các công trình với những đặc thù khác nhau, và không thể bao gồm tất cả các nội dung kỹ thuật cần thiết để thực hiện công tác thiết kế an toàn cháy cho nhà và công trình. Do đó, rất cần thiết phải nghiên cứu sửa đổi các tiêu chuẩn có liên quan để đảm bảo tính đồng bộ và đầy đủ của hệ thống.

## 7. **Bố cục, nội dung dự thảo QCVN**

Bao gồm các điều sửa đổi, bổ sung các quy định của QCVN 06:2022/BXD.

## 8. **Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ soát xét QCVN**

- Phương thức thực hiện

- |                                |                          |                    |                                     |
|--------------------------------|--------------------------|--------------------|-------------------------------------|
| + Xây dựng mới                 | <input type="checkbox"/> | + Sửa đổi, bổ sung | <input checked="" type="checkbox"/> |
| + Chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế | <input type="checkbox"/> | + Thay thế         | <input type="checkbox"/>            |

- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng QCVN:

1) Các tài liệu của Nga

Федеральный закон от 22.07.2008 N 123-ФЗ (ред.30.4.2021)

СП 1.13130.2020 Системы противопожарной защиты. Эвакуационные пути и выходы;

СП 2.13130.2020 Системы противопожарной защиты. Обеспечение огнестойкости объектов защиты;

СП 3.13130.2009. Системы противопожарной защиты. Система оповещения и управления эвакуацией людей при пожаре. Требования пожарной безопасности;

СП 4.13130.2013 (ред. 2020). Системы противопожарной защиты. Ограничение распространения пожара на объектах защиты. Требования к объемно-планировочным и конструктивным решениям;

СП 6.13130.2021. Системы противопожарной защиты. Электрооборудование. Требования пожарной безопасности;

СП 7.13130.2013 (ред. 2020). Отопление, вентиляция и кондиционирование. Требования пожарной безопасности;

СП 8.13130.2020. Системы противопожарной защиты. Источники наружного противопожарного водоснабжения. Требования пожарной безопасности;

СП 10.13130.2020. Системы противопожарной защиты. Внутренний противопожарный водопровод. Требования пожарной безопасности;

СП 59.13330.2016. Доступность зданий и сооружений для маломобильных групп населения. Актуализированная редакция СНиП 35-01-2001;

СП 60.13330.2020. Отопление, вентиляция и кондиционирование воздуха. Актуализированная редакция СНиП 41-01-2003;

СП 118.13330.2012. Общественные здания и сооружения. Актуализированная редакция СНиП 31-06-2009;

СП 332.1325800.2017 Спортивные сооружения.

СП 363.1325800.2017 Покрытия светопрозрачные и фонари зданий и сооружений. Правила проектирования.

СП 456.1311500.2020. МНОГОФУНКЦИОНАЛЬНЫЕ ЗДАНИЯ. Требования пожарной безопасности.

СП 484.1311500.2020 "Системы противопожарной защиты. Системы пожарной сигнализации и автоматизация систем противопожарной защиты. Нормы и правила проектирования

СП 485.1311500.2020 "Системы противопожарной защиты. Установки пожаротушения автоматические. Нормы и правила проектирования"

СП 486.1311500.2020 Системы противопожарной защиты. Перечень зданий подлежащих защите автоматическими установками пожаротушения и системами пожарной сигнализации.

SP 329.1325800.2017 Здания и сооружения. Правила обследования после пожара

СП 246.1325800.2016 Положение об авторском надзоре за строительством зданий и сооружений

СП 12.13130.2009 Определение категорий помещений, зданий и наружных установок по взрывопожарной и пожарной опасности (с изменением № 1)

СП 432.1325800.2019 Покрытия огнезащитные. Мониторинг технического состояния

СП 433.1325800.2019 Огнезащита стальных конструкций. Правила производства работ

СП 468.1325800.2019 КС ВТ va ВТСТ. Thiet ke chiu lua

СП Аварийные воздействия

СТО НОСТРОЙ 2.12.119-2013 ОГНЕЗАЩИТА СТАЛЬНЫХ КОНСТРУКЦИЙ.  
МОНТАЖ ПОКРЫТИЯ ОГНЕЗАЩИТНОГО

Và các tài liệu tương đương khác của Belarus, Ukraina.

2) Các tài liệu tiếng Anh

NFPA 5000-2021

NFPA 92

NFPA 101

Singapore fire code 2018

Approved document B, F (Anh)

Và các tiêu chuẩn, tài liệu liên quan khác.

3) Quy chuẩn Việt Nam QCVN 06:2022/BXD và các phiên bản trước đây

4) Thuyết minh dự thảo quy chuẩn QCVN 06:2022/BXD và các phiên bản trước đây.

5) Các văn bản góp ý của Bộ Công an, các địa phương, tổ chức, cá nhân về các nội dung cần giải quyết trong QCVN 06:2022/BXD khi áp dụng thực tế.

6) Các số liệu thí nghiệm thực tế tại IBST.

## 9. Tiến độ

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Lập thuyết minh nhiệm vụ	5/2023	5/2023
2	Thu thập tài liệu trong và ngoài nước	6/2022	6/2023
3	Tổng hợp, phân tích các vấn đề thực tiễn	6/2022	6/2023
4	Báo cáo các chuyên đề nghiên cứu	6/2022	6/2023
5	Xây dựng dự thảo sửa đổi QC và thuyết minh	6/2023	7/2023
6	Hội thảo, lấy ý kiến chuyên gia, thẩm định dự thảo sửa đổi QCVN, trình duyệt và công bố	7/2023	9/2023

### A.2. Tổng quan về thực tiễn công tác PCCC hiện nay và nhận định các khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân<sup>1</sup>

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công điện 220/CĐ-TTg ngày 05/4/2023 về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng cháy và chữa cháy (PCCC), Bộ Xây dựng đã yêu cầu các cơ quan chuyên môn nghiên cứu, tổng hợp<sup>2</sup>; lấy ý kiến các địa phương<sup>3</sup>; làm việc với Bộ Công an<sup>4</sup>; tiếp tục đối thoại với các cơ

<sup>1</sup> Nội dung này được tổng hợp lại từ báo cáo Chính phủ số 103/BC-BXD của Bộ Xây dựng gửi Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện công điện số 220/CĐ-TTg.

<sup>2</sup> Thông báo số 45/TB-BXD ngày 07/4/2023 gửi các đơn vị trong Bộ Kế hoạch thực hiện Công điện của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>3</sup> Công văn số 1498/BXD-VP tới sở Xây dựng và Quy hoạch kiến trúc các địa phương đề nghị báo cáo các khó khăn, vướng mắc trong PCCC. Tính đến 30/4/2023, Bộ Xây dựng cũng nhận được báo cáo của 46 địa phương trên cả nước và 02 Hiệp hội.

<sup>4</sup> Các công văn số 1299/BCA-PCCC&CNCH và 1307/BCA-PCCC&CNCH ngày 25/4/2023 của Bộ Công an.



quan, tổ chức, cá nhân, truyền thông<sup>5</sup>; để làm rõ các khó khăn, vướng mắc về PCCC trong đầu tư xây dựng nhà và công trình, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp, định hướng xử lý. Một số nội dung tổng hợp như sau.

## **I. HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN HIỆN HÀNH VỀ PCCC**

### **I.1 Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến PCCC trong đầu tư xây dựng nhà và công trình**

- Luật phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 40/2013/QH13
- Nghị định 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy, có hiệu lực từ 10/1/2021 (thay thế Nghị định 79/2014/NĐ-CP);
- Thông tư 147/2020/TT-BCA quy định biện pháp bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, có hiệu lực từ 20/2/2021 (thay thế Thông tư 47/2015/TT-BCA);
- Thông tư 149/2020/TT-BCA quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy, có hiệu lực từ 20/2/2021.
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14;
- Nghị định 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

---

<sup>5</sup> Kể từ đầu năm 2023 đến nay, cơ quan Bộ XD đã tham dự ít nhất 05 Hội thảo lớn và một số Hội thảo quy mô nhỏ hơn: (1) Hội thảo tại Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam ngày 8/2/2023 với quy mô hơn 1000 người tham dự; (2) Hội thảo tại Hà Nội ngày 24/3/2023 do Hiệp hội PCCC&CNCH, Cục CS PCCC&CNCH tổ chức, quy mô hơn 500 đại biểu tham dự, đến từ các tổ chức, doanh nghiệp, chủ đầu tư, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực PCCC & CNCH tại miền Bắc; (3) Hội thảo tại TP.HCM ngày 31/3/2023 do Hiệp hội PCCC&CNCH, Cục CS PCCC&CNCH tổ chức, quy mô hơn 500 đại biểu tham dự, đến từ các tổ chức, doanh nghiệp, chủ đầu tư, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực PCCC & CNCH tại miền Nam; (4) Hội nghị tập huấn ở TP.HCM từ ngày 03/4/23 đến 05/4/23 dành cho CS PCCC 32 địa phương từ Đà Nẵng trở vào nam, quy mô 280 cán bộ; (5) Hội nghị tập huấn ở Hà Nội từ ngày 13/3/23 đến 15/4/23 dành cho CS PCCC 31 địa phương từ Huế trở ra bắc, và trường ĐH PCCC, quy mô 240 cán bộ.

Tại các buổi Hội thảo này, cán bộ của Bộ Xây dựng đều dành ít nhất 01 buổi để đối thoại trực tiếp với các doanh nghiệp, đơn vị tư vấn, thi công PCCC và các cán bộ CS PCCC.

## **I.2. Hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về an toàn cháy cho nhà và công trình**

Theo thống kê, rà soát (phụ lục 1), hiện nay các tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn cháy cho nhà và công trình (thường xuyên được sử dụng, không thống kê các tiêu chuẩn thử nghiệm và các tiêu chuẩn ít sử dụng) gồm có 09 quy chuẩn, 25 tiêu chuẩn về nhà và công trình, và 28 tiêu chuẩn về phương tiện, thiết bị PCCC.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn nêu trên được biên soạn và ban hành bởi các Bộ: Công an, Xây dựng, Công thương, Khoa học công nghệ.

Thường được áp dụng nhất là các tiêu chuẩn, quy chuẩn: QCVN 02:2020/BCA trạm bơm nước chữa cháy, QCVN 03:2021/BCA phương tiện phòng cháy và chữa cháy, QCVN 06:2022/BXD An toàn cháy cho nhà và công trình, QCVN 13:2018/BXD Gara ô tô, TCVN 5687:2010 Thông gió - Điều hòa không khí - Tiêu chuẩn thiết kế, TCVN 5738:2021 Hệ thống báo cháy tự động - Yêu cầu thiết kế; TCVN 7336:2021 Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống sprinkler tự động - Yêu cầu thiết kế và lắp đặt, TCVN 3890:2023 Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - trang bị, bố trí, và một số TCVN khác.

## **II. VỀ CÁC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN AN TOÀN CHÁY CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH**

### **II.1 Tổng quan về các tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn cháy cho nhà và công trình**

Nhìn chung, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn về PCCC còn khiêm tốn nếu so với các nước khác trên thế giới. Tuy nhiên, những quy chuẩn, tiêu chuẩn cần thiết nhất cơ bản đã có, một số lĩnh vực chuyên sâu khác có thể áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài, trong khi các Bộ dần hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn định kỳ, thường xuyên theo kế hoạch.

Về nội dung, các quy chuẩn, tiêu chuẩn thể hệ mới được ban hành trong năm 2022, 2023 đã cơ bản có những điều chỉnh, bổ sung phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các hoạt động đầu tư xây dựng, sản xuất, kinh doanh. Bộ Xây dựng và Bộ Công an đã có phối hợp chặt chẽ trong công tác biên soạn, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn.

Quyết định số 390/QĐ-BXD ngày 12/05/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Phê duyệt Định hướng và Kế hoạch biên soạn, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia ngành xây dựng đến năm 2030 (thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng đã có kế hoạch cụ thể về việc soát xét, biên soạn mới các tiêu chuẩn ngành xây dựng nói chung và các tiêu chuẩn về an toàn cháy cho nhà và công trình nói riêng.

### **II.2. Việc xây dựng, ban hành và triển khai quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình (QCVN 06)**

## II.2.1 Mục tiêu, nội dung tổng quát

**Mục tiêu tổng quát** của QCVN 06 là:

- Đảm bảo an toàn cho người (không phụ thuộc vào lứa tuổi và sức khỏe) có thể từ trong nhà thoát nạn ra ngoài trước khi xuất hiện nguy cơ đe dọa tính mạng và sức khỏe;
- Lực lượng và phương tiện chữa cháy có thể tiếp cận đám cháy và thực hiện các biện pháp chữa cháy, cứu người và tài sản;
- Ngăn chặn cháy lan sang các nhà bên cạnh;
- Hạn chế các thiệt hại trực tiếp và gián tiếp về vật chất, bao gồm bản thân nhà và các tài sản bên trong nhà, có xét tới tương quan kinh tế giữa giá trị thiệt hại và chi phí cho các giải pháp cùng trang thiết bị kỹ thuật phòng cháy chữa cháy.

Trong đó, mục tiêu cao nhất của QCVN 06 là đảm bảo an toàn cho người.

**Nội dung tổng quát** của QCVN 06 là đưa ra các yêu cầu, hoặc chỉ tiêu giới hạn (tối đa/tối thiểu) đối với các cấu kiện, bộ phận, công trình, nhằm đáp ứng mục tiêu tổng quát nêu trên. QCVN 06 không quy định quy trình, giải pháp, cách thức để đạt được các chỉ tiêu, yêu cầu này. Các nội dung đó được nằm trong các văn bản pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn khác do các Bộ ngành ban hành hoặc trình ban hành theo thẩm quyền.

## II.2.2 Ý nghĩa, vai trò

Có thể nói, bên cạnh sự nghiêm túc, nỗ lực của lực lượng cán bộ, cảnh sát PCCC&CNCH, thì quy chuẩn 06 và các tiêu chuẩn, quy chuẩn khác đã góp phần không nhỏ trong việc **định hình hệ thống quy định kỹ thuật nền tảng về an toàn cháy cho nhà và công trình, giảm rủi ro thương vong cho con người.**

Kể từ khi QCVN 06:2010/BXD được ban hành, cùng với một số tiêu chuẩn, quy chuẩn khác, theo các số liệu thống kê, các công trình tuân thủ quy chuẩn thường ít cháy lớn, và khi có sự cố cháy lớn thường có ít người bị thương vong<sup>6</sup>. Chiếm tỉ trọng cao nhất cả về số lượng vụ cháy và số người thương vong thường là các đối tượng nhà nhỏ, kết hợp sản xuất kinh doanh, thường không tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn và thường thuộc đối tượng không phải thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC<sup>7</sup>.

<sup>6</sup> Theo thống kê 10 năm từ 2012-2022 của Cục Cảnh sát PCCC&CNCH – Bộ Công an: số vụ cháy lớn chiếm khoảng 0,8-1,6% tổng số vụ cháy hàng năm. Thiệt hại tài sản chiếm khoảng 69-86% tổng thiệt hại hàng năm. Nhưng số người tử vong chỉ chiếm khoảng 0-1%. Cá biệt có những vụ cháy lớn gây thiệt hại nghiêm trọng về người do vi phạm các quy định PCCC: cháy karaoke Trần Thái Tông – Hà Nội (2016) chết 13 người, cháy karaoke An Phú – Bình Dương (2022) chết 32 người.

<sup>7</sup> Theo số liệu thống kê 10 năm 2012-2022 của Bộ Công an, đối tượng này chiếm tỉ lệ từ 42-60% tổng số vụ cháy nhà và công trình hàng năm, tỉ lệ thương vong về người chiếm 70-90% tổng số.

Mặc dù còn tồn tại một số ý kiến từ góc độ kinh tế, tuy nhiên, xét về góc độ an toàn đối với tính mạng con người, QCVN 06 nói riêng và các quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn cháy nói chung đã có vai trò, ý nghĩa rất tích cực.

### **II.2.3 Căn cứ xây dựng quy chuẩn**

- Pháp luật về tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật;
- Các quy định pháp luật về PCCC có liên quan;
- Cơ sở khoa học;
- Thực tiễn về công tác PCCC và áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về PCCC tại Việt Nam: bao gồm các số liệu thống kê trong nhiều năm về PCCC; kinh nghiệm từ các vụ cháy có thiệt hại nghiêm trọng về người và/hoặc tài sản; ý kiến phản hồi từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực PCCC; trình độ phát triển kinh tế - xã hội; các công nghệ, giải pháp, vật liệu PCCC mới và các yếu tố thực tiễn khác.
- Phù hợp với thông lệ quốc tế, có tham khảo tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn cháy của các nước có trình độ phát triển tương đồng và cao hơn, đối chiếu, so sánh tương quan về các quy định.

### **II.2.4 Quá trình xây dựng và hoàn thiện quy chuẩn**

Trước thời điểm Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật có hiệu lực, các yêu cầu thiết kế công trình đảm bảo an toàn cháy cho nhà và công trình đã được đưa ra dưới dạng tiêu chuẩn (ví dụ, TCVN 2622:1995) bắt buộc áp dụng. Riêng với ngành xây dựng, năm 1996, 1997 trước thời điểm có Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Bộ Xây dựng đã chủ động biên soạn bộ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam (gồm 3 tập), trong đó có các quy định về phòng chống và chữa cháy tại Chương 3, chương 5, chương 7 và toàn bộ Chương 11 (tập 2) quy định Phòng chống cháy cho thiết kế các công trình xây dựng.

Sau khi Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật có hiệu lực, năm 2010 tại Thông tư số 07/2010/TT-BXD, Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình. Từ khi có hiệu lực, các quy định của Quy chuẩn 06:2010/BXD đã có những tác động rõ rệt vào thực tế cuộc sống. Việc ban hành quy chuẩn này đã góp thêm một công cụ hữu hiệu phục vụ cho các cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng cũng như về an toàn cháy trong công tác quản lý thiết kế, quản lý chất lượng các công trình xây dựng theo hướng tiếp nhận trình độ kỹ thuật của thế giới và phù hợp với tình hình của Việt Nam, đặc biệt là đối với các công trình có quy mô lớn và ý nghĩa quan trọng. Sau 10 năm áp dụng, đứng trước đòi hỏi thực tiễn phát triển rất nhanh, các công trình xây dựng ngày càng cao hơn, sâu hơn, công nghệ ngày càng phức tạp. Các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, các khu kinh tế tập trung với quy mô ngày càng lớn, dây chuyền công nghệ ngày càng hiện đại, đắt tiền,

khối lượng hàng hóa, vật tư của các cơ sở tập trung ngày càng nhiều. Tính chất cháy, nổ của nhiều thiết bị, dây truyền công nghệ, vật liệu mới cũng phức tạp và nguy hiểm hơn trước, đòi hỏi phải soát xét, bổ sung quy chuẩn để phù hợp với các yêu cầu phát triển mới.

Ngày 06/4/2020, Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 01/2020/TT-BXD về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2020/BXD về An toàn cháy cho nhà và công trình, thay thế QCVN 06:2010/BXD và có hiệu lực thi hành từ 01/07/2020. Trong đó, QCVN 06:2020/BXD mở rộng phạm vi áp dụng đối với các nhà công cộng cao đến 150 m (QCVN 06:2010/BXD chỉ áp dụng cho nhà công cộng cao tối đa 50 m) và bổ sung nội dung cấp nước chữa cháy (do Cục Cảnh sát PCCC&CNCH biên soạn).

Các yêu cầu an toàn cốt lõi như thoát nạn cho người, bậc chịu lửa của nhà, giới hạn chịu lửa của cấu kiện, bảo vệ chống khói, chống cháy lan, yêu cầu về vật liệu... cơ bản không thay đổi.

Ngày 19/5/2021, Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 02/2021/TT-BXD về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2021/BXD. Trong đó, thay đổi chủ yếu là bổ sung đối tượng nhà chung cư cao trên 75m đến 150m.

Thực chất, nội dung này không mới, đã được quy định trong QCVN 04:2019/BXD, chỉ chuyển nội dung này sang QCVN 06:2021/BXD để thống nhất quy định về an toàn cháy cho nhà và công trình vào một quy chuẩn. Các quy định khác về cơ bản giữ nguyên.

Cũng trong năm 2021, Nghị định 136/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (thay thế cho Nghị định 79/2014/NĐ-CP) có hiệu lực từ ngày 10/1/2021.

Đồng thời, công tác PCCC tiếp tục được tăng cường theo các chỉ thị của Đảng (Kết luận số 02-KL/TW ngày 18/5/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục tổ chức thực hiện Chỉ thị số 47-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCCC); Quyết định số 1492/QĐ-TTg ngày 10/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 02-KL/TW; Chương trình hành động của Bộ Công an. Nhiều giải pháp an toàn cháy, công nghệ, thiết bị, vật liệu PCCC mới được áp dụng tại Việt Nam.

Có thể nói, công tác thiết kế, thẩm duyệt, thi công và nghiệm thu PCCC trong các năm 2021, 2022 có những thay đổi rõ nét. Mặt khác, thời gian này không may đã xảy ra một số vụ cháy để lại hậu quả thảm khốc như vụ cháy Karaoke An Phú ở Bình Dương. Đó là những bài học thực tiễn đau đớn.

Đề đồng bộ với các quy định pháp luật mới, tiếp thu các giải pháp công nghệ, thiết bị, vật liệu PCCC tiên tiến, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các hoạt động đầu tư xây dựng, sản xuất kinh doanh trên nền tảng đảm bảo các yếu tố an toàn cháy cho con người, nhà và công trình, ngày 30/11/2022, Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 06/2022/TT-BXD về việc ban hành QCVN 06:2022/BXD.

QCVN 06:2022/BXD đã làm rõ, bổ sung thêm nhiều giải pháp, lựa chọn cho các đối tượng công trình cụ thể, nhưng vẫn kế thừa cơ bản về cấu trúc, nguyên lý, các khái niệm và hệ thống chỉ tiêu kỹ thuật.

Mặt khác, an toàn cháy là vấn đề hệ trọng, liên quan trực tiếp đến an toàn sinh mạng và tài sản. Ngay cả ở các nước tiên tiến cũng thường xuyên rà soát, cập nhật quy chuẩn, tiêu chuẩn an toàn cháy thông qua việc ban hành các văn bản pháp luật sửa đổi một số điều trong quy chuẩn<sup>8</sup>.

Quá trình biên soạn, thẩm định và ban hành các phiên bản quy chuẩn đều tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật có liên quan<sup>9</sup>. Trước khi giao nhiệm vụ biên soạn quy chuẩn, Bộ Xây dựng đều tổ chức thu nhận ý kiến góp ý rộng rãi từ tất cả các địa phương, tổ chức, cá nhân trên cả nước. Sau khi có dự thảo, Bộ Xây dựng tổ chức các Hội thảo, có văn bản lấy ý kiến rộng rãi trên cả nước, giải trình, tiếp thu, thống nhất dự thảo với Bộ Công an và các Bộ ngành khác, trước khi trình Bộ Khoa học và công nghệ thẩm định, đủ điều kiện ban hành. Trong tất cả các lần biên soạn, soát xét QCVN 06, đều có sự tham gia thường xuyên, trực tiếp của các cán bộ cảnh sát PCCC thuộc Cục Cảnh sát PCCC&CNCH – Bộ Công an<sup>10</sup>, các chuyên gia PCCC từ các trường đại học và các chuyên gia khác.

## **II.2.5 Đánh giá chung về QCVN 06:2022/BXD và tương quan với một số quốc gia khác**

---

<sup>8</sup> Ví dụ như Singapore, Fire code ban hành năm 2018, đến nay đã có 12 lần ban hành Thông tư sửa đổi (mới nhất 1/3/2023) và hàng trăm sửa đổi nhỏ khác (<https://www.scdf.gov.sg/home/fire-safety/downloads/acts-codes-regulations>).

Luật an toàn cháy cho nhà và công trình của Liên bang Nga số 123-FZ từ khi ban hành cũng được sửa đổi nhiều lần. Trong các năm từ 2012 đến 2018, mỗi năm Luật được cập nhật 1 lần và tiếp tục cập nhật trong các năm 2021, 2022 (Các lần sửa đổi Luật 123-FZ được ban hành bởi Luật sửa đổi: 10.07.2012, 02.07.2013, 23.06.2014, 13.07.2015, 03.07.2016, 29.07.2017, 27.12.2018, 30.04.2021, 14.07.2022).

Hệ thống NFPA của Mỹ mặc dù rất đồ sộ nhưng liên tục được rà soát, cập nhật (ví dụ NFPA 5000-2021, ban hành trong năm 2021, nhưng ngay trong năm 2021 đã có chương trình nghiên cứu, cập nhật. Đến nay đã có rất nhiều báo cáo rà soát để chuẩn bị cho phiên bản 2023 <https://www.nfpa.org/codes-and-standards/all-codes-and-standards/list-of-codes-and-standards/detail?code=5000&tab=nextedition>).

<sup>9</sup> Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/QH11, Nghị định 127/2007/NĐ-CP và nghị định 78/2018/NĐ-CP sửa đổi bổ sung nghị định 127, thông tư số 26/2019/TTBKHCN ngày 25/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

<sup>10</sup> Ví dụ, khi soát xét QCVN 06:2021/BXD, Cục Cảnh sát PCCC&CNCH đã có văn bản số 2534/PCCC&CNCH-P4 cử các cán bộ của Cục tham gia trực tiếp vào công tác biên soạn, soát xét QCVN 06.

Nhìn chung, trong phiên bản QCVN 06:2022/BXD, đã có những cập nhật đáng kể, bổ sung, điều chỉnh các giải pháp, yêu cầu phù hợp với thực tiễn Việt Nam, giảm đáng kể chi phí đầu tư PCCC, trên nguyên tắc nền tảng là đảm bảo an toàn cho người:

- Với nhóm nhà xưởng công nghiệp: cho phép tăng diện tích khoang cháy trong nhà xưởng từ 2 lần đến không hạn chế, phù hợp với yêu cầu mặt bằng rộng, không ngăn chia cho các dây chuyền sản xuất. Đồng thời cũng cho phép giảm yêu cầu về bậc chịu lửa đối với nhà xưởng. Có thể nói, khi áp dụng QCVN 06:2022/BXD, thì các nhà xưởng phổ biến ở Việt Nam (một tầng, hạng C) hầu như không cần bảo vệ chịu lửa đối với kết cấu thép, với diện tích khoang cháy cho phép đến 25 000 m<sup>2</sup>. Và hầu như tất cả các nhà xưởng đều không quy định giới hạn chịu lửa đối với tường ngoài. So sánh với các quốc gia khác (Mỹ, Nga, Trung Quốc, Singapore, Indonesia ...) thì các quy định của Việt Nam ở mức trung bình thấp (phụ lục 2, mục I và II).
- Với nhóm nhà dân dụng, quy mô trung bình trở lên (cao trên 15m, diện tích sàn trên 300 m<sup>2</sup> hoặc cao trên 21 m, diện tích sàn trên 200 m<sup>2</sup>): tăng diện tích khoang cháy gấp 2,3 lần (có thể lên đến 10 000- 12 000 m<sup>2</sup> một sàn với chữa cháy tự động), cho phép không phải ngăn chia các tầng, mặt bằng rộng lớn phù hợp với mọi công năng dân dụng và yêu cầu kiến trúc. Bổ sung các giải pháp cho phép không yêu cầu giới hạn chịu lửa của tường ngoài (công trình áp dụng QCVN 06:2022/BXD có thể sử dụng các loại kính thường, kính cường lực phổ thông mà không cần kính chịu lửa). Bổ sung các giải pháp cho phép bố trí linh hoạt các lối, đường thoát nạn. Ngăn ngừa cháy lan theo mặt ngoài nhà<sup>11</sup>, quy định mở về giao thông chữa cháy phù hợp với điều kiện cụ thể từng khu vực, địa phương ...
- Với nhóm nhà dân dụng quy mô nhỏ: cho phép một lối thoát nạn, một thang thoát nạn, cho phép sử dụng cầu thang hở để thoát nạn (villa, biệt thự), cầu thang hở với hành lang bên, ... kết hợp với các giải pháp cảnh báo sớm (báo cháy) và chữa cháy tự động (kiểm soát đám cháy) để tăng thời gian thoát nạn, bảo đảm an toàn cho người. Kể cả so sánh với Hongkong là địa phương có mật độ xây dựng rất cao và yêu cầu tận dụng diện tích tối đa, thì Việt Nam hiện nay đang quy định thoáng hơn<sup>12</sup>.

---

<sup>11</sup> Thế giới và Việt Nam đã có những vụ cháy lan theo mặt ngoài rất điển hình: Tòa nhà China Telecom (cháy 2022), Lotte Mall – Hàn Quốc (cháy 2023), Chung cư Asiana – TP.HCM (cháy 2023, lan từ cửa sổ tầng dưới lên tầng trên) và nhiều sự cố cháy khác.

<sup>12</sup> Ví dụ, QCVN 06:2022/BXD cho phép những nhà công cộng (khách sạn, cơ sở văn hóa thể thao, vui chơi giải trí, kinh doanh dịch vụ, văn phòng, trụ sở ...) có chiều cao PCCC đến 15 m (tương đương 6 tầng), diện tích sàn 300 m<sup>2</sup> hoặc chiều cao PCCC đến 21 m (tương đương 8 tầng), diện tích sàn 200 m<sup>2</sup> được phép có một thang thoát nạn chính, với điều kiện phải có thêm lối thoát nạn khẩn cấp (ban công, sân thượng); chữa cháy tự động để kiểm soát đám cháy; báo cháy để cảnh báo sớm cho người trong nhà, số người trên mỗi tầng tối đa 20 người.

Hongkong chỉ cho phép một thang thoát nạn đối với nhà đến 6 tầng, có chiều cao PCCC tối đa 17 m, diện tích sàn hiệu dụng tối đa 150 m<sup>2</sup>, và chỉ được có các công năng ở hoặc văn phòng kết hợp với kinh doanh tại duy nhất tầng 1, với số lượng người tại mỗi tầng bị hạn chế theo hệ số không gian sàn (tối đa 15 người/tầng).

Ngoài ra, QCVN 06:2022/BXD cũng làm rõ hơn nhiều quy định quan trọng đối với an toàn của con người (bảo vệ chống khói, vật liệu, ...). Đây là nội dung rất có ý nghĩa thực tiễn, vì những quy định này thực chất đã có từ cách đây 13 năm (QCVN 06:2010/BXD) nhưng không được chú ý tới.

QCVN 06:2022/BXD vẫn kế thừa ổn định toàn bộ nguyên lý, cấu trúc, hệ thống các tiêu chí kỹ thuật, hệ thống phân loại kỹ thuật về cháy của các phiên bản quy chuẩn trước. Điều này cho phép phân chia các công trình rất chi tiết để áp dụng các quy định an toàn cháy tương ứng với quy mô, công năng, tính nguy hiểm cháy nổ của công trình cụ thể<sup>13</sup>. Các điều khoản chuyển tiếp rất rõ ràng, trên nguyên tắc công trình đã áp dụng phiên bản nào từ đầu thì tiếp tục áp dụng phiên bản đó.

Theo đánh giá của Cục Cảnh sát PCCC&CNCH – Bộ Công an và một số địa phương, QCVN 06:2022/BXD đã có nhiều điểm tháo gỡ<sup>14</sup>. Các nội dung sửa đổi, bổ sung của QCVN 06:2022/BXD đã nhắm trực tiếp đến các khó khăn, vướng mắc phổ biến trước đó (như phân tích tại mục IV).

So sánh tương quan với một số quốc gia khác, các quy định an toàn cốt lõi của QCVN 06:2022/BXD là không cao (chi tiết so sánh tại phụ lục 3).

Do vậy, các ý kiến trên truyền thông trong thời gian qua nói về vướng mắc, khó khăn đảm bảo các yêu cầu về PCCC cho công trình là do QCVN 06:2022/BXD có yêu cầu cao, không khả thi, không có chuyển tiếp ... là chưa chính xác, nhất là các khó khăn vướng mắc hầu hết tồn tại trước khi QCVN 06:2022/BXD có hiệu lực (16/1/2023).

Về các ý kiến góp ý QCVN 06:2022/BXD của Bộ Công an<sup>15</sup> và các địa phương (giải trình tại phụ lục 3), cũng như các ý kiến phản hồi của xã hội, với tinh thần cầu thị, Bộ Xây dựng nghiêm túc, cần trọng nghiên cứu, giải trình, tiếp thu. Theo chỉ đạo của

<sup>13</sup> Đối với loại hình hoạt động, QCVN 06:2022/BXD phân chia thành 5 nhóm lớn (từ F1 đến F5) và 21 nhóm nhỏ theo tính nguy hiểm cháy theo công năng (ví dụ bệnh viện nhóm F1.1, khách sạn F1.2, chung cư F1.3, cơ quan F4.3 ...). Đối với nhóm nhà xưởng sản xuất, nhà kho còn chia nhỏ nữa theo hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ (5 hạng A, B, C, D, E theo tính nguy hiểm giảm dần). Về quy mô, QCVN 06:2022/BXD phân chia chi tiết với hàng trăm con số cụ thể về diện tích khoang cháy, chiều cao, số tầng tương ứng với từng nhóm nguy hiểm cháy theo công năng nêu trên. Ngoài ra, QCVN 06:2022/BXD còn có các phân loại cụ thể về cấu kiện, vật liệu, bộ phận ngăn cháy, cầu thang, buồng thang, mật độ người, .... So sánh với các quốc gia trên thế giới (Mỹ, Trung Quốc, Singapore, Hongkong, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, ...) thì phân nhóm công trình của Việt Nam chi tiết nhất thế giới (các nước khác thường có từ 6-10 nhóm công trình theo loại hình hoạt động).

<sup>14</sup> <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/ket-qua-buoc-dau-thuc-hien-chi-dao-cua-thu-tuong-ve-thao-go-kho-khan-cho-cong-tac-phong-chay-chua-chay-119230426175417755.htm>  
<https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/bo-cong-an-giai-dap-cac-thac-mac-cua-doanh-nghiep-ve-phong-chay-chua-chay-119230408234552675.htm>

Công văn 1091/C07-P3,P4,P7 ngày 11/4/2023 đã hướng dẫn các địa phương thẩm duyệt điều chỉnh nhiều công trình, dự án với các quy định mới, có lợi của QCVN 06:2022/BXD (bậc chịu lửa, diện tích khoang cháy, khoảng cách phòng cháy chống cháy, ngăn cháy lan trong nhà, giao thông, cấp nước chữa cháy, tường ngoài không chịu lực, thoát nạn, ...).

<sup>15</sup> Công văn số 1307/BCA-PCCC&CNCH ngày 25/4/2023.



Chính phủ, Bộ Xây dựng đã giao Viện KHCN XD phối hợp với Cục CS PCCC&CNCH – Bộ Công an và các đơn vị, tổ chức khác soát xét quy chuẩn QCVN 06:2022/BXD.

QCVN 06 là một quy chuẩn khó, với những nội dung kỹ thuật phức tạp, đòi hỏi phải có kiến thức và chuyên môn sâu để hiểu và áp dụng được. Trong khuôn khổ một quy chuẩn, không có đủ điều kiện để giải thích, hướng dẫn tất cả các nội dung đi kèm. Về các nội dung cần giải thích, làm rõ, Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục tổ chức các buổi hội thảo, tập huấn, phổ biến quy chuẩn, tiêu chuẩn, đồng thời xem xét, giao nhiệm vụ biên soạn Hướng dẫn áp dụng QCVN 06:2022/BXD.

Mặt khác, hiện nay theo quy định pháp luật thi quy trình, thủ tục thẩm định, ban hành quy chuẩn khá chặt chẽ, gồm nhiều khâu, nhiều bước, và mới chỉ có quy định cho việc soát xét, ban hành quy chuẩn mới, chưa có các quy định, hướng dẫn cho việc chỉ soát xét, sửa đổi nhanh một vài nội dung của quy chuẩn<sup>16</sup>. Trong bối cảnh thực tiễn thay đổi nhanh chóng, quy chuẩn được áp dụng sát sao, đôi khi chỉ cần điều chỉnh nhỏ một vài nội dung để kịp thời đáp ứng nhu cầu thực tiễn, nhưng cũng phải tuân thủ đầy đủ quy trình, thủ tục và phải ban hành một phiên bản quy chuẩn mới.

Bộ Xây dựng nhận thấy, Việt Nam nên tiếp thu kinh nghiệm các nước về cập nhật quy chuẩn theo hướng cho phép nhanh chóng cập nhật, ban hành các sửa đổi nhỏ (ví dụ về chính tả, hành văn, hoặc một vài quy định), có thống kê danh mục và nội dung các sửa đổi đăng tải lên các website chính thức của Chính phủ và Bộ ngành.

### **III. CÁC KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC CHỦ YẾU VỀ PCCC TRONG THỰC TIỄN THỜI GIAN QUA VÀ NGUYÊN NHÂN**

Qua công tác nắm bắt thực tiễn, đối thoại với hàng nghìn cơ quan, tổ chức, cá nhân, làm việc với Bộ Công an và ý kiến của các địa phương, có thể tổng hợp một số khó khăn, vướng mắc chủ yếu về PCCC thời gian qua và nguyên nhân như sau.

#### **III.1 Các khó khăn, vướng mắc**

##### **III.1.1 Đối với các công trình hiện hữu**

Theo số liệu thống kê của Bộ Công an<sup>17</sup>, hiện trên cả nước có khoảng 38 000 cơ sở còn vi phạm, tồn tại về PCCC. Trong đó:

- (1) Số lượng cơ sở không thuộc diện thẩm duyệt về PCCC: 66,2%;
- (2) Số lượng cơ sở đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC: 10,4%;
- (3) Số lượng cơ sở chưa được thẩm duyệt hoặc nghiệm thu về PCCC: 23.43%.

<sup>16</sup> Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/QH11, Nghị định 127/2007/NĐ-CP và nghị định 78/2018/NĐ-CP sửa đổi bổ sung nghị định 127, thông tư số 26/2019/TTBKHCN ngày 25/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

<sup>17</sup> Dự thảo Nghị quyết Chính phủ về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong vấn đề PCCC.

Các vi phạm, tồn tại về PCCC khó hoặc không có khả năng khắc phục chủ yếu là các nhóm như sau:

- (1) Đường, bãi đỗ xe chữa cháy: chiếm 4,9%;
- (2) Khoảng cách phòng cháy chống cháy: chiếm 7,5%;
- (3) Bậc chịu lửa: chiếm 4,5%;
- (4) Ngăn cháy lan: chiếm 21,1%;
- (5) Thoát nạn: chiếm 34,5%;
- (6) Trang bị hệ thống báo cháy, chữa cháy: chiếm 19,9%;
- (7) Hệ thống kỹ thuật có liên quan: chiếm 7,5%.

Trước hết, các công trình hiện hữu có vi phạm về PCCC được thi công xây dựng và khai thác sử dụng trong nhiều giai đoạn, thời điểm khác nhau<sup>18</sup> (trước khi QCVN 06:2022/BXD có hiệu lực), mà không được xử lý kịp thời hoặc thông báo cụ thể với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được hướng dẫn, xử lý.

Mặc dù vậy, theo các công văn của một số địa phương<sup>19</sup>, thì vẫn có việc áp dụng các quy định mới cho các công trình hiện hữu. Đây là cách hiểu không chính xác với nguyên tắc chuyển tiếp của quy chuẩn và nguyên tắc không hồi tố của văn bản pháp luật, dẫn đến một bộ phận người dân và Chủ đầu tư công trình hiểu sai rằng quy chuẩn mới gây khó khăn, bắt buộc phải cải tạo sửa chữa theo quy chuẩn mới, trong khi công trình đang vi phạm chính các quy định PCCC tại thời điểm được thẩm duyệt hoặc xem xét nghiệm thu.

Thứ hai, số lượng cơ sở vi phạm thuộc diện không thẩm duyệt về PCCC chiếm tỉ trọng lớn nhất (66,2%). Thông thường, khi công trình không phải thẩm duyệt về PCCC thì các quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn về PCCC cũng ít được quan tâm, dẫn đến những vi phạm, tồn tại về PCCC khó khắc phục. Đây là kinh nghiệm thực tiễn rất có giá trị. **Bộ Xây dựng cho rằng, vấn đề này cần được lưu ý và có giải pháp tuyên truyền, hướng dẫn cho các doanh nghiệp, chủ đầu tư, người dân hiểu, có ý thức tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn PCCC tương ứng ngay từ khâu thiết kế<sup>20</sup>, tránh**

<sup>18</sup> Theo văn bản 1299/BCA-PCCC&CNCH, mới chỉ thống kê các công trình từ 2001 (sau Luật PCCC) đến hết 2022 (thời điểm kết thúc kế hoạch 513 của Bộ Công an tổng kiểm tra rà soát về PCCC trên cả nước).

<sup>19</sup> Văn bản ý kiến của các địa phương: An Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bắc Ninh, Đà Nẵng, Đồng Nai, Hòa Bình, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc.

<sup>20</sup> Nếu vấn đề PCCC được quan tâm ngay từ khâu thiết kế thì sẽ không khó khăn để đạt được các yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn, và cũng không phát sinh nhiều chi phí PCCC (chỉ khi kinh doanh thì mới phải đầu tư để tuân thủ các yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn). Khi đó, phần xây dựng (là phần khó cải tạo nhất) sẽ được chuẩn bị sẵn các điều kiện để sau này kết hợp kinh doanh (ví dụ: để diện tích chờ để sau này làm buồng thang, chủ động thiết kế quy cách thang đáp ứng yêu cầu, chủ động quy hoạch khu vực, phần nhà sau này có thể cho thuê kinh doanh để dự phòng giải pháp ngăn cháy lan, chuẩn bị sẵn các bể nước (có thể chưa cần lắp đặt ngay hệ thống sprinkler) ngầm hoặc trên mái ...).

**để tình trạng công trình xây xong rồi khó khắc phục, sửa chữa.** Nếu không, sau 5-10 năm tới, các cơ quan quản lý nhà nước sẽ lại phải bàn phương án tháo gỡ cho các công trình vi phạm.

Thứ ba, các vi phạm nguyên tắc an toàn cháy cơ bản (thoát nạn cho người, ngăn chặn cháy lan) chiếm tỉ trọng lớn nhất (63,1%). Mặt khác, theo số liệu do Bộ Công an cung cấp, kể từ 2001 đến nay thống kê rà soát được 8114 công trình đã đưa vào sử dụng nhưng còn tồn tại về PCCC chưa được nghiệm thu<sup>21</sup>. Điều này cho thấy, ý thức tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn và trang bị kiến thức an toàn cháy cơ bản của chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn còn hạn chế.

### **III.1.2. Đối với các công trình xây mới hoặc cải tạo sửa chữa mới**

#### **a. Vấn đề chuyển tiếp đối với các công trình đang trong giai đoạn thiết kế, góp ý hoặc thẩm duyệt về PCCC, nghiệm thu về PCCC**

Mặc dù Nghị định 136/2020/NĐ-CP, và các quy chuẩn luôn có quy định về các điều khoản chuyển tiếp và thời hạn có hiệu lực rất rõ ràng, trên nguyên tắc công trình đã được góp ý hoặc thẩm duyệt theo quy định tại thời điểm nào thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại thời điểm đó, nhưng thực tế vẫn có những trường hợp sử dụng quy chuẩn mới cho các công trình đã được thiết kế và góp ý hoặc thẩm duyệt trước đó<sup>22</sup>.

Đối với các Tiêu chuẩn về PCCC (bắt buộc áp dụng<sup>23</sup>) thì không có điều khoản chuyển tiếp, và có hiệu lực ngay khi Bộ Khoa học công nghệ ban hành (theo Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/QH11/2006 và các nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan). Quy định này cũng tạo ra những vướng mắc, khó khăn nhất định trong việc chuyển tiếp của các công trình, dự án. Về lâu dài, cần điều chỉnh các quy định pháp luật theo hướng không bắt buộc áp dụng các tiêu chuẩn về PCCC, và cho phép các tiêu chuẩn cũng có điều khoản chuyển tiếp, có thời hạn có hiệu lực.

Nhìn chung, vấn đề này chuyển tiếp này đã được hướng dẫn rõ trong công văn 1091/C07-P3,P4,P7 của Cục Cảnh sát PCCC&CNCH và công văn số 1397/BXD-KHCN của Vụ Khoa học công nghệ và môi trường – Bộ Xây dựng.

#### **b. Khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn PCCC**

Qua các phương tiện truyền thông, các văn bản của các địa phương, một số công văn gửi Bộ Xây dựng đề nghị làm rõ về quy chuẩn 06, có thể tổng hợp một số vấn đề chủ yếu sau: (1) sơn chống cháy; (2) giới hạn chịu lửa của bộ phận lợp mái; (3) vật liệu hoàn thiện; (4) cải tạo sửa chữa; (5) Cấp nước chữa cháy; (6) Yêu cầu của quy chuẩn,

<sup>21</sup> Công văn 1299/BCA-PCCC&CNCH ngày 25/4/2023.

<sup>22</sup> Văn bản ý kiến của các địa phương: An Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bắc Ninh, Đà Nẵng, Đồng Nai, Hòa Bình, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc.

<sup>23</sup> Theo quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy 2001, sửa đổi 2013, các Tiêu chuẩn PCCC là bắt buộc áp dụng. Như vậy, về bản chất, các tiêu chuẩn PCCC này cũng có hiệu lực tương đương như quy chuẩn.

tiêu chuẩn quá cao; (7) Các đối tượng công trình nhỏ, với thói quen xây dựng ở VN xưa nay khó tuân thủ đầy đủ hệ thống yêu cầu về an toàn cháy, nhất là đối với các nhà trong đô thị (thường là nhà ở riêng lẻ chuyên đổi mục đích sử dụng hoặc kết hợp kinh doanh); (8) Giải thích, làm rõ một số thuật ngữ hoặc yêu cầu an toàn cháy.

(1) Về sơn chống cháy, QCVN 06:2022/BXD và tất cả các phiên bản quy chuẩn 06 khác đều không quy định về sơn chống cháy, nhưng một số ý kiến lại cho rằng do quy chuẩn mới quy định quá cao<sup>24</sup>. Sơn chống cháy chỉ là một trong những giải pháp trong thực tiễn để bảo vệ kết cấu, còn rất nhiều giải pháp khác như sử dụng bê tông, vữa trát, gạch xây, vữa phun, bọc bằng các vật liệu cách nhiệt (trong trường hợp cần bảo vệ kết cấu). Nếu sử dụng sơn chống cháy, xét trên cùng một công trình nhà xưởng, thì lượng sơn tiêu tốn ở Việt Nam so với thế giới<sup>25</sup> ở mức trung bình thấp, do các yêu cầu về bảo vệ chịu lửa kết cấu của Việt Nam ở mức trung bình thấp (phụ lục 2).

Thông tin cho rằng chỉ có 1, 2 nhãn hiệu sơn chống cháy ở Việt Nam cũng chưa chính xác. Hiện nay ở Việt Nam đã có hàng chục nhãn hiệu sơn chống cháy khác nhau đã được cấp giấy chứng nhận kiểm định theo nghị định 79/2014/NĐ-CP và khoảng 10 nhãn hiệu sơn theo nghị định 136/2020/NĐ-CP<sup>26</sup>.

(2) Về các yêu cầu giới hạn chịu lửa của bộ phận lợp mái: trước hết đây là yêu cầu cần thiết, để đảm bảo ngăn cháy lan bên trong công trình do cháy lan mặt trong hoặc mặt ngoài mái, tránh sập đổ sớm phần mái. Các nước trên thế giới đều có những quy định tương tự hoặc cao hơn Việt Nam<sup>27</sup>. Thực nghiệm tại Việt Nam cho cụm mái với cấu tạo thông thường hoàn toàn đảm bảo yêu cầu quy chuẩn<sup>28</sup>, cho thấy tính thực tiễn của quy định.

Các quy định này đã có từ phiên bản QCVN 06:2010/BXD, cách đây đã 13 năm nhưng đến giờ mới được lưu ý<sup>29</sup>.

QCVN 06:2022/BXD đã cho phép hàng loạt trường hợp không yêu cầu giới hạn chịu lửa của xà gồ, mái tôn: Tất cả các công trình dân dụng (trừ các trung tâm thương

<sup>24</sup> Ví dụ, báo Vietnamnet <https://vietnamnet.vn/quy-dinh-phong-chay-chua-chay-moi-1-dem-ngu-day-dn-dang-dung-thanh-sai-2129871.html>).

Báo Thanh niên <https://thanhnien.vn/nhieu-doanh-nghiep-gap-kho-khi-xin-cap-phep-pccc-vi-son-chong-chay-185230408134558023.htm#>

<sup>25</sup> So với một số loại sơn đã được thử nghiệm, chứng nhận bởi các phòng thử nghiệm uy tín của thế giới như Warrington của Anh, UL của Mỹ.

<sup>26</sup> <https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/bo-cong-an-giai-dap-cac-thac-mac-cua-doanh-nghiep-ve-phong-chay-chua-chay-119230408234552675.htm>

<sup>27</sup> Ví dụ, NFPA 5000-2021 của Mỹ yêu cầu giới hạn chịu lửa của cụm mái (xà gồ, mái tôn) là 60 phút, Nga yêu cầu các mức 0-15-30 phút, trong khi Việt Nam chỉ quy định từ 0-15-30 phút (cho phép với các cấu kiện yêu cầu 15 phút thì chỉ cần đạt 8 phút là chấp nhận). Các nước khác như Singapore, Trung Quốc thậm chí còn yêu cầu mái làm từ các vật liệu không cháy, phải chịu những thử nghiệm lửa cả mặt trên và mặt dưới.

<sup>28</sup> Thử nghiệm cụm xà gồ, mái tôn với cấu tạo đúng như thực tế. Yêu cầu 8 phút, thử nghiệm đạt 18 phút.

<sup>29</sup> Một số địa phương đến bây giờ mới lưu ý và thắc mắc: Bắc Ninh, Thái Nguyên. Một số tổ chức đã gửi văn bản về Bộ đề nghị hướng dẫn nội dung này: SEICO, Kansai Vina, Tân Thành.

mại, siêu thị, trung tâm hội nghị, nhà hàng là những nơi tập trung rất đông người); và tất cả các nhà xưởng công nghiệp (trừ các nhà có hạng nguy hiểm cháy nổ cao A, B, C). Công văn 1397/BXD-KHCN của Vụ Khoa học công nghệ môi trường, Bộ Xây dựng cũng hướng dẫn rõ các trường hợp không yêu cầu giới hạn chịu lửa của bộ phận lợp mái.

**(3)** Về các yêu cầu đối với đặc tính kỹ thuật cháy của vật liệu hoàn thiện, trước hết, đây là một trong những yêu cầu an toàn cháy cốt lõi. Trong nhiều vụ cháy, việc cháy lan, sinh khói, sinh độc gây nguy hiểm cho con người đều do cháy vật liệu hoàn thiện (điển hình là vụ cháy Karaoke An Phú – Bình Dương năm 2022). Quy định về tính cháy của vật liệu hoàn thiện là yêu cầu bắt buộc trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn cháy trên thế giới. Một số nước còn yêu cầu giới hạn tính cháy đối với cả nội thất trong nhà (Mỹ<sup>30</sup>, Hongkong<sup>31</sup>,...).

Các yêu cầu đặc tính kỹ thuật về cháy của vật liệu hoàn thiện có từ QCVN 06:2010/BXD. QCVN 06:2022/BXD đã phân chia chi tiết hơn các yêu cầu vật liệu gắn với quy mô, công năng của công trình và các vị trí cần áp dụng (đường thoát nạn, sảnh chung và các gian phòng chung tập trung đông người). Đến nay, một số địa phương mới quan tâm và đề nghị được cung cấp thông tin đối với đặc tính kỹ thuật về cháy của các vật liệu hoàn thiện<sup>32</sup>.

#### **(4)** Cải tạo sửa chữa:

So với các phiên bản quy chuẩn trước đây, QCVN 06:2022/BXD đã làm rõ các nội dung cải tạo sửa chữa cần tuân thủ quy chuẩn, và thu hẹp đáng kể phạm vi áp dụng. Điều 1.1.4 của quy chuẩn quy định rõ, chỉ được áp dụng quy chuẩn trong phạm vi cải tạo sửa chữa đó, và chỉ trong trường hợp cải tạo sửa chữa này làm tăng nguy cơ cháy của công trình<sup>33</sup> (có liệt kê cụ thể các trường hợp làm tăng nguy cơ cháy của công trình). Không được áp dụng quy chuẩn ra ngoài phạm vi cải tạo sửa chữa. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn có những trường hợp hiểu sai, cho rằng phải áp dụng quy chuẩn mới cho toàn bộ công trình, hoặc một phần công trình có liên quan đến hạng mục cải tạo sửa chữa<sup>34</sup>. Nội dung này sẽ được Bộ Xây dựng xem xét đưa vào trong tài liệu Hướng dẫn áp dụng QCVN 06:2022/BXD.

---

<sup>30</sup> NFPA 101-2018

<sup>31</sup> Code of Practice for Fire Safety in Buildings. 2011, revised 2015.

<sup>32</sup> Các địa phương: Bà Rịa – Vũng Tàu, Bắc Ninh, Hòa Bình, Quảng Ninh, Nghệ An, Vĩnh Phúc, Gia Lai, Quảng Ngãi, Thái Bình.

<sup>33</sup> Ví dụ, nếu cải tạo sửa chữa hệ thống báo cháy mà vẫn giữ nguyên như hệ thống cũ thì không áp dụng QCVN 06:2022/BXD. Hoặc nếu lắp đặt mới hệ thống báo cháy, chữa cháy (không tăng nguy cơ cháy của công trình, mà còn tăng cường an toàn cháy của công trình) thì cũng không áp dụng QCVN 06:2022/BXD. Hoặc ví dụ cải tạo gian phòng, hành lang hoặc thậm chí cả tầng mà không thay đổi công năng, diện tích phòng chưa thay đổi đến mức phải tăng số lối thoát nạn cho phòng đó thì cũng không áp dụng QC 06.

<sup>34</sup> Các địa phương có ý kiến về vấn đề này: Bắc Giang, Bắc Ninh, Quảng Nam, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc, Thái Bình.

**(5) Cấp nước chữa cháy:**

Căn cứ trên ý kiến tại các buổi Hội thảo, đối thoại doanh nghiệp do cán bộ Viện KHCN XD trực tiếp trả lời; các văn bản của các địa phương<sup>35</sup>; ý kiến của Bộ Công an<sup>36</sup> thì vướng mắc chủ yếu hiện nay về cấp nước chữa cháy là khó đáp ứng được các yêu cầu về:

- (1) Cấp nước chữa cháy ngoài nhà (chủ yếu vướng ở nhà công nghiệp và nhà quy mô nhỏ);
- (2) Cấp nước chữa cháy trong nhà với các công trình quy mô nhỏ, xây chen trong đô thị.

Các quy định về cấp nước chữa cháy chủ yếu nằm trong:

- (1) QCVN 06 (Bộ XD ban hành);
- (2) TCVN 2622:1995 (Viện kiến trúc quốc gia biên soạn, Bộ XD trình Bộ KHCN ban hành);
- (3) TCVN 3890 và TCVN 7336 (Bộ Công an biên soạn).

Các QC, TC khác cũng có nội dung liên quan nhưng không nhiều và cơ bản không mâu thuẫn với các quy định trong 3 nhóm QC, TC nêu trên.

<b>Quy chuẩn, tiêu chuẩn</b>	<b>Tóm lược các nội dung liên quan cấp nước chữa cháy</b>
QCVN 06:2020, 2021, 2022 (phần 5 Cấp nước chữa cháy do Cục CS PCCC&CNCH biên soạn)	<b>1. Đối với cấp nước chữa cháy ngoài nhà:</b> - Quy định về lưu lượng chữa cháy và thời gian chữa cháy đối với cấp nước ngoài nhà, tùy thuộc vào đối tượng công trình cụ thể (phân chia theo công năng, quy mô, hạng nguy hiểm cháy nổ, số dân cư ...); - Cho phép các giải pháp cấp nước chữa cháy ngoài nhà: + Sử dụng hạ tầng cấp nước của khu vực; + Sử dụng các ao hồ (tự nhiên hoặc nhân tạo). Cho phép các giải pháp dẫn nước từ xa về công trình (có hồ thu trung gian, đường ống ...); + Kết hợp nước sản xuất; + Kết hợp vừa chữa cháy vừa cấp nước bổ sung vào bể (nghĩa là bể có thể được thiết kế với khối tích nhỏ hơn nhiều). + Không cấm sử dụng một bể chung hoặc một nguồn cấp nước chung cho các công trình lân cận. + Các giải pháp khác theo hướng dẫn của Cơ quan CS PCCC có thẩm quyền.

<sup>35</sup> Hà Nội; An Giang, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bắc Kạn; Bắc Ninh; Đồng Nai; Đồng Tháp; Kon Tum; Lạng Sơn; Ninh Bình; Phú Thọ; Phú Yên; Thanh Hóa; Hiệp hội doanh nghiệp TP HCM; Gia Lai; Cần Thơ; Quảng Ngãi; Hải Phòng.

<sup>36</sup> Công văn số 1307/BCA-PCCC&CNCH ngày 25/4/2023.

	<p><b>2. Đối với cấp nước chữa cháy trong nhà</b> Quy định về lưu lượng, số tia, áp suất nước chữa cháy trong nhà <b>chỉ đối với các hạng nước trong nhà</b>. Không quy định về các thông số thiết kế của chữa cháy tự động (nằm trong TCVN 7336).</p> <p><b>3. Về phân quyền quyết định</b> QCVN 06 các phiên bản đều cho phép Cơ quan CS PCCC có thẩm quyền được hướng dẫn và quyết định về các nội dung cấp nước chữa cháy phù hợp với thực tiễn địa phương. Các nội dung trên của QCVN 06 cơ bản không thay đổi trong cả 3 phiên bản 2020, 2021, 2022.</p>
TCVN 2622:1995	Các quy định về cấp nước chữa cháy cơ bản giống QCVN 06 các phiên bản 20, 21, 22. QC 06 mở rộng thêm phạm vi áp dụng cho nhiều đối tượng hơn.
TCVN 3890:2023	Quy định về trang bị hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà và trong nhà, cũng như các đối tượng phải trang bị.
TCVN 7336:2021	Quy định về lưu lượng, thời gian, diện tích chữa cháy, áp suất tia phun tối thiểu đối với hệ thống chữa cháy tự động trong nhà.

**Nhận xét chung:**

1. Các quy định về cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà cơ bản ít thay đổi từ năm 1995 đến nay (chủ yếu là mở rộng phạm vi áp dụng cho các công trình với quy mô lớn hơn). Phiên bản hiện hành của QC 06, các TCVN 3890 có những quy định giảm trừ, cho phép nhiều phương án cấp nước chữa cháy. QCVN 06 không bắt buộc phải làm bể, và cũng không quy định cứng bể phải trữ đầy đủ lượng nước chữa cháy cần thiết. Hoàn toàn có thể sử dụng nguồn nước khác hoặc sử dụng kết hợp giữa bể và các nguồn nước khác, hoặc sử dụng chung một bể cho nhiều công trình lân cận ...
2. QCVN 06 chỉ quy định các tiêu chí tối thiểu về cấp nước chữa cháy (lưu lượng, số đám cháy, thời gian chữa cháy, phụ thuộc vào đối tượng công trình cụ thể có phân nhóm chi tiết), không quy định về các nội dung thiết kế cụ thể.
3. QCVN 06 đã trao quyền hướng dẫn và quyết định cho cơ quan CS PCCC có thẩm quyền nếu địa phương không đáp ứng được các quy định của quy chuẩn, nghĩa là không quy định cứng nhắc về các nội dung này.

**Nguyên nhân vướng mắc về cấp nước chữa cháy**

Đối với các công trình quy mô nhỏ trong đô thị, cải tạo sửa chữa để thay đổi mục đích sử dụng (xây với mục đích ở, chưa tính toán đến việc bố trí các nguồn nước phục vụ chữa cháy), việc tuân thủ các quy định về cấp nước chữa cháy trong bối cảnh thiếu

hụt về hạ tầng cấp nước, đồng thời yêu cầu mỗi công trình tự đảm bảo cấp nước chữa cháy là có khó khăn.

**(6) Yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn cao:**

Vấn đề này đã được bình luận ở mục II của báo cáo.

Thực tế nhiều đơn vị tư vấn thiết kế về PCCC đã lựa chọn các giải pháp không phù hợp, cao hơn quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn để thẩm duyệt thuận lợi hơn, sau đó vướng mắc trong thi công và nghiệm thu PCCC<sup>37</sup>, và đổ lỗi cho quy chuẩn, tiêu chuẩn hoặc cơ quan cảnh sát PCCC<sup>38</sup>.

(7) Các đối tượng công trình nhỏ, với thói quen xây dựng ở VN xưa nay khó tuân thủ đầy đủ hệ thống yêu cầu về an toàn cháy, nhất là đối với các nhà trong đô thị (thường là nhà ở riêng lẻ chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc kết hợp kinh doanh)

Đây là trường hợp rất phổ biến ở Việt Nam, và đã được phân tích kỹ tại mục II của báo cáo.

**(8) Giải thích, làm rõ một số thuật ngữ hoặc yêu cầu an toàn cháy.**

Vấn đề này cần được giải quyết qua việc soát xét QC 06, đồng thời cần thiết biên soạn và ban hành các tiêu chuẩn vệ tinh bổ trợ cho QC 06, cũng như Hướng dẫn thiết kế theo QC 06.

Phân tích các khó khăn, vướng mắc nêu trên cho thấy, Chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn về PCCC chưa có nhận thức đúng đắn về quy chuẩn, tiêu chuẩn PCCC nói chung và QCVN 06:2022/BXD nói riêng. Tồn tại nhiều nội dung bị hiểu sai, áp dụng sai. Và có những nội dung dù đã được quy định từ lâu, nhưng không được quan tâm, đến nay khi tăng cường quản lý về PCCC mới nhận thức được, cho thấy còn hạn chế nhất định về sự nắm bắt và tuân thủ các quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn.

Mặt khác, cũng cần thiết phải bổ sung thêm các thuật ngữ, định nghĩa để làm rõ về quy chuẩn, đồng thời bổ sung các giải pháp trong quy chuẩn cho các vấn đề nêu trên.

### **III.2 Nguyên nhân**

1. Một số cơ quan quản lý tại địa phương và Chủ đầu tư, doanh nghiệp hiểu và áp dụng không đúng nguyên tắc chuyển tiếp của quy chuẩn.
2. Ý thức tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn của Chủ đầu tư, người đứng đầu, các đơn vị tư vấn, thi công, mặc dù đã được nâng cao rõ rệt trong thời gian qua, nhưng vẫn còn hạn chế nhất định.

<sup>37</sup> Ví dụ có những dự án lựa chọn cửa chống cháy EI 70, trong khi quy chuẩn chỉ yêu cầu có 3 mức là EI 60, EI 30 và EI 15 tùy từng vị trí cụ thể. Hoặc chọn màn ngăn cháy EI 150 trong khi tại vị trí đó chỉ yêu cầu EI 45.

<sup>38</sup> <https://www.tinnhanhchungkhoan.vn/doanh-nghiep-lai-keu-cuu-bai-1-kho-hoat-dong-boi-quy-dinh-phong-chay-chua-chay-post318117.html>



3. Lĩnh vực an toàn cháy cho nhà và công trình là lĩnh vực khó (giao thoa giữa Xây dựng và PCCC), ở Việt Nam chưa được đào tạo chuyên sâu. Do đó, việc trang bị kiến thức nền tảng, nắm bắt các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định pháp luật còn hạn chế nhất định ở phía các cơ quan quản lý một số địa phương và nhất là các đơn vị tư vấn về PCCC<sup>39</sup>. Mặt khác, Quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn cháy do Bộ Xây dựng, Bộ Công an biên soạn là những quy chuẩn, tiêu chuẩn khó, với nhiều thuật ngữ và khái niệm chuyên ngành, đòi hỏi phải có kiến thức phù hợp để hiểu và áp dụng, đồng thời cũng phải có các tiêu chuẩn vệ tinh và các tài liệu hướng dẫn đi kèm.
4. Quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn cháy hiện nay của Việt Nam vẫn đang được xây dựng theo phương pháp tiền định, nghĩa là tuân thủ các thông số, yêu cầu cụ thể của quy chuẩn, tiêu chuẩn. Điều này dẫn tới một số công trình, do yêu cầu riêng về kiến trúc, công nghệ hoặc mặt bằng xây dựng khó đáp ứng được một số yêu cầu an toàn cháy. Mặc dù QCVN 06:2022/BXD đã có quy định cho phép được thiết kế theo công năng, luận chứng các giải pháp kỹ thuật bổ sung, thay thế yêu cầu của quy chuẩn, nhưng nhìn chung việc này vẫn chưa được phổ biến (điều 1.1.10 tại quy chuẩn 06:2022/BXD).
5. Thực tế nhiều địa phương không có hoặc thiếu hạ tầng cấp nước chữa cháy ngoài nhà, mặc dù các quy định đã cơ bản có từ năm 1995, và sau đó còn được hai Bộ Công an và Xây dựng ban hành thông tư liên tịch số 04/2009/TTLT/BXD-BCA hướng dẫn. Dẫn đến khi thẩm duyệt công trình cụ thể thì yêu cầu Chủ đầu tư phải tự cung cấp. Đây là vướng mắc lớn nhất. Các quy định kỹ thuật cơ bản đã có từ năm 1995, tuy nhiên đến sau 2020 (NĐ 136/2020/NĐ-CP) CS PCCC mới tăng cường quản lý, thẩm duyệt sát sao theo QC, TC. Do đó, không phải bây giờ yêu cầu về cấp nước chữa cháy tăng lên, mà thực tế là do trước đây vấn đề này chưa được chú trọng. Áp dụng QC, TC chưa đúng. Cụ thể một số địa phương yêu cầu mỗi công trình phải làm bể riêng với khối tích đáp ứng toàn bộ lượng nước chữa cháy, trong khi QC cho phép nhiều giải pháp khác nhau, và làm bể chỉ là giải pháp cuối cùng khi tất cả các giải pháp khác là không khả thi.
6. Việc tăng cường quản lý về PCCC là cần thiết và đúng đắn, nhưng việc đáp ứng yêu cầu quản lý mới còn có độ trễ nhất định, cả từ phía các cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực PCCC.

## **B. TÓM TẮT NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO SỬA ĐỔI LẦN 1 - QCVN 06:2022/BXD**

<sup>39</sup> CA TPHCM đánh giá, chỉ có 3-4 đơn vị tư vấn PCCC trên tổng số 981 đơn vị tại TP HCM có đủ năng lực (<https://www.sggp.org.vn/tphcm-chi-co-4981-don-vi-tu-van-pccc-co-du-nang-luc-trinh-do-tu-van-post688418.html>)

STT	Định hướng sửa đổi	Lý do đề nghị sửa đổi
1	<p><b>Điều chỉnh phạm vi áp dụng: Các nhà ở kết hợp kinh doanh chiều cao dưới 25 m được đề nghị đưa sang tiêu chuẩn nhà ở kết hợp kinh doanh.</b> Do các nhà này khi xây thường là nhà ở riêng lẻ, sau đó cải tạo kinh doanh, nên khó đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của QC, TC. Không thể phá vỡ hệ thống, cấu trúc, nguyên lý chung của QC để đáp ứng riêng các đối tượng này.</p> <p>Làm rõ hơn và thu hẹp phạm vi cải tạo sửa chữa.</p>	<p>Các đối tượng này chủ yếu được cải tạo sửa chữa từ nhà ở riêng lẻ. Nếu khi thiết kế nhà ở đã quan tâm ngay đến yếu tố kinh doanh về sau thì hoàn toàn có thể đáp ứng các yêu cầu QC. Tuy nhiên thực tế là khi xây dựng thì Chủ ĐT ko quan tâm đến vấn đề PCCC, và chỉ khi cho thuê kinh doanh mới gặp vướng mắc khó khắc phục.</p> <p>Mặt khác, các đối tượng không thuộc diện thẩm duyệt thì thường không được thiết kế bài bản, và càng không quan tâm đến vấn đề PCCC.</p> <p>Hiện tại chưa thể thay đổi ngay được ý thức của CĐT.</p> <p>QC có khung quy định, hệ thống rõ ràng, liên kết chặt chẽ với nhau. Không thể phá vỡ hệ thống để đáp ứng riêng các đối tượng phi tiêu chuẩn này.</p> <p>Do đó kiến nghị đưa sang TC nhà ở riêng lẻ kết hợp kinh doanh, để xây dựng các quy định riêng cho các đối tượng này.</p>
2	<p><b>Phân cấp mạnh hơn và rõ hơn cho các địa phương về quyền ban hành các quy chuẩn địa phương thay thế cho các yêu cầu của QC 06</b> (nhưng vẫn phải tuân thủ một nền móng chung là hệ thống phân loại kỹ thuật về cháy của QC, để các quy định có thể khác nhau về con số nhưng chung gốc), phù hợp với điều kiện cụ thể tại địa phương,</p>	<p>Theo đúng chỉ đạo của Chính phủ về việc phân cấp cho các địa phương.</p> <p>Cho phép thay thế các yêu cầu của QC tùy theo thực tiễn tại địa phương và thẩm quyền theo phân cấp. Hình thức thay thế: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (đã được luật hóa và có đủ căn cứ pháp lý để thực hiện)</p>
3	<p><b>Bổ sung các quy định về pháp lý và kỹ thuật, các tài liệu viện dẫn, tiêu chí đánh giá để người thiết kế có thể thiết kế an toàn cháy gắn với điều kiện cụ thể của công trình (thiết kế riêng), mà không bị ràng buộc bởi các thông số tiền định của quy chuẩn.</b> Mặt khác, cũng đề xuất các thiết kế này chỉ cần thẩm duyệt theo quy định pháp luật, không phải lấy ý kiến Bộ xây dựng, giúp cắt giảm thủ tục hành</p>	<p>Cắt giảm các thủ tục hành chính. Khuyến khích sự phát triển tư vấn chuyên nghiệp.</p>

	chính, đẩy nhanh hơn tiến độ thực hiện các dự án.	
4	<b>Các nội dung kỹ thuật khác về thoát nạn, ngăn cháy lan, chữa cháy, kết cấu, bảo vệ chống khói, khoang cháy và số tầng cao ...: Bổ sung thêm các yêu cầu an toàn cháy cụ thể</b> (các phương án khác) gắn với các đối tượng theo tính nguy hiểm cháy và thực tiễn xây dựng ở VN, trên nguyên tắc là không hạ thấp các yêu cầu an toàn cốt lõi.	Mở rộng phạm vi áp dụng, bổ sung các yêu cầu an toàn cháy cho các trường hợp sử dụng phương án khác.

DRAFT

## **C. CÁC PHỤ LỤC GIẢI TRÌNH CĂN CỨ SOÁT XÉT, ĐIỀU CHỈNH**

C.1 Phụ lục thuyết minh chi tiết các nội dung sửa đổi

C.2 Bảng so sánh một số yêu cầu an toàn cháy cốt lõi giữa QCVN 06 và tiêu chuẩn, quy chuẩn một số quốc gia

C.3. Bảng giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý.

DRAFT

## PHỤ LỤC C.1

### THUYẾT MINH BIÊN SOẠN

#### SỬA ĐỔI LẦN 1 – QCVN 06:2022/BXD

1 Bảng 1. Tóm tắt các nội dung dự kiến sửa đổi.....	2
2 Bảng 2. Phần 1.1 Phạm vi áp dụng. Chi tiết các nội dung dự kiến sửa đổi.....	4
3 Bảng 3. Phần 1.3 Tài liệu viện dẫn. Chi tiết các nội dung dự kiến sửa đổi.....	10
4 Bảng 4. Phần 1.4 Thuật ngữ và định nghĩa. Chi tiết các nội dung dự kiến sửa đổi.....	12
5 Bảng 5. Phần 1.5 Quy định chung. Chi tiết các nội dung dự kiến sửa đổi.....	19
6 Bảng 6. Phần 2 Phân loại kỹ thuật về cháy. Chi tiết các nội dung dự kiến sửa đổi.....	22
7 Bảng 7. Phần 3 Bảo đảm an toàn cho người. Chi tiết các nội dung dự kiến sửa đổi.....	25
8 Bảng 8. Phần 4 Ngăn chặn cháy lan. Chi tiết các nội dung dự kiến sửa đổi.....	43
9 Bảng 9. Phần 5 Cấp nước chữa cháy. Chi tiết các nội dung dự kiến sửa đổi.....	46
10 Bảng 10. Phần 6 Chữa cháy và cứu nạn. Chi tiết các nội dung dự kiến sửa đổi.....	52
11 Bảng 11. Phần 7 Tổ chức thực hiện. Chi tiết các nội dung dự kiến sửa đổi.....	55
12 Bảng 12. Phụ lục A Các quy định bổ sung đối với một số nhóm nhà. Chi tiết các nội dung dự kiến sửa đổi.....	57
13 Bảng 13. Phụ lục C. Phân hạng cháy nổ.....	69
14 Bảng 14. Phụ lục D. Bảo vệ chống khói.....	71
15 Bảng 15. Phụ lục E Khoảng cách phòng cháy chống cháy. Chi tiết các nội dung dự kiến sửa đổi.....	86
16 Bảng 16. Phụ lục G. Chi tiết các nội dung dự kiến sửa đổi.....	90
17 Bảng 17. Phụ lục H Diện tích khoang cháy và tầng cao. Chi tiết các nội dung dự kiến sửa đổi.....	91

**1 BẢNG 1. TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG DỰ KIẾN SỬA ĐỔI**

STT	Định hướng sửa đổi	Lý do đề nghị sửa đổi
1	<p><b>Điều chỉnh phạm vi áp dụng: Các nhà ở kết hợp kinh doanh chiều cao dưới 25 m được đề nghị đưa sang tiêu chuẩn nhà ở kết hợp kinh doanh.</b> Do các nhà này khi xây thường là nhà ở riêng lẻ, sau đó cải tạo kinh doanh, nên khó đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của QC, TC. Không thể phá vỡ hệ thống, cấu trúc, nguyên lý chung của QC để đáp ứng riêng các đối tượng này.</p> <p>Làm rõ hơn và thu hẹp phạm vi cải tạo sửa chữa.</p>	<p>Các đối tượng này chủ yếu được cải tạo sửa chữa từ nhà ở riêng lẻ. Nếu khi thiết kế nhà ở đã quan tâm ngay đến yếu tố kinh doanh về sau thì hoàn toàn có thể đáp ứng các yêu cầu QC. Tuy nhiên thực tế là khi xây dựng thì Chủ DT ko quan tâm đến vấn đề PCCC, và chỉ khi cho thuê kinh doanh mới gặp vướng mắc khó khắc phục.</p> <p>Mặt khác, các đối tượng không thuộc diện thẩm duyệt thì thường không được thiết kế bài bản, và càng không quan tâm đến vấn đề PCCC.</p> <p>Hiện tại chưa thể thay đổi ngay được ý thức của CĐT. QC có khung quy định, hệ thống rõ ràng, liên kết chặt chẽ với nhau. Không thể phá vỡ hệ thống để đáp ứng riêng các đối tượng phi tiêu chuẩn này.</p> <p>Do đó kiến nghị đưa sang TC nhà ở riêng lẻ kết hợp kinh doanh, để xây dựng các quy định riêng cho các đối tượng này.</p>
2	<p><b>Phân cấp mạnh hơn và rõ hơn cho các địa phương về quyền ban hành các quy chuẩn địa phương thay thế cho các yêu cầu của QC 06</b> (nhưng vẫn phải tuân thủ một nền móng chung là hệ thống phân loại kỹ thuật về cháy của QC, để các quy định có thể khác nhau về con số nhưng chung gốc), phù hợp với điều kiện cụ thể tại địa phương,</p>	<p>Theo đúng chỉ đạo của Chính phủ về việc phân cấp cho các địa phương.</p> <p>Cho phép thay thế các yêu cầu của QC tùy theo thực tiễn tại địa phương và thẩm quyền theo phân cấp. Hình thức thay thế: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (đã được luật hóa và có đủ căn cứ pháp lý để thực hiện)</p>
3	<p><b>Bổ sung các quy định về pháp lý và kỹ thuật, các tài liệu viện dẫn, tiêu chí đánh giá để người thiết kế có thể thiết kế an toàn cháy gắn với điều kiện cụ thể của công trình (thiết kế riêng), mà không bị ràng buộc bởi các thông số tiên định của quy chuẩn.</b> Mặt khác, cũng đề xuất các thiết kế này chỉ cần thẩm duyệt theo quy định pháp luật, không phải lấy</p>	<p>Cắt giảm các thủ tục hành chính. Khuyến khích sự phát triển tư vấn chuyên nghiệp.</p>

	<p>ý kiến Bộ xây dựng, giúp cắt giảm thủ tục hành chính, đẩy nhanh hơn tiến độ thực hiện các dự án.</p>	
4	<p><b>Các nội dung kỹ thuật khác về thoát nạn, ngăn cháy lan, chữa cháy, kết cấu, bảo vệ chống khói, khoang cháy và số tầng cao ...: Bổ sung thêm các yêu cầu an toàn cháy cụ thể</b> (các phương án khác) gắn với các đối tượng theo tính nguy hiểm cháy và thực tiễn xây dựng ở VN, <b>trên nguyên tắc là không hạ thấp các yêu cầu an toàn cốt lõi.</b></p>	<p>Mở rộng, bổ sung các giải pháp, yêu cầu an toàn cháy.</p>

**2 BẢNG 2. PHẦN 1.1 PHẠM VI ÁP DỤNG. CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG DỰ KIẾN SỬA ĐỔI**

STT	Quy định hiện hành trong QCVN 06:2022/BXD	Dự thảo sửa đổi lần 1	Lý do sửa đổi	Căn cứ sửa đổi
	<p><b>1.1.2.</b> Quy chuẩn này áp dụng đối với các nhà và công trình sau:</p> <p>a) Nhà ở: chung cư và nhà ở tập thể có chiều cao PCCC đến 150 m và không quá 3 tầng hầm; nhà ở riêng lẻ có chiều cao từ 7 tầng trở lên hoặc có nhiều hơn 1 tầng hầm đến 3 tầng hầm; nhà ở riêng lẻ kết hợp sản xuất, kinh doanh với diện tích sàn dành cho mục đích sản xuất, kinh doanh chiếm trên 30% tổng diện tích sàn;</p> <p>CHÚ THÍCH: Trường hợp chuyển đổi nhà ở riêng lẻ sang mục đích khác thì phải tuân thủ theo quy định của quy chuẩn này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.</p> <p>b) Các nhà công cộng có chiều cao PCCC đến 150 m và không quá 3 tầng hầm (trừ các công trình trực tiếp sử dụng làm nơi thờ cúng, tín ngưỡng; các công trình di tích); các loại sân thể thao ngoài trời có khán đài (sân vận động, sân tập luyện, thi đấu thể thao và tương tự);</p> <p>c) Các nhà sản xuất, nhà kho có chiều cao PCCC đến 50 m và không quá 1 tầng hầm;</p>	<p><b>1.1.2.</b> Quy chuẩn này áp dụng đối với các nhà sau (không bao gồm các nhà, công trình đã loại trừ trong 1.1.5):</p> <p>a) Nhà ở chung cư và nhà ở tập thể có chiều cao PCCC đến 150 m và không quá 3 tầng hầm; nhà ở riêng lẻ với chiều cao phòng cháy chữa cháy từ 25 m trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 5000 m<sup>2</sup> trở lên, hoặc có nhiều hơn 1 tầng hầm đến 3 tầng hầm; nhà ở riêng lẻ kết hợp các mục đích sử dụng khác với chiều cao phòng cháy chữa cháy từ 25 m trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 5000 m<sup>2</sup> trở lên hoặc có nhiều hơn 1 tầng hầm đến 3 tầng hầm; nhà ở riêng lẻ chuyển đổi sang mục đích khác với chiều cao phòng cháy chữa cháy từ 25 m trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 5000 m<sup>2</sup> trở lên hoặc có nhiều hơn 1 tầng hầm đến 3 tầng hầm; nhà ở riêng lẻ chuyển đổi sang mục đích khác m trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 5000 m<sup>2</sup> trở lên hoặc có nhiều hơn 1 tầng hầm; nhà ở riêng lẻ có chiều cao PCCC từ 25 m trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 5000 m<sup>2</sup> trở lên.</p> <p>Đề xuất không điều tiết các công trình phục vụ giao thông vận tải và các công trình phục vụ nông nghiệp phát triển nông thôn, vì các công trình này ko thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng (ND 06/2021/ND-CP).</p>	<p>1.1.2. Công trình đã bao hàm trong thuật ngữ “nhà” (cần sửa thuật ngữ “nhà”)</p> <p>a) Nhà ở riêng lẻ, nhà ở riêng lẻ kết hợp sản xuất kinh doanh hoặc chuyển đổi sang kinh doanh với quy mô nhỏ sẽ điều tiết bởi tiêu chuẩn khác. Giới hạn về quy mô nhà ở riêng lẻ kết hợp kinh doanh để đảm bảo các công trình lớn hơn phải tuân thủ đầy đủ QC.</p> <p>Nhà ở riêng lẻ có chiều cao PCCC từ 25 m trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 5000 m<sup>2</sup> trở lên.</p> <p>Đề xuất không điều tiết các công trình phục vụ giao thông vận tải và các công trình phục vụ nông nghiệp phát triển nông thôn, vì các công trình này ko thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng (ND 06/2021/ND-CP).</p>	<p>Các vấn đề phải lưu ý đối với nhà ở riêng lẻ và kết hợp kinh doanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thoát nạn;</li> <li>- Ngăn cháy lan giữa công năng kinh doanh và công năng ở; Ngăn cháy lan giữa các nhà;</li> <li>- Tầng hầm;</li> </ul> <p>Giới hạn về quy mô 25m hoặc 5000 m2 tham khảo TCVN 3890</p>



<p>d) Các nhà cung cấp cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật có chiều cao PCCC đến 50 m và không quá 1 tầng hầm;</p> <p>e) Các nhà phục vụ giao thông vận tải có chiều cao PCCC đến 50m và không quá 3 tầng hầm;</p> <p>f) Các nhà phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (trừ nhà ươm, nhà kính trồng cây và tương tự).</p> <p>CHÚ THÍCH: Phân loại công trình theo quy định pháp luật liên quan. Các công trình cụ thể nêu tại 1.1.2 xem Bảng 6.</p>	<p>tín ngưỡng; các công trình di tích; các nhà đã liệt kê trong mục a), điều 1.1.2); khán đài của các loại sân thể thao ngoài trời (sân vận động, sân tập luyện, thi đấu thể thao và tương tự);</p> <p>c) Các nhà sản xuất, nhà kho có chiều cao PCCC đến 50 m và không quá 1 tầng hầm;</p> <p>d) Các nhà cung cấp cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật có chiều cao PCCC đến 50 m và không quá 1 tầng hầm;</p> <p>e) Các nhà phục vụ giao thông vận tải có chiều cao PCCC đến 50m và không quá 3 tầng hầm;</p> <p>f) Các nhà phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (trừ nhà ươm, nhà kính trồng cây và tương tự):</p> <p>CHÚ THÍCH: Phân loại công trình theo quy định pháp luật liên quan. Các công trình cụ thể nêu tại 1.1.2 xem Bảng 6.</p> <p>Trong trường hợp cần thiết, đối với các công trình không thuộc phạm vi áp dụng của quy chuẩn này, chủ đầu tư có thể đề xuất áp dụng quy chuẩn này và được sự chấp thuận của cơ quan cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ có thẩm quyền.</p>	
<p><b>1.1.4</b> Quy chuẩn này áp dụng khi xây dựng mới các nhà và công trình nêu tại 1.1.2, hoặc trong phạm vi những thay</p>	<p><b>1.1.4</b> Quy chuẩn này áp dụng khi xây dựng mới các nhà thuộc phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn này; hoặc chỉ áp dụng đối với</p>	<p>Làm rõ hơn về các trường hợp cải tạo sửa chữa và phạm vi cải tạo sửa chữa phải áp dụng quy chuẩn này.</p>

<p>đổi sau:</p> <p>a) Cải tạo, sửa chữa làm thay đổi công năng của gian phòng, khoang cháy hoặc nhà;</p> <p>b) Cải tạo, sửa chữa làm thay đổi các giải pháp thoát nạn của gian phòng, khoang cháy hoặc nhà;</p> <p>c) Cải tạo, sửa chữa làm tăng tính nguy hiểm cháy của vật liệu xây dựng, hoặc làm giảm giới hạn chịu lửa của kết cấu, cấu kiện;</p> <p>d) Cải tạo, sửa chữa làm thay đổi hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ của gian phòng, khoang cháy và nhà theo hướng tăng tính nguy hiểm cháy;</p> <p>e) Cải tạo, sửa chữa làm nâng cao các yêu cầu an toàn cháy đối với gian phòng, khoang cháy và nhà;</p> <p>f) Cải tạo, sửa chữa hệ thống bảo vệ chống cháy của gian phòng, khoang cháy và nhà;</p> <p>g) Các trường hợp cải tạo, sửa chữa khác theo hướng dẫn của cơ quan Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ (Cảnh sát PCCC và CNCH) có thẩm quyền.</p>	<p>các bộ phận, khu vực trực tiếp được cải tạo sửa chữa, trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Cải tạo, sửa chữa thay đổi công năng của gian phòng, khoang cháy hoặc nhà dẫn đến nâng cao các yêu cầu an toàn cháy đối với gian phòng, khoang cháy và nhà;</p> <p>b) Cải tạo, sửa chữa làm thay đổi các giải pháp thoát nạn của gian phòng, khoang cháy hoặc nhà theo hướng làm giảm số lượng lối thoát nạn tối thiểu theo yêu cầu của quy chuẩn, hoặc làm giảm kích thước lối, đường thoát nạn, thang thoát nạn đến dưới mức tối thiểu theo yêu cầu của quy chuẩn;</p> <p>c) Cải tạo, sửa chữa làm tăng tính nguy hiểm cháy của vật liệu xây dựng, hoặc làm giảm giới hạn chịu lửa của kết cấu, cấu kiện;</p> <p>d) Cải tạo, sửa chữa làm thay đổi hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ của gian phòng, khoang cháy và nhà theo hướng tăng tính nguy hiểm cháy và cháy nổ;</p> <p>e) Cải tạo, sửa chữa tăng quy mô dẫn đến nâng cao các yêu cầu an toàn cháy đối với gian phòng, khoang cháy và nhà.</p> <p>Riêng trường hợp cải tạo sửa chữa nâng tầng nhà phải áp dụng quy chuẩn này cho toàn bộ nhà.</p>	
---	--	--

		<p><b>1.1.5</b> Các phần 2,3, 4,5 và 6 không áp dụng cho các nhà có công năng đặc biệt (các nhà và công trình thuộc dây chuyên công nghệ công nghệ của các cơ sở năng lượng: nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện nguyên tử; điện gió, điện mặt trời, điện địa nhiệt, điện thủy triều, điện rác, điện sinh khối; điện khí biogas; điện đồng phát; nhà sản xuất hoặc bảo quản các chất và vật liệu nổ; các kho chứa dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, khí đốt tự nhiên, các loại khí dễ cháy, cũng như các chất tự cháy; cửa hàng kinh doanh xăng dầu, chất lỏng dễ cháy, khí đốt; nhà sản xuất hoặc kho hóa chất độc hại; công trình quốc phòng, an ninh; tháp kiểm soát không lưu; công trình tàu điện ngầm (gồm cả nhà ga); công trình hầm mỏ; và các nhà có đặc điểm tương tự).</p>	<p>Trong trường hợp nhà hoặc một phần nhà được cải tạo sửa chữa không thể đáp ứng quy định này thì áp dụng theo 1.1.10.</p>
		<p><b>1.1.5</b> Quy chuẩn này không áp dụng cho các nhà có công năng đặc biệt (các nhà và công trình thuộc dây chuyên công nghệ sản xuất chính của các cơ sở năng lượng: nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện nguyên tử; điện gió, điện mặt trời, điện địa nhiệt, điện thủy triều, điện rác, điện sinh khối; điện khí biogas; điện đồng phát; nhà sản xuất hoặc bảo quản các chất và vật liệu nổ; các kho chứa dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, khí đốt tự nhiên, các loại khí dễ cháy, cũng như các chất tự cháy; cửa hàng kinh doanh xăng dầu, chất lỏng dễ cháy, khí đốt; nhà sản xuất hoặc kho hóa chất độc hại; công trình quốc phòng, an ninh; tháp kiểm soát không lưu; công trình tàu điện ngầm (gồm cả nhà ga); công trình hầm mỏ; và các nhà có đặc điểm tương tự); các nhà phục vụ giao thông vận tải; các nhà phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.</p>	<p>Làm rõ hơn các đối tượng không áp dụng QC 06.</p>
		<p><b>1.1.7</b> Các yêu cầu về phòng cháy, chống cháy của các tài liệu chuẩn trong xây dựng phải dựa trên yêu cầu của quy chuẩn này.</p> <p>Cùng với việc áp dụng quy chuẩn này, còn phải tuân theo các yêu cầu phòng</p>	<p><b>1.1.7</b> Cho phép sử dụng các tài liệu chuẩn của nước ngoài một cách đồng bộ trên cơ sở bảo đảm yêu cầu nguyên tắc tại 1.5 của quy chuẩn này và các quy định pháp luật của Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy cùng các quy định về áp dụng tiêu chuẩn</p>
			<p>- Bổ ý đầu vì đó là điều đương nhiên, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống QC, TC về PCCC. Ngoài ra, quy định như cũ có thể gây vướng mắc trong việc áp dụng thiết</p>

	<p>cháy chữa cháy quy định cụ thể hơn trong các tài liệu chuẩn khác được quy định áp dụng cho từng đối tượng nhà và công trình. Khi chưa có các tài liệu chuẩn quy định cụ thể theo các yêu cầu của quy chuẩn này thì vẫn cho phép sử dụng các quy định cụ thể trong các tiêu chuẩn hiện hành cho đến khi các tiêu chuẩn đó được soát xét lại, cũng như cho phép sử dụng các tiêu chuẩn hiện hành của nước ngoài trên nguyên tắc bảo đảm yêu cầu của quy chuẩn này và các quy định pháp luật của Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy cùng các quy định về áp dụng tiêu chuẩn của nước ngoài trong hoạt động xây dựng ở Việt Nam.</p> <p>Trong các tài liệu chuẩn hiện hành có liên quan về phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình mà có các quy định, yêu cầu kỹ thuật cụ thể kém an toàn hơn quy định của quy chuẩn này thì áp dụng quy chuẩn này.</p>	<p>của nước ngoài trong hoạt động xây dựng ở Việt Nam.</p>	<p>kế theo công năng, thay đổi các yêu cầu của QC. - Bổ sung “của Việt Nam” vì chỉ các tài liệu chuẩn của VN mới căn cứ trên yêu cầu của QC này. - Bổ ý “Khi chưa có các tài liệu chuẩn quy định cụ thể theo các yêu cầu của quy chuẩn này thì vẫn cho phép sử dụng các quy định cụ thể trong các tiêu chuẩn hiện hành cho đến khi các tiêu chuẩn đó được soát xét lại” vì các quy định trong TC hiện hành có thể mâu thuẫn hoặc không phù hợp với quy định của QC này. Các TC cũ sẽ được rà soát lại trong thời gian tới. Bổ ý cuối đề thuận lợi hơn trong việc áp dụng các tiêu chuẩn nước ngoài, các tài liệu chuẩn một cách đồng bộ, đồng thời theo định hướng phát huy vai trò tư vấn, phát triển thiết kế theo công năng.</p>	
	<p><b>1.1.10</b> Trong một số trường hợp riêng biệt, có thể xem xét thay thế một số yêu cầu của quy chuẩn này đối với công trình cụ thể khi có luận chứng kỹ thuật (tính toán, thiết kế theo công năng) nêu rõ các giải pháp bổ sung, thay thế và cơ sở của những giải pháp này để bảo đảm an toàn cháy</p>	<p><b>1.1.10</b> Trong một số trường hợp riêng biệt, có thể xem xét thay thế một số yêu cầu của quy chuẩn này đối với công trình cụ thể khi có luận chứng kỹ thuật (tính toán, thiết kế theo công năng) nêu rõ các giải pháp bổ sung, thay thế và cơ sở của những giải pháp này để bảo đảm an toàn</p>	<p>Khuyến khích vai trò của tư vấn thiết kế chuyên nghiệp về an toàn cháy, chuyên đổi dần từ việc thiết kế tiền định sang thiết kế theo công năng, gắn với công trình cụ thể. Bổ yêu cầu phải có sự thống nhất của Bộ Xây dựng, để giám thủ tục hành chính.</p>	

	<p>cho công trình. Luận chứng này phải được Bộ Xây dựng cho ý kiến thống nhất và hồ sơ thiết kế xây dựng phải được cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH có thẩm quyền thẩm duyệt theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy.</p>	<p>cháy cho công trình. Luận chứng này phải được cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH có thẩm quyền thẩm duyệt theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy.</p>		
		<p><b>1.1.11</b> Để phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng địa phương, các địa phương được ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn (QCĐP) để thay thế, sửa đổi hoặc bổ sung các quy định tại các phần 3, 4, 5, 6 và các phụ lục của quy chuẩn này, trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật liên quan về QCĐP và thẩm quyền quản lý về PCCC theo phân cấp.</p>	<p>Bổ sung điều này, theo chỉ đạo của Chính phủ, cần đẩy mạnh hơn việc phân cấp cho địa phương quản lý. Mặt khác, mỗi địa phương có đặc thù riêng về địa hình, khí hậu, văn hóa, thói quen, có trình độ phát triển kinh tế-xã hội khác nhau. Do đó, việc phân cấp cho các địa phương ban hành QCĐP về PCCC là để đảm bảo các quy định phù hợp với điều kiện của mỗi địa phương.</p>	<p>Theo quy định của Luật TC, QC 2006 và Thông tư 26/2019/TT-BKHCN thì Chủ tịch UBND cấp tỉnh có thẩm quyền ban hành QCĐP để áp dụng trong phạm vi quản lý của địa phương đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình đặc thù của địa phương và yêu cầu cụ thể về kiểm soát an toàn, môi trường.</p>

**3 BẢNG 3. PHẦN 1.3 TÀI LIỆU VIỆN DẪN. CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG DỰ KIẾN SỬA ĐỔI**

STT	Quy định hiện hành trong QCVN 06:2022/BXD	Dự thảo sửa đổi lần 1	Lý do sửa đổi	Căn cứ sửa đổi
	<p>QCVN 17:2018/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng và lắp đặt phương tiện quảng cáo ngoài trời.</p> <p>TCVN 3890, Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng.</p> <p>TCVN 5738, Phòng cháy chữa cháy – Hệ thống báo cháy – Yêu cầu kỹ thuật.</p> <p>TCVN 7336, Phòng cháy chữa cháy – Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, bọt – Yêu cầu thiết kế và lắp đặt.</p> <p>TCVN 9310-4, Phòng cháy chữa cháy – Tủ vưng – Phần 4: Phương tiện chữa cháy.</p> <p>TCVN 9310-8, Phòng cháy chữa cháy – Tủ vưng – Phần 8: Thuật ngữ chuyên dùng cho chữa cháy, cứu nạn và xử lý vật liệu nguy hiểm.</p> <p>TCVN 9311-1, Tủ thử nghiệm chịu lửa – Các bộ phận kết cấu của tòa nhà – Phần 1: Yêu cầu chung.</p> <p>TCVN 9311-3, Tủ thử nghiệm chịu lửa các bộ phận công trình xây dựng – Phần 3: Chỉ dẫn về phương pháp thử và áp dụng số liệu thử nghiệm.</p> <p>TCVN 9311-4, Tủ thử nghiệm chịu lửa – Các bộ phận công trình xây dựng – Phần 4: Yêu cầu riêng đối với bộ phận ngăn cách đứng chịu tải.</p> <p>TCVN 9311-5, Tủ thử nghiệm chịu lửa – Các bộ phận công trình xây dựng – Phần 5: Các yêu cầu riêng đối với bộ phận ngăn cách nằm ngang chịu tải.</p> <p>TCVN 9311-6, Tủ thử nghiệm chịu lửa – Các</p>	<p>TCVN 3890, Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí.</p> <p>TCVN 5738, Phòng cháy chữa cháy – Hệ thống báo cháy tự động – Yêu cầu kỹ thuật.</p> <p>TCVN 7336, Phòng cháy chữa cháy – Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, bọt – Yêu cầu thiết kế và lắp đặt.</p> <p>TCVN 9311-1, Tủ thử nghiệm chịu lửa – Các bộ phận công trình xây dựng – Phần 1: Yêu cầu chung.</p> <p>TCVN 9311-3, Tủ thử nghiệm chịu lửa - Các bộ phận công trình xây dựng – Phần 3: Chỉ dẫn về phương pháp thử và áp dụng số liệu thử nghiệm.</p> <p>TCVN 9311-4, Tủ thử nghiệm chịu lửa - Các bộ phận công trình xây dựng – Phần 4: Yêu cầu riêng đối với bộ phận ngăn cách đứng chịu tải.</p> <p>TCVN 9311-5, Tủ thử nghiệm chịu lửa - Các bộ phận công trình xây dựng – Phần 5: Các yêu cầu riêng đối với bộ phận ngăn cách nằm ngang chịu tải.</p> <p>TCVN 9311-6, Tủ thử nghiệm chịu lửa - Các</p>	<p>Một số lỗi chính tả. Cập nhật theo tên mới của một số TC hiện hành. Bộ QCVN 17:2018/BXD, TCVN 9310-4 và TCVN 9310-8 do không cần sử dụng trong QC.</p>	<p>Tên các tiêu chuẩn được đăng tải trên website của Tổng cục Tiêu chuẩn – Bộ KHCN.</p>

	<p>TCVN 9311-4, Thử nghiệm chịu lửa các bộ phận kết cấu toà nhà – Phần 4: Các yêu cầu riêng đối với bộ phận ngăn cách đứng chịu tải.</p> <p>TCVN 9311-5, Thử nghiệm chịu lửa các bộ phận kết cấu toà nhà – Phần 5: Các yêu cầu riêng đối với bộ phận ngăn cách nằm ngang chịu tải.</p> <p>TCVN 9311-6, Thử nghiệm chịu lửa các bộ phận kết cấu toà nhà – Phần 6: Các yêu cầu riêng đối với dầm.</p> <p>TCVN 9311-7, Thử nghiệm chịu lửa các bộ phận kết cấu toà nhà – Phần 7: Các yêu cầu riêng đối với cột.</p> <p>TCVN 9311-8, Thử nghiệm chịu lửa các bộ phận kết cấu toà nhà – Phần 8: Các yêu cầu riêng đối với bộ phận ngăn cách đứng không chịu tải.</p> <p>TCVN 9383, Thử nghiệm khả năng chịu lửa – Cửa đi và cửa chắn ngăn cháy.</p> <p>TCVN 12695, Thử nghiệm phản ứng với lửa cho các sản phẩm xây dựng – Phương pháp thử tính không cháy.</p> <p>TCVN 13456, Phòng cháy chữa cháy – Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn – Yêu cầu thiết kế, lắp đặt.</p>	<p>bộ phận công trình xây dựng – Phần 6: Các yêu cầu riêng đối với dầm.</p> <p>TCVN 9311-7, Thử nghiệm chịu lửa - Các bộ phận công trình xây dựng – Phần 7: Các yêu cầu riêng đối với cột.</p> <p>TCVN 9311-8, Thử nghiệm chịu lửa - Các bộ phận công trình xây dựng – Phần 8: Các yêu cầu riêng đối với bộ phận ngăn cách đứng không chịu tải.</p> <p>TCVN 9383, Thử nghiệm khả năng chịu lửa – Cửa đi và cửa chắn ngăn cháy.</p> <p>TCVN 12695, Thử nghiệm phản ứng với lửa cho các sản phẩm xây dựng – Phương pháp thử tính không cháy.</p> <p>TCVN 13456, Phòng cháy chữa cháy – Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn – Yêu cầu thiết kế, lắp đặt.</p>	
--	---	---	--

**4 BẢNG 4. PHẦN 1.4 THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA. CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG DỰ KIẾN SỬA ĐỔI**

STT	Quy định hiện hành trong QCVN 06:2022/BXD	Dự thảo sửa đổi lần 1	Lý do sửa đổi	Căn cứ sửa đổi
	<p><b>1.4.11</b> <b>Cửa nắp thu khói (cửa trời hoặc cửa chớp)</b></p> <p>Phương tiện (thiết bị) được điều khiển tự động từ xa, đẩy các lỗ mở trên tường ngoài nhà bao che gian phòng được bảo vệ bằng hệ thống hút xả khói theo cơ chế tự nhiên.</p>	<p><b>1.4.11</b> <b>Cửa nắp thu khói (cửa trời hoặc cửa chớp)</b></p> <p>Cấu kiện (mở khi có cháy) che các lỗ mở trên kết cấu bao che gian phòng được bảo vệ bằng hệ thống hút xả khói theo cơ chế tự nhiên.</p>	Sửa lỗi chính tả và hành văn	SP 7.13330.2013
		<p><b>1.4.21a</b> <b>Gian phòng chung</b></p> <p>Là các gian phòng có công năng xác định, để phục vụ một nhóm người tập trung thực hiện một sự kiện nào đó (ví dụ hội họp, hội thảo, trình diễn, thể thao ...) trong một khoảng thời gian hữu hạn. Nhóm người tập trung này có đặc điểm chung là không quen thuộc với địa điểm tập trung (không thường xuyên hoặc không định kỳ có mặt). Các văn phòng, gian phòng sản xuất, các gian phòng khác sử dụng chủ yếu cho người trong nội bộ tòa nhà không được coi là các gian phòng chung.</p>	Bổ sung thuật ngữ để làm rõ khái niệm	Tham khảo từ trả lời của Bộ các tỉnh trạng khẩn cấp Nga và Đại từ điển Nga.
	<p><b>1.4.23</b></p>	<p><b>1.4.23</b></p>	Làm rõ hơn khái niệm. Bổ sung tỉ lệ lỗ mở.	<b>Fire code Singapore 2018</b> <b>1.4.28 Cross-ventilated corridor/lobby</b>



<p><b>Hành lang bên</b></p> <p>Hành lang mà ở một phía có thông gió với bên ngoài, không bị chắn, liên tục theo chiều dài, với chiều cao thông thủy tính từ đỉnh cửa tường chắn ở mép hành lang lên phía trên không nhỏ hơn 1,2 m.</p>	<p><b>Hành lang bên</b></p> <p>Hành lang mà ở một phía có thông gió với bên ngoài qua các lỗ mở thông với không khí bên ngoài khi có cháy, với chiều cao thông thủy tính từ đỉnh cửa tường chắn ở mép hành lang lên phía trên không nhỏ hơn 1,2 m.</p> <p>CHÚ THÍCH: Kích thước các lỗ mở trên tường ngoài của hành lang bên đảm bảo một trong các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi hành lang bên được ngăn cách với các gian phòng liền kề bằng các bộ phận ngăn cháy theo quy định của quy chuẩn thì tổng diện tích các lỗ mở không được nhỏ hơn 15 % diện tích sàn của hành lang bên và khoảng cách từ một điểm bất kỳ trên hành lang bên đến mép gần nhất của lỗ mở bất kỳ không được lớn hơn 9 m.</li> <li>- Khi hành lang bên không được ngăn cách với các gian phòng liền kề bằng các bộ phận ngăn cháy thì tổng diện tích các lỗ mở không được nhỏ hơn 50 % diện tích sàn của hành lang bên và khoảng cách từ một điểm bất kỳ trên hành lang bên đến mép gần nhất của lỗ mở bất kỳ không được lớn hơn 9 m.</li> </ul>	<p>Cross-ventilated corridor/lobby refers to a corridor/lobby with fixed and unobstructed ventilation openings located on opposite facing walls, which face the external space, to allow for air circulation caused by outside breezes or wind</p> <p><b>1.4.47 External corridor</b> “External corridor” refers to a corridor with an unobstructed and uninterrupted ventilation opening that measures at least 1.2m in vertical height, the latter which is located above its parapet wall</p> <p>- Giải pháp đảm bảo thông gió, thoát khói cho sảnh ngăn khói của buồng thang bộ loại N1 nêu tại 3.4.10 c);</p> <p>- Giải pháp đảm bảo thông gió, thoát khói cho gian lánh nạn quy định tại A.3.2.1 c)</p>	
<p><b>1.4.26</b></p> <p><b>Hệ thống hút xả khói</b></p> <p>Hệ thống được điều khiển tự động từ xa, có tác dụng xả khói và các sản phẩm cháy qua cửa thu khói ra ngoài trời.</p>	<p><b>1.4.26</b></p> <p><b>Hệ thống hút xả khói</b></p> <p>Hệ thống được điều khiển tự động từ xa hoặc luôn sẵn sàng hoạt động khi có cháy, có tác dụng xả khói và các sản phẩm cháy qua cửa thu khói ra ngoài trời.</p>		<p>Làm rõ hơn định nghĩa về hệ thống hút xả khói.</p>

		<p><b>1.4.32a</b> <b>Lối ra ngoài trực tiếp</b> Là cửa hoặc lối đi qua các vùng an toàn trong nhà (cùng tầng với lối ra ngoài trực tiếp) để dẫn ra ngoài nhà (ra khỏi các tường bao che của nhà) đến khu vực thoáng mà con người có thể di tản an toàn.</p>	<p>Bổ sung định nghĩa để làm rõ khái niệm. Lưu ý sửa 3.4.7 cho rõ hơn.</p>	<p><b>СП 1.13330.2020</b> 3.2. Выход непосредственно наружу: выход за пределы габаритов здания (в том числе пристроенных к нему частей) в уровне этого выхода на прилегающую территорию, допускающую возможность свободного рассредоточения людей. Выходом непосредственно наружу также может считаться выход на огороженные площадки, расположенные выше уровня земли при условиях, оговоренных в настоящем своде правил. Tham khảo thêm thuật ngữ Exit passageway của Fire code 2018.</p>
	<p><b>1.4.41</b> <b>Nhà hỗn hợp</b> Nhà có nhiều công năng sử dụng khác nhau (ví dụ: một nhà được thiết kế sử dụng làm văn phòng, dịch vụ thương mại, hoạt động công cộng và có thể có các phòng ở). CHÚ THÍCH: Nhà hỗn hợp phải áp dụng các quy định về an toàn cháy đối với nhà hỗn hợp khi diện tích sàn xây dựng dùng cho mỗi công năng của nhà không vượt quá 70 % tổng diện tích sàn xây dựng của nhà (không bao gồm các diện tích sàn dùng cho hệ thống kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy, gian lánh nạn và đỗ xe).</p>	<p><b>1.4.41</b> <b>Nhà hỗn hợp</b> Nhà (hoặc phần nhà) có nhiều công năng sử dụng khác nhau (ví dụ: một nhà được thiết kế sử dụng làm văn phòng, dịch vụ thương mại, hoạt động công cộng và có thể có các phòng ở).</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với nguyên tắc an toàn cháy là áp dụng yêu cầu căn cứ trên công năng sử dụng.</p>	<p><b>NFPA 5000-2021</b> Các khái niệm multiple occupancy, mix occupancy và Separated Occupancy. <b>SP 456.1311500.2020</b> <b>Nhà đa năng</b> <b>многофункциональное здание:</b> Здание, включающее в свой состав два и более самостоятельных (с возможностью независимого использования) пожарных отсека или части здания различных классов функциональной пожарной опасности, взаимосвязанные друг с другом с помощью планировочных приемов (горизонтальными и/или вертикальными коммуникациями - проходами, переходами, лестницами, галереями и т.п.). Примечание &lt;1&gt; - Здания,</p>

			<p>имеющие одно функциональное назначение, но включающее в свой состав части или помещения различных классов функциональной пожарной опасности, предусмотренные по процессу деятельности, а также для обслуживания основного функционального контингента и обеспечения эксплуатации объекта в соответствии с требованиями действующих нормативных документов по пожарной безопасности, к многофункциональным зданиям не относятся.</p> <p>Примечание &lt;2&gt; - Здание, состоящее из пожарных отсеков, имеющих самостоятельные пути эвакуации, многофункциональным не является при условии, что каждый из этих отсеков имеет определенный класс функциональной пожарной опасности.</p>
		<p><b>1.4.49a</b>  <b>Sảnh thông tầng</b>          Phần nhà công cộng dạng không gian nối thông từ hai tầng trở lên, không gian này tiếp giáp với các phần nhà tại mỗi tầng được nối thông (hành lang, gian phòng, ...).</p>	<p><b>SP 118.13330.2022 Nhà công cộng</b>          3.1.3 <b>agrưm:</b> Часть здания в виде многоэтажного просторанства (три и более этажей), развितого по вертикали, смежного с поэтажными частями здания (галереями, коридорами, помещениями и т. п.), имеющего вернее освещение.          П р и м е ч а н и е -</p>

				<p>А т р и у м , р а з в и т ы й п о г о р и з о н т а л и ( п р и д л и н е б о л е е в ы с о т ы ) н а д п р о х о д о м , н а з ы в а е т с я п а с с а ж е м .</p>
<p><b>1.4.53</b> <b>Tài liệu chuẩn</b></p> <p>Bao gồm các tài liệu như các tiêu chuẩn (standard), quy định kỹ thuật (technical specifications), quy phạm thực hành (code of practice) và quy chuẩn kỹ thuật (technical regulation) trong và ngoài nước được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành.</p>	<p><b>1.4.53</b> <b>Tài liệu chuẩn</b></p> <p>Bao gồm các tài liệu như các tiêu chuẩn (standard), quy định kỹ thuật (technical specifications), quy phạm thực hành (code of practice), quy chuẩn kỹ thuật (technical regulation) và hướng dẫn kỹ thuật (guidelines, handbook) trong và ngoài nước được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành.</p>	<p>Bổ sung số tay, tài liệu hướng dẫn, vì hiện nay có nhiều tài liệu tương tự như vậy do các tổ chức có uy tín (ví dụ NFPA) hoặc có thẩm quyền (ví dụ như Bộ MHCS của Nga) ban hành, hoàn toàn có thể sử dụng được.</p>		
	<p><b>1.4.62a</b> <b>Thiết kế theo công năng (phân tích tính nguy hiểm cháy)</b></p> <p>Phương pháp thiết kế sử dụng kỹ thuật an toàn cháy (fire engineering) và/hoặc các giải pháp an toàn cháy để thiết kế nhà hoặc các bộ phận của nhà căn cứ trên các đặc điểm, thông số kỹ thuật cụ thể của chúng, nhằm đáp ứng các nguyên tắc nêu tại 1.5.4 của quy chuẩn này và các tài liệu chuẩn về thiết kế theo công năng được áp dụng..</p>	<p><b>1.4.62a</b> <b>Thiết kế theo công năng (phân tích tính nguy hiểm cháy)</b></p> <p>Phương pháp thiết kế sử dụng kỹ thuật an toàn cháy (fire engineering) và/hoặc các giải pháp an toàn cháy để thiết kế nhà hoặc các bộ phận của nhà căn cứ trên các đặc điểm, thông số kỹ thuật cụ thể của chúng, nhằm đáp ứng các nguyên tắc nêu tại 1.5.4 của quy chuẩn này và các tài liệu chuẩn về thiết kế theo công năng được áp dụng..</p>	<p>Thiết kế theo công năng đã được các nước đưa vào TC từ lâu: Mỹ áp dụng từ những năm 1970, đến năm 2000 thì NFPA 101 đưa vào chính thức, IBC – 2003. Năm 1985 Anh (Building regulations) chấp thuận thiết kế theo công năng. 10 năm sau đó các nước như New Zealand, Úc, Nhật, và một số nước khác theo hệ Anh cũng công</p>	<p><b>ICC Performance Code for Buildings and Facilities</b> Performance-based design – “An engineering approach to design elements of a building based on agreed-upon performance goals and objectives, engineering analysis and quantitative assessment of alternatives against the design goals and objectives using accepted engineering tools, methodologies and performance criteria</p>

			<p>bố các tài liệu, tiêu chuẩn thiết kế theo công năng.          Nga luật hóa thiết kế rui ro cháy (bản chất cũng là theo công năng) từ 2008 trong Luật FZ 123.          Các thiết kế an toàn cháy tiên định không thể đúng với mọi công trình, mọi điều kiện khác nhau. Trong rất nhiều trường hợp công trình có những đặc thù về kiến trúc, công nghệ, công năng đòi hỏi có thiết kế riêng. Việc đưa khái niệm thiết kế theo công năng và một số nội hàm cơ bản vào QC là hết sức cần thiết.</p>	
		<p><b>1.4.68a</b>  <b>Vật liệu hoàn thiện, trang trí</b>          Lớp hoàn thiện (có thể kết hợp mục đích trang trí), che phủ và được cố định trên bề mặt ngoài của các kết cấu/bộ phận bao che trong nhà.          CHÚ THÍCH: Vật liệu hoàn thiện, trang trí có thể là các lớp sơn, vôi, vữa, thạch cao, vật liệu dán tường ..., các tấm ốp hoàn thiện hoặc cách âm bằng gạch, gỗ, nhựa, mút xốp ... cố định trên bề mặt ngoài của tường, trần. Các đồ vật treo trên</p>	<p>Bổ sung thuật ngữ làm rõ khái niệm</p>	<p>NFPA 101, các thuật ngữ Interior finish, contents and furnishings.</p>

		tường, trần chỉ nhằm mục đích trang trí nội thất (như tranh, ảnh, các đồ trang trí ...) không phải là vật liệu hoàn thiện, trang trí.		

**5 BẢNG 5. PHẦN 1.5 QUY ĐỊNH CHUNG. CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG DỰ KIẾN SỬA ĐỔI**

STT	Quy định hiện hành trong QCVN 06:2022/BXD	Dự thảo sửa đổi lần 1	Lý do sửa đổi	Căn cứ sửa đổi
	<p><b>1.5.4</b> Khi phân tích tính nguy hiểm cháy của nhà, có thể sử dụng các tình huống tính toán dựa trên tương quan giữa các thông số: sự phát triển và lan truyền các yếu tố nguy hiểm của đám cháy, việc sơ tán người và tổ chức chữa cháy.</p>	<p><b>1.5.4</b> Khi sử dụng kỹ thuật an toàn cháy để thiết kế theo công năng (phân tích tính nguy hiểm cháy của nhà), cần xem xét các kịch bản cháy (các tình huống có thể xảy ra đám cháy) dựa trên tương quan giữa sự phát triển và lan truyền các yếu tố nguy hiểm của đám cháy, việc thoát nạn của người và tổ chức chữa cháy. Khi đó, nếu cơ quan cảnh sát PCCC&amp;CNCH có thẩm quyền không có yêu cầu cụ thể về các điều kiện cần thiết cho lực lượng chữa cháy, và chủ công trình/cơ sở không có nhu cầu bảo vệ tài sản hoặc hạn chế thiệt hại về tài sản, thì thiết kế cần đảm bảo các điều kiện tối thiểu là: (1) con người trong nhà có thể thoát nạn an toàn trước khi bị nguy cơ đe dọa tính mạng và sức khỏe do tác động của các yếu tố nguy hiểm của đám cháy; (2) ngăn chặn cháy lan sang các nhà lân cận trong khoảng thời gian tương ứng với giới hạn chịu lửa của kết cấu chịu lực của nhà theo bậc chịu lửa của nhà.</p>	<p>QC, TC an toàn cháy của các nước đều cho phép áp dụng một trong hai phương pháp thiết kế an toàn cháy:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thiết kế tiên định theo các thông số, yêu cầu quy định sẵn trong QC, TC (Prescriptive-based design)</li> <li>2. Thiết kế theo công năng, gắn với các đặc điểm của công trình cụ thể (Performance-based design)</li> </ol>	<p>Luật an toàn cháy của Nga –123- FZ NFPA 101-2021</p>
		<p><b>1.5.5</b> Đối với nhà hỗn hợp dân dụng có từ hai nhóm nguy hiểm cháy theo công năng khác nhau trở lên, và các phần nhà có nhóm nguy hiểm cháy theo công năng khác nhau này thỏa mãn các điều kiện sau:</p>		<p>NFPA 101, SP 56.1325800, Số người 3 người trở xuống – tham khảo NFPA 101.</p>

	<p>(1) được ngăn cách bởi các bộ phận ngăn cháy theo quy định của quy chuẩn này và các tài liệu chuẩn liên quan (nếu có); và (2) mỗi phần nhà có đường thoát nạn độc lập (có thể sử dụng chung thang thoát nạn và đường thoát nạn tại tầng 1 (hoặc tầng khác) từ thang thoát nạn dẫn ra ngoài nhà), thì mỗi phần nhà với công năng xác định phải tuân thủ các yêu cầu an toàn cháy trong quy chuẩn này đối với công năng xác định đó.</p> <p>Đối với nhà hỗn hợp dân dụng không thỏa mãn từ một điều kiện nêu trên, phải tuân thủ các yêu cầu an toàn cháy an toàn nhất trong số các công năng của nhà hỗn hợp. Riêng các gian phòng nhóm F1.2, F1.3, F1.4; các gian phòng nhóm F5 trong các nhà hoặc phần nhà nhóm F1, F2, F3, F4; bếp nấu trong mọi nhóm công năng phải ngăn cách với các công năng khác của nhà theo 4.5.</p> <p>Tại mỗi tầng nhà hỗn hợp, cho phép không ngăn chia các công năng phụ, và các gian phòng có công năng phụ tuân thủ các yêu cầu an toàn cháy của công năng chính tại tầng nhà đó. Phải ngăn cách các gian phòng, khu vực sau với các công năng khác của nhà theo 4.5: các gian phòng nhóm F1.2, F1.3, F1.4; các gian phòng nhóm F5 hạng A, B, C trong các nhà hoặc phần nhà nhóm F1, F2, F3, F4; bếp nấu</p>	



		<p><b>trong mọi nhóm công năng.</b></p> <p><b>CHÚ THÍCH 1:</b> Công năng chính là công năng thỏa mãn một trong các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiếm trên 90% diện tích sàn của một tầng đang xét; hoặc</li> <li>- Là mục đích sử dụng chính của tầng đang xét.</li> </ul> <p><b>CHÚ THÍCH 2:</b> Công năng phụ là công năng thỏa mãn một trong các điều kiện sau (trừ các công năng đã loại trừ ở trên):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần nhà hoặc gian phòng với công năng phụ được thiết kế để tham gia vào quá trình vận hành công năng chính (ví dụ phòng trực, phòng điều khiển hệ thống...), hoặc để phục vụ người sử dụng công năng chính (ví dụ phòng ăn nội bộ, phòng họp nội bộ...), hoặc để đảm bảo việc khai thác sử dụng nhà với công năng chính tuân thủ các yêu cầu về an toàn cháy; hoặc</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiếm tối đa 10% diện tích sàn của tầng đang xét; hoặc</li> <li>- Có số người sử dụng như sau: từ 3 người trở xuống (không tính người của cơ sở đó).</li> </ul>		
--	--	--	--	--

**6 BẢNG 6. PHẦN 2 PHÂN LOẠI KỸ THUẬT VỀ CHÁY. CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG DỰ KIẾN SỬA ĐỔI**

STT	Quy định hiện hành trong QCVN 06:2022/BXD	Dự thảo sửa đổi lần 1	Lý do sửa đổi	Căn cứ sửa đổi
	<p>Bảng 4:</p> <p>CHÚ THÍCH 2: Không quy định giới hạn chịu lửa của các tấm lợp (kể cả tấm lợp có lớp cách nhiệt) và xà gồ đỡ tấm lợp (trừ các nhà, khoang cháy, gian phòng thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F3.1, F3.2, nhà sản xuất, nhà kho nhóm F5 và các khác thuộc hạng A, B, C) khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mặt dưới xà gồ nằm cách sàn ngay dưới chúng một khoảng cách tối thiểu 6,1 m;</li> <li>- Tấm lợp và xà gồ được làm từ các vật liệu không cháy hoặc cháy yếu (Ch1).</li> </ul>	<p>CHÚ THÍCH 2: Không quy định giới hạn chịu lửa của các tấm lợp (kể cả tấm lợp có lớp cách nhiệt) và xà gồ đỡ tấm lợp (trừ các nhà, khoang cháy, gian phòng thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F3.1, F3.2, nhà sản xuất, nhà kho nhóm F5 và các nhà, gian phòng, khoang cháy khác thuộc hạng A, B, C) khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mặt dưới xà gồ nằm cách sàn ngay dưới chúng một khoảng cách tối thiểu 6,1 m;</li> <li>- Tấm lợp và xà gồ được làm từ các vật liệu không cháy hoặc cháy yếu (Ch1).</li> </ul> <p>Không quy định giới hạn chịu lửa của các tấm lợp (kể cả các tấm lợp có cách nhiệt) nếu chúng được làm từ vật liệu không cháy, hoặc cháy yếu (Ch1) và lan truyền yếu (LT2).</p>	<p>Bổ sung quy định, giải pháp cho tấm lợp mái. Xem xét đổi với hạng C, nhà sản xuất nhỏ.</p>	<p>Tham khảo Fire code Singapore 2018, GB 50016</p>
	<p>CHÚ THÍCH 6: Không quy định giới hạn chịu lửa của tường ngoài không chịu lực đối với các mặt nhà đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Toàn nhà được trang bị chữa cháy tự động sprinkler theo TCVN 7336;</li> <li>- Bảo đảm khoảng cách phòng cháy chống cháy tối thiểu tương ứng với 100 % diện tích tường ngoài không cần bảo vệ chống cháy tại E.3, Phụ lục E;</li> <li>- Tường ngoài không chịu lực của nhà có cấp nguy hiểm cháy K0. Vật liệu hoàn thiện tường ngoài (nếu có) là vật liệu không cháy hoặc có tính cháy không thấp hơn Ch1 và tính lan truyền cháy không thấp hơn LT1.</li> </ul>	<p>CHÚ THÍCH 6: Giới hạn chịu lửa của tường ngoài không chịu lực trong bảng 4 chỉ áp dụng đối với các mảng tường sử dụng làm đai ngăn cháy theo phương đứng hoặc phương ngang tại 4.32 và 4.33.</p>	<p>Làm rõ các điều kiện áp dụng giới hạn chịu lửa của tường ngoài khi chống cháy lan theo phương đứng, phương ngang và giữa các nhà.</p>	
	<p>Bảng 4:</p>	<p>Bảng 4:</p> <p>CHÚ THÍCH 7: Trong trường hợp áp dụng thiết kế theo công năng (mô phỏng đám cháy căn cứ trên các điều kiện cụ thể về tải trọng cháy trong gian phòng, phần nhà hoặc toàn nhà), cho phép xác định giới hạn chịu lửa của các bộ phận, cấu kiện quy định trong bảng 4 dựa trên nhiệt độ từ mô phỏng đám</p>	<p>Bổ sung quy định cho phép tính toán kết cấu, cấu kiện dựa trên điều kiện thực tế của công trình. Ví dụ yêu cầu R90, nếu không mô phỏng đám cháy</p>	<p>Đây là một trường hợp thiết kế theo công năng.</p>

		<p>cháy. Các thông số của tải trọng cháy (khối lượng, phân bố, nhiệt lượng cháy thấp, tốc độ lan truyền lửa, mô hình lan truyền lửa, ...) được xác định căn cứ trên hồ sơ thiết kế và tài liệu chuẩn được áp dụng.</p>	<p>thì phải xác định R90 dựa trên đường cong nhiệt tiêu chuẩn. Nếu mô phỏng đám cháy thì được phép xác định R90 dựa trên đường cong nhiệt do mô phỏng. Nếu tải trọng cháy trong công trình là hạn chế thì có thể không cần bảo vệ kết cấu thép vẫn duy trì được 90 phút trong điều kiện cháy mô phỏng.</p>	
		<p><b>Bảng 4</b>  <b>CHÚ THÍCH 8:</b> Không quy định giới hạn chịu lửa của bản thang và chiếu thang trong buồng thang bộ được bảo vệ bởi các tường trong có giới hạn chịu lửa đáp ứng yêu cầu của bảng 4 tương ứng với bậc chịu lửa của nhà. Khi đó các bản thang và chiếu thang, cũng như vật liệu hoàn thiện bên trong buồng thang (nếu có) phải là vật liệu không cháy hoặc đảm bảo Ch1, BC1.</p>	<p>Làm rõ điều kiện để không cần bảo vệ bản thang và chiếu thang.</p>	<p>Khi tường bao che buồng thang bộ đã đảm bảo giới hạn chịu lửa REI thì về cơ bản nhiệt độ bên trong thang sẽ không vượt quá 180°C. Do đó việc yêu cầu bảo vệ thêm bản thang và chiếu thang là không cần thiết đối với điều kiện khí hậu nóng ẩm ở Việt Nam.</p>
<p>2.5.3.3</p>	<p>Tường chịu lực, cột chịu lực, hệ giằng, vách cứng, giàn, các bộ phận của sàn giữa các tầng và cửa mái không có tầng áp mái (dầm, vì kèo, xà, tấm sàn, tấm lợp) được coi là các bộ phận chịu lực của nhà nếu chúng bảo đảm độ bền tổng thể và sự ổn định không gian cho nhà khi có cháy.</p> <p>Thông tin về các bộ phận chịu lực nêu trên của nhà phải được đơn vị thiết kế chỉ rõ trong tài liệu kỹ thuật của nhà.</p>		<p>Xem xét việc quy định rõ cho nhà cột BTCT, mái kèo thép.</p>	



**7 BẢNG 7. PHẦN 3 BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO NGƯỜI. CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG DỰ KIẾN SỬA ĐỔI**

STT	Quy định hiện hành trong QCVN 06:2022/BXD	Dự thảo sửa đổi lần 1	Lý do sửa đổi	Căn cứ sửa đổi
	<p><b>3.1.7</b> Trong các nhà có từ 2 đến 3 tầng hầm, chỉ được phép bố trí phòng hút thuốc, các siêu thị và trung tâm thương mại, quán ăn, quán giải khát và các gian phòng công cộng khác nằm sâu hơn phòng công cộng tầng hầm 1 khi có các giải pháp bảo đảm an toàn cháy bổ sung theo tài liệu chuẩn được áp dụng và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định tại 1.1.10.</p> <p>Đối với bệnh viện và trường phổ thông, chỉ cho phép bố trí các công năng chính từ tầng bán hầm hoặc tầng hầm 1 (trong trường hợp không có tầng bán hầm) trở lên. Tầng hầm 1 là tầng hầm trên cùng hoặc ngay sát tầng bán hầm.</p> <p>Tại tất cả các sàn tầng hầm, ít nhất phải có 1 lối vào buồng thang bộ thoát nạn đi qua sảnh ngăn khói được ngăn cách với các không gian xung quanh bằng tường ngăn cháy loại 2. Các cửa đi phải là loại có cơ cấu tự đóng.</p>	<p><b>3.1.7</b> Trong các nhà có từ 2 đến 3 tầng hầm, được phép bố trí phòng hút thuốc, các siêu thị và trung tâm thương mại, quán ăn, quán giải khát và các gian phòng công cộng khác nằm sâu hơn tầng hầm 1 khi thiết kế theo các tài liệu chuẩn được phép áp dụng, hoặc thiết kế theo công năng trên nguyên tắc nêu tại 1.5.4.</p> <p>Đối với bệnh viện và trường phổ thông, chỉ cho phép bố trí các công năng khám bệnh không có điều trị nội trú (thay thế cho 3.1.6) và các công năng đào tạo từ tầng bán hầm hoặc tầng hầm 1 (trong trường hợp không có tầng bán hầm) trở lên. Tầng hầm 1 là tầng hầm trên cùng hoặc ngay sát tầng bán hầm.</p> <p>Tại tất cả các sàn tầng hầm, ít nhất phải có 1 lối vào buồng thang bộ thoát nạn đi qua sảnh ngăn khói được ngăn cách với các không gian xung quanh bằng tường ngăn cháy loại 2, hoặc khoang đệm như quy định tại 3.4.13. Các cửa đi phải là loại có cơ cấu tự đóng.</p>	<p>Làm rõ hơn về giải pháp thiết kế đối với bố trí các công năng công cộng dưới tầng hầm. Ở đây cung cấp hai phương pháp: 1 là theo tài liệu chuẩn (tiêu chuẩn nước ngoài), 2 là sử dụng thiết kế theo công năng.</p>	
	<p><b>3.2.3</b> Các lối ra không được coi là lối ra thoát nạn nếu trên lối ra này có đặt cửa cuốn, cửa quay.</p>	<p><b>3.2.3</b> Các lối ra không được coi là lối ra thoát nạn nếu trên lối ra này có đặt cửa cuốn hoặc cửa quay.</p>	<p>Trong một số trường hợp có thể cần lắp đặt cửa trượt hoặc cửa xếp để tiết kiệm diện tích.</p>	<p>Căn cứ trên điều kiện thực tiễn và bản chất của quy định.</p>

		Trường hợp sử dụng cửa trượt hoặc cửa xếp thì phải có biển thông báo về loại cửa (cửa trượt hay cửa xếp) và chiều mở của cửa.	Quan trọng là cần mở được các cửa này để dàng khi có cháy.	Tham khảo SP 1.13330, phụ lục.
	<p><b>3.2.5</b> Các gian phòng sau phải có không ít hơn hai lối ra thoát nạn:</p> <p>a) Các gian phòng nhóm F1.1 có mật đồng thời hơn 15 người;</p> <p>b) Các gian phòng trong các tầng hầm và tầng nửa hầm có mật đồng thời hơn 15 người;</p>	<p><b>3.2.5</b> Các gian phòng sau phải có không ít hơn hai lối ra thoát nạn:</p> <p>a) Các gian phòng nhóm F1.1 có mật đồng thời hơn 15 người;</p> <p>b) Các gian phòng trong các tầng hầm và tầng nửa hầm có mật đồng thời hơn 15 người;</p>	Bỏ ý sau của tiết b) vì gây nhầm lẫn	
	<p><b>3.2.5</b> Các gian phòng sau phải có không ít hơn hai lối ra thoát nạn:</p> <p>a) Các gian phòng nhóm F1.1 có mật đồng thời hơn 15 người;</p> <p>b) Các gian phòng trong các tầng hầm và tầng nửa hầm có mật đồng thời hơn 15 người; riêng các gian phòng trong tầng hầm và tầng nửa hầm có từ 6 đến 15 người có mật đồng thời thì cho phép một trong hai lối ra là lối ra khẩn cấp theo các yêu cầu tại đọan d) của 3.2.13;</p>	<p><b>3.2.6.2</b> Cho phép bố trí một lối ra thoát nạn trong các trường hợp sau (trừ các nhà có bậc chịu lửa V):</p> <p>a) Từ mỗi tầng (hoặc từ một phần của tầng được ngăn cách khỏi các phần khác của tầng bằng các bộ phận ngăn cháy) có nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F1.2, F2 (trừ nhà kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường; và các nhà kinh doanh dịch vụ tương tự), F3, F4.2, F4.3 và F4.4, khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:</p> <p>(1) Đối với nhà có chiều cao PCCC không quá 15 m:</p>		

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích mỗi tầng đang xét không được lớn hơn 300 m<sup>2</sup>;</li> <li>- Số người lớn nhất trên mỗi tầng không vượt quá 20 người;</li> <li>- Các khu vực có công năng nêu trên được bảo vệ bằng hệ thống chữa cháy tự động; hoặc đảm bảo đồng thời các điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) các khu vực có công năng nêu trên được trang bị báo cháy tự động; (ii) mỗi tầng có thêm một lối thoát nạn khẩn cấp (ra ban công, lô gia thoáng, qua cửa sổ, ...) và được trang bị thiết bị hỗ trợ thoát nạn như thang kim loại, thang dây, dây tụt chậm, ..., hoặc có lối thoát nạn khẩn cấp khác (ví dụ dẫn sang nhà bên cạnh); hoặc thang bộ phải lên được sân thượng thoáng, cửa ra sân thượng phải mở được từ bên trong mà không cần chìa khóa;</li> </ul> </li> <li>Đối với nhà (hoặc phần nhà) trên 3 tầng thuộc các nhóm F1.2, F2, F3: có trang bị cửa đi ngăn cháy loại 2 trên lối ra thoát nạn từ mỗi tầng đi vào buồng thang bộ thoát nạn hoặc ra cầu thang bộ loại 3;</li> <li>(2) Đối với nhà có chiều cao PCCC từ trên 15 m đến 21 m:</li> </ul>	
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích mỗi tầng đang xét không được lớn hơn 200 m<sup>2</sup>;</li> <li>- Số người lớn nhất trên mỗi tầng không vượt quá 20 người;</li> </ul>	

		<p>- Các khu vực có công năng nêu trên được bảo vệ bằng hệ thống chữa cháy tự động;</p> <p>Đối với nhà (hoặc phần nhà) trên 3 tầng thuộc các nhóm F1.2, F2, F3: có trang bị cửa đi ngăn cháy loại 2 trên lối ra thoát nạn từ mỗi tầng đi vào buồng thang bộ thoát nạn hoặc ra cầu thang bộ loại 3;</p>		
<p><b>3.2.6.2</b> Cho phép bố trí một lối ra thoát nạn trong các trường hợp sau (trừ các nhà có bậc chịu lửa V):</p> <p>a) Từ mỗi tầng (hoặc từ một phần của tầng được ngăn cách khỏi các phần khác của tầng bằng các bộ phận ngăn cháy) có nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F1.2, F1.4, F2 (trừ hộp đêm, vũ trường, quán bar, phòng hát, nhà kinh doanh karaoke; và các nhà kinh doanh dịch vụ tương tự), F3, F4.2, F4.3 và F4.4, khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với nhà có chiều cao PCCC không quá 15 m thì diện tích mỗi tầng đang xét không được lớn hơn 300 m<sup>2</sup>. Đối với nhà có chiều cao PCCC từ trên 15 m đến 21 m (nhà nhóm F4.3 được xét không được lớn hơn 200 m<sup>2</sup>;</li> <li>- Số người lớn nhất trên mỗi tầng không vượt quá 20 người;</li> <li>- Các khu vực có công năng nêu trên được bảo vệ bằng chữa cháy tự động; Đối với nhà có chiều cao PCCC dưới 15 m và không có yêu cầu trang bị</li> </ul>	<p><b>3.2.6.2</b> Cho phép bố trí một lối ra thoát nạn trong các trường hợp sau (trừ các nhà có bậc chịu lửa V):</p> <p>a) Từ mỗi tầng (hoặc từ một phần của tầng được ngăn cách khỏi các phần khác của tầng bằng các bộ phận ngăn cháy) có nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F1.2, F2, F3, F4.2, F4.3 và F4.4, khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với nhà có chiều cao PCCC không quá 15 m thì diện tích mỗi tầng đang xét không được lớn hơn 300 m<sup>2</sup>. Đối với nhà có chiều cao PCCC từ trên 15 m đến 21 m (nhà nhóm F4.3 được xét không được lớn hơn 200 m<sup>2</sup>;</li> <li>- Số người lớn nhất trên mỗi tầng không vượt quá 20 người;</li> <li>- Các khu vực có công năng nêu trên được bảo vệ bằng chữa cháy tự động; Đối với nhà có chiều cao PCCC dưới 15 m và không có yêu cầu trang bị</li> </ul>	<p>- Bổ sung giải pháp cho trường hợp nhà không lắp đặt được sprinkler.</p> <p>- Bổ sung các giải pháp cho phép sử dụng thang hở loại 2 trong các nhà có nguy cơ cháy không cao, không có người ngủ đêm như các nhóm F4.</p> <p>- Sửa đổi lại khoản a) cho gọn hơn.</p>		<p>Căn cứ thực tiễn VN, tham khảo SP 4.13330 (4.19), Fire safety code HongKong 2015, Singapore 2018, và ý kiến của Cục CS PCCC&amp;CNCH.</p>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số người lớn nhất trên mỗi tầng không vượt quá 20 người;</li> <li>- Đối với nhà trên 3 tầng hoặc có chiều cao PCCC lớn hơn 9 m: có trang bị cửa đi ngăn cháy loại 2 trên lối ra thoát nạn từ mỗi tầng đi vào buồng thang bộ thoát nạn.</li> <li>- Đối với nhà từ 3 tầng trở xuống hoặc có chiều cao PCCC từ 9 m trở xuống: được sử dụng cầu thang bộ loại 2 thay thế cho buồng thang bộ nêu trên khi đảm bảo điều kiện người trong nhà có thể thoát ra ban công thoáng hoặc sân thượng thoáng khi có cháy (trừ các biệt thự, villa, cơ sở nghỉ dưỡng theo quy định riêng dưới đây).</li> </ul> <p>CHÚ THÍCH: Ban công thoáng hoặc sân thượng thoáng nghĩa là hở ra ngoài trời và bộ phận bao che (nếu có) phải bảo đảm cho việc thoát nạn, cứu nạn để đảm bảo khi lực lượng chữa cháy tiếp cận.</p> <p>Đối với các biệt thự, villa, cơ sở nghỉ dưỡng không cao quá 3 tầng thuộc nhóm F1.2, cho phép thay thế các loại buồng thang bộ nêu trên bằng cầu thang bộ loại 2, khi bảo đảm được đồng thời các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích mỗi tầng không quá 200 m<sup>2</sup>, chiều cao PCCC không quá 9 m</li> </ul>	<p>chữa cháy tự động theo TCVN 3890 thì có thể thay thế chữa cháy tự động bằng việc trang bị báo cháy tự động cho toàn nhà;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mỗi tầng có thêm một lối thoát nạn khẩn cấp (ra ban công, lô gia thoáng, qua cửa sổ ...) và được trang bị thiết bị hỗ trợ thoát nạn như thang kim loại, thang dây, dây tụt chậm, ..., hoặc có lối thoát nạn khẩn cấp khác (ví dụ dẫn sang nhà bên cạnh); hoặc thang bộ phải lên được sân thượng thoáng, cửa ra sân thượng phải mở được từ bên trong mà không cần chìa khóa;</li> <li>- Đối với nhà (hoặc phần nhà) trên 3 tầng thuộc các nhóm F1.2, F2, F3: có trang bị cửa đi ngăn cháy loại 2 trên lối ra thoát nạn từ mỗi tầng đi vào buồng thang bộ thoát nạn hoặc ra cầu thang bộ loại 3;</li> <li>- Đối với nhà (hoặc phần nhà) từ 3 tầng trở xuống thuộc các nhóm F1.2, F2, F3, F4.2, F4.3, F4.4: được sử dụng cầu thang bộ loại 2 thay thế cho buồng thang bộ nêu trên, khi đó thang loại 2 phải được ngăn cách với khu vực tầng hầm (nếu có) bằng vách ngăn cháy loại 2.</li> <li>- Đối với nhà (phần nhà) trên 3 tầng thuộc nhóm F4.2, F4.3, F4.4: được sử</li> </ul>	
--	---	--	--

	<p>và tổng số người sử dụng không quá 15 người;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà có tối thiểu một lối ra thoát nạn trực tiếp ra ngoài hoặc ra cầu thang bộ loại 3;</li> <li>- Để thoát ra ngoài theo cầu thang bộ loại 2 chỉ cần lên hoặc xuống tối đa 1 tầng. Trường hợp phải xuống 2 tầng mới thoát được ra ngoài thì mỗi phòng có thể sử dụng để ngủ phải có không ít hơn một cửa sổ đặt ở cao độ không quá 1 m so với sàn và có lối thoát trực tiếp vào hành lang hoặc phòng chung có cửa ra ban công.</li> </ul> <p>Cao độ đặt các cửa sổ và ban công nêu trên không được quá 7 m so với mặt đất. Trường hợp các cửa sổ và ban công này đặt ở cao độ quá 7 m cho đến tối đa 9 m thì mỗi cửa sổ và ban công phải được trang bị thêm thiết bị thoát nạn khẩn cấp để bảo đảm việc thoát nạn cho người an toàn từ trên cao (ví dụ thang kim loại, thang dây);</p>	<p>dụng cầu thang bộ loại 2 liên thông với hành lang bên, hoặc cầu thang bộ loại 2 khi đảm bảo đồng thời các điều kiện sau: (1) Tầng một không được bố trí các chất dễ cháy, sinh khói nhiều như mùt, da, nhựa, cao su, ..., hoặc nếu có bố trí thì phải đặt cách xa nguồn điện, ổ điện tối thiểu 1 m hoặc được ngăn cách với phần còn lại của tầng bằng vách ngăn cháy loại 2; không để xe; (2) hành lang thông với cầu thang bộ loại 2 tại mỗi tầng phải được ngăn cách với các gian phòng khác bằng vách ngăn cháy loại 2; (3) thang loại 2 phải được ngăn cách với khu vực tầng hầm (nếu có) bằng vách ngăn cháy loại 1; (4) các gian phòng có nhiều tải trọng cháy hoặc nguy cơ cháy cao như kho, bếp ăn ... phải bố trí trên tầng cao nhất hoặc nếu có bố trí tại các tầng dưới thì phải được ngăn cách với khu vực còn lại bằng vách ngăn cháy loại 1; (5) Cầu thang bộ loại 2 tại mỗi tầng phải có ô cửa thoát khói (mở được khi có cháy) với phần mở được có diện tích tối thiểu 0,4 m<sup>2</sup> và không thấp hơn 1,2 m tính từ mặt bậc thang thẳng bên dưới mép cửa hoặc từ mặt chiếu nghỉ, chiếu tới; hoặc tum thang phải có lỗ thoát khói, ví dụ mái che tum có khe hở cao tối thiểu 0,2 m; (6) Tổng diện tích các tầng</p>	
--	--	--	--

		<p>được nối thông bởi cầu thang bộ loại 2 không vượt quá diện tích nhỏ nhất cho phép của một tầng trong phạm vi một khoang cháy tương ứng với công năng của các tầng đang xét.</p> <p>Trường hợp không đảm bảo các điều kiện trên thì thang thoát nạn phải là buồng thang bộ với cửa ngăn cháy loại 2, hoặc cầu thang bộ loại 3.</p> <p>CHÚ THÍCH: Ban công thoáng hoặc sân thượng thoáng nghĩa là hở ra ngoài trời và bộ phận bao che (nếu có) phải bảo đảm cho việc thoát nạn, cứu nạn dễ dàng khi lực lượng chữa cháy tiếp cận.</p>		
	<p><b>3.2.6.2</b></p> <p>d) Từ các tầng (hoặc một phần của tầng được ngăn cách khỏi các phần khác của tầng bằng các bộ phận ngăn cháy) thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F4.1, khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà có chiều cao PCCC không quá 9 m, diện tích tầng đang xét không quá 300 m<sup>2</sup>;</li> <li>- Tầng đang xét có hành lang bên dẫn vào cầu thang hở loại 2 hoặc buồng thang bộ, các gian phòng nhóm F4.1 có cửa ra hàng lang bên này.</li> </ul>	<p><b>3.2.6.2</b></p> <p>d) Từ các tầng (hoặc một phần của tầng được ngăn cách khỏi các phần khác của tầng bằng các bộ phận ngăn cháy) thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F4.1, khi thỏa mãn các điều kiện như nhóm F2 tại a), hoặc thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với cấp tiêu học và tương đương: Nhà có chiều cao PCCC không quá 9 m, diện tích tầng đang xét không quá 300 m<sup>2</sup>; Đối với các nhà còn lại thuộc nhóm F4.1: Nhà có chiều cao PCCC không quá 15 m, diện tích tầng đang xét không quá 500 m<sup>2</sup>;</li> </ul>	<p>Bổ sung các giải pháp cho đối tượng F4.1</p>	<p>Căn cứ thực tiễn VN, tham khảo Fire safety code HongKong 2015, Singapore 2018, và ý kiến của Cục CS PCCC&amp;CNCH.</p>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thang bộ phải lên được sân thượng thoág với ðịnh mức tối thiểu 0,2 m<sup>2</sup>/người (tính trên số người tối ða có mặt trong nhà theo thiết kế), cửa ra sân thượng phải mở ðược từ bên trong mà không cần chìa khóa;</li> <li>- Thỏa mãn yêu cầu ðối với thang bộ thoát nạn như quy ðịnh tại 3.2.6.2, a) ðối với các nhóm F4.2, F4.3, F4.4.</li> </ul>		
	<p><b>3.2.8</b> Khi có từ hai lối ra thoát nạn trở lên, chúng phải ðược bố trí phân tán và khi tính toán khả năng thoát nạn của các lối ra cần giả thiết là ðám cháy ðã ngăn cản không cho người sử dụng thoát nạn qua một trong những lối ra ðó. Các lối ra còn lại phải bảo ðảm khả năng thoát nạn an toàn cho tất cả số người có trong gian phòng, trên tầng hoặc trong nhà ðó (xem Hình 1.3).</p> <p>Khi một gian phòng, một phần nhà hoặc một tầng của nhà yếu cầu phải có từ 2 lối ra thoát nạn trở lên thì ít nhất hai trong số những lối ra thoát nạn ðó phải ðược bố trí phân tán, ðặt cách nhau một khoảng bằng hoặc lớn hơn một nửa chiều dài của chiều dài của ðường chéo lớn nhất của mặt bằng gian phòng, phần nhà hoặc tầng nhà ðó. Khoảng cách giữa hai lối ra thoát nạn ðược ðo theo ðường thẳng nối giữa hai cạnh gần nhất của chúng</p>	<p><b>3.2.8</b> Khi có từ hai lối ra thoát nạn trở lên, chúng phải ðược bố trí phân tán và khi tính toán khả năng thoát nạn của các lối ra cần giả thiết là ðám cháy ðã ngăn cản không cho người sử dụng thoát nạn qua một trong những lối ra ðó. Các lối ra còn lại phải bảo ðảm khả năng thoát nạn an toàn cho tất cả số người có trong gian phòng, trên tầng hoặc trong nhà ðó (xem Hình 1.3).</p> <p>Khi một gian phòng, một phần nhà hoặc một tầng của nhà yếu cầu phải có từ 2 lối ra thoát nạn trở lên thì ít nhất hai trong số những lối ra thoát nạn ðó phải ðược bố trí phân tán, ðặt cách nhau một khoảng bằng hoặc lớn hơn một nửa chiều dài của ðường chéo lớn nhất của mặt bằng gian phòng, phần nhà hoặc tầng nhà ðó. Khoảng cách giữa hai lối ra thoát nạn ðược ðo theo ðường thẳng nối giữa hai cạnh gần nhất của chúng (xem Hình 1.4 a),</p>	<p>Sửa lỗi chính tả (bị thiếu chữ).          Bổ sung cách tính khoảng cách phân tán theo hành lang bên.          Bổ sung giải pháp tính khoảng cách phân tán trong trường hợp chung.</p>	<p>Fire code Singapore 2018, 2.3.12</p>

	<p>(xem Hình I.4 a), b), c)).</p> <p>Nếu nhà được bảo vệ toàn bộ bằng hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, thì khoảng cách này có thể giảm xuống còn 1/3 chiều dài đường chéo lớn nhất của mặt bằng các gian phòng trên (xem Hình I.4 d)).</p> <p>Khi có hai buồng thang thoát nạn nối với nhau bằng một hành lang trong thì khoảng cách giữa hai lối ra thoát nạn (cửa vào buồng thang thoát nạn) được đo dọc theo đường đi chuyển theo hành lang đó (xem Hình I.5). Hành lang này phải được bảo vệ theo quy định tại 3.3.5.</p>	<p>b), c)). Trong trường hợp đường thẳng nối giữa hai cạnh xa nhất của hai lối ra thoát nạn lớn hơn hoặc bằng 7 m thì khoảng cách giữa hai lối ra thoát nạn được đo theo đường thẳng này.</p> <p>Nếu nhà được bảo vệ toàn bộ bằng hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, thì khoảng cách này có thể giảm xuống còn 1/3 chiều dài đường chéo lớn nhất của mặt bằng các gian phòng, phần nhà hoặc tầng nhà trên (xem Hình I.4 d)).</p> <p>Khi có hai buồng thang thoát nạn nối với nhau bằng một hành lang trong hoặc hành lang bên thì khoảng cách giữa hai lối ra thoát nạn (cửa vào buồng thang thoát nạn) được đo dọc theo đường đi chuyển theo hành lang đó (xem Hình I.5). Hành lang này phải được bảo vệ theo quy định tại 3.3.5.</p>	
	<p><b>3.2.9</b> Chiều cao thông thủy của lối ra thoát nạn phải không nhỏ hơn 1,9 m, chiều rộng thông thủy không nhỏ hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1,2 m – từ các gian phòng nhóm F1.1 khi số người thoát nạn lớn hơn 15 người, từ các gian phòng và nhà thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng thoát nạn lớn hơn 50 người, ngoại trừ nhóm F1.3;</li> </ul>	<p><b>3.2.9</b> Chiều cao thông thủy của lối ra thoát nạn phải không nhỏ hơn 1,9 m, chiều rộng thông thủy không nhỏ hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1,2 m – từ các gian phòng nhóm F1.1 khi số người thoát nạn lớn hơn 15 người, từ các gian phòng và nhà thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng khác có số người thoát nạn lớn hơn 50 người, ngoại trừ nhóm F1.3;</li> </ul>	<p>Bỏ khổ cuối do đã được quy định tại 3.2.11 và 3.3.5, cũng như các quy định về ngăn cháy lan ở phần 4.</p>

	<p>- 0,8 m-trong tất cả các trường hợp còn lại.</p> <p>Chiều rộng của các cửa đi ra bên ngoài của buồng thang bộ cũng như của các cửa đi từ buồng thang bộ vào sảnh không được nhỏ hơn giá trị tính toán hoặc chiều rộng của bản thang được quy định tại 3.4.1.</p> <p>Trong mọi trường hợp, khi xác định chiều rộng của một lối ra thoát nạn phải tính đến tính dạng hình học của đường thoát nạn qua lỗ cửa hoặc cửa để bảo đảm không cản trở việc vận chuyển các cáng tải thương có người nằm trên.</p> <p>Nếu sử dụng cửa hai cánh trên lối ra thoát nạn thì chiều rộng của lối ra thoát nạn chỉ được lấy bằng chiều rộng lối đi qua bên cánh mở, không được phép tính bên cánh đóng hoặc chốt có định.</p> <p>Cửa hai cánh phải được lắp cơ cấu tự động sao cho các cánh được đóng lần lượt.</p> <p>Trong các nhà có chiều cao PCCC lớn hơn 28 m (trừ nhà nhóm F1.3 và F1.4), các cửa thoát nạn từ các hành lang chung mỗi tầng, từ sảnh chung, phòng chờ, tiền sảnh, buồng thang bộ (trừ cửa thoát nạn trực tiếp ra ngoài trời), phải là cửa chống cháy với giới hạn chịu lửa không thấp hơn EI 30.</p>	<p>- 0,8 m – trong tất cả các trường hợp còn lại.</p> <p>Chiều rộng của các cửa đi ra bên ngoài của buồng thang bộ cũng như của các cửa đi từ buồng thang bộ vào sảnh không được nhỏ hơn giá trị tính toán hoặc chiều rộng của bản thang được quy định tại 3.4.1.</p> <p>Trong mọi trường hợp, khi xác định chiều rộng của một lối ra thoát nạn phải tính đến dạng hình học của đường thoát nạn qua lỗ cửa hoặc cửa để bảo đảm không cản trở việc vận chuyển các cáng tải thương có người nằm trên.</p> <p>Nếu sử dụng cửa hai cánh trên lối ra thoát nạn thì chiều rộng của lối ra thoát nạn chỉ được lấy bằng chiều rộng lối đi qua bên cánh mở, không được phép tính bên cánh đóng hoặc chốt có định. Cửa hai cánh phải được lắp cơ cấu tự động sao cho các cánh được đóng lần lượt.</p>	
--	---	---	--

	<p><b>3.2.11</b> Các cửa của các lối ra thoát nạn từ các hành lang tầng, không gian chung, phòng chờ, sảnh và buồng thang bộ phải mở được cửa tự do từ bên trong mà không cần chia. Trong các nhà có chiều cao PCCC lớn hơn 15 m, các cánh cửa nói trên, ngoại trừ các cửa của căn hộ, phải là cửa đặc hoặc cửa với kính cường lực.</p> <p>Các cửa của lối ra thoát nạn từ các khu vực (gian phòng hay các hành lang) được bảo vệ chống khói cường bức phải là cửa đặc được trang bị cơ cấu tự động đóng và khe cửa phải được trang bị cơ cấu tự động và khe cửa này cần để mở khi sử dụng thì phải được trang bị phải được trang bị cơ cấu tự động đóng khi có cháy.</p> <p>Đối với các buồng thang bộ, các cửa ra vào phải có cơ cấu tự đóng và khe cửa phải được trang bị cơ cấu tự đóng và khe cửa không có cơ cấu tự đóng và khe cửa phải được trang bị cơ cấu tự đóng và khe cửa không có cơ cấu tự đóng và khe cửa.</p> <p>Ngoại trừ những trường hợp được quy định riêng, cửa của buồng thang bộ phải bảo đảm là cửa ngăn cháy loại 1 đối với nhà có bậc chịu lửa III, IV; và loại 3 đối với nhà có bậc chịu lửa V.</p>	<p><b>3.2.11</b> Các cửa của các lối ra thoát nạn từ các hành lang tầng, không gian chung, phòng chờ, sảnh và buồng thang bộ phải mở được cửa tự do từ bên trong mà không cần chia.</p> <p>Các cửa của lối ra thoát nạn từ các khu vực (gian phòng hay các hành lang) được bảo vệ chống khói cường bức phải là cửa đặc được trang bị cơ cấu tự đóng và khe cửa phải được chèn kín. Các cửa này nếu cần để mở khi sử dụng thì phải được trang bị cơ cấu tự động đóng khi có cháy.</p> <p>Đối với các buồng thang bộ, các cửa ra vào phải có cơ cấu tự đóng và khe cửa phải được chèn kín. Các cửa trong buồng thang bộ mở trực tiếp ra ngoài cho phép không có cơ cấu tự đóng và không cần chèn kín khe cửa.</p> <p>Ngoại trừ những trường hợp được quy định riêng, cửa của buồng thang bộ phải bảo đảm là cửa ngăn cháy loại 1 đối với nhà có bậc chịu lửa I, II; loại 2 đối với nhà có bậc chịu lửa III, IV; và loại 3 đối với nhà có bậc chịu lửa V.</p>	<p>Bỏ câu 2 khoản 1 do đã được quy định tại 3.3.5 cũng như các quy định về ngăn cháy lan ở phần 4.</p>	<p><b>SP 1.13330.2020, mục 4.</b></p>
--	---	--	--	---------------------------------------

<p><b>3.3.5</b> Trong các hành lang trên lối ra thoát nạn nêu tại 3.2.1, ngoại trừ những trường hợp nói riêng trong quy chuẩn, không cho phép bố trí: thiết bị nhô ra khỏi mặt phẳng nhỏ hơn 2 m; các ống dẫn khí cháy và ống dẫn các chất lỏng như các tủ tường, trừ các tủ thông tin liên lạc và tủ đặt họng nước chữa cháy.</p>	<p>Các hành lang, sảnh, phòng chung trên đường thoát nạn phải được bao che bằng các bộ phận ngăn cháy phù hợp quy định trong các quy chuẩn cho từng loại công trình. Bộ phận ngăn cháy bao che đường thoát nạn của nhà có bậc chịu lửa I phải làm bằng vật liệu không cháy hoặc chịu lửa ít nhất EI 30, và của nhà có bậc chịu lửa II, III, IV phải làm bằng vật liệu không cháy yếu (Ch1) với giới hạn chịu lửa ít nhất EI 15. Riêng nhà có hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ D, E (xem Phụ lục C) có thể lang bằng tường kính. Các cửa mở vào hành lang phải là cửa ngăn cháy có giới hạn chịu lửa không thấp hơn giới hạn chịu lửa của bộ phận ngăn cháy.</p>	<p><b>3.3.5</b> Trong các hành lang trên lối ra thoát nạn nêu tại 3.2.1, ngoại trừ những trường hợp nói riêng trong quy chuẩn, không cho phép bố trí: thiết bị nhô ra khỏi mặt phẳng nhỏ hơn 2 m; các ống dẫn khí cháy và ống dẫn các chất lỏng cháy được, cũng như các tủ tường, trừ các tủ thông tin liên lạc và tủ đặt họng nước chữa cháy.</p>	<p>Các hành lang, sảnh, phòng chung trên đường thoát nạn phải được bao che bằng các bộ phận ngăn cháy phù hợp quy định trong các quy chuẩn cho từng loại công trình. Bộ phận ngăn cháy bao che đường thoát nạn của nhà có bậc chịu lửa I phải làm bằng vật liệu không cháy yếu (Ch1) với giới hạn chịu lửa ít nhất EI 30, và của nhà có bậc chịu lửa II, III, IV phải làm bằng vật liệu không cháy yếu (Ch1) với giới hạn chịu lửa ít nhất EI 15. Riêng nhà có hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ D, E (xem Phụ lục C) có thể lang bằng tường kính. Các cửa mở vào hành lang phải là cửa ngăn cháy có giới hạn chịu lửa của bộ phận ngăn cháy.</p>
<p>Bổ sung giải pháp không yêu cầu ngăn chia hành lang bên (tham khảo Fire code Singapore 2018, 2.3.10) Bổ sung giải pháp ngăn chia hành lang đảm bảo yêu cầu chống khói lan. Đối với nhà công nghiệp, cần nhắc việc bố sung giải pháp để không ngăn chia đường thoát nạn (có thể tương tự chú thích G2.1)</p>	<p><b>СП 1.13330.2020</b> SP 1 chỉ yêu cầu bảo vệ đường thoát nạn trong trường hợp nhà công cộng như dưới đây. Yêu cầu bảo vệ đường thoát nạn đối với các nhà nhóm khác, kể cả bệnh viện, nhà trẻ, nhà sản xuất, nhà kho nằm trong các tiêu chuẩn riêng. <b>7. Общественные здания - объекты классов функциональной пожарной опасности Ф.1.2, Ф2, Ф3, Ф4</b> 7.1.11. В зданиях высотой 28 м и более внутренние стены и перегородки (в том числе из светопрозрачных материалов), отделяющие общие пути эвакуации (коридоры, холлы, вестибюли, фойе), должны иметь предел огнестойкости не менее (R)EI(W) 45, в зданиях меньшей высоты I - III степеней огнестойкости - не менее (R)EI(W) 30, IV степени огнестойкости - не менее (R)EI(W) 15. Указанные перегородки следует</p>		



<p>định theo yêu cầu bảo vệ chống khói nêu tại Phụ lục D, nhưng không được vượt quá 60 m. Các cửa đi trong các vách ngăn cháy này phải phù hợp với các yêu cầu tại 3.2.11.</p> <p>Khi các cánh cửa đi của gian phòng mở nhô ra hành lang, thì chiều rộng của đường thoát nạn theo hành lang được lấy bằng chiều rộng thông thủy của hành lang trừ đi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một nửa chiều rộng phần nhô ra của cánh cửa (tính cho cửa nhô ra nhiều nhất) – khi cửa được bố trí một bên hành lang;</li> <li>- Cả chiều rộng phần nhô ra của cánh cửa (tính cho cửa nhô ra nhiều nhất) – khi các cửa được bố trí hai bên hành lang. Yêu cầu này không áp dụng cho hành lang tầng (sảnh chung) nằm giữa cửa ra từ căn hộ và cửa ra dẫn vào buồng thang bộ trong các đơn nguyên nhà nhóm F1.3.</li> </ul>	<p>Đối với các tầng nhà có hành lang, gian phòng không được bao che bằng các bộ phận ngăn cháy theo quy định tại 3.3.5 hoặc không tuân thủ yêu cầu tại 3.3.4 thì khoảng cách giới hạn cho phép của đường thoát nạn (phụ lục G) phải tính từ điểm xa nhất có thể có người ở của gian phòng trên tầng nhà đó, và tầng nhà này phải được lắp đặt báo cháy tự động. Riêng các nhà kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường phải đảm bảo việc ngăn cách hành lang, gian phòng trên đường thoát nạn bằng các bộ phận ngăn cháy như quy định ở trên và vật liệu hoàn thiện trên đường thoát nạn phải đảm bảo cấp CV0 hoặc CV1.</p> <p>Khoảng cách thoát nạn giới hạn cho phép (phụ lục G) trên mỗi tầng được đo dọc theo tâm đường di chuyển tự nhiên của con người, bắt đầu từ tâm cửa các gian phòng hoặc từ chỗ xa nhất có người sinh hoạt, làm việc trong phòng (tùy thuộc vào việc có ngăn cách gian phòng và đường thoát nạn hay không) đến tâm cửa lối ra thoát nạn gần nhất của mỗi tầng (cửa ra ngoài nhà, cửa vào buồng thang bộ hoặc cửa ra cầu thang bộ loại 3, mép bậc đầu tiên của cầu thang bộ loại 2, cửa vào khoang cháy lân cận, hoặc đến lối ra thoát nạn khác).</p> <p>Các hành lang dài hơn 60 m phải được</p>	<p>предусматривать с классом пожарной опасности КО.</p> <p><b>Sp 2.13330.2020</b></p> <p>5.2.7 Пути эвакуации (общие коридоры, холлы, фойе, вестибюли, галереи) должны отделяться от помещений стенами и перегородками, предусмотренными от пола до перекрытия (покрытия).</p> <p>Указанные стены и перегородки должны примыкать к глухим участкам наружных стен и не иметь открытых проемов, не заполненных дверями, люками, светопрозрачными конструкциями и др. (в том числе над подвесными потолками и под фальшполами).</p> <p>Светопротускающие элементы в данных перегородках и стенах следует предусматривать из НГ.</p> <p>В общественных и административно-бытовых зданиях высотой 28 м и более указанные стены и</p>
--	---	---

	<p>phần chia bằng các vách ngăn cháy loại 2 (hoặc bằng các vách ngăn khói, màn ngăn khói từ vật liệu không cháy, có mép dưới cách sân hành lang tối đa 2,5 m) thành các đoạn có chiều dài được xác định theo yêu cầu bảo vệ chống khói nêu tại Phụ lục D, nhưng không được vượt quá 60 m. Các cửa đi trong các vách ngăn cháy này phải phù hợp với các yêu cầu tại 3.2.11.</p> <p>Khi các cánh cửa đi của gian phòng mở nhỏ ra hành lang, thì chiều rộng của đường thoát nạn theo hành lang được lấy bằng chiều rộng thông thủy của hành lang trừ đi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Một nửa chiều rộng phần nhỏ ra của cánh cửa (tính cho cửa nhỏ ra nhiều nhất) – khi cửa được bố trí một bên hành lang;</li> <li>– Cả chiều rộng phần nhỏ ra của cánh cửa (tính cho cửa nhỏ ra nhiều nhất) – khi các cửa được bố trí hai bên hành lang. Yêu cầu này không áp dụng cho hành lang tầng (sảnh chung) nằm giữa cửa ra từ căn hộ và cửa ra dẫn vào buồng thang bộ trong các đơn nguyên nhà nhóm F1.3.</li> </ul>		<p>перегородки (в том числе со светопропускающими элементами) следует предусматривать класса К0 с пределом огнестойкости не менее EI 45 (EIW45). СП 54.13330.2016 Nhà chung cư</p> <p>7.1.7 yêu cầu giới hạn chịu lửa của tường bao che hành lang theo bậc chịu lửa của nhà.</p> <p>SP 56.13330.2021 Nhà công nghiệp</p> <p>6.2.4 cho phép bảo vệ hành lang thoát nạn dẫn trực tiếp ra ngoài bằng bộ phận ngăn cháy loại I và có áp suất dương trong các nhà một tầng bậc I, II. Khi đó cho phép ko tính chiều dài hành lang này vào khoảng cách thoát nạn.</p>
<p><b>3.4.1</b> Chiều rộng của bản thang bộ dùng để thoát người, trong đó kể cả bản thang đặt trong buồng thang bộ, không được nhỏ hơn chiều rộng tính toán hoặc</p>	<p><b>3.4.1</b> Chiều rộng của bản thang bộ dùng để thoát người, trong đó kể cả bản thang đặt trong buồng thang bộ, không được nhỏ hơn chiều rộng tính toán hoặc chiều rộng</p>	<p>Bổ sung bề rộng thang cho nhóm F1.1 theo số người ít hơn.</p>	<p>Fire code Singapore 2018, bảng 2.2A, nhóm healthcare facility (inpatient).</p>

		<p>chiều rộng của bất kỳ lối ra thoát nạn (cửa đi) nào thoát nạn (cửa đi) nào thoát nạn, đồng thời không được nhỏ hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1,35 m – đối với nhà nhóm F1.1;</li> <li>- 1,2 m – đối với nhà có số người trên tầng bất kỳ, trừ tầng một, lớn hơn 200 người;</li> <li>- 0,7 m – đối với cầu thang bộ dẫn đến các chỗ làm việc đơn lẻ;</li> <li>- 0,9 m – đối với tất cả các trường hợp còn lại.</li> </ul>	<p>của bất kỳ lối ra thoát nạn (cửa đi) nào trên nó, đồng thời không được nhỏ hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1,2 m – đối với nhà nhóm F1.1 có tổng số người thoát nạn qua thang này lớn hơn 15 người trên mỗi tầng; 1 m – đối với nhà nhóm F1.1 có tổng số người thoát nạn qua thang này từ 15 người trở xuống trên mỗi tầng;</li> <li>- 1,2 m – đối với nhà có số người trên tầng bất kỳ, trừ tầng một, lớn hơn 200 người;</li> <li>- 0,7 m – đối với cầu thang bộ dẫn đến các chỗ làm việc đơn lẻ, hoặc thang bộ trong các nhà có chiều cao PCCC không quá 15 m và tổng số người thoát nạn qua thang này từ mỗi tầng không quá 15 người;</li> <li>- 0,9 m – đối với tất cả các trường hợp còn lại.</li> </ul>	<p>Bổ sung trường hợp được áp dụng thang 0,7 m trên cơ sở tính toán thoát nạn.</p>	<p>Hướng dẫn tính toán rủi ro cháy trong các nhà có công năng khác nhau (MCHS, 2022)</p>
<p><b>3.4.8</b> Các buồng thang bộ phải được bảo đảm chiếu sáng tự nhiên hoặc nhân tạo.</p> <p>a) Trường hợp chiếu sáng tự nhiên:</p> <p>Trừ buồng thang bộ loại L2, việc bảo đảm chiếu sáng có thể được thực hiện bằng các lỗ lấy ánh sáng với diện tích không nhỏ hơn 1,2 m<sup>2</sup> trên các tường ngoài ở mỗi tầng.</p>		<p><b>3.4.8</b> Các buồng thang bộ phải được bảo đảm chiếu sáng tự nhiên hoặc nhân tạo.</p> <p>a) Trường hợp chiếu sáng tự nhiên:</p> <p>Trừ buồng thang bộ loại L2, việc bảo đảm chiếu sáng có thể được thực hiện bằng các lỗ lấy ánh sáng với diện tích không nhỏ hơn 1,2 m<sup>2</sup> trên các tường ngoài ở mỗi tầng.</p> <p>Các buồng thang bộ loại L2 phải có lỗ lấy</p>	<p>Bổ sung giải pháp chiếu sáng cho buồng thang bộ thông thường.</p>	<p>Tham khảo 2.3.3 d, (7), Fire code Singapore</p>	

		<p>ánh sáng trên mái có diện tích không nhỏ hơn 4 m<sup>2</sup> với khoảng hở giữa các vé thang có chiều rộng không nhỏ hơn 0,7 m hoặc giằng lấy sáng theo suốt chiều cao của buồng thang bộ với diện tích mặt cắt ngang không nhỏ hơn 2 m<sup>2</sup>.</p> <p>Cho phép bố trí không quá 50 % buồng thang bộ bên trong không có các lỗ lấy ánh sáng, dùng để thoát nạn, trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhà thuộc nhóm F2, F3 và F4: đối với buồng thang loại N2 hoặc N3 có áp suất không khí dương khi cháy;</li> <li>- Các nhà thuộc nhóm F5 hạng C có chiều cao PCCC tới 28 m, còn hạng D và E không phụ thuộc chiều cao PCCC của nhà: đối với buồng thang loại N3 có áp suất không khí dương khi cháy.</li> </ul> <p>b) Trường hợp chiếu sáng nhân tạo:</p> <p>Trường hợp không bố trí được các lỗ cửa như quy định tại đoạn a) của 3.4.8 thì các buồng thang bộ thoát nạn phải được trang bị chiếu sáng nhân tạo, được cấp điện như chú thích tại 3.4.13 bảo đảm nguyên tắc duy trì liên tục nguồn điện cấp cho hệ thống chiếu sáng hoạt động ổn định khi có cháy xảy ra, và ánh sáng phải đủ để người thoát nạn theo các buồng thang này có thể nhìn rõ đường thoát nạn và không bị lóa mắt. Nếu là buồng thang bộ thông thường</p>
<p>Các buồng thang bộ loại L2 phải có lỗ lấy ánh sáng trên mái có diện tích không nhỏ hơn 4 m<sup>2</sup> với khoảng hở giữa các vé thang có chiều rộng không nhỏ hơn 0,7 m hoặc giằng lấy sáng theo suốt chiều cao của buồng thang bộ với diện tích mặt cắt ngang không nhỏ hơn 2 m<sup>2</sup>.</p> <p>Cho phép bố trí không quá 50 % buồng thang bộ bên trong không có các lỗ lấy ánh sáng, dùng để thoát nạn, trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhà thuộc nhóm F2, F3 và F4: đối với buồng thang loại N2 hoặc N3 có áp suất không khí dương khi cháy;</li> <li>- Các nhà thuộc nhóm F5 hạng C có chiều cao PCCC tới 28 m, còn hạng D và E không phụ thuộc chiều cao PCCC của nhà: đối với buồng thang loại N3 có áp suất không khí dương khi cháy.</li> </ul> <p>b) Trường hợp chiếu sáng nhân tạo:</p> <p>Trường hợp không bố trí được các lỗ cửa như quy định tại đoạn a) của 3.4.8 thì các buồng thang bộ thoát nạn phải là buồng thang bộ không nhiễm khói và được trang bị chiếu sáng nhân tạo, được cấp điện như chú thích tại 3.4.13 bảo đảm nguyên tắc duy trì liên tục nguồn điện cấp cho hệ thống chiếu sáng</p>	<p>ánh sáng trên mái có diện tích không nhỏ hơn 4 m<sup>2</sup> với khoảng hở giữa các vé thang có chiều rộng không nhỏ hơn 0,7 m hoặc giằng lấy sáng theo suốt chiều cao của buồng thang bộ với diện tích mặt cắt ngang không nhỏ hơn 2 m<sup>2</sup>.</p> <p>Cho phép bố trí không quá 50 % buồng thang bộ bên trong không có các lỗ lấy ánh sáng, dùng để thoát nạn, trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhà thuộc nhóm F2, F3 và F4: đối với buồng thang loại N2 hoặc N3 có áp suất không khí dương khi cháy;</li> <li>- Các nhà thuộc nhóm F5 hạng C có chiều cao PCCC tới 28 m, còn hạng D và E không phụ thuộc chiều cao PCCC của nhà: đối với buồng thang loại N3 có áp suất không khí dương khi cháy.</li> </ul> <p>b) Trường hợp chiếu sáng nhân tạo:</p> <p>Trường hợp không bố trí được các lỗ cửa như quy định tại đoạn a) của 3.4.8 thì các buồng thang bộ thoát nạn phải là buồng thang bộ không nhiễm khói và được trang bị chiếu sáng nhân tạo, được cấp điện như chú thích tại 3.4.13 bảo đảm nguyên tắc duy trì liên tục nguồn điện cấp cho hệ thống chiếu sáng</p>	

	hoạt động ổn định khi có cháy xảy ra, và ánh sáng phải đủ để người thoát nạn theo các buồng thang này có thể nhìn rõ đường thoát nạn và không bị lóa mắt.	thì phải bố trí lối thoát khói trên tum thang với diện tích tối thiểu bằng 10% diện tích phủ bì (tính cả tường bao che) của sàn buồng thang.		
	<b>3.4.11</b> Các buồng thang bộ loại L1 và cầu thang bộ loại 3 được phép bố trí trong các nhà thuộc tất cả các nhóm nguy hiểm cháy theo công năng có chiều cao PCCC tới 28 m; khi đó, trong nhà nhóm F5 hạng A hoặc B, lối ra hành lang tầng từ các gian phòng hạng A hoặc B phải đi qua khoang đệm luôn luôn có áp suất không khí dương.  Được sử dụng thang bộ loại 3 làm thang thoát nạn trong các nhà có chiều cao PCCC từ trên 28 m đến 50 m với điều kiện phần thang bộ loại 3 từ trên 28 m phải được bảo vệ chống rơi ngã trên toàn bộ chiều cao các mặt thang hở ra ngoài trời.	<b>3.4.11</b> Các buồng thang bộ loại L1 và cầu thang bộ loại 3 được phép bố trí trong các nhà thuộc tất cả các nhóm nguy hiểm cháy theo công năng có chiều cao PCCC tới 28 m; khi đó, trong nhà nhóm F5 hạng A hoặc B, lối ra hành lang tầng từ các gian phòng hạng A hoặc B phải đi qua khoang đệm luôn luôn có áp suất không khí dương.  Được sử dụng thang bộ loại 3 làm thang thoát nạn trong các nhà có chiều cao PCCC từ trên 28 m đến 50 m với điều kiện phần thang bộ loại 3 từ trên 28 m phải được bảo vệ chống rơi ngã trên toàn bộ chiều cao các mặt thang hở ra ngoài trời.		
	<b>3.5.10</b> Cho phép áp dụng các yêu cầu về an toàn cháy đối với vật liệu hoàn thiện – trang trí, vật liệu ốp lát, vật liệu phủ sàn và các tiêu chí thử nghiệm tương ứng theo phép áp dụng các tài liệu chuẩn được phép áp dụng để thay thế cho các yêu cầu từ 3.5.1 đến 3.5.9 và Phụ lục B, trừ các yêu cầu quy định tại A.4.	<b>3.5.10</b> Cho phép áp dụng các yêu cầu về an toàn cháy đối với vật liệu hoàn thiện, trang trí, vật liệu ốp lát, vật liệu phủ sàn và các tiêu chí thử nghiệm tương ứng theo các tài liệu chuẩn được phép áp dụng để thay thế cho các yêu cầu từ 3.5.1 đến 3.5.9 và Phụ lục B.  Trong trường hợp gian phòng chung hoặc đường thoát nạn có trang bị chữa cháy tự động thì yêu cầu về cấp nguy hiểm cháy của vật liệu được giảm một cấp so với quy	Làm rõ hơn về vật liệu hoàn thiện, trang trí và các yêu cầu.	Nguyên tắc là nếu các vật liệu hoàn thiện không đáp ứng các yêu cầu an toàn cháy thì gian phòng đó phải được ngăn cách để làm chậm thời gian lan cháy và khói, có báo cháy tự động để cảnh báo người thoát nạn sớm hơn. Giảm 1 cấp nguy hiểm cháy vật liệu khi có sprinkler: tham khảo từ NFPA 101, 10.2. Về độ dày vật liệu 1 mm: Singapore fire

	<p>định trong phụ lục B.</p> <p>Không yêu cầu về cấp nguy hiểm cháy đối với các vật liệu hoàn thiện, trang trí, ốp lát, phủ sàn ở mặt ngoài cùng của tường, trần, sàn, khi các vật liệu này có tổng chiều dày không quá 1 mm và được đặt trên vật liệu nền là vật liệu không cháy.</p> <p>Không yêu cầu về cấp nguy hiểm cháy đối với các loại vật liệu hoàn thiện, trang trí, ốp lát ở mặt ngoài cùng của tường hoặc trần khi: (1) tổng diện tích các vật liệu này chiếm không quá 20 % diện tích tường hoặc trần mà chúng được gắn vào (đối với cao su, nhựa và các vật liệu trùng hợp tương tự - không quá 10 %); và (2) các bộ phận vật liệu này được phân bố tương đối rời rạc.</p> <p>Trường hợp các gian phòng chung không đáp ứng được các yêu cầu về cấp nguy hiểm cháy của vật liệu thì các gian phòng đó phải đáp ứng các yêu cầu sau: (1) được lắp đặt báo cháy tự động; và (2) các kết cấu bao che của chúng phải là bộ phận ngăn cháy có giới hạn chịu lửa tối thiểu là EI (hoặc EIW) 45 đối với nhà có bậc chịu lửa I, II, III và/hoặc chiều cao PCCC từ 28 m trở lên, EI (hoặc EIW) 30 đối với nhà có bậc chịu lửa I, II, III và chiều cao PCCC dưới 28 m, EI (hoặc EIW) 15 đối với nhà có bậc chịu lửa IV.</p>		<p>code 2018 cho phép đến 1 mm (3.3.16), NFPA 101 cho phép đến 0,9 mm (10.2.4.1).          Tỷ lệ 10% và 20%: tham khảo NFPA 101, 10.2</p>
--	---	--	---

**8 BẢNG 8. PHẦN 4 NGĂN CHẶN CHÁY LAN. CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG DỰ KIẾN SỬA ĐỔI**

STT	Quy định hiện hành trong QCVN 06:2022/BXD	Dự thảo sửa đổi lần 1	Lý do sửa đổi	Căn cứ sửa đổi
	<p><b>4.5</b> Các phần nhà và các gian phòng thuộc các nhóm nguy hiểm cháy theo công năng khác nhau phải được ngăn cách với nhau bằng các bộ phận ngăn chia với giới hạn chịu lửa và cấp nguy hiểm cháy kết cấu theo quy định trong quy định hoặc ngăn cách nhau bằng vách ngăn loại 3, trừ khi có quy định khác trong quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành, tiêu chuẩn chuyên ngành. Khi đó, yêu cầu đối với các kết cấu ngăn cách và bộ phận ngăn cháy này được xem xét có kể đến tính nguy hiểm cháy theo công năng của gian phòng, giá trị tải trọng cháy, bậc chịu lửa và cấp nguy hiểm cháy kết cấu của nhà.</p> <p>Đối với một tầng nhà có từ hai công năng khác nhau trở lên, trong đó có một công năng chính chiếm tới thiểu 90% diện tích sàn tầng và các công năng còn lại là phụ trợ tích sàn tầng và các công năng còn lại là phụ trợ cho công năng chính, cho phép không cần phân chia các khu vực thuộc các nhóm nguy hiểm cháy theo công năng khác nhau bằng bộ phận ngăn cháy theo công năng khác nhau bằng bộ phận ngăn cháy, khi đó toàn bộ tầng nhà này phải tuân thủ các yêu cầu an toàn cháy</p>	<p><b>4.5</b> Các phần nhà và các gian phòng thuộc các nhóm nguy hiểm cháy theo công năng khác nhau phải được ngăn cách với nhau bằng các bộ phận ngăn chia với giới hạn chịu lửa và cấp nguy hiểm cháy kết cấu theo quy định hoặc ngăn cách nhau bằng vách ngăn cháy loại 1 và (hoặc) sàn ngăn cháy loại 3, trừ khi có quy định khác trong quy chuẩn này hoặc các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành. Khi đó, yêu cầu đối với các kết cấu ngăn cách và bộ phận ngăn cháy này được xem xét có kể đến tính nguy hiểm cháy theo công năng của các gian phòng, giá trị tải trọng cháy, bậc chịu lửa và cấp nguy hiểm cháy kết cấu của nhà.</p> <p>Đối với một tầng nhà có từ hai công năng khác nhau trở lên, trong đó có một công năng chính chiếm tới thiểu 90% diện tích sàn tầng và các công năng còn lại là phụ trợ cho công năng chính, cho phép không cần phân chia các khu vực thuộc các nhóm nguy hiểm cháy theo công năng khác nhau bằng bộ phận ngăn cháy, khi đó toàn bộ tầng nhà này phải tuân thủ các yêu cầu an toàn cháy tương ứng với nhóm nguy hiểm cháy theo công năng chính. Quy định này</p>	<p>Bổ sung giải pháp không ngăn cách các công năng với nhau.</p>	<p>Luật An toàn cháy của Nga. NFPA 5000, mix occupancy. TC Nga Về nhà đa năng.</p>

	<p>tương ứng với nhóm nguy hiểm cháy theo công năng chính. Quy định này không áp dụng cho trường hợp các gian phòng với công năng phụ, có hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ cao hơn các gian phòng với công năng chính.</p> <p>Đối với một tầng nhà (hoặc một phần tầng nhà đã được ngăn cách với phần còn lại theo quy định của quy chuẩn này) có từ hai công năng khác nhau trở lên, nếu không ngăn cách các công năng theo quy định tại quy chuẩn này thì các yêu cầu an toàn cháy đối với tầng nhà (hoặc phần tầng nhà) này phải lấy theo yêu cầu cao nhất giữa các công năng.</p>	không áp dụng cho trường hợp các gian phòng với công năng phụ, có hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ cao hơn các gian phòng với công năng chính.	
	<p><b>4.32.2</b> Cho phép không áp dụng các quy định tại 4.32.1 nếu thỏa mãn các điều kiện nêu tại CHÚ THÍCH 6 (Bảng 4) hoặc CHÚ THÍCH 2 (Bảng A.1) tùy vào chiều cao nhà.</p>	<p><b>4.32.2</b> Cho phép không áp dụng các quy định tại 4.32.1 nếu nhà được trang bị chữa cháy tự động theo TCVN 7336.</p>	Tương tự như sửa đổi chú thích 6 bảng 4.
	<p><b>4.33.4</b> Cho phép không áp dụng các quy định tại 4.33.1 đến 4.33.3 đối với nhà từ ba tầng trở xuống hoặc chiều cao PCCC dưới 15 m, ga ra để xe nổi dạng hở, hoặc nhà thỏa mãn đồng thời các điều kiện nêu tại CHÚ THÍCH 6 (Bảng 4) hoặc CHÚ THÍCH 2 (Bảng A.1) tùy chiều cao nhà.</p>	<p><b>4.33.4</b> Cho phép không áp dụng các quy định tại 4.33.1 đến 4.33.3 đối với nhà từ ba tầng trở xuống hoặc chiều cao PCCC dưới 15 m, ga ra để xe nổi dạng hở, hoặc nhà được trang bị chữa cháy tự động theo TCVN 7336.</p>	Tương tự như trên.
	<p><b>4.34</b> Ngăn chặn cháy lan giữa các nhà</p> <p>Phải đảm bảo khoảng cách phòng cháy</p>	<p><b>4.34</b> Ngăn chặn cháy lan giữa các nhà</p> <p>Phải đảm bảo khoảng cách phòng cháy</p>	Sửa lỗi chính tả



	<p>chống cháy giữa các nhà (quy định tại E.1 và E.2 trong Phụ lục E) và khoảng cách phòng cháy chống cháy theo đường ranh giới (quy định tại E.3 trong Phụ lục E) tương ứng với diện tích lỗ mở không được bảo vệ chống cháy của tường ngoài nhà và giới hạn chịu lửa của phần tường phải bảo vệ chống cháy.</p>	<p>chống cháy giữa các nhà (quy định tại E.1 và E.2 trong Phụ lục E) hoặc khoảng cách phòng cháy chống cháy theo đường ranh giới (quy định tại E.3 trong Phụ lục E) tương ứng với diện tích lỗ mở không được bảo vệ chống cháy của tường ngoài nhà và giới hạn chịu lửa của phần tường phải bảo vệ chống cháy.</p>	

**9 BẢNG 9. PHẦN 5 CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY. CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG DỰ KIẾN SỬA ĐỔI**

STT	Quy định hiện hành trong QCVN 06:2022/BXD	Dự thảo sửa đổi lần 1	Lý do sửa đổi	Căn cứ sửa đổi
		<p><b>5.1.5</b> Ưu tiên sử dụng các giải pháp cấp nước chữa cháy có lợi về mặt kinh tế khi thiết kế công trình cụ thể, như: tận dụng hạ tầng cấp nước chữa cháy chung của khu vực; sử dụng các nguồn nước sẵn có trong khu vực như ao, hồ, sông, ...; sử dụng bể cấp nước chung tại khu vực; sử dụng kết hợp nước sản xuất, sinh hoạt; ...có thể dẫn nước từ xa về qua các hố thu trung gian hoặc kết hợp các nguồn nước trên, với nguyên tắc là đảm bảo lượng nước cần thiết cung cấp cho việc chữa cháy.</p>	<p>Làm rõ việc cấp nước chữa cháy không phải là yêu cầu làm bề riêng cho mỗi công trình, mà phải tận dụng các nguồn nước sẵn có khác.</p>	<p>Các quy định này đều có trong QC 06, chỉ tổng hợp lại.</p>
	<p><b>5.1.2.7</b> Các hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà của cơ sở (đường ống dẫn nước, trạm bơm, bồn, bể dự trữ nước chữa cháy) phải bảo đảm khả năng cấp nước như hồ sơ thiết kế.</p>	<p><b>5.1.2.7</b> Các hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà của cơ sở (đường ống dẫn nước, trạm bơm, bồn, bể dự trữ nước chữa cháy) phải bảo đảm khả năng cấp nước như hồ sơ thiết kế.</p>	<p>Trong nhiều trường hợp, đơn vị quản lý hệ thống cấp nước ngoài nhà không có đủ thông tin để xác nhận độ tin cậy cấp nước như quy định cũ.</p>	<p>Về nguyên tắc, quy chuẩn chỉ cần yêu cầu hệ thống cấp nước ngoài nhà cấp đủ lưu lượng nước như hồ sơ thiết kế.</p>
	<p><b>5.1.3.3</b> Thời gian chữa cháy phải lấy là 3 giờ, ngoại trừ những quy định riêng nêu dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với nhà bậc chịu lửa I, II với kết cấu và lớp cách nhiệt làm từ vật liệu không cháy có các khu</li> </ul>	<p><b>5.1.3.3</b> Thời gian chữa cháy phải lấy là 3 giờ, ngoại trừ những quy định riêng nêu dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với nhà hạng nguy hiểm cháy nổ D, E và không có các gian phòng hạng C1-C4, cấp S0: lấy là</li> </ul>	<p>- Nhà hạng D, E chủ yếu chứa các vật liệu không cháy. - Gạch đầu dòng 2 và 3 nhập lại vì cùng đối tượng. Cho phép cả khu</p>	<p>Thực tiễn VN, , vì các nhóm công năng này có nguy cơ cháy và tải trọng cháy tương đối thấp hơn so với các nhóm còn lại.</p>

	<p>vực thuộc hạng nguy hiểm cháy nỗ D và E lấy là 2 giờ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với công trình nhà trẻ, trường mẫu giáo, mầm non, nhà thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F4.1, F4.3 ở khu vực nông thôn, có bậc chịu lửa I, II với kết cấu và lớp cách nhiệt làm từ vật liệu không cháy cao không quá 3 tầng, diện tích xây dựng đến 500 m<sup>2</sup> lấy là 1 giờ;</li> <li>- Đối với công trình nhà trẻ, trường mẫu giáo, mầm non, nhà thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F4.1, F4.3 ở khu vực nông thôn, có bậc chịu lửa I, II với kết cấu và lớp cách nhiệt làm từ vật liệu không cháy cao không quá 3 tầng, diện tích xây dựng đến 500 m<sup>2</sup> thì cho phép sử dụng hệ thống họng nước chữa cháy bên trong để thay thế cho hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà;</li> <li>- Đối với kho dạng hồ chứa vật liệu từ gỗ - không nhỏ hơn 5 giờ.</li> </ul>	<p>1 giờ; Đối với nhà hạng nguy hiểm cháy nỗ D, E và có các gian phòng hạng C1-C4, cấp S0: lấy 1 giờ với các gian phòng hạng D, E và 2 giờ với các gian phòng hạng C1-C4.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với công trình nhà trẻ, trường mẫu giáo, mầm non, nhà thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F4.1, F4.2, F4.3 ở khu vực nông thôn, có bậc chịu lửa I, II với kết cấu và lớp cách nhiệt làm từ vật liệu không cháy cao không quá 3 tầng, diện tích xây dựng đến 500 m<sup>2</sup>: lấy là 1 giờ, hoặc cho phép sử dụng hệ thống họng nước chữa cháy bên trong để thay thế cho hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà;</li> <li>- Đối với công trình nhà trẻ, trường mẫu giáo, mầm non, nhà thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F4.1, F4.3 ở khu vực nông thôn, có bậc chịu lửa I, II với kết cấu và lớp cách nhiệt làm từ vật liệu không cháy, cao không quá 3 tầng, diện tích xây dựng đến 500 m<sup>2</sup> thì cho phép sử dụng hệ thống họng nước chữa cháy bên trong để thay thế cho hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà;</li> </ul>	<p>vực thành thị.</p>	<p>Cũng không có đối tượng ngủ đêm. Fire code Singapore 2018.</p>
--	--	---	-----------------------	---

		<ul style="list-style-type: none"> <li>Đối với kho dạng hồ chứa vật liệu từ gỗ - không nhỏ hơn 5 giờ.</li> </ul>			Sửa theo bản sửa đổi của Cục CS PCCC
	<p><b>5.1.4.7</b> Các trụ cấp nước chữa cháy phải được bố trí trên mạng đường ống sao cho tối thiểu 02 trụ khi lưu lượng yêu cầu từ 15 L/s trở lên, tối thiểu 01 trụ khi lưu lượng yêu cầu thấp hơn 15 L/s phục vụ đến mọi điểm của nhà xét theo phương ngang và bán kính phục vụ của mỗi trụ nước không lớn hơn 400 m tính theo đường đi chuyển của vòi chữa cháy đi bên ngoài nhà.</p>	<p><b>5.1.4.7</b> Các trụ cấp nước chữa cháy phải được bố trí trên mạng đường ống sao cho tối thiểu 02 trụ khi lưu lượng yêu cầu từ 15 L/s trở lên, tối thiểu 01 trụ khi lưu lượng yêu cầu thấp hơn 15 L/s phục vụ đến mọi điểm của nhà xét theo phương ngang và bán kính phục vụ của mỗi trụ nước không lớn hơn 400 m tính theo đường đi chuyển của vòi chữa cháy đi bên ngoài nhà.</p>			
	<p><b>5.1.5.9</b> Bồn, bể, trụ nước chữa cháy ngoài nhà, hồ nước chữa cháy tự nhiên và nhân tạo phải đặt tại vị trí bảo đảm bán kính phục vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Khi có xe bơm là 200 m;</li> <li>Khi có máy bơm di động là 100 m đến 150 m trong phạm vi hoạt động kỹ thuật của máy bơm;</li> <li>Để tăng bán kính phục vụ, cho phép lắp đặt các đường ống cụt có chiều dài không quá 200 m từ bồn, bể và hồ nhân tạo bảo đảm theo quy định tại 5.1.5.8;</li> <li>Khoảng cách từ điểm lấy nước từ trụ bồn, bể hoặc hồ nhân tạo đến nhà có bậc chịu lửa III, IV và V</li> </ul>	<p><b>5.1.5.9</b> Bồn, bể, trụ nước chữa cháy ngoài nhà, hồ nước chữa cháy tự nhiên và nhân tạo phải đặt tại vị trí bảo đảm bán kính phục vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Khi có xe bơm là 400 m;</li> <li>Khi có máy bơm di động là 100 m đến 150 m trong phạm vi hoạt động kỹ thuật của máy bơm;</li> <li>Để tăng bán kính phục vụ, cho phép lắp đặt các đường ống cụt có chiều dài không quá 200 m từ bồn, bể và hồ nhân tạo bảo đảm theo quy định tại 5.1.5.8;</li> <li><del>Khoảng cách từ điểm lấy nước từ bồn, bể hoặc hồ nhân tạo đến nhà có bậc chịu lửa III, IV và V hoặc</del></li> </ul>	<p>Các nội dung sửa đổi theo Cục CS PCCC &amp; CNCH. 200 m lên 400 m – Theo thực tiễn triển khai việc bơm nước chữa cháy. Bỏ gạch đầu dòng cuối, áp dụng khoảng cách theo thực tế.</p>		

	hoặc đến kho hồ chứa vật liệu cháy được phải không nhỏ hơn 30 m, đến nhà bậc chịu lửa I và II phải không nhỏ hơn 10 m.	đến kho hồ chứa vật liệu cháy được phải không nhỏ hơn 30 m, đến nhà bậc chịu lửa I và II phải không nhỏ hơn 10 m.	
	<b>5.1.5.10</b> Khi không thể hút nước chữa cháy trực tiếp từ bồn, bể hoặc hồ bằng xe máy bơm hoặc máy bơm di động, thì phải cung cấp các hồ thu với thể tích từ 3 m <sup>3</sup> đến 5 m <sup>3</sup> . Đường kính ống kết nối bồn, bể hoặc hồ với các hồ thu lấy theo các điều kiện tính toán lưu lượng nước cho chữa cháy ngoài nhà, nhưng không nhỏ hơn 200 mm. Trên đoạn ống kết nối phải có hộp van để khóa sự lưu thông nước, việc đóng mở van phải thực hiện được từ bên ngoài hộp. Đầu đoạn ống kết nối ở phía hồ nhân tạo phải có lưới chắn.	<b>5.1.5.10</b> Khi không thể hút nước chữa cháy trực tiếp từ bồn, bể hoặc hồ bằng xe máy bơm hoặc máy bơm di động, thì phải cung cấp các hồ thu trung gian. Đường kính ống kết nối bồn, bể hoặc hồ với các hồ thu lấy theo các điều kiện tính toán lưu lượng nước cho chữa cháy ngoài nhà, nhưng không nhỏ hơn 200 mm. Trên đoạn ống kết nối phải có hộp van để khóa sự lưu thông nước, việc đóng mở van phải thực hiện được từ bên ngoài hộp. Đầu đoạn ống kết nối ở phía hồ nhân tạo phải có lưới chắn.	

**Sửa đổi các bảng 8, 9, 10 như sau (căn cứ bản sửa đổi của Cục CS PCCC&CNCH):**

**Bảng 8 – Lưu lượng nước cho chữa cháy ngoài nhà của nhà thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F1, F2, F3, F4**

Loại nhà	Lưu lượng nước cho chữa cháy ngoài nhà không phụ thuộc bậc chịu lửa tính cho 1 đám cháy, L/s, theo khối tích nhà, 1 000 m <sup>3</sup>		
	≤ 1	> 1 và ≤ 5	> 5 và ≤ 25
1. Nhà nhóm F1.3, F1.4 có một hoặc nhiều đơn nguyên với số tầng:			> 25 và ≤ 50
≤ 3	10 <sup>1)</sup>	10 <sup>1)</sup>	15
			> 50
			20

> 3 và ≤ 12	10	15	15	15	20	20
> 12 và ≤ 16	-	20	20	20	25	25
> 16	-	20	20	25	25	30
2. Nhà nhóm F1.1, F1.2, F2, F3 và F4 với số tầng:						
≤ 3	10 <sup>1)</sup>	10 <sup>1)</sup>	15	15	20	25
> 3 và ≤ 12	10	15	20	20	25	30
> 12 và ≤ 16	-	20	25	25	30	35
> 16	-	25	30	30	30	35

<sup>1)</sup> Đối với nhà thuộc khu vực làng, xã (nông thôn) lấy lưu lượng nước cho 1 đám cháy là 5 L/s.

**CHÚ THÍCH 1:** Nếu hiệu suất của mạng đường ống ngoài nhà không đủ để truyền lưu lượng nước tính toán cho chữa cháy hoặc khi liên kết ống vào với mạng đường ống cắt thì cần phải xem xét lắp đặt bồn, bể, với thể tích phải bảo đảm lưu lượng nước cho chữa cháy ngoài nhà trong 3 giờ.

**CHÚ THÍCH 2:** Trong khu dân cư không có đường ống nước chữa cháy thì phải có bồn, bể nước bảo đảm chữa cháy trong 3 giờ.

**Bảng 9 – Lưu lượng nước cho chữa cháy ngoài nhà cho nhà nhóm F5**

Bậc chịu lửa của nhà	Cấp nguy hiểm cháy kết cấu của nhà	Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ của nhà	Lưu lượng nước cho chữa cháy ngoài nhà đối với nhà có lỗ mở trên mái không phụ thuộc vào chiều rộng của nhà, cũng như nhà không có lỗ mở trên mái có chiều rộng không lớn hơn 60 m, tính cho 1 đám cháy, L/s, theo khối tích nhà, 1 000 m <sup>3</sup>										
			≤ 3	> 3 và ≤ 5	> 5 và ≤ 20	> 20 và ≤ 50	> 50 và ≤ 200	> 200 và ≤ 400	> 400 và ≤ 600	> 600			
I và II	S0, S1	D, E	10	10	10	10	10	15	20	20	25	25	35
I và II	S0, S1	A, B, C	10	10	15	20	20	30	35	40	40	50	50
III	S0, S1	D, E	10	10	15	25	25	35	40	45	45	-	-
III	S0	A, B, C	10	15	20	30	30	45	60	60	75	75	-
IV	S0, S1	D, E	10	15	20	30	30	40	50	50	60	60	-

IV	S0, S1	A, B, C	15	20	25	40	60	80	100	-
IV	S2, S3	E	10	15	20	30	45	-	-	-
IV	S2, S3	A, B, C	15	20	25	40	65	-	-	-
V	-	E	10	15	20	30	55	-	-	-
V	-	C	15	20	25	40	70	-	-	-

CHÚ THÍCH: Đối với các nhà gara để xe nói, bậc I, II, III, IV và cấp S0, S1: khối tích đến 5 000 m<sup>3</sup> – 10 L/s; trên 5000 m<sup>3</sup> đến 20 000 m<sup>3</sup> – 15 L/s; trên 20 000 m<sup>3</sup> đến 50 000 m<sup>3</sup> – 20 L/s; trên 50 000 m<sup>3</sup> – 30 L/s. Đối với các nhà gara để xe nói, bậc IV và cấp S2, S3: khối tích đến 5 000 m<sup>3</sup> – 20 L/s; trên 5000 m<sup>3</sup> đến 20 000 m<sup>3</sup> – 25 L/s.

**Bảng 10 – Lưu lượng nước cho chữa cháy ngoài nhà cho nhà nhóm F5 không có lỗ mở trên mái có chiều rộng trên 60 m**

Bậc chịu lửa của nhà	Cấp nguy hiểm cháy kết cấu của nhà	Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ của nhà	Lưu lượng nước chữa cháy ngoài nhà đối với nhà không có lỗ mở trên mái có chiều rộng từ 60 m trở lên, tính cho 1 đám cháy, L/s, theo khối tích nhà, 1 000 m <sup>3</sup>											
			≤ 50	> 50 và ≤ 100	> 100 và ≤ 200	> 200 và ≤ 300	> 300 và ≤ 400	> 400 và ≤ 500	> 500 và ≤ 600	> 600 và ≤ 700	> 700			
I và II	S0	A, B, C	20	30	40	50	60	70	80	90	100			
I và II	S0	D, E	10	15	20	25	30	35	40	45	50			

CHÚ THÍCH 1: Lỗ mở trên mái là các lỗ mở để thông gió hoặc lấy sáng đặt trên kết cấu mái của nhà (nóc gió; lỗ thường xuyên mở; lỗ mở khi có cháy; ô kính; tôn sáng...) có diện tích không nhỏ hơn 2,5 % diện tích xây dựng của nhà đó.

CHÚ THÍCH 2: Không yêu cầu trang bị cấp nước chữa cháy ngoài nhà đối với nhà nhóm F5 có khối tích không lớn hơn 5.000 m<sup>3</sup>.

**10 BẢNG 10. PHẦN 6 CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN. CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG DỰ KIẾN SỬA ĐỔI**

STT	Quy định hiện hành trong QCVN 06:2022/BXD	Dự thảo sửa đổi lần 1	Lý do sửa đổi	Căn cứ sửa đổi
	<p><b>6.12</b> Giữa các bản thang và giữa các lan can tay vịn của bản thang phải có khe hở với chiều rộng thông thủy chiều trên mặt bằng không nhỏ hơn 100 mm.</p>	<p><b>6.12</b> Giữa các bản thang và giữa các lan can tay vịn của bản thang phải có khe hở với chiều rộng thông thủy chiều trên mặt bằng không nhỏ hơn 100 mm.</p> <p>Trong trường hợp không thể đảm bảo yêu cầu này, thì tại mỗi tầng cần bố trí ít nhất 01 họng khô để cấp nước chữa cháy cho tầng đó, hoặc thang thoát nạn là thang loại 3.</p>	<p>Bổ sung yêu cầu khi khe thang không đảm bảo.</p>	<p>Bản chất yêu cầu này để kéo đường ống chữa cháy từ tầng dưới lên tầng trên. Có thể thay thế bằng họng khô cấp nước tại mỗi tầng.</p> <p>Tham khảo SP 477.1325800.2020, 8.6</p> <p>Зазор между маршами лестниц и между поручнями ограждений лестничных маршей допускается не предусматривать при прокладке в объеме незадымляемых лестничных клеток сухотруба диаметром 80 мм и спаренных пожарных кранов на каждом этаже, оборудованных на уровне первого этажа пожарными соединительными головками DN80; расчетное рабочее давление должно быть не менее 2,0 МПа.</p>



	<p><b>6.14</b> Trong các nhà có độ dốc mái đến 12 %, chiều cao đến diềm mái hoặc mép trên của tường ngoài (tường chắn) lớn hơn 10 m, cũng như trong các nhà có độ dốc mái đến 12 % và chiều cao đến diềm mái lớn hơn 7 m, nếu được thiết kế để phục vụ lượng chữa cháy tiếp cận qua mái thì phải có lan can, tay vịn trên mái phù hợp tiêu chuẩn hiện hành. Các lan can, tay vịn loại này phải được bố trí cho các mái phẳng, ban công, lôgia, hành lang bên ngoài, cầu thang bên ngoài loại hở, bản thang bộ và chiếu thang bộ mà không phụ thuộc vào chiều cao PCCC của nhà.</p>	<p><b>6.14</b> Trong các nhà có độ dốc mái đến 12 %, chiều cao đến diềm mái hoặc mép trên của tường ngoài (tường chắn) lớn hơn 10 m, cũng như trong các nhà có độ dốc mái lớn hơn 12 % và chiều cao đến diềm mái lớn hơn 7 m, nếu được thiết kế để phục vụ lượng chữa cháy tiếp cận qua mái thì phải có lan can, tay vịn trên mái phù hợp tiêu chuẩn hiện hành. Các lan can, tay vịn loại này cũng phải được bố trí cho các mái phẳng, ban công, lôgia, hành lang bên ngoài, cầu thang bên ngoài loại hở, bản thang bộ và chiếu thang bộ mà không phụ thuộc vào chiều cao PCCC của nhà.</p>	<p>Làm rõ khi nào cần lan can, tay vịn.</p>	
	<p><b>6.17.2</b> Phòng trực điều khiển chống cháy phải:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có diện tích đủ để bố trí các thiết bị theo yêu cầu phòng chống cháy của nhà nhưng không nhỏ hơn 6 m<sup>2</sup>;</li> <li>- Có hai lối ra vào: một lối thông với không gian trống ngoài nhà và một lối thông với hành lang chính để thoát nạn;</li> <li>- Được ngăn cách với các phần khác của nhà bằng các bộ phận ngăn cháy loại 1;</li> </ul>	<p><b>6.17.2</b> Phòng trực điều khiển chống cháy phải:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có diện tích đủ để bố trí các thiết bị theo yêu cầu phòng chống cháy của nhà nhưng không nhỏ hơn 6 m<sup>2</sup>;</li> <li>- Có ít nhất một lối thông với hành lang chính để thoát nạn hoặc thông trực tiếp với ngoài nhà;</li> <li>- Được ngăn cách với các phần khác của nhà bằng các bộ phận ngăn cháy loại 1;</li> <li>- Có lắp đặt các thiết bị thông tin và đầu mối của hệ thống báo cháy liên hệ với tất cả các khu vực của nhà;</li> </ul>		

	<p>- Có lắp đặt các thiết bị thông tin và đầu mối của hệ thống báo cháy liên hệ với tất cả các khu vực của nhà;</p> <p>Có bảng theo dõi, điều khiển các thiết bị chữa cháy, thiết bị khống chế khói và có sơ đồ mặt bằng bố trí các thiết bị phòng cháy chữa cháy của nhà.</p>	<p>Có bảng theo dõi, điều khiển các thiết bị chữa cháy, thiết bị khống chế khói và có sơ đồ mặt bằng bố trí các thiết bị phòng cháy chữa cháy của nhà.</p>		

**11 BẢNG 11. PHẦN 7 TỔ CHỨC THỰC HIỆN. CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG DỰ KIẾN SỬA ĐỔI**

STT	Quy định hiện hành trong QCVN 06:2022/BXD	Dự thảo sửa đổi lần 1	Lý do sửa đổi	Căn cứ sửa đổi
	<p><b>7.1</b> Quy định chuyên tiếp</p> <p><b>7.1.1</b> Hồ sơ thiết kế xây dựng đã được góp ý hoặc thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trước khi quy chuẩn này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo hồ sơ thiết kế đã được góp ý hoặc thẩm duyệt.</p> <p><b>7.1.2</b> Hồ sơ thiết kế xây dựng được góp ý hoặc thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kể từ thời điểm quy chuẩn này có hiệu lực thì phải tuân thủ các quy định của quy chuẩn này.</p>	<p><b>Bổ sung 7.1.3</b></p> <p><b>7.1.3</b> Hồ sơ thiết kế xây dựng đã được góp ý hoặc thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trước khi Sửa đổi 1 – QCVN 06:2022/BXD có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo hồ sơ thiết kế đã được góp ý hoặc thẩm duyệt.</p> <p>Hồ sơ thiết kế xây dựng được góp ý hoặc thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kể từ thời điểm Sửa đổi 1 – QCVN 06:2022/BXD có hiệu lực thì phải tuân thủ các quy định của QCVN 06:2022/BXD và Sửa đổi 1 – QCVN 06:2022/BXD.</p> <p>Trường hợp hồ sơ thiết kế đã được góp ý về phòng cháy chữa cháy trước khi Sửa đổi 1 – QCVN 06:2022/BXD có hiệu lực thì thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy tiếp tục thực hiện theo hồ sơ thiết kế đã được góp ý, kể cả khi thời điểm thẩm duyệt sau khi Sửa đổi 1 – QCVN 06:2022/BXD có hiệu lực.</p>	<p>Làm rõ điều kiện chuyên tiếp.</p> <p>Theo mẫu trình bày Sửa đổi 1 của Bộ KHCN thì điều khoản chuyên tiếp này đưa vào thông tư.</p>	
	<p><b>7.4</b> Các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy và về xây dựng tại các địa phương có</p>	<p><b>7.4</b> Căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương, trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc</p>	<p>Phân cấp cho các địa phương theo chỉ đạo của Thủ tướng, và cũng để</p>	

	<p>trách nhiệm phối hợp ban hành quy định liên quan đến các thông số kỹ thuật để thiết kế, cấu tạo đường cho xe chữa cháy và bãi đỗ xe chữa cháy phù hợp với các đặc điểm của phương tiện chữa cháy tại địa phương.</p>	<p>trung ương có trách nhiệm ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCĐP) để thay thế, sửa đổi hoặc bổ sung các quy định tại các phần 3, 4, 5, 6 và các phụ lục của quy chuẩn này, trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật liên quan về QCĐP và thẩm quyền quản lý về phòng cháy chữa cháy theo phân cấp.</p>	<p>đáp ứng các yêu cầu khác nhau của từng địa phương.</p>	

**12 BẢNG 12. PHỤ LỤC A CÁC QUY ĐỊNH BỔ SUNG ĐỐI VỚI MỘT SỐ NHÓM NHÀ. CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG DỰ KIẾN SỬA ĐỔI**

STT	Quy định hiện hành trong QCVN 06:2022/BXD	Dự thảo sửa đổi lần 1	Lý do sửa đổi	Căn cứ sửa đổi
	<b>Phụ lục A.1</b>			
	<p><b>A.1.2.1</b> Tổng diện tích nhà lấy bằng tổng diện tích của tất cả các tầng (tầng trên mặt đất, kể cả tầng kỹ thuật, tầng nửa hầm và tầng hầm), với kích thước mặt bằng được đo trong phạm vi giới hạn bởi bề mặt bên trong của các tường bao (hoặc bởi trục các cột biên ở khu vực không có tường bao); đường hầm; sàn giá đỡ trong nhà; sàn lửng; tất cả các sàn của giá đỡ nhiều tầng trong nhà; thêm (cầu) xếp dỡ; hành lang (trong mặt bằng) và hành lang liên thông sang các nhà khác. Tổng diện tích của nhà không bao gồm: diện tích các tầng hầm kỹ thuật có chiều cao, tính từ sàn đến mặt dưới của kết cấu nhô ra ở phía trên, nhỏ hơn 1,8 m (ở đó không yêu cầu có lối đi để bảo dưỡng các đường ống kỹ thuật); diện tích phía trên trần treo; cũng như diện tích sàn của giá đỡ nhiều tầng dùng để bảo dưỡng đường ray phía dưới cầu trục, bảo dưỡng cần trục, băng tải, đường ray đơn và thiết bị chiếu sáng.</p> <p>Diện tích các gian phòng có chiều cao</p>	<p><b>A.1.2.1</b> Khi xác định số lượng tầng của nhà thì mỗi sàn công tác, sàn đỡ thiết bị và sàn lửng (sau đây gọi chung là sàn phụ) nằm ở cao độ bất kì có diện tích lớn hơn 40 % diện tích một tầng của nhà đó, phải được tính như một tầng.</p> <p>Diện tích một tầng của nhà trong phạm vi một khoang cháy được xác định theo chu vi bên trong của tường bao của tầng, không tính diện tích buồng thang bộ. Nếu trong diện tích đó có các sàn phụ thì đối với nhà 1 tầng phải cộng thêm diện tích của tất cả các sàn này; còn đối với nhà nhiều tầng (hoặc phần nhà nhiều tầng) thì diện tích khoang cháy của mỗi tầng phải cộng thêm diện tích các sàn phụ nằm trong tầng đó. Diện tích của thềm (cầu) xếp dỡ phía ngoài dùng cho phương tiện vận tải đường bộ và đường sắt không được tính vào diện tích của tầng nhà trong phạm vi khoang cháy. Diện tích các gian phòng có chiều cao thông từ 2 tầng trở lên, trong phạm vi một nhà nhiều tầng (gian phòng thông 2 tầng hoặc nhiều</p>	<p>Làm rõ, đơn giản hóa cách tính diện tích khoang cháy và số tầng trong nhà công nghiệp.</p>	<p>Sp 2.13330.2020 6.11 При определении этажности здания учитываются площадки, ярусы этажерок и антресолей, площадь которых на любой отметке превышает 40% площади этажа здания. В этом случае здание проектируется в соответствии с противопожарными требованиями для многоэтажных зданий в части требований к площади этажа в пределах пожарного отсека, а площадки этажерок и антресолей должны иметь пределы огнестойкости, соответствующие пределам огнестойкости межэтажных перекрытий. При наличии площадок и этажерок в площади этажа в пределах пожарного отсека включаются в одноэтажном здании площадь всех площадок, ярусов этажерок и антресолей, в многоэтажном здании - площадь площадок, ярусов этажерок и антресолей в пределах расстояния по высоте между отметками площадок, ярусов этажерок и антресолей</p>

<p>thông từ 2 tầng trở lên, trong phạm vi một nhà nhiều tầng (gian phòng thông 2 tầng hoặc nhiều tầng), được tính vào diện tích tổng cộng của nhà trong phạm vi một tầng.</p> <p>Khi xác định số lượng tầng của nhà thì mỗi sàn giá đỡ và sàn lửng nằm ở cao độ bất kì có diện tích lớn hơn 40 % diện tích 1 tầng của nhà đó, phải được tính như một tầng.</p> <p>Diện tích 1 tầng của nhà trong phạm vi một khoang cháy được xác định theo chu vi bên trong của tường bao của tầng, không tính diện tích buồng thang bộ. Nếu trong diện tích đó có sàn giá đỡ, sàn của giá đỡ nhiều tầng và sàn lửng thì đối với nhà 1 tầng phải tính diện tích của tất cả các sàn giá đỡ, sàn của giá đỡ nhiều tầng và sàn lửng; còn đối với nhà nhiều tầng chỉ tính diện tích các sàn giá đỡ, sàn của giá đỡ nhiều tầng và sàn lửng nằm trong phạm vi khoảng cách theo chiều cao giữa các cốt của sàn giá đỡ, sàn của giá đỡ nhiều tầng và sàn lửng có diện tích ở mỗi cao độ không hơn 40 % diện tích sàn của tầng. Diện tích của thêm (cầu) xếp dỡ phía ngoài dùng cho phương tiện vận tải đường bộ và đường sắt không được tính vào diện tích của tầng nhà trong phạm vi khoang</p>	<p>tầng), được tính vào diện tích tổng cộng của nhà trong phạm vi một tầng.</p> <p>Diện tích xây dựng được xác định theo chu vi ngoài của nhà ở cao độ chân tường, bao gồm cả các phần nhỏ ra, đường đi qua dưới nhà, các phần nhà không có kết cấu ngăn che bên ngoài.</p>	<p>площадь на каждой отметке более 40% площади пола этажа.</p> <p>В площадь этажа здания в пределах пожарного отсека не включаются наружные ramпы для автомобильного и железнодорожного транспорта.</p> <p>При оборудовании производственных зданий автоматическими установками пожаротушения указанные в таблице 6.1 площади этажей в пределах пожарных отсеков допускается увеличивать на 100%, за исключением зданий IV и V степеней огнестойкости.</p> <p>При наличии открытых технологических проемов в перекрытиях смежных этажей суммарная площадь этих этажей не должна превышать площади этажа, указанной в таблице 6.1.</p> <p>В зданиях категории В при наличии помещений категории В1, имеющих общую площадь более половины площади соответствующего этажа, площадь этажа в пределах пожарного отсека, указанную в таблице 6.1, необходимо уменьшить на 25%.</p>
---	---	--

	<p>cháy.</p> <p>Diện tích xây dựng được xác định theo chu vi ngoài của nhà ở cao độ chân tường, bao gồm cả các phần nhô ra, đường đi qua dưới nhà, các phần nhà không có kết cấu ngăn che bên ngoài.</p>			
	<p><b>A.1.3.2</b> Việc bố trí các gian phòng có hạng nguy hiểm cháy khác nhau trong cùng một nhà và ngăn chia giữa chúng phải tuân thủ các yêu cầu về giới hạn chịu lửa của bộ phận bao che các gian phòng đó, đường thoát nạn và lối ra thoát nạn, thiết bị thoát khói, khoang đệm và khoang đệm ngăn cháy, buồng thang bộ và thang leo cũng như mái được quy định trong những phần liên quan của quy chuẩn này và các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành.</p> <p>Cho phép bố trí tầng có công năng làm kho hoặc phòng điều hành bên trong nhà sản xuất, cũng như tầng có công năng sản xuất và điều hành bên trong nhà kho nếu bảo đảm được các yêu cầu về khoảng cách phòng cháy chống cháy quy định tại Phụ lục E và các quy định liên quan của quy chuẩn này.</p> <p>Trong các kho trung chuyển (kho ngoại quan) một tầng có bậc chịu lửa I hoặc II và cấp nguy hiểm cháy kết cấu S0, nếu có các hành lang để thoát nạn được bao bởi vách ngăn cháy loại 1 và có áp suất không khí dương khi xảy ra cháy thì chiều dài đoạn hành lang đó không phải tính vào độ dài của đường thoát nạn.</p>	<p><b>A.1.3.2</b> Việc bố trí các gian phòng có hạng nguy hiểm cháy khác nhau trong cùng một nhà và ngăn chia giữa chúng phải tuân thủ các yêu cầu về giới hạn chịu lửa của bộ phận bao che các gian phòng đó, đường thoát nạn và lối ra thoát nạn, thiết bị thoát khói, khoang đệm và khoang đệm ngăn cháy, buồng thang bộ và thang leo cũng như lối ra mái được quy định trong những phần liên quan của quy chuẩn này và các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành.</p> <p>Trong các kho trung chuyển (kho ngoại quan) một tầng có bậc chịu lửa I hoặc II và cấp nguy hiểm cháy kết cấu S0, nếu có các hành lang để thoát nạn được bao bởi các vách ngăn cháy loại 1 và có áp suất không khí dương khi xảy ra cháy thì chiều dài đoạn hành lang đó không phải tính vào độ dài của đường thoát nạn.</p>	<p>Bỏ khổ 2 để tránh nhầm lẫn, do đã được quy định ở các điều khoản khác.</p>	

	bởi các vách ngăn cháy loại 1 và có áp suất không khí dương khi xảy ra cháy thì chiều dài đoạn hành lang đó không phải tính vào độ dài của đường thoát nạn.		
	<p><b>A.1.3.10</b> Kho cất giữ hàng có hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ C trên giá đỡ cao tầng phải được bố trí trong nhà 1 tầng có bậc chịu lửa I đến IV và cấp nguy hiểm cháy kết cấu của nhà S0.</p> <p>Các giá đỡ hàng phải có sàn đỡ nằm ngang, đặc và làm từ vật liệu không cháy đặt cách nhau không quá 4 m theo chiều cao.</p>	<p><b>A.1.3.10</b> Kho cất giữ hàng có hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ C trên giá đỡ cao tầng phải được bố trí trong nhà 1 tầng có bậc chịu lửa I đến IV và cấp nguy hiểm cháy kết cấu của nhà S0. Trường hợp bố trí trong nhà nhiều tầng thì các giá đỡ cao tầng phải được bảo vệ bởi hệ thống chữa cháy tự động theo các tài liệu chuẩn được phép áp dụng, và phải đảm bảo tất cả người trong nhà có thể thoát nạn an toàn ra ngoài trong mọi trường hợp cháy.</p>	Bổ sung yêu cầu đối với bố trí giá đỡ cao tầng hạng C trong nhà nhiều tầng.
	<b>Phụ lục A.2</b>		
	<p><b>A.2.4</b> Các gian phòng tập trung đông người có số chỗ ngồi cố định từ trên 300 đến 600 – không được đặt ở chiều cao PCCC trên 15 m; số chỗ ngồi cố định từ trên 150 đến 300 – không được đặt ở chiều cao PCCC trên 40 m, và với số chỗ ngồi cố định từ 100 đến 150 – không được đặt ở chiều cao PCCC trên 50 m.</p> <p>Các gian phòng công cộng đặt ở chiều cao PCCC trên 50 m thì số chỗ ngồi cố định không được vượt quá 100.</p>	<p><b>A.2.4</b> Các gian phòng tập trung đông người có số chỗ ngồi cố định từ trên 300 đến 600 – không được đặt ở chiều cao PCCC trên 15 m; số chỗ ngồi cố định từ trên 150 đến 300 – không được đặt ở chiều cao PCCC trên 40 m, và với số chỗ ngồi cố định từ 100 đến 150 – không được đặt ở chiều cao PCCC trên 50 m. Các gian phòng công cộng đặt ở chiều cao PCCC trên 50 m thì số chỗ ngồi cố định không được vượt quá 100.</p>	



		Cho phép bố trí các gian phòng tập trung đông người ở chiều cao PCCC cao hơn quy định trên khi có tính toán thoát nạn cho người theo tài liệu chuẩn (ví dụ [5]) đảm bảo nguyên tắc người thoát nạn an toàn ra ngoài nhà trước khi bị các yếu tố nguy hiểm cháy tác động.			
		<p><b>A.2.12</b> Phải bố trí thang máy chữa cháy trong các giếng thang riêng biệt, có sảnh thang máy độc lập. Lối ra từ thang máy này đi ra ngoài nhà không được bố trí đi qua sảnh chung.</p> <p>Số lượng thang máy chữa cháy cho mỗi khoang cháy phải được tính toán đủ để khoảng cách từ vị trí các thang máy đó đến một điểm bất kỳ trên mặt bằng tầng mà nó phục vụ không vượt quá 45 m.</p>	<p><b>A.2.12</b> Phải bố trí thang máy chữa cháy trong các giếng thang riêng biệt, có sảnh thang máy độc lập. Trường hợp bố trí chung giếng thang và sảnh thang thì việc bảo vệ các giếng thang, sảnh thang chung này phải tuân thủ các yêu cầu tại A.2.24 như đối với thang máy chữa cháy.</p> <p>Lối ra ngoài nhà từ tối thiểu một trong số các thang máy chữa cháy không được bố trí đi qua sảnh chung của nhà.</p> <p>Số lượng thang máy chữa cháy cho mỗi khoang cháy phải được tính toán đủ để khoảng cách từ vị trí các thang máy đó đến một điểm bất kỳ trên mặt bằng tầng mà nó phục vụ không vượt quá 45 m.</p>	<p>Bổ sung yêu cầu an toàn cháy đối với trường hợp sử dụng sảnh thang máy chung giữa thang chữa cháy và thang thường.</p>	<p>SP 477.1325800.2020, 7.6</p>
		<p><b>A.2.14</b> Các hành lang phải được phân chia thành các khoang ngăn cách nhau bằng vách ngăn cháy loại 1. Cửa ngăn cháy lắp đặt trên các vách ngăn cháy này phải có cơ cấu tự đóng và các khe cửa phải được che kín (trừ phần chân).</p>	<p><b>A.2.14</b> Các hành lang phải được phân chia thành các khoang ngăn cách nhau bằng vách ngăn cháy loại 1 và cửa ngăn cháy loại 2 có cơ cấu tự đóng, hoặc bằng các vách ngăn khói, màn ngăn khói từ vật liệu không cháy có mép dưới cách sàn</p>	<p>Bổ sung giải pháp tương tự 3.3.5 sửa đổi</p>	<p>Thư trả lời của MCHS Nga về vấn đề này.</p>

	Chiều dài mỗi khoang hành lang phải bảo đảm như sau: – Đối với khối căn hộ: không quá 30 m. – Đối với khối nhà không phải là căn hộ: không quá 60 m.	hành lang tối đa 2,5 m. Chiều dài mỗi khoang hành lang phải bảo đảm như sau: – Đối với khối căn hộ: không quá 30 m. – Đối với khối nhà không phải là căn hộ: không quá 60 m.		
	<b>A.2.20</b> Nhà có chiều cao PCCC trên 100 m phải bố trí tầng lánh nạn, gian lánh nạn bảo đảm các yêu cầu theo A.3.2.	<b>A.2.20</b> Nhà có chiều cao PCCC trên 100 m phải bố trí các khu vực lánh nạn tạm thời theo A.3.2.	<b>A.2.20</b> Nhà có chiều cao PCCC trên 100 m phải bố trí các khu vực lánh nạn tạm thời theo A.3.2.	SP 1.13330.2020, SP 477.13330.2020, NFPA 101-2021
	<b>Sửa đổi phụ lục A.3</b>			
	<b>A.3.1.16</b> e) Nguồn điện cấp cho hệ thống bảo vệ chống cháy gồm: thang máy phục vụ chuyên chở lực lượng, phương tiện chữa cháy; hệ thống bảo vệ chống khói; hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động; phải được lấy từ các tủ điện độc lập hoặc các bảng điện riêng với màu sơn khác nhau đi theo hai tuyến riêng biệt tới thiết bị phân phối của từng khoang cháy.	Bãi bỏ mục A.3.1.16, e.	Bổ sung giải pháp lánh nạn phân tán trong A.3.2, do đó sửa điều này để tương thích.	
		<b>A.3.2.1</b> Đối với nhà có chiều cao PCCC từ trên 100 m đến 150 m, ngoài việc tuân thủ các quy định tại A.3.1, phải bố trí các khu vực lánh nạn tạm thời theo A.3.2.1 hoặc	Bổ sung yêu cầu đối với lánh nạn theo phương án phân tán.	

		<p>A.3.2.2, hoặc kết hợp hai phương án. Giải pháp thiết kế phải đảm bảo thoát nạn kịp thời và thông suốt cho mọi người ra ngoài hoặc vào những khu vực lánh nạn tạm thời (bao gồm vùng an toàn bố trí tại tất cả các tầng và/hoặc gian lánh nạn thuộc tầng lánh nạn) phù hợp với phương án tổ chức thoát nạn cho nhà khi có cháy.</p>		
	<p><b>A.3.2.1</b> Đối với nhà có chiều cao PCCC từ trên 100 m đến 150 m, ngoài việc tuân thủ các quy định tại A.3.1, cần phải bố trí tầng lánh nạn, gian lánh nạn đáp ứng những yêu cầu sau đây:</p> <p>a) Tầng lánh nạn cách nhau không quá 20 tầng, tầng lánh nạn đầu tiên được bố trí không cao quá tầng thứ 21. Khu vực bố trí gian lánh nạn, phải được ngăn cách với các khu vực khác bằng bộ phận ngăn cháy có giới hạn chịu lửa không nhỏ hơn REI 150. Các khu vực khác ngoài khu vực bố trí gian lánh nạn có thể sử dụng cho các công năng công cộng hoặc một phần căn hộ trên tầng lánh nạn;</p> <p>CHÚ THÍCH: Có thể sử dụng tầng kỹ thuật hoặc một phần tầng kỹ thuật làm khu vực lánh nạn khi đáp ứng các quy định tại các đoạn b), c), d), e), f).</p>	<p>Nếu lựa chọn khu vực lánh nạn tạm thời là các tầng lánh nạn, gian lánh nạn thì phải đáp ứng những yêu cầu sau đây:</p> <p>a) Tầng lánh nạn cách nhau không quá 20 tầng, tầng lánh nạn đầu tiên được bố trí không cao quá tầng thứ 21. Khu vực bố trí gian lánh nạn phải được ngăn cách với các khu vực khác bằng bộ phận ngăn cháy có giới hạn chịu lửa không nhỏ hơn REI 150. Các khu vực khác ngoài khu vực bố trí gian lánh nạn có thể sử dụng cho các công năng công cộng hoặc bố trí căn hộ với điều kiện đảm bảo các yêu cầu về thoát nạn đối với các khu vực này;</p> <p>CHÚ THÍCH: Có thể sử dụng tầng kỹ thuật hoặc một phần tầng kỹ thuật làm khu vực lánh nạn khi đáp ứng các quy định tại các đoạn b), c), d), e), f).</p> <p>(Các mục b-h của điều này giữ nguyên)</p>	<p>Bổ sung yêu cầu cho phép bố trí căn hộ ở khu vực khác ngoài gian lánh nạn.</p>	

	<p><b>A.3.2.2</b> Nếu lựa chọn khu vực lánh nạn tạm thời là các vùng an toàn thì phải tuân thủ các quy định dưới đây:</p> <p>a) Vùng an toàn được phân thành 4 loại sau:</p> <p>Loại 1: là gian phòng được ngăn cách với các khu vực khác bằng kết cấu bao che có giới hạn chịu lửa bằng giới hạn chịu lửa của tường trong cửa buồng thang bộ tương ứng với bậc chịu lửa của nhà (không xét chỉ tiêu R nếu các kết cấu bao che này không phải kết cấu chịu lực) và các bộ phận chèn bịt lỗ mở có giới hạn chịu lửa tối thiểu EI 60 (hoặc EIW 60) kín khí, được tạo áp suất không khí dương khi có cháy trong gian phòng hoặc trong khoang đệm ngăn cháy ở lối vào của gian phòng này, hoặc lối vào gian phòng đi qua một vùng đệm không khí không nhiễm khói theo các đường đi chuyển tiếp hờ (tương tự lối vào buồng thang bộ N1).</p> <p>Lối ra thoát nạn từ vùng an toàn loại 1 phải dẫn vào sảnh thang máy được bảo vệ như khoang đệm ngăn cháy loại 1, hoặc vào buồng thang bộ thoát nạn, hoặc kết hợp các phương án trên (có thể đi qua các hành lang an toàn được bảo vệ như hành lang thoát nạn của nhà, hoặc đi qua các vùng đệm không khí không nhiễm khói).</p>	<p>Bổ sung yêu cầu đối với lánh nạn phân tán.</p>	<p>SP1.13330: 9.2, 9.3 SP 477.1325800</p> <p>SP 59.13330: 6.2.28</p> <p>Каждая безопасная зона здания или сооружения должна быть оснащена необходимыми и приспособлениями и оборудованием для пребывания МГН, аварийным освещением, устройством двусторонней речевой и/или видеосвязи с диспетчерской, помещением пожарного поста или помещением с персоналом, ведущим круглосуточное дежурство.</p>
--	--	---	--

		<p>Loại 2: là vùng đặt ở trên mái có khai thác sử dụng với lối ra mái phải đi qua khoang đệm ngăn cháy loại 1.</p> <p>Loại 3: là một khoang cháy hoặc một phần khoang cháy, có đường thoát nạn độc lập được bảo vệ bằng vách ngăn cháy loại 1 và sàn ngăn cháy loại 3.</p> <p>Loại 4: là buồng thang bộ.</p> <p>b) Vùng an toàn loại 4 chỉ được sử dụng cho các nhà nhóm F1.3. Các nhà thuộc các nhóm công năng khác được lựa chọn loại 1, 2, hoặc 3, hoặc kết hợp.</p> <p>c) Vùng an toàn phải được bố trí trên tất cả các tầng của nhà (trừ tầng có lối ra ngoài trực tiếp) hoặc bố trí cách một số tầng, đồng thời phải đảm bảo tiếp cận được cho người khuyết tật và những người có khả năng di chuyển hạn chế khác cần phải sử dụng xe lăn.</p> <p>d) Diện tích vùng an toàn tính cho một tầng nhà phải tính toán căn cứ vào số lượng người cần được bố trí lánh nạn tùy theo công năng của phần nhà đó và định mức diện tích sàn cho mỗi người, có bao gồm diện tích sàn cho người sử dụng xe lăn. Cụ thể như sau:</p> <p>- Định mức diện tích sàn đối với người sử dụng xe lăn: số lượng lấy theo hồ sơ thiết kế, nhưng không ít hơn 01 người cho một</p>	
--	--	--	--

	<p>tầng nhà, diện tích cần thiết cho 01 người sử dụng xe lán là 2,65 m<sup>2</sup>;</p> <p>- Định mức diện tích sàn 0,3 m<sup>2</sup>/người phụ thuộc vào tổng số người sử dụng tầng nhà theo từng công năng được xác định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ F1.1 (các cơ sở mẫu giáo, mầm non) – lấy bằng 80 %;</li> <li>+ F1.2 (khách sạn) – lấy bằng 20 %;</li> <li>+ F1.3 (chung cư) – lấy bằng 35 %;</li> <li>+ F2.2 (nhà hát, rạp chiếu phim) – lấy bằng 60 %;</li> <li>+ F3.4 (cơ sở khám bệnh đa khoa và điều trị ngoại trú) – lấy bằng 70 %;</li> <li>+ Nhà công cộng khác, có thể có trẻ nhỏ – lấy bằng 35 %;</li> <li>+ Nhà công cộng khác, không có trẻ nhỏ – lấy bằng 10 %.</li> </ul> <p>e) Nếu vùng an toàn là gian phòng riêng, được sử dụng các công năng khác trong vùng an toàn như đối với gian lánh nạn quy định tại A.3.2.1, b), nhưng phải đảm bảo đủ diện tích trống như định mức quy định.</p> <p>f) Mỗi vùng an toàn phải được lắp đặt chiếu sáng sự cố, có thiết bị liên lạc hai chiều với phòng trực điều khiển chống</p>	
--	---	--

	cháy, hoặc phòng trực có người trực 24/24 của nhà.		
	Bộ phụ lục A.4 về Karaoke, vũ trường	<p>Đã có các VBQPPL khác điều chỉnh đối tượng này. Hiện nay chưa có quán karaoke nào thâm duyệt, nghiệm thu theo quy định của QCVN 06:2022/BXD, các quán karaoke đều đang điều chỉnh bởi Thông tư 47/2015/TT-BCA và TT 147/2020/TT-BCA (vẫn đang hiện hành). Việc hủy bỏ TT 147/2020/TT-BCA là không thể thực hiện được do TT này đang điều chỉnh đa số các công trình karaoke, vũ trường hiện hữu.</p> <p>Theo chỉ đạo của Thủ tướng về việc tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các quán karaoke, để đồng nhất các văn bản pháp luật điều chỉnh đối tượng này, tránh quy định ở nhiều nơi.</p>	





**13 BẢNG 13. PHỤ LỤC C. PHÂN HẠNG CHÁY NỔ**

STT	Quy định hiện hành trong QCVN 06:2022/BXD	Dự thảo sửa đổi lần 1	Lý do sửa đổi	Căn cứ sửa đổi
	<p><b>C.3.1</b> Phương pháp xác định các dấu hiệu để xếp nhà, công trình và gian phòng có công năng sản xuất và kho vào các hạng theo tính nguy hiểm cháy và cháy nổ được quy định trong các tiêu chuẩn.</p>	<p><b>C.3.1</b> Phương pháp xác định các dấu hiệu để xếp nhà, công trình và gian phòng có công năng sản xuất và kho vào các hạng theo tính nguy hiểm cháy và cháy nổ được quy định trong các tiêu chuẩn, có thể áp dụng [7] và các tài liệu hướng dẫn liên quan để thực hiện.</p> <p>Các thông số của chất cháy trong nhà và gian phòng có thể tham khảo trong các tài liệu chuẩn [3, 4, 5, 6, 7, 8] hoặc các tài liệu chuẩn khác.</p>	<p>Bổ sung tiêu chuẩn cụ thể để phân hạng cháy nổ và xác định tải trọng cháy trong công trình.</p>	
	<p><b>C.3.2</b> Một số nhà và gian phòng thuộc các phân xưởng, nhà kho, bộ phận sản xuất được phép phân hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ như sau:</p>	<p><b>C.3.2</b> Khi không có các tính toán cụ thể để phân hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ theo tiêu chuẩn, có thể tham khảo hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ của một số nhà và gian phòng thuộc các phân xưởng, nhà kho, bộ phận sản xuất như sau:</p>	<p>Làm rõ hơn ý nghĩa của phụ lục C.3.2 là chỉ sử dụng khi không có tính toán cụ thể, tránh việc áp dụng máy móc, trong một số trường hợp dẫn đến phân hạng sai.</p>	<p>Sp 12.13330.2009, Перечень зданий и помещений предприятий Минсельхоза России</p>
	<p><b>C.3.2.2 Hạng B</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Phân xưởng sản xuất và vận chuyển than cám, mùn cưa, những trạm tẩy rửa các thùng dầu</li> </ul>	<p><b>C.3.2.2 Hạng B</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Phân xưởng sản xuất và vận chuyển than cám, mùn cưa, những trạm tẩy rửa các thùng dầu madút</li> </ul>	<p>Làm rõ một số trường hợp xếp hạng B, khi nghiên và xay cán chất rắn. Chỉ trong trường hợp tạo ra các bụi cháy</p>	<p>Перечень зданий и помещений предприятий Минсельхоза России</p>

	<p>madút và các chất lỏng khác có nhiệt độ bùng cháy ở thể hơi từ 28 °C đến 61 °C;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gian nghiền và xay cán chất rắn, phân xưởng chế biến cao su nhân tạo, phân xưởng sản xuất đường, những kho chứa dầu madút của nhà máy điện, những trạm bơm chất lỏng có nhiệt độ bùng cháy ở thể hơi từ 28 °C đến 61 °C.</li> </ul>	<p>và các chất lỏng khác có nhiệt độ bùng cháy ở thể hơi từ 28 °C đến 61 °C;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gian nghiền và xay cán chất rắn có tạo ra các bụi cháy được và có khả năng tạo thành các hỗn hợp nguy hiểm nổ (theo bảng C.1) khi có sự cố, phân xưởng chế biến cao su nhân tạo, phân xưởng sản xuất đường, những kho chứa dầu madút của nhà máy điện, những trạm bơm chất lỏng có nhiệt độ bùng cháy ở thể hơi từ 28 °C đến 61 °C.</li> </ul>	<p>đc có nguy cơ cháy hoặc cháy nổ thì mới cần xem xét xếp hạng B.</p>	

## 14 BẢNG 14. PHỤ LỤC D. BẢO VỆ CHỐNG KHÓI

STT	Quy định hiện hành trong QCVN 06:2022/BXD	Dự thảo sửa đổi lần I	Lý do sửa đổi	Căn cứ sửa đổi
	<p><b>D.1.1</b> Việc bảo vệ chống khói cho nhà và công trình nhằm ngăn chặn và (hoặc) hạn chế sự lan truyền khói và các sản phẩm cháy (sau đây gọi chung là khói) trong nhà, với mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo điều kiện an toàn cho người thoát nạn và bảo vệ tài sản khi xảy ra cháy;</li> <li>- Tạo các điều kiện cần thiết cho lực lượng chữa cháy cứu người, phát hiện và khoanh vùng đám cháy trong nhà.</li> </ul>	<p><b>D.1.1</b> Việc bảo vệ chống khói cho nhà và công trình nhằm ngăn chặn và (hoặc) hạn chế sự lan truyền khói và các sản phẩm cháy (sau đây gọi chung là khói) trong nhà, với mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo điều kiện an toàn cho người thoát nạn và bảo vệ tài sản khi xảy ra cháy;</li> <li>- Tạo các điều kiện cần thiết cho lực lượng chữa cháy cứu người, phát hiện và khoanh vùng đám cháy trong nhà.</li> </ul> <p>Khi không có các yêu cầu cụ thể về các điều kiện cần thiết cho lực lượng chữa cháy và không có yêu cầu về bảo vệ tài sản khi xảy ra cháy, thì việc thiết kế bảo vệ chống khói của nhà cần đảm bảo mục tiêu tối thiểu là an toàn cho người thoát nạn ra ngoài.</p>	<p>Bổ sung, làm rõ điều kiện tiên quyết khi thiết kế bảo vệ chống khói là đảm bảo an toàn cho người. Là cơ sở để thiết kế bảo vệ chống khói cụ thể.</p>	<p>Đồng bộ với các quy định tại 1.5.4.</p>
	<p><b>D.1.2</b> Các giải pháp bảo vệ chống khói cho nhà và công trình bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân chia, cô lập khói thành các vùng khói (bể khói);</li> <li>- Thông gió tự nhiên khi có cháy;</li> </ul>	<p><b>D.1.2</b> Các giải pháp bảo vệ chống khói cho nhà và công trình bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân chia, cô lập khói thành các vùng khói (bể khói);</li> <li>- Thông gió tự nhiên khi có cháy;</li> </ul>	<p>Sửa thuật ngữ cho chính xác hơn. Cho phép áp dụng giới hạn biên khói theo tiêu chuẩn thiết kế.</p>	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Thông gió thoát khói: bao gồm hệ thống hút xả khói và cấp không khí chống khói theo cơ chế tự nhiên hoặc cơ chế cưỡng bức;</li> <li>– Tạo áp suất dương cho các khu vực cần chống nhiễm khói.</li> </ul> <p>Có thể áp dụng một hoặc đồng thời nhiều giải pháp nêu trên, và phải bảo đảm điều kiện biên dưới của lớp khói không thấp hơn 2 m so với mặt sàn cao nhất có thể đi bộ trong gian phòng hoặc trong hành lang được bảo vệ chống khói.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Thông gió thoát khói: bao gồm hệ thống hút xả khói và cấp không khí chống khói theo cơ chế tự nhiên hoặc cơ chế cưỡng bức;</li> <li>– Tạo áp suất dương cho các khu vực cần chống nhiễm khói.</li> </ul> <p>Có thể áp dụng một hoặc đồng thời nhiều giải pháp nêu trên, và phải bảo đảm điều kiện biên dưới của lớp khói không thấp hơn 2 m (hoặc lấy theo giá trị quy định trong tài liệu chuẩn áp dụng) so với mặt sàn cao nhất có thể đi bộ trong gian phòng hoặc trong hành lang được bảo vệ chống khói.</p>		
	<p><b>D.1.3</b> Các thiết bị của hệ thống hút xả khói và cấp không khí chống khói, không phụ thuộc vào cơ chế hoạt động (tự nhiên hoặc cưỡng bức), phải được dẫn động (kích hoạt) tự động (từ tín hiệu báo cháy tự động hoặc từ thiết bị chữa cháy tự động) và dẫn động (kích hoạt) từ xa (từ phòng trực điều độ của nhà, hoặc phòng trực chống cháy hoặc từ các nút bấm được đặt trên lối thoát nạn hoặc trong các tủ báo cháy. Các nút bấm này phải được bố trí sao cho con người có thể dễ dàng kích hoạt).</p> <p>Các thiết bị của hệ thống bảo vệ chống khói (bao gồm cả các đường</p>	<p><b>D.1.3</b> Các thiết bị của hệ thống hút xả khói và cấp không khí chống khói, không phụ thuộc vào cơ chế hoạt động (tự nhiên hoặc cưỡng bức), phải luôn đảm bảo hoạt động đúng thiết kế khi có cháy.</p> <p>Các thiết bị của hệ thống bảo vệ chống khói (bao gồm cả các đường ống) phải được lắp đặt đúng quy định của nhà sản xuất, được kiểm tra định kỳ và bảo trì, bảo dưỡng thích hợp. Các trang bị phụ trợ để lắp đặt, treo các thiết bị phải bảo đảm duy trì khả năng hoạt động của thiết bị theo quy định của nhà sản</p>	<p>Nêu rõ yêu cầu cần thiết. Việc bố trí hệ thống đảm bảo yêu cầu sẽ căn cứ trên thiết kế cụ thể.</p>	

	ống) phải được lắp đặt đúng quy định của nhà sản xuất, được kiểm tra định kỳ và bảo trì, bảo dưỡng thích hợp. Các trang bị phụ trợ để lắp đặt, treo các thiết bị phải bảo đảm duy trì khả năng hoạt động của thiết bị theo quy định của nhà sản xuất trong suốt thời gian khai thác sử dụng.	xuất trong suốt thời gian khai thác sử dụng.		
	<p><b>D.1.5</b> Hệ thống thông gió thoát khói phải độc lập cho từng khoang cháy, ngoại trừ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Các hệ thống cấp không khí tạo áp suất dương để bảo vệ các buồng thang bộ và giéng thang máy liên thông giữa các khoang cháy khác nhau;</li> <li>– Các hệ thống hút xả khói bảo vệ sảnh thông tầng và các hành lang thông tầng không được ngăn chia thành các khoang cháy.</li> </ul>	<p><b>D.1.5</b> Hệ thống thông gió thoát khói phải hoạt động độc lập cho từng khoang cháy, ngoại trừ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Các hệ thống cấp không khí tạo áp suất dương để bảo vệ các buồng thang bộ và giéng thang máy liên thông giữa các khoang cháy khác nhau;</li> <li>– Các hệ thống hút xả khói bảo vệ sảnh thông tầng và các hành lang thông tầng không được ngăn chia thành các khoang cháy.</li> </ul>		
	<p><b>D.1.7</b> Cho phép thay đổi các yếu cầu trong Phụ lục D này trên cơ sở có luận chứng kỹ thuật về các giải pháp bảo vệ chống khói phù hợp với tiêu chuẩn được phép áp dụng.</p>	<p><b>D.1.7</b> Cho phép thay đổi các yếu cầu trong Phụ lục D này trên cơ sở có thiết kế bảo vệ chống khói phù hợp với tiêu chuẩn được phép áp dụng và thỏa mãn yêu cầu tại D.1.1.</p>	<p>Điền đạt rõ hơn, và gắn với các yêu cầu an toàn cháy cơ bản về bảo vệ chống khói.</p>	
	<p><b>D.2</b> Việc hút xả khói khi có cháy phải được thực hiện từ các khu vực sau:</p>	<p><b>D.2</b> Việc thoát khói khi có cháy phải được thực hiện từ các khu vực sau:</p>	<p>Sử dụng thuật ngữ Thoát khói cho phù hợp với D.1.2. Cần nhắc bỏ yêu cầu thoát khói khi có cháy</p>	

<p>a) Tủ hành lang (trừ hành lang bên) và sảnh của nhà ở, nhà công cộng, nhà hành chính - phụ trợ (trong các cơ sở công nghiệp) và nhà hỗn hợp có chiều cao PCCC lớn hơn 28 m;</p> <p>b) Tủ các hành lang và đường hầm đi bộ của tầng hầm, tầng nửa hầm của các nhà ở, nhà công cộng, nhà hành chính - phụ trợ (trong các cơ sở công nghiệp), nhà sản xuất và nhà hỗn hợp, khi các hành lang và đường hầm đi bộ này liên thông với các phòng có người làm việc thường xuyên;</p> <p>c) Tủ các hành lang có chiều dài lớn hơn 15 m mà không có thông gió tự nhiên khi có cháy của các nhà từ 2 tầng trở lên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà sản xuất, nhà kho hạng A, B và C;</li> <li>- Nhà công cộng, bao gồm cả nhà hành chính - phụ trợ trong các cơ sở công nghiệp;</li> <li>- Nhà hỗn hợp;</li> </ul> <p>d) Tủ hành lang chung (trừ hành lang bên) và sảnh chung của các nhà có buồng thang bộ không nhiễm khói;</p> <p>e) Tủ các sảnh thông tầng và các hành lang thương mại bao quanh</p>	<p>a) Tủ hành lang (trừ hành lang bên) và sảnh của nhà ở, nhà công cộng, nhà hành chính - phụ trợ (trong các cơ sở công nghiệp) và nhà hỗn hợp có chiều cao PCCC lớn hơn 28 m;</p> <p>b) Tủ các hành lang và đường hầm đi bộ của tầng hầm, tầng nửa hầm của các nhà ở, nhà công cộng, nhà hành chính - phụ trợ (trong các cơ sở công nghiệp), nhà sản xuất và nhà hỗn hợp, khi các hành lang và đường hầm đi bộ này liên thông với các phòng có người làm việc thường xuyên;</p> <p>c) Tủ các hành lang có chiều dài lớn hơn 15 m mà không có thông gió tự nhiên khi có cháy của các nhà từ 2 tầng trở lên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà sản xuất, nhà kho hạng A, B và C;</li> <li>- Nhà công cộng, bao gồm cả nhà hành chính - phụ trợ trong các cơ sở công nghiệp;</li> <li>- Nhà hỗn hợp;</li> </ul> <p>d) Tủ hành lang chung (trừ hành lang bên) và sảnh chung của các nhà có buồng thang bộ không nhiễm khói;</p> <p>e) Tủ các sảnh thông tầng và các hành lang thương mại bao quanh sảnh thông</p>	<p>đối với hạng C4, D, E trong nhà bậc IV, vì các nhà này có ít tải trọng cháy.</p>	

	<p>sảnh thông tầng (sau đây gọi chung là sảnh thông tầng);</p> <p>f) Từ các gian phòng có người làm việc thường xuyên, phục vụ sản xuất hoặc kho, bao gồm cả nơi bảo quản lưu trữ sách, tài liệu, hiện vật, xưởng phục chế cửa bảo tàng (đối với gian phòng lưu trữ dạng kệ thì không phụ thuộc vào việc có người làm việc thường xuyên), nếu các gian phòng này thuộc hạng A, B, C1 đến C3 trong nhà bậc chịu lửa I đến IV, C4, D, E trong nhà bậc chịu lửa IV;</p> <p>g) Từ mỗi gian phòng liên thông với buồng thang bộ không nhiễm khói, hoặc từ mỗi gian phòng không có thông gió tự nhiên khi có cháy sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích từ 50 m<sup>2</sup> trở lên, thường xuyên hoặc nhất thời tập trung đông người (số lượng hơn 1 người trên 1 m<sup>2</sup> sàn, không tính diện tích chiếm chỗ của các thiết bị, vật dụng);</li> <li>- Các gian thương mại, trưng bày sản phẩm hàng hóa;</li> <li>- Các phòng đọc và lưu trữ sách của thư viện, các gian triển lãm, bảo tàng có diện tích từ 50 m<sup>2</sup> trở lên, có người làm việc thường xuyên, dùng để lưu trữ hoặc sử dụng các chất và vật liệu cháy;</li> </ul>
<p>tầng (sau đây gọi chung là sảnh thông tầng);</p> <p>f) Từ các gian phòng có người làm việc thường xuyên, phục vụ sản xuất hoặc kho, bao gồm cả nơi bảo quản lưu trữ sách, tài liệu, hiện vật, xưởng phục chế cửa bảo tàng (đối với gian phòng lưu trữ dạng kệ thì không phụ thuộc vào việc có người làm việc thường xuyên), nếu các gian phòng này thuộc hạng A, B, C1 đến C3 trong nhà bậc chịu lửa I đến IV, C4 trong nhà bậc chịu lửa IV;</p> <p>g) Từ mỗi gian phòng liên thông với buồng thang bộ không nhiễm khói, hoặc từ mỗi gian phòng không có thông gió tự nhiên khi có cháy sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích từ 50 m<sup>2</sup> trở lên, thường xuyên hoặc nhất thời tập trung đông người (số lượng hơn 1 người trên 1 m<sup>2</sup> sàn, không tính diện tích chiếm chỗ của các thiết bị, vật dụng);</li> <li>- Các gian thương mại, trưng bày sản phẩm hàng hóa;</li> <li>- Các phòng đọc và lưu trữ sách của thư viện, các gian triển lãm, bảo tàng có diện tích từ 50 m<sup>2</sup> trở lên, có người làm việc thường xuyên, dùng để lưu trữ hoặc sử dụng các chất và vật liệu cháy;</li> </ul>	<p>sảnh thông tầng (sau đây gọi chung là sảnh thông tầng);</p> <p>f) Từ các gian phòng có người làm việc thường xuyên, phục vụ sản xuất hoặc kho, bao gồm cả nơi bảo quản lưu trữ sách, tài liệu, hiện vật, xưởng phục chế cửa bảo tàng (đối với gian phòng lưu trữ dạng kệ thì không phụ thuộc vào việc có người làm việc thường xuyên), nếu các gian phòng này thuộc hạng A, B, C1 đến C3 trong nhà bậc chịu lửa I đến IV, hoặc hạng C4, D, E trong nhà bậc chịu lửa IV;</p> <p>g) Từ mỗi gian phòng liên thông với buồng thang bộ không nhiễm khói, hoặc từ mỗi gian phòng không có thông gió tự nhiên khi có cháy sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích từ 50 m<sup>2</sup> trở lên, thường xuyên hoặc nhất thời tập trung đông người (số lượng hơn 1 người trên 1 m<sup>2</sup> sàn, không tính diện tích chiếm chỗ của các thiết bị, vật dụng);</li> <li>- Các gian thương mại, trưng bày sản phẩm hàng hóa;</li> <li>- Các phòng đọc và lưu trữ sách của thư viện, các gian triển lãm, bảo tàng có diện tích từ 50 m<sup>2</sup> trở lên, có người làm việc thường</li> </ul>

	<p>xuyên, dùng để lưu trữ hoặc sử dụng các chất và vật liệu cháy;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng thay đồ, gửi đồ diện tích từ 200 m<sup>2</sup> trở lên;</li> </ul> <p>h) Các gara giữ xe kín, ngầm hoặc nổi, được xây dựng riêng hoặc là một phần của các nhà có công năng khác và cả các đường dốc được ngăn cách của các gara này.</p> <p>Cho phép hút xả khói qua hành lang liền kề từ các gian phòng có diện tích đến 200 m<sup>2</sup> và hạng nguy hiểm cháy C1, C2, C3, hoặc lưu trữ hoặc sử dụng chất và vật liệu cháy.</p> <p>Đối với các gian phòng thương mại và văn phòng diện tích không lớn hơn 800 m<sup>2</sup>, khi khoảng cách từ điểm xa nhất của gian phòng đến lối ra thoát nạn gần nhất không lớn hơn 25 m thì cho phép hút xả khói qua các khu vực liền kề là hành lang, sảnh, sảnh và hành lang thông tầng.</p> <p>Không cho phép ngăn chia phần hành lang cắt của nhà bằng các vách ngăn có cửa đi thành các đoạn có chiều dài nhỏ hơn 15 m.</p> <p>CHÚ THÍCH 1: Khu vực không có thông gió tự nhiên khi có cháy là khu vực không có ô cửa mở trên kết cấu xây dựng ngoài (tường ngoài) hoặc khu vực có ô cửa mở nhưng diện tích không đủ để thoát sản phẩm cháy.</p> <p>CHÚ THÍCH 2: Để thông gió tự nhiên khi có cháy cho các hành lang phải bố trí các ô cửa số</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng thay đồ, gửi đồ diện tích từ 200 m<sup>2</sup> trở lên;</li> </ul> <p>h) Các gara giữ xe kín, ngầm hoặc nổi, được xây dựng riêng hoặc là một phần của các nhà có công năng khác và cả các đường dốc được ngăn cách của các gara này.</p> <p>Cho phép hút xả khói qua hành lang liền kề từ các gian phòng có diện tích đến 200 m<sup>2</sup> và hạng nguy hiểm cháy C1, C2, C3, hoặc lưu trữ hoặc sử dụng chất và vật liệu cháy.</p> <p>Đối với các gian phòng thương mại và văn phòng diện tích không lớn hơn 800 m<sup>2</sup>, khi khoảng cách từ điểm xa nhất của gian phòng đến lối ra thoát nạn gần nhất không lớn hơn 25 m thì cho phép hút xả khói qua các khu vực liền kề là hành lang, sảnh, sảnh và hành lang thông tầng.</p> <p>Không cho phép ngăn chia phần hành lang cắt của nhà bằng các vách ngăn có cửa đi thành các đoạn có chiều dài nhỏ hơn 15 m.</p> <p>CHÚ THÍCH 1: Khu vực không có thông gió tự nhiên khi có cháy là khu vực không có ô cửa mở trên kết cấu xây dựng ngoài (tường ngoài) hoặc khu vực có ô cửa mở nhưng diện tích không đủ để thoát sản phẩm cháy.</p> <p>CHÚ THÍCH 2: Để thông gió tự nhiên khi có cháy cho các hành lang phải bố trí các ô cửa số</p>	<p>xuyên, dùng để lưu trữ hoặc sử dụng các chất và vật liệu cháy;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng thay đồ, gửi đồ diện tích từ 200 m<sup>2</sup> trở lên;</li> </ul> <p>h) Các gara giữ xe kín, ngầm hoặc nổi, được xây dựng riêng hoặc là một phần của các nhà có công năng khác và cả các đường dốc được ngăn cách của các gara này.</p> <p>Cho phép hút xả khói qua hành lang liền kề từ các gian phòng có diện tích đến 200 m<sup>2</sup> và hạng nguy hiểm cháy C1, C2, C3, hoặc lưu trữ hoặc sử dụng chất và vật liệu cháy.</p> <p>Đối với các gian phòng thương mại và văn phòng diện tích không lớn hơn 800 m<sup>2</sup>, khi khoảng cách từ điểm xa nhất của gian phòng đến lối ra thoát nạn gần nhất không lớn hơn 25 m thì cho phép hút xả khói qua các khu vực liền kề là hành lang, sảnh, sảnh và hành lang thông tầng.</p> <p>Không cho phép ngăn chia phần hành lang cắt của nhà bằng các vách ngăn có cửa đi thành các đoạn có chiều dài nhỏ hơn 15 m.</p> <p>CHÚ THÍCH 1: Khu vực không có thông gió tự nhiên khi có cháy là khu vực không có ô cửa mở trên kết cấu xây dựng ngoài (tường ngoài) hoặc khu vực có ô cửa mở nhưng diện tích không đủ để thoát sản phẩm cháy.</p> <p>CHÚ THÍCH 2: Để thông gió tự nhiên khi có cháy cho các hành lang phải bố trí các ô cửa số</p>



<p>mở hoặc lỗ cửa trên tường ngoài với các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mép trên ô cửa không thấp hơn 2,5 m và mép dưới ô cửa không cao quá 1,5 m tính từ mặt sàn;</li> <li>- Tổng chiều rộng phần mở được của các ô cửa không nhỏ hơn 1,6 m cho mỗi đoạn 30 m chiều dài hành lang;</li> <li>- Ô cửa phải mở được bằng tay một cách dễ dàng khi người đứng trên sàn.</li> </ul> <p>CHÚ THÍCH 3: Để thông gió tự nhiên khi cháy cho gian phòng phải có các ô cửa sổ mở hoặc lỗ cửa trên tường ngoài tương tự như CHÚ THÍCH 2, với chiều rộng tối thiểu 0,24 m cho mỗi m chiều dài tường ngoài. Nếu tường ngoài chỉ nằm ở 1 phía của gian phòng thì khoảng cách từ tường ngoài này đến tường ngăn bên trong không được lớn hơn 20 m. Nếu các ô cửa mở nằm ở hai kết cấu xây dựng ngoài đối diện nhau thì khoảng cách giữa hai kết cấu đó không lớn hơn 40 m, trong trường hợp này thì chiều dài tường ngoài không được nhỏ hơn 1/3 tổng chiều dài của các tường ngăn phòng bên trong.</p>	<p>ngoài) hoặc khu vực có ô cửa mở nhưng diện tích không đủ để thoát sản phẩm cháy.</p> <p>CHÚ THÍCH 2: Để thông gió tự nhiên khi có cháy cho các hành lang phải bố trí các ô cửa sổ mở hoặc lỗ cửa trên tường ngoài với các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mép trên ô cửa không thấp hơn 2,5 m và mép dưới ô cửa không cao quá 1,5 m tính từ mặt sàn;</li> <li>- Tổng chiều rộng phần mở được của các ô cửa không nhỏ hơn 1,6 m cho mỗi đoạn 30 m chiều dài hành lang;</li> <li>- Ô cửa phải mở được bằng tay một cách dễ dàng khi người đứng trên sàn.</li> </ul> <p>CHÚ THÍCH 3: Để thông gió tự nhiên khi cháy cho gian phòng phải có các ô cửa sổ mở hoặc lỗ cửa trên tường ngoài tương tự như CHÚ THÍCH 2, với chiều rộng tối thiểu 0,24 m cho mỗi m chiều dài tường ngoài. Nếu tường ngoài chỉ nằm ở 1 phía của gian phòng thì khoảng cách từ tường ngoài này đến tường ngăn bên trong không được lớn hơn 20 m. Nếu các ô cửa mở nằm ở hai kết cấu xây dựng ngoài đối diện nhau thì khoảng cách giữa hai kết cấu đó không lớn hơn 40 m, trong trường hợp này thì chiều dài tường ngoài không được nhỏ hơn 1/3 tổng chiều dài của các tường ngăn phòng bên trong.</p>	<p>Diễn đạt rõ hơn các khái niệm. Bỏ khổ cuối do đó chính là thoát khói tự nhiên dựa trên tính toán thông qua các lỗ mở, cụ thể do tiêu chuẩn thiết kế hướng dẫn. Không quy định trong</p> <p><b>D.8</b> Để thoát khói trực tiếp cho các gian phòng và hành lang của nhà một tầng có thể áp dụng hệ thống hút xả khói theo cơ chế tự nhiên (thoát khói tự nhiên), hoặc theo cơ chế cưỡng bức.</p>
<p><b>D.8</b> Để thoát khói trực tiếp cho các gian phòng và hành lang của nhà một tầng có thể áp dụng hệ thống hút xả khói theo cơ chế cưỡng bức, hoặc theo cơ chế tự nhiên thông qua các</p>	<p><b>D.8</b> Để thoát khói trực tiếp cho các gian phòng và hành lang của nhà một tầng có thể áp dụng hệ thống hút xả khói theo cơ chế cưỡng bức, hoặc theo cơ chế tự nhiên thông qua các</p>	

<p>giếng (ống) thu khói với van khói, thông qua các cửa nắp hút khói, hoặc thông qua các cửa trời mở và không đón gió vào.</p> <p>CHÚ THÍCH 1: Hệ thống hút xả khói theo cơ chế cưỡng bức là hệ thống hút xả khói, trong đó lực hút khói ra ngoài được tạo ra và duy trì bởi quạt hút.</p> <p>CHÚ THÍCH 2: Hệ thống hút xả khói theo cơ chế tự nhiên là hệ thống hút xả khói, trong đó khói tự thoát ra ngoài nhà qua các lỗ mở trên kết cấu bao che của nhà theo các định luật vật lý tự nhiên.</p> <p>Trong các nhà nhiều tầng cần sử dụng dụng hệ thống hút xả khói theo cơ chế cưỡng bức, hoặc có thể sử dụng hệ thống hút xả khói theo cơ chế tự nhiên nếu tính toán thoát khói cho phép, nhưng phải thỏa mãn yêu cầu tại D.1.1. Cho phép sử dụng hệ thống hút xả khói theo cơ chế tự nhiên đối với tầng trên cùng của nhà nhiều tầng, thông qua van khói, cửa nắp hút khói, hoặc các cửa trời mở, cửa chớp mở và không đón gió vào.</p> <p>Đối với nhà một tầng và tầng trên cùng của nhà nhiều tầng, cho phép sử dụng thông gió tự nhiên khi có cháy thay cho hệ thống hút xả khói khi bảo đảm các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tính toán thoát khói phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng, với các điều kiện bất lợi nhất đối với thoát khói (về nhiệt độ không khí bên ngoài, vận tốc gió bên ngoài, vị trí đám cháy, vị trí và tình trạng mở của các ô cửa và các yếu tố khác). Trong</li> </ul>	<p>CHÚ THÍCH 1: Hệ thống hút xả khói theo cơ chế cưỡng bức là hệ thống hút xả khói, trong đó lực hút khói ra ngoài được tạo ra và duy trì bởi quạt hút.</p> <p>CHÚ THÍCH 2: Hệ thống hút xả khói theo cơ chế tự nhiên là hệ thống hút xả khói, trong đó khói tự thoát ra ngoài nhà qua các lỗ mở trên kết cấu bao che của nhà theo các định luật vật lý tự nhiên.</p> <p>Trong các nhà nhiều tầng cần sử dụng hệ thống hút xả khói theo cơ chế cưỡng bức, hoặc có thể sử dụng hệ thống hút xả khói theo cơ chế tự nhiên nếu tính toán thoát khói cho phép, nhưng phải thỏa mãn yêu cầu tại D.1.1. Cho phép sử dụng hệ thống hút xả khói theo cơ chế tự nhiên đối với tầng trên cùng của nhà nhiều tầng, thông qua van khói, cửa nắp hút khói, hoặc các cửa trời mở, cửa chớp mở và không đón gió vào.</p> <p>Đối với nhà một tầng và tầng trên cùng của nhà nhiều tầng, cho phép sử dụng thông gió tự nhiên khi có cháy thay cho hệ thống hút xả khói khi bảo đảm các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tính toán thoát khói phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng, với các điều kiện bất lợi nhất đối với thoát khói (về nhiệt độ không khí bên ngoài, vận tốc gió bên ngoài, vị trí đám cháy, vị trí và tình trạng mở của các ô cửa và các yếu tố khác). Trong</li> </ul>	<p>QC để tránh hiểu nhầm giữa các khái niệm thông gió tự nhiên khi có cháy, hút xả khói theo cơ chế tự nhiên và cưỡng bức. Bổ sung khả năng thoát khói tự nhiên trong nhà nhiều tầng.</p>
<p>giếng (ống) thu khói với van khói, thông qua các cửa nắp hút khói, hoặc thông qua các cửa trời mở và không đón gió vào.</p> <p>CHÚ THÍCH 1: Hệ thống hút xả khói theo cơ chế cưỡng bức là hệ thống hút xả khói, trong đó lực hút khói ra ngoài được tạo ra và duy trì bởi quạt hút.</p> <p>CHÚ THÍCH 2: Hệ thống hút xả khói theo cơ chế tự nhiên là hệ thống hút xả khói, trong đó khói tự thoát ra ngoài nhà qua các lỗ mở trên kết cấu bao che của nhà theo các định luật vật lý tự nhiên.</p> <p>Trong các nhà nhiều tầng cần sử dụng dụng hệ thống hút xả khói theo cơ chế cưỡng bức. Cho phép sử dụng hệ thống hút xả khói theo cơ chế tự nhiên đối với tầng trên cùng của nhà nhiều tầng, thông qua van khói, cửa nắp hút khói, hoặc các cửa trời mở, cửa chớp mở và không đón gió vào.</p> <p>Đối với nhà một tầng và tầng trên cùng của nhà nhiều tầng, cho phép sử dụng thông gió tự nhiên khi có cháy thay cho hệ thống hút xả khói khi bảo đảm các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tính toán thoát khói phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng, với các điều kiện bất lợi nhất đối với thoát khói (về nhiệt độ không khí bên ngoài, vận tốc gió bên ngoài, vị trí đám cháy, vị trí và tình trạng mở của các ô cửa và các yếu tố khác). Trong</li> </ul>	<p>CHÚ THÍCH 1: Hệ thống hút xả khói theo cơ chế cưỡng bức là hệ thống hút xả khói, trong đó lực hút khói ra ngoài được tạo ra và duy trì bởi quạt hút.</p> <p>CHÚ THÍCH 2: Hệ thống hút xả khói theo cơ chế tự nhiên là hệ thống hút xả khói, trong đó khói tự thoát ra ngoài nhà qua các lỗ mở trên kết cấu bao che của nhà theo các định luật vật lý tự nhiên.</p> <p>Trong các nhà nhiều tầng cần sử dụng dụng hệ thống hút xả khói theo cơ chế cưỡng bức. Cho phép sử dụng hệ thống hút xả khói theo cơ chế tự nhiên đối với tầng trên cùng của nhà nhiều tầng, thông qua van khói, cửa nắp hút khói, hoặc các cửa trời mở, cửa chớp mở và không đón gió vào.</p> <p>Đối với nhà một tầng và tầng trên cùng của nhà nhiều tầng, cho phép sử dụng thông gió tự nhiên khi có cháy thay cho hệ thống hút xả khói khi bảo đảm các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tính toán thoát khói phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng, với các điều kiện bất lợi nhất đối với thoát khói (về nhiệt độ không khí bên ngoài, vận tốc gió bên ngoài, vị trí đám cháy, vị trí và tình trạng mở của các ô cửa và các yếu tố khác). Trong</li> </ul>	<p>QC để tránh hiểu nhầm giữa các khái niệm thông gió tự nhiên khi có cháy, hút xả khói theo cơ chế tự nhiên và cưỡng bức. Bổ sung khả năng thoát khói tự nhiên trong nhà nhiều tầng.</p>

	<p>đám cháy, vị trí và tình trạng mở của các ô cửa và các yếu tố khác). Trong tính toán, biên dưới của lớp khói phải không thấp hơn 2 m tính tới mặt sàn cao nhất có thể đi bộ được trong hành lang hay gian phòng đang xét.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các ô cửa, cửa trời được kể đến trong tính toán thoát khói phải luôn mở, hoặc tự động mở khi có cháy và phải đảm bảo có thể điều khiển mở từ xa bởi con người. Diện tích mở của các ô cửa, cửa trời khi có cháy phải phù hợp với tính toán.</li> </ul>	<p>tính toán, biên dưới của lớp khói phải không thấp hơn 2 m tính tới mặt sàn cao nhất có thể đi bộ được trong hành lang hay gian phòng đang xét.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các ô cửa, cửa trời được kể đến trong tính toán thoát khói phải luôn mở, hoặc tự động mở khi có cháy và phải đảm bảo có thể điều khiển mở từ xa bởi con người. Diện tích mở của các ô cửa, cửa trời khi có cháy phải phù hợp với tính toán.</li> </ul>	
	<p><b>D.9</b> Hệ thống hút xả khói phải đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <p>a) Việc bố trí các quạt hút (bao gồm cả các bộ phận phụ trợ của quạt để kết nối với ống) với giới hạn chịu lửa phù hợp (ví dụ: 0,5 giờ ở 200 °C; 0,5 giờ ở 300 °C; 1 giờ ở 300 °C; 1 giờ ở 400 °C; 1,5 giờ ở 400 °C hoặc 1,5 giờ ở 600 °C, v.v ...) phải được thực hiện căn cứ vào nhiệt độ tính toán của dòng khí chuyển dịch và hạng của gian phòng được bảo vệ;</p> <p>b) Các đường ống và kênh dẫn nếu có yêu cầu về giới hạn chịu lửa thì phải được chế tạo từ vật liệu không</p>	<p><b>D.9</b> Hệ thống hút xả khói phải đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <p>a) Việc bố trí các quạt hút (bao gồm cả các bộ phận phụ trợ của quạt để kết nối với ống) với giới hạn chịu lửa phù hợp (ví dụ: 0,5 giờ ở 200 °C; 0,5 giờ ở 300 °C; 1 giờ ở 300 °C; 1 giờ ở 400 °C, v.v ...) phải được thực hiện căn cứ vào nhiệt độ tính toán của dòng khí chuyển dịch và hạng của gian phòng được bảo vệ;</p> <p>b) Các đường ống và kênh dẫn nếu có yêu cầu về giới hạn chịu lửa thì phải được chế tạo từ vật liệu không cháy</p>	

	<p>cháy (bao gồm cả các lớp bọc phủ cách nhiệt và bảo vệ chịu lửa của ống) và có độ kín cấp B (phân cấp độ kín theo xác định theo EN 15727 hoặc tiêu chuẩn tương đương), với giới hạn chịu lửa không thấp hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- EI 120 – đối với các đường ống và kênh dẫn khói nằm bên ngoài phạm vi của khoang cháy mà hệ thống đó thống đó phục vụ; khi đó tại các vị trí đường ống và kênh khói đi xuyên qua tường, sàn ngăn cháy của khoang cháy không được lắp các van ngăn cháy loại thường mở;</li> <li>- EI 60 – đối với các đường ống và kênh dẫn khói nằm trong phạm vi của khoang cháy được phục vụ, khi sử dụng để thải khói từ các gara để xe dạng kín;</li> <li>- EI 45 – đối với đường ống và kênh dẫn khói theo phương đứng nằm trong phạm vi của khoang cháy được phục vụ, khi hút khói trực tiếp tại khu vực phục vụ đó;</li> <li>- EI 30 – đối với các trường hợp khác nằm trong phạm vi khoang cháy được phục vụ.</li> </ul> <p>CHÚ THÍCH 1: Không yêu cầu giới hạn chịu lửa đối với các đường ống nằm trong kênh hoặc giếng kỹ thuật được bao che bởi các bộ phận ngăn cháy có giới hạn chịu lửa tương đương theo quy định.</p>	<p>(bao gồm cả các lớp bọc phủ cách nhiệt và bảo vệ chịu lửa của ống), với giới hạn chịu lửa không thấp hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- EI 120 – đối với các đường ống và kênh dẫn khói nằm bên ngoài phạm vi của khoang cháy mà hệ thống đó phục vụ; khi đó tại các vị trí đường ống và kênh khói đi xuyên qua tường, sàn ngăn cháy của khoang cháy không được lắp các van ngăn cháy loại thường mở;</li> <li>- EI 60 – đối với các đường ống và kênh dẫn khói nằm trong phạm vi của khoang cháy được phục vụ, khi sử dụng để thải khói từ các gara để xe dạng kín;</li> <li>- EI 45 – đối với đường ống và kênh dẫn khói theo phương đứng nằm trong phạm vi của khoang cháy được phục vụ, khi hút khói trực tiếp tại khu vực phục vụ đó;</li> <li>- EI 30 – đối với các trường hợp khác nằm trong phạm vi khoang cháy được phục vụ.</li> </ul> <p>CHÚ THÍCH 1: Không yêu cầu giới hạn chịu lửa đối với các đường ống nằm trong kênh hoặc giếng kỹ thuật được bao che bởi các bộ phận ngăn cháy có giới hạn chịu lửa tương đương theo quy định.</p>	
--	---	--	--

<p>hoặc giếng kỹ thuật được bao che bởi các bộ phận ngăn cháy có giới hạn chịu lửa tương đương theo quy định.</p> <p>CHÚ THÍCH 2: Van ngăn cháy loại thường mở là loại van ngăn cháy sẽ bị đóng lại khi có cháy.</p> <p>c) Van ngăn cháy loại thường đóng có giới hạn chịu lửa không thấp hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- EI 60 – đối với các gara để xe kín;</li> <li>- EI 45 – dùng cho việc xả khói trực tiếp từ các gian phòng được bảo vệ;</li> <li>- EI 30 – đối với các hành lang và sảnh khi lắp đặt van trên các ống nhánh từ giếng thu khói;</li> <li>- EI 30 – đối với các hành lang và sảnh khi lắp đặt van khói trực tiếp trên lỗ mở của giếng thu khói;</li> <li>- EI 30 – đối với các hành lang và sảnh khi lắp đặt van trên các ống nhánh từ giếng thu khói;</li> </ul> <p>d) Khói và sản phẩm cháy phải được xả ra bên ngoài nhà và công trình theo các phương án sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xả lên trên mái nhà: phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu 5 m từ vị trí xả khói đến cửa hút không khí của hệ thống cấp không khí chống khói. Chiều cao ống xả khói tối thiểu 2 m nếu mái làm từ vật liệu cháy, cho phép lấy chiều cao ống xả khói thấp hơn nếu mái được bảo vệ bằng vật liệu không cháy trong khoảng cách tối thiểu 2 m tính từ mép cửa xả khói, hoặc không cần bảo vệ nếu sử dụng quạt hút dạng mái xả khói theo phương đứng;</li> </ul>	<p>CHÚ THÍCH 2: Van ngăn cháy loại thường mở là loại van ngăn cháy sẽ bị đóng lại khi có cháy.</p> <p>c) Van ngăn cháy loại thường đóng có giới hạn chịu lửa không thấp hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- EI 60 – đối với các gara để xe kín;</li> <li>- EI 45 – dùng cho việc xả khói trực tiếp từ các gian phòng được bảo vệ;</li> <li>- EI 30 – đối với các hành lang và sảnh khi lắp đặt van trên các ống nhánh từ giếng thu khói;</li> <li>- EI 30 – đối với các hành lang và sảnh khi lắp đặt van khói trực tiếp trên lỗ mở của giếng thu khói;</li> </ul> <p>d) Khói và sản phẩm cháy phải được xả ra bên ngoài nhà và công trình theo các phương án sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xả lên trên mái nhà: phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu 5 m từ vị trí xả khói đến cửa hút không khí của hệ thống cấp không khí chống khói. Chiều cao ống xả khói tối thiểu 2 m nếu mái làm từ vật liệu cháy, cho phép lấy chiều cao ống xả khói thấp hơn nếu mái được bảo vệ bằng vật liệu không cháy trong khoảng cách tối thiểu 2 m tính từ mép cửa xả khói, hoặc không cần bảo vệ nếu sử dụng quạt hút dạng mái xả khói theo phương đứng;</li> </ul>	
--	---	--

	<p>bảo vệ bằng vật liệu không cháy trong khoảng cách tối thiểu 2 m tính từ mép cửa xả khói, hoặc không cần bảo vệ nếu sử dụng quạt hút dạng mái xả khói theo phương đứng;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xả qua các cửa nắp hút khói, có xét đến vận tốc gió bên ngoài nhà;</li> <li>- Qua các ô thoáng, giếng xả khói nằm trên tường ngoài không có ô cửa hoặc cách các ô cửa không nhỏ hơn 5 m theo cả phương ngang và phương đứng và cách mặt đất hơn 2 m. Khoảng cách đến ô cửa có thể giảm xuống nếu bảo đảm vận tốc xả khói không nhỏ hơn 20 m/s;</li> <li>- Qua các giếng xả khói tách biệt nằm trên mặt đất ở khoảng cách không nhỏ hơn 15 m tính đến tường ngoài có cửa sổ (trong trường hợp các cửa sổ tường ngoài là cửa kín khói, luôn đóng hoặc tự động đóng khi có cháy thì không quy định khoảng cách tối thiểu), hoặc tính từ các miệng hút của hệ thống cấp không khí thông gió của các nhà lân cận hoặc của hệ thống cấp không khí chống khói của nhà đang xét. Cho phép</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xả qua các cửa nắp hút khói, có xét đến vận tốc gió bên ngoài nhà;</li> <li>- Qua các ô thoáng, giếng xả khói nằm trên tường ngoài không có ô cửa hoặc cách các ô cửa không nhỏ hơn 5 m theo cả phương ngang và phương đứng và cách mặt đất hơn 2 m. Khoảng cách đến ô cửa có thể giảm xuống nếu bảo đảm vận tốc xả khói không nhỏ hơn 20 m/s;</li> <li>- Qua các giếng xả khói tách biệt nằm trên mặt đất ở khoảng cách không nhỏ hơn 15 m tính đến tường ngoài có cửa sổ (trong trường hợp các cửa sổ tường ngoài là cửa kín khói, luôn đóng hoặc tự động đóng khi có cháy thì không quy định khoảng cách tối thiểu), hoặc tính từ các miệng hút của hệ thống cấp không khí thông gió của các nhà lân cận hoặc của hệ thống cấp không khí chống khói của nhà đang xét. Cho phép thay thế yêu cầu này bằng các giải pháp xả khói khác theo tài liệu chuẩn được phép áp dụng.</li> </ul> <p>Cho phép xả khói từ các ống hút khói từ tầng hầm và tầng nửa hầm qua các khoang được thông gió. Trong trường hợp này, miệng xả khói phải được đặt cách nền của khoang thông gió ở tầng</p>	
--	---	---	--

	<p>thay thế yêu cầu này bằng các giải pháp xả khói khác theo tài liệu chuẩn được phép áp dụng.</p> <p>Cho phép xả khói từ các ống hút khói từ tầng hầm và tầng nửa hầm qua các khoang được thông gió. Trong trường hợp này, miệng xả khói phải được đặt cách nền của khoang thông gió ở tầng hầm thứ nhất ít nhất là 6 m (cách kết cấu của một nhà ít nhất là 3 m theo chiều đứng và 1 m theo chiều ngang) hoặc đối với thiết bị xả dạng ướn phải đặt cách mặt sàn ít nhất là 3 m. Không lắp các van khói trên những ống này.</p> <p>Các quạt hút khói phải được đặt trong các gian phòng riêng biệt với kết cấu bao che có giới hạn chịu lửa không thấp hơn giới hạn chịu lửa yêu cầu của các ống dẫn khói đi xuyên qua các kết cấu bao che này, hoặc đặt ngay trong các gian phòng mà chúng bảo vệ.</p> <p>Các quạt hút khói có thể đặt trên mái hoặc bên ngoài nhà với kết cấu bao che bảo đảm không cho người lạ tiếp cận. Cho phép đặt quạt hút trên tường ngoài nhà khi đáp ứng các yêu cầu nêu tại đoạn d) của D.9.</p>		
	<p>hầm thứ nhất ít nhất là 6 m (cách kết cấu của một nhà ít nhất là 3 m theo chiều đứng và 1 m theo chiều ngang) hoặc đối với thiết bị xả dạng ướn phải cách mặt sàn ít nhất là 3 m. Không lắp các van khói trên những ống này.</p> <p>Các quạt hút khói phải được đặt trong các gian phòng riêng biệt với kết cấu bao che có giới hạn chịu lửa không thấp hơn giới hạn chịu lửa yêu cầu của các ống dẫn khói đi xuyên qua các kết cấu bao che này, hoặc đặt ngay trong các gian phòng mà chúng bảo vệ.</p> <p>Các quạt hút khói có thể đặt trên mái hoặc bên ngoài nhà với kết cấu bao che bảo đảm không cho người lạ tiếp cận. Cho phép đặt quạt hút trên tường ngoài nhà khi đáp ứng các yêu cầu nêu tại đoạn d) của D.9.</p>		

	<p><b>D.14.5</b> Để bù lại khối tích khói đã bị hút ra khỏi gian phòng bởi hệ thống cấp hút xả khói, phải thiết kế hệ thống cấp không khí vào theo cơ chế tự nhiên hoặc cưỡng bức:</p> <p>a) Không khí theo cơ chế tự nhiên có thể cấp vào qua các lỗ mở trên tường bao che ngoài hoặc qua các giếng cấp không khí với van được dẫn động tự động và dẫn động từ xa. Các lỗ mở phải được bố trí ở phần dưới của gian phòng được bảo vệ. Để bù không khí cho các sảnh thông tầng và hành lang bao quanh sảnh thông tầng có thể sử dụng các lỗ cửa đi của lối thoát nạn trực tiếp ra ngoài trời, khi đó các cửa này phải được điều khiển tự động từ xa. Tổng diện tích thông khí của các lỗ cửa mở phải được xác định phù hợp với D.4 và đáp ứng yêu cầu vận tốc dòng khí đi qua các lỗ cửa không vượt quá 6 m/s;</p> <p>Hệ thống cấp không khí chống khói theo cơ chế cưỡng bức có thể được thiết kế độc lập hoặc sử dụng chính các hệ thống cấp không khí vào khoang đệm ngăn cháy hoặc các</p>	<p><b>D.14.5</b> Để bù lại khối tích khói đã bị hút ra khỏi gian phòng bởi hệ thống hút xả khói, phải thiết kế hệ thống cấp không khí vào theo cơ chế tự nhiên hoặc cưỡng bức:</p> <p>a) Không khí theo cơ chế tự nhiên: sử dụng các ô cửa, cửa sổ, hoặc lỗ mở khác thông với không khí bên ngoài (mở khi có cháy). Các ô cửa, cửa sổ, lỗ mở phải được bố trí ở phần dưới của gian phòng được bảo vệ. Tổng diện tích thông khí của các lỗ mở (phần ô cửa, cửa sổ, lỗ mở nằm dưới biên dưới của tầng khói) phải được xác định phù hợp với D.4 và đáp ứng yêu cầu vận tốc dòng khí đi qua các lỗ cửa không vượt quá 6 m/s (không yêu cầu vận tốc này đối với các lỗ mở để bù không khí mà con người không thoát nạn qua đó);</p> <p>b) Hệ thống cấp không khí chống khói theo cơ chế cưỡng bức có thể được thiết kế độc lập hoặc sử dụng chính các hệ thống cấp không khí vào khoang đệm ngăn cháy hoặc các giếng thang máy (trừ các giếng thang máy chữa cháy và buồng thang bộ N2).</p>	<p>Làm rõ hơn về cấp khí bù, chủ yếu là qua các cửa lấy không khí tự nhiên.</p> <p>Vận tốc giới hạn 6m/s để đảm bảo người thoát nạn qua cửa được dễ dàng và không bị ảnh hưởng nhiều bởi gió vào. Trong trường hợp sử dụng các lỗ mở chỉ để dẫn không khí tự nhiên từ ngoài vào (do chênh lệch áp suất khí quạt hút hoạt động) thì không cần giới hạn về vận tốc gió.</p>	<p>Cần cứ tính toán thoát khói thực tế, và các tiêu chuẩn tính toán thoát khói.</p>	



	giếng thang máy (trừ các giếng thang máy chữa cháy và buồng thang bộ N2).			
--	---	--	--	--

**15 BẢNG 15. PHỤ LỤC E KHOẢNG CÁCH PHÒNG CHÁY CHỐNG CHÁY. CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG DỰ KIẾN SỬA ĐỔI**

STT	Quy định hiện hành trong QCVN 06:2022/BXD	Dự thảo sửa đổi lần 1	Lý do sửa đổi	Căn cứ sửa đổi
	<p><b>Bảng E.1</b></p> <p>CHÚ THÍCH 6: Không quy định khoảng cách giữa các nhà và công trình công cộng khi tổng diện tích đất xây dựng (gồm cả diện tích đất không xây dựng giữa chúng) không vượt quá diện tích tầng cho phép lớn nhất trong phạm vi của một khoang cháy (xem Phụ lục H).</p> <p>Chú thích này không áp dụng cho các nhà và công trình thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F1.1 và F4.1, và các cơ sở kinh doanh khí cháy, chất lỏng cháy và chất lỏng dễ bắt cháy, cũng như các chất và vật liệu có khả năng nổ và cháy khi tác dụng với nước, ô xi trong không khí hoặc giữa chúng với nhau.</p>	<p><b>Bảng E.1</b></p> <p>CHÚ THÍCH 6: Không quy định khoảng cách giữa các nhà và công trình công cộng khi tổng diện tích đất xây dựng (gồm cả diện tích đất không xây dựng giữa chúng) không vượt quá diện tích tầng cho phép lớn nhất trong phạm vi của một khoang cháy (xem Phụ lục H). Trong trường hợp nhà thuộc nhóm F1.1, F4.1 thì không được bố trí các phòng kho, bếp ăn tại khu vực tiếp giáp giữa hai nhà.</p> <p>Diện tích đất không xây dựng giữa hai nhà là diện tích hình chiếu bằng giới hạn bởi hai tường bao đối diện của hai nhà và các đường nối hai mép biên của hai nhà.</p> <p>Chú thích này không áp dụng cho các cơ sở kinh doanh khí cháy, chất lỏng cháy và chất lỏng dễ bắt cháy, cũng như các chất và vật liệu có khả năng nổ và cháy khi tác dụng với nước, ô xi trong không khí hoặc giữa chúng với nhau.</p>	<p>Bổ sung thêm giải pháp đối với các nhà nhóm F1.1 và F4.1.</p> <p>Bổ sung cách tính diện tích đất không xây dựng giữa hai nhà.</p>	<p>Thực tiễn ở VN thì các nhà nhóm F1.1 và F4.1 (trừ các phòng kho, phòng bếp là nơi có nguy cơ cháy cao và tải trọng cháy lớn) thì nhìn chung tải trọng cháy không lớn.</p>
	<p><b>E.3</b> Xác định diện tích lỗ mở không được bảo vệ chống cháy của tường ngoài và giới hạn chịu lửa tương ứng của phần tường ngoài phải bảo vệ chống cháy</p>	<p><b>E.3</b> Khoảng cách phòng cháy chống cháy xác định theo đường ranh giới</p>	<p>Đây là một trong những giải pháp để tính khoảng cách phòng cháy chống cháy giữa các nhà. Sửa tên phụ lục E.3 để phù hợp hơn với nội dung.</p>	<p>NFPA 5000-2021</p>
	<p><b>E.3.1</b> Khoảng cách phòng cháy chống cháy theo đường ranh giới được quy định tỉ lệ diện tích tường ngoài không được bảo vệ chống cháy và giới hạn của tường ngoài.</p>	<p><b>E.3.1</b> Khoảng cách phòng cháy chống cháy theo đường ranh giới được quy định trong phần này được xác định tương ứng với tỉ lệ diện tích tường ngoài không được bảo vệ chống cháy và giới hạn chịu lửa của tường ngoài.</p>	<p>Sửa lại cách hành văn cho rõ nghĩa hơn</p>	

<p><b>E.3.2</b> Khoảng cách phòng cháy chống cháy theo đường ranh giới là chiều rộng của khoảng không gian hở và không thay đổi, đo theo phương ngang vuông góc 90° từ tường ngoài nhà tới đường ranh giới của khu đất liền kề, hoặc tới đường trung tuyến của đường giao thông tiếp giáp, hoặc tới một đường quy ước giữa tường ngoài của các nhà liền kề trong cùng một khu đất.</p> <p>Đường quy ước được xác định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nếu một nhà đã có sẵn thì đường quy ước sẽ song song và cách mặt ngoài của nhà có sẵn một khoảng cách tương ứng với tổng diện tích mặt ngoài không được bảo vệ và giới hạn chịu lửa tường ngoài của nhà này (xem các bảng E.3, E.4a và E.4b);</li> <li>– Nếu cả hai nhà đều xây mới thì đường quy ước là đường phù hợp với diện tích mặt ngoài chịu lửa tường ngoài của cả hai nhà.</li> <li>– Nếu mặt ngoài nhà có hình dáng không đều thì đường phân định được xác định theo phương án an toàn nhất từ các mặt phẳng tường ngoài khác nhau.</li> </ul>	<p><b>E.3.2</b> Khoảng cách phòng cháy chống cháy theo đường ranh giới là chiều rộng của khoảng không gian hở và không thay đổi, đo theo phương ngang vuông góc 90° từ tường ngoài nhà (hoặc từ mép ngoài của bộ phận cháy được gắn nhất trong nhà, bao gồm cả nội thất) tới đường ranh giới của khu đất liền kề, hoặc tới đường trung tuyến của đường giao thông tiếp giáp, hoặc tới một đường quy ước giữa tường ngoài của các nhà liền kề trong cùng một khu đất.</p> <p>Đường quy ước được xác định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nếu một nhà đã có sẵn thì đường quy ước sẽ song song và cách mặt ngoài của nhà có sẵn một khoảng cách tương ứng với tổng diện tích mặt ngoài không được bảo vệ và giới hạn chịu lửa tường ngoài của nhà này (xem các bảng E.3, E.4a và E.4b);</li> <li>– Nếu cả hai nhà đều xây mới thì đường quy ước là đường phù hợp với diện tích mặt ngoài không được bảo vệ và giới hạn chịu lửa tường ngoài của cả hai nhà.</li> <li>– Nếu mặt ngoài nhà có hình dáng không đều thì đường phân định được xác định theo phương án an</li> </ul>	<p>Bổ sung giải pháp lùi các chất cháy lại một khoảng cách đủ so với quy định. Bản chất cháy lan là do bức xạ nhiệt, khi các chất cháy đảm bảo đủ khoảng cách thì dù hai tường gần nhau nhưng bức xạ nhiệt vẫn như vậy.</p>

	<p>CHÚ THÍCH: Phần không được bảo vệ chống cháy của tường ngoài thường là các phần sau:</p> <p>a) Các cửa (cửa đi, cửa sổ, và cửa tương tự) không đáp ứng yêu cầu là các cửa ngăn cháy trong tường ngăn cháy;</p> <p>b) Các phần tường có giới hạn chịu lửa thấp hơn giới hạn chịu lửa của tường ngăn cháy tương ứng;</p> <p>c) Các phần tường mà bề mặt ngoài có sử dụng dụng các vật liệu có tính nguy hiểm cháy bằng và cao hơn các nhóm Ch1 và LT1.</p>	<p>toàn nhất từ các mặt phẳng tường ngoài khác nhau.</p> <p>CHÚ THÍCH: Phần không được bảo vệ chống cháy của tường ngoài thường là các phần sau:</p> <p>a) Các cửa (cửa đi, cửa sổ, và cửa tương tự) không đáp ứng yêu cầu là các cửa ngăn cháy trong tường ngăn cháy;</p> <p>b) Các phần tường có giới hạn chịu lửa thấp hơn giới hạn chịu lửa của tường ngăn cháy tương ứng;</p> <p>c) Các phần tường mà bề mặt ngoài có sử dụng các vật liệu có tính nguy hiểm cháy bằng và cao hơn các nhóm Ch1 và LT1.</p>	
	<p><b>E.3.3</b> Tỷ lệ tổng diện tích lớn nhất của các lỗ mở không được bảo vệ chống cháy so với tổng diện tích bề mặt tường đối diện với đường ranh giới được xác định theo các bảng E.4a và E.4b. Giới hạn chịu lửa của phần tường được bảo vệ chống cháy được quy định tại Bảng quy định tại Bảng E.3.</p> <p>CHÚ THÍCH: Trong mọi trường hợp, phải tuân thủ cả yêu cầu chống cháy lan theo mặt ngoài nhà tại 4.32, 4.33.</p>	<p><b>E.3.3</b> Tỷ lệ tổng diện tích lớn nhất của các lỗ mở không được bảo vệ chống cháy so với tổng diện tích bề mặt tường đối diện với đường ranh giới được xác định theo các bảng E.4a và E.4b. Giới hạn chịu lửa của phần tường được bảo vệ chống cháy được quy định tại Bảng E.3. Khi tường ngoài có yêu cầu về giới hạn chịu lửa theo bảng E.3 thì tổng diện tích các lỗ mở không được bảo vệ chống cháy không được vượt quá các giá trị cho phép tại bảng E.4a hoặc E.4b. Khi tường ngoài không có yêu cầu về giới hạn chịu lửa theo bảng E.3 thì diện tích các lỗ mở không cần tuân thủ bảng E.4a hoặc E.4b.</p> <p>Cho phép nhân đôi diện tích lỗ mở không được bảo vệ chống cháy nếu nhà đang xét được trang bị chữa cháy</p>	<p>NFPA 5000-2021, 7.3.5</p> <p>Làm rõ yêu cầu tương quan giữa tường ngoài và lỗ mở.</p> <p>NFPA 5000-2021, 7.3.5.5</p>

		<p>tự động theo TCVN 7336.</p> <p>CHÚ THÍCH: Trong mọi trường hợp, phải tuân thủ cả yêu cầu chống cháy lan theo mặt ngoài nhà tại 4.32, 4.33.</p>	xét đến hiệu quả của sprinkler.	
--	--	---	---------------------------------	--

**16 BẢNG 16. PHỤ LỤC G. CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG DỰ KIẾN SỬA ĐỔI**

STT	Quy định hiện hành trong QCVN 06:2022/BXD	Dự thảo sửa đổi lần 1	Lý do sửa đổi	Căn cứ sửa đổi
	<p>G.1.2.1</p> <p>CHÚ THÍCH: Đối với các tầng nhà có hành lang không được bao che bằng các bộ phận ngăn cháy theo quy định tại 3.3.5 hoặc không tuân thủ yêu cầu tại 3.3.4 thì khoảng cách giới hạn cho phép của đường thoát nạn phải tính từ tầng xa nhất của gian phòng áp dụng đối với các tầng nhà có gian phòng karaoke, vũ trường.</p>	<p>CHÚ THÍCH: <del>Đối với các tầng nhà có hành lang không được bao che bằng các bộ phận ngăn cháy theo quy định tại 3.3.5 hoặc không tuân thủ yêu cầu tại 3.3.4 thì khoảng cách giới hạn cho phép của đường thoát nạn phải tính từ tầng xa nhất của gian phòng trên tầng nhà đó. Chú thích này không áp dụng đối với các tầng nhà có gian phòng karaoke, vũ trường.</del></p>	<p>Bổ chú thích của G.1.2.1 do đã chuyển lên 3.3.5 và mở rộng phạm vi áp dụng.</p>	
	<p><b>Bảng G.2a</b></p> <p>CHÚ THÍCH 2: Phải áp dụng những giá trị khoảng cách quy định tại Bảng G.2a như sau: Đối với trường mầm non lấy theo cột (6); Đối với các trường phổ thông, trường kỹ thuật dạy nghề, các trường cao đẳng, chuyên nghiệp và đại học lấy theo cột (3); Đối với các cơ sở điều trị nội trú lấy theo cột (5); Đối với khách sạn lấy theo cột (4). Đối với các nhà công cộng khác, mật độ dòng người thoát nạn trong hành lang được lấy cụ thể cho từng dự án.</p>			

**17 BẢNG 17. PHỤ LỤC H ĐIỆN TÍCH KHOANG CHÁY VÀ TẦNG CAO. CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG DỰ KIẾN SỬA ĐỔI**

STT	Quy định hiện hành trong QCVN 06:2022/BXD	Dự thảo sửa đổi lần 1	Lý do sửa đổi	Căn cứ sửa đổi
	<p><b>H.2.4.4</b> Trên tầng 3 của nhà trẻ cho phép bố trí các phòng dành cho lớp lớn, phòng học lớn, phòng học nhạc và thể chất, phòng chơi, phòng phục vụ. Khi đó các phòng có diện tích lớn hơn 50 m<sup>2</sup> thì phải có một trong các lối ra thoát nạn dẫn trực tiếp vào buồng thang bộ.</p> <p>Trong nhà trẻ, mẫu giáo, mầm non, các hành lang nối các buồng thang bộ cần được ngăn cách với các phòng bằng vách ngăn cháy không thấp hơn loại 2. Các cửa vào các phòng phải được chèn kín.</p>	<p><b>H.2.4.4</b> Trên tầng 3 của nhà trẻ, mẫu giáo, mầm non cho phép bố trí các phòng dành cho lớp lớn, phòng học nhạc và thể chất, phòng chơi, phòng phục vụ. Khi đó các phòng có diện tích lớn hơn 50 m<sup>2</sup> thì phải có một trong các lối ra thoát nạn dẫn trực tiếp vào thang bộ thoát nạn.</p>	<p>Sửa đổi để rõ hơn về quy định.</p> <p>Bổ khổ 2 vì đã được quy định ở 3.3.5.</p>	
<p>Bảng H.6</p> <p><b>CHÚ THÍCH:</b> Số tầng nhà được xác định bằng số các tầng trên mặt đất, không tính tầng kỹ thuật trên cùng.</p>	<p><b>CHÚ THÍCH:</b> Số tầng nhà được xác định bằng số các tầng trên mặt đất, không tính tầng kỹ thuật trên cùng.</p>	<p><b>CHÚ THÍCH:</b> Số tầng nhà được xác định bằng số các tầng trên mặt đất, không tính tầng kỹ thuật trên cùng. Đối với trường trung học cơ sở và trung học phổ thông hoặc tương đương, chiều cao PCCC lớn nhất cho phép của nhà được lấy đến 21 m (7 tầng) nếu nhà có tối thiểu hai thang thoát nạn đảm bảo yêu cầu của quy chuẩn này.</p>	<p>Mở rộng phạm vi áp dụng đối với trường phổ thông cấp cơ sở và trung học.</p>	<p>Tham khảo Fire code Singapore.</p>

<p><b>H.2.9.1</b> Nhà bệnh viện (nhóm F1.1) cần được bố trí trong các nhà đứng độc lập hoặc trong khoang cháy riêng với chiều cao PCCC không quá 28 m.</p>	<p><b>H.2.9.1</b> Nhà bệnh viện (nhóm F1.1) cần được bố trí trong các nhà đứng độc lập hoặc trong khoang cháy riêng với chiều cao PCCC không quá 28 m (hoặc 9 tầng).</p> <p>Trường hợp bố trí các công năng bệnh viện (F1.1) vượt quá chiều cao PCCC 28 m (hoặc 9 tầng, nhưng tối đa 50 m), phải tuân thủ đồng thời các điều kiện bổ sung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bậc chịu lửa của nhà là bậc I;</li> <li>- Chiều cao PCCC tối đa cho phép của nhà phải đảm bảo khả năng có thể cứu nạn từ trên cao thông qua các lối vào từ trên cao, và không vượt quá chiều cao làm việc tối đa của xe thang của lực lượng cảnh sát PCCC&amp;CNCH tại địa phương;</li> <li>- Bề rộng thông thủy của thang thoát nạn tối thiểu 1,35 m;</li> <li>- Vật liệu hoàn thiện trên đường thoát nạn phải đảm bảo không nguy hiểm hơn CV1;</li> <li>- Chiều rộng thông thủy của cửa thoát nạn từ mỗi tầng và trên đường thoát nạn (nếu có) không nhỏ hơn 1,2 m, với định mức người cần thoát nạn qua cửa này tối đa là 72 người. Số lượng người tối đa trên một tầng nhà lấy theo thiết</li> </ul>	<p>Bổ sung giải pháp cho bệnh viện cao trên 28 m.</p>	<p>Fire code Singapore 2018 đối với nhà bệnh viện, đa khoa cao trên 28m:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới hạn chịu lửa: không giới hạn chiều cao và diện tích khoang cháy mỗi tầng - Toàn bộ cấu kiện chịu lực của nhà, tường ngoài, tường khoang cháy đạt 2 h (bảng 3.3A), trần treo không cháy; 28 m, 2000 m<sup>2</sup> (bảng 3.3A) – 1 h.</li> <li>- Vật liệu hoàn thiện: Chỉ tiêu cháy lan A2, B, C (EN), NC-1 (BS) – non sprinkler; B, C, D (EN); 0,2,3 (BS) – sprinkler.</li> <li>- Thoát nạn: Khoảng cách thoát nạn tối đa: Hành lang giữa: 45 m (có sprinkler - S), 30 m (không sprinkler – N); Hành lang cắt: 25 (S), 15 (N) (bảng 2.2A).</li> <li>- Số người tối đa cho 0.5m chiều rộng: cửa thoát nạn tại mỗi tầng - 30; thang bộ - 15; đường dốc ra ngoài nhà – 30 (bảng 2.2A);</li> <li>- Bề rộng tối thiểu: thang bộ - 1 m; hành lang phục vụ bệnh nhân – 2 m, hành lang khác – 1,2 m; Chiều dài tối đa của hành lang cắt: 25 (S), 15 (N).</li> </ul>
--	--	---	---



	<p>kế, nếu bệnh viện cho phép bệnh nhân có người chăm sóc thì mỗi bệnh nhân phải tính thêm ít nhất 01 người chăm sóc;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tối thiểu 2 thang máy chữa cháy có thể phục vụ việc cứu nạn cho bệnh nhân nằm trên giường bệnh với kích thước thông thủy của buồng thang máy đủ để chứa giường bệnh;</li> <li>- Mỗi tầng nhà phải có họng khô với số lượng, vị trí, kích thước và lắp đặt theo tiêu chuẩn thiết kế áp dụng;</li> <li>- Mỗi tầng nhà có công năng thuộc nhóm F1.1 với chiều cao PCCC trên 28 m phải có vùng an toàn đáp ứng yêu cầu như tại A.3.3 với định mức 2,8 m<sup>2</sup>/bệnh nhân. Có thể ngăn chia tầng thành tối thiểu hai khoang cháy và cho phép lánh nạn tạm thời trong khoang cháy còn lại nếu một khoang cháy có đám cháy. Mỗi khoang cháy phải tiếp cận trực tiếp được qua lối vào từ trên cao, và phải có đường thoát nạn dẫn vào buồng thang bộ mà không cần qua khoang cháy còn lại.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp cận chữa cháy: Bãi đỗ xe chữa cháy phải bố trí ngay dưới các lối vào từ trên cao, chiều dài tối thiểu 15 m, rộng 6 m, cách mặt ngoài các lối vào từ trên cao từ 2-10 m (tính theo phương ngang từ tâm lối vào), có chỗ quay xe tương tự VN. Lối vào từ trên cao quy định tương tự VN. Phải có lỗ mở thông gió bổ sung trên mặt tường ngoài (4.2.3 (4))</li> <li>- Cấp nước chữa cháy ngoài nhà: yêu cầu khác với VN và tương đối khắt khe về khoảng cách trụ nước chữa cháy (4.4). Về lưu lượng nước: diện tích sàn &lt; 1000 m<sup>2</sup> – 38l/s, 45 phút; 1000-5000 m<sup>2</sup>: 57 l/s, 45 phút.</li> <li>- Cấp nước chữa cháy trong nhà: họng khô mỗi tầng với nhà có chiều cao từ 10-60 m (số lượng, vị trí, kích thước và lắp đặt theo SS 575) (6.2.1, 6.2.2);</li> <li>- Có yêu cầu hệ thống báo cháy tự động, sprinkler (trừ các phòng có công năng đặc biệt).</li> <li>- Yêu cầu tối thiểu 2 thang máy chữa cháy (6.6.4).</li> <li>- Yêu cầu có thang máy thoát nạn bố trí trong sảnh được bảo vệ</li> </ul>
--	--	---

<p>(smoke-stop lobby, hành lang bên).          Trong đó chỉ 1 thang chữa cháy đc làm thang thoát nạn. Các thang hành khách thông thường có thể sử dụng kết hợp làm thang thoát nạn, khi đó có yêu cầu riêng về thiết kế (6.6.5.g): có chế độ chuyển sang thang thoát nạn, điện đi trong đường dẫn không cháy, có truyền hình mạch kín tại các sảnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có yêu cầu bảo vệ chống khói.</li> <li>- Các yêu cầu riêng đối với bệnh viện (9.3.2):</li> <li>+ Kích thước lỗ cửa thoát nạn: tối thiểu 1.2 m (9.3.2b);</li> <li>+ Có vùng an toàn (area of refuge) tại mỗi tầng, diện tích tính theo số lượng giường.</li> <li>+ Có thang máy thoát nạn chữa vừa giường bệnh (2.8x1.5 m), cấp điện 2 nguồn; sảnh thang đc bảo vệ với kích thước tối thiểu 5x4 m hoặc mở ra hành lang bên. Đường thoát nạn tại tầng 1 từ thang máy giường phải dẫn thẳng ra ngoài nhà và đưọc bảo vệ bởi bộ phận ngăn cháy 1 h.</li> <li>+ Khu bệnh nhân nằm phải ngăn cách với hành lang trong bằng bộ phận ngăn cháy 1h, cửa ½ h, tự</li> </ul>			
--	--	--	--

	<p><b>H.2.10.1</b> Chiều cao PCCC của nhà khám bệnh đa khoa ngoại trú (nhóm F3.4) tối đa 28 m. Bậc chịu lửa của nhà từ 2 tầng trở lên không được thấp hơn bậc II, cấp nguy hiểm cháy kết cấu không thấp hơn S0.</p>		<p>Tương tự như trên</p>	<p>đóng. Hành lang trong phải đc thông gió tự nhiên với các lỗ mở hai đầu, diện tích lỗ mở 15% diện tích sàn; hoặc tăng áp và thông gió cưỡng bức.</p>
	<p><b>H.2.10.1</b> Chiều cao PCCC của nhà khám bệnh đa khoa ngoại trú (nhóm F3.4) tối đa 28 m (hoặc 9 tầng). Bậc chịu lửa của nhà từ 2 tầng trở lên không được thấp hơn bậc II, cấp nguy hiểm cháy kết cấu không thấp hơn S0.</p> <p>Trường hợp bố trí các công năng đa khoa ngoại trú (F3.4) vượt quá chiều cao PCCC 28 m (hoặc 9 tầng), phải tuân thủ đồng thời các điều kiện bổ sung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bậc chịu lửa của nhà là bậc I;</li> <li>- Nếu các tầng nhà có công năng đa khoa ngoại trú nhóm F3.4 với chiều cao PCCC trên 28 m (hoặc 9 tầng) phục vụ các bệnh nhân với khả năng di chuyển hạn chế, thì chiều cao PCCC tối đa cho phép của nhà phải đảm bảo khả năng có thể cứu nạn từ trên cao thông qua các lối vào từ trên cao, và không vượt quá chiều cao làm việc tối đa của xe thang của lực lượng cảnh sát PCCC&amp;CNCH tại địa phương;</li> </ul>		<p>Tương tự như trên</p> <p>Các định mức diện tích tham khảo từ SP 59 (6.2.26), Методика определения расчетных величин пожарного риска в зданиях, сооружениях и пожарных отсеках различных классов функциональной пожарной опасности (PL 2)</p>	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu hoàn thiện trên đường thoát nạn phải đảm bảo không nguy hiểm hơn CV1;</li> <li>- Chiều rộng thông thủy của bản thang thoát nạn lấy theo 3.4.1, nhưng không nhỏ hơn 1 m;</li> <li>- Có tối thiểu 2 thang máy chữa cháy, trong đó có ít nhất 01 thang có thể phục vụ việc cứu nạn.</li> <li>- Mỗi tầng nhà có công năng đa khoa ngoại trú thuộc nhóm F3.4 với chiều cao PCCC trên 28 m phải có vùng an toàn đáp ứng yêu cầu như tại A.3.3 với định mức 2,65 m<sup>2</sup>/mặt bệnh nhân di chuyển bằng xe lăn có người hỗ trợ, 0,75 m<sup>2</sup>/mặt bệnh nhân tự di chuyển với công cụ hỗ trợ, và 0,5 m<sup>2</sup>/mặt bệnh nhân có thể tự di chuyển không cần công cụ hỗ trợ (số lượng các bệnh nhân nêu trên lấy theo hồ sơ thiết kế, hoặc có thể tham khảo từ [5] tương ứng với loại hình khám bệnh). Có thể ngăn chia tầng thành tối thiểu hai khoang cháy và cho phép lánh nạn tạm thời trong khoang cháy còn lại nếu một khoang cháy có đám cháy. Mỗi khoang cháy phải tiếp cận trực tiếp được qua lối vào từ trên cao, và phải có đường thoát nạn dẫn vào buồng</li> </ul>	
--	--	--

		thang bộ mà không cần qua khoang cháy còn lại.		
	<b>H.2.10.3</b> Các gian phòng khám đa khoa ngoại trú (nhóm F3.4) cho phép đặt trong các phần phụ của nhà có bậc chịu lửa II và cấp nguy hiểm cháy kết cấu không thấp hơn S0. Các phòng này không được đặt ở độ cao quá 28 m.			
	<b>H.2.12.10</b> Trong trường hợp quy mô của nhà công cộng vượt các quy định có sẵn trong H.2 về diện tích khoang cháy và số tầng cao (chiều cao PCCC) thì cần áp dụng với công trình có công năng phù hợp với công trình cụ thể. <b>Phương án 2:</b> Cho phép ngăn chia các khoang cháy trên cùng một tầng bằng màn ngăn cháy có cùng giới hạn chịu lửa như tường ngăn cháy loại 1 hoặc màn drencher, với điều kiện không có tải trọng cháy trong phạm vi 4 m tính từ mỗi mặt của màn ngăn cháy hoặc màn drencher, và kết cấu của các khoang cháy lân cận phải đảm bảo khả năng không sập đổ trong thời gian quy định bởi bậc chịu lửa của nhà/khoang cháy tương ứng với diện tích khoang cháy đang xét.		Bổ sung khả năng thiết kế cho phép mở rộng về diện tích khoang cháy, số tầng cao căn cứ trên các kịch bản cháy cụ thể có thể xảy ra và khả năng thoát người.	Thiết kế theo công năng, tham khảo NFPA 101, Luật FZ 123 và một số tài liệu khác.

<p><b>H.4.1 Nhà sàn xuất</b></p> <p>Bậc chịu lửa, cấp nguy hiểm cháy kết cấu, chiều cao lớn nhất cho phép của nhà và diện tích một tầng trong phạm vi một khoang cháy đối với nhà sản xuất phụ thuộc vào hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ được quy định tại Bảng H.9.</p> <p>Số tầng nhà, diện tích một tầng trong phạm vi một khoang cháy của nhà sản xuất xác định theo A.2.1, Phụ lục A và H.6, Phụ lục H. Khi có các lỗ mở công nghệ trên các sàn giữa các tầng thì tổng diện tích các tầng này không được vượt quá diện tích tầng quy định tại Bảng H.9.</p> <p>Khi trang bị chữa cháy tự động toàn nhà cho nhà sản xuất, cho phép tăng gấp 2 lần các diện tích sàn trong phạm vi một khoang cháy quy định tại Bảng H.9, trừ nhà có bậc chịu lửa IV và V.</p> <p>Đối với nhà thuộc hạng nguy hiểm cháy nổ C có các gian phòng hạng C1 với tổng diện tích lớn hơn 1/2 diện tích tầng tương ứng thì diện tích một tầng trong phạm vi một khoang cháy quy định tại Bảng H.9 phải giảm đi 25 %.</p>	<p><b>H.4.1 Nhà sàn xuất</b></p> <p>Bậc chịu lửa, cấp nguy hiểm cháy kết cấu, chiều cao lớn nhất cho phép của nhà và diện tích một tầng trong phạm vi một khoang cháy đối với nhà sản xuất phụ thuộc vào hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ được quy định tại Bảng H.9.</p> <p>Số tầng nhà, diện tích một tầng trong phạm vi một khoang cháy của nhà sản xuất xác định theo A.1.2, Phụ lục A và H.6, Phụ lục H. Khi có các lỗ mở công nghệ trên các sàn giữa các tầng thì tổng diện tích các tầng này không được vượt quá diện tích tầng quy định tại Bảng H.9.</p> <p>Khi trang bị chữa cháy tự động toàn nhà cho nhà sản xuất, cho phép tăng gấp 2 lần các diện tích sàn trong phạm vi một khoang cháy quy định tại Bảng H.9, trừ nhà có bậc chịu lửa IV và V.</p> <p>Đối với nhà thuộc hạng nguy hiểm cháy nổ C có các gian phòng hạng C1 với tổng diện tích lớn hơn 1/2 diện tích tầng tương ứng thì diện tích một tầng trong phạm vi một khoang cháy quy định tại Bảng H.9 phải giảm đi 25 %.</p> <p>Đối với nhà thuộc hạng nguy hiểm cháy nổ D, E với các gian phòng hạng</p>	<p>Sửa lỗi chính tả</p>	<p>Nếu nhà không có hoặc có rất ít tải trọng cháy thì về nguyên tắc ít có nguy cơ cháy xảy ra. Vì vậy có thể chấp</p>
--	---	-------------------------	---

		A, B, C1-C4 có tổng diện tích trên mỗi tầng không vượt quá 5% diện tích tầng tương ứng thì không giới hạn diện tích sàn trong phạm vi một khoang cháy và số tầng đối với nhà có bậc chịu lửa IV trở lên và cấp S0, S1.		nhận được việc không giới hạn về diện tích và số tầng cao.
	<b>H.5.2</b> Đối với các nhà kho có sàn công tác, khung giá đỡ, tầng lửng thì số tầng và diện tích tầng trong phạm vi một khoang cháy xác định tương tự như nhà sản xuất đã được quy định tại H.4.1. Khi có các lỗ mở sàn giữa các tầng thì tổng diện tích các tầng này không được vượt quá giá trị quy định tại Bảng H.10.	<b>H.5.2</b> Đối với các nhà kho có các sàn phụ thì số tầng và diện tích tầng trong phạm vi một khoang cháy xác định tương tự như nhà sản xuất đã được quy định tại H.4.1. Khi có các lỗ mở trên sàn giữa các tầng thì tổng diện tích các tầng này không được vượt quá giá trị quy định tại Bảng H.11.	Thay thuật ngữ cho gọn câu. Sửa lỗi chính tả.	
	<b>H.7</b> Các yêu cầu an toàn cháy bổ sung trong một số trường hợp khác <b>H.7.1</b> Trong trường hợp phần nhà có công năng xác định (và các công năng phụ trợ cho công năng chính) được ngăn cách thành một khoang cháy riêng thì các yêu cầu của phụ lục H được áp dụng cho phần nhà (khoang cháy) đó. Các công năng độc lập khác được phép bố trí ở các phần nhà phía trên khoang cháy này, khi thỏa mãn các điều kiện tại phụ lục H đối với công năng đó.	<b>H.7</b> Các yêu cầu an toàn cháy bổ sung trong một số trường hợp khác <b>H.7.1</b> Trong trường hợp phần nhà có công năng xác định (và các công năng phụ trợ cho công năng chính) được ngăn cách thành một khoang cháy riêng thì các yêu cầu của phụ lục H được áp dụng cho phần nhà (khoang cháy) đó. Các công năng độc lập khác được phép bố trí ở các phần nhà phía trên khoang cháy này, khi thỏa mãn các điều kiện tại phụ lục H đối với công năng đó.	Làm rõ hơn các yêu cầu của phụ lục H đối với nhà hỗn hợp có nhiều công năng và mỗi công năng được phân cách thành khoang cháy riêng.	NFPA 5000:2021 Separated occupancy SP 2.13330.2020 СП 456.1311500.2020. МНОГОФУНКЦИОНАЛЬНЫЕ ЗДАНИЯ. Требования пожарной безопасности

		<p><b>H.7.2</b> Trong trường hợp nhà có số tầng (chiều cao) và diện tích không được quy định cụ thể hoặc bị giới hạn trong phụ lục H, có thể áp dụng đồng bộ tiêu chuẩn NFPA 5000 phiên bản mới nhất hoặc tiêu chuẩn tương đương khác để xác định chiều cao và diện tích lớn nhất cho phép của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy tương ứng với giới hạn chịu lửa của các kết cấu, cấu kiện nhà và các điều kiện khác (trong đó phải bao gồm các điều kiện liên quan đến thoát nạn cho người); hoặc áp dụng thiết kế theo công năng, trên nguyên tắc phải đảm bảo yêu cầu tối thiểu là thoát nạn an toàn cho người ở trong nhà và chống cháy lan sang nhà khác.</p>		
--	--	---	--	--

**Sửa đổi các bảng sau của Phụ lục H:**

**Bảng H.9 – Nhà sản xuất**

Hạng nguy hiểm cháy nổ của nhà hoặc khoang cháy	Chiều cao lớn nhất cho phép của nhà <sup>1)</sup> , m	Bậc chịu lửa của nhà	Cấp nguy hiểm cháy kết cấu của nhà	Diện tích lớn nhất cho phép của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy, m <sup>2</sup>		
				Nhà 1 tầng	Nhà 2 tầng	Nhà từ 3 tầng trở lên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A	36	I, II	S0	Không hạn chế	5 200	3 500
	24	III	S0	7 800	3 500	2 600
B	Không quy định	IV	S0	3 500	–	–
	36	I, II	S0	Không hạn chế	10 400	7 800



	24	III	S0	7 800	3 500	2 600
	Không quy định	IV	S0	3 500	-	-
Xem <sup>2)</sup>						
C	48	I, II	S0	Không hạn chế	25 000 7 800 <sup>3)</sup>	10 400 5 200 <sup>3)</sup>
	24	III	S0, S1	25 000	10 400 5 200 <sup>3)</sup>	5 200 3 600 <sup>3)</sup>
	18	IV	S0, S1	25 000	10 400	1400 <sup>5)</sup>
	18	IV	S2, S3	2 600	2 000	1100 <sup>5)</sup>
	12	V	Không quy định	1 200	600 <sup>4)</sup>	-
	54	I, II	S0		Không hạn chế	
D	36	III	S0	Không hạn chế	25 000	10 400
	30	III	S1	Không hạn chế	10 400	7 800
	24	IV	S0	Không hạn chế	10 400	5200
	18	IV	S1	6 500	5 200	-
	54	I, II	S0		Không hạn chế	
	36	III	S0	Không hạn chế	50 000	15 000
E	30	III	S1	Không hạn chế	25 000	10 400
	24	IV	S0, S1	Không hạn chế	25 000	7 800
	18	IV	S2, S3	10 400	7 800	-
	12	V	Không quy định	2 600	1 500	-

**Bảng H.9 (kết thúc)**

<sup>1)</sup> Chiều cao nhà trong bảng này được tính từ sàn tầng 1 đến trần tầng trên cùng, bao gồm cả tầng kỹ thuật; khi trần nhà có cao độ thay đổi thì lấy giá trị cao độ trung bình. Khi xác định số tầng nhà thì chỉ tính các tầng trên mặt đất. Không quy định chiều cao nhà một tầng có cấp nguy hiểm cháy S0 và S1.

<sup>2)</sup> Trong trường hợp nhà bậc chịu lửa I, cấp S0 vẫn không thể đáp ứng yêu cầu về chiều cao hoặc diện tích khoang cháy phù hợp với quy mô sản xuất, cho phép áp dụng đồng bộ tiêu chuẩn NFPA 5000 phiên bản mới nhất hoặc tiêu chuẩn tương đương để xác định chiều cao và diện tích lớn nhất cho phép của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy tương ứng với giới hạn chịu lửa của các kết cấu, cấu kiện nhà và các điều kiện khác. Giới hạn chịu lửa của kết cấu, cấu kiện nhà trong trường hợp này không được thấp hơn quy định trong Bảng 4 đối với nhà có bậc chịu lửa I.

<p>3) Dành cho nhà sản xuất chế biến gỗ. Đối với nhà sản xuất chế biến gỗ bậc IV, diện tích lớn nhất cho phép của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy và chiều cao lớn nhất cho phép của nhà lấy theo bảng H.11 như nhà hạng B, bậc chịu lửa IV.</p> <p>4) Dành cho các nhà hạng C, các xưởng cưa (xê) có tối đa 4 khung nhà, các xưởng sản xuất chế biến gỗ sơ bộ và các trạm nghiền (bám) gỗ.</p> <p>5) Tối đa 3 tầng (chiều cao nhà được phép đến 22 m), và phải trang bị chữa cháy tự động.</p> <p>CHÚ THÍCH: Dấu “-”: cho phép áp dụng đồng bộ tiêu chuẩn NFPA 5000 phiên bản mới nhất hoặc tiêu chuẩn tương đương khác để xác định chiều cao và diện tích lớn nhất cho phép của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy tương ứng với giới hạn chịu lửa của các kết cấu, cấu kiện nhà và các điều kiện khác.</p>
--

### Thuyết minh sửa đổi:

STT	Quy định hiện hành trong QCVN 06:2022/BXD	Dự thảo sửa đổi lần 1	Lý do sửa đổi	Căn cứ sửa đổi		
		<table border="1"> <tr> <td>1400<sup>5)</sup></td> </tr> <tr> <td>1100<sup>5)</sup></td> </tr> </table>	1400 <sup>5)</sup>	1100 <sup>5)</sup>	<p>Bổ sung mới quy định về khoang cháy đối với nhà sản xuất hạng C, 3 tầng, bậc IV</p>	<p>NFPA 5000-2021, industrial ordinary hazard.</p>
1400 <sup>5)</sup>						
1100 <sup>5)</sup>						
	<p>3) Dành cho nhà sản xuất chế biến gỗ.</p> <p>Đối với nhà sản xuất chế biến gỗ bậc IV, diện tích lớn nhất cho phép của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy và chiều cao lớn nhất cho phép của nhà lấy theo bảng H.11.</p>	<p>3) Dành cho nhà sản xuất chế biến gỗ.</p> <p>Đối với nhà sản xuất chế biến gỗ bậc IV, diện tích lớn nhất cho phép của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy và chiều cao lớn nhất cho phép của nhà lấy theo bảng H.11.</p>	<p>Bổ sung thông tin cho nhà sản xuất gỗ bậc IV</p>	<p>Lấy tương đương như nhà kho bậc IV (tập trung nhiều tải trọng cháy hơn so với nhà sản xuất hạng C)</p>		
	<p>4) Dành cho các xưởng cưa (xê) có tối đa 4 khung nhà, các xưởng sản xuất sơ bộ và các trạm nghiền (bám) gỗ.</p>	<p>4) Dành cho các nhà hạng C, các xưởng cưa (xê) có tối đa 4 khung nhà, các xưởng sản xuất chế biến gỗ sơ bộ và các trạm nghiền (bám) gỗ.</p>	<p>Bổ sung quy định.</p>	<p>Nhà sản xuất chế biến gỗ nhìn chung có yêu cầu cao hơn so với nhà hạng C thông thường. Do đó có thể áp dụng quy định của nhà sản xuất chế biến gỗ cho nhà hạng C.</p>		
		<p>5) Tối đa 3 tầng (chiều cao nhà được phép đến 22 m), và phải trang bị chữa cháy tự động.</p>	<p>Bổ sung mới quy định về khoang cháy đối với nhà sản xuất hạng C, 3 tầng, bậc IV</p>	<p>NFPA 5000-2021, industrial ordinary hazard.</p>		
	<p>CHÚ THÍCH: Dấu “-” nghĩa là nhà có bậc chịu lửa theo hàng ngang tương</p>	<p>CHÚ THÍCH: Dấu “-”: cho phép áp dụng đồng bộ tiêu chuẩn NFPA 5000 phiên</p>	<p>Bổ sung khả năng cho phép thiết kế theo TC nước ngoài.</p>	<p>NFPA 5000-2021</p>		

	ứng thì không thể có số tầng theo cột dọc tương ứng.	bản mới nhất hoặc tiêu chuẩn tương đương khác để xác định chiều cao và diện tích lớn nhất cho phép của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy tương ứng với giới hạn chịu lửa của các kết cấu, cấu kiện nhà và các điều kiện khác.	
--	--	--	--

**Bảng H.10 – Nhà chần nuôi gia súc, gia cầm và động vật**

Hạng nguy hiểm cháy nổ của nhà hoặc khoang cháy	Chiều cao lớn nhất cho phép của nhà <sup>1)</sup> , m	Bậc chịu lửa của nhà	Cấp nguy hiểm cháy kết cấu của nhà	Diện tích lớn nhất cho phép của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy, m <sup>2</sup>		
				Nhà 1 tầng	Nhà 2 tầng	Nhà từ 3 tầng trở lên
C	36	I, II	S0	Không hạn chế	25 000	10 400
	18	III	S0	25 000	10 400	5 200
	12	IV	S0, S1	25 000	10 400	1400 <sup>2)</sup>
	12	IV	S2, S3	2 600	2 000	1100 <sup>2)</sup>
	8	V	Không quy định	1 200	–	–
E	36	I, II	S0	Không hạn chế		
	18	III	S0	Không hạn chế	50 000	15 000
	18	III	S1	Không hạn chế	25 000	10 400
	12	IV	S0, S1	Không hạn chế	25 000	7 800
	12	IV	S2, S3	10 400	7 800	–
	8	V	Không quy định	2 600	1 500	–

<sup>1)</sup> Chiều cao nhà trong bảng này được tính từ sàn tầng 1 đến trần tầng trên cùng, bao gồm cả tầng kỹ thuật; với trần nhà có cao độ thay đổi thì lấy giá trị cao độ trung bình. Khi xác định số tầng nhà thì chỉ tính các tầng trên mặt đất. Không quy định chiều cao nhà một tầng có cấp nguy hiểm cháy S0 và S1.

<sup>2)</sup> Tối đa 3 tầng (chiều cao nhà được phép đến 22 m), và phải trang bị chữa cháy tự động.

CHÚ THÍCH 1: Cho phép tăng lên đến 1 800 m<sup>2</sup> đối với diện tích tầng chứa chim và cừu giữa các tường ngăn cháy của nhà một tầng có bậc chịu lửa V và hạng C.

CHÚ THÍCH 2: Dấu “-”: cho phép áp dụng đồng bộ tiêu chuẩn NFPA 5000 phiên bản mới nhất hoặc tiêu chuẩn tương đương khác để xác định chiều cao và diện tích lớn nhất cho phép của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy tương ứng với giới hạn chịu lửa của các kết cấu, cấu kiện nhà và các điều kiện khác.

**Thuyết minh sửa đổi bảng H.10:** tương tự như thuyết minh sửa đổi bảng H.9.

**Bảng H.11 – Nhà kho**

Hạng nguy hiểm	Chiều cao lớn nhất	Bậc chịu lửa của	Cấp nguy hiểm cháy kết	Diện tích lớn nhất cho phép của một tầng nhà trong phạm vi một
----------------	--------------------	------------------	------------------------	--

cháy nổ của nhà hoặc khoang cháy	cho phép của nhà <sup>1)</sup> , m	nhà	cấu của nhà	khoảng cháy, m <sup>2</sup>		
				Nhà 1 tầng	Nhà 2 tầng	Nhà từ 3 tầng trở lên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A	Không quy định	I, II	S0	5 200	-	-
	Không quy định	III	S0	4 400	-	-
	Không quy định	IV	S0	3 600	-	-
	Không quy định	IV	S2, S3	75 <sup>2)</sup>	-	-
B	18	I, II	S0	7 800	5 200	3 500
	Không quy định	III	S0	6 500	-	-
	Không quy định	IV	S0	5 200	-	-
	Không quy định	IV	S2, S3	75 <sup>2)</sup>	-	-
C	36	I, II	S0	10 400	7 800	5 200
	24	III	S0	10 400	5 200	2 600
	Không quy định	IV	S0, S1	7 800	1 600	1 600 <sup>3)</sup>
	Không quy định	IV	S2, S3	2 600	1 600	1 600 <sup>3)</sup>
	Không quy định	V	Không quy định	1 200	-	-

**Bảng H.11 (kết thúc)**

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
E	Không giới hạn	I, II	S0	Không giới hạn	10 400	7 800
	36	III	S0, S1	Không giới hạn	7 800	5 200
	12	IV	S0, S1	Không giới hạn	2 400	2 400 <sup>4)</sup>
	Không quy định	IV	S2, S3	5 200	2 400	2 400 <sup>4)</sup>
	9	V	Không quy định	2 200	1 200	-

<sup>1)</sup> Chiều cao nhà trong bảng này được tính từ sàn tầng 1 đến trần tầng trên cùng, bao gồm cả tầng kỹ thuật; với trần nhà có cao độ thay đổi thì lấy giá trị cao độ trung bình. Khi xác định số tầng nhà thì chỉ tính các tầng trên mặt đất. Không quy định chiều cao nhà một tầng có bậc chịu lửa I, II, III và cấp nguy hiểm cháy S0. Chiều cao nhà một tầng có

bậc chịu lửa IV và cấp nguy hiểm cháy S0, S1 không được lớn hơn 25 m, đối với cấp S2, S3 – không lớn hơn 18 m (tính từ mặt sàn đến mép dưới của kết cấu chịu lực mái tại vị trí gói đỡ).

2) Nhà di động.

3) Tối đa 4 tầng (chiều cao nhà được phép đến 22 m). Trong trường hợp nhà kho 4 tầng thì phải có chữa cháy tự động.

4) Tối đa 4 tầng (chiều cao nhà được phép đến 22 m).

CHÚ THÍCH 1: Dấu “-”: cho phép áp dụng đồng bộ tiêu chuẩn NFPA 5000 phiên bản mới nhất hoặc tiêu chuẩn tương đương khác để xác định chiều cao và diện tích lớn nhất cho phép của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy tương ứng với giới hạn chịu lửa của các kết cấu, cấu kiện nhà và các điều kiện khác.

CHÚ THÍCH 2: Đối với các nhà kho hạng C, E, trong trường hợp nhà bậc chịu lửa I, cấp S0 vẫn không thể đáp ứng yêu cầu về chiều cao hoặc diện tích khoang cháy phù hợp với quy mô cần thiết, cho phép áp dụng đồng bộ tiêu chuẩn NFPA 5000 phiên bản mới nhất hoặc tiêu chuẩn tương đương để xác định chiều cao và diện tích lớn nhất cho phép của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy tương ứng với giới hạn chịu lửa của các kết cấu, cấu kiện nhà và các điều kiện khác. Giới hạn chịu lửa của kết cấu, cấu kiện nhà trong trường hợp này không được thấp hơn quy định trong Bảng 4 đối với nhà có bậc chịu lửa I.

CHÚ THÍCH 3: Đối với các nhà gara để xe phụ trợ cho các nhà và công trình khác bậc IV và từ 02 tầng trở lên, trong trường hợp Chủ công trình/cơ sở không có yêu cầu về hạn chế thiệt hại đối với các xe trong gara, cho phép không bảo vệ chịu lửa các sàn tầng với điều kiện các thang thoát nạn từ các tầng trên được bố trí sát biên nhà.

**Thuyết minh sửa đổi bảng H.11:** Tương tự như thuyết minh sửa đổi bảng H.9.

## **Bổ sung mới**

### **Tài liệu tham khảo**

- [1] NFPA 101 Life safety code, 15<sup>th</sup> edition. National fire protection association, 2021.
- [2] NFPA 5000 Building construction and safety code. National fire protection association, 2021.
- [3] NFPA Fire protection handbook, 21<sup>st</sup> edition. National fire protection association.
- [4] SFPE Handbook of Fire Protection Engineering. 5th edition. Morgan J. Hurley, Editor-in-Chief.
- [5] Методика определения расчетных величин пожарного риска в зданиях, сооружениях и строениях различных классов функциональной пожарной опасности. МЧС России, 2022.
- [6] Методика определения расчетных величин пожарного риска на производственных объектах. МЧС России, 2011.
- [7] СП 12.13130.2009. Свод правил. Определение категорий помещений, зданий и наружных установок по взрывопожарной и пожарной опасности. МЧС России, 2010.
- [8] СИТИС-СПН-1 ПОЖАРНАЯ НАГРУЗКА. СПРАВОЧНИК, 2014.

## PHỤ LỤC C.2

# SO SÁNH TƯƠNG QUAN GIỮA QCVN 06:2022/BXD VÀ TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN AN TOÀN CHÁY CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

## I. SO SÁNH MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHỦ YẾU VỀ BẬC CHỊU LỬA CỦA NHÀ, GIỚI HẠN CHỊU LỬA CỦA KẾT CẤU

### 1. Bậc chịu lửa là gì? Giới hạn chịu lửa là gì?

Tại Điều 1.5.1 của QCVN 06:2022/BXD quy định “Trong các nhà, khi thiết kế phải có các giải pháp kết cấu, bố trí mặt bằng - không gian và kỹ thuật công trình để bảo đảm khi xảy ra cháy thì nhà vẫn duy trì được tính ổn định tổng thể và tính bất biến hình trong một khoảng thời gian nhất định, được quy định bằng bậc chịu lửa của nhà”.

Như vậy, để đặc trưng cho khả năng duy trì tính ổn định tổng thể và tính bất biến hình trong điều kiện cháy của nhà và công trình, người ta chia thành các khoảng thời gian khác nhau, được gọi là bậc chịu lửa. Cũng có thể nhận thấy rằng bậc chịu lửa của nhà/ công trình được xác định dựa trên thời gian duy trì khả năng làm việc trong điều kiện cháy của các kết cấu/cấu kiện sử dụng để xây dựng nhà, công trình và khoảng cháy đó, được gọi là giới hạn chịu lửa của các kết cấu/ cấu kiện trong nhà và công trình (Điều 1.4.18 và Điều 2.2.1.2 QCVN 06:2022/BXD).

### 2. Mục đích, cách thức, ý nghĩa của việc phân bậc chịu lửa của nhà và giới hạn chịu lửa của kết cấu, cấu kiện trong hệ thống tiêu chuẩn về PCCC

Việc phân cấp thời gian làm việc thành bậc chịu lửa, giới hạn chịu lửa giúp xác định các yêu cầu an toàn PCCC đi kèm với mỗi một loại hình công trình xác định, cũng như hướng tới các yêu cầu về PCCC an toàn hơn.

Đối với nhà, công trình (hoặc khoang cháy), xác định bậc chịu lửa là yêu cầu đầu tiên cần đặt ra khi thiết kế hệ thống PCCC. Bậc chịu lửa của nhà, công trình, khoang cháy được thiết lập phụ thuộc vào số tầng (hoặc chiều cao PCCC của nhà), nhóm nguy hiểm cháy theo công năng, diện tích khoang cháy và tính nguy hiểm cháy của các quá trình công nghệ diễn ra trong nhà, công trình, khoang cháy. Do đó, việc xác định bậc chịu lửa của công trình có ý nghĩa quan trọng, là cơ sở để hình thành các giải pháp an toàn cháy chung của công trình.

So sánh được thực hiện như sau: Xét cùng 1 đối tượng (ví dụ nhà sản xuất công nghiệp 1 tầng, hạng nguy hiểm cháy nổ C, là đối tượng chịu ảnh hưởng nhiều nhất và phổ biến nhất ở Việt Nam) nếu xây dựng ở các nước khác nhau thì yêu cầu bậc chịu lửa bao nhiêu và giới hạn chịu lửa cụ thể của kết cấu thể nào (bảng 1 đến bảng 5).

Kết quả so sánh giữa các quốc gia Nga, Mỹ, Trung Quốc, Indonesia, Singapore và Việt Nam cho thấy, Việt Nam có yêu cầu KHÔNG CAO về bậc chịu lửa, giới hạn chịu lửa của kết cấu.

<b>Bảng 1. Nhà sản xuất (factory) hạng C, 1 tầng, diện tích 2000 m<sup>2</sup></b>						
<b>Yêu cầu đối với giới hạn chịu lửa của kết cấu, phút</b>						
<b>Loại kết cấu</b>	<b>Việt Nam</b>	<b>Mỹ</b>	<b>Trung quốc</b>	<b>Singapore</b>	<b>Indonesia</b>	<b>Nga</b>
	QCVN 06:2022/BXD	NFPA 5000-2021	GB 50016-2014	Fire code 2018	10/KPTS/2000	Luật an toàn cháy số 123 FZ, SP 2.13330.2020
<b>Bậc chịu lửa (hoặc khái niệm tương đương)</b>	Bậc IV, cấp S3 (Bảng H.9)	Type II (111) (Bảng 7.4.1)	Bậc 3 (bảng 3.3.1)	Không sử dụng khái niệm bậc chịu lửa	Type C (bảng 4.8)	Bậc IV, cấp S3 (SP 2.13330.2020)
<b>Cột chịu lực</b>	15 (Bảng 4)	60 (Bảng 7.2.1.1)	120 (bảng 3.2.1)	60 (bảng 3.3A, part 2)	60 (bảng 4.6, cách nguồn lửa 1.5 m-3m)	15 (Bảng 21- Luật an toàn cháy)
<b>Dầm chịu lực</b>	15	60	60	60	Không có thông tin	15
<b>Kết cấu mái</b>	15	60	30	-	0	15
<b>Tường ngoài chịu lực</b>	15	60	120	60	60	15
<b>Tường ngoài không chịu lực*</b>	0	0	30	0	60	15

\* Ghi chú: Xét trên cơ sở đảm bảo đủ khoảng cách Phòng cháy chống cháy

<b>Bảng 2. Nhà sản xuất (factory) hạng C, 1 tầng, diện tích 4000 m<sup>2</sup></b>						
<b>Yêu cầu đối với giới hạn chịu lửa của kết cấu, phút</b>						
<b>Loại kết cấu</b>	<b>Việt Nam</b>	<b>Mỹ</b>	<b>Trung quốc</b>	<b>Singapore</b>	<b>Indonesia</b>	<b>Nga</b>



	QCVN 06:2022/BXD	NFPA 5000- 2021	GB 50016-2014	Fire code 2018	10/KPTS/2000	Luật an toàn cháy số 123 FZ, SP 2.13330.2020
<b>Bậc chịu lửa (hoặc khái niệm tương đương)</b>	Bậc IV, cấp S1 (Bảng H.9)	Type II (222) (Bảng 7.4.1)	Bậc 2 (bảng 3.3.1)	Không sử dụng khái niệm bậc chịu lửa	Type A (bảng 4.8)	Bậc IV, cấp S1 (SP 2.13330.2020)
<b>Cột chịu lực</b>	15 (Bảng 4)	120 - chung; 60 phút - đỡ riêng mái (Bảng 7.2.1.1)	150 (bảng 3.2.1)	120 (bảng 3.3A, part 2)	240 (bảng 4.6, cách nguồn lửa 1,5-3m))	15 (Bảng 2I- Luật an toàn cháy)
<b>Dầm chịu lực</b>	15	120 - chung; 60 phút - đỡ riêng mái	90	120	240	15
<b>Kết cấu mái</b>	15	60	60	-	R240, E90, I60	15
<b>Tường ngoài chịu lực</b>	15	120 - chung; 60 phút - đỡ riêng mái	150	120	R240, E240, I180	15
<b>Tường ngoài không chịu lực*</b>	0	0	30	0	E240, I180	15

\* Ghi chú: Xét trên cơ sở đảm bảo đủ khoảng cách Phòng cháy chống cháy

**Bảng 3. Nhà sản xuất (factory) hạng C, 1 tầng, diện tích 9000 m2**

Yêu cầu giới hạn chịu lửa của kết cấu, phút						
Loại kết cấu	Việt Nam	Mỹ	Trung quốc	Singapore	Indonesia	Nga
	QCVN 06:2022/BXD	NFPA 5000- 2021	GB 50016- 2014	Fire code 2018	10/KPTS/2000	Luật an toàn cháy số 123 FZ, SP 2.13330.2020
<b>Bậc chịu lửa (hoặc khái niệm tương đương)</b>	Bậc IV, cấp S1 (Bảng H.9)	Type II (222) (Bảng 7.4.1)	Bậc 1 (bảng 3.3.1)	Không sử dụng khái niệm bậc chịu lửa	Type A (bảng 4.8) + một số điều kiện bổ sung vì type A chỉ cho phép diện tích khoang cháy tối đa 5000 m2	Bậc II, cấp S0 (SP 2.13330.2020)
<b>Cột chịu lực</b>	15 (Bảng 4)	120 - chung; 60 phút - đỡ riêng mái (Bảng 7.2.1.1)	180 (bảng 3.2.1)	120 (bảng 3.3A, part 2)	240 (bảng 4.6, cách nguồn lửa 1,5- 3m)	90 (Bảng 21 - Luật an toàn cháy)
<b>Dầm chịu lực</b>	15	120 - chung; 60 phút - đỡ riêng mái	120	120	240	90
<b>Kết cấu mái</b>	15	60	90	-	R240, E90, I60	15
<b>Tường ngoài chịu lực</b>	15	120 - chung; 60 phút - đỡ riêng mái	180	120	R240, E240, I180	15
<b>Tường ngoài không chịu lực*</b>	0	0	45	0	E240, I180	15

\* Ghi chú: Xét trên cơ sở đảm bảo đủ khoảng cách Phòng cháy chống cháy

**Bảng 4. Nhà sản xuất (factory) hạng C, 1 tầng, diện tích từ trên 9000 m<sup>2</sup> đến 25000 m<sup>2</sup>**

Yêu cầu đối với giới hạn chịu lửa của kết cấu, phút						
Loại kết cấu	Việt Nam	Mỹ	Trung quốc	Singapore	Indonesia	Nga
	QCVN 06:2022/BXD	NFPA 5000-2021	GB 50016-2014	Fire code 2018	10/KPTS/2000	Luật an toàn cháy số 123 FZ, SP 2.13330.2020
<b>Bậc chịu lửa (hoặc khái niệm tương đương)</b>	Bậc IV, cấp S1 (Bảng H.9)	Type II (222) (Bảng 7.4.1)	Bậc 1 (bảng 3.3.1)	Không sử dụng khái niệm bậc chịu lửa	Type A (bảng 4.8) + một số điều kiện bổ sung vì type A chỉ cho phép diện tích khoang cháy tối đa 5000 m <sup>2</sup>	Bậc IV, cấp S1 (SP 2.13330.2020)
<b>Cột chịu lực</b>	15 (Bảng 4)	120 - chung; 60 phút - đỡ riêng mái (Bảng 7.2.1.1)	180 (bảng 3.2.1)	120 (bảng 3.3A, part 2)	240 (bảng 4.6, cách nguồn lửa 1,5-3m)	15 (Bảng 21- Luật an toàn cháy)
<b>Dầm chịu lực</b>	15	120 - chung; 60 phút - đỡ riêng mái	120	120	240	15
<b>Kết cấu mái</b>	15	60	90	-	R240, E90, I60	15
<b>Tường ngoài chịu lực</b>	15	120 - chung; 60 phút - đỡ riêng mái	180	120	R240, E240, I180	15
<b>Tường ngoài không chịu lực*</b>	0	0	45	0	E240, I180	15

\* Ghi chú: Xét trên cơ sở đảm bảo đủ khoảng cách Phòng cháy chống cháy

**Bảng 5. Nhà sản xuất (factory) hạng C, 1 tầng, diện tích từ trên 25000 m<sup>2</sup> đến không hạn chế**

Yêu cầu đối với giới hạn chịu lửa của kết cấu, phút						
Loại kết cấu	Việt Nam	Mỹ	Trung quốc	Singapore	Indonesia	Nga
	QCVN 06:2022/BXD	NFPA 5000- 2021	GB 50016- 2014	Fire code 2018	10/KPTS/2000	Luật an toàn cháy số 123 FZ, SP 2.13330.2020
<b>Bậc chịu lửa (hoặc khái niệm tương đương)</b>	Bậc II, cấp S0 (Bảng H.9)	Type II (222) (Bảng 7.4.1)	Bậc I (bảng 3.3.1)	Không sử dụng khái niệm bậc chịu lửa	Type A (bảng 4.8) + một số điều kiện bổ sung vì type A chỉ cho phép diện tích khoang cháy tối đa 5000 m <sup>2</sup>	Bậc II, cấp S0 (SP 2.13330.2020)
<b>Cột chịu lực</b>	90 (Bảng 4)	120 - chung; 60 phút - đỡ riêng mái (Bảng 7.2.1.1)	180 (bảng 3.2.1)	120 (bảng 3.3A, part 2)	240 (bảng 4.6, cách nguồn lửa 1,5- 3m))	90 (Bảng 21 - Luật an toàn cháy)
<b>Dầm chịu lực</b>	90	120 - chung; 60 phút - đỡ riêng mái	120	120	240	90
<b>Kết cấu mái</b>	15	60	90	-	R240, E90, I60	15
<b>Tường ngoài chịu lực</b>	15	120 - chung; 60 phút - đỡ riêng mái	180	120	R240, E240, I180	15
<b>Tường ngoài không chịu lực*</b>	0	0	45	0	E240, I180	15

\* Ghi chú: Xét trên cơ sở đảm bảo đủ khoảng cách Phòng cháy chống cháy

## II. SO SÁNH QUY ĐỊNH VỀ DIỆN TÍCH KHOANG CHÁY TỐI ĐA CHO PHÉP

### 1. Khoang cháy là gì

Khoang cháy là một phần của nhà, được ngăn cách bởi các tường ngăn cháy và (hoặc) sàn ngăn cháy hoặc mái ngăn cháy, với giới hạn chịu lửa của các kết cấu ngăn chia bảo đảm việc đám cháy không lan ra ngoài khoang cháy trong suốt thời gian cháy (Điều 1.4.29 QCVN 06:2022/BXD)

### 2. Mục đích, phương pháp, ý nghĩa của việc phân khoang cháy

Căn cứ khái niệm nêu trên có thể thấy, mục đích việc phân khoang cháy trong nhà, công trình là bảo đảm việc đám cháy không lan ra ngoài khoang cháy trong suốt thời gian cháy.

Các khoang cháy được ngăn chia bởi các tường ngăn cháy loại 1 và (hoặc) sàn ngăn cháy loại 1. Cho phép ngăn chia khoang cháy theo phương đứng bằng tầng kỹ thuật được ngăn cách với các tầng liền kề bằng các sàn ngăn cháy loại 2, nếu các tường ngăn cháy loại 1 không lệch khỏi trục chính. Cho phép phân chia khoang cháy trong các nhà có bậc chịu lửa IV và V bằng các tường ngăn cháy loại 2 (Điều 2.5.3.3 QCVN 06:2022/BXD)

Do tính chất ngăn chia, khoang cháy cũng được phân bậc chịu lửa, cấp nguy hiểm cháy của kết cấu tương tự như nhà và công trình. Tuy nhiên, việc phân chia khoang cháy cũng tạo ra các bất tiện trong bố trí không gian sản xuất, lưu trữ. Diện tích khoang cháy có mối liên hệ chặt chẽ với bậc chịu lửa của công trình. Xét cùng một chức năng sản xuất, công trình có bậc chịu lửa I, II có thể thuận lợi hơn trong bố trí không gian, mặt bằng sản xuất, kinh doanh (diện tích mỗi khoang cháy lớn hơn, số tầng tối đa được phép xây dựng cao hơn ...) so với nhà tương tự có bậc chịu lửa III, IV, V. Do đó, chủ đầu tư và các đơn vị thiết kế luôn tính toán, tìm kiếm các giải pháp đề nâng bậc chịu lửa của công trình đến mức cao nhất (có lợi hơn về diện tích tối đa của khoang cháy), thông qua biện pháp gia tăng giới hạn chịu lửa của các bộ phận kết cấu nhà.

So sánh được thực hiện trên cùng một đối tượng nhà xưởng kết cấu thép giống nhau, thì diện tích khoang cháy tối đa cho phép ở mỗi quốc gia là bao nhiêu. Trường hợp diện tích nhà xưởng lớn hơn diện tích khoang cháy tối đa cho phép thì phải ngăn chia nhà xưởng thành các khoang cháy với diện tích tương ứng (ngăn chia bằng tường ngăn cháy). Bảng 6 là tổng hợp thông tin từ các quốc gia cho 9 đối tượng nhà xưởng khác nhau (phổ biến nhất tại Việt Nam) về hạng cháy nổ và số tầng cao.

Kết quả so sánh giữa các quốc gia Nga, Mỹ, Trung Quốc, Indonesia, Singapore và Việt Nam cho thấy, Việt Nam cho phép diện tích khoang cháy lớn, nghĩa là yêu cầu KHÔNG CAO về việc phải chia nhỏ nhà xưởng.

<b>Bảng 6. Diện tích khoang cháy tối đa cho phép trong các trường hợp nhà xưởng khác nhau (m2)</b>						
<b>Loại nhà</b>	<b>Việt Nam</b>	<b>Mỹ</b>	<b>Trung quốc</b>	<b>Singapore</b>	<b>Indonesia</b>	<b>Nga</b>
	QCVN 06:2022/BXD	NFPA 5000-2021	GB 50016-2014	Fire code 2018	10/KPTS/2000	Luật an toàn cháy số 123 FZ, SP 2.13330.2020
<b>Nhà sản xuất (factory) hạng C*,</b> 1 tầng, kết cấu thép không bọc bảo vệ	<b>25 000 m2</b> (tương đương nhà máy dài 250 m, rộng 100 m)	1441 m2 (15 000 ft2, kể cả có chữa cháy tự động)	Không được phép sử dụng hoặc phải có tính toán chứng minh (với nhà xưởng hạng C TQ quy định phải có bậc chịu lửa tối thiểu là bậc 3, giới hạn chịu lửa của kết cấu tương ứng xem tại bảng 1)	Không được phép sử dụng hoặc phải có tính toán chứng minh (với nhà máy (factory) Singapore yêu cầu giới hạn chịu lửa của kết cấu tối thiểu là 60 phút)	diện tích 2000 m2, khối tích 12 000 m3. Trường hợp lớn hơn phải ngăn chia khoang cháy hoặc có tính toán chứng minh.	<b>25 000 m2</b>
<b>Nhà sản xuất (factory) hạng C,</b> 2 tầng, kết cấu thép không bọc bảo vệ	<b>10 400 m2</b>	1441 m2 (15 000 ft2, kể cả có chữa cháy tự động)	như trên	như trên	như trên	<b>10 400 m2</b>

<b>Nhà sản xuất (factory) hạng E**, 1 tầng, kết cấu thép không bọc bảo vệ</b>	<b>Không hạn chế</b>	2139 m2 (23 000 ft2, kể cả có cửa cháy tự động)	Không được phép sử dụng hoặc phải có tính toán chứng minh (với nhà xưởng hạng E TQ quy định phải có bậc chịu lửa tối thiểu là bậc 4, giới hạn chịu lửa của kết cấu chính là 30 phút)	Không được phép sử dụng hoặc phải có tính toán chứng minh (với nhà máy (factory) Singapore yêu cầu giới hạn chịu lửa của kết cấu tối thiểu là 60 phút)	diện tích 2000 m2, khối tích 12 000 m3. Trường hợp diện tích nhà xưởng lớn hơn phải ngăn chia khoang cháy hoặc có tính toán chứng minh.	<b>Không hạn chế</b>
<b>Nhà sản xuất (factory) hạng E, 2 tầng, kết cấu thép không bọc bảo vệ</b>	<b>25 000 m2</b>	2139 m2 (23 000 ft2, kể cả có cửa cháy tự động)	như trên	như trên	như trên	<b>25 000 m2</b>
<b>Nhà sản xuất (factory) hạng E, 3 tầng trở lên, kết cấu thép không bọc bảo vệ</b>	<b>7800 m2</b>	2139 m2 (23 000 ft2, cao tối đa 4 tầng, kể cả có cửa cháy tự động)	như trên	như trên	như trên	<b>7800 m2</b>

<b>Nhà kho hạng C,</b> 1 tầng, kết cấu thép không bọc bảo vệ	<b>7800 m2</b>	1627 m2 (17 500 ft2, kể cả có chữa cháy tự động)	như trên	như trên	như trên	7800 m2
<b>Nhà kho hạng C,</b> 2 tầng, kết cấu thép không bọc bảo vệ	Phải có tính toán, luận chứng kỹ thuật	1627 m2 (17 500 ft2, kể cả có chữa cháy tự động)	như trên	như trên	như trên	Phải có tính toán, luận chứng kỹ thuật
<b>Nhà kho hạng E,</b> 1 tầng, kết cấu thép không bọc bảo vệ	<b>Không hạn chế</b>	2418 m2 (26 000 ft2, kể cả có chữa cháy tự động)	như trên	như trên	như trên	<b>Không hạn chế</b>
<b>Nhà kho hạng E,</b> 2 tầng, kết cấu thép không bọc bảo vệ	<b>tầng 1 không hạn chế, tầng 2 tối đa 2200 m2</b>	2418 m2 (26 000 ft2, kể cả có chữa cháy tự động)	như trên	như trên	như trên	<b>tầng 1 không hạn chế, tầng 2 tối đa 2200 m2</b>
* Hạng C: ví dụ nhà máy dệt may, nhà máy giấy, nhà máy chế biến thực phẩm cháy được, ...						
** Hạng E: Nhà máy sản xuất các chất, vật liệu không cháy, ví dụ đá, gạch, ...						



**III. Một số yêu cầu về an toàn cháy đối với nhà của cơ sở giáo dục đào tạo phổ thông (tiểu học và trung học cơ sở) theo quy chuẩn của các nước**

Tiêu chí	Việt Nam QCVN 06:2022/BXD	Mỹ (IBC- 15, NFPA 101-18, NFPA 5000-2021)	Singapore (FCODE - 18)	Hongkong (FCODE – 15)	Malaysia (Building By Law)	Trung Quốc (GB 50016- 2014)	Anh (Approved Document B)	Nhật Bản (Building Standard Law)
Diện tích khu vực cháy (m <sup>2</sup> )	Tùy theo số tầng và bậc chịu lửa, lớn nhất 12000 m <sup>2</sup> (có sprinkler), thấp nhất 800 m <sup>2</sup>	Từ 884 m <sup>2</sup> (9500 ft <sup>2</sup> ) đến không hạn ché	2 800	2 500	2000	1 200	800 / 2000 (có Sprinkler)	1 500
Khoảng cách thoát nạn (m)	15 (Thoát theo 1 hướng) 20 (Thoát theo 2 hướng)	23	1 hướng 15 / 25 (có Sprinkler) 2 hướng 45 / 60 (có Sprinkler)	18 (Thoát theo 1 hướng) 45 (Thoát theo 2 hướng)		12 (Thoát theo 1 hướng) 25 (Thoát theo 2 hướng)		
Mật độ dòng người thoát nạn (người/m)	Cửa các tầng 165	Cửa phòng 200 Mật độ thoát nạn 1,86 người / 1 m <sup>2</sup>	Cửa tầng 1: 100 Các tầng khác 80 Qua buồng thang 60			Cửa tầng 1 130 Cửa tầng 3 100		

Số lối ra thoát nạn tối thiểu của phòng học	2 Nếu số HS > 50 Nếu số cháu > 15 (đối với mẫu giáo)	2 Nếu số HS > 50	02	02 nếu số HS > 30	02			
Chiều rộng tối thiểu cầu thang / hành lang (m)	1,2	1,82	1 / 1,5	0,75 / 1,0	1,4			1,4
Trang bị báo cháy tự động Thông báo hướng dẫn thoát nạn	Không	Bắt buộc nếu số học sinh > 50	Bắt buộc nếu diện tích > 200 m <sup>2</sup> và > 2 tầng		Không			
Trang bị chữa cháy tự động	Không	Bắt buộc từ tầng 2 trở lên và D.tích > 1115 m <sup>2</sup>	Bắt buộc nếu cao hơn 24 m		Không			
Yêu cầu khác	Nhà học nhiều tầng phải có tối thiểu 2 cầu thang	Huấn luyện an toàn cháy hàng tháng 2 cầu thang thoát nạn nếu số HS > 500	Kết nối báo cháy với cơ quan PCCC Máy phát điện dự phòng nếu nhà > 4 tầng	Nhà học nhiều tầng phải có tối thiểu 2 cầu thang	Hệ thống chữa cháy vách tường			

Giới hạn chiều tầng	5 Nhà trẻ, mẫu giáo không quá 3 tầng	5 / 6 Mẫu giáo và lớp 1 không quá tầng 1; Lớp 2 không quá tầng 2 Các lớp khác không giới hạn tầng	Hạn chế diện tích và khối tích khoang cháy	Không hạn chế	Không hạn chế	5	Chiều cao không quá 18 m
---------------------	---	--	--	---------------	---------------	---	--------------------------

Nhận xét: Quy định theo QCVN 06:2022/BXD theo một số khía cạnh nhìn chung tương đương với Singapore và Hongkong; Về diện tích khoang cháy, không yêu cầu cao hơn so với các quốc gia khác.

**IV. So sánh các yêu cầu về gian lánh nạn và tầng lánh nạn**

Tiêu chí	Mỹ NFPA 5000 (2018) NFPA 5000 hoặc NFPA 101 (7.2.12)	National Building Code – Part 4 (Án Đô) (Phụ lục E4)	Trung Quốc (GB 50016-2014) (5.5.23 – 5.5.31)	Hàn Quốc (Council of Tall building and urban habitate)	Hongkong (FCode – 15) (Điều B18)	Singapore (FCode-18) (Điều 9.2.2 a)	QCVN 06:2020/BXD và QCVN 06:2022/BXD
Chiều cao nhà phải bố trí	Nhà cao tầng (High-rise building) – từ 23 m trở lên.	Nhà cao từ 24 m trở lên Nhà chung cư 60 m trở lên	Từ 100 m trở lên		75 m trở lên (25 tầng)	40 tầng trở lên (nhà chung cư siêu cao tầng tương đương khoảng 120 m)	Từ 100 m trở lên
Nguyên tắc bố trí	Phân tán – tại tất cả các tầng Các khu vực lánh nạn phải được bố trí trên đường thoát nạn (7.5.4)	Phân tán H < 60 m coi ban công là gian lánh nạn cục bộ. H ≥ 60 m bố trí tập trung, cách nhau không quá 30 m theo chiều cao (10 tầng)	Tập trung, cách nhau không quá 15 tầng	Tập trung Cách nhau không quá 30 tầng	Tập trung Cách nhau không quá 20 – 25 tầng	Tập trung Cách nhau không quá 20 tầng	Tập trung Cách nhau không quá 20 tầng
Định mức diện tích	Đổi tượng chủ yếu là cho người hạn chế vận động, đủ chử I xe lăn tính trên	Tối thiểu 15 m <sup>2</sup> 0,3 m <sup>2</sup> /người Số người tính cho 3 tầng liền kề, bao gồm cả tầng lánh nạn.	0,2 m <sup>2</sup> /người	Các tầng trên cao chứa ít nhất 80% số người Các tầng phía dưới chứa ít nhất 40%	Không quy định Song diện tích gian lánh nạn không được nhỏ hơn 50 % diện tích tầng	0,3 m <sup>2</sup> /người Tính trên tổng số người sử dụng các tầng phía trên gian lánh nạn	0,3 m <sup>2</sup> /người Tính trên tổng số người sử dụng các tầng phía trên gian lánh nạn

	200 người sử dụng								
Có cho phép kết hợp chức năng ở	-	Có	Chỉ nói có thể bố trí các gian kỹ thuật, chưa rõ có cho phép chức năng ở không	<b>Không cho phép chức năng khác</b> ngoại trừ tầng kỹ thuật	<b>Không cho phép</b>	<b>Không cho phép</b> (lưu ý thêm định nghĩa về tầng – Storey)	<b>Không cho phép</b>		
Quy định khác	Tiếp cận, bảo vệ bằng sprinkler				Tiếp cận bởi thang máy chữa cháy, đảm bảo thông gió tự nhiên trên 2 mặt đối diện Có liên lạc hai chiều Cầu thang bộ phải ngắt tại tầng lánh nạn	Tiếp cận đến thang không nhiễm khói và thang máy chữa cháy	Tiếp cận đến thang không nhiễm khói và thang máy chữa cháy Thông gió tự nhiên, bảo vệ bằng Sprinkler	Tiếp cận đến thang không nhiễm khói và thang máy chữa cháy Thông gió tự nhiên, bảo vệ bằng Sprinkler	Liên lạc hai chiều

Nhận xét, quy định trong QCVN 06:2020/BXD, QCVN 06:2021/BXD và QCVN 06:2022/BXD tương đương Hong Kong và Singapore, thấp hơn so với quy định của Ấn Độ, Trung Quốc.

**V. So sánh quy định về phân khoang cháy theo chiều cao nhà**

<b>Hongkong</b>	<b>Singapore</b>	<b>Malaysia</b>	<b>Nhật Bản</b>	<b>New Zealand</b>	<b>Vương quốc Anh</b>	<b>Úc</b>	<b>Việt Nam</b>
<p>Trong Chương 2, Phụ chương C3, điều C3.1 của [1] quy định về giới hạn diện tích và thể tích khoang cháy, theo đó, đối với nhà chung cư, không hạn chế diện tích và thể tích khoang cháy ở mỗi tầng. Tuy nhiên, trong phần ghi chú, có nêu rõ, mỗi căn hộ phải được ngăn với căn hộ liền kề bằng các bộ phận ngăn cháy. Điều này cũng có nghĩa mỗi căn hộ là một khoang</p>	<p>Quy định về ngăn khoang cháy nói chung được đề cập trong và ngăn khoang cháy theo chiều cao nói riêng được đề cập trong 3.2.4 tài liệu [3], theo đó các công trình nhà có chiều cao sử dụng lớn hơn 24 m thì, mỗi khoang cháy không được chứa nhiều hơn 3 tầng nhà. Riêng đối với nhà ở căn hộ loại nhỏ, mỗi khoang cháy theo chiều cao có thể có nhiều hơn 3 tầng nhà với điều kiện</p>	<p>Điều 137, tài liệu [4] quy định: đối với nhà cao dưới 30 m thì tất cả các sàn nằm ở độ cao từ 9 m trở lên phải là sàn phân khoang, tức là phân khoang cháy theo chiều cao ở từng tầng; Đối với nhà có chiều cao từ 30 m trở lên thì việc phân phải được thực hiện cho mỗi tầng, kể cả các tầng nằm ở độ cao dưới 9 m (ngoại trừ nhà ở có thể được</p>	<p>Quy định về phân khoang nêu trong điều 112, tài liệu [5] Quy mô của khoang cháy đối với mọi ngôi nhà phụ thuộc vào bậc chịu lửa của nhà, phân vùng nguy hiểm cháy của khu đất xây dựng công trình. Trong trường hợp lớn nhất, tổng diện tích khoang cháy cũng không được vượt quá 1.500 m<sup>2</sup>, trường hợp nhà được bảo vệ bằng Sprinkler thì phân diện tích được bảo</p>	<p>Các quy định về tính năng nêu trong tài liệu [6] liên quan đến ngăn chặn lan truyền cháy Điều C.3 Đám cháy tác động đến những khu vực ngoài nguồn cháy. Yêu cầu tính năng C3.2 Nhà có chiều cao từ 10 m trở lên với các tầng phía trên có bố trí chỗ ngủ thì phải được thiết kế, xây dựng đảm bảo để hạn chế nguy cơ lửa lan truyền theo chiều đứng từ bên ngoài lên</p>	<p>Quy định về phân khoang cháy theo chiều cao trong các tòa nhà được đề cập tại Điều 8.17: đối với nhà ở (trong đó có bao gồm cả chung cư) tất cả các sàn phải được cấu tạo là sàn ngăn cháy, điều này có nghĩa là theo chiều cao nhà mỗi tầng nhà được coi là 1 khoang cháy. Điều 8.18 đối với nhà không phải là nhà ở, từ chiều cao 30 m trở lên mỗi sàn nhà phải được cấu tạo là</p>	<p>Quy định về phân khoang cháy được nêu trong Phần C, mục C.2 của Quy chuẩn xây dựng theo chiều cao cũng tương tự theo nguyên tắc của Nhật Bản, tức là chiều cao khoang cháy sẽ được tính toán căn cứ vào tổng diện tích cho phép của khoang cháy ứng với từng loại nhà và bậc chịu lửa của nhà.</p>	<p>Quy định phân khoang cháy theo chiều cao áp dụng trong 2 trường hợp sau [9]: (1) Theo điều 4.5 [9] nếu một nhóm tầng khác nhau được sử dụng cho công năng khác nhau. Khi đó sàn của tầng có thay đổi công năng theo chiều cao phải là sàn ngăn cháy, với giới hạn chịu lửa không quá REI 120. (2) Theo A.2.2 và A.3.1.2 nếu nhà có chiều cao PCCC lớn hơn 50 m (với nhà công cộng)</p>

<p>cháy riêng biệt và như vậy diện tích khoang cháy không vượt quá diện tích 1 căn hộ.</p>	<p>toàn bộ không gian đó được sử dụng bởi 1 chủ hộ.</p>	<p>phân khoang mỗi 2 tầng).</p>	<p>vê bằng được tầng gấp đôi. Như vậy, đối với các nhà có mặt bằng rộng thì đòi hỏi hạn chế về chiều cao của khoang cháy (hay số tầng nằm trong phạm vi một khoang cháy). Ví dụ nếu tổng diện tích sàn của một tầng lớn hơn 1.500 m<sup>2</sup> thì bản thân khoang cháy theo chiều cao chỉ là 1 tầng nhà và trong tầng này phải ngăn chia mặt bằng thành khoang cháy theo chiều ngang với diện tích không quá 1.500 m<sup>2</sup>.</p>	<p>các tầng phía trên. C.3 Nhà phải được thiết kế và xây dựng đảm bảo nguy cơ lan truyền lửa theo phương đứng và phương ngang qua các giới hạn quy định.</p>	<p>sàn ngăn cháy. Điều này có nghĩa là phần nhà từ 30 m trở xuống được coi là 1 khoang cháy theo chiều đứng, còn từ 30 m trở lên, mỗi tầng phải được ngăn chia thành 1 khoang cháy.</p>	<p>hoặc 75 m (với nhà chung cư) thì tại chiều cao 50 m (hoặc 75 m) phải có sàn ngăn cháy và tiếp theo đó cứ 50 m thì lại phải có 1 sàn ngăn cháy.</p>
--	---	---------------------------------	---	--	---	---

### **Nhận xét:**

Đối với nhà có 1 công năng, QCVN 06 chỉ yêu cầu sử dụng sàn ngăn cháy đối với nhà công cộng cao hơn 50 m hoặc nhà chung cư cao hơn 75 m. Một số quốc gia yêu cầu từ chiều cao khoảng 25 m trở lên thì sàn giữa các tầng phải là sàn ngăn cháy, tức là mỗi tầng đều phải là 1 khoang cháy theo chiều cao.

Tài liệu tham khảo

Hồng Kông

[1] Code of practice of fire safety in buildings – 2011 (Quy chuẩn an toàn cháy cho nhà phiên bản 2011)

[2] Code of practice for the provision of means of escape in case of fire – (Quy chuẩn về các giải pháp thoát nạn khi có cháy)

Singapore

[3] Singapore fire code – 2018 (Quy chuẩn an toàn cháy của Singapore)

Malaysia

[4] Uniform Building By-Law – 2102 (Luật chung về xây dựng)

Nhật Bản

[5] Japanese Building Standard Law – 2009, The building standard law enforcement order (Luật xây dựng Nhật Bản – 2009, Pháp lệnh ban hành luật xây dựng nhật bản)

New Zealand

[6] Building Regulation 1992 - reprint as at 01 January 2012 (Quy chuẩn xây dựng 1992 – Tái bản 01 tháng 01 năm 2017)

Vương quốc Anh

[7] The Building Regulation 2000 – Fire safety (Approved Document B). Part 2 – Buildings other than Dwelling house, 2006 (Quy chuẩn xây dựng 2000 – An toàn cháy (Tài liệu xác nhận B). Phần 2 nhà không thuộc nhóm nhà ở đơn lẻ, 2006).

Úc



[8] National Construction Code NCC 2016 – Building Code of Australia Volume 1 Class 2 to Class 9 of Buildings – Quy chuẩn xây dựng quốc gia Úc - 2016.

Việt Nam

[9] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình – QCVN 06:2022/BXD.

## VỀ VẤN ĐỀ GIỚI HẠN CHỊU LỬA CHO MÁI NHÀ CÔNG NGHIỆP

### 1. Vấn đề

Nhìn chung, các quy định về GHCL của kết cấu chính đỡ mái nhà công nghiệp theo QCVN 06 là tương đối rõ ràng. Cần tính toán kết cấu trong điều kiện chịu lửa để xác định nhiệt độ tới hạn của cấu kiện và chỉ rõ, cấu kiện nào tham gia giữ ổn định tổng thể nhà, cấu kiện nào không. Các cấu kiện đỡ mái như dầm, giàn chưa chắc đã tham gia giữ ổn định cho cột, trong các trường hợp đó có thể chỉ cần tối đa R 30.

Tuy nhiên, đối với xà gồ là một bài toán khó. Vì ở VN, xà gồ thường sử dụng loại C, Z thành mỏng tạo hình nguội, với chỉ số Hp/A dao động từ 500 đến 1000 m<sup>-1</sup>, nghĩa là rất mảnh và có khả năng chịu lửa kém. Các thử nghiệm về thép thành mỏng (Nga) cho thấy chỉ đảm bảo R8 khi Hp/A từ khoảng 300 trở xuống (nhiệt độ tới hạn 500°C). Với tính toán, có thể nhiệt độ tới hạn quanh mức 700°C, và do đó để đạt R8 thì chỉ số Hp/A có thể nở rộng hơn, nhưng cũng không đến mức 500-1000 m<sup>-1</sup>.

### 2. So sánh yêu cầu giữa các Quy chuẩn an toàn cháy về vấn đề giới hạn chịu lửa cho mái nhà công nghiệp

Kết cấu mái	QCVN 06	Nga Luật FZ 123 SP 2.13330.2020	Anh Building regulation B	Singapore Fire code 2018	Mỹ NFPA 5000
1. Kết cấu chính (dầm, xà đỡ mái)	- Nếu kết cấu mái là bộ phận chịu lực (giữ ổn định cho cột): Bậc I – R120, II – R90; III – R45; IV – R15; V – 0 - Nếu kết cấu mái chỉ đỡ lợp mái: Bậc I – R30, II	Tương đương QCVN 06.	Mục 7.3 Không yêu cầu GHCL cho kết cấu chỉ đỡ mái (support only a roof), trừ các trường hợp: 1) Mái có sử dụng; 2) Giữ ổn định cho tường ngoài tạo thành khoang cháy; 3) Tham gia giữ ổn định tổng thể	<p>1.4.36 Element of structure refers to:</p> <p>a. a member forming part of the structural frame of a building or any other beam or column but not a member forming part of a roof structure only;</p> <p>b. a load-bearing wall or load-bearing part of a wall;</p> <p>c. a floor, including a compartment floor, other than the lowest floor (in contact with the ground) of a building;</p> <p>d. a separating wall; or</p> <p>e. a structure enclosing a protected shaft (protecting structure).</p> <p>Tương tự QC Anh, QC Sing cũng không chỉ rõ kết cấu mái có thuộc bộ phận kết cấu cần bảo vệ chịu lửa hay không, mà chỉ nêu như 1.4.36. Bảng 3.3A:</p>	<p>Bảng 7.2.1.1 Beam, girder, truss, arch support roofs only:</p> <p>- Type I: loại 442 – 2 giờ; 332 – 1,5 giờ;</p> <p>- Type II: loại 222 – 2 giờ; 111 – 1 giờ; 000 – 0;</p> <p>- Type III: 211 – 1 giờ; 200 – 0 giờ.</p> <p>- Type IV: H (heavy timber) – cần thí nghiệm</p> <p>- Type V: 111 – 1 giờ; 000 – 0.</p> <p>Theo bảng 7.4.1 thì các loại từ type II 11 trở xuống có giới hạn</p>

Kết cấu mái	QCVN 06	Nga Luật FZ 123 SP 2.13330.2020	Anh Building regulation B	Singapore Fire code 2018	Mỹ NFPA 5000
	<p>đến IV – R15; V – 0.            Kết cấu thép ko phải bảo vệ chịu lửa nếu yêu cầu R15 và R thực tế từ R 8 trở lên, hoặc Hp/A ≤ 250 m<sup>-1</sup></p>	<p>cho nhà. Trong các trường hợp này thì GHCL của kết cấu mái không thấp hơn GHCL của kết cấu khác mà nó liên quan.            Mục 13.16 nói rõ là portal frames của nhà 1 tầng không yêu cầu GHCL, vì chỉ đỡ mái.            Tuy nhiên trong trường hợp tường ngoài có yêu cầu về bảo vệ chịu lửa để chống cháy lan, thì khung nhà thường được coi là một bộ phận kết cấu thống nhất, vì sử dụng các liên kết chịu mô men, đặc biệt là tại các nút dầm-cột, và</p>	<p>1. Nhà công nghiệp nhiều tầng (áp dụng cho khoang cháy hoặc toàn nhà):            a) chiều cao tối đa 28 m, khối tích tối đa 8500 m<sup>3</sup> – GHCL của các bộ phận kết cấu tối thiểu 1 giờ;            b) Chiều cao, khối tích ko giới hạn – GHCL của các bộ phận kết cấu tối thiểu 2 giờ.</p>	<p>1. Nhà công nghiệp nhiều tầng (áp dụng cho khoang cháy hoặc toàn nhà):            a) chiều cao tối đa 28 m, khối tích tối đa 8500 m<sup>3</sup> – GHCL của các bộ phận kết cấu tối thiểu 1 giờ;            b) Chiều cao, khối tích ko giới hạn – GHCL của các bộ phận kết cấu tối thiểu 2 giờ.</p>	<p>về số tầng cao và diện tích khoang cháy khá nhỏ (đôi với nhà công nghiệp ordinary hazard – tối đa 25000 ft<sup>2</sup> (2325 m<sup>2</sup>), low hazard – 37500 ft<sup>2</sup> (3487 m<sup>2</sup>).            Khá nhỏ so với quy định của QC 06 với cùng thời gian chịu lửa của kết cấu.            Tuy nhiên trong NFPA 5000 không chỉ rõ xà gồ (purlin) thuộc dạng kết cấu đỡ roof hay không.            Theo định nghĩa về roof assembly (38.1.1.9) thì không bao gồm xà gồ.</p>

Kết cấu mái	QCVN 06	Nga Luật FZ 123 SP 2.13330.2020	Anh Building regulation B	Singapore Fire code 2018	Mỹ NFPA 5000
<p>lúc này thì kết cấu khung có thể cần bảo vệ chịu lửa. B26, mục d có liệt kê một số trường hợp có thể phải bảo vệ chịu lửa cho kết cấu nhà 1 tầng:</p> <p>1) Là một phần của tường ngoài có yêu cầu về bảo vệ chịu lửa, hoặc đỡ tường đó; 2) Là một phần của tường chia khoang cháy, hoặc đỡ tường đó; 3) đỡ gallery.</p> <p><b>Gallery - A</b> floor or balcony that does not extend across the full extent of a building's footprint and is</p>					

Kết cấu mái	QCVN 06	Nga Luật FZ 123 SP 2.13330.2020	Anh Building regulation B	Singapore Fire code 2018	Mỹ NFPA 5000																						
		open to the floor below. Theo bảng 8.1, AD B2, thì với nhà một tầng chiều cao dưới 18 m, không hạn chế diện tích khoang cháy kể cả trong trường hợp không có sprinkler. Nhà một tầng không được cao quá 18 m.																									
2. Các bộ phận lợp mái: cụm tấm lợp (có thể bao gồm nhiều lớp), xà gồ đỡ tấm lợp	Tám lợp: Bạc I – RE 30, Bạc II đến IV – RE 15; Bạc V – 0. Xà gồ: Bạc I – R 30, Bạc II đến IV – R 15; Bạc V – 0.	Tương tự QC 06. Các điển đàn về an toàn cháy của Nga tranh luận rất nhiều về việc có cần bảo vệ chịu lửa cho xà gồ hay không. Theo câu chữ của Luật FZ 123 là cần. Tuy nhiên thường thì các mái nhà công nghiệp của Nga	<b>Approved document B, 2019 ed.</b> 14.1 “Roof covering” describes one or more layers of material, but not the roof structure as a whole. Trong QC Anh yêu cầu rất nhiều và chi tiết	<p>3.5.8 Non-sprinkler-protected roof For non-sprinkler-protected roof within 4m from the boundary (evolving boundary abutting public street, canal or river), the portion of the roof within this 4m zone shall be 1-hr fire-rated. This requirement is exempted for areas mentioned under C1.3.3.7a.</p> <p>3.14 ROOFS</p> <p>3.14.1 Roof construction</p> <p>a. The surface of materials for roof covering and roof construction shall have a surface spread of flame rating not lower than Class 1, or Class A when tested in accordance with ASTM E108, except in the case of PG I and PG II, and in buildings that are protected throughout with automatic sprinkler system.</p> <p>b. Composite panel used as roof covering shall comply with C1.3.15.13.</p> <p>c. Roof covering containing plastic shall comply C1.3.15.19c(7).</p> <p><b>QC Sing chỉ yêu cầu về vật liệu mái (bao gồm cả kết cấu support, có thể là xà gồ), không yêu cầu bảo vệ chịu lửa (trừ trường hợp</b></p>	<p>38.1.1.9 Roof Assembly. The component(s) above the roof structural framing, including the roof deck, vapor barrier, insulation, roof cover, coatings, toppings, or any combination thereof.</p> <p><b>Table 38.2.2 Minimum Roof-Covering Classification</b></p> <table border="1" data-bbox="1047 105 1291 556"> <thead> <tr> <th>Type of Construction</th> <th>Minimum Roof Covering Classification</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Type I (442)</td> <td>B</td> </tr> <tr> <td>Type I (332)</td> <td>B</td> </tr> <tr> <td>Type II (222)</td> <td>B</td> </tr> <tr> <td>Type II (111)</td> <td>B</td> </tr> <tr> <td>Type II (000)</td> <td>C</td> </tr> <tr> <td>Type III (211)</td> <td>B</td> </tr> <tr> <td>Type III (200)</td> <td>C</td> </tr> <tr> <td>Type IV (2HH)</td> <td>B</td> </tr> <tr> <td>Type V (111)</td> <td>B</td> </tr> <tr> <td>Type V (000)</td> <td>C</td> </tr> </tbody> </table> <p>38.2.1.1 Where roof coverings are required by 38.2.2 to be fire resistance rated as either Class A, Class B, or Class C for exterior fire exposure, they shall be tested according to FM 4470, Single-Ply, Polymer-Modified Bitumen Sheet, Built-Up Roof (BUR) and Liquid Applied Roof Assemblies for Use in Class 1 and Noncombustible Roof Deck Construction; UL 790, Standard Test Methods for Fire Tests of Roof Covering; or ASTM E108, Standard Test Methods for Fire Tests of Roof Coverings.</p>	Type of Construction	Minimum Roof Covering Classification	Type I (442)	B	Type I (332)	B	Type II (222)	B	Type II (111)	B	Type II (000)	C	Type III (211)	B	Type III (200)	C	Type IV (2HH)	B	Type V (111)	B	Type V (000)	C
Type of Construction	Minimum Roof Covering Classification																										
Type I (442)	B																										
Type I (332)	B																										
Type II (222)	B																										
Type II (111)	B																										
Type II (000)	C																										
Type III (211)	B																										
Type III (200)	C																										
Type IV (2HH)	B																										
Type V (111)	B																										
Type V (000)	C																										

Kết cấu mái	QCVN 06	<p><b>Nga</b> <b>Luật FZ 123</b> <b>SP 2.13330.2020</b></p> <p>khá chắc chắn (do có nhiều lớp cách nhiệt, chống băng ...), và xà gò, ngoài tải trọng gió còn phải đỡ tải trọng tuyết rất nặng. Trong trường hợp không có tải trọng tuyết thì nhìn chung cấu tạo xà gò tương tự VN, thường dùng các thanh C, Z thành mỏng tạo hình nguội làm xà gò.</p>	<p><b>Anh</b> <b>Building</b> <b>regulation B</b></p> <p>về vật liệu và cấu tạo lớp bao che mái, nhưng không có yêu cầu về GHCL của roof covering. <b>B.15</b> <b>Performance of the resistance of roofs to external fire exposure is measured in terms of penetration through the roof construction and the spread of flame over its surface</b> (Penetration through the roof construction chính là chỉ tiêu E, theo B19, b) <b>Như vậy, theo QC Anh (Tài</b></p>	<p><b>Singapore</b> <b>Fire code 2018</b></p> <p>mái không được bảo vệ bằng sprinkler tự động).</p>	<p><b>Mỹ</b> <b>NFPA 5000</b></p> <p><b>There are four commercial roof fire ratings: Class A, B, C, and Unrated.</b></p> <p>Class A ratings are obtained when material survives a severe fire test. Class B ratings are awarded after successfully withstanding moderate fire exposure and Class C demonstrates survivability of only the lightest fire test.</p> <p><b>The International Building Code (IBC), states that all roof coverings are required to be tested in accordance with ASTM E 108 or UL 790.</b></p> <p><b>Class A Roofing</b> <b>Class A roofing is the preferred choice for any commercial building, especially if it is in an area prone to wildfires. To achieve a Class A rating, the roof must be effective against severe</b></p>
-------------	---------	--	---	---	--

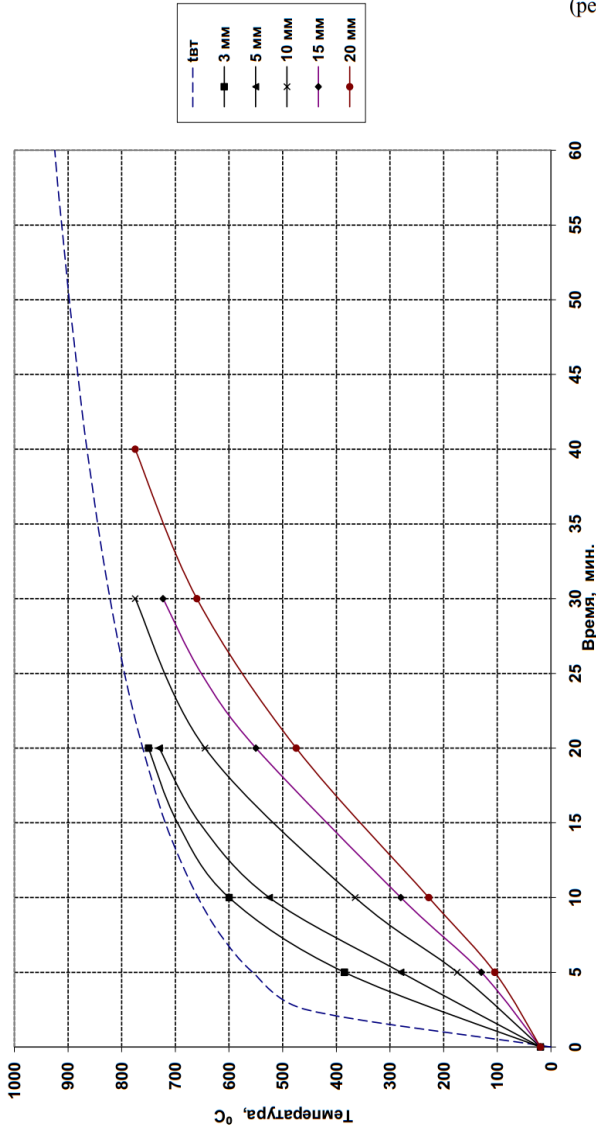
Kết cấu mái	QCVN 06	Nga Luật FZ 123 SP 2.13330.2020	Anh Building regulation B	Singapore Fire code 2018	Mỹ NFPA 5000
			liệu B) thì yêu cầu chịu lửa đối với mái là: chỉ tiêu E và chỉ tiêu lan truyền lửa trên bề mặt mái khi mái chịu ngọn lửa ở mặt ngoài. Yêu cầu về REI chỉ có khi mái là mái có sử dụng (làm đường thoát nạn hoặc thực hiện chức năng như sàn, bảng B3, mục 4)		<p>fire exposure. This is proven if it can:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Experience maximum flame spread of 6 feet</li> <li>• Withstand a burning brand measuring 12" x 12" and weighing 2,000 grams</li> <li>• Last 2 to 4 hours before ignition</li> <li>• Resist 15 cycles of a gas flame turned on and off</li> </ul> <p><b>Class B Roofing</b> Class B roofing is effective against moderate fire exposures. This is proven when the roofing can:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Experience maximum flame spread of 8 feet</li> <li>• Withstand a burning brand measuring 6" by 6" and weighing 500 grams</li> <li>• Last 1 hour before ignition</li> <li>• Resist eight cycles of a gas flame turned on and off</li> </ul>

Kết cấu mái	QCVN 06	Nga Luật FZ 123 SP 2.13330.2020	Anh Building regulation B	Singapore Fire code 2018	Mỹ NFPA 5000
					<p><b>Class C Roofing</b> Class C roofing provides only light fire protection. Roofing with a Class C rating is able to:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Experience maximum flame spread of 13 feet</li> <li>• Withstand a burning brand measuring 1.5" x 1.5" and weighing 1/4 gram</li> <li>• Last 20 minutes before ignition</li> <li>• Resist three cycles of a gas flame turned on and off</li> </ul>

3. Một số thử nghiệm và tính toán chịu lửa đối với kết cấu xà gò mái thanh thành móng đập nguội

Nga giới hạn  $Am/V \leq 250$  m (-1) (trương đương chiều dày quy đổi của tiết diện  $>=4$ ) cho mọi cấu kiện. Theo TC thí nghiệm của Nga thì nhiệt độ tối hạn được lấy bằng 500 độ C. Theo tài liệu hướng dẫn bảo vệ KC thép chịu lửa của Nga (hiệp hội thép ARSS) hoặc STO thì với chiều dày quy đổi = 3 mm ( $Am/V=333$ ) thì cấu kiện thép không bảo vệ có  $R = 7$  phút. Như vậy lấy giới hạn  $Am/V = 250$  là có cơ sở.





$t_{BT}$  – стандартная температурная кривая по ГОСТ 30247.0;  
 $\delta_{np}$  – приведенная толщина металла: 3, 5, 10, 15, 20 мм.

Рисунок А1. Пример построения номограммы прогресса незащищенных стальных конструкций

Приложение А  
 (рекомендуемое)

Anh (BS 5950-8, Approved document B2, 2019 edition): Dầm đỡ sàn <230 m(-1), cột < 180 m(-1), giằng <210. Cho phép Am/V có thể lớn hơn một chút nếu hệ số tải trọng (tải trọng khi cháy/tải trọng ở điều kiện thường) nhỏ (thường là <0,4 - 0,6), nhưng cũng chỉ lên tới khoảng 300 m(-1).

**Bảng B4, document B2**

- 8. For the purposes of meeting the Building Regulations, the following types of steel elements are deemed to have satisfied the minimum period of fire resistance of 15 minutes when tested to the European test method.
  - i. Beams supporting concrete floors, maximum  $H_p/A=230m^{-1}$  operating under full design load.
  - ii. Free-standing columns, maximum  $H_p/A=180m^{-1}$  operating under full design load.
  - iii. Wind bracing and struts, maximum  $H_p/A=210m^{-1}$  operating under full design load.

Guidance is also available in **BS EN 1993-1-2**.

Một số ví dụ thử nghiệm hoặc tính toán GHCL của thanh thành mỏng:

1)  $A_m/V = 592$ ,  $t_{crit} = 592$  độ,  $R = 8$ .

2)  $A_m/V = 426,7$ ;  $t_{crit} = 549$  độ,  $R$  tính toán theo EC 3 = 7 phút, thử nghiệm 9 phút (đạt đến 451,3 độ nhưng bị biến dạng quá mức cho phép)

Tiêu chuẩn thử nghiệm roof assembly của EU: EN 1365-2:1999

**PHỤ LỤC C.3-1**

**GIẢI TRÌNH CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ NGHIÊN CỨU SỬA ĐỔI TRONG QCVN 06:2022/BXD  
CỦA BỘ CÔNG AN, CÔNG AN CÁC ĐỊA PHƯƠNG**

I. Tóm lược các đề xuất của Bộ Công an về soát xét QCVN 06:2022/BXD.....	2
II. Giải trình, thảo luận cụ thể về các đề xuất của Bộ Công an.....	2
III. Tiếp thu, giải trình các ý kiến của PC 07 – CA Hà Nội .....	47
1. Một số nội dung, quy định trong Quy chuẩn cần chỉnh sửa do lỗi chính tả và viện dẫn chưa đúng theo các Tiêu chuẩn kỹ thuật .....	47
2. Một số nội dung, quy định trong Quy chuẩn chưa đảm bảo thống nhất, có nhiều cách hiểu cần được hướng dẫn, làm rõ.....	49
III. Giải trình, thảo luận cụ thể các đề xuất của Công an tỉnh Tiền Giang về khó khăn vướng mắc do quy định QCVN 06:2022/BXD.....	99
IV. Giải trình, thảo luận cụ thể các đề xuất của Công an tỉnh Gia Lai về khó khăn vướng mắc do quy định QCVN 06:2022/BXD .....	100
V. Giải trình, thảo luận cụ thể các đề xuất của Công an Hà Nội trong cuộc họp ngày 02/8/2023 .....	101

## I. TÓM LƯỢC CÁC ĐỀ XUẤT CỦA BỘ CÔNG AN VỀ SOÁT XÉT QCVN 06:2022/BXD

Các đề xuất của Bộ Công an có thể gom thành các nhóm sau:

1. Giải thích, làm rõ một số quy định của Quy chuẩn Hướng giải quyết: Có văn bản giải thích, làm rõ, hoặc biên soạn Hướng dẫn áp dụng QCVN 06:2022/BXD.
2. Đề nghị sửa đổi một số quy định của QC  
Nhìn chung, các đề nghị sửa đổi này cần có căn cứ khoa học và thực tiễn cụ thể. Hiện nay QCVN 06:2022/BXD đã bổ sung rất nhiều giải pháp, phương pháp để tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn thực tế. Sẽ tiếp tục nghiên cứu bổ sung trong lần soát xét này.

## II. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA BỘ CÔNG AN

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
1.1.1	<p>Quy chuẩn này quy định:</p> <p>a) Các yêu cầu chung về an toàn cháy cho gian phòng, khoang cháy, nhà và các công trình xây dựng (khoang cháy, nhà và các công trình xây dựng sau đây gọi chung là nhà);</p> <p>b) Phân loại kỹ thuật về cháy cho vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng, các phần và bộ phận của nhà, và nhà.</p>	<p>Đề nghị làm rõ yêu cầu cho khoang cháy, nhà, công trình trong nội dung các Điều của quy chuẩn, tránh nhầm lẫn</p>		<p>Tiếp thu. Đã làm rõ nhiều lần tại các Hội thảo, tài liệu, công văn hướng dẫn. Làm rõ thêm ở trong QC. Kiến nghị sẽ biên soạn Hướng dẫn áp dụng QC 06:2022/BXD.</p>
1.1.5	<p>1.1.5. Các phần 2, 3, 4, 5 và 6 không áp dụng cho các nhà có công năng đặc biệt (các nhà và công trình thuộc dây chuyền công nghệ của các cơ sở năng lượng; nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện nguyên tử; điện gió, điện mặt trời, điện địa nhiệt, điện thủy triều, điện rác, điện sinh khối; điện khí biogas; điện đồng phát; tháp kiểm soát không lưu; nhà sản xuất hoặc bảo quản các chất và vật liệu nổ; các kho chứa dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, khí đốt tự nhiên, các loại khí dễ cháy, cũng như các</p>	<p>Đề nghị bổ sung một quy định chung hoặc hướng dẫn cho các nhà có công năng đặc biệt. Cho phép áp dụng toàn bộ hoặc một phần các quy định của QCVN 06:2022/BXD đối với các nội dung không có tài liệu chuẩn hoặc tiêu</p>	<p>Hiện nay nhiều loại hình công trình đặc thù chưa có tiêu chuẩn riêng, việc áp dụng hoàn toàn các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn nước ngoài gặp khó khăn trong thiết kế, duyệt hồ sơ (do phụ thuộc vào loại tiêu chuẩn đề nghị áp dụng cho từng dự án)</p>	<p>Tiếp thu. Chủ đầu tư có thể đề xuất áp dụng QC 06. Khi soát xét QCVN 06:2022/BXD, cần bộ Cục CS PCCC&amp;CNCH đề nghị loại trừ khỏi QC 06 cho một số nhà, công trình có tính đặc thù. Điều này là đúng, vì QC 06 bản</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>chất tự cháy; cửa hàng kinh doanh xăng dầu, chất lỏng dễ cháy, khí đốt; nhà sản xuất hoặc kho hóa chất độc hại; công trình tàu điện ngầm; công trình ngầm của công trình tàu điện ngầm; công trình hầm mỏ; và các nhà có đặc điểm tương tự).</p> <p>1.1.6 Phần 5 cũng không áp dụng cho các đối tượng sau:</p> <p>a) Cơ sở, nhà và công trình bảo quản và chế biến các hạt lương thực;</p> <p>b) Cơ sở lò hơi cung cấp nhiệt; cơ sở điện lưới;</p> <p>c) Các hệ thống chữa cháy cho các đám cháy do kim loại, các chất và vật liệu hoạt động hóa học mạnh phản ứng với nước sẽ gây nổ, tạo ra khí cháy, gây tỏa nhiệt mạnh, ví dụ như: các hợp chất nhôm - chất hữu cơ, các kim loại kiềm, các hợp chất lithium - chất hữu cơ, chì azua, các hydride nhôm, kẽm, magiê, axít sunfuric, titan clorua, nhiệt nhôm.</p>	<p>chuẩn nước ngoài phù hợp.</p>	<p>Tham khảo Chương 32 NFPA 5000</p>	<p>chất là các quy định chung áp dụng cho các loại hình công trình thông thường, phổ biến. Với các công trình đặc thù cần áp dụng TC chuyên biệt, không thể đưa cả vào QC 06 được.</p> <p>Việc quyết định có áp dụng hay không áp dụng QCVN 06 cho các công trình này thuộc thẩm quyền của cơ quan CS PCCC.</p>
<p><b>1.1.4</b></p>	<p>Quy chuẩn này áp dụng khi xây dựng mới các nhà và công trình nêu tại 1.1.2, hoặc trong phạm vi những thay đổi sau:</p> <p>a) Cải tạo, sửa chữa làm thay đổi công năng của gian phòng, khoang cháy hoặc nhà;</p> <p>b) Cải tạo, sửa chữa làm thay đổi các giải pháp thoát nạn của gian phòng, khoang cháy hoặc nhà;</p> <p>c) Cải tạo, sửa chữa làm tăng tính nguy hiểm cháy của vật liệu xây dựng, hoặc làm giảm giới hạn chịu lửa của kết cấu, cầu kiện;</p> <p>d) Cải tạo, sửa chữa làm thay đổi hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ của gian phòng, khoang cháy và nhà theo hướng tăng tính nguy hiểm cháy;</p>	<p>Cho phép lựa chọn áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng thời điểm công trình được thẩm duyệt, đưa vào sử dụng hoặc áp dụng phiên bản quy chuẩn mới khi cải tạo, sửa chữa gian phòng; chỉ bắt buộc áp dụng phiên bản QC 06:/BXD mới khi cải tạo tối thiểu cả khoang cháy hoặc cả công trình. Đồng thời đề nghị sửa lại</p>	<p>Nhiều công trình cải tạo gian phòng, ngăn chia lại mặt bằng tầng nhưng phải thiết kế lại giải pháp chống tụ khói (đường ống EI, cấp khí bù), xác định lại khoảng cách thoát nạn từ cửa gian phòng hoặc điểm xa nhất gian phòng đến thang (thay đổi nhiều giữa phiên bản cũ và mới), làm thêm vách ngăn cháy, cửa chống cháy với hành lang giữa gây khó khăn và bức xúc cho tổ chức, cá nhân đo tổng thể</p>	<p>Tiếp thu một phần, sẽ xin ý kiến Pháp chế vì việc áp dụng các QC cũ có thể vướng mắc.</p> <p>Trước hết, các quy định về ống EI, giải pháp bảo vệ chống khói, khoảng cách thoát nạn, vách ngăn cháy, cửa ngăn cháy... đã có từ QCVN 06:2010/BXD, đến nay vẫn được kế thừa và có điều chỉnh giảm bớt yêu cầu trong đa số trường</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>e) Cải tạo, sửa chữa làm nâng cao các yêu cầu an toàn cháy đối với gian phòng, khoang cháy và nhà;</p> <p>f) Cải tạo, sửa chữa hệ thống bảo vệ chống cháy của gian phòng, khoang cháy và nhà;</p> <p>g) Các trường hợp cải tạo, sửa chữa khác theo hướng dẫn của cơ quan Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ (Cảnh sát PCCC và CNCH) có thẩm quyền.</p>	<p>rõ hơn các trường hợp cải tạo, sửa chữa quy định</p>	<p>nhà đã hiện hữu và được duyệt theo quy chuẩn phiên bản cũ.</p>	<p>hợp. Vì vậy, nếu công trình cũ đã đáp ứng được quy định tại thời điểm xây dựng thì cũng sẽ đáp ứng được các quy định của QC mới. Vấn đề ở đây thực chất là công trình hiện hữu không đáp ứng được các yêu cầu của chính QC, TC cũ tại thời điểm mà nó được xây dựng.</p> <p>Thứ hai, QC mới chỉ yêu cầu áp dụng trong phạm vi cải tạo sửa chữa làm tăng tính nguy hiểm cháy. Ví dụ, nếu chỉ sửa chữa hệ thống báo cháy của gian phòng thì chỉ áp dụng cho hệ thống này, mà không phải là áp đặt phải cải tạo toàn bộ gian phòng hay tầng đó.</p>
1.4.9	Chiều cao phòng cháy chữa cháy (chiều cao PCCC)	<p>Nghiên cứu bổ sung quy định riêng về chiều cao an toàn PCCC cho nhà sản xuất, nhà kho 01 tầng để phù hợp với quy định của A.1.3.1 và thực tế</p>		<p>Các quy định hiện nay là đã rõ ràng để tính toán được chiều cao trong các trường hợp.</p> <p>Đối với nhà xưởng và nhà kho, cách tính chiều cao đã được nêu rõ trong các bảng của phụ lục H có liên quan.</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
<b>1.4.23</b>	Hành lang bên Hành lang mà ở một phía có thông gió với bên ngoài, không bị chắn, liên tục theo chiều dài, với chiều cao thông thủy tính từ đỉnh của tường chắn ở mép hành lang lên phía trên không nhỏ hơn 1,2 m.	Bổ sung tiêu chí kỹ thuật để xác định sự “liên tục theo chiều dài” của hành lang		Tiếp thu. Giải thích, làm rõ.
<b>Bổ sung</b>		Bổ sung khái niệm về sánh thông tầng, tiêu chí để phân biệt với các lỗ mở, thang trong nhà,... và các dạng thông tầng khác		Tiếp thu, bổ sung thuật ngữ. Giải thích, làm rõ.
<b>1.4.41</b>	Nhà hỗn hợp CHÚ THÍCH: Nhà hỗn hợp phải áp dụng các quy định về an toàn cháy đối với nhà hỗn hợp khi diện tích sàn xây dựng dùng cho mỗi công năng của nhà không vượt quá 70 % tổng diện tích sàn xây dựng của nhà (không bao gồm các diện tích sàn dùng cho hệ thống kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy, gian lánh nạn và đỗ xe).	Đề nghị quy định rõ yêu cầu về an toàn cháy áp dụng cho nhà hỗn hợp, không bao gồm nhà sản xuất, nhà kho, nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh có diện tích sản xuất, kinh doanh <30%		Tiếp thu, đã sửa thuật ngữ. Giải thích, làm rõ khái niệm nhà hỗn hợp. Về cơ bản, nếu các công năng của nhà hỗn hợp được ngăn cách bởi các bộ phận ngăn cháy theo quy định của QC thì phần nhà có công năng nào sẽ áp dụng quy định đối với công năng đó. Nếu không ngăn cách thì áp dụng theo công năng yêu cầu cao nhất.
<b>1.4.50</b>	Số tầng nhà Số tầng của tòa nhà bao gồm toàn bộ các tầng trên mặt đất (kể cả tầng kỹ thuật, tầng tum) và tầng bán/nửa hầm, không bao gồm tầng áp mái. CHÚ THÍCH: Tầng tum không tính vào số tầng nhà của công trình khi chỉ có chức năng sử dụng	Bổ sung các quy định về số tầng tại Thông tư số 06/2021/TT-BXD		Hai quy định với mục đích khác nhau. Chưa rõ tại sao phải bổ sung quy định về số tầng trong TT 06/2021, vì đây

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>đề bao che lồng cầu thang bộ/giếng thang máy và che chắn các thiết bị kỹ thuật của công trình (nếu có), có diện tích mái tum không vượt quá 30 % diện tích sàn mái.</p>			<p>là hai khái niệm với mục đích sử dụng khác nhau.</p>
1.4.54	<p>Tải trọng cháy Tổng năng lượng nhiệt được giải phóng bởi sự cháy của tất cả các vật liệu có thể cháy trong một không gian công trình.</p>	<p>Đề nghị bổ sung quy định về phương pháp tính toán hoặc tra cứu tải trọng cháy</p>		<p>Tiếp thu, sẽ kiến nghị Bộ ban hành Tiêu chuẩn về xác định tải trọng cháy. Có thể viện dẫn một số tài liệu chuẩn vào quy chuẩn trong danh mục tham khảo. Vấn đề này cần nằm trong tiêu chuẩn, chứ không thể nằm trong QC được. QC chỉ quy định các yêu cầu về an toàn. Phương pháp, hướng dẫn tính toán, các con số cụ thể nằm trong các TC vệ tinh.</p>
2.4.2.1	<p>Cầu thang bộ loại 3 Loại 3 – cầu thang bên ngoài nhà, để hờ.</p>	<p>Đề nghị làm rõ tiêu chí xác định “ngoài nhà” và “để hờ”, tham khảo khái niệm: - Có tường bao hoặc lan can cao không quá 1,1m; và - Có ít nhất hai cạnh liền kề hoặc một trong các cạnh dài nhất của nó tiếp giáp với không gian bên ngoài;</p>	<p>Tham khảo tiêu chuẩn Firecode 2018 của Singapore</p>	<p>Tiếp thu, làm rõ hơn trong QC. Định nghĩa cầu thang bộ loại 3 trong QC hiện nay là rõ. Nếu tham khảo QC Sing thì thậm chí cầu thang loại 3 phải làm lôm vào trong nhà, có thể không phù hợp với thực tế Việt Nam.</p>



Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
<b>2.5.3.3</b>	<p>Bảng 4</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lỡm vào không quá 3m tính từ mặt tiền công trình”</li> <li>- Đề nghị làm rõ hoặc nêu một số trường hợp các kết cấu của bộ phận mái trong nhà không có tầng áp mái quy định tại Bảng 4 (tám lợp, gian, dầm, xà gồ) không phải là bộ phận chịu lực của nhà.</li> <li>- Bổ sung các quy định để xác định GHCL cho tường tôn, mái tôn</li> </ul>	<p>Nên quy định, giải thích rõ để áp dụng. Đây là vấn đề vướng mắc lớn trong nhiều năm áp dụng</p>	<p>Sẽ nghiên cứu, xem xét vấn đề mái tôn. Về phần kết cấu chịu lực thì phụ thuộc vào công trình cụ thể và phương án kết cấu của thiết kế.</p> <p>Nhìn chung, cần có chuyên môn về xây dựng, được đào tạo tính toán kết cấu chịu lực để thực hiện được phần này, và để hiệu đúng những khái niệm như “ôn định tổng thể” của nhà, “sự tham gia chịu lực” của các bộ phận, cấu kiện, ...</p> <p>Thực tiễn hiện nay đã có rất nhiều đơn vị thiết kế kết cấu chịu lực đã hoàn thành tính toán mà không có vướng mắc gì.</p>
<b>Bảng 4</b>	<p>CHÚ THÍCH 6: Không quy định giới hạn chịu lửa của tường ngoài chịu chịu lực đối với các mặt nhà đóng thời hòa mãn các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Toàn nhà được trang bị chữa cháy tự động sprinkler theo TCVN 7336;</li> <li>- Bảo đảm khoảng cách phòng cháy chống cháy tối thiểu tương ứng với 100 % diện tích tường</li> </ul>	<p>Đề nghị chỉnh sửa hoặc chuyển nội dung này sang Điều 4.34 để chi áp dụng để giảm trừ yêu cầu ngăn cháy mặt ngoài. Trường hợp đã bảo đảm khoảng cách theo E.3 thì không</p>		<p>Tiếp thu, sẽ làm rõ trong bảng 4 và làm rõ hai trường hợp ngăn cháy lan: theo mặt ngoài nhà và giữa các công trình.</p> <p>Trong phụ lục E.3, các điều 4.32, 4.33, 4.34 và</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>ngoài không cần bảo vệ chống cháy tại E.3, Phụ lục E;</p> <p>– Tường ngoài không chịu lực của nhà có cấp nguy hiểm cháy K0. Vật liệu hoàn thiện tường ngoài (nếu có) là vật liệu không cháy hoặc có tính cháy không thấp hơn Ch1 và tính lan truyền cháy không thấp hơn LT1.</p>	<p>yêu cầu GHCL tường ngoài.</p>		<p>chú thích này đã có những quy định rõ.</p>
<p><b>3.1.7</b></p>	<p>Trong các nhà có từ 2 đến 3 tầng hầm, chỉ được phép bố trí phòng hút thuốc, các siêu thị và trung tâm thương mại, quán ăn, quán giải khát và các gian phòng công cộng khác nằm sâu hơn tầng hầm 1 khi có các giải pháp bảo đảm an toàn cháy bổ sung theo tài liệu chuẩn được áp dụng và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định tại 1.1.10.</p> <p>Đối với bệnh viện và trường phổ thông, chỉ cho phép bố trí các công năng chính từ tầng bán hầm hoặc tầng hầm 1 (trong trường hợp không có tầng bán hầm) trở lên. Tầng hầm 1 là tầng hầm trên cùng hoặc ngay sát tầng bán hầm.</p>	<p>Đề nghị bổ sung quy định cho các trường hợp công năng dịch vụ, thương mại, công cộng khác tại tầng hầm 2, 3</p> <p>Đề nghị làm rõ “công năng chính” đối với bệnh viện là công năng nào để tránh mâu thuẫn với quy định tại 3.1.1.6</p>	<p>Tham khảo NFPA, IBC</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung các yêu cầu cụ thể hơn, và vẫn phải có đánh giá về việc thoát nạn của người.</p> <p>Tiếp thu, làm rõ về quy định công năng chính đối với bệnh viện và phổ thông.</p> <p>NFPA, IBC cũng không có các quy định cụ thể về vấn đề này. Bản chất là khi đưa các công năng công cộng xuống tầng hầm sâu thì tính nguy hiểm cháy và rủi ro cho con người là cao hơn so với đặt trên mặt đất, do đó ở các nước có thể phải tính toán, sử dụng kỹ thuật cháy (fire engineering) để tính toán ảnh hưởng của các kích bản cháy khác nhau. Công năng chính của bệnh viện là công năng đã</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
3.2.1	c) Dẫn vào gian phòng liên kề (trừ gian phòng nhóm F5 hạng A hoặc B) trên cùng tầng mà từ gian phòng này có các lối ra như được nêu tại 3.2.1 a, b). Lối ra dẫn vào gian phòng hạng A hoặc B được phép coi là lối ra thoát nạn nếu nó dẫn từ gian phòng kỹ thuật không có người làm việc thường xuyên mà chỉ dùng để phục vụ các gian phòng hạng A hoặc B nêu trên.	Đề nghị làm rõ “dẫn vào phòng liên kề” có nghĩa là các gian phòng có cửa mở trực tiếp thông sang nhau, mà từ gian phòng này đảm bảo yêu cầu về lối ra thoát nạn, không phải trường hợp 2 phòng cạnh nhau nhưng phải đi vào hành lang mới sang được phòng liên kề.		được quy định rõ trong bảng 6, nhóm F1.1. Đã làm rõ. Gian phòng liên kề là khái niệm rất dễ hiểu, phổ biến.
3.2.2	Các lối ra từ các tầng hầm và tầng nửa hầm, về nguyên tắc, là lối ra thoát nạn khi chúng thoát trực tiếp ra ngoài và được ngăn cách với các buồng thang bộ chung của nhà (xem Hình I.1, Phụ lục I).	Đề nghị bổ sung định nghĩa về lối ra ngoài trực tiếp quy định tại Điều 3.2.2 và Điều 3.4.7		Đã tiếp thu. Bổ sung định nghĩa lối ra ngoài trực tiếp.
3.2.3	Các lối ra không được coi là lối ra thoát nạn nếu trên lối ra này có đặt cửa có cánh mở kiểu trượt hoặc xếp, cửa cuốn, cửa quay.	Nghiên cứu bổ sung quy định sử dụng cửa trượt trên lối ra thoát nạn.	Tham khảo 11.2.1.9.1.8 NFPA 5000	Tiếp thu, đã bổ sung quy định sử dụng cửa trượt. Cửa trượt thường rất khó đảm bảo được yêu cầu về giới hạn chịu lửa, ngoài ra có thể gây khó khăn cho người thoát nạn vì tư duy thông thường là cửa mở trên bản lề. Nên sẽ phải bổ sung điều kiện có ghi chú.
3.2.5	Gian phòng trong tầng hầm, nửa hầm có mặt đồng thời hơn 15 người; riêng gian phòng trong tầng hầm, nửa hầm có từ 6 ÷ 15 người có mặt đồng thời	Nội dung “riêng gian phòng trong tầng hầm, nửa hầm có từ 6 ÷ 15 người có mặt đồng thời		Đã tiếp thu, sửa. Giải thích, làm rõ trong Hướng dân áp dụng QC 06.

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>thì cho phép 1 trong 2 lối ra là lối ra khẩn cấp theo các yêu cầu tại đoạn d) của 3.2.13</p>	<p>cho phép 1 trong 2 lối ra là lối ra khẩn cấp theo các yêu cầu tại đoạn d) của 3.2.13” không phù hợp với quy định cho gian phòng hơn 15 người.</p>		
<p><b>3.2.6.2</b></p>	<p>Cho phép bố trí một lối ra thoát nạn trong các trường hợp sau (trừ các nhà có bậc chịu lửa V):</p> <p>a) Từ mỗi tầng (hoặc từ một phần của tầng được ngăn cách khỏi các phần khác của tầng bằng các bộ phận ngăn cháy) có nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F1.2, F1.4, F2 (trừ hộp đêm, vũ trường, quán bar, phòng hát, nhà kinh doanh karaoke; và các nhà kinh doanh dịch vụ tương tự), F3, F4.2, F4.3 và F4.4, khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đối với nhà có chiều cao PCCC không quá 15 m thì diện tích mỗi tầng đang xét không được lớn hơn 300 m<sup>2</sup>. Đối với nhà có chiều cao PCCC từ trên 15 m đến 21 m thì diện tích mỗi tầng đang xét không được lớn hơn 200 m<sup>2</sup>;</li> <li>– Toàn bộ nhà được bảo vệ bằng hệ thống chữa cháy tự động sprinkler;</li> <li>– Số người lớn nhất trên mỗi tầng không vượt quá 20 người;</li> <li>– Đối với nhà trên 3 tầng hoặc có chiều cao PCCC lớn hơn 9 m: có trang bị cửa đi ngăn cháy loại 2 trên lối ra thoát nạn từ mỗi tầng đi vào buồng thang bộ thoát nạn.</li> <li>– Đối với nhà từ 3 tầng trở xuống hoặc có chiều cao PCCC từ 9 m trở xuống: được sử dụng cầu</li> </ul>	<p>- Đề nghị nghiên cứu yêu cầu “toàn bộ nhà được bảo vệ bằng hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler” tại điểm a khi bảo đảm các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhà có trang bị báo cháy tự động;</li> <li>+ Số người lớn nhất trên mỗi tầng không quá 20 người (số người theo thiết kế);</li> <li>+ Không bố trí chất cháy hoặc hạn chế bố trí chất dễ cháy tại sảnh, lối ra của thang tại tầng 1 (không sử dụng các đồ nội thất dễ cháy như vải, da, mút,...; nếu sử dụng thảm phải bảo đảm CVI; các ổ điện, công tắc, thiết bị điện lắp trên tường phải bố trí lắp đặt trên các tấm bằng vật liệu không cháy có kích thước lớn hơn kích thước thiết bị một khoảng 20 cm</li> </ul>	<p>Sửa để phù hợp với thực tiễn</p>	<p>Đã tiếp thu, bổ sung giải pháp để thay thế cho sprinkler.</p> <p>Về nguyên tắc, nhà công cộng tập trung đông người cần có hai lối thoát nạn (nhà ở riêng lẻ không thuộc phạm vi điều chỉnh của QC 06).</p> <p>Đây là điều khoản cho phép đối với các nhà nhỏ thì có một lối thoát nạn. Trường hợp này cần có giải pháp để đảm bảo bảo vệ được lối thoát nạn duy nhất này. Áp dụng chữa cháy tự động để kiểm soát đám cháy trong thời gian nhất định là phương án tốt nhất. Các giải pháp khác có thể được chấp nhận tùy thuộc vào công trình cụ thể, dưới dạng luận chứng. Cũng phải nói thêm rằng, các giải pháp khác như đề xuất của Bộ</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>thang bộ loại 2 thay thế cho buồng thang bộ nêu trên khi đảm bảo điều kiện người trong nhà có thể thoát ra ban công thoáng hoặc sân thượng thoáng khi có cháy (trừ các biệt thự, villa, cơ sở nghỉ dưỡng theo quy định riêng dưới đây).</p> <p><b>CHÚ THÍCH:</b> Ban công thoáng hoặc sân thượng thoáng nghĩa là hở ra ngoài trời và bộ phận bao che (nếu có) phải bảo đảm cho việc thoát nạn, cứu nạn dễ dàng khi lực lượng chữa cháy tiếp cận.</p> <p>Đối với các biệt thự, villa, cơ sở nghỉ dưỡng không cao quá 3 tầng thuộc nhóm F1.2, cho phép thay thế các loại buồng thang bộ nêu trên bằng cầu thang bộ loại 2, khi bảo đảm được đồng thời các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích mỗi tầng không quá 200 m<sup>2</sup>, chiều cao PCCC không quá 9 m và tổng số người sử dụng không quá 15 người;</li> <li>- Nhà có tối thiểu một lối ra thoát nạn trực tiếp ra ngoài hoặc ra cầu thang bộ loại 3;</li> <li>- Đề thoát ra ngoài theo cầu thang bộ loại 2 chỉ cần lên hoặc xuống tới đa 1 tầng. Trường hợp phải xuống 2 tầng mới thoát được ra ngoài thì mỗi phòng có thể sử dụng để ngủ phải có không ít hơn một cửa sổ đặt ở cao độ không quá 1 m so với sàn và có lối thoát trực tiếp vào hành lang hoặc phòng QCVN 06:2022/BXD chung có cửa ra ban công. Cao độ đặt các cửa sổ và ban công nêu trên không được quá 7 m so với mặt đất. Trường hợp các cửa sổ và ban công này đặt ở cao độ quá 7 m cho đến tối đa 9 m thì mỗi cửa sổ và ban công phải được trang bị thêm thiết bị thoát nạn khẩn cấp để bảo đảm việc thoát nạn</li> </ul>	<p>ở phía trên và phía dưới, 05 cm ở hai bên, xung quanh các thiết bị này bán kính 01 m không bố trí vật liệu dễ cháy);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khu vực sảnh được trang bị bộ súng bình chữa cháy xách tay gáp 02 lần định mức theo quy định</li> <li>- Làm rõ đối với trường hợp biệt thự, villa có cần áp dụng các yêu cầu ở trên không hay chỉ áp dụng các quy định riêng cho đối tượng này (không yêu cầu trang bị Sprinkler).</li> <li>- Cho phép sử dụng thang bộ loại 2 để thoát nạn khi đảm yêu cầu người trong nhà có thể thoát ra ban công thoáng hoặc sân thượng thoáng khi có cháy và bảo đảm yêu cầu sau:</li> <li>+ Đối với nhà cao đến 15 m: các cửa gian phòng mở vào hành lang là cửa đặc và có cơ cấu tự đóng và khe cửa được chèn kín hoặc khu vực hành lang đi qua thang bộ loại 2 được đóng kín và ngăn cách với</li> </ul>		<p>CA là tương đối khó kiểm soát trên thực tế (ví dụ hạn chế chất cháy). Ngoài ra, TC chỉ yêu cầu có sprinkler. Việc thiết kế sprinkler tuân theo TCVN 7336:2021 do Bộ CA biên soạn, hiện nay chưa xem xét đến đối tượng nhà nhỏ, nên tính toán ra thể tích nước yêu cầu có thể khá lớn. Kiến nghị sửa đổi TCVN 7336 có xem xét đến các đối tượng nhà nhỏ, hiện hữu, giảm thể tích nước yêu cầu để có bồn nước đặt trên mái làm nguồn cấp nước cho sprinkler. Mặt khác, đối tượng nhà nhỏ này thường là đối tượng cháy nhiều nhất (chiếm khoảng 42-60% tổng số vụ cháy hàng năm) và gây thương vong nhiều nhất (80-90% số thương vong hàng năm), chủ yếu do vấn đề thoát nạn.</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>cho người an toàn từ trên cao (ví dụ thang kim loại, thang dây);</p> <p>b) Từ các tầng kỹ thuật hoặc khu vực để các thiết bị kỹ thuật có diện tích không quá 300 m<sup>2</sup>. Trường hợp tầng có khu vực kỹ thuật như trên, thì cứ mỗi 2 000 m<sup>2</sup> diện tích còn lại phải bố trí thêm không ít hơn một lối ra thoát nạn (trường hợp diện tích còn lại nhỏ hơn 2 000 m<sup>2</sup> cũng phải bố trí thêm không ít hơn một lối ra thoát nạn). Nếu tầng kỹ thuật hoặc khu vực kỹ thuật nằm dưới hầm thì lối ra thoát nạn phải riêng biệt với các lối ra khác của nhà và thoát thẳng ra ngoài. Nếu tầng kỹ thuật hoặc khu vực kỹ thuật nằm ở các tầng trên mặt đất thì cho phép bố trí các lối ra đi qua các buồng thang bộ chung, còn đối với nhà có các buồng thang bộ N1 – đi qua khoảng đệm của buồng thang bộ N1;</p> <p>c) Từ các tầng của nhà nhóm F1.3 với tổng diện tích các căn hộ trên tầng đó (đối với nhà có các đơn nguyên thì tính diện tích tầng trong đơn nguyên) từ trên 500 m<sup>2</sup> đến 550 m<sup>2</sup> và:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Khi cao độ của tầng trên cùng không quá 28 m</li> <li>– lối ra thoát nạn từ tầng đang xét vào buồng thang bộ thông thường, với điều kiện mỗi căn hộ được trang bị đầu báo cháy địa chỉ;</li> <li>– Khi cao độ của tầng trên cùng lớn hơn 28 m – lối ra thoát nạn từ tầng đang xét vào một buồng thang bộ không nhiễm khói N1 với điều kiện tất cả các phòng trong căn hộ (trừ khu vệ sinh, phòng tắm và khu phụ) được trang bị đầu báo cháy địa chỉ hoặc thiết bị chữa cháy tự động.</li> </ul>	<p>phần còn lại bằng vách EI30 và cửa EI15;</p> <p>+ Đối với nhà cao đến 28 m: cửa gian phòng mở vào hành lang bảo đảm EI15 và có cơ cấu tự đóng, tường, vách ngăn gian phòng với hành lang bảo đảm EI30 hoặc khu vực hành lang đi qua thang bộ loại 2 được đóng kín và ngăn cách với phần còn lại bằng vách EI30 và cửa EI15</p> <p>+ Đối với nhà F1.3 cao đến 75 m và nhà dân dụng khác cao đến 50 m: các cửa gian phòng mở vào hành lang bảo đảm EI30 và có cơ cấu tự đóng, tường, vách ngăn gian phòng với hành lang bảo đảm EI45 và tại vị trí thang loại 2 bố trí quạt cắt gió và màn nước ngăn cháy hoặc khu vực hành lang đi qua thang bộ loại 2 được ngăn cách với phần còn lại bằng vách EI30 cửa EI15 có cơ cấu tự đóng và được tăng áp cho khu vực đó.</p>		

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>Đối với nhà nhóm F1.3 có chiều cao PCCC từ trên 28 m đến 50 m và tổng diện tích các căn hộ trên mỗi tầng đến 500 m<sup>2</sup>, cho phép thay buồng thang bộ loại N1 bằng buồng thang bộ loại N2, khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau: 1) Lối vào buồng thang bộ từ tất cả các tầng, bao gồm cả lối thông giữa buồng thang bộ và tiền sảnh, phải có khoang đệm ngăn cháy với áp suất dương khi có cháy; 2) Có một trong các thang máy của nhà được dành cho việc vận chuyển lực lượng chữa cháy; 3) Tất cả các phòng trong căn hộ (trừ khu vệ sinh, phòng tắm và khu phụ) được trang bị báo cháy địa chỉ hoặc hệ thống chữa cháy tự động; 4) Nhà được trang bị hệ thống âm thanh cảnh báo cháy (cho phép bố trí tại các hành lang chung giữa các căn hộ).</p> <p>CHÚ THÍCH: Diện tích căn hộ bao gồm cả diện tích ban công và (hoặc) lô gia.</p> <p>d) Từ các tầng (hoặc một phần của tầng được ngăn cách khỏi các phần khác của tầng bằng các bộ phận ngăn cháy) thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F4.1, khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà có chiều cao PCCC không quá 9 m, diện tích tầng đang xét không quá 300 m<sup>2</sup>;</li> <li>- Tầng đang xét có hành lang bên dẫn vào cầu thang hờ loại 2 hoặc buồng thang bộ, các gian phòng nhóm F4.1 có cửa ra hàng lang bên này.</li> </ul>	<p>- Cho phép thoát nạn cho cầu thang bộ loại 2 trên hành lang bên; thang bộ loại 3.</p>		
3.2.8	<p>Khi có từ hai lối ra thoát nạn trở lên, chúng phải được bố trí phân tán và khi tính toán khả năng thoát nạn của các lối ra cần giả thiết là đám cháy đã ngăn cản không cho người sử dụng thoát nạn</p>	<p>- Cho phép khi tính toán phân tán cho thang bộ thoát nạn được coi hành lang như một gian phòng</p>		<p>Tiếp thu một phần, bổ sung giải pháp. Quy định về khoảng cách phân tán giữa các thang là</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>qua một trong những lối ra đó. Các lối ra còn lại phải bảo đảm khả năng thoát nạn an toàn cho tất cả số người có trong gian phòng, trên tầng hoặc trong nhà đó (xem Hình I.3).</p> <p>Khi một gian phòng, một phần nhà hoặc một tầng của nhà yêu cầu phải có từ 2 lối ra thoát nạn trở lên</p> <p>thì ít nhất hai trong số những lối ra thoát nạn đó phải được bố trí phân tán, đặt cách nhau một khoảng bằng hoặc lớn hơn một nửa chiều dài của đường chéo lớn nhất của mặt bằng gian phòng, phần nhà hoặc tầng nhà đó. Khoảng cách giữa hai lối ra thoát nạn được đo theo đường thẳng nối giữa hai cạnh gần nhất của chúng (xem Hình I.4 a), b), c)).</p> <p>Nếu nhà được bảo vệ toàn bộ bằng hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, thì khoảng cách này có thể giảm xuống còn 1/3 chiều dài đường chéo lớn nhất của mặt bằng các gian phòng trên (xem Hình I.4 d)).</p> <p>Khi có hai buồng thang thoát nạn nối với nhau bằng một hành lang trong thì khoảng cách giữa hai lối ra thoát nạn (cửa vào buồng thang thoát nạn) được đo dọc theo đường đi chuyên theo hành lang đó (xem Hình I.5). Hành lang này phải được bảo vệ theo quy định tại 3.3.5.</p>	<p>và tính khoảng cách giữa hai lối thoát nạn vào hai buồng thang bộ theo đường chéo của gian phòng này khi hành lang này phải là hành lang an toàn, được ngăn cách với phần còn lại của tầng bằng vách và cửa ngăn cháy</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho phép tính khoảng cách thang trên hành lang bên theo đường đi chuyên dọc theo hành lang</li> <li>- Làm rõ khoảng cách phân tán giữa 02 thang đối với thang NI và N3 được xác định đến cửa vào buồng thang hay cửa vào buồng đệm/khoảng thông thoáng. Đề xuất cho phép xác định đến cửa vào buồng thang.</li> <li>- Làm rõ quy định giảm khoảng cách khi trang bị Sprinkler được áp dụng cho cả phần nhà và tầng nhà.</li> <li>- Bổ sung thêm 1 quy định cho “hành lang an toàn (cửa tắt cả các phòng mở vào hành lang là cửa ngăn</li> </ul>		<p>đề đảm bảo nguyên tác an toàn cốt lõi: Con người có ít nhất một lối thoát nạn an toàn ra ngoài nhà. Đây là nguyên tắc được áp dụng trong mọi TC an toàn cháy trên thế giới. Đề nghị tính toán khoảng cách phân tán theo đường chéo hành lang được tham khảo từ Fire code Singapore năm 2013. Đến 2018 Singapore đã điều chỉnh quy định này, chỉ được áp dụng cho nhà ở, không áp dụng cho các loại hình khác (2.3.12).</p>



Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
<b>Bổ sung</b>		cháy, hành lang được chống tụ khói)	Hầu hết các nhà (trừ nhóm F1.3) đều quy định cửa vào buồng thang tối thiểu 1,2m nhưng hiện nay chủ đầu tư đều sử dụng loại 2 cánh mỗi cánh 0,6m nhưng 1 cánh có chốt khóa hoặc khi mở, đóng 2 cánh đồng thời không bảo đảm khít kín Tham khảo A. 11.2.1.9.1 NFPA 5000	Đã quy định cụ thể về tính toán thoát nạn khi sử dụng cửa hai cánh (3.2.9): Nếu sử dụng cửa hai cánh trên lối ra thoát nạn thì chiều rộng của lối ra thoát nạn chỉ được lấy bằng chiều rộng lối đi qua bên cánh mở, không được phép tính bên cánh đóng hoặc cánh có đĩnh. Cửa hai cánh phải được lắp cơ cấu tự đóng sao cho các cánh được đóng lần lượt.
<b>3.3.4</b>	Vật liệu hoàn thiện, trang trí tường, trần (bao gồm cả tấm trần treo nếu có), vật liệu ốp lát, vật liệu phủ sàn trên đường thoát nạn tuân thủ yêu cầu tại Bảng B.8	Đề nghị làm rõ khái niệm “vật liệu trang trí tường”		Tiếp thu. Kiến nghị đưa các ý kiến này vào Hướng dẫn áp dụng QCVN 06.
<b>3.3.5</b>	Trong các hành lang trên lối ra thoát nạn nêu tại 3.2.1, ngoại trừ những trường hợp nói riêng trong quy chuẩn, không cho phép bố trí: thiết bị nhô ra khỏi mặt phẳng của tường trên độ cao nhỏ hơn 2 m; các ống dẫn khí cháy và ống dẫn các chất lỏng cháy được, cũng như các tủ tường, trừ các tủ thông tin liên lạc và tủ đặt họng nước chữa cháy. Các hành lang, sảnh, phòng chung trên đường thoát nạn phải được bao che bằng các bộ phận ngăn cháy phù hợp quy định trong các quy chuẩn cho từng loại công trình. Bộ phận ngăn cháy bao	- Đề nghị không quy định về GHCL của mở vào hành lang bên, đồng thời bổ sung nội dung dẫn sang chú thích của G.1.2.1 Phụ lục G về trường hợp bảo đảm khoảng cách thoát nạn thì không yêu cầu; - Bổ sung nội dung hành lang bên không yêu cầu ngăn chia thành các đoạn		Tiếp thu.

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>chè đường thoát nạn của nhà có bậc chịu lửa I phải làm bằng vật liệu không cháy với giới hạn chịu lửa ít nhất EI 30, và của nhà có bậc chịu lửa II, III, IV phải làm bằng vật liệu không cháy hoặc cháy yếu (Ch1) với giới hạn chịu lửa ít nhất EI 15. Riêng nhà có bậc chịu lửa II của hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ D, E (xem Phụ lục C) có thể bao che hành lang bằng tường kính. Các cửa mở vào hành lang phải là cửa ngăn cháy có giới hạn chịu lửa không thấp hơn giới hạn chịu lửa của bộ phận ngăn cháy. Các hành lang dài hơn 60 m phải được phân chia bằng các vách ngăn cháy loại 2 thành các đoạn có chiều dài được xác định theo yêu cầu bảo vệ chống khói nêu tại Phụ lục D, nhưng không được vượt quá 60 m. Các cửa đi trong các vách ngăn cháy này phải phù hợp với các yêu cầu tại 3.2.11.</p> <p>Khi các cánh cửa đi của gian phòng mở nhỏ ra hành lang, thì chiều rộng của đường thoát nạn theo hành lang được lấy bằng chiều rộng thông thủy của hành lang trừ đi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Một nửa chiều rộng phần nhô ra của cánh cửa (tính cho cửa nhỏ ra nhiều nhất) – khi cửa được bố trí một bên hành lang;</li> <li>– Cả chiều rộng phần nhô ra của cánh cửa (tính cho cửa nhỏ ra nhiều nhất) – khi các cửa được bố trí hai bên hành lang. Yêu cầu này không áp dụng cho hành lang tầng (sảnh chung) nằm giữa cửa ra từ căn hộ và cửa ra dẫn vào buồng thang bộ trong các đơn nguyên nhà nhóm F1.3.</li> </ul>	<p>60 m hoặc hành lang được thông gió tự nhiên không yêu cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều chỉnh giải pháp ngăn hành lang không bắt buộc phải bằng vách mà có thể sử dụng các tấm chắn khói bằng vật liệu không cháy như yêu cầu về ngăn bê chứa khói tại Phụ lục D</li> <li>- Không quy định giới hạn chịu lửa của kết cấu bao che đối với hành lang bên (hoặc hành lang giữa khi nhà có quy mô không quá 4 tầng và có trang bị hệ thống báo cháy tự động</li> </ul>		
<b>3.3.7</b>	<p>Trên sàn của đường thoát nạn không được có các giạt cấp với chiều cao chênh lệch &lt;45cm hoặc có gờ nhô lên, ngoại trừ các ngưỡng trong các ô cửa</p>	<p>Làm rõ quy định này có áp dụng cho các chiều nghi của thang bộ hay không.</p>		<p>QC đã nói rõ là trên sàn của đường thoát nạn. Thang bộ không gọi là</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>đi. Tại các chỗ có giạt cấp phải bố trí bậc thang với số bậc <math>\geq 3</math> hoặc làm đường dốc với độ dốc <math>\leq 1:6</math></p>	<p>Đề nghị không quy định đối với các cầu thang thoát nạn.</p>		<p>“sàn” được, nên việc hiệu yếu cầu không có bậc giạt cấp lại áp dụng cho cả thang bộ là không chính xác.</p>
<p><b>3.4.1</b></p>	<p>Chiều rộng của bản thang bộ dùng để thoát người, trong đó kể cả bản thang đặt trong buồng thang bộ, không được nhỏ hơn chiều rộng tính toán hoặc chiều rộng của bất kỳ lối ra thoát nạn (cửa đi) nào trên nó, đồng thời không được nhỏ hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1,35 m – đối với nhà nhóm F1.1;</li> <li>- 1,2 m – đối với nhà có số người trên tầng bất kỳ, trừ tầng một, lớn hơn 200 người;</li> <li>- 0,7 m – đối với cầu thang bộ dẫn đến các chỗ làm việc đơn lẻ;</li> <li>- 0,9 m – đối với tất cả các trường hợp còn lại.</li> </ul>	<p>Đề nghị điều chỉnh để phù hợp với thể trạng của người Việt Nam (hệ số người/chiều rộng lối ra thoát nạn). Bổ sung một số trường hợp chiều rộng bản thang được lấy là 0,7 m như đối với thang dẫn đến chỗ làm việc đơn lẻ, phụ thuộc vào số người trên mỗi tầng, số tầng và mật độ dòng người/đường thoát nạn để tháo gỡ cho các trường hợp nhà thấp tầng cao không quá 15 m, số người trên mỗi tầng không quá 20 người. Cụ thể, nhà cao đến 28 m cho phép chỉ bố trí tối đa 01 thang bộ thoát nạn có chiều rộng tối thiểu 0,7 m khi tính toán số người và khoảng cách thoát nạn bảo đảm với các điều kiện:</p>		<p>Tiếp thu một phần, bổ sung giải pháp cho phép tính toán thoát nạn. Thoát nạn là một trong những vấn đề tối quan trọng của an toàn cháy. Các đề xuất này cần nghiên cứu, xem xét kỹ lưỡng và phải có cơ sở khoa học. Quy định về chiều rộng lối thoát nạn hiện nay của VN là mức trung bình thấp của thế giới. Các nước có nhu cầu tân dụng diện tích hơn VN như Singapore quy định bề rộng thang tối thiểu 1 m, Hongkong 1,05 m. Chiều rộng trung bình của một người đi chuyển thoát nạn là khoảng 45 cm, tính cả sự vung tay trong lúc đi chuyển. Quy định chung 0,9 m bề rộng thang có nghĩa hai người có thể chạy thoát nạn (hoặc</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
3.4.2	Cầu thang bộ loại 3 phải làm bằng vật liệu không cháy (trừ nhà bậc chịu lửa V), được đặt sát các phần đặc (không có ô cửa sổ hay lỗ ánh sáng) của tường có cấp nguy hiểm cháy không thấp hơn K1, có giới hạn chịu lửa $\geq$ REI30 hoặc EI30 (không quy định giới hạn chịu lửa của phần đặc này của tường đối với nhà có bậc chịu lửa V). Cầu thang bộ này phải có chiều thang nằm cùng cao trình với lối ra thoát nạn, có lan can cao 1,2m và bố trí cách lối cửa sổ $\geq$ 1,0m. Cho phép thay thế các phần đặc của tường bằng tường kính có giới hạn chịu lửa $\geq$ EI30	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm 1,5 lần khoảng cách thoát nạn theo quy định tại G.2a (cho phép tính khoảng cách thoát nạn từ cửa gian phòng đến thang trong nhà có chiều cao đến 15 m mà kết cấu bao che hành lang không bảo đảm theo 3.3.5)</li> <li>+ Giảm 1,5 lần mật độ người thoát nạn của cả nhà/chiều rộng lối ra thoát nạn (tính theo chiều rộng thang).</li> </ul>		<p>người thoát nạn chạy xuống, lực lượng chữa cháy chạy lên) không cản trở nhau. Nếu giảm 0,7 m thì chỉ được 1 tuyến người di chuyển lần lượt.</p> <p>Đã giải thích, làm rõ.</p>
3.4.5	Trong không gian của buồng thang bộ thoát nạn và khoang đệm ngăn cháy có áp suất không khí dương khi có cháy, không cho phép bố trí bất kỳ phòng công năng nào	Đề nghị quy định rõ yêu cầu khoảng cách đến lỗ cửa sổ được tính từ đầu (chiều thang hay cả cầu thang); lỗ cửa sổ có bao gồm các ô lấy sáng hoặc các phần tường ngoài không là vật liệu ngăn cháy không		Việc gian phòng có cửa mở vào buồng thang hay khoang đệm không liên quan đến yêu cầu trong

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
3.4.7	<p>Các buồng thang bộ, trừ các trường hợp được quy định riêng trong quy chuẩn này, phải có lối ra ngoài trực tiếp tới khu đất liền kề nhà hoặc qua tiền sảnh được ngăn cách với các hành lang và các gian phòng tiếp giáp bằng các vách ngăn cháy loại I có cửa đi với cơ cấu tự đóng và khe cửa phải được chèn kín.</p> <p>Khi bố trí các lối ra thoát nạn từ hai buồng thang bộ trở lên qua tiền sảnh chung thì các buồng thang bộ (trừ một trong số đó) phải có cửa ra bên ngoài trực tiếp từ lối ra dẫn vào sảnh. Trong trường hợp chỉ có một buồng thang bộ dẫn vào sảnh thì buồng thang bộ này phải có lối ra ngoài trực tiếp.</p> <p>Cho phép bố trí các lối ra thoát nạn từ hai buồng thang bộ qua tiền sảnh chung đối với các nhà có chiều cao PCCC dưới 28 m, diện tích mỗi tầng không quá 300 m<sup>2</sup>, có số người sử dụng ở mỗi tầng tính lớn nhất theo thiết kế được duyệt, khi thiết kế không chỉ rõ giá trị này, số lượng người lớn nhất được tính bằng tỉ số giữa diện tích sàn của phòng, của tầng hoặc của nhà chia cho hệ số không gian sàn (m<sup>2</sup>/người) quy định tại Bảng G.9 không vượt quá 50 người và toàn bộ nhà được bảo vệ hệ thống chữa cháy tự động phù hợp với quy định hiện hành.</p> <p>Đối với các nhà ga hành khách và các sảnh rộng lớn có đặc điểm sử dụng tương tự, có thể coi là lối ra thoát nạn đối với các lối ra từ 50 % số buồng thang bộ (hoặc từ các hành lang) vào sảnh hành</p>	<p>trực tiếp vào khoang đệm/buồng thang</p> <p>- Bổ sung đối tượng cho lối ra thang bộ ở tầng 1 thoát qua sảnh chung mà không yêu cầu có chữa cháy tự động, bao gồm nhà có chiều cao PCCC đến 15 m, diện tích đến 300 m<sup>2</sup> và nhà có chiều cao đến 25 m, diện tích đến 200 m<sup>2</sup>.</p> <p>- Bổ sung quy định cho phép lối ra thang bộ ở tầng 1 qua hành lang hoặc sảnh an toàn đối với nhà chiều cao đến 28 m.</p>		<p>buồng thang hoặc khoang đệm không được bố trí công năng khác.</p> <p>Tiếp thu, đã định nghĩa lối ra ngoài trực tiếp.</p> <p>Nếu chỉ có một lối thoát qua sảnh, mà sảnh này bị cháy thì không còn đường thoát nào khác. Mà khu vực sảnh thường hay có những tải trọng cháy lớn (ví dụ các đồ nội thất, trần treo, tranh ảnh, thảm, ...)</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
3.4.8	<p>khách chung có lối thoát nạn trực tiếp ra ngoài, ra cầu vượt hờ bên ngoài, hoặc ra sân ga.  Các buồng thang bộ loại N1 phải có lối ra ngoài trực tiếp.</p> <p>Các buồng thang bộ phải được bảo đảm chiếu sáng tự nhiên hoặc nhân tạo.</p> <p>a) Trường hợp chiếu sáng tự nhiên:  Trừ buồng thang bộ loại L2, việc bảo đảm chiếu sáng có thể được thực hiện bằng các lỗ lấy ánh sáng với diện tích không nhỏ hơn 1,2 m<sup>2</sup> trên các tầng ngoài ở mỗi tầng.</p> <p>Các buồng thang bộ loại L2 phải có lỗ lấy ánh sáng trên mái có diện tích không nhỏ hơn 4 m<sup>2</sup> với khoảng hờ giữa các vé thang có chiều rộng không nhỏ hơn 0,7 m hoặc giằng lấy sáng theo suốt chiều cao của buồng thang bộ với diện tích mặt cắt ngang không nhỏ hơn 2 m<sup>2</sup>.QCVN 06:2022/BXD</p> <p>Cho phép bố trí không quá 50 % buồng thang bộ bên trong không có các lỗ lấy ánh sáng, dùng để thoát nạn, trong các trường hợp sau:  – Các nhà thuộc nhóm F2, F3 và F4: đối với buồng thang loại N2 hoặc N3 có áp suất không khí dương khi cháy;  – Các nhà thuộc nhóm F5 hạng C có chiều cao PCCC tới 28 m, còn hạng D và E không phụ thuộc chiều cao PCCC của nhà: đối với buồng thang loại N3 có áp suất không khí dương khi cháy.</p> <p>b) <b>Trường hợp chiếu sáng nhân tạo:</b>  Trường hợp không bố trí được các lỗ cửa như quy định tại đoạn a) của 3.4.8 thì các buồng thang bộ thoát nạn phải là buồng thang bộ không nhiễm khói và được trang bị chiếu sáng nhân tạo, được</p>	<p>Đề nghị mở rộng trường hợp chiếu sáng nhân tạo cho các buồng thang bộ trong nhà có chiều cao đến 28 m.</p>		<p>Tiếp thu, bổ sung yêu cầu.  Buồng thang bộ thông thường là buồng thang bộ có khả năng nhiễm khói.  Trong thiết kế, phải xét đến trường hợp xấu là buồng thang bộ này bị nhiễm khói, và phải có giải pháp thoát khói cho nó, thông qua các ô cửa lấy sáng hoặc cửa trời lấy sáng. Trường hợp không đảm bảo được yêu cầu này (tức là buồng thang hoàn toàn kín) thì phải chống nhiễm khói cho nó.  Đây là hệ thống phân loại thang quy định tại chương 2 của QC, và bao trùm toàn bộ QC.</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
<p><b>3.4.13</b></p>	<p>cấp điện như chú thích tại 3.4.13 bảo đảm nguyên tắc duy trì liên tục nguồn điện cấp cho hệ thống chiếu sáng hoạt động ổn định khi có cháy xảy ra, và ánh sáng phải đủ để người thoát nạn theo các buồng thang này có thể nhìn rõ đường thoát nạn và không bị lóa mắt.</p> <p>Trong các nhà có chiều cao PCCC lớn hơn 28 m (trừ các nhà nhóm F5 hạng C, E không có người làm việc thường xuyên), cũng như trong các nhà nhóm F5 hạng A hoặc B phải bố trí buồng thang bộ không nhiễm khói, trong đó phải bố trí buồng thang loại N1.QCVN 06:2022/BXD</p> <p>Trong các nhà có nhiều công năng, các buồng thang bộ nói giữa các phần nhà có nhóm nguy hiểm cháy theo công năng khác nhau phải là buồng thang bộ không nhiễm khói phù hợp với các yêu cầu của điều này, trừ các trường hợp được quy định riêng.</p> <p><b>CHÚ THÍCH:</b> Buồng thang bộ N1 có thể được thay thế như đã nêu tại 2.5.1c) của với điều kiện hệ thống cung cấp không khí bên ngoài vào khoang đệm và vào buồng thang phải được cấp điện ưu tiên từ hai nguồn độc lập (1 nguồn điện lưới và 1 nguồn máy phát điện dự phòng) bảo đảm nguyên tắc duy trì liên tục nguồn điện cấp cho hệ thống hoạt động ổn định khi có cháy xảy ra.</p> <p>Cho phép:</p> <p>a) Trong các nhà nhóm F1, F2, F3, F4 bố trí không quá 50 % buồng thang bộ loại N3 hoặc loại N2 có lõi vào buồng thang đi qua khoang đệm với giải pháp bao che giống như khoang đệm ngăn cháy loại</p>	<p>- Đề nghị sửa nội dung tại điểm a do quy định đang giới hạn số lượng thang N3, thang N2 có buồng đệm mà không giới hạn thang N2 (được coi là không an toàn bằng thang N3)</p> <p>- Nghiên cứu để cho phép sử dụng thang loại 3 làm thang thoát nạn cho nhà cao hơn 28 m</p>		<p>Đây là quy định về việc cho phép thay thế thang N1.</p> <p>Thang loại 3 là thang hồ ngoài trời, nếu lắp đặt ở nhà quá cao thì nguy hiểm cho người di chuyển thoát nạn.</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>1 (nghĩa là không yêu cầu có áp suất không khí dương trong khoang đệm này, nhưng các bộ phận bao che phải có giới hạn chịu lửa tương tự như khoang đệm ngăn cháy loại I);</p> <p>b) Khi nhà có từ hai tầng hầm trở lên, việc thoát nạn từ các tầng hầm này có thể theo các buồng thang bộ loại N3, hoặc loại N2 có lối vào buồng thang đi qua khoang đệm với giải pháp bao che giống như khoang đệm ngăn cháy loại I;</p> <p>c) Trong các nhà nhóm F5 bố trí các buồng thang bộ không nhiệm khói thay cho loại N1 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong các nhà hạng A hoặc B – các buồng thang bộ N2 hoặc N3 có áp suất không khí dương thường xuyên;</li> <li>- Trong các nhà hạng C – các buồng thang bộ N2 hoặc N3 với áp suất không khí dương khi có cháy;</li> <li>- Trong các nhà hạng D, E – các buồng thang bộ N2 hoặc N3 với áp suất không khí dương khi có cháy, hoặc các buồng thang bộ L1 với điều kiện buồng thang phải được phân khoang bằng vách ngăn cháy đặc qua mỗi 20 m chiều cao và lối đi từ khoang này sang khoang khác của buồng thang phải đặt ở ngoài không gian của buồng thang.</li> </ul> <p>Trong các nhà có các buồng thang bộ không nhiệm khói phải bố trí bảo vệ chống khói cho các hành lang chung, các sảnh, các không gian chung và các phòng chờ.</p>			
<b>3.4.14</b>		<p>Đề nghị làm rõ trường hợp này thì mọi hành lang chung và sảnh đều phải hút khói hay chỉ theo yêu cầu của Phụ lục D.</p>		Theo yêu cầu phụ lục D.
<b>Bổ sung</b>		<p>Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về “vùng an toàn” bố trí tại các tầng để được giảm yêu cầu về</p>	<p>Tham khảo quy định của tiêu chuẩn Firecode 2018 của Singapore</p>	<p>Vùng an toàn chỉ là nơi trú nạn tạm thời, chủ yếu dành cho người di chuyển hạn chế, để chờ người trợ</p>



Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
		khoảng cách thoát nạn, chiều rộng thoát nạn		giúp thoát nạn. Hiện nay Việt Nam chưa có quy định cụ thể đối với đảm bảo an toàn cháy cho các đối tượng này (còn cao hơn quy định bây giờ).
4.27	<p>Gian phòng, trong đó có bố trí cầu thang bộ loại 2 theo quy định tại 3.4.16, phải được ngăn cách với các hành lang thông với nó và các gian phòng khác bằng các vách ngăn cháy loại 1. Cho phép không ngăn cách gian phòng có cầu thang bộ loại 2 bằng các vách ngăn cháy khi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có trang bị chữa cháy tự động trong toàn bộ nhà;</li> <li>- Trong các nhà có chiều cao PCCC không lớn hơn 9 m với diện tích một tầng không quá 300 m<sup>2</sup>.</li> </ul>	Đề nghị bổ sung quy định yêu cầu cho trường hợp thang loại 2 không dùng để thoát nạn, nội thông các hành lang hoặc các sảnh		Hiện nay QC đã có quy định các trường hợp được dùng thang loại 2, ví dụ thang loại 2 thông với hành lang bên, thang loại 2 sử dụng để giao thông nội các tầng (4.27). Thang loại 2 là thang hở, rất nguy hiểm từ góc độ an toàn cháy (do khói sẽ lan ngay theo các thang này lên các tầng trên. Carina TPHCM là một ví dụ điển hình về sự nguy hiểm của thang hở). Vì vậy, đề xuất này cần được nghiên cứu kỹ. Hiện nay QC 06 có cho phép dùng thang hở trong một số trường hợp hạn chế về quy mô, diện tích.
4.34	<p>Ngăn chặn cháy lan giữa các nhà  Phải bảo đảm khoảng cách phòng cháy chống cháy giữa các nhà (quy định tại E.1 và E.2 trong Phụ lục E) và khoảng cách phòng cháy chống cháy theo đường ranh giới (quy định tại E.3 trong Phụ</p>	Đề nghị điều chỉnh để bảo đảm yêu cầu khoảng cách PCCC chỉ cần xác định bảo đảm theo E.1 và E.2 hoặc E.3		Tiếp thu. Đã làm rõ trong công văn 1397 của Bộ XD và 1091 của Cục CS PCCC.

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
	lục E) tương ứng với diện tích lỗ mở không được bảo vệ chống cháy của tường ngoài nhà và giới hạn chịu lửa của phần tường phải bảo vệ chống cháy.			
4.34.4	<p>Khi một phần tường ngoài của nhà nối tiếp với một phần khác của tường, tạo thành một góc nhỏ hơn 135° và khoảng cách theo phương nằm ngang giữa các mép gần nhất của các lỗ mở ở tường ngoài theo các hướng khác nhau của định góc, nhỏ hơn 4 m, thì trên phần tương ứng của tường, các lỗ mở phải có các cửa ngăn cháy có giới hạn chịu lửa không nhỏ hơn E 30 hoặc có hệ thống phun nước</p> <p>Ngăn chặn cháy lan đối với sảnh thông tầng</p> <p>Việc thiết kế trong nhà, tổ hợp nhà, một hoặc một số sảnh thông tầng, kê cả trang bị trong khối tích của nó các cầu thang bộ hờ, thang cuốn, thang cuốn ngang, thang máy toàn cảnh và tương tự, cũng như</p> <p>các gian phòng có các lỗ mở ở hành lang bên, cần bảo đảm thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>a) Sảnh thông tầng phải được đặt trong khối tích của một khoang cháy, ở các lỗ mở của các sân giữa các tầng của nó cho phép bố trí các thang máy cuốn, thang bộ hờ và thang máy (kể cả thang máy toàn cảnh);</p> <p>b) Các kết cấu bao quanh các gian phòng và hành lang ở các vị trí tiếp giáp với sảnh thông tầng, cần có giới hạn chịu lửa không nhỏ hơn EI (EIW) 60 hoặc làm bằng kính cường lực, có chiều dày không nhỏ hơn 6 mm, có giới hạn chịu lửa không quy định nhưng được trang bị các đầu phun (sprinkler) của thiết bị chữa cháy tự động, bảo đảm các đầu</p>	<p>Đề nghị làm rõ “Hệ thống phun nước” là hệ thống gì</p>		<p>Hệ thống phun nước là hệ thống có thể phun nước trong trường hợp có cháy, để ngăn chặn cháy lan qua các lỗ mở này.</p>
4.35		<p>- Nghiên cứu chuyên quy định tại điểm d sang quy định của H.6.2 để thống nhất cách tính toán diện tích tầng trong phạm vi khoang cháy</p> <p>- Điểm g đề nghị bổ sung thêm nội dung chi áp dụng cho trường hợp sảnh không bố trí công năng, không bố trí chất cháy.</p>		<p>Đây là kiến nghị về cách sắp xếp các quy định của QC, xin ghi nhận.</p> <p>Về điểm g, quy định cụ thể cho việc bố trí sprinkler được nêu trong TCVN 7336 và TCVN 3890 do Bộ CA biên soạn.</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>phun được đặt từ phía các gian phòng (hành lang) liền kề, cách nhau không quá 2 m và cách vách ngăn không quá 0,5 m;</p> <p>c) Ở các lỗ mở, dẫn vào sảnh thông tầng, kể cả các lỗ mở của các thang cuốn và của các gian phòng ở hành lang bên có trang bị các rèm, màn ngăn khói, có giới hạn chịu lửa không nhỏ hơn E 45, được hạ xuống khi có cháy, chúng phải có các cơ cấu dẫn động điều khiển tự động và từ xa, hoặc trang bị các màn ngăn khói cố định. Chiều cao làm việc của các rèm, màn ngăn khói, khi hạ xuống không được nhỏ hơn chiều dày của lớp khói được tạo ra khi có cháy. Chiều dày lớp khói được xác định bằng tính toán khi thiết kế. Khi đó, biên dưới của lớp khói được xác định ở chiều cao không nhỏ hơn 2,5 m tính từ mặt sàn;</p> <p>d) Diện tích tầng trong phạm vi khoang cháy có sảnh thông tầng được xác định bằng tổng diện tích tầng dưới cùng của sảnh thông tầng và diện tích của các hành lang bên, của các lối đi và của tất cả các gian phòng nằm phía trên, đặt trong phạm vi khối tích của sảnh thông tầng, giới hạn bằng các vách ngăn cháy loại 1. Khi không có các vách ngăn cháy loại 1, ngăn cách không gian của sảnh với các gian phòng tiếp giáp thì diện tích khoang cháy bằng tổng diện tích của các tầng tương ứng;</p> <p>e) Cho phép sử dụng hệ thống hút xả khói theo cơ chế tự nhiên từ sảnh thông tầng nếu có luận cứ tính toán phù hợp;</p> <p>f) Tầm chấn lầy sáng ở mái của sảnh thông tầng phải được làm từ vật liệu không cháy, khi đó, kết cấu của mái này phải được làm từ kính có cốt</p>			

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>gia cường và an toàn (không gây thương tích). Cho phép sử dụng các vật liệu tấm lấy sáng có nhóm nguy hiểm cháy không nguy hiểm hơn Ch1 và không tạo thành các giọt nóng chảy;</p> <p>g) Đề chữa cháy trong không gian sảnh thông tầng, cho phép lắp đặt các đầu phun sprinkler ở bên dưới kết cấu nhô ra của sàn giữa các tầng, của các ban công (kể cả dưới các thang cuốn...) mà không phải lắp đặt vào mái của sảnh thông tầng. Các đầu phun (sprinkler) đặt cách nhau từ 1,5 m đến 2,0 m và cách mép/cạnh của lỗ mở thông sàn không quá 0,5 m.</p>			
<b>Bổ sung</b>		Đề nghị bổ sung quy định chung về bố trí máy phát điện, máy biến áp trong các loại hình công trình		Đối với một số nhóm nhà, đã có quy định cụ thể này (ví dụ phụ lục A2,A3). Các trường hợp QC không quy định có nghĩa là không hạn chế.
<b>Bảng 9, Bảng 10</b>	Không có quy định cho nhà F5 không có lỗ mở trên mái có chiều rộng trên 60 m và có bậc chịu lửa II, IV, V	Đề nghị bổ sung quy định về lưu lượng cấp nước chữa cháy ngoài nhà cho các F5 không có lỗ mở trên mái có chiều rộng trên 60 m và có bậc chịu lửa II, IV, V		Xin ghi nhận, và chuyển lại cho Cục CS PCCC nghiên cứu, tiếp thu.
<b>5.1.3.3</b>	Thời gian chữa cháy ngoài nhà lấy là 3 giờ	Đề nghị nghiên cứu giảm quy định về thời gian chữa cháy		Xin ghi nhận, và chuyển lại cho Cục CS PCCC nghiên cứu, tiếp thu.
<b>5.1.4.7</b>	Các trụ cấp nước chữa cháy phải được bố trí trên mạng đường ống sao cho tối thiểu 02 trụ khi lưu lượng yêu cầu từ 15 L/s trở lên, tối thiểu 01 trụ khi	Nghiên cứu điều chỉnh để chỉ yêu cầu phục vụ đến		Xin ghi nhận, và chuyển lại cho Cục CS PCCC nghiên cứu, tiếp thu.

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>lưu lượng yêu cầu thấp hơn 15 L/s phục vụ đến <b>mọi điểm của nhà</b> xét theo phương ngang và bán kính phục vụ của mỗi trụ nước không lớn 200 m tính theo đường đi chuyển của vòi chữa cháy đi bên ngoài nhà.</p>	<p>mọi điểm trên chu vi của nhà</p>		
<b>6.2.2.1</b>	<p>Nhà nhóm F1, F2, F3 và F4 có chiều cao PCCC không quá 15 m không yêu cầu có bãi đỗ xe chữa cháy, tuy nhiên phải có đường cho xe chữa cháy tiếp cận đến điểm bất kỳ trên hình chiếu bằng của nhà không lớn hơn 60 m</p>	<p>Mở rộng cho phép áp dụng với đối tượng nhà có chiều cao PCCC đến 28 m. Cho phép khoảng cách đường đến nhà lớn hơn 60 m khi có phương án đề phương tiện chữa cháy tiếp cận được đến công trình.</p>		<p>Trong bảng 14 đã có quy định về việc không yêu cầu có bãi đỗ xe chữa cháy đối với nhà đến 28 m. Ngoài ra, trong QCVN 06:2022/BXD đã có quy định cụ thể cho phép cơ quan CS PCCC địa phương được hướng dẫn riêng về giao thông và chữa cháy tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của địa phương. Do đó, CS PCCC hoàn toàn đủ căn cứ pháp lý để tự ban hành các quy định này.</p>
<b>6.2.2.3</b>	<p>Nhà hoặc phần nhà nhóm F1.1, F1.2, F2, F3 và F4 có chiều cao PCCC lớn hơn 15 m thì tại mỗi vị trí có lối vào từ trên cao phải bố trí một bãi đỗ xe chữa cháy để tiếp cận trực tiếp đến các tấm cửa của lối vào từ trên cao. Chiều dài của bãi đỗ xe chữa cháy phải được lấy theo Bảng 15 căn cứ vào diện tích sàn cho phép tiếp cận của tầng có giá trị diện tích sàn cho phép tiếp cận lớn nhất. Đối với trường hợp nhà có sàn thông tầng, giá trị đó được tính như sau:</p>	<p>Đề nghị bổ sung quy định cho trường hợp sàn thông tầng được ngăn cháy (không yêu cầu tính tổng) Quy định riêng cho nhà nhóm F5</p>		<p>Về các sàn, giá đỡ trong nhà công nghiệp (nhóm F5) đã được quy định cụ thể về cách tính diện tích khoang cháy (phụ lục A1). Nếu lỗ thông tầng đã được ngăn cháy thì không gọi là sàn thông tầng.</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p><b>Nội dung của QCVN 06:2022/BXD</b></p> <p>a) Đối với nhà có các sàn thông tầng, bao gồm cả các tầng hầm thông với các tầng trên mặt đất thì diện tích sàn cho phép tiếp cận lấy bằng diện tích công dồn các giá trị diện tích sàn cho phép tiếp cận của tất cả các sàn thông tầng;</p> <p>b) Đối với các nhà có từ hai nhóm sàn thông tầng trở lên thì diện tích sàn cho phép tiếp cận phải lấy bằng <b>giá trị cộng dồn của nhóm sàn thông tầng có diện tích lớn nhất</b>;</p> <p>c) Đối với nhà nhóm F5, phải có một bãi đỗ xe chữa cháy cho các phương tiện chữa cháy. Chiều dài của bãi đỗ xe chữa cháy phải được lấy theo Bảng 16, dựa vào tổng quy mô khối tích của nhà (không bao gồm tầng hầm).</p> <p>Khi điều kiện sản xuất không yêu cầu có đường vào thì đường cho xe chữa cháy được phép bố trí phân đường rộng 3,5 m cho xe chạy, nên đường được gia cố bằng các vật liệu bảo đảm chịu được tải trọng của xe chữa cháy và bảo đảm thoát nước mặt.</p> <p>Khoảng cách từ mép đường cho xe chữa cháy đến tường của nhà phải không lớn hơn 5 m đối với các nhà có chiều cao PCCC nhỏ hơn 12 m, không lớn hơn 8 m đối với các nhà có chiều cao PCCC từ 12 m đến 28 m và không lớn hơn 10 m đối với các nhà có chiều cao PCCC trên 28 m.</p> <p>Trong những trường hợp cần thiết, khoảng cách từ mép gần nhà của đường xe chạy đến tường ngoài của nhà và công trình được tăng đến 60 m với điều kiện nhà và công trình này có các đường cắt đi vào, kèm theo bãi quay xe chữa cháy và bố trí các trụ nước chữa cháy. Trong trường hợp đó, khoảng</p>			

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
6.3.5	<p>cách từ nhà và công trình đến bãi quay xe chữa cháy phải không nhỏ hơn 5 m và không lớn hơn 15 m và khoảng cách giữa các đường cụt không được vượt quá 100 m.</p> <p>Số lượng, vị trí của lối vào từ trên cao đối với mỗi khoang cháy của nhà hoặc phần nhà không thuộc nhóm F1.3 phải bảo đảm những quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đối với nhà nhóm F1.1, F1.2, F2, F3, F4 và F5 số lượng lối vào từ trên cao phải tính toán dựa vào chiều dài của bãi đỗ xe chữa cháy. Cứ mỗi đoạn đủ hoặc không đủ 20 m chiều dài bãi đỗ xe chữa cháy phải có một vị trí lối vào từ trên cao;</li> <li>– Lối vào từ trên cao phải được bố trí cách xa nhau, dọc theo tường ngoài giữa tâm của hai lối vào đo dọc theo tường ngoài giữa tâm của hai lối vào từ trên cao liên tiếp nhau được phục vụ bởi một bãi đỗ xe chữa cháy không được quá 20 m. Lối vào từ trên cao phải được phân bố bảo đảm để ít nhất phải có 1 lối vào từ trên cao trên mỗi đoạn 20 m chiều dài của bãi đỗ xe chữa cháy, ngoại trừ những phần nhà 1 tầng không thuộc nhóm F5;</li> <li>– Đối với nhà thuộc nhóm F1.1, F1.2, F2, F3 và F4 có chiều cao PCCC từ trên 15 m đến 50 m, phải có lối vào từ trên cao ở tất cả các tầng từ tầng 1 và phải nằm đối diện với bãi đỗ xe chữa cháy;</li> <li>– Đối với nhà nhóm F5, phải bố trí các lối vào từ trên cao ở phía trên một bãi đỗ xe chữa cháy, lên đến chiều cao PCCC 50 m.</li> </ul>	<p>Đề nghị bổ sung quy định không yêu cầu lối vào từ trên cao đối với phần nhà F5 01 tầng</p>		<p>Đối với nhà F5 1 tầng, lối vào trên cao chính là các cửa sổ hoặc cửa đi trên tường ngoài nhà, thỏa mãn điều kiện của 6.3.4. Việc bố trí này hết sức đơn giản. Chưa rõ tại sao lại có đề nghị không bố trí lối tiếp cận cho lực lượng chữa cháy đối với nhà F5 1 tầng.</p>
6.4	<p>Quy định về kích thước bãi quay xe và bãi tránh xe</p>	<p>Đề nghị chỉnh sửa để phù hợp với thực tế phương tiện chữa cháy</p>		<p>Trong QCVN 06:2022/BXD đã có quy định cụ thể cho phép cơ quan CS PCCC địa</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
6.12	Giữa các bản thang và giữa các lan can tay vịn của bản thang phải có khe hở với chiều rộng thông thủy chiều trên mặt bằng không nhỏ hơn 100 mm.	Đề nghị nghiên cứu giảm trừ yêu cầu này cho một số trường hợp nhà thấp tầng hoặc trong buồng thang đã có hệ thống họng khô		Tiếp thu, bổ sung yêu cầu trong trường hợp khe thang không đảm bảo. Việc quy định có khe hở giữa hai bản thang, ngoài việc để kéo các ống chữa cháy, còn để người đi chuyên quan sát được tình huống bên trên và bên dưới thang để có lựa chọn thoát nạn kịp thời, phù hợp.
6.13	Mỗi khoang cháy của các nhà có chiều cao PCCC lớn hơn 28 m (lớn hơn 50 m đối với nhà nhóm F1.3), hoặc nhà có chiều sâu của sàn tầng hầm dưới cùng (tính đến cao độ của lõi ra thoát nạn ra ngoài) lớn hơn 9 m phải có tối thiểu một thang máy chữa cháy Có số lượng được tính toán đủ để khoảng cách từ vị trí các thang máy đó đến một điểm bất kỳ trên mặt bằng tầng mà nó phục vụ không vượt quá 60m	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị làm rõ trường hợp nhà dưới 28 m nhưng hầm sâu hơn 9 m thì yêu cầu bố trí thang máy chữa cháy cho mình phần hầm hay cho toàn bộ nhà.</li> <li>- Làm rõ khoảng cách phục vụ tính theo đường đi chuyên hay đường thẳng</li> </ul>		Kiến nghị xem Hướng dẫn áp dụng QCVN 06



Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
6.14	<p>Trong các nhà có độ dốc mái đến 12 %, chiều cao đến đỉnh mái hoặc mép trên của tường ngoài (tường chắn) lớn hơn 10 m, cũng như trong các nhà có độ dốc mái lớn hơn 12 % và chiều cao đến đỉnh mái lớn hơn 7 m phải có lan can, tay vịn trên mái phù hợp tiêu chuẩn hiện hành. Các lan can, tay vịn loại này cũng phải được bố trí cho các mái phẳng, ban công, lôgia, hành lang bên ngoài, cầu thang bên ngoài hờ, bản thang bộ và chiếu thang bộ mà không phụ thuộc vào chiều cao PCCC của nhà.</p>	<p>Đề nghị nghiên cứu lại sự cần thiết phải có yêu cầu này vì thực tế khi chữa cháy, việc tiếp cận qua mái nhà thường không được sử dụng do tiềm ẩn nhiều nguy hiểm cho lính chữa cháy.</p>		<p>Đã làm rõ. Đây là một trong những giải pháp tiếp cận chữa cháy. Quy định này chính để đảm bảo an toàn cho lực lượng chữa cháy nếu chọn tiếp cận theo lối này. Nếu nhà không được thiết kế.</p>
6.17	<p>Quy định cho phòng trực điều khiển chống cháy</p>	<p>- Đề nghị bổ sung quy định về trường hợp phòng trực nằm ở nhà khác nằm độc lập bên ngoài. Ví dụ như đặt tại nhà trực, nhà bảo vệ; bổ sung trường hợp phòng trực đặt tại các tầng khác tầng 1.</p>		<p>QCVN 06 không cấm các phương án này.</p>
A.1.3.2	<p>Cho phép bố trí tầng có công năng làm kho hoặc phòng điều hành bên trong nhà sản xuất, cũng như tầng có công năng sản xuất và điều hành bên trong nhà kho nếu bảo đảm được các yêu cầu về khoảng cách phòng cháy chống cháy quy định tại Phụ lục E và các quy định liên quan của quy chuẩn này.</p>	<p>- Cần làm rõ khoảng cách an toàn PCCC khi 1 công trình nằm bên trong 1 công trình.</p>		<p>Phụ lục E đã quy định rõ và đưa rất nhiều giải pháp khác nhau để giảm khoảng cách phòng cháy chống cháy.</p>
A.1.3.10	<p>Kho cất giữ hàng có hàng nguy hiểm cháy và cháy nổ C trên giá đỡ cao tầng phải được bố trí trong nhà 1 tầng có bậc chịu lửa I đến IV và cấp nguy hiểm cháy kết cấu của nhà S0. Các giá đỡ hàng phải có sàn đỡ nằm ngang, đặc và làm từ vật liệu không cháy đặt cách nhau không quá 4 m theo chiều cao.</p>	<p>- Cho phép bố trí kho cất giữ hàng có hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ C trên giá đỡ cao tầng (cao trên 5,5 m) trong nhà nhiều tầng khi được trang bị hệ thống chữa cháy tự</p>		<p>Đã tiếp thu, bổ sung yêu cầu kết hợp sprinkler theo giá hàng. Điều này cần được xem xét, nghiên cứu kỹ. Về bản chất, cần có tính toán cụ thể về thoát nạn, chống</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
		<p>động bảo đảm theo quy định</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều chỉnh yêu cầu khoảng cách giá đỡ nằm ngang từ 4m thành 4,5 m để phù hợp với tiêu chuẩn về hệ thống chữa cháy trong SP.241</li> </ul>		khối, chữa cháy ... khi muốn áp dụng vượt quy định của QC.
<b>A.2.2</b>	<p>Mỗi đơn nguyên hoặc một khoang cháy (khi không phân thành đơn nguyên) phải có hệ thống bảo vệ chống cháy hoạt động độc lập (bảo đảm hoạt động như dự kiến khi cần thiết, không phụ thuộc vào việc hệ thống bảo vệ chống cháy ở khoang cháy khác có hoạt động hay không) và có phòng phương tiện chữa cháy ban đầu</p> <p>Diện tích lớn nhất cho phép của một tầng nhà trên mặt đất trong phạm vi một khoang cháy:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không lớn hơn 3 000 m<sup>2</sup> - đối với khối đế;</li> <li>- Không lớn hơn 1 500 m<sup>2</sup> - đối với nhóm F1.2 (khách sạn, ký túc xá);</li> <li>- Không lớn hơn 2 000 m<sup>2</sup> - đối với nhóm F1.3;</li> <li>- Không lớn hơn 2 500 m<sup>2</sup> - trong các trường hợp còn lại.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung quy định cụ thể về yêu cầu độc lập cho từng loại hệ thống</li> <li>- “Khoang cháy” được hiểu là quy định theo chiều đứng hay cho cả mặt bằng</li> </ul>		Kiến nghị làm rõ trong Hướng dẫn áp dụng QCVN 06.
<b>A.2.3</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân làm rõ khái niệm về khối đế.</li> </ul>		
<b>A.2.10</b>	<p>Các trạm biến áp chỉ cho phép đặt ở tầng một, tầng nửa hầm và tầng hầm đầu tiên.</p>	<p>Cần bổ sung quy định này vào Phụ lục A.3. cũng như quy định chung cho toàn bộ quy chuẩn. Đồng thời bổ sung quy định về việc bố trí máy phát điện.</p>		Như trên đã giải thích.

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
A.2.11	Sàn thang máy phải được ngăn cách với hành lang và phòng bên cạnh bằng vách ngăn cháy có giới hạn chịu lửa theo quy định tại A.2.24	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp thang máy mở trực tiếp vào hành lang (không bố trí sảnh riêng) thì có áp dụng quy định này không.</li> <li>- Đề nghị không quy định khi cửa tầng thang máy đã bảo đảm E60 và cửa các gian phòng mở vào hành lang, sảnh thang máy có GHCL không nhỏ hơn EI60.</li> </ul>		Hiểu như ý kiến của Bộ CA là đúng.
A.2.14	Hành lang phải được phân chia thành các khoang ngăn cách nhau bằng vách ngăn cháy loại 1. Cửa ngăn cháy lắp đặt trên vách ngăn cháy này phải có cơ cấu tự đóng và khe cửa phải được che kín (trừ phần chân)	Điều chỉnh giải pháp ngăn hành lang không bắt buộc phải bằng vách mà có thể sử dụng các tấm chắn khói bằng vật liệu không cháy như yêu cầu về ngăn bề chứa khói tại Phụ lục D		Đã giải thích ở trên.
A.2.29.1	Các nhóm gian phòng với công năng khác nhau đặt trong phạm vi cùng một khoang cháy phải có hệ thống thông gió, điều hòa và sưởi ấm không khí hoạt động độc lập	Đề nghị làm rõ yêu cầu về “hoạt động độc lập”		
A.3.1.10	Phần có công năng khác của nhà (kể cả các phòng kỹ thuật, phòng phụ trợ phục vụ cho phần căn hộ) phải được ngăn cách với phần căn hộ của nhà bằng tường ngăn cháy đặc có giới hạn chịu lửa REI150 và sàn ngăn cháy loại 1 đồng thời có các lối ra thoát nạn riêng	Đề nghị làm rõ yêu cầu “lối ra thoát nạn riêng” được hiểu là lối đi riêng ra các hành lang thoát nạn hoặc sảnh chung hay phải bố trí thang bộ thoát nạn riêng		Đã có định nghĩa trong QC 06 về lối ra thoát nạn riêng (1.4.35)

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
A.3.2.1	Gian lánh nạn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho phép tăng bố trí gian lánh nạn được bố trí các công năng khác, bao gồm cả công năng để ở (căn hộ) với diện tích còn lại;</li> <li>- Giảm diện tích của gian lánh nạn (tính toán tham khảo tiêu chuẩn của Trung Quốc hệ số chỉ yêu cầu 0,2 m<sup>2</sup>/người, hiện nay đang tính toán 0,3 m<sup>2</sup>/người)</li> <li>- Không yêu cầu tầng lánh nạn riêng khi bố trí các gian lánh nạn tại từng tầng hoặc một số tầng.</li> <li>- Theo quy định tại A.3.2.1 QCVN 06:2022/BXD, nhà từ trên 100 m (tương đương nhà khoảng 30 tầng) phải bố trí tầng lánh nạn. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung các quy định riêng cho từng nhóm nhà thuộc công năng khác nhau, trong đó một số nhà có công năng như khách sạn, văn phòng, thương mại chỉ yêu cầu bố trí tầng lánh nạn khi cao trên 40 tầng (tham khảo tiêu chuẩn Firecode của Singapore).</li> </ul>		<p>Cần nghiên cứu kỹ hơn. Về nguyên tắc, khi tham khảo TC nước ngoài cần tham chiếu đến cả các quy định có liên quan, không chỉ mỗi mật độ thoát nạn. Ví dụ, VN hiện nay quy định về khoảng cách thoát nạn tối đa lớn hơn so với Singapore.</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
		<p>tham khảo quy định về gian lánh nạn của một số nước (như của Singapore...) để chi yêu cầu bố trí tầng lánh nạn với nhà trên 40 tầng, khoảng cách giữa các tầng có bố trí gian lánh nạn cho phép đến 30 tầng.</p>		
A.4.3	<p>Lỗi ra thoát nạn từ mỗi tầng nhà kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường phải dẫn vào buồng thang bộ với cửa ngăn cháy loại 2</p>	<p>Bổ sung quy định về sử dụng thang loại 3 để thoát nạn.</p>		<p>Thang loại 3 là một trong những thang được phép sử dụng thoát nạn và đã được quy định rõ trong QC (3.2.1)            Các phụ lục A chỉ là quy định bổ sung, nghĩa là vẫn áp dụng cả các quy định khác của QC.</p>
Phụ lục B		<p>Quy định bổ sung các loại vật liệu phổ biến hiện nay đạt yêu cầu theo đặc tính kỹ thuật về cháy để lựa chọn sử dụng làm vật liệu hoàn thiện (trần, tường, sàn) cho công trình</p>		<p>QC đã có quy định cụ thể đặc tính kỹ thuật về cháy của các loại vật liệu vô cơ phổ biến như bê tông, gạch đá, thép và các kim loại khác, thạch cao, vữa, ....            Các vật liệu khác thay đổi mẫu mã, chủng loại, chất liệu liên tục và đa dạng. Không một TC nào trên thế giới quy định cụ thể đối với từng loại vật liệu như vậy, mà cần đo nhà</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
<b>C.2</b>	<p>Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ của nhà, công trình</p>	<p>Đề nghị bổ sung hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ cho một số loại hình gian phòng, công trình phổ biến hiện nay</p>		<p>sản xuất công bố phù hợp với tính năng của vật liệu do mình sản xuất.</p> <p>Việc này phụ thuộc vào tính toán tải trọng cháy, chứ không thể quy định cứng theo công năng được. Nếu quy định sẵn như vậy vô hình chung sẽ không chính xác, có thể thiên về mất an toàn hoặc quá an toàn khi áp dụng cho gian phòng, công trình cụ thể.</p>
<b>D.1.2</b>	<p>Các giải pháp bảo vệ chống khói cho nhà và công trình bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân chia, cô lập khói thành các vùng khói (bê khói);</li> <li>- Thông gió tự nhiên khi có cháy;</li> <li>- Thông gió thoát khói: bao gồm hệ thống hút xả khói và cấp không khí chống khói theo cơ chế tự nhiên hoặc cơ chế cưỡng bức;</li> <li>- Tạo áp suất dương cho các khu vực cần chống nhiễm khói.</li> </ul> <p>Có thể áp dụng một hoặc đồng thời nhiều giải pháp nêu trên, và phải bảo đảm điều kiện biên dưới của lớp khói không thấp hơn 2 m so với mặt sàn cao nhất có thể đi bộ trong gian phòng hoặc trong hành lang được bảo vệ chống khói.</p>	<p>Cần bổ sung khái niệm "hút xả khói theo cơ chế tự nhiên"</p>		<p>Khái niệm này đã được giải thích tại chú thích 2 của D.8, bản QCVN 06 hiện hành, đề nghị nghiên cứu.</p> <p>Ngoài ra, trong bản sửa đổi QC 06 cũng đã có bổ sung các khái niệm và giải nghĩa cụ thể hơn cho cả phần bảo vệ chống khói.</p>
<b>D.2</b>	<p>Việc hút xả khói khi có cháy phải được thực hiện từ các khu vực sau:</p>	<p>- Bổ sung quy định về việc sử dụng giải pháp thông gió tự nhiên được phép</p>		<p>Việc hiệu cứ hút khói là phải có quạt, có ống là</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>a) Từ hành lang (trừ hành lang bên) và sảnh của nhà ở, nhà công cộng, nhà hành chính - phụ trợ (trong các cơ sở công nghiệp) và nhà hỗn hợp có chiều cao PCCC lớn hơn 28 m;</p> <p>b) Từ các hành lang và đường hầm đi bộ của tầng hầm, tầng nửa hầm của các nhà ở, nhà công cộng, nhà hành chính - phụ trợ (trong các cơ sở công nghiệp), nhà sản xuất và nhà hỗn hợp, khi các hành lang và đường hầm đi bộ này liên thông với các phòng có người làm việc thường xuyên;</p> <p>c) Từ các hành lang có chiều dài lớn hơn 15 m mà không có thông gió tự nhiên khi có cháy của các nhà từ 2 tầng trở lên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà sản xuất, nhà kho hạng A, B và C;</li> <li>- Nhà công cộng, bao gồm cả nhà hành chính - phụ trợ trong các cơ sở công nghiệp;</li> <li>- Nhà hỗn hợp;</li> </ul> <p>d) Từ hành lang chung (trừ hành lang bên) và sảnh chung của các nhà có buồng thang bộ không nhiễm khói;</p> <p>e) Từ các sảnh thông tầng và các hành lang thương mại bao quanh sảnh thông tầng (sau đây gọi chung là sảnh thông tầng);</p> <p>f) Từ các gian phòng có người làm việc thường xuyên, phục vụ sản xuất hoặc kho, bao gồm cả nơi bảo quản lưu trữ sách, tài liệu, hiện vật, xưởng phục chế của bảo tàng (đối với gian phòng lưu trữ dạng kệ thì không phụ thuộc vào việc có người làm việc thường xuyên), nếu các gian phòng này thuộc hạng A, B, C1 đến C3 trong nhà bậc chịu lửa I đến IV, hoặc hạng C4, D, E trong nhà bậc chịu lửa IV;</p>	<p>thay thế cho hệ thống hút khói (đối với nhà sản xuất, nhà kho), và được áp dụng cho công trình nhiều tầng.</p> <p>- Điều chỉnh quy định hút khói cho hành lang có chiều dài lớn hơn 15 m không có thông gió tự nhiên trong nhà công cộng, nhà hỗn hợp từ 02 tầng thành 06 tầng trở lên như quy định của QCVN 06:2021/BXD</p> <p>- Bãi bỏ quy định thiết kế việc thoát khói (cường bức hoặc theo cơ chế tự nhiên) đối với các gian phòng sản xuất, nhà kho hạng D, E vì các gian phòng này có nguy cơ cháy rất thấp, các nhà này thường có không gian rộng lớn, để khói bao trùm ảnh hưởng đến lối thoát nạn thì phải có thời gian cháy tự do từ 30 phút đến 60 phút (với thời gian này đã đủ cho toàn bộ người trong nhà thoát ra ngoài an toàn).</p> <p>- Điều chỉnh “có người làm việc thường xuyên”</p>		<p>không chính xác, gây hao phí không đáng có. Hoàn toàn có thể sử dụng biện pháp hút xả khói theo cơ chế tự nhiên, miễn là có tính toán chứng minh phù hợp, và đã được quy định rõ tại phụ lục D của QC.</p> <p>-Đề nghị “Điều chỉnh quy định hút khói cho hành lang có chiều dài lớn hơn 15 m không có thông gió tự nhiên” là mất an toàn. Hành lang dài, kín (không có thông gió tự nhiên) thì phải có giải pháp thoát khói khác. Điều kiện để đảm bảo thông gió tự nhiên cũng được quy định rõ tại D.2 và không khó để thực hiện (30m chiều dài hành lang cần có tổng chiều rộng ô cửa sổ là 1,6 m), chỉ cần bố trí hai cửa sổ hai đầu hành lang, mỗi cửa rộng 0,8 m là đủ.</p> <p>- Định nghĩa thế nào là làm việc thường xuyên đã có. Còn đề xuất 50 người trở lên cần có căn cứ khoa học.</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>g) Từ mỗi gian phòng liên thông với buồng thang bộ không nhiệm khói, hoặc từ mỗi gian phòng không có thông gió tự nhiên khi có cháy sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích từ 50 m<sup>2</sup> trở lên, thường xuyên hoặc nhất thời tập trung đông người (số lượng hơn 1 người trên 1 m<sup>2</sup> sàn, không tính diện tích chiếm chỗ của các thiết bị, vật dụng);</li> <li>- Các gian thương mại, trưng bày sản phẩm hàng hóa;</li> <li>- Các phòng đọc và lưu trữ sách của thư viện, các gian triển lãm, bảo tàng có diện tích từ 50 m<sup>2</sup> trở lên, có người làm việc thường xuyên, dùng để lưu trữ hoặc sử dụng các chất và vật liệu cháy;</li> <li>- Phòng thay đồ, gửi đồ diện tích từ 200 m<sup>2</sup> trở lên;</li> </ul> <p>h) Các gara giữ xe kín, ngầm hoặc nổi, được xây dựng riêng hoặc là một phần của các nhà có công năng khác và cả các đường dốc được ngăn cách của các gara này.</p> <p>Cho phép hút xả khói qua hành lang liên kết từ các gian phòng có diện tích đến 200 m<sup>2</sup> và hạng nguy hiểm cháy C1, C2, C3, hoặc lưu trữ hoặc sử dụng chất và vật liệu cháy.</p> <p>Đối với các gian phòng thương mại và văn phòng diện tích không lớn hơn 800 m<sup>2</sup>, khi khoáng cách từ điểm xa nhất của gian phòng đến lối ra thoát nạn gần nhất không lớn hơn 25 m thì cho phép hút xả khói qua các khu vực liên kết là hành lang, sảnh, sảnh và hành lang thông tầng.</p> <p>Không cho phép ngăn chia phần hành lang cắt của nhà bằng các vách ngăn có cửa đi thành các đoạn có chiều dài nhỏ hơn 15 m.</p>	<p>Thành "số người (ví dụ 50 trở lên) làm việc thường xuyên" để quy định phải hút xả khói khi có cháy</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho phép sử dụng giải pháp thông gió tự nhiên đối với trường hợp nhà nhiều tầng, trường hợp nhà có chiều rộng hơn 40 m đến 60 m</li> <li>- Đề nghị bổ sung khái niệm "hành lang thương mại" nêu tại điểm e)</li> <li>- Đề nghị làm rõ "Gara giữ xe" được hiểu là giữ xe ô tô hay mọi loại xe</li> <li>- Bổ sung quy định trong trường hợp hút khói qua "khu vực liên kết", có yêu cầu bố trí các miệng hút hay lỗ mở để khói thoát qua hay không</li> </ul>		<p>- QC không cảm sử dụng giải pháp thoát khói tự nhiên, cần tính toán theo TC thiết kế để chứng minh.</p>



Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
<b>D.9</b>	Quy định về yêu cầu chịu lửa của quạt, đường ống, van ngăn cháy	Cần nghiên cứu sự phù hợp giữa thời gian chịu lửa của các thành phần của hệ thống chống tụ khói với giới hạn chịu lửa của các kết cấu công trình.		Hai yếu tố này là độc lập.
<b>D.13</b>	Yêu cầu về giới hạn chịu lửa cho đường ống tăng áp	Đề nghị quy định bổ sung cho trường hợp ống dẫn của hệ thống tăng áp nằm trực tiếp trong khoang đệm, buồng thang bộ		Đã có quy định cụ thể tại phụ lục D cho các vị trí khác nhau của ống. Ngoài ra, vấn đề này nên được quy định cụ thể trong TC thiết kế. QC cho phép áp dụng giới hạn chịu lửa của ống theo TC thiết kế.
<b>D.14.5</b>	<p>Đề bù lại khối tích khói đã bị hút ra khỏi gian phòng bởi hệ thống hút xả khói, phải thiết kế hệ thống cấp không khí vào theo cơ chế tự nhiên hoặc cưỡng bức:</p> <p>a) Không khí theo cơ chế tự nhiên có thể cấp vào qua các lỗ mở trên tường bao che ngoài hoặc qua các giếng cấp không khí với van được dẫn động tự động và dẫn động từ xa. Các lỗ mở phải được bố trí ở phần dưới của gian phòng được bảo vệ. Để bù không khí cho các sảnh thông tầng và hành lang bao quanh sảnh thông tầng có thể sử dụng các lỗ cửa đi của lối thoát nạn trực tiếp ra ngoài trời, khi đó các cửa này phải được điều khiển tự động từ xa. Tổng diện tích thông khí của các lỗ cửa mở phải được xác định phù hợp với D.4 và đáp ứng yêu cầu vận tốc dòng khí đi qua các lỗ cửa không vượt quá 6 m/s;</p>	Cần bổ sung quy định chi tiết về thiết kế giải pháp cấp bù khí chống khói. Đồng thời, hiện nay tiêu chuẩn tính toán cho các hệ thống chống tụ khói ở Việt Nam không đầy đủ (Chỉ có TCVN 5687:2010, tuy nhiên tiêu chuẩn này không quy định đủ cũng như quy định của tiêu chuẩn không bảo đảm chính xác để tính toán), do đó cần chỉ rõ tài liệu để tính toán, thiết kế cho các hệ thống này.		Việc chỉ rõ tài liệu TC thiết kế trong QC là việc nên hạn chế, vì như thế sẽ thành bắt buộc áp dụng TC đó. Hoàn toàn có thể áp dụng các TC khác nhau để tính toán thiết kế vấn đề này. Ví dụ SP 7.13330, NFPA 92, EN 12101 ...

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
<b>Bảng E.1</b>	<p>b) Hệ thống cấp không khí chống khói theo cơ chế cưỡng bức có thể được thiết kế độc lập hoặc sử dụng chính các hệ thống cấp không khí vào khoang đệm ngăn cháy hoặc các giếng thang máy (trừ các giếng thang máy chữa cháy và buồng thang bộ N2).</p> <p>CHÚ THÍCH 3: Đối với các nhà 2 tầng kết cấu lắp ghép dạng khung-tám với bậc chịu lửa V, cũng như các nhà được lợp bằng vật liệu cháy, thì khoảng cách phòng cháy chống cháy cần phải tăng thêm 20 % giá trị quy định trong bảng này.</p>	<p>Đề nghị làm rõ khái niệm “kết cấu lắp ghép dạng khung - tám”</p>		<p>Đây là khái niệm phổ biến của ngành xây dựng, nghĩa là nhà lắp ghép dạng khung có chèn các tấm tường hoặc nhà lắp ghép từ khung và tường.</p>
<b>Bảng E.1</b>	<p>CHÚ THÍCH 4: Không quy định khoảng cách phòng cháy chống cháy giữa các nhà ở, nhà và công trình công cộng nếu bậc tường cao và rộng hơn giữa hai nhà, hoặc cả hai bậc tường liên kế của hai nhà là các tường ngăn cháy loại I.</p>	<p>Cần làm rõ cần xây bức tường cao hơn và rộng hơn bao nhiêu để bảo đảm đạt ngăn cháy.</p>		<p>Không quy định cụ thể về kích thước. Và đây cũng chỉ là một trong các giải pháp đề giảm khoảng cách chống cháy lan.</p>
<b>Bảng E.1</b>	<p>CHÚ THÍCH 5: Không quy định khoảng cách giữa các nhà ở, cũng như giữa các nhà ở và các công trình phục vụ sinh hoạt khác khi tổng diện tích đất xây dựng (gồm cả diện tích đất không xây dựng giữa chúng) không vượt quá diện tích tăng cho phép lớn nhất trong phạm vi của một khoảng cháy xác định theo bậc chịu lửa và cấp nguy hiểm cháy kết cấu kém nhất (xem Phụ lục H).</p>	<p>Đề nghị quy định rõ “công trình phục vụ sinh hoạt” là các công trình nào; “diện tích đất không xây dựng giữa chúng” được xác định như thế nào</p> <p>Mở rộng quy định cho phép áp dụng với nhà dân dụng, nhà phụ trợ và nhà công nghiệp (đang không có)</p>		<p>QCVN 06:2022/BXD đã cho phép áp dụng cả đối với hầu hết các nhà công cộng, và cả nhà công nghiệp. Xin xem lại phụ lục E, chú thích tại bảng E.1 và E.2.</p>
<b>Bảng E.1</b>	<p>CHÚ THÍCH 6: Không quy định khoảng cách giữa các nhà và công trình công cộng khi tổng diện tích đất xây dựng (gồm cả diện tích đất không xây</p>	<p>Mở rộng quy định cho phép áp dụng với đối tượng F1.1, F4.1</p>		<p>Người trong nhà nhóm F1.1 (bệnh viện, mầm non), F4.1 (trường phổ</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>dụng giữa chúng) không vượt quá diện tích tăng cho phép lớn nhất trong phạm vi của một khoang cháy (xem Phụ lục H).</p> <p>Chú thích này không áp dụng cho các nhà và công trình thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F1.1 và F4.1, và các cơ sở kinh doanh khí cháy, chất lỏng cháy và chất lỏng dễ bắt cháy, cũng như các chất và vật liệu có khả năng nổ và cháy khi tác dụng với nước, ô xi trong không khí hoặc giữa chúng với nhau.</p>			<p>thông) nhìn chung là những đối tượng có khả năng di chuyển, tâm lý, sức khỏe kém hơn so với những nhóm khác.</p> <p>Đề xuất này cần có cơ sở khoa học cụ thể.</p>
<b>Bảng E.2</b>		<p>Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định: không quy định khoảng cách giữa các nhà sản xuất của một cơ sở có bậc chịu lửa I, II.</p> <p>Đề nghị làm rõ quy định “khoảng cách phòng cháy chống cháy giữa các nhà trong một cơ sở công nghiệp” tức là chỉ xác định cho các nhà trong khuôn viên của 01 cơ sở hay được áp dụng cho cả các trường hợp khác</p>	<p>Do nhà sản xuất bậc chịu lửa I, II không quy định diện tích khoang cháy</p>	<p>Các đề xuất này cần có cơ sở khoa học cụ thể.</p>
<b>Bảng E.3</b>		<p>Cần rõ quy định về việc áp dụng khoảng cách an toàn theo E.3. Đồng thời nghiên cứu bổ sung quy định về lựa chọn áp dụng khoảng cách giữa E.3 hoặc E.1, E.2.</p>		<p>Như trên đã giải thích.</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
		<p>Đề nghị được áp dụng cách xác định đường ranh giới theo đường quy ước cho các công trình thuộc khu đất khác nhau và được áp dụng cho công trình hiện hữu.</p>		
F.5		<p>Quy định bổ sung giới hạn chịu lửa danh định đối với kết cấu thép được bảo vệ bằng vữa, sơn chống cháy cũng như các loại vật liệu phổ biến trên thị trường để lựa chọn khi thiết kế, thi công, tương tự các nội dung nêu tại Phụ lục F QCVN 06:2022/BXD</p>		<p>Không thể đưa được các quy định này vào QC, vì khả năng bảo vệ chịu lửa của sơn, vữa chống cháy thay đổi tùy thuộc vào tính chất của vật liệu đó, mà không có sự ổn định rõ rệt như các vật liệu phổ biến khác (bê tông, gạch đá thông thường).</p> <p>Khả năng bảo vệ chịu lửa của các vật liệu này còn tùy thuộc vào nhiều tham số khác như hệ số tiết diện, nhiệt độ tới hạn, loại hình cấu kiện, ...</p> <p>Do đó, không một TC nào trên thế giới có thể quy định cụ thể giới hạn chịu lửa danh định đối với cấu kiện sử dụng sơn, vữa chống cháy.</p>
Phụ lục H		<p>Đề nghị làm rõ yêu cầu về số tầng và khoang cháy</p>		<p>Đã có quy định cụ thể tại 4.5, 4.6, phụ lục H.</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
		cho nhà, phân nhà, khoang cháy		Nguyên tắc của QC là yêu cầu gắn với công năng.
<b>Bổ sung</b>		Bổ sung quy định về việc số tầng tối đa cho phép bố trí là đối với nhà độc lập		Chưa hiểu rõ đề xuất này.
<b>Bổ sung</b>		Đề nghị bổ sung quy định về việc cho phép bố trí các tầng công năng khác bên trên các tầng công năng bị giới hạn về số tầng nằm bên dưới (Ví dụ: Trường mầm non được phép xây 4 tầng, trong đó tầng 4 chỉ bố trí các công năng không liên quan đến mầm non như văn phòng làm việc, kho, kỹ thuật...)		Như trên đã giải thích.
<b>H.2.2</b>	Không có quy định cho cơ sở dịch vụ trên 6 tầng	Việc bố trí cơ sở dịch vụ đời sống có tới đa 6 tầng hiện nay không phù hợp với điều kiện, nhu cầu thực tế sử dụng. Đề nghị nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa.		Cơ sở dịch vụ được nhắc ở đây là nhóm F3.5. Nhóm F3.5 dành cho các công trình dịch vụ dạng như bưu điện, bưu cục, quỹ tiết kiệm, phòng vé, văn phòng tư vấn luật, văn phòng công chứng, cửa hàng giặt là, nhà may, sửa, chữa giày và quần áo, cửa hàng cắt tóc); cơ sở phục vụ lễ tang, ... Các nhà này thực tế ở VN không quá 6 tầng. Nếu tính có công trình cụ thể

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
<b>H.2.4.4</b>	Trên tầng 3 của nhà trẻ cho phép bố trí các phòng dành cho lớp lớn, phòng học nhạc và thể chất, phòng chơi, phòng phục vụ. Khi đó các phòng có diện tích lớn hơn 50 m <sup>2</sup> thì phải có một trong các lối ra thoát nạn dẫn trực tiếp vào buồng thang bộ.	Bổ nội dung quy định này; Đối với quy định phòng có diện tích lớn hơn 50 m <sup>2</sup> phải bố trí một lối thoát nạn trực tiếp vào buồng thang bộ rất khó thực hiện. Thực tế một số trường mầm non trên tầng 3 có nhiều phòng > 50 m <sup>2</sup> .		vướng mắc thì đề nghị làm luận chứng hoặc có văn bản gửi Bộ XD đề nghị hướng dẫn cụ thể. Cách hiểu chưa chính xác. Lối thoát nạn trực tiếp ở đây cần được hiểu là có thể là cửa mở trực tiếp vào buồng thang, có thể dẫn qua hành lang an toàn vào buồng thang. Nhưng không được thoát nạn qua gian phòng khác (gián tiếp).
<b>H2.12</b>	Hiện chỉ nhân đôi với nhà I, II thuộc bảng H2, H3, H4	Bổ sung quy định cho phép nhân đôi chừa cháy tự động với các bảng H5,H6, H7		Cần có căn cứ khoa học. Hiện nay diện tích khoang cháy (chưa cần chừa cháy tự động) đối với các nhóm nhà này đã tăng hơn gấp đôi so với trước đây.
<b>Bảng H.4</b>		Bổ sung quy định về diện tích khoang cháy đối với công năng thương mại cũng như các công năng khác khi bố trí ở tầng hầm công trình.		QC đã quy định rõ tại phụ lục H.
<b>H.4.1 H.5.3</b>	Khi trang bị chữa cháy tự động toàn nhà cho nhà sản xuất, cho phép tăng gấp 2 lần các diện tích sàn trong phạm vi một khoang cháy quy định tại Bảng H.9, trừ nhà có bậc chịu lửa IV và V.	Cho phép nhân 2 lần diện tích của tầng trong phạm vi khoang cháy khi nhà được trang bị hệ thống chữa cháy tự động bằng		Cần có căn cứ khoa học. Hiện nay diện tích khoang cháy đối với nhà công nghiệp đã tăng gấp nhiều

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>Khi trang bị chữa cháy tự động toàn nhà cho các nhà kho, có thể tăng tối đa 2 lần diện tích sàn trong phạm vi một khoang cháy so với giá trị quy định tại Bảng H.11, trừ các nhà có bậc chịu lửa IV và V.</p>	<p>nước đối với nhà sản xuất, nhà kho bậc chịu lửa IV</p>		<p>lân so với các phiên bản QC trước.</p>
<b>H.6.2</b>	<p>Trong các nhà thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F1.1, F1.2, F2 đến F4 với các gian thông tầng để bố trí cầu thang hờ, thang cuốn, sảnh thông tầng và các công năng khác, diện tích một sàn trong phạm vi một khoang cháy là tổng diện tích của tầng dưới cùng của gian thông tầng và của các hành lang, lối đi bộ và các gian phòng của tất cả các tầng phía trên của gian thông tầng trong phạm vi không gian được ngăn cách bởi các vách ngăn cháy loại I. Khi không có vách ngăn cháy loại I ngăn cách không gian thông tầng với các hành lang và các gian phòng tiếp giáp với không gian này (kể cả trong trường hợp có sử dụng các giải pháp thay thế như rèm ngăn cháy, màn drencher và trang bị ngăn cháy tương tự khác) thì diện tích một tầng trong phạm vi một khoang cháy là tổng diện tích của các tầng tương ứng.</p> <p>Trong các nhà sản xuất và nhà kho (nhóm F5.1, F5.2 và F5.3), khi có các lỗ mở trên các sàn tầng, diện tích một tầng trong phạm vi một khoang cháy là tổng các diện tích các tầng được thông với nhau qua lỗ mở</p>	<p>Đề nghị chỉnh sửa, cho phép không cộng diện tích khoang cháy khi được ngăn bằng màn nước ngăn cháy kết hợp ngăn khói.</p>		<p>Về đề xuất thứ hai, trong QC đã quy định rõ.</p>
<b>Bảng H.9</b>		<p>Bổ sung các trường hợp nhà sản xuất bậc chịu lửa V, 02 tầng, hạng nguy hiểm cháy nổ C có công</p>		<p>Có thể áp dụng trực tiếp các quy định trong QC đối với nhà hạng A, B (nguy hiểm hơn hạng C)</p>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi	Ghi chú	Ý kiến thảo luận, giải trình
<b>Bổ sung quy định</b>		<p>năng khác công năng sản xuất, chế biến gỗ</p> <p>Cho phép ngăn khoang cháy cho nhà sản xuất, nhà kho, gara ô tô bằng một trong các giải pháp sau (tham khảo từ dự thảo tiêu chuẩn Nhà cao tầng):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Màng nước ngăn cháy</li> <li>Drencher kết hợp màn ngăn khói được đặt cố định hoặc tự động hạ xuống khi có cháy;</li> <li>+ Phân chia bằng hành lang trống (đường đi), không có tải trọng cháy, có chiều rộng không nhỏ hơn 8 m hoặc có chiều rộng không nhỏ hơn 6 m, nhưng được trang bị ở giữa hành lang trống một màn nước từ các đầu phun Drencher dọc theo chiều dài;</li> <li>+ Phân chia bằng các vách ngăn cháy loại I, được bảo vệ ở cả hai phía bằng các đầu phun Sprinkler và đặt cách nhau 1 m đồng thời các bề mặt vách ngăn cháy không lớn hơn 0,5 m và không nhỏ hơn 0,1 m.</li> </ul>	<p>Thực tế có nhiều công trình nhà sản xuất bố trí các sân, tầng lửng có diện tích trên 40%, không thể ngăn cháy bằng tường, sàn ngăn cháy do bị vướng dây chuyền, thiết bị công nghệ.</p>	<p>Các giải pháp này được tham khảo từ TC nhà cao tầng. Nhìn chung nhà dân dụng có nguy cơ cháy và tính nguy hiểm cháy thấp hơn nhà công nghiệp.</p> <p>Mặt khác, tường ngăn cháy có ý nghĩa ngăn cháy lan quan trọng, và cần phải duy trì ngay cả khi phần nhà có cháy bị sập đổ. Màng nước ngăn cháy không đảm bảo được điều kiện này.</p> <p>Do đó, hiện nay chưa có cơ sở khoa học cho phép áp dụng màn nước ngăn cháy thay cho tường ngăn cháy.</p>



## II. TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CÁC Ý KIẾN CỦA PC 07 – CA HÀ NỘI

(kèm theo văn bản số: 523/UBND-NC ngày tháng năm 2023)

1. Một số nội dung, quy định trong Quy chuẩn cần chỉnh sửa do lỗi chính tả và viện dẫn chưa đúng theo các Tiêu chuẩn kỹ thuật

Điều, mục quy định trong Quy chuẩn	Nội dung của Điều, mục quy định cần điều chỉnh	Nội dung đề xuất điều chỉnh	Nội dung tiếp thu, giải thích	
Điều 1.3 Tài liệu viện dẫn	“TCVN 5738, Phòng cháy chữa cháy - <u>Hệ thống báo cháy</u> - Yêu cầu kỹ thuật”	“TCVN 5738, Phòng cháy chữa cháy - <u>Hệ thống báo cháy</u> - Yêu cầu kỹ thuật”	“TCVN 5738, Phòng cháy chữa cháy - <u>Hệ thống báo cháy tự động</u> - Yêu cầu kỹ thuật”	Xin tiếp thu ý kiến đề kiến nghị sửa đổi khi soát xét
	- “TCVN 9310-4, Phòng cháy chữa cháy - Từ vựng - Phần 4: <u>Phương tiện chữa cháy</u> ”	- “TCVN 9310-4, Phòng cháy chữa cháy - Từ vựng - Phần 4: <u>Phương tiện chữa cháy</u> ”	“TCVN 9310-4, Phòng cháy chữa cháy - Từ vựng - Phần 4: <u>Thiết bị chữa cháy</u> ”	Xin tiếp thu ý kiến đề kiến nghị sửa đổi khi soát xét
	“TCVN 9311-1, Thử nghiệm chịu lửa - Các bộ phận kết cấu của tòa nhà - Phần 1: Yêu cầu chung”	“TCVN 9311-1, Thử nghiệm chịu lửa - Các bộ phận kết cấu của tòa nhà - Phần 1: Yêu cầu chung”	“TCVN 9311-1, Thử nghiệm chịu lửa - Các bộ phận công trình xây dựng - Phần 1: Yêu cầu chung”	Xin tiếp thu ý kiến đề kiến nghị sửa đổi khi soát xét
	“TCVN 9311-3, Thử nghiệm chịu lửa các bộ phận kết cấu toà nhà - Phần 3: Chỉ dẫn về phương pháp thử và áp dụng số liệu thử nghiệm”	“TCVN 9311-3, Thử nghiệm chịu lửa các bộ phận kết cấu toà nhà - Phần 3: Chỉ dẫn về phương pháp thử và áp dụng số liệu thử nghiệm”	TCVN 9311-3, Thử nghiệm chịu lửa - Các bộ phận công trình xây dựng - Phần 3: Chỉ dẫn về phương pháp thử và áp dụng số liệu thử nghiệm	Xin tiếp thu ý kiến đề kiến nghị sửa đổi khi soát xét
	“TCVN 9311-4, Thử nghiệm chịu lửa các bộ phận kết cấu toà nhà - Phần 4: Các yêu cầu riêng đối với bộ phận ngăn cách đứng chịu tải”	“TCVN 9311-4, Thử nghiệm chịu lửa các bộ phận kết cấu toà nhà - Phần 4: Các yêu cầu riêng đối với bộ phận ngăn cách đứng chịu tải”	“TCVN 9311-4, Thử nghiệm chịu lửa - Các bộ phận công trình xây dựng - Phần 4: Các yêu cầu riêng đối với bộ phận ngăn cách đứng chịu tải”	Xin tiếp thu ý kiến đề kiến nghị sửa đổi khi soát xét
“TCVN 9311-5, Thử nghiệm chịu lửa các bộ phận kết cấu toà nhà - Phần 5: Các yêu cầu riêng đối với bộ phận ngăn cách nằm ngang chịu tải”	“TCVN 9311-5, Thử nghiệm chịu lửa các bộ phận kết cấu toà nhà - Phần 5: Các yêu cầu riêng đối với bộ phận ngăn cách nằm ngang chịu tải”	“TCVN 9311-5, Thử nghiệm chịu lửa - Các bộ phận công trình xây dựng - Phần 5: Các yêu cầu riêng đối với bộ phận ngăn cách nằm ngang chịu tải”	Xin tiếp thu ý kiến đề kiến nghị sửa đổi khi soát xét	

	“TCVN 9311-6, Thử nghiệm chịu lửa <u>các bộ phận kết cấu toà nhà</u> - Phần 6: Các yêu cầu riêng đối với dầm”	“TCVN 9311-6, Thử nghiệm chịu lửa - <u>Các bộ phận công trình xây dựng</u> - Phần 6: Các yêu cầu riêng đối với dầm”	Xin tiếp thu ý kiến đề kiến nghị sửa đổi khi soát xét
	“TCVN 9311-7, Thử nghiệm chịu lửa <u>các bộ phận kết cấu toà nhà</u> - Phần 7: Các yêu cầu riêng đối với cột”	“TCVN 9311-7, Thử nghiệm chịu lửa - <u>Các bộ phận công trình xây dựng</u> - Phần 7: Các yêu cầu riêng đối với cột”	Xin tiếp thu ý kiến đề kiến nghị sửa đổi khi soát xét
	“TCVN 9311-8, Thử nghiệm chịu lửa <u>các bộ phận kết cấu toà nhà</u> - Phần 8: Các yêu cầu riêng đối với bộ phận ngăn cách đứng không chịu tải”	“TCVN 9311-8, Thử nghiệm chịu lửa - <u>Các bộ phận công trình xây dựng</u> - Phần 8: Các yêu cầu riêng đối với bộ phận ngăn cách đứng không chịu tải”	Xin tiếp thu ý kiến đề kiến nghị sửa đổi khi soát xét
Phân thích Điều 3.4.13	“Buồng thang bộ NI có thể được thay thế như đã nêu tại 2.5.1c)...” → Mục 2.5.1c không có trong Quy chuẩn.	“Buồng thang bộ NI có thể được thay thế như thế như đã nêu tại 2.4.3.3)...”	Xin tiếp thu ý kiến đề kiến nghị sửa đổi khi soát xét
Chú thích <sup>2)</sup> tại Bảng 11	“nhà dướng”	“nhà dướng lão”	Xin tiếp thu ý kiến đề kiến nghị sửa đổi khi soát xét
Tại A.1.3.6	“ <u>hàng nguy hiểm cháy là S0 và S1</u> ”	“ <u>cấp nguy hiểm cháy là S0 và S1</u> ”	Xin tiếp thu ý kiến đề kiến nghị sửa đổi khi soát xét
Tại A.2.27.8	“ <u>hạng chờ cấp nước D 65</u> ”	“ <u>hạng chờ cấp nước DN 65</u> ”	Xin tiếp thu ý kiến đề kiến nghị sửa đổi khi soát xét
Tại Chú thích 3, D.2	“ <u>cho mỗi m chiều dài tường ngoài</u> ”	“ <u>cho mỗi mét chiều dài tường ngoài</u> ”	Xin tiếp thu ý kiến đề kiến nghị sửa đổi khi soát xét
Tại H.2.8.2	“ <u>vách ngăn cháy loại I</u> ”	“ <u>vách ngăn cháy loại I</u> ”	Xin tiếp thu ý kiến đề kiến nghị sửa đổi khi soát xét

Tại H.4.1	“xác định theo <u>A.2.1, Phụ lục A</u> ” → Viện dẫn đến <u>A.2.1</u> là không phù hợp.	“xác định theo <u>A.1.2.1, Phụ lục A</u> ”	Xin tiếp thu ý kiến để kiến nghị sửa đổi khi soát xét
-----------	---	--	---

**2. Một số nội dung, quy định trong Quy chuẩn chưa đảm bảo thống nhất, có nhiều cách hiểu cần được hướng dẫn, làm rõ**

(kèm theo văn bản số: /UBND-NC ngày tháng năm 2023)

Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu, giải thích
<p><b>1.</b> Tại Mục a, Điều 1.1.2 quy định phạm vi áp dụng đối với: “<i>nhà ở riêng lẻ kết hợp sản xuất, kinh doanh với diện tích sàn dành cho mục đích sản xuất, kinh doanh chiếm trên 30% tổng diện tích sàn</i>”. Nếu Nhà riêng lẻ “kết hợp” sản xuất, kinh doanh có: phần diện tích sản xuất kinh doanh trên 30% thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 06:2022; trường hợp phần diện tích sản xuất kinh doanh từ dưới 30% sẽ là nhà hỗn hợp (theo quy định tại Điều 1.4.41) cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 06:2022 thì như vậy nhà ở riêng lẻ ở mọi quy mô nếu kết hợp sản xuất kinh doanh là phải áp dụng QCVN 06:2022 có đúng không?</p> <p>Tại mục chú thích tại Điều 1.1.2 quy định “Phân loại công trình theo quy định pháp luật liên quan”, vậy cần làm rõ phân loại công trình theo quy định của pháp luật quy định cụ thể quy định tại văn bản nào?</p>	<p>Không.</p> <p>Nhà ở riêng lẻ kết hợp sản xuất kinh doanh nếu diện tích dành cho các công năng sản xuất kinh doanh nhỏ hơn 30 % thì xếp vào nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F1.4, việc áp dụng hay không áp dụng QCVN 06:2022/BXD tùy thuộc quy mô của nhà. Nếu diện tích dành cho sản xuất kinh doanh &gt; 30 % thì được xếp vào nhà hỗn hợp và phải áp dụng QCVN 06:2022/BXD.</p>
<p><b>2.</b> Tại chú thích của Điều 1.1.3 quy định: “<i>Đối với nhà có tầng hầm 4, 5 bố trí để xe thì ngoài việc áp dụng quy chuẩn này phải áp dụng bổ sung quy chuẩn liên quan đến gara ngầm</i>”, như vậy tầng hầm 1, 2, 3 bố trí để xe thì có áp dụng bổ sung quy chuẩn liên quan đến gara ngầm không? Đưa chú thích này thừa và làm phức tạp, dẫn đến nhầm lẫn trong việc áp</p>	<p>Nghị định 06/2021/NĐ-CP, ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ, quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.</p> <p>Nhất trí tiếp thu để nghiên cứu chỉnh sửa</p>

<p>dụng vì Điều 1.1.7 đã quy định áp dụng bổ sung tiêu chuẩn ngành có liên quan.</p>	
<p><b>3. Cần làm rõ các nội dung quy định tại Điều 1.1.10:</b></p> <p>- Luận chứng kỹ thuật chỉ cần gửi Bộ Xây dựng để có ý kiến hay cần gửi Cục Cảnh sát PCCC&amp;CNCH để thẩm duyệt luận chứng như trước đây không?</p>	<p>Gửi Bộ Xây dựng để xem xét nhất trí hướng giải pháp luận chứng, sau đó gửi thiết kế đến cơ quan cảnh sát PCCC có thẩm quyền theo phân cấp để thẩm duyệt như bình thường</p>
<p>- Cần làm rõ Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH có thẩm quyền là cơ quan nào? Phòng Cảnh sát PCCC&amp;CNCH - Công an các đại phương thẩm duyệt có được không? Thẩm duyệt là thẩm luận chứng hay thẩm công trình sau khi đã được Bộ xây dựng đồng ý thống nhất luận chứng?</p>	<p>“Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH có thẩm quyền” là cơ quan theo phân cấp quản lý do Bộ Công an quy định. Thẩm duyệt thiết kế chi tiết trên cơ sở luận chứng đã có ý kiến của Bộ Xây dựng</p>
<p><b>4. Cần làm rõ nội dung quy định tại Điều 1.4.9:</b></p> <p>- “<i>khoảng cách lớn nhất</i>” là khoảng cách đến đâu đối với trường hợp mặt ngoài có nhiều ô cửa sổ ở độ cao khác nhau và đối với trường hợp nhà có 2 cốt đường xe chạy thì chiều cao PCCC xác định như thế nào?</p>	<p>Nguyên tắc chung thường áp dụng trong đảm bảo an toàn cháy khi có những tình huống dẫn đến nhiều lựa chọn khác nhau đó là cần chọn tình huống đòi hỏi an toàn cháy cao hơn để đáp ứng. Trừ khi có những điều kiện ràng buộc khác để tình huống đó không xảy ra trong thực tế.</p> <p>Đối với nhà có nhiều cao độ của mép dưới cửa sổ thì nên chọn cửa sổ ở vị trí có mép dưới cao nhất để xác định chiều cao PCCC.</p> <p>Đối với trường hợp nhà có 2 cốt đường xe chạy thì nên chọn chiều cao PCCC ở phía có chiều cao PCCC lớn hơn.</p>
<p>- Đối với cụm từ “<i>mép dưới cửa lỗ cửa (cửa sổ) mở trên tường ngoài của tầng trên cùng</i>” cần làm rõ vị trí ô cửa sổ làm trên tường ngoài phía xe chữa cháy đổ hay tường ngoài ở phía khác cũng được tính? Trường hợp</p>	<p>Xét tường ngoài ở phía có đường cho xe chữa cháy; Trường hợp có 2 cốt đường đã giải thích ở trên</p>

<p>nhà nằm tại vị trí mà có 2 cốt đường xe tiếp cận được thì áp dụng như thế nào (ví dụ nhà nằm trên đường đê...).</p>	
<p>- Đối với cụm từ “<i>Khi có ban công (lô gia) hoặc kết cấu bao che (lan can) cửa sổ</i>” cần làm rõ đối với trường hợp mặt tường ngoài có 1 ô cửa sổ không có lan can, lôgia; các ô cửa sổ khác có lan can hoặc lôgia thì có được phép tính đến mép dưới ô cửa sổ không?</p>	<p>Sẽ tính đến mốc cho giá trị chiều cao đòi hỏi mức độ an toàn cao hơn (có thể là mép trên của lan can ban công, logia hoặc mép dưới cửa sổ)</p>
<p><b>5.</b> Cần làm rõ nội dung quy định tại Điều 1.4.11:</p> <p>- Đối với cụm từ “<i>đậy các lỗ mở trên tường ngoài</i>” cần làm rõ tại sao lại là “<i>đậy lỗ mở</i>”, và nguyên tắc thoát khói thì phải “<i>mở</i>” các cửa này thì mới thoát được khói.</p>	<p>“đậy các lỗ mở trên tường ngoài” là nói đến chức năng của các “cửa nắp” được lắp đặt ở các lỗ mở trong điều kiện nhà hoạt động bình thường, không có cháy. Khi có cháy các cửa đó được “điều khiển tự động, từ xa” để đảm bảo thoát khói.</p>
<p>- Đối với “<i>hệ thống hút xả khói tự nhiên</i>” có phải là giải pháp thoát khói tự nhiên không?</p>	<p>“Giải pháp thoát khói tự nhiên” chỉ là một trong số các cách thức bảo vệ chống khói của hệ thống hút xả khói theo cơ chế tự nhiên. Hệ thống hút xả khói theo cơ chế tự nhiên có thể được kết hợp bởi nhiều thành phần khác nhau.</p>
<p><b>6.</b> Cần làm rõ nội dung quy định tại Điều 1.4.31: “<i>vách ngăn cháy</i>” thay bằng tường ngăn cháy có được không vì tường ngăn cháy có các thông số an toàn hơn vách ngăn cháy.</p>	<p>Có thể thay thế được</p>
<p><b>7.</b> Cần làm rõ nội dung quy định tại Điều 1.4.47: “<i>các tường có giới hạn chịu lửa không thấp hơn 60 phút, đồng thời các lối đi qua tường được bảo vệ bằng cửa ngăn cháy loại 2 có lắp cơ cấu tự động</i>”, nội dung trên quy định cho phần khói tích được trừ đi hay cho khói tích của nhà?</p>	<p>Quy định cho phần khói tích được trừ đi</p>
<p>- Nếu quy định cho phần khói tích được trừ đi thì hợp lý và đúng logic về câu.</p>	
<p>- Nếu quy định cho phần khói tích nhà thì cần làm rõ:</p>	

<p>+ Tại sao lại phải quy định là tường phải có giới hạn chịu lửa? Trường hợp nhà làm bằng kính, nhà công nghiệp khung thép hoặc gara hở thì sao?</p> <p>+ “<i>đồng thời các lối đi qua tường được bảo vệ bằng cửa ngăn cháy loại 2 có lắp cơ cấu tự đóng</i>”, tại sao lại quy định phải là có cửa ngăn cháy loại 2, có thể sử dụng cửa ngăn cháy loại 1 không? vì lối ra bình thường của nhà không bắt buộc phải là cửa chống cháy, hay quy định tính khối tích như trên chỉ quy định cho nhà và khoang cháy mà bắt buộc tường phải là ngăn cháy loại 2?</p>	<p>Quy định tường phải có giới hạn chịu lửa là để đảm bảo ngăn chia thành các phân khoang cháy. Nếu các bộ phận ngăn cách khác có giới hạn chịu lửa tương đương đều có thể chấp nhận được.</p> <p>Sử dụng cửa ngăn cháy có khả năng chịu lửa cao hơn đều được, chỉ không được thấp hơn loại 2.</p>
<p><b>8.</b> Cần làm rõ nội dung quy định tại Điều 1.4.50: “<i>mái tum không vượt quá 30 % diện tích sàn mái</i>” diện tích này là diện tích của phần mái bao che tum hay diện tích của tầng tum?</p>	<p>Diện tích của phần mái tum.</p>
<p><b>9.</b> Cần làm rõ nội dung quy định tại Điều 1.4.63: “<i>được điều khiển</i>” là quy định cho thoát khói cơ khí hay cho cả thông gió tự nhiên?</p>	<p>Bao gồm cả theo cơ chế tự nhiên và cưỡng bức (cơ khí)</p>
<p><b>10.</b> Đối với nội dung quy định tại Điều 2.4.2.1: “<i>cầu thang bên ngoài nhà, để hở</i>” cần làm rõ hơn yêu cầu kỹ thuật về tính “<i>bên ngoài nhà</i>” của cầu thang loại 3 (vị trí nằm ở đâu thì tính là bên ngoài nhà, ở hai bên đầu hồi hay ở vị trí bất kỳ?); “<i>để hở</i>” là “<i>không đặt trong buồng thang</i>” như vậy thang loại 3 chỉ cần phân vào thang để hở là được có đúng không?</p>	<p>Ngoài nhà tức là nằm ở vị trí bất kỳ và ở phía ngoài của tường bao quanh mặt bằng nhà. “<i>để hở</i>” tức là cầu thang không được bao bọc bởi các tường buồng thang.</p>
<p><b>11.</b> Tại Điều 2.4.3.3 quy định: “<i>N3 - buồng thang bộ có lối vào buồng thang bộ từ mỗi tầng qua khoang đệm ngăn cháy luôn có áp suất không khí dương (áp suất không khí dương trong khoang đệm ngăn cháy là thường xuyên hoặc khi có cháy)</i>” cần làm rõ nội dung “<i>lối vào</i>” phải có</p>	<p>Nếu buồng thang bộ không nhiễm khói loại N3 chỉ có 1 lối ra ở tầng 1, từ đó thoát ra bên ngoài nhà thì lối ra đó không cần có khoang đệm, nhưng nếu từ buồng thang có 2 lối ra và lối ra đi vào không gian phía trong nhà (có thể là đi vào sảnh chung) không dùng cho thoát nạn mà</p>

<p>khoang đệm, còn ở tầng 1 thì là người “đi ra” thì có cần khoang đệm không?</p>	<p>phải thoát qua lối ra còn lại để ra ngoài thì lối ra này không cần có khoang đệm ngăn cháy.</p>
<p><b>12.</b> Tại Điều 2.4.3.3 quy định: “<i>Khi giới hạn chịu lửa tối thiểu của cấu kiện được yêu cầu là R15 (REI15, REI15) thì cho phép sử dụng kết cấu thép không bọc bảo vệ nếu giới hạn chịu lửa của chúng theo kết quả thử nghiệm hoặc theo tính toán từ R8 trở lên, hoặc hệ số tiết diện <math>A_m/V \leq 250 m^{-1}</math></i>”, nội dung trên quy định khó hiểu và đơn vị nào có đủ năng lực để “<i>thử nghiệm</i>”? Tiêu chuẩn tương đương với “<i>ISO 834-10</i>” để xác định hệ số tiết diện <math>A_m/V</math> là tiêu chuẩn nào?</p>	<p>Đơn vị có đủ năng lực thử nghiệm là đơn vị có mã số phòng thử nghiệm được cấp bởi các cơ quan quản lý theo quy định của pháp luật. Tiêu chuẩn tương đương với ISO 834-10 sẽ do đơn vị thử nghiệm xác định, có thể liệt kê một số tiêu chuẩn cơ bản sau: BS EN 13381; BS 476 Part 24;</p>
<p><b>13.</b> Cần làm rõ nội dung quy định tại Điều 3.1.1:</p> <p>- “<i>di chuyển có tổ chức</i>”, tại sao lại phải “<i>có tổ chức</i>”? Việc sử dụng từ này gần như là phải có sự tập luyện, sự điều hành nào đó để thoát nạn.</p>	<p>Có tổ chức tức là việc thoát nạn phải được xem xét chuẩn bị trước cả về điều kiện hạ tầng lẫn hoạt động của các hệ thống kỹ thuật để bảo vệ an toàn cho người trong quá trình thoát nạn, thậm chí trong nhiều trường hợp là cả trình tự hoạt động thoát nạn của các khu vực khác nhau trong nhà. Ngoài ra, đối với các nhà có chiều cao lớn cũng có bao gồm cả việc diễn tập phương án thoát nạn.</p>
<p>- “<i>thoát nạn được thực hiện theo đường thoát nạn</i>”, vậy thoát ra ngoài an toàn bằng đường khác có tính là thoát nạn hay không?</p>	<p>Nhà phải được thiết kế để khi có cháy, phải đảm bảo thoát hết người trong nhà qua các đường thoát nạn được bố trí trước và có các giải pháp bảo vệ trước. Những đường khác không được bố trí là đường thoát nạn thì về nguyên tắc là không thoát qua đó và đó chỉ được coi là các giải pháp phụ có thể sử dụng nếu thoát được ra ngoài an toàn.</p>
<p><b>14.</b> Đối với nội dung quy định tại Điều 3.1.7 cần làm rõ:</p>	

<p>- “Trong nhà có từ 2 đến 3 tầng hầm” như vậy có thể hiểu rằng các công năng như quy định ở điều này không được xin chấp thuận nếu nhà có từ 4 tầng hầm trở lên có đúng không?</p>	<p>Nhà có từ 4 tầng hầm trở lên không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn do vậy đương nhiên sẽ phải có luận chứng riêng.</p>
<p>- “Đối với bệnh viện và trường phổ thông, chỉ cho phép bố trí các công năng chính từ tầng bán hầm hoặc tầng hầm 1 (trong trường hợp không có tầng bán hầm) trở lên. Tầng hầm 1 là tầng hầm trên cùng hoặc ngay sát tầng bán hầm”, vậy “các công năng chính” cụ thể là các công năng nào đối với từng loại nhà?</p>	<p>Các công năng chính của 1 công trình cụ thể sẽ được quy định tại những tiêu chuẩn thiết kế liên quan đến đối tượng công trình đó, ví dụ tiêu chuẩn thiết kế bệnh viện đa khoa, tiêu chuẩn thiết kế trường phổ thông, tiêu chuẩn thiết kế trường tiểu học.</p>
<p>+ Trường phổ thông: công năng chính là phòng học? Các công năng khác như: thư viện, phòng phục vụ cho giao vận (hợp, nghỉ, làm việc...), gara ô tô, xe máy..., sân chơi, phòng bán trú (ngủ, nghỉ của học sinh),... thì sao?</p>	<p>Trường phổ thông, công năng chính có thể gồm các phòng học, phòng thư viện, phòng thí nghiệm, nếu trường bán trú thì bao gồm cả phòng ngủ của học sinh.</p>
<p>+ Bệnh viện: công năng chính là các phòng khám chữa bệnh? Các công năng khác như: căng tin, gara (ô tô, xe máy,...), phòng nghỉ, họp, hội trường của bệnh viện, ... thì sao?</p>	<p>Bệnh viện: các phòng khám và điều trị bệnh.</p>
<p>- “ít nhất phải có 1 lối vào buồng thang bộ thoát nạn đi qua sảnh ngăn khói được ngăn cách với các không gian xung quanh bằng tường ngăn cháy loại 2” yêu cầu này cao hơn yêu cầu kỹ thuật cho khoang đệm ngăn cháy quy định tại Bảng 3, đồng thời nếu có thang máy trong sảnh thì cửa giằng thang máy phải là loại 2 (E30), điều này phát sinh việc phải kiểm định, gây khó cho chủ đầu tư, nếu sảnh này đáp ứng yêu cầu của khoang đệm ngăn cháy thì nên không quy định loại cửa giằng thang máy (không cần giới hạn chịu lửa); “sảnh ngăn khói” có phải tăng áp hay không?</p>	<p>Để đảm bảo an toàn thì nguyên tắc chung là lối ra từ buồng thang bộ thoát nạn phải thoát ra ngoài trực tiếp. Trường hợp cho phép thoát qua sảnh rồi mới thoát ra ngoài thì sảnh đó phải đảm bảo không bị nhiễm khói từ các khu vực phòng sử dụng xung quanh do vậy phải được ngăn cách. Khoang đệm ngăn khói chỉ có tác dụng bảo vệ chống nhiễm khói cho buồng thang hoặc không gian khác phía sau của sảnh chứ không bảo vệ được ở phía ngoài của khoang đệm. “Sảnh ngăn khói” chỉ cần đảm bảo ngăn chặn được khói nhiễm vào không gian sảnh, qua đó nhiễm vào buồng thang bộ thoát nạn hoặc không gian phía sau nó. Có</p>



	<p>nhiều giải pháp đảm bảo chống nhiễm khói khác nhau, không nhất thiết cứ phải áp dụng tăng áp.</p>
<p><b>15.</b> Tại mục c, Điều 3.2.1 quy định: “<i>Dẫn vào gian phòng liên kề (trừ gian phòng nhóm F5 hạng A hoặc B) trên cùng tầng mà từ gian phòng này có các lối ra như được nêu tại 3.2.1 a, b). Lối ra dẫn vào gian phòng hạng A hoặc B được phép coi là lối ra thoát nạn nếu nó dẫn từ gian phòng kỹ thuật không có người làm việc thường xuyên mà chỉ dùng để phục vụ các gian phòng hạng A hoặc B nêu trên</i>” vậy “<i>dẫn vào phòng liên kề</i>” có nghĩa là các gian phòng có cửa mở trực tiếp vào gian phòng mà từ gian phòng này đảm bảo yêu cầu về lối ra thoát nạn có đúng không? Không phải trường hợp hai phòng cạnh nhau nhưng phải đi vào hành lang mới sang được phòng liên kề nó?</p>	<p>Đúng, phải dẫn trực tiếp vào gian phòng liên kề. Nếu có đi qua 1 đoạn hành lang thì đoạn hành lang đó chỉ được sử dụng riêng cho việc liên thông giữa 2 gian phòng đang xét và phải đảm bảo không có nguy cơ mất an toàn cháy trong không gian của hành lang (không có chất cháy, không có nguy cơ bị nhiễm khói từ khu vực khác,...).</p>
<p><b>16.</b> Cần làm rõ nội dung quy định tại điểm d, Điều 3.2.2: “<i>Cửa mở quay có bản lề trên cửa ra vào dành cho phương tiện vận tải đường sắt hoặc đường bộ</i>”, minh họa đối với nội dung trên là gì?</p>	<p>Là các cánh cửa lắp trên lỗ cửa phụ, lỗ cửa nhỏ hơn lắp đặt trong diện tích của một cánh cửa lớn. Lỗ cửa phụ (cửa nhỏ) này dùng cho người qua lại khi mà cánh cửa lớn (dùng cho phương tiện vận tải) không mở ra.</p>
<p><b>17.</b> Tại mục b, Điều 3.2.5 quy định: “<i>riêng gian phòng trong tầng hầm, nửa hầm có từ 6 ÷ 15 người có mặt đồng thời thì cho phép 1 trong 2 lối ra là lối ra khẩn cấp theo các yêu cầu tại đoạn d) của 3.2.13</i>” nội dung này khá khó hiểu. Đối với gian phòng trong tầm hầm, nửa hầm có từ 15 người trở xuống không bắt buộc phải có 2 lối ra thoát nạn, do đó quy định như trên là không cần thiết. Nội dung trên quy định đối với các gian phòng tại tầng hầm, nửa hầm có từ 6 ÷ 15 người có mặt đồng thời vậy dưới thì sao?</p>	<p>Các gian phòng ở tầng hầm có mặt trên 15 người thì phải có 2 lối ra thoát nạn; Nếu số người từ 6 đến 15 thì không yêu cầu 2 lối ra thoát nạn mà chỉ yêu cầu có 1 lối ra thoát nạn và 1 lối ra khẩn cấp. Dưới 6 người mới cho phép có 1 lối ra thoát nạn.</p>
<p><b>18.</b> Cần làm rõ nội dung quy định tại Điều 3.2.6.2:</p>	
<p>* Tại mục a:</p>	

<p>- “Đối với nhà trên 3 tầng hoặc có chiều cao PCCC lớn hơn 9 m: có trang bị cửa đi ngăn cháy loại 2 trên lối ra thoát nạn từ mỗi tầng đi vào buồng thang bộ thoát nạn” có thể hiểu cụm từ “có trang bị cửa đi ngăn cháy loại 2 trên lối ra thoát nạn từ mỗi tầng đi vào buồng thang bộ thoát nạn” có nghĩa là phải lắp cửa ngăn cháy loại 2 vào buồng thang hay cửa của tất cả các phòng mở vào lối ra thoát nạn đều phải loại 2 (cửa phòng, cửa thang)?</p>	<p>Cần xác định rõ phạm vi của buồng thang bộ thoát nạn trong từng tình huống cụ thể (cần lưu ý thêm là buồng thang bộ thoát nạn phải đáp ứng các quy định tại 3.4). Các cửa trên lối ra thoát nạn dẫn vào buồng thang bộ thoát nạn sẽ phải là cửa ngăn cháy không kém hơn loại 2.</p>
<p>- “Nhà có tối thiểu một lối ra thoát nạn trực tiếp ra ngoài hoặc ra cầu thang bộ loại 3”, Điều 3.2.6 đang quy định về việc "cho phép nhà có 1 lối ra thoát nạn", khi đã có 1 lối ra thoát nạn trực tiếp hoặc cầu thang bộ loại 3 là đủ yêu cầu của 1 lối ra thoát nạn rồi, tại sao còn phải bố trí cầu thang loại 2? Điều này sẽ hợp lý cho việc quy định là "khi có 1 lối ra thoát nạn trực tiếp hoặc cầu thang bộ loại 3" thì cho phép bố trí cầu thang bộ loại 2 trong nhà (có nghĩa là không cần giải pháp ngăn cháy).</p>	<p>Điều này chỉ áp dụng cho nhà biệt thự, villa nghỉ dưỡng. Ý nghĩa của quy định này là cho phép bố trí cầu thang bộ loại 2 nối thông 3 tầng nhà nếu có 1 lối ra thoát nạn đi ra cầu thang bộ loại 3.</p>
<p>- “Trường hợp phải xuống 2 tầng mới thoát được ra ngoài thì mỗi phòng có thể sử dụng để ngủ phải có không ít hơn một cửa sổ đặt ở cao độ không quá 1 m so với sàn và có lối thoát trực tiếp vào hành lang hoặc phòng chung có cửa ra ban công”, trường hợp phòng ngủ không có cửa sổ như yêu cầu trên nhưng có ban công đạt yêu cầu thì có được không?</p>	<p>Được</p>
<p>* Tại mục b: - “Nếu tầng kỹ thuật hoặc khu vực kỹ thuật nằm dưới hầm thì lối ra thoát nạn phải riêng biệt với các lối ra khác của nhà và thoát thẳng ra ngoài”, cần làm rõ điều này ở một số vấn đề sau:</p>	

<p>+ Điều này đang quy định cho việc được phép bố trí một thang thoát nạn, nếu viết như thế này thì giống như đang quy định điều kiện cho thoát nạn đối với tầng kỹ thuật hoặc khu vực kỹ thuật.</p>	<p>Nhất trí tiếp thu để nghiên cứu điển đạt ranh mạch hơn</p>
<p>+ Trường hợp tầng hầm là tầng kỹ thuật thì cần hiểu như thế nào? Đang quy định cho tầng hầm kỹ thuật <math>\leq 300m^2</math> thì từ tầng này phải có thang thoát nạn độc lập với các thang thoát nạn khác của nhà hay là tầng hầm kỹ thuật với mọi diện tích thì tất cả các thang thoát nạn từ tầng này phải độc lập với thang thoát nạn khác của nhà?</p>	<p>Theo cách điển đạt hiện nay thì tầng kỹ thuật hoặc khu vực kỹ thuật nằm ở tầng hầm thì phải có lối ra thoát nạn riêng biệt với các lối ra khác của nhà mà không phụ thuộc diện tích. Riêng tầng kỹ thuật hoặc khu vực kỹ thuật nằm ở tầng hầm mà có diện tích không quá 300 <math>m^2</math> thì cho phép chỉ cần có 1 lối ra thoát nạn.</p>
<p>- “<i>riêng biệt</i>” là như thế nào? Phải hoàn toàn độc lập (không chung tường buồng thang) hay là chung tường buồng thang nhưng được ngăn bằng tường hoặc vách ngăn cháy là được.</p>	<p>Thuật ngữ đã được giải thích tại 1.4.35</p>
<p>- “<i>khu vực kỹ thuật nằm ở tầng hầm</i>” có nghĩa là ở tầng hầm có phòng kỹ thuật, khi đó nếu phòng đó <math>\leq 300m^2</math> thì phòng đó phải có một lối thoát nạn thẳng ra ngoài và độc lập với thang thoát nạn khác của nhà có phải không? Nếu như thế sẽ mâu thuẫn ở chỗ: (1) Đối với diện tích lớn hơn 300<math>m^2</math> thì không quy định; (2) Tầng hầm đảm bảo lối ra thoát nạn thì phòng kỹ thuật chỉ cần có cửa thoát ra tầng hầm rồi vào thang thoát nạn.</p>	<p>Tầng kỹ thuật/khu vực kỹ thuật nằm ở tầng hầm từ 300 <math>m^2</math> đến dưới 2 300 <math>m^2</math> phải có không ít hơn 2 lối ra thoát nạn riêng biệt. Cứ mỗi diện tích nhỏ hơn hoặc bằng 2 000 <math>m^2</math> phải có thêm không ít hơn 1 lối ra thoát nạn bổ sung.</p>
<p>- “<i>thẳng ra ngoài</i>” có giống “<i>trực tiếp ra ngoài</i>” như quy định tại một số điều (1.4.16, 3.2.2...) hay không?</p>	<p>Thẳng ra ngoài cũng có nghĩa là trực tiếp ra ngoài.</p>
<p>* Tại mục c:</p>	
<p>- “<i>Khi cao độ của tầng trên cùng không quá 28 m - lối ra thoát nạn từ tầng đang xét vào buồng thang bộ thông thường, với điều kiện mỗi căn hộ được trang bị đầu báo cháy địa chỉ</i>” được hiểu “<i>cao độ</i>” là “<i>sàn</i>” của tầng trên cùng có đúng không hay là chiều cao PCCC?; “<i>từ tầng đang</i></p>	<p>“Cao độ của tầng trên cùng” không phải là cao độ của “sàn” của tầng trên cùng mà đó chính là chiều cao PCCC của nhà.  “Tầng đang xét” là một tầng bất kỳ thuộc nhà nhóm F.13 có tổng diện tích các căn hộ lớn hơn 500 <math>m^2</math> nhưng</p>

<p><i>xét</i>” là tầng nào? (tầng trên cùng hay bất kỳ tầng nào) về logic đọc thì ý trước đang nói về “tầng trên cùng” thì “tầng đang xét” ở ý sau phải hiểu cũng là “tầng trên cùng”, nhưng về bản chất thoát nạn thì “tầng đang xét” được hiểu là “tầng bất kỳ” thì đúng hơn.</p>	<p>không quá 550 m<sup>2</sup> và đang được xem xét để cho phép có 1 lối ra thoát nạn. Nếu tầng đó không thỏa mãn các điều khoản đề ra thì phải có không ít hơn 2 lối ra thoát nạn.</p>
<p>- “Khi cao độ của tầng trên cùng lớn hơn 28 m - lối ra thoát nạn từ tầng đang xét vào một buồng thang bộ không nhiễm khói N1 với điều kiện tất cả các phòng trong căn hộ (trừ khu vệ sinh, phòng tắm và khu phụ) được trang bị đầu báo cháy địa chỉ hoặc thiết bị chữa cháy tự động” cần làm rõ:</p>	
<p>+ “lắp đặt đầu báo cháy địa chỉ đến từng phòng trong căn hộ” để làm gì? có liên hệ gì giữa địa chỉ báo cháy với việc cho phép 1 thang thoát nạn.</p>	<p>Đây có thể coi là giải pháp bổ sung, thay thế đã được chuẩn hóa để cho phép tầng nhà nhóm F1.3 có diện tích lớn hơn 500 m<sup>2</sup> nhưng không quá 550 m<sup>2</sup> có 1 lối ra thoát nạn. Có thể thấy việc xác định rõ vị trí của đám cháy sẽ cho phép xử lý đám cháy được nhanh hơn và tổ chức công tác thoát nạn được hiệu quả hơn.</p>
<p>+ “thiết bị chữa cháy tự động” được hiểu là có thiết bị chữa cháy tự động đến từng phòng trong căn hộ hay chỉ cần trong căn hộ là được (vì theo quy định tại TCVN:3890 thì nhóm F1.3 dưới 75m cao thì chỉ cần ở cửa căn hộ); “bình bột, khí tự động kích hoạt loại treo” cũng là thiết bị chữa cháy tự động, vậy có được lắp thay cho đầu phun sprinkler không?</p>	<p>“Thiết bị chữa cháy tự động” được giải thích tại TCVN 3890 và bố trí ở “tất cả các phòng” trong căn hộ trừ khu vệ sinh, phòng tắm và khu phụ.</p>
<p>- “cho phép thay buồng thang bộ loại N1 bằng buồng thang bộ loại N2, khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau: 1) Lối vào buồng thang bộ từ tất cả các tầng, bao gồm cả lối thông giữa buồng thang bộ và tiền sảnh, phải có khoang đệm ngăn cháy với áp suất dương khi có cháy” có thể hiểu là tầng áp 2 lớp (N2 thì đã phải tầng áp buồng thang và khoang đệm ngăn cháy có áp suất dương). Tuy nhiên cần làm rõ 2 hệ thống tầng áp</p>	<p>Hệ thống tầng áp cho buồng thang và cho khoang đệm là độc lập nhau (theo quy định tại 2.4.3.3).</p>

này có cần độc lập không? (có thể chung trục gió, quạt, chi khác vị trí đặt miệng xả khí).	
- “ <i>được dành cho việc vận chuyển lực lượng chữa cháy</i> ” có phải là thang máy chữa cháy không? hay là chi cần có nội quy quy định đây là thang máy dành cho lực lượng chữa cháy?	Là thang máy chữa cháy
- “ <i>Tất cả các phòng trong căn hộ (trừ khu vệ sinh, phòng tắm và khu phụ) được trang bị báo cháy địa chỉ hoặc hệ thống chữa cháy tự động</i> ” vậy “ <i>hệ thống chữa cháy tự động</i> ” này có giống “ <i>thiết bị chữa cháy tự động</i> ” quy định tại nội dung trên hay không?	Là “ <i>thiết bị chữa cháy tự động</i> ”
* Tại mục d:	
- “ <i>Tầng đang xét có hành lang bên dẫn vào cầu thang hở loại 2 hoặc buồng thang bộ, các gian phòng nhóm F4.1 có cửa ra hành lang bên này</i> ” cần làm tại sao hành lang bên dẫn vào thang bộ loại 3 lại không được?	Không cấm việc thoát ra cầu thang bộ loại 3. Trường hợp này là cho phép đối với các nhà văn phòng có chiều cao PCCC không quá 9 m (lớn hơn 2 tầng) được sử dụng hành lang bên và cầu thang bộ loại 2 để thoát nạn, không bị hạn chế bởi quy định cầu thang bộ loại 2 chỉ cho phép nối không quá 2 tầng nhà.
<b>19.</b> Cần làm rõ các nội dung quy định tại Điều 3.2.8 quy định:	Tính đến lõi vào buồng thang (không phải lõi vào khoang đệm)
- “ <i>Khoảng cách giữa hai lõi ra thoát nạn được đo theo đường thẳng nối giữa hai cạnh gần nhất của chúng (xem Hình I.4 a), b), c))</i> ” các hình minh họa chỉ áp dụng cho buồng thang bộ N2, còn buồng thang bộ N3 và N1 thì tính từ đâu, có thể tính từ cửa khoang đệm có được không?	
- “ <i>Nếu nhà được bảo vệ toàn bộ bằng hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, thì khoảng cách này có thể giảm xuống còn 1/3 chiều dài đường chéo lớn nhất của mặt bằng các gian phòng trên (xem Hình I.4 d))</i> ”, điều này chỉ cho phép áp dụng với “ <i>gian phòng</i> ” hay với cả phân nhà và tầng	Áp dụng cho cả phân nhà và tầng nhà

<p>nhà? Vì trường hợp nhà không được bảo vệ toàn bộ bằng hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler quy định cho cả: "tầng, phần nhà, gian phòng.</p>	
<p><b>20.</b> Tại Điều 3.2.9 quy định: "<i>Cửa 2 cánh phải được lắp cơ cấu tự đóng sao cho các cánh được đóng lân lượt</i>" cần làm rõ:</p>	<p>Quy định này có áp dụng đối với cửa các gian phòng không? (vì viết như thế này thì hiểu cho cả các gian phòng và khi đó gian phòng lắp cửa 2 cánh thì phải có cơ cấu tự động đóng).</p>
<p>- "đóng lân lượt" là như thế nào? Tại sao cần phải đóng lân lượt?</p>	<p>Nếu cửa các gian phòng được lắp trên những lối ra không phải là lối ra thoát nạn thì không bắt buộc phải đảm bảo quy định này.</p>
<p>- Cần làm rõ các nội dung quy định tại Điều 3.2.11:</p>	<p>Lần lượt là cánh cửa ở vị trí nằm trong phải di chuyển đến vị trí cuối cùng trước sau đó mới đến cánh cửa ở vị trí nằm phía ngoài          Lý do: để đảm bảo để cạnh tiếp xúc giữa các cánh cửa nằm đúng vị trí theo thiết kế và dự kiến.</p>
<p>- "<i>cửa đặc</i>" là cửa như thế nào? (đồng chất, hay lớp giữa 2 mặt cửa là chất liệu khác có được không, ví dụ lớp ở giữa là bông thủy tinh...). Trường hợp cửa không đặc nhưng đạt giới hạn chịu lửa theo quy định thì có được không?</p>	<p>"Cửa đặc" là bề mặt tấm cánh cửa không có các lỗ thủng, khe hở đi xuyên qua chiều dày tấm cánh (ngoại trừ các chi tiết bắt buộc đi xuyên như ổ khóa, tay nắm).</p>
<p>- "<i>cửa với kính cường lực</i>" tức là cửa đặc làm bằng kính cường lực hay cửa có kính cường lực là được?</p>	<p>Có thể toàn bộ hoặc một phần là kính cường lực. Tuy nhiên cần lưu ý đảm bảo các quy định về giới hạn chịu lửa theo các điều khoản khác, ví dụ 2.3.3.3 (Bảng 1).</p>
<p>- Tại mục a quy định "<i>mở khi hệ thống báo cháy tự động của nhà bị kích hoạt</i>", vậy đối với trường hợp nhà không yêu cầu phải trang bị hệ thống báo cháy tự động thì sao?</p>	<p>Nếu không có hệ thống báo cháy tự động thì phải đảm bảo mở được từ bên trong mà không cần chia theo yêu cầu cơ bản tại 3.2.11</p>
<p><b>22.</b> Cụm từ "<i>ngăn cách với lối ra khác</i>" và "<i>trực tiếp ra ngoài</i>" có thể hiểu giống với cụm từ "<i>riêng biệt</i>" và "<i>thẳng ra ngoài</i>" tại Điều 3.2.6.2 hay không?</p>	<p>Tại điều này không có quy định "ngăn cách với lối ra khác".</p>

<p>Cụm từ “mở trực tiếp ra ngoài” là nói đến cửa lắp đặt trên lối ra từ buồng thang bộ đi ra ngoài nhà mà không phải qua hành lang hoặc không gian trong nhà khác.</p>	
<p><b>23.</b> Cần làm rõ nội dung quy định tại Điều 3.3.3: “<i>Đường đi qua các hành lang trong có lối ra từ giếng thang máy, qua các sảnh thang máy và các khoang đệm trước thang máy, nếu các kết cấu bao che giếng thang máy, bao gồm cả cửa giếng thang máy, không đáp ứng các yêu cầu như đối với bộ phận ngăn cháy</i>”:</p>	<p>- Trường hợp trước lối vào thang máy có sảnh, khoang đệm, thì cần làm rõ các trường hợp sau:</p> <p>+ Sảnh, khoang đệm không phải là ngăn cháy và không chung với thang thoát nạn: cửa thang máy vẫn phải là cửa ngăn cháy, tuy nhiên trường hợp này cửa thang máy không khác gì cửa của các gian phòng khác mở vào hành lang tầng và cửa các gian phòng này không phải là cửa ngăn cháy.</p> <p>+ Sảnh, khoang đệm không phải là ngăn cháy và chung với thang thoát nạn: cửa thang máy là cửa ngăn cháy.</p> <p>+ Sảnh, khoang đệm là ngăn cháy và không chung hoặc chung với thang thoát nạn: cửa thang máy là cửa ngăn cháy. Quy định này phù hợp với quy định sảnh, khoang đệm là ngăn cháy thì cửa trên đó phải là ngăn cháy, do đó cửa thang máy phải có thông số ngăn cháy tương đương với cửa đi trên khoang đó. Tuy nhiên điều này sẽ mâu thuẫn với quy định về thang máy chữa cháy, vì không quy định cửa thang máy chữa cháy là cửa ngăn cháy.</p>
<p>Khác ở chỗ cửa tầng của giếng thang máy ngăn cách không gian giếng thang là không gian liên thông giữa các tầng, còn cửa phòng chỉ là bộ phận ngăn cách một không gian hữu hạn trong phạm vi 1 tầng.</p>	
<p>Không có quy định riêng về cửa tầng của thang máy chữa cháy, song căn cứ quy định về giới hạn chịu lửa đối với kết cấu bao che giếng thang máy chữa cháy tại 6.13 (REI 120) và 2.3.3.3 (Bảng 1) thì cửa tầng thang máy cũng phải đảm bảo giới hạn chịu lửa tương ứng với bộ phận bao che mà nó được lắp đặt trên đó.</p>	

<p><b>24.</b> Điều 3.3.4 cần làm rõ cần làm rõ “<i>vật liệu trang trí tường</i>” là gì? có phân biệt với đồ vật trang trí không? Ví dụ: tranh treo tường, đồng hồ, bảng đèn led...</p>	<p>Vật liệu trang trí tường là vật liệu thuộc tường và gắn liền trên toàn bộ hoặc phần lớn bề mặt của tường, không phải là đồ vật trang trí.</p>
<p><b>25.</b> Cần làm rõ nội dung quy định tại Điều 3.3.5: - “<i>tường kính</i>” có phải đảm bảo giới hạn chịu lửa không?</p>	<p>Vấn phải đảm bảo giới hạn chịu lửa tương ứng với bậc chịu lửa của nhà.</p>
<p>- “<i>Cửa mở vào hành lang phải là cửa ngăn cháy có giới hạn chịu lửa không thấp hơn giới hạn chịu lửa của bộ phận ngăn cháy</i>” vậy hành lang, sảnh, phòng chung là là tường ngăn cháy, cửa mở vào đó là cửa ngăn cháy, vậy trong mọi trường hợp cửa tất cả các gian phòng mở vào hành lang là cửa ngăn cháy có đúng không? Cần làm rõ thông số của cửa cho từng trường hợp.</p>	<p>Lưu ý, điều này đang nói đến việc bảo vệ hành lang nêu tại 3.2.1, tức là các hành lang dùng cho thoát nạn. Nếu hành lang không dùng cho thoát nạn thì không yêu cầu. Yêu cầu về giới hạn chịu lửa của cửa lấy theo quy định tại 2.3.3.3 (Bảng 1 và Bảng 2).</p>
<p><b>26.</b> Cần làm rõ nội dung “<i>chỗ làm việc đơn lẻ</i>” quy định tại Điều 3.3.6 là chỗ làm việc như thế nào?</p>	<p>Là chỗ làm việc cho 1 người tại mọi thời điểm</p>
<p><b>27.</b> Đối với nội dung quy định tại Điều 3.3.7: - “<i>sàn của đường thoát nạn</i>” có quy định cho chiều nghi, chiều tới của cầu thang không? (vì thường chỉ có cụm từ “<i>mặt bậc</i>” quy định cho cầu thang). Trong nhiều trường hợp do chiều nghi, chiều tới dài và rộng nên thường được ngắt thành 2 bậc chiếu liên tiếp và điều này không ảnh hưởng tới an toàn khi thoát nạn.</p>	<p>Không bao gồm chiều tới, chiều nghi của cầu thang bộ</p>
<p>- Quy định cho giật cấp với “<i>chiều cao chênh lệch nhỏ hơn 45cm</i>” vậy chiều cao chênh 46 cm thì có phải làm 3 bậc hoặc đường dốc không?</p>	<p>Nội dung quy định tại 3.3.7 là “Trên sàn của đường thoát nạn không được có các giật cấp với chiều cao chênh lệch nhỏ hơn 45 cm” chứ không phải là “cho phép giật cấp với chiều cao chênh lệch nhỏ hơn 45 cm”.</p>



	Với chiều cao chênh 46 cm thì phải chia thành không ít hơn 3 bậc thang hoặc làm đường dốc đảm bảo các quy định tại 3.3.7
<b>28.</b> Tại điều 3.4.2 cần làm rõ cụm từ:	
- “ <i>được đặt sát các phân đặc của tường</i> ” là như thế nào? Có phải là nằm trên bề mặt đặc của tường và gắn với bề mặt đặc đó không? Trường hợp vé thang cách tường một đoạn thì có vấn đề gì không?	“ <i>được đặt sát các phân đặc của tường</i> ” có nghĩa là phần tường ngăn cách giữa không gian trong nhà và vé thang phải là tường đặc. Các vé thang có thể tiếp xúc, gắn vào tường hoặc nằm xa bề mặt tường.
- “ <i>có lan can cao 1,2m</i> ” vậy lan can cao hơn 1,2m có được không? vì lan can chứ không phải tay vịn cầu thang.	Chiều cao 1,2 m là nhỏ nhất cho phép, không hạn chế giới hạn trên của lan can.
- “ <i>bố trí cách lỗ cửa sổ không nhỏ hơn 1,0 m</i> ” cần làm rõ các tình huống sau:	
+ Lỗ cửa này quy định là “ <i>lỗ cửa sổ</i> ”, còn các ô lấy sáng, hoặc bề mặt khác thì vẫn được phép bố trí trong phạm vi 1m đó có đúng không?.	Khoảng cách 1 m là tính từ các mép gần nhất của lỗ cửa sổ, lỗ thông tường, ô lấy sáng không được bảo vệ chống cháy đến các mép của hình chiếu của các vé thang, chiều tới, chiều nghi lên mặt phẳng của tường ngoài nhà liên quan đến cầu thang bộ loại 3.
+ Phạm vi bố trí cách 1 m là quy định cho chiều thang hay cả cầu thang loại 3. Trường hợp quy định cho cầu thang thì phạm vi bố trí có phải từ 2 biên của thang dịch ra 2 đầu là 1m không? Trường hợp vé thang gần tường cách tường 1m có được không?	Cho các bộ phận thuộc cầu thang bộ loại 3, bao gồm cả vé thang, chiều tới, chiều nghi. Trường hợp vé thang bố trí cách bề mặt tường 1 m và trên khu vực tường đó có các lỗ mở để thông hoặc được che bịt bằng bộ phận không đảm bảo giới hạn chịu lửa của tường ngoài không chịu lực thì không được coi là phù hợp với quy định.
<b>29.</b> Cần làm rõ cụm từ tại Điều 3.4.3: “ <i>không được làm giảm chiều rộng tính toán của chiều thang và bản thang</i> ” là như thế nào? Bổ sung thêm hình minh họa cho trường hợp này.	Tức là khi cửa mở vào không gian buồng thang bộ (mở theo chiều thoát nạn) thì không được làm giảm chiều rộng cần thiết theo tính toán của chiều tới, chiều nghi của cầu thang bộ. Tiếp thu và bổ sung hình vẽ giải thích minh họa.
<b>30.</b> Đối với quy định tại Điều 3.4.6 cần làm rõ:	

<p>- “<i>trong không gian buồng thang bộ</i>”, nếu buồng thang bộ đó không tính vào thoát nạn thì có được phép bố trí hơn 2 thang máy không?</p>	<p>Các quy định tại 3.4 là áp dụng đối với cầu thang và buồng thang bộ trên đường thoát nạn, nên những cầu thang và buồng thang bộ không dùng cho thoát nạn thì không bắt buộc phải đáp ứng các quy định ở điều này. Lưu ý về vấn đề phải đảm bảo chống nhiễm khói qua các không gian liên thông giữa các tầng theo quy định khác của quy chuẩn.</p>
<p>- “<i>trong không gian buồng thang bộ</i>” có nghĩa là giếng thang máy nằm hoàn toàn bên trong buồng thang bộ hoặc tất cả các tường giếng thang máy trùng với tường buồng thang có đúng không? Trường hợp giếng thang máy chỉ có 1 mặt tường chung với tường buồng thang thì sao (loại thang máy có 2 cửa ra trên 1 tầng)? Trường hợp này cửa thang máy có yêu cầu E30 không?</p>	<p>Trong thực tế, có thể có nhiều hình thức bố trí khác nhau dẫn đến giếng thang máy nằm trong không gian buồng thang bộ, ví dụ điển hình có thể chỉ ra đó là giếng thang máy bố trí ở giữa, bản thang bộ và chiếu nghỉ bám men theo các tường bao giếng thang, sảnh trước cửa tầng thang máy chính là sảnh chiếu tới của cầu thang bộ. Liên quan đến giới hạn chịu lửa của cửa tầng thang máy, cần lưu ý quy định định tại 3.3.3 đối với những đoạn đường được coi là đường thoát nạn.</p>
<p>- Tại sao lại phải trừ “buồng thang không nhiễm khói”? Về nguyên tắc, buồng thang bộ không nhiễm khói thì khói không xâm nhập từ tầng bị cháy vào buồng thang được và do đó không vào giếng thang máy để di chuyển đi nơi khác, thứ 2 nếu giếng thang có cháy, khói (chỉ có khả năng cháy thiết bị kỹ thuật trong giếng thang) thì buồng thang được tăng áp cũng sẽ là giải pháp ngăn cản khói, lửa từ giếng thang xâm nhập vào buồng thang bộ.</p>	<p>Việc bố trí giếng thang máy thường chung trong không gian buồng thang bộ không nhiễm khói làm tăng nguy cơ mất an toàn cho quá trình thoát nạn khi có cháy.</p>
<p><b>31. Cần làm rõ các nội dung quy định tại Điều 3.4.7:</b></p>	
<p>- “<i>qua tiền sảnh được ngăn cách với hành lang, gian phòng tiếp giáp bằng vách ngăn cháy loại 1 có cửa đi với cơ cấu tự đóng, khe cửa phải được chèn kín</i>”, cần làm rõ phạm vi tiền sảnh là từ đâu đến đâu? Trường</p>	<p>Trường hợp này “<i>tiền sảnh</i>” là không gian trong nhà, bố trí tại tầng 1 (tầng có lối thoát ra bên ngoài). Sảnh bố trí ở ngoài nhà, phía trước cửa chính của nhà không phải là khái niệm được đề cập ở điểm này.</p>

<p>hợp tiền sảnh là không gian trước cửa chính của nhà thì hành lang và gian phòng thông với tiền sảnh phải có bức tường chung với tiền sảnh phải tối thiểu là vách ngăn cháy loại 1, cửa trên đó phải là cửa ngăn cháy tương ứng đúng không?</p>	
<p>- “<i>Khi bố trí lối ra thoát nạn từ 2 buồng thang bộ trở lên qua tiền sảnh chung thì các buồng thang bộ (trừ một trong số đó) phải có cửa ra bên ngoài trực tiếp trừ lối ra dẫn vào sảnh</i>”, cần làm rõ các nội dung sau:</p> <p>+ “<i>lối ra ngoài trực tiếp</i>” là như thế nào? (một khu đất hoàn toàn trống, không gian dạng hành lang có 2 tường, 3 tường rồi thoát ra ngoài, có mái hay không có mái, là một phần trong tầng 1). Thoát ra ngoài trực tiếp mà từ khu vực đó không thoát đi đâu được nữa thì sao? (ví dụ một khoảng sân phía sau nhà), trường hợp này sẽ mất an toàn hơn.</p> <p>+ Trường hợp, không có buồng thang nào mở vào tiền sảnh, mà tạo 1 hành lang, không gian chung và từ đó thoát ra bên ngoài có được không? Quy định này sẽ không thực hiện được đối với nhà liền kề mặt đường, xây nhà hết đất và 3 mặt giáp các công trình.</p> <p>+ Nên quy định điều này với các công trình mà theo quy hoạch kiến trúc phải có khoảng lùi so với ranh giới đất. Đồng thời nên đưa vào diện tích sàn, số lượng người, mức độ trang bị phương tiện PCCC để quy định thì sẽ hợp lý hơn.</p>	<p>“Lối ra ngoài trực tiếp” tức là qua lối ra đó thì người đi chuyển đã ở không gian thoáng bên ngoài nhà (khu đất trống để đi chuyển tiếp ra xa ngôi nhà hoặc đường giao thông công cộng, ngõ đi lại chung dẫn ra đường phố chính).</p> <p>Thoát ra ngoài mà từ không thoát tiếp được đi đâu thì chưa đảm bảo được yêu cầu về thoát nạn.</p> <p>Việc bảo vệ đường thoát nạn là cần thiết, tuy nhiên nếu tất cả các buồng thang cùng đi vào hành lang, không gian chung được bảo vệ rồi thoát ra cùng 1 lối ra bên ngoài thì cần lưu ý đến số lượng lối ra thoát nạn của nhà.</p> <p>Trường hợp nhà chỉ có 1 mặt tiếp giáp với đường chính thì cần nghiên cứu giải pháp bổ sung thay thế nếu cần và phải được xem xét, đánh giá riêng.</p> <p>Vấn đề này đã được xem xét ở khía cạnh cho phép nhà có 1 lối ra thoát nạn tùy theo công năng, quy mô diện tích, chiều cao và số người sử dụng trong nhà cũng như trang bị PCCC (điều 3.2.6.2).</p>

<p>+ Cần có một quy định riêng cho việc thoát nạn tại tầng 1 (phân tán, số lối ra...).</p>	<p>Lối ra thoát nạn tại tầng 1 chính là lối ra thoát nạn của nhà, các quy định về số lượng lối ra, mức độ phân tán đều đã được quy định rõ trong quy chuẩn.</p>
<p>- “Trong trường hợp chỉ có một buồng thang bộ dẫn vào tiền sảnh thì buồng thang bộ này phải có lối ra ngoài trực tiếp”, quy định này khá khó hiểu, cụ thể như sau: Nhà có nhiều buồng thang bộ thoát nạn, nhưng chỉ có 1 buồng thang có lối ra mở vào tiền sảnh chung, còn các buồng thang còn lại không mở vào tiền sảnh chung thì buồng thang có cửa mở vào tiền sảnh phải có thêm 1 cửa mở ra ngoài trực tiếp, có đúng không? Hay là quy định cho trường hợp nhà chỉ cần 1 buồng thang thoát nạn thì thang đó, khi có cửa mở vào tiền sảnh thì phải có thêm 1 cửa khác mở ra ngoài trực tiếp; vậy trường hợp thang đó không có cửa mở vào tiền sảnh thì sao? (mở vào 1 hành lang, không gian chung đi ra ngoài).</p>	<p>Nếu nhà chỉ có 1 buồng thang bộ thoát nạn thì bắt buộc buồng thang này phải có lối ra ngoài trực tiếp. Nếu cần có thêm 1 lối ra đi qua sảnh (ngoài lối thoát ra ngoài trực tiếp) thì đó lối ra đó không được đánh dấu là lối ra thoát nạn.</p>
<p>- “Cho phép bố trí các lối ra thoát nạn từ hai buồng thang bộ qua tiền sảnh chung đối với các nhà có chiều cao PCCC dưới 28 m, diện tích mỗi tầng không quá 300 m<sup>2</sup>, có số người sử dụng ở mỗi tầng tính lớn nhất theo thiết kế được duyệt, khi thiết kế không chỉ rõ giá trị này, số lượng người lớn nhất được tính bằng tỉ số giữa diện tích sàn của phòng, của tầng hoặc của nhà chia cho hệ số không gian sàn (m<sup>2</sup>/người) quy định tại Bảng G.9 không vượt quá 50 người và toàn bộ nhà được bảo vệ hệ thống chữa cháy tự động phù hợp với quy định hiện hành”, điều này có thể hiểu là xuống đến tầng 1 chỉ cần 1 lối ra thoát nạn là được không?</p>	<p>Số lượng lối ra thoát nạn của nhà phải đảm bảo theo 3.2.4; Quy định ở điều này liên quan đến việc bố trí lối ra từ 2 buồng thang bộ thoát nạn trở lên thoát qua sảnh chung chứ không phải là xuống đến tầng 1 thì cho phép có 1 lối ra thoát nạn (nguyên tắc chung được quy định tại 3.2.7)</p>
<p>- Tại mục b, cần làm rõ các nội dung sau: “bảo đảm nguyên tắc duy trì liên tục nguồn điện cấp cho hệ thống chiếu sáng hoạt động ổn định khi</p>	<p>Theo điều 1.4.24, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ nạn là một trong số các hệ thống bảo vệ chống cháy tương đương với hệ thống chữa cháy tự động, hệ thống chống nhiễm khói...</p>

<p><u>có cháy xảy ra</u>”, như vậy <u>hệ thống ánh sáng</u> này phải được cung cấp giống như nguồn điện cho máy bơm và quạt chống tu khói hay không?</p>	
<p><b>32.</b> Tại Điều 3.4.9 cần làm rõ nội dung: “<i>nếu khoang đệm đó đồng thời là sảnh của thang máy chữa cháy</i>”, có nghĩa là nếu không có thang máy chữa cháy thì diện tích được phép là 3m<sup>2</sup>?</p>	<p>Đúng, nếu chỉ là khoang đệm của buồng thang bộ không nhiễm khói N3 thì chỉ cần diện tích tối thiểu 3,0 m<sup>2</sup>.</p>
<p><b>33.</b> Tại Điều 3.4.13 cần làm rõ các nội dung:</p> <p>- “<i>Trong các nhà có chiều cao PCCC lớn hơn 28 m (trừ các nhà nhóm F5 hạng C, E không có người làm việc thường xuyên), cũng như trong các nhà nhóm F5 hạng A hoặc B phải bố trí buồng thang bộ không nhiễm khói, trong đó phải bố trí buồng thang loại N1</i>”, vậy quy định đối với hạng D thì sao? Nội dung này được hiểu là: nhà bố trí tất cả các thang là thang không nhiễm khói (N1, N2, N3), trong đó có thang N1 là được, không yêu cầu tất cả các thang là thang N1. Như vậy quy định tại Điều a của Điều 3.4.13 “<i>Trong nhà F1, F2, F3, F4 bố trí không quá 50% buồng thang N3 hoặc N2 có lối vào buồng thang đi qua khoang đệm với giải pháp bao che giống như khoang đệm ngăn cháy loại 1</i>” là không phù hợp.</p>	<p>Những đối tượng phải bố trí buồng thang bộ không nhiễm khói:</p> <p>Nhà có chiều cao PCCC lớn hơn 28 m: nhóm F1, F2, F3, F4, F5 (hạng C và E có người làm việc thường xuyên) và F5 (hạng D không phụ thuộc vào thời gian người làm việc có mặt);</p> <p>Nhà không phụ thuộc chiều cao PCCC: nhóm F5 hạng A và hạng B nếu có buồng thang bộ.</p> <p>Không bắt buộc tất cả các buồng thang bộ không nhiễm khói phải là loại N1, có thể bao gồm cả N1, N2, N3.</p> <p>Tuy nhiên, loại buồng thang bộ không nhiễm khói N2 hoặc N3 không được phép nhiều hơn 50 % số lượng buồng thang bộ không nhiễm khói cần bố trí, số còn lại bắt buộc phải là buồng thang loại N1.</p>
<p><b>34.</b> Điều 3.4.17 cần làm rõ ý nghĩa của điều này như thế nào: khi thang cuốn được sử dụng thay cho cầu thang bộ loại 2 thì phải đảm bảo yêu cầu giống thang bộ loại 2 (dùng cuốn, kích thước, bố trí...), hay là nhà có thang cuốn thì thang cuốn bắt buộc phải đảm bảo các yêu cầu theo cầu thang bộ loại 2?</p>	<p>Việc bố trí cầu thang cuốn trong nhà phải được xem như tương tự với bố trí cầu thang bộ loại 2 và phải tuân thủ các quy định liên quan.</p>

<p><b>35.</b> Điều 3.5.3 cần làm rõ cụm từ “<i>vật liệu trang trí</i>” cụ thể là vật liệu gì? Có phân biệt với vật dụng, đồ vật trang trí không (tranh, ảnh, đồng hồ, bảng đèn led...)?</p>	<p>Tham khảo giải trình ở mục 24</p>
<p><b>36.</b> Điều 4.3 cần làm rõ các cụm từ: - “<i>việc chữa cháy khó khăn</i>” cụ thể là nhưng thế nào? (đối với lực lượng cơ sở hay chuyên nghiệp; khó khăn là thời gian tiếp cận, yếu tố nguy hiểm, hay gì khác), ai/ cơ quan, tổ chức nào đánh giá tính “<i>khó khăn</i>” này?</p>	<p>Khó khăn cho công tác chữa cháy của lực lượng chuyên nghiệp bao gồm tất cả các vấn đề liên quan, từ tiếp cận đến vị trí có đám cháy, tính nguy hiểm của đám cháy, ... Cơ quan chuyên môn về PCCC có thể căn cứ vào điều kiện cụ thể để đánh giá yếu tố này.</p>
<p>- “<i>phương tiện bổ sung</i>” là phương tiện gì? Ai/ cơ quan, tổ chức nào là quyết định việc này?</p>	<p>Phương tiện bổ sung cần được xem xét căn cứ theo yêu tố gây khó khăn cho công tác chữa cháy. Cần lưu ý thêm các quy định về trang bị phương tiện PCCC, có thể những nhà quy mô nhỏ, nhưng vẫn cần trang bị thêm phương tiện báo cháy, chữa cháy tự động cho các khu vực có khó khăn trong công tác chữa cháy. Cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý về PCCC có thể căn cứ vào điều kiện cụ thể để quyết định.</p>
<p><b>37.</b> Tại Điều 4.20 cần làm rõ nội dung: “<i>Hiệu quả của giải pháp đó phải được chứng minh</i>”, Ai/ cơ quan, tổ chức nào chứng minh hiệu quả của giải pháp?</p>	<p>Việc chứng minh các giải pháp được thực hiện bởi các đơn vị tư vấn có đủ năng lực chuyên môn theo quy định của pháp luật hoặc hướng dẫn cụ thể của cơ quan quản lý về xây dựng cũng như về PCCC.</p>
<p><b>38.</b> Tại Điều 4.23 cần làm rõ nội dung: “<i>khoang đệm ngăn cháy</i>” có tác dụng ngăn khói, lửa từ bên ngoài xâm nhập vào trong, như vậy khi thang máy không có khoang đệm thì phải có giải pháp bảo vệ chống khói tự động cho giếng thang máy, có nghĩa là giếng thang máy phải có tầng áp có đúng không?</p>	<p>Xét về khía cạnh bảo vệ chống khói, “<i>Khoang đệm ngăn cháy</i>” cũng tương tự như “<i>sanh ngăn khói</i>” chỉ cần đảm bảo ngăn chặn được khói nhiễm vào không gian sảnh, qua đó nhiễm vào buồng thang bộ thoát nạn hoặc không gian phía sau nó (ở đây là giếng thang máy). Tăng áp vào giếng thang máy chỉ là một trong số các giải pháp để đảm bảo chống nhiễm khói cho khu vực này, ngoài ra có thể áp dụng các giải pháp chống nhiễm khói tự nhiên như đối với buồng thang bộ loại N1.</p>

<p><b>39.</b> Tại Điều 4.27 quy định: “Cho phép không ngăn cách gian phòng có cầu thang bộ loại 2 bằng các vách ngăn cháy khi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có trang bị chữa cháy tự động trong toàn bộ nhà;</li> <li>- Trong các nhà có chiều cao PCCC không lớn hơn 9 m với diện tích một tầng không quá 300 m<sup>2</sup>.”</li> </ul> <p>Quy định nêu trên là cho phép khi đáp ứng đồng thời cả 2 điều kiện hay 1 trong 2 là được?</p>	<p>Không bắt buộc đáp ứng đồng thời cả 2</p>
<p><b>40.</b> Cần làm rõ các nội dung quy định tại Điều 4.32.1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- “<i>Tường ngăn cháy loại 1 phải chia cắt các tường ngoài có cấp nguy hiểm cháy K1, K2, K3 và vươn ra khỏi mặt phẳng tường ngoài tối thiểu 30 cm</i>”, có thể hiểu là khi trong mặt bằng có quy định phải bố trí tường ngăn cháy loại 1 thì nếu tường đó giao nhau với tường ngoài nhà thì phải xây thêm 1 bức tường bên ngoài có chiều rộng ra bên ngoài tối thiểu 30cm có đúng không?</li> </ul>	<p>Tường ngăn cháy loại 1 phải cắt qua tường ngoài và kéo dài liên tục thêm 30 cm ra phía ngoài tường ngoài, chứ không phải là chỉ tiếp xúc đến mặt trong của tường ngoài sau đó xây một đoạn tường khác dài 30 cm từ mặt ngoài tường ngoài trở ra.</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- “<i>Cho phép không chia cắt các tường ngoài nếu tường ngoài có cấp nguy hiểm cháy K0, hoặc tường ngăn cháy loại 1 tiếp giáp với dải tường ngoài theo phương đứng (dải ngăn cháy theo phương đứng) có chiều rộng tối thiểu 1,2 m, có giới hạn chịu lửa không thấp hơn E 60 và có cấp nguy hiểm cháy K0</i>”, trước từ “<i>hoặc</i>” quy định tường ngoài có cấp nguy hiểm cháy K0 thì không cần chia cắt tường ngoài, nhưng sau từ “<i>hoặc</i>” quy định tường cấp K0 và kèm theo các quy định khác, điều này là mẫu thuẫn.</li> </ul>	<p>Tiếp thu ý kiến nghiên cứu diễn đạt và đưa vào tài liệu hướng dẫn giải thích</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- “<i>Tường ngăn cháy loại 2 và vách ngăn cháy loại 1, nếu có giao với tường ngoài thì phải tiếp giáp với dải ngăn cháy theo phương đứng, có bề rộng không nhỏ hơn 1 m, có giới hạn chịu lửa quy định cho tường</i>”</li> </ul>	<p>Tiếp thu ý kiến đề biên soạn hình minh họa</p>

<p>ngoài theo Bảng 4 hoặc Bảng A.1 tùy chiều cao nhà. Vách ngăn cháy loại 2 phải tiếp xúc với dải tường ngoài đặc theo phương đứng, có bề rộng không nhỏ hơn 1 m, có giới hạn chịu lửa quy định cho tường ngoài theo Bảng 4 hoặc Bảng A.1 tùy chiều cao nhà”, cần làm rõ đối với quy định nêu trên và bổ sung hình minh họa.</p>	
<p><b>41. Cần làm rõ các nội dung quy định tại Điều 4.33.3:</b></p> <p>- “<i>Khi một phần tường ngoài của nhà nối tiếp với một phần khác của tường, tạo thành một góc nhỏ hơn 135° và khoảng cách theo phương nằm ngang giữa các mép gần nhất của các lỗ mở ở tường ngoài theo các hướng khác nhau của định góc, nhỏ hơn 4 m, thì trên phần tương ứng của tường, các lỗ mở phải có các cửa ngăn cháy có giới hạn chịu lửa không nhỏ hơn E 30 hoặc có hệ thống phun nước</i>”, nội dung này tương đối khó hiểu cần làm rõ hơn và bổ sung hình minh họa.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến đề biên soạn hình minh họa</p>
<p>- “Hệ thống phun nước” là hệ thống gì? Quy cách lắp đặt như thế nào?</p>	<p>Áp dụng hệ thống bảo vệ cho sảnh thông tầng theo quy định tại 4.35 b)</p>
<p><b>42. Cần làm rõ các nội dung quy định tại Điều 4.35:</b></p>	
<p>- Trong không gian sảnh thông tầng có được bố trí công năng khác không? (Ví dụ: các gian hàng hở, trung bày, khu chơi...)</p>	<p>Nội dung quy chuẩn không có quy định cấm bố trí các công năng này trong không gian của sảnh thông tầng</p>
<p>- Tại mục b, “<i>Kết cấu bao quanh gian phòng và hành lang</i>”, được hiểu là:</p>	
<p>+ Nếu kết cấu bao quanh phòng, hành lang có giới hạn chịu lửa EI (EIW) 60 thì không cần đầu phun? (tường, cửa, giải pháp ngăn cháy lỗ mở có giới hạn chịu lửa EI (EIW) 60)</p>	<p>Hiệu đúng nội dung quy định</p>
<p>+ Trường hợp kết cấu bao quanh là kính thì phải là kính cường lực có chiều dày 6mm, có đầu phun sprinkler?</p>	<p>Hiệu đúng nội dung quy định</p>



<p>+ Quy định này khó cho các trung tâm thương mại, siêu thị... (ví dụ Aeon Mall, Royalcity...).</p>	<p>Việc bố trí các vách ngăn giữa gian phòng và hành lang ở sảnh thông tầng có liên quan trực tiếp đến diện tích của sảnh thông tầng theo quy định tại điểm d) của 4.35</p>
<p>- “<i>tiếp giáp</i>” cần làm rõ cụ thể là như thế nào (hành lang “<i>tiếp giáp</i>” là như thế nào, trường hợp hành lang hở thông với sảnh thông tầng thì sao?, gian phòng “<i>tiếp giáp</i>” là như thế nào, là đối diện, liền kề...?)</p>	<p>“Tiếp giáp” có nghĩa là liền kề không gian của sảnh thông tầng (có 1 mặt phẳng theo phương đứng chung với không gian sảnh thông tầng)</p>
<p>- Tại mục e, “<i>luận cứ tính toán phù hợp</i>” là như thế nào? Căn cứ tính toán quy định ở đâu? Cơ quan nào được phép xác nhận “<i>luận cứ</i>” này?</p>	<p>“Luận cứ tính toán phù hợp” là những thuyết minh tính toán, thiết kế và cấu tạo hệ thống hút xả khói được lập trên cơ sở các tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành, kết quả nghiên cứu lý thuyết và/hoặc thực nghiệm đã được công bố; Việc đánh giá luận cứ cần thực hiện theo các quy định của pháp luật như đối với hồ sơ thiết kế thông thường.</p>
<p>- Tại mục f, “<i>vật liệu không cháy</i>”, vật liệu này có phải kiểm định không? Nếu có thì có phải cấp giấy chứng nhận hay không?</p>	<p>Tham khảo quy định tại điều B.1.1 để xác định vật liệu không cháy. Việc Kiểm định và Cấp giấy chứng nhận cần thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Bộ Công an.</p>
<p><b>43.</b> Tại Điều 5.1.1.3 cần làm rõ nội dung: “<i>Đối với đường ống áp suất cao, máy bơm chữa cháy phải được trang bị phương tiện báo đảm hoạt động không trễ hơn 5 phút sau khi có tín hiệu báo cháy</i>”, quy định này sẽ áp dụng được trong trường hợp hệ thống ngoài nhà chung với hệ thống cấp nước của công trình. Còn cấp nước ngoài nhà sử dụng trụ nước của thành phố thì giải pháp 5 phút thực hiện như thế nào?</p>	<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến đề trao đổi thông nhất với C07 có văn bản trả lời</p>
<p><b>44.</b> Tại Điều 5.1.1.4 cần làm rõ nội dung “<i>chữa cháy áp suất thấp</i>” và “<i>chữa cháy áp suất cao</i>” là những trường hợp như thế nào? Thông số quy định cụ thể là gì?</p>	<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến đề trao đổi thông nhất với C07 có văn bản trả lời</p>

<p><b>45.</b> Cần làm rõ cụm từ tại “<i>chú thích</i>” của <i>Bảng 10</i>: “<i>có diện tích không nhỏ hơn 2,5 % diện tích xây dựng của nhà đó</i>”, cần làm rõ là “<i>diện tích xây dựng của nhà</i>” hay diện tích mái? Nếu là “<i>diện tích xây dựng</i>” của nhà thì diện tích này được quy định ở đâu?</p>	<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến đề trao đổi thông nhất với C07 có văn bản trả lời</p>
<p><b>46.</b> Điều 5.1.2.8 quy định: “<i>Trường hợp công trình nằm trong khu vực chưa có hạ tầng cấp nước chữa cháy ngoài nhà, hoặc có nhưng không bảo đảm theo quy định tại Bảng 8, 9, 10 thì thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH có thẩm quyền</i>” vậy “<i>cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH có thẩm quyền</i>” là cơ quan nào? Theo dự thảo TCVN:3890 thì có quy định trường hợp này, như vậy thì cần gì hướng dẫn nữa?</p>	<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến đề trao đổi thông nhất với C07 có văn bản trả lời</p>
<p><b>47.</b> Điều 5.1.3.3 cần làm rõ nội dung: “<i>Thời gian chữa cháy lấy là 3 giờ</i>” vậy đối với chữa cháy ngoài nhà sử dụng trụ ngoài đường, nguồn nước tự nhiên (hồ, ao, bể công cộng) việc xác định khối tích nước cho 3 giờ bằng cách nào?</p>	<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến đề trao đổi thông nhất với C07 có văn bản trả lời</p>
<p><b>48.</b> Điều 5.1.3.4 cần làm rõ nội dung:</p>	<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến đề trao đổi thông nhất với C07 có văn bản trả lời</p>
<p>- “<i>Thời gian lớn nhất để phục hồi nước dự trữ chữa cháy</i>”, nội dung này chỉ quy định thời gian phục hồi nước dự trữ chữa cháy cho: khu dân cư, cơ sở công nghiệp, cơ sở nông nghiệp. Vậy các loại hình khác thì sao? (trường học, bệnh viện, chung cư, văn phòng, chợ...).</p>	
<p>- “<i>Khu dân cư và cơ sở công nghiệp</i>” được hiểu là khu dân cư riêng, cơ sở công nghiệp riêng hay khu dân cư có cơ sở công nghiệp?</p>	
<p>- “<i>Khu dân cư và cơ sở nông nghiệp</i>”, được hiểu là khu dân cư riêng, cơ sở nông nghiệp riêng hay khu dân cư có cơ sở nông nghiệp? Ý này</p>	

<p>và ý trên đều có “<i>khu dân cư</i>” thì trong trường hợp “<i>khu dân cư riêng</i>” thì lấy theo ý nào?</p>	
<p><b>49.</b> Tại Điều 5.1.4.5 quy định: “<i>Đường kính ống dẫn nước chữa cháy ngoài nhà cho khu dân cư và cơ sở sản xuất không được nhỏ hơn 100 mm, đối với khu vực nông thôn - không được nhỏ hơn 75 mm</i>”, quy định này quy định đường kính ống cho khu dân cư, cơ sở sản xuất, vậy các loại khác thì sao? (cơ sở nông nghiệp, nhà cao tầng, chợ, trung tâm thương mại, trường, bệnh viện...).</p>	<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến đề trao đổi thông nhất với C07 có văn bản trả lời</p>
<p><b>50.</b> Tại Điều 5.1.4.7 cần làm rõ cụm từ: “<i>phục vụ đến mọi điểm của nhà</i>” ý này là để làm gì? đến “<i>nhà</i>” là đảm bảo, đến “<i>mọi điểm</i>” thì phải cộng thêm chiều dài của nhà.</p>	<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến đề trao đổi thông nhất với C07 có văn bản trả lời</p>
<p><b>51.</b> Tại Điều 5.1.4.8 cần làm rõ cụm từ: “<i>hệ thống hạ nước chữa cháy</i>” có phải là “<i>hệ thống hạ nước chữa cháy trong nhà</i>” không?</p>	<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến đề trao đổi thông nhất với C07 có văn bản trả lời</p>
<p><b>52.</b> Tại Điều 5.1.5.4 quy định: “<i>Các hồ ao để cho xe chữa cháy hút nước phải có lối tiếp cận và có bãi đỗ xe kích thước không nhỏ hơn 12 m x 12 m với bề mặt bảo đảm tải trọng dành cho xe chữa cháy</i>”, tại sao kích thước bãi đỗ xe hút nước lại lấy là 12x12m? cần làm rõ quy định để máy xe hút nước cùng một lúc?</p>	<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến đề trao đổi thông nhất với C07 có văn bản trả lời</p>
<p><b>53.</b> Tại Điều 5.1.5.7 cần làm rõ đối với các loại hình khác không quy định tại điều này thì nước chữa cháy phải dự trữ ở đâu, quy định như thế nào?</p>	<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến đề trao đổi thông nhất với C07 có văn bản trả lời</p>
<p><b>54.</b> Tại Điều 5.1.5.9 cần làm rõ các nội dung sau:</p>	<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến đề trao đổi thông nhất với C07 có văn bản trả lời</p>
<p>- Điều 5.1.4.7 quy định bán kính phục vụ của trụ chữa cháy ngoài nhà là 200m nhưng ở điều này lại quy định phải có xe bơm thì mới được 200m?</p>	

	<p>- “Khi có xe bơm, máy bơm di động” là quy định cho đơn vị nào? (cơ sở, khu dân cư, hay đơn vị cảnh sát PCCC của 1 tỉnh, 1 huyện...). Nếu quy định cho cơ sở thì có vẻ không hợp lý, bởi vì cấp nước chữa cháy ngoài nhà bản chất là cấp nước cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp.</p>	
	<p>- “Để tăng bán kính phục vụ, cho phép lắp đặt các đường ống cụt có chiều dài không quá 200 m từ bồn, bể và hồ nhân tạo bảo đảm theo quy định tại 5.1.5.8”, quy định đối với nội dung này có thể hiểu là ngoài 200m thì được cộng thêm 200m nữa có phải không?</p>	
	<p>- “Khoảng cách từ điểm lấy nước từ bồn, bể hoặc hồ nhân tạo đến nhà có bậc chịu lửa III, IV và V hoặc đến kho hồ chứa vật liệu cháy được phải không nhỏ hơn 30 m, đến nhà bậc chịu lửa I và II phải không nhỏ hơn 10 m”, tại sao khoảng cách phải phải không hơn 30m và 10m cho từng loại nhà? Vì nguồn nước gần sẽ thuận tiện trong việc triển khai lấy nước.</p>	
	<p><b>55.</b> Cần làm rõ nội dung quy định tại Điều 5.1.5.10: Tại sao hồ thu nước chỉ tối đa 5m<sup>3</sup>?</p>	<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến để trao đổi thống nhất với C07 có văn bản trả lời</p>
	<p><b>56.</b> Điều 5.2.1 quy định: “Lưu lượng thấp (từ 0,2 L/s đến 1,5 L/s). Thiết bị cho họng nước chữa cháy lưu lượng thấp có đường kính là DN 5, DN 10, DN 15, DN 20, DN 25, DN 40”, tại sao không thiết bị có đường kính khác nhỏ hơn DN40 (Ví dụ DN30, DN32...)?</p>	<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến để trao đổi thống nhất với C07 có văn bản trả lời</p>
	<p><b>57.</b> Bảng 11 cần làm rõ các nội dung sau:</p>	<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến để trao đổi thống nhất với C07 có văn bản trả lời</p>
	<p>- Tại chú thích 1):</p>	
	<p>+ “nhà làm việc của doanh nghiệp” cụ thể là nhà nào (theo F4.3 “nhà làm việc của nhân viên văn phòng trong các doanh nghiệp”) (nhà văn phòng, sản xuất, thương mại, chợ... đều là nhà của doanh nghiệp).</p>	

	<p>+ “công năng tương tự” ở đây lấy theo tiêu chí nào? (theo nhóm công công của nhà giống Bảng 6 (cụ thể là nhóm F4.3) hay tiêu chí khác?). Nếu tương tự theo F4.3 thì “trung tâm lưu trữ, quản lý dữ liệu” lại thuộc nhóm F5.2; “bưu điện” thuộc nhóm F3.5.</p>
	<p>- Tại chú thích <sup>2)</sup>:</p>
	<p>+ Tính “<i>tương tự</i>” dựa trên tiêu chí nào?</p>
	<p>- Các công trình tại 1 gạch đầu dòng lại nằm ở các nhóm nhà khác nhau theo Bảng 6, đó đó không xác định tính tương tự theo công năng được.</p>
	<p>- Các gạch đầu dòng đều có đại diện các nhà theo nhóm công năng ở Bảng 6, đó đó khiên cường có thể giả thích là có tính “đại diện” từ đó suy ra các công năng khác vì ở mục này có cùng thông số. Tuy hiện còn nhóm nhà F3.5 và F4.4 không có trong chú thích <sup>1)</sup> và <sup>2)</sup>.</p>
	<p>- “Cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường, quán bar, câu lạc bộ” thuộc nhóm F2.1; “thăm mỹ viện, kinh doanh dịch vụ xoa bóp” thuộc nhóm F3.4; “công viên giải trí, vườn thú, thủy cung” thuộc nhóm F2.2; như vậy tính “tương tự” lấy tiêu chí nào? Đối với các công trình khác thuộc 3 nhóm nhà trên thì không biết áp dụng như thế nào?</p>
	<p>- “Nhà điều dưỡng, phục hồi chức năng, chỉnh hình, nhà dưỡng”, trong Bảng 6 chỉ quy định khối nhà ngủ của các cơ sở này.</p>
	<p><b>58.</b> Điều 5.2.10 cần làm rõ nội dung: “nội vòng ở trên” là như thế nào? (trên tầng tăng, hay nói vòng các ống đứng, nếu nói các ống đứng thì phải nói ở trên cùng và dưới cùng thì mới thành vòng được).</p>
	<p><b>59.</b> Điều 5.2.11 cần làm rõ các nội dung:</p>
<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến đề trao đổi thống nhất với C07 có văn bản trả lời</p>	<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến đề trao đổi thống nhất với C07 có văn bản trả lời</p>

<p>- “<i>họng kép</i>” là họng như thế nào? (định nghĩa, quy cách lắp đặt đối với họng này như thế nào?)</p>	
<p>- “<i>Trong nhà ở với chiều dài hành lang lớn hơn 10 m, cũng như nhà sàn xuất và nhà công cộng có từ 2 tia nước tính toán trở lên cho mỗi điểm thì phải bố trí 2 tia phun từ 2 tủ chữa cháy cạnh nhau (2 họng nước khác nhau), tại sao lại phải “cạnh nhau”</i>”. quy định này để bị hiểu là 2 tủ nằm sát cạnh nhau, như vậy thì không biết bao nhiêu họng cho đủ?</p>	<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến đề trao đổi thông nhất với C07 có văn bản trả lời</p>
<p><b>60.</b> Điều 5.2.12 cần làm rõ cụm từ “<i>được dán niêm phong</i>”, tại sao lại phải dán niêm phong? Nếu dán niêm phong thì ai được phép sử dụng.</p>	<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến đề trao đổi thông nhất với C07 có văn bản trả lời</p>
<p><b>61.</b> Điều 5.2.12 cần làm rõ cụm từ “<i>niêm phong mở</i>” là gì? tại sao lại phải dán niêm phong? Nếu dán niêm phong thì ai được phép sử dụng.</p>	<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến đề trao đổi thông nhất với C07 có văn bản trả lời</p>
<p><b>62.</b> Điều 5.2.14 cần làm rõ nội dung: “<i>lắp đặt tại lối vào phía trong hành lang (ở nơi không có nguy cơ nước bị đóng băng) của buồng thang (trừ các buồng thang không nhiễm khói)</i>”, quy định này khó hiểu, lối vào phía trong hành lang của buồng thang được hiểu như thế nào?</p>	<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến đề trao đổi thông nhất với C07 có văn bản trả lời</p>
<p><b>63.</b> Điều 5.3.1 cần làm rõ nội dung sau: “<i>kết nối với 2 nguồn điện riêng biệt từ nguồn điện lưới, nguồn điện từ máy phát điện hoặc sử dụng máy bơm động cơ đốt trong</i>”, được hiểu là thế nào? Có thể hiểu theo 2 nguồn điện riêng biệt có nghĩa là:</p>	<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến đề trao đổi thông nhất với C07 có văn bản trả lời</p>
<p>- Trường hợp 1: 2 nguồn điện lưới (2 trạm biến áp);</p> <p>- Trường hợp 2: 2 nguồn điện từ 2 máy phát điện khác nhau;</p> <p>- Trường hợp 3: 2 máy bơm động cơ đốt trong (trường hợp này sẽ phù hợp cho các công trình có máy bơm công suất lớn mà tại khu vực đó có nguồn điện của địa phương không đủ đáp ứng công suất);</p>	

<p>- Trường hợp 4: 1 nguồn máy phát, 1 nguồn máy bơm đốt trong;</p>	
<p>- Trường hợp 5: bắt buộc phải có 1 nguồn điện lưới, nguồn còn lại có thể là máy phát hoặc sử dụng máy bơm đốt trong.</p>	<p>Tiếp thu, ghi nhận ý kiến đề trao đổi thông nhất với C07 có văn bản trả lời</p>
<p><b>64.</b> Điều 5.3.2 cần làm rõ trường hợp nhà không quy định phải có báo cháy nhưng phải có họng trong nhà thì thế nào; quy định này chỉ phù hợp khi nhà khi phải có họng nước chữa cháy trong nhà thì phải có hệ thống báo cháy.</p>	<p>Quy định tại 6.2.1.1 của QCVN 06:2022/BXD áp dụng cho cả phân đường không thuộc phạm vi công trình và phân đường nằm trong phạm vi công trình. Phân đường nằm ngoài phạm vi công trình đáp ứng theo quy định tại 2.7.6 QCVN 01:2021/BXD là đã đáp ứng được quy định tại 6.2.1.1 của QCVN 06:2022/BXD. Quy định tại 6.2.1.1 là yêu cầu tối thiểu, áp dụng chung cho điều kiện toàn quốc và đã có xét đến điều kiện quy đất trong các đô thị hiện hữu.</p>
<p><b>65.</b> Điều 6.2.1.1 cần làm rõ nội dung “<i>Chiều rộng thông thủy của mặt đường cho xe chữa cháy không được nhỏ hơn 3,5 m</i>”, nội dung này lệch so với QCVN 01:2021 và tiêu chuẩn của Singapore đều là 4m.</p>	<p>Nội dung này đã được giải thích bằng hình ảnh trong các đợt tập huấn về quy chuẩn từ năm 2020. Tiếp thu ý kiến đề nghiên cứu bổ sung vào tài liệu hướng dẫn thuyết minh.</p>
<p><b>66.</b> Điều 6.2.2.1 cần làm rõ nội dung: “<i>phải có đường cho xe chữa cháy tiếp cận đến điểm bất kỳ trên hình chiếu bằng của nhà không lớn hơn 60 m</i>”, quy định này khó hiểu? có phải là trên hình chiếu bằng lấy điểm tiếp cận bất lợi nhất quay bán kính thì điểm xe được đỗ xa nhất là 60m không?</p>	<p>Điểm cuối của đường là vị trí cuối cùng của đoạn đường được bố trí sẵn theo thiết kế để xe chữa cháy có thể đi vào để triển khai hoạt động chữa cháy cho 1 khu vực hoặc 1 công trình.</p>
<p><b>67.</b> Điều 6.2.2.2 cần làm rõ cụm từ “<i>điểm cuối đường</i>” là điểm nào?</p>	<p>Nội dung này đã được giải thích bằng hình ảnh trong các đợt tập huấn về quy chuẩn từ năm 2020. Tiếp thu ý kiến đề nghiên cứu bổ sung vào tài liệu hướng dẫn thuyết minh.</p>
<p><b>68.</b> Tại mục c, Điều 6.2.2.3 cần làm rõ nội dung “<i>đường cắt đi vào</i>” là như thế nào? (vào đến nhà là cắt hay được đi qua nhà là đường cắt), “<i>khoảng cách giữa các đường cắt</i>” là như thế nào?</p>	

<p><b>69.</b> Bảng 15 cần làm rõ nội dung: “Chiều dài bãi đỗ xe chữa cháy” được hiểu là chiều dài của một bãi hay nhiều bãi đỗ công lại? một bãi đỗ đảm bảo kích thước có được không?</p>	<p>“Chiều dài của bãi đỗ xe chữa cháy” là tổng chiều dài cần phải bố trí cho một công trình tùy theo quy mô. Tùy thuộc điều kiện cụ thể của công trình, việc bố trí 1 bãi đỗ đủ chiều dài hoặc nhiều bãi đỗ công lại ngoài yếu tố chiều dài, còn phải đảm bảo tiếp cận được đến lối vào từ trên cao theo các quy định liên quan.</p>
<p><b>70.</b> Điều 6.2.5 quy định: “<i>Nếu chiều dài của đường cho xe chữa cháy hoặc bãi đỗ xe chữa cháy dạng cắt lớn hơn 46 m thì ở cuối đoạn cắt phải có bãi quay xe được thiết kế theo quy định tại 6.4</i>”, cần làm rõ cách hiểu là nhà cách đoạn cắt của đường lớn 46m có đúng không? Hay là đường dạng cắt lớn hơn 46m hay bãi đỗ dạng cắt lớn hơn 46m?</p>	<p>Nội dung quy định đã nêu rõ là “chiều dài của đường cho xe chữa cháy hoặc bãi đỗ xe chữa cháy” không phải là “nhà cách đoạn cắt của đường”</p>
<p><b>71.</b> Điều 6.2.8 cần làm rõ nội dung: “<i>đường cho xe chữa cháy</i>” thì đánh dấu như thế nào, đánh dấu đoạn nào của đường?</p>	<p>Nếu đường dành riêng cho xe chữa cháy (không được dùng cho giao thông công cộng) thì phải đánh dấu tương tự như bãi đỗ theo quy định tại 6.2.8</p>
<p><b>72.</b> Điều 6.3.5 cần làm rõ nội dung: “<i>Khoảng cách xa nhất đo dọc theo tường ngoài giữa tâm của hai lối vào từ trên cao liên tiếp nhau được phục vụ bởi một bãi đỗ xe chữa cháy không được quá 20 m</i>”, quy định này được hiểu như thế nào:</p>	<p>Khi bố trí số lượng và vị trí các bãi đỗ xe chữa cháy thì tại 1 vị trí đỗ xe chữa cháy không được tính là phục vụ cho 2 lối vào từ trên cao cách nhau quá 20 m.</p>
<p>- Cách hiểu 1: khoảng cách giữa 2 lối vào từ trên cao liên tiếp không lớn hơn 20m. Nếu là quy định này thì lại mâu thuẫn với ý “<i>phải được bố trí cách xa nhau</i>”.</p>	
<p>- Cách hiểu 2: cách tính khoảng cách giữa 2 lối vào từ trên cao liên tiếp (từ tâm đến tâm). Nếu vậy thì các thông số “<i>xa nhất</i>”, “<i>bãi đỗ xe chữa cháy không được quá 20m</i>” là thừa, và gây khó hiểu cho quy định này.</p>	
<p><b>73.</b> Điều 6.6 cần làm rõ các nội dung:</p>	



<p>- “có mái bằng hoặc mái có độ dốc nhỏ hơn 25%” có nghĩa là chỉ quy định “phải có lối ra mái trực tiếp” khi nhà có mái là mái bằng hoặc mái có độ dốc nhỏ hơn 25%? Nếu mái có độ dốc không nhỏ hơn 25% thì không cần có đúng không?</p>	<p>Đây là quy định đối với lối ra mái trực tiếp từ buồng thang bộ hoặc qua các tầng áp mái. Trong mọi trường hợp phải có lối tiếp cận lên mái theo quy định tại đoạn thứ 2 và đoạn 3 của điều 6.6</p>
<p>- “Cho phép không bố trí các thang chữa cháy tại mặt chính của nhà nếu chiều rộng nhà không quá 150 m và ở phía trước nhà có tuyến đường ống cấp nước chữa cháy”, “mặt chính” là mặt nào? Không có quy định nào bắt buộc phải bố trí thang chữa cháy tại mặt chính, do đó quy định này là không cần thiết.</p>	<p>Có thể hiểu “mặt chính” là mặt có ý nghĩa về kiến trúc cần phải đạt được các ý đồ thiết kế về thẩm mỹ. Đây không phải là quy định mà đây là một điều khoản nói lòng để cho phép vẫn đảm bảo yêu cầu cung cấp lối tiếp cận lên mái nhưng không phá vỡ ý đồ thiết kế kiến trúc của nhà.</p>
<p>74. Điều 6.7 quy định: “Trong các tầng áp mái của nhà, trừ các nhà nhóm F1.4, phải có các lối ra mái qua các thang có định và các cửa đi, cửa nắp hoặc cửa sổ có kích thước không nhỏ hơn 0,6m x 0,8m”, vậy quy định tại điều này chỉ áp dụng cho nhà có tầng áp mái có đúng không?</p>	<p>Nội dung này quy định riêng đối với việc tiếp cận ra ngoài từ không gian tầng áp mái</p>
<p>75. Điều 6.12 cần làm rõ quy định này áp dụng cho tất cả các thang bộ hay chỉ áp dụng đối với thang bộ thoát nạn?</p>	<p>Chỉ áp dụng với cầu thang bộ thoát nạn</p>
<p>76. Điều 6.13 cần làm rõ các nội dung:</p>	
<p>- “Mỗi khoang cháy của các nhà có chiều cao PCCC lớn hơn 28 m (lớn hơn 50 m đối với nhà nhóm F1.3), hoặc nhà có chiều sâu của sàn tầng hầm dưới cùng (tính đến cao độ của lối ra thoát nạn ra ngoài) lớn hơn 9 m phải có tối thiểu một thang máy chữa cháy”, vậy nhà có chiều cao PCCC không lớn hơn 28m và chiều sâu hầm lớn hơn 9m thì phần hầm phải có thang máy chữa cháy, còn phần nổi có cần thang máy chữa cháy không? Nhà có chiều cao PCCC lớn hơn 28m và chiều sâu hầm không</p>	<p>Không cần bố trí thang máy chữa cháy đối với những khu vực không vượt quá giới hạn về chiều cao (đối với tầng nổi) hoặc chiều sâu (đối với phần ngầm)</p>

lớn hơn 9m thì phần nổi phải có thang máy chữa cháy, còn phần hầm có phải thang máy chữa cháy không?	
- “Có số lượng được tính toán đủ để khoảng cách từ vị trí các thang máy đó đến một điểm bất kỳ trên mặt bằng tầng mà nó phục vụ không vượt quá 60 m”, nội dung này cần làm rõ	Đây là khoảng cách theo bán kính.
+ Khoảng cách phục vụ này là bán kính hay là đường đi chuyển thực tế?	
+ Phần hầm vượt quá 60m nên cần từ 2 thang máy chữa cháy nhưng phần nổi chỉ trong khung cần 1 thang máy chữa cháy thì áp dụng như thế nào? (phần nổi dạng đơn nguyên...).	Việc bố trí cần tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của công trình trên nguyên tắc xem xét yêu cầu riêng cho từng khu vực
77. Điều 6.17.1 cần làm rõ đối với nhà trên 3 tầng hầm có phải bố trí phòng trực điều khiển chống cháy không?	Nhà có nhiều hơn 3 tầng hầm chưa thuộc phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn này.
78. Điều 6.17.2 cần làm rõ các nội dung:	
- “Phòng trực điều khiển chống cháy” không nhất thiết phải bố trí tại tầng 1, vì khi thỏa mãn có điều kiện tại điều này thì hoàn toàn có thể bố trí tại các tầng trên hoặc tầng hầm đúng không? Ví dụ trong các trường hợp cụ thể sau:	Quy chuẩn không quy định bắt buộc phải bố trí tại tầng 1.
+ Phòng trực bố trí ở các tầng trên (không ở tầng 1): có 1 cửa mở vào buồng thang bộ hoặc thang bộ loại 3; 1 cửa mở ra hàng lang.	
+ Phòng trực bố trí ở tầng hầm: có lối thang thoát nạn từ phòng thoát trực tiếp ra ngoài; 1 cửa mở vào phòng đệm có thang thoát nạn hoặc mở vào hành lang dẫn ra thang thoát nạn.	
- “Có hai lối ra vào: một lối thông với không gian trống ngoài nhà và một lối thông với hành lang chính để thoát nạn”, cần làm rõ các nội dung:	

<p>+ “<i>lối thông</i>” là như thế nào? (vì nhiều điều quy định có cụm từ “<i>lối ra trực tiếp</i>”), vậy “<i>lối thông</i>” này có cần ra trực tiếp không?</p>	<p>Lối thông là “lối ra vào” hoặc lỗ cửa có thể qua đó để đi từ phòng trực tiếp đến không gian cháy ra bên ngoài (hoặc ra hành lang thoát nạn chung) và để đi từ bên ngoài (hoặc từ hành lang thoát nạn chung) vào phòng trực tiếp khi cần chống cháy.</p>
<p>- Gian phòng này có số lượng người ít, đồng thời là người có chuyên môn sử dụng, do đó quy định cần có 2 lối ra là không hợp lý.</p>	<p>Mục đích có 2 lối để đảm bảo chắc chắn cho việc tiếp cận khi cần sử dụng phòng này khi có sự cố cháy và các cá nhân sử dụng phòng này có thể đến từ bất kỳ hướng nào. Quy định này có tham khảo từ quy định của các quốc gia khác.</p>
<p><b>79.</b> A.1.3.8 cần làm rõ cụm từ “<i>sàn chịu nhiệt</i>” là sàn như thế nào? Thông số cụ thể (vật liệu sàn, kết cấu, giới hạn nhiệt độ...).</p>	<p>Thực hiện theo tiêu chuẩn thiết kế riêng và tùy thuộc đặc điểm cụ thể của công trình.</p>
<p><b>80.</b> Quy định tại A.1.3.10 được hiểu như thế nào?</p>	
<p>- Hàng A, B thì quy định như thế nào? (có phải không được đặt trên giá cao tầng) hay không?</p>	<p>Về nguyên tắc, không bắt buộc phải thực hiện những quy định không được nêu trực tiếp trong quy chuẩn. Tiếp thu ý kiến để nghiên cứu hướng dẫn.</p>
<p>- Nếu hàng hạng C không để trên giá, nhưng chiều cao để hàng trên 5,5m thì sao? Hàng hạng C để trên giá mà chỉ được bố trí trong nhà 1 tầng thì rất vô lý.</p>	
<p><b>81.</b> A.2.2 cần làm rõ nội dung:</p>	
<p>- Một hệ thống bảo vệ chống cháy gồm: thiết bị đầu cuối, thiết bị ngoại vi, thiết bị cấp điện và đường truyền kết nối. Ví dụ:</p>	
<p>- Hệ thống báo cháy tự động gồm: đầu báo cháy, tủ trung tâm, chuông đèn nút ấn, điều khiển được thang máy, khởi động hệ thống chữa cháy, hút khói, dây dẫn.</p>	
<p>- Hệ thống Sprinkler gồm: đầu phun, máy bơm, đường ống, nguồn điện.</p>	

<p>- Hệ thống bảo vệ chống tụ khói gồm: miệng hút, quạt, đường ống, nguồn điện.</p>	
<p>+ Một hệ thống không hoạt động có thể xảy ra ở một trong các thiết bị trên hệ thống như: nguồn điện không hoạt động; tủ, máy bơm, quạt không hoạt động.</p>	
<p>+ Như vậy tính “<i>hoạt động độc lập</i>” như quy định tại điều này được hiểu là như thế nào? Có phải là mỗi đơn nguyên hoặc 1 khoang cháy phải có 1 hệ thống riêng không? Nếu như vậy thì vô cùng lãng phí.</p>	<p>Có thể là 1 hệ thống hoặc nhiều hệ thống, miễn là đảm bảo tính độc lập về hoạt động trong từng khoang cháy, tức là khi xảy ra sự cố ở một khoang cháy nào đó thì hoạt động theo dự kiến thiết kế của hệ thống ở những khoang cháy khác hoàn toàn không bị ảnh hưởng.</p>
<p>+ “<i>khoang cháy</i>” ở đây là quy định cho chiều cao hay cả khoang cháy theo mặt bằng?</p>	<p>Cả khoang cháy theo chiều cao và theo mặt bằng</p>
<p><b>82.</b> A.3.10 cần làm rõ các nội dung:</p>	<p>Nội dung này được đề cập tại A.2.10</p>
<p>- “<i>tầng kỹ thuật</i>” là tầng hầm 2 trở xuống thì có được bố trí máy biến áp không?</p>	<p>Chỉ bố trí máy biến áp trong tầng kỹ thuật là tầng hầm 1 hoặc tầng nửa hầm trở lên.</p>
<p>- “<i>thiết bị phân tích khí</i>” là thiết bị gì? “<i>phân tích</i>” thì có về thiên về thiết bị mà cho ra số liệu chuyên sâu (nồng độ, các loại khí...). Ở đây chỉ cần “<i>thiết bị phát hiện rò rỉ nhiên liệu</i>”.</p>	<p>Nội dung quy chuẩn đã nêu rõ mục đích của thiết bị phân tích khí: “thiết bị phân tích khí để phát hiện sự rò rỉ nhiên liệu”</p>
<p><b>83.</b> A.2.11 cần làm rõ nội dung: Vị trí trước lối vào thang máy thì được gọi là “<i>sảnh thang máy</i>” có đúng không? Vì có trường hợp cửa thang máy mở trực tiếp vào hành lang, khí đó, vị trí trước cửa thang máy là hành lang hay sảnh? Quy định này nên không áp dụng đối với tầng 1.</p>	<p>Không rõ nội dung kiến nghị nằm ở điều nào</p>
<p><b>84.</b> A.2.12 cần làm rõ các nội dung:</p>	
<p>- “<i>sảnh chung</i>” cụ thể là sảnh nào? có phải là sảnh thang máy chung? hay sảnh chung của nhà (ở tất cả các tầng)?</p>	<p>Sảnh chung là sảnh tại tầng ở cao độ thoát ra ngoài đường (tầng 1) và sử dụng chung của nhà.</p>

<p>- “<i>Lối ra từ thang máy</i>” được hiểu là tính từ thang trên tầng 1 hoặc tầng hầm có đúng không? Vì thang máy chữa cháy là thang phục vụ cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp do đó tầng 1 tính là “<i>lối vào</i>”. Nếu tầng 1 cũng tính là “<i>lối ra</i>” thì với quy định “<i>không được bố trí đi qua sảnh chung</i>” và “<i>sánh chung</i>” lại là sảnh của nhà thì chỉ có cách bố trí sảnh thang máy chữa cháy ở chu vi nhà và có lối vào trực tiếp từ bên ngoài nhà thì mới đảm bảo. Nếu như vậy thì vô cùng khó cho việc bố trí trong công trình.</p>	<p>Là lối ra tại tầng ở cao độ thoát ra ngoài nhà hoặc đi vào nhà (tầng 1)</p>
<p><b>85. A.2.14</b> cần làm rõ nội dung: Tại sao lại phải ngăn hành lang thành các “<i>khoang ngăn cháy</i>”?</p>	<p>Điều này không có quy định phải ngăn hành lang thành các “<i>khoang ngăn cháy</i>” mà quy định “<i>phân chia hành lang thành các khoang bằng vách ngăn cháy loại 1</i>”. Thuật ngữ “<i>khoang cháy</i>” được giải thích tại điều 1.4.29. Nội dung quy chuẩn không có thuật ngữ chuyên môn “<i>khoang ngăn cháy</i>”.</p>
<p>- Xét về mặt an toàn sẽ có một số yếu tố nguy hiểm sau:</p> <p>+ Làm cửa trên hành lang (nhất là cửa đặc) sẽ làm việc thoát nạn của người bị ảnh hưởng (chậm lại do phải có thêm động tác mở cửa; làm người di chuyển ngay sau người mở cửa bị bất ngờ và có thể bị chấn thương do cửa tự đóng, nhất là loại 2 chiều; làm giảm tầm nhìn khi di chuyển, nhất là khi lắp loại cửa đặc; làm giảm tầm nhìn của đèn chỉ dẫn thoát nạn).</p>	
<p>+ Làm thời gian khói tràn ngập không gian bị cháy nhanh hơn, trong khi thời gian di chuyển của người lại nhiều hơn, do đó người bị nguy hiểm hơn.</p>	

<p>+ Trường hợp một khoang bị cháy và trong khoang đó có thang thoát nạn thì người ở khoang không bị cháy vẫn có thể không biết mà đi chuyên vào khoang bị cháy (do đi chuyên theo đèn chỉ dẫn thoát nạn).</p>	<p>Thực hiện quy định tại 4.15</p> <p>Các khu vực cần phải bố trí hệ thống báo cháy địa chỉ và chuông báo cháy tự động đã được liệt kê cụ thể trong nội dung của điều này.</p> <p>Thực hiện theo các tiêu chuẩn hiện hành về hệ thống phát hiện cháy và báo cháy.</p> <p>Quy chuẩn đã nêu rõ “độc lập với phòng có công năng khác”</p>
<p>+ Đối với không gian phía trên trần giả có phải ngăn không?</p>	
<p><b>86.</b> A.2.26.1 cần làm rõ nội dung: “<i>hệ thống báo cháy địa chỉ</i>” ở mức độ như thế nào? (địa chỉ đến từng đầu báo, nút ấn hay có thể cho 1 khu vực vực).</p>	
<p><b>87.</b> A.2.26.2 cần làm rõ nội dung: hệ thống loa truyền thanh và điều khiển thoát nạn có yêu cầu kỹ thuật thế nào? (bố trí, số lượng, ngưỡng âm thanh, yêu cầu về liên động,...).</p>	
<p><b>88.</b> A.2.27.2 quy định: “<i>trạm bơm được bố trí độc lập với phòng có công năng khác</i>” như vậy trạm bơm chữa cháy cũng phải độc lập với trạm bơm sinh hoạt có đúng không?</p>	
<p><b>89.</b> A.2.27.5 cần làm rõ các nội dung:</p>	
<p>- Các lỗ cửa sổ và cửa đi mở vào hành lang hay chỉ cửa đi mở vào hành lang? (cả lỗ cửa sổ và cửa đi mở vào hành lang thì phù hợp hơn)</p>	<p>Cả cửa sổ và cửa đi</p>
<p>- Nếu chỉ quy định là cửa đi mở vào hành lang, còn cửa sổ bất kỳ thì cần làm rõ:</p>	
<p>+ Trường hợp gian phòng có lắp kính trên tường ngoài hoặc kính nhìn ra hành lang thì có cần bảo vệ bằng đầu phun không?</p>	<p>Nếu cửa sổ kính mở vào hành lang thì vẫn phải bố trí bảo vệ bằng đầu phun.</p>
<p>+ Việc bảo vệ tại các lỗ cửa sổ là không cần thiết và lãng phí (1 căn hộ có 2 phòng ngủ, 1 phòng khách: cần khoảng 9 đầu phun).</p>	

<p><b>90.</b> Tại A.2.28.8 cần làm rõ nội dung: “<i>dây điện và cáp điện có lớp khoáng hoặc dây điện và cáp điện khác có giới hạn chịu lửa không thấp hơn 120 phút</i>”, có yêu cầu các thông số E, I hay không?</p>	<p>Không yêu cầu</p>
<p><b>91.</b> Tại A.2.29.1 cần làm rõ cụm từ “<i>hoạt động độc lập</i>” là như thế nào? Độc lập về hệ thống hay độc lập về chế độ hoạt động?</p>	<p>Độc lập về chế độ hoạt động</p>
<p><b>92.</b> Tại A.2.29.2 cần làm rõ nội dung: “<i>Gian phòng đặt thiết bị thông gió phải đặt trong phạm vi khoang cháy mà thiết bị đó phục vụ, cho phép đặt trong một gian phòng chung thiết bị thông gió của các hệ thống phục vụ cho các khoang cháy khác nhau, trừ trường hợp sau đây</i>”, như vậy có nghĩa là phải thẩm duyệt cả bản vẽ hệ thống “<i>thông gió, điều hòa và sưởi ấm không khí</i>” có đúng không?</p>	<p>Công tác thẩm duyệt thiết kế phải thực hiện theo đúng quy định của Bộ Công an.</p>
<p><b>93.</b> Tại A.2.29.10 cần làm rõ các nội dung:</p>	
<p>- Trường hợp quạt được đặt trên mái nhà thì có phải đặt trong phòng không?</p>	<p>Không bắt buộc</p>
<p>- Hệ thống hút khói cục bộ cho từng tầng, quạt được lắp trực tiếp trên tường thì có phải bố trí trong phòng không?</p>	<p>Thực hiện theo quy định của tiêu chuẩn thiết kế được lựa chọn áp dụng</p>
<p><b>94.</b> Tại A.3.1.8 cần làm rõ các nội dung: “<i>hoạt động độc lập</i>” là như thế nào? Độc lập về hệ thống hay độc lập về chế độ hoạt động? Quạt “<i>tăng áp</i>” có được sử dụng chung không? Thiết bị kết nối có được sử dụng chung không? (ví dụ: dây dẫn, đường ống....).</p>	<p>Độc lập về chế độ hoạt động; Việc sử dụng chung hay riêng thực hiện theo thiết kế được phê duyệt.</p>
<p><b>95.</b> Tại Điều A.3.1.6 cần làm rõ các nội dung:</p>	
<p>- Quy định cho gara đặt ở tầng 1 hay lối ra ở tầng 1 của các gara (kể cả gara đặt ở tầng hầm)?</p>	<p>Lối ra ở tầng 1 của các gara</p>

<p>- Đây là giải pháp ngăn cháy, khói từ gara lên các tầng phía trên, tuy nhiên còn 1 trường hợp đối với gara hở từ tầng 2 trở lên thì chưa quy định, trường hợp này còn được phép thoát khói tự nhiên, do đó việc cháy lan lên các tầng phía trên còn nguy hiểm hơn.</p>	<p>Lưu ý thực hiện đúng các quy định về ngăn cháy lan giữa các khoang cháy.</p>
<p><b>96.</b> Tại A.3.1.8 cần làm rõ nội dung: “buồng thang bộ loại N2 không nhỏ hơn 1,05 m với khoảng cách hở thông thủy giữa các bản thang không nhỏ hơn 100 mm”, theo điều 6.12 thì khoảng hở giữa 2 vé thang là khoảng hở giữa các bản thang và giữa các lan can tay vịn (vì có trường hợp lan can tay vịn là chõm ra bên ngoài bản thang) và quy định cho mọi loại thang. Như vậy cần làm rõ:</p>	
<p>- Khoảng hở giữa các bản thang chỉ quy định cho thang N2 có đúng không? (vì cùng nằm sau dấu chấm phẩy).</p>	<p>Chỉ áp dụng cho N2</p>
<p>- Điều này chỉ quy định khoảng hở của 2 bản thang thì áp dụng như thế nào?</p>	<p>Áp dụng cho khe hở giữa 2 bản thang</p>
<p><b>97.</b> Tại A.3.1.10 cần làm rõ nội dung:</p>	
<p>- Trường hợp phân công năng khác năng cùng tầng thì “<i>lối ra thoát nạn riêng</i>” được hiểu là “<i>lối ra thoát nạn</i>” từ phòng đó là lối ra riêng và vào hành lang, sảnh, thang thoát nạn chung của nhà hay hành lang, sảnh, thang thoát nạn cũng phải riêng.</p>	<p>Lối ra thoát nạn riêng của 1 khoang cháy tức là không phải đi qua một khoang cháy khác</p>
<p>- Trường hợp phân công năng khác nằm khác tầng thì thang thoát nạn có phải riêng không?</p>	<p>Không cần</p>
<p><b>98.</b> Tại A.3.1.12 cần làm rõ “<i>cửa kín khói</i>” là cửa như thế nào? Thông số kỹ thuật cụ thể là gì?</p>	<p>Là cửa đạt yêu cầu khi được thử nghiệm tính kín khói theo quy trình tiêu chuẩn</p>
<p><b>99.</b> Tại A.3.1.16 cần làm rõ “<i>2 tuyến riêng biệt</i>” là như thế nào?</p>	<p>Tức là không đi theo cùng 1 tuyến. Khái niệm tuyến của hệ dẫn điện được xác định theo Quy phạm trang bị điện của Bộ Công thương.</p>



<p><b>100.</b> Tại A.3.2.1 cần làm rõ các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- “<i>cần phải bố trí tầng lánh nạn, gian lánh nạn</i>” có thể hiểu là bố trí tầng hoặc gian lánh nạn đều được có đúng không?</li> <li>- tại mục c quy định: “<i>Gian lánh nạn phải được thông gió tự nhiên</i>”, quy định này khá vô lý, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nếu là tầng lánh nạn thì không có quy định phải thông gió tự nhiên.</li> <li>+ Đây là quy định thông gió tự nhiên, vậy có đồng nghĩa với “thông gió tự nhiên khi có cháy” theo quy định tại chú thích 3 của D.2 không? (các thông số này có áp dụng cho thông gió khi có cháy không).</li> </ul> </li> <li>- “<i>diện tích gian lánh nạn</i>” là diện tích sàn hay diện tích mặt tường ngoài hay tổng diện tích các mặt tường?</li> <li>- “<i>Gian lánh nạn phải có lối ra thoát nạn trực tiếp đi vào buồng thang bộ không nhiễm khói và lối ra thoát nạn đi vào khoang đệm của thang máy chữa cháy</i>”, nội dung này được hiểu như thế nào? cửa gian lánh nạn mở trực tiếp vào khoang đệm hay mở ra ngoài phòng và từ không gian bên ngoài có lối dẫn đến khoang đệm thang máy chữa cháy?</li> <li>- “<i>Các đường thoát nạn dẫn vào gian lánh nạn phải đi qua một sảnh ngăn khói/sảnh thang máy chữa cháy hoặc một hành lang bên</i>”, nội dung này được hiểu như thế nào?</li> <li>+ Bất buộc đi qua một sảnh ngăn khói hoặc sảnh thang máy chữa cháy hay là bắt buộc đi qua 1 sảnh ngăn khói và 1 sảnh thang máy chữa cháy?</li> <li>+ Vị trí sảnh ngăn khói, sảnh thang máy chữa cháy, hành lang bên nằm ở đâu? Vì nếu quy định rõ: sảnh ngăn khói, sảnh thang máy chữa cháy, hành lang bên nằm cùng tầng với gian lánh nạn và dẫn trực tiếp vào gian lánh</li> </ul>	<p>Khi có gian lánh nạn thì tức là có tầng lánh nạn, vì tầng lánh nạn là tầng mà có gian lánh nạn.</p> <p>Nội dung quy chuẩn không có quy định này</p> <p>Các đặc điểm của thông gió tự nhiên đối với khu vực này phải tuân thủ quy định tại điểm c) của A.3.3</p> <p>Diện tích sàn</p> <p>Khái niệm “lối ra thoát nạn” đã được giải thích ở 1.4.33 và diễn giải rõ hơn tại 3.2.1</p> <p>Khái niệm “đường thoát nạn” đã được giải thích tại 1.4.16 và quy định rõ hơn tại 3.3</p> <p>Sảnh ngăn khói hoặc sảnh thang máy chữa cháy</p> <p>Việc bố trí các sảnh, hành lang này cần căn cứ theo ý đồ kiến trúc. “Đường thoát nạn” phải đảm bảo các quy định tại 3.3</p>
---	--

<p>nạn thì sẽ có giá trị an toàn cháy. Còn như quy định này chỉ viết là “<i>đường thoát nạn dẫn vào gian lánh nạn phải đi qua</i>” thì có thể hiểu là “<i>sánh ngăn khói, sảnh thang máy chữa cháy, hành lang bên</i>” nằm không cùng tầng với gian lánh nạn cũng được, miễn là đường thoát nạn có đi qua 1 không gian trên trước khi đi vào gian lánh nạn, như vậy quy định này sẽ không có giá trị an toàn cháy (vì “<i>đường thoát nạn</i>” trong trường hợp này sẽ là 1 đoạn dài từ điểm xa nhất có người (tầng trên cùng của khoang cháy) đi ra hành lang tầng vào thang thoát nạn ra tầng có gian lánh nạn, rồi mới đi vào lối dẫn vào gian lánh nạn).</p>	<p>Không</p>
<p>- Tại mục f quy định: “<i>Gian lánh nạn phải có trang thiết bị chống cháy gồm: họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống chữa cháy tự động sprinkler, chiếu sáng sự cố, điện thoại liên lạc với bên ngoài, hệ thống truyền thanh chỉ dẫn thoát nạn và tương tự</i>”, vậy có phải trang bị hệ thống báo cháy tự động, hút khói cơ khí không?</p>	<p>Những cơ sở có tên gọi khác nhau, nhưng có đặc điểm hoạt động giống hoặc tương tự với cơ sở kinh doanh karaoke, vũ trường đều thuộc phạm vi điều này.</p>
<p><b>101.</b> Cần làm rõ nội dung tại A.4.1 quy định đối với “<i>nhà kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường</i>”, như vậy quy định này sẽ không bao gồm quán bar có đúng không?</p>	<p>Không</p>
<p><b>102.</b> Tại Điều A.4.5 cần làm rõ “<i>vật liệu trang trí</i>” có đồng nghĩa với “<i>đồ vật trang trí</i>” không? (ví dụ như tranh, ảnh, bảng đèn led...).</p>	<p>Không</p>
<p><b>103.</b> Tại D.1.5 cần làm rõ các nội dung:</p> <p>- “<i>phải độc lập cho từng khoang cháy</i>” cụ thể là như thế nào? ví dụ một hệ thống hút khói sẽ gồm: miệng hút, ống dẫn, giếng góp, quạt, miệng xả, nguồn điện. Như vậy “<i>độc lập</i>” ở đây sẽ là 1 hệ thống riêng biệt hay có thể chung giếng góp, quạt, nguồn điện?</p>	<p>Có thể chung các thành phần giếng góp, quạt, nguồn điện</p>

<p>- Khoảng đệm thang máy chữa cháy, khoang đệm trước thang máy tại tầng hầm có phải “độc lập” không?</p>	<p>Nội dung góp ý, câu hỏi chưa rõ ràng. Nếu thang máy chữa cháy cũng đi xuống tầng hầm thì 2 khoang đệm này là 1. Nếu thang máy chữa cháy bố trí riêng thì khoang đệm thường và khoang đệm thang máy chữa cháy có thể không cần phải bố trí chung (có thể độc lập nhau).</p>
<p><b>104.</b> Cần làm rõ nội dung quy định tại D.1.6 vì tương đối khó hiểu, cụm từ “<i>Không cho phép sử dụng chung</i>” có tương đồng với “<i>độc lập</i>” hay không?</p>	<p>Xin tiếp thu đề nghị cứu đưa vào tài liệu hướng dẫn</p>
<p><b>105.</b> Tại D.2 cần làm rõ các nội dung sau:</p>	
<p>- Theo quy định tại D.2 thì tầng hầm/ nửa hầm chỉ quy định hút khói cho hành lang tại tầng hầm (điểm b) và tầng hầm được bố trí làm gara (điểm h), nếu hầm không có hành lang, không bố trí gara, không có gian phòng quy định tại điểm (g) thì hầm không phải hút khói có đúng không?</p>	<p>Những khu vực không có đặc điểm như nêu tại D.2 thì không cần thực hiện hút xả khói.</p>
<p>- “<i>đường hầm đi bộ của tầng hầm, nửa hầm</i>”, nếu viết như thế này thì có thể hiểu là “đường hầm của tầng hầm” thì rất khó hiểu. Ý ở đoạn này được hiểu là “phải hút khói cho hành lang và đường hầm đi bộ nằm ở tầng hầm, nửa hầm của các loại nhà được quy định” có đúng không?</p>	<p>Tiếp thu ý kiến đề nghị cứu đưa vào tài liệu hướng dẫn</p>
<p>- “<i>liên thông với phòng có người làm việc thường xuyên</i>”, “<i>liên thông</i>” ở đây là quy định cho các phòng ở tầng hầm, nửa hầm hay “liên thông” với cả các gian phòng ở phía trên?</p>	<p>Không phụ thuộc vị trí các gian phòng</p>
<p>- “<i>hành lang thương mại</i>” là hành lang gì? Có phải hành lang phục vụ cho các gian phòng thương mại trên tầng đó. Nếu như vậy có nghĩa là hành lang đó không phục vụ thương mại thì không cần hút khói có đúng không?</p>	<p>Tiếp thu ý kiến đề nghị cứu đưa vào tài liệu hướng dẫn</p>

<p>- “có người làm việc thường xuyên” là như thế nào? Lượng hóa ra sao có giống định nghĩa tại Điều 1.4.22 không?</p>	<p>Theo giải thích tại 1.4.22</p>
<p>- “Từ môi gian phòng liên thông với buồng thang bộ không nhiễm khói”, vậy “liên thông” có phải là được hiểu như là gian phòng đó có cửa mở trực tiếp vào buồng thang bộ không nhiễm khói?</p>	<p>Đúng</p>
<p>- “Từ mỗi gian phòng liên thông với buồng thang bộ không nhiễm khói, hoặc từ mỗi gian phòng không có thông gió tự nhiên khi có cháy sau: Diện tích từ 50 m<sup>2</sup> trở lên, thường xuyên hoặc nhất thời tập trung đông người (số lượng hơn 1 người trên 1 m<sup>2</sup> sàn, không tính diện tích chiếm chỗ của các thiết bị, vật dụng)”, theo bảng G.9 thì phòng có mật độ đông người nhất là 1m<sup>2</sup>/người mà theo điều này quy định gian phòng có trên 2 người/1m<sup>2</sup> sàn mới phải hút khói. Như vậy không có gian phòng nào phải hút khói với mọi quy mô diện tích.</p>	<p>Số lượng người sử dụng gian phòng trong trường hợp này không tính theo bảng G.9 mà theo nhiệm vụ thiết kế</p>
<p>- “Gara giữ xe” được hiểu là giữ xe ô tô hay mọi loại xe? Việc “kín, hở” có quy định cho gara ô tô tuy nhiên không có quy định cho gara xe máy, xe đạp.</p>	<p>Hiểu là giữ xe ô-tô và xe máy</p>
<p>- “cho phép hút xả khói qua khu vực liên kết là hành lang, sảnh, sảnh và hành lang thông tầng”, cần làm rõ “qua khu vực liên kết” nghĩa là như thế nào? không phải bố trí miệng hút trong phòng mà nếu khói lọt ra khỏi phòng thì sẽ sử dụng hệ thống hút khói ở hành lang hay hệ thống hút trong phòng và hành lang là hệ thống chung?</p>	<p>Hút từ hành lang, sảnh, sảnh và hành lang thông tầng, không bắt buộc phải hút trong gian phòng.</p>
<p>- Đối với Chú thích 2 và Chú thích 3, quy định này không yêu cầu việc ô cửa phải tự động mở khi có cháy và ô cửa không phải là loại thường mở,</p>	<p>Khái niệm các ô, lỗ cửa không đảm bảo là “thông gió tự nhiên khi có cháy” đã được phân biệt ở Chú thích 1 của D.2. Nếu các lỗ cửa, lỗ thông ở chú thích 2 và 3 có đặc</p>

<p>và không quy định chiều, hướng mở cửa, góc mở tối thiểu của cửa. Do đó sẽ có bất cập:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không quy định phải mở khi có cháy hoặc là loại lỗ thường mở thì khi có cháy nếu không có người ra mở cửa thì việc thoát khói là không có giá trị.</li> <li>+ Chỉ quy định về kích thước của “ổ cửa” mà không quy định về cánh cửa dẫn đến không có giá trị cho thoát khói (việc thoát khói từ không gian bên trong hành lang với không gian bên ngoài là thông qua cánh cửa (phụ thuộc vào hướng, chiều, góc mở của cánh cửa)). Ví dụ: (1) chiều mở cửa: nếu cửa mở ra ngoài sẽ thoát khói nhanh hơn là mở vào trong, cửa mở vào trong còn dẫn tới hiện tượng khói sẽ có khả năng tràn ngập sâu hơn xuống phía dưới; (2) hướng mở cửa ở phía mép phía trên ô cửa sẽ đảm bảo thông số 2,5m tính từ sàn tuy nhiên sẽ ảnh hưởng tới tính yêu cầu về tính “dễ dàng” cho người mở cửa, hướng mở cửa ở mép dưới ô cửa sẽ đảm bảo dễ dàng cho người mở cửa nhưng khói phải vượt qua ngưỡng 2,5m mới thoát ra bên ngoài; (3) góc mở cửa: lỗ mở sẽ tối ưu nhất khi góc mở của cánh cửa <math>\geq 90^\circ</math>.</li> </ul>	<p>điểm như Chú thích 1 thì không được coi là các lỗ thông, cửa dùng cho thông gió tự nhiên khi có cháy. Bên cạnh đó, việc thiết kế bảo vệ chống khói cần được thực hiện theo tiêu chuẩn chuyên ngành được lựa chọn áp dụng.</p>
<p><b>106.</b> Tại D.3 cần làm rõ “thoát khói trực tiếp” là như thế nào? (có nghĩa là có giải pháp thoát khói tự nhiên hoặc cưỡng bức đều được có đúng không?).</p>	<p>Tiếp thu ý kiến để nghiên cứu đưa vào tài liệu hướng dẫn và góp ý cho tiêu chuẩn quốc gia về bảo vệ chống khói</p>
	<p>Tức là khi có cháy thì khói từ các gian phòng đó đã được hút, xả hết không thoát ra các hành lang và sảnh liên quan.</p>

<p><b>107.</b> Tại D.4 cần làm rõ tại sao đưa ra các giới hạn quy định trong điều này? Ví dụ nếu có phòng nằm giữa 2 khoang hành lang và có cửa phòng mở ở mỗi khoang thì công suất của quạt hút khói sẽ không đảm bảo.</p> <p><b>108.</b> Tại D.7 cần làm rõ giải pháp ngăn chia như thế nào? ngăn kín toàn bộ hay ngăn lưng từ trần xuống tạo thành bể khói?</p> <p><b>109.</b> Tại D.8 cần làm rõ các nội dung sau:</p>	<p>Quy định này tương ứng với quy định về phân khoang ngăn khói đối với hành lang hoặc các gian phòng. Việc thiết kế bảo vệ chống khói cần phải thực hiện theo các tiêu chuẩn chuyên ngành được lựa chọn áp dụng.</p> <p>Việc thiết kế bảo vệ chống khói cần phải thực hiện theo các tiêu chuẩn chuyên ngành được lựa chọn áp dụng. Lưu ý giải pháp ngăn chia phải đảm bảo thêm quy định về biên dưới của lớp khói tại D1.2</p>
<p>- “Cơ chế cưỡng bức” là cơ chế như thế nào (tự nhiên hay cơ khí)?</p> <p>- “trong nhà nhiều tầng cần sử dụng”, như vậy có được hiểu là “bắt buộc” áp dụng không? (“cần” có vẻ như là khuyến khích, “phải” mới là bắt buộc).</p> <p>- Nếu là bắt buộc áp dụng thì sẽ mâu thuẫn với các quy định cho phép hành lang và gian phòng được thoát khói tự nhiên (tại mục c và g) điều D.2).</p> <p><b>110.</b> Tại D.9 cần làm rõ các nội dung sau:</p>	<p>Là không tự nhiên</p> <p>Được hiểu là không bắt buộc</p>
<p>- “Chiều cao ống xả khói tối thiểu 2 m nếu mái làm từ vật liệu cháy, cho phép lầy chiều cao ống xả khói thấp hơn nếu mái được bảo vệ bằng vật liệu không cháy trong khoảng cách tối thiểu 2 m tính từ mép cửa xả khói”, nội dung này được hiểu như thế nào? Chiều cao ống xả khói và khoảng cách từ mép cửa xả khói tính đến mái có giống nhau hay không?</p> <p>- Tại sao phải “xả qua cửa nắp hút khói”, chỉ xả qua cửa nắp có được không?</p> <p>- “Qua các ô thoáng, giếng xả khói nằm trên tường ngoài không có ô cửa hoặc cách các ô cửa không nhỏ hơn 5 m theo cả phương ngang và phương</p>	<p>Là khoảng cách tính điểm mà ống xả khói đi ra bề mặt mái đến điểm thấp nhất của miệng xả khói. Khoảng cách 2 m từ mép cửa xả khói không đồng nghĩa với chiều cao ống xả khói</p> <p>Tiếp thu ý kiến để nghiên cứu đưa vào tài liệu hướng dẫn</p>

<p>đứng và cách mặt đất hơn 2 m. Khoảng cách đến ô cửa có thể giảm xuống nếu bảo đảm vận tốc xả khói không nhỏ hơn 20 m/s” cần làm rõ:</p>	
<p>+ “ô cửa” được hiểu như thế nào? (ô cửa có cánh mở được, hay ô bất kỳ trên tường ngoài?).</p>	<p>Ô cửa có cánh mở được hoặc có các khe hở thông với không gian bên trong nhà</p>
<p>+ Khoảng cách ô cửa được giảm xuống bao nhiêu khi đảm bảo vận tốc xả khói lớn hơn 20m/s? bằng 0m có được không?</p>	<p>Giá trị cho phép giảm xuống cần căn cứ vào tính toán theo tiêu chuẩn thiết kế bảo vệ chống khói được lựa chọn áp dụng</p>
<p>- “Các quạt hút khói có thể đặt trên mái hoặc bên ngoài nhà với kết cấu bao che bảo đảm không cho người lạ tiếp cận. Cho phép đặt quạt hút trên tường ngoài nhà khi đáp ứng yêu cầu nêu tại đoạn d) của D.9”, cần làm rõ các nội dung:</p>	
<p>+ Quy định này có thể hiểu là “cho phép không đặt trong phòng” khi quạt bố trí ở các vị trí như quy định?</p>	<p>Quy chuẩn không bắt buộc đặt quạt hút khói bên trong nhà</p>
<p>+ Yêu cầu “kết cấu bao che bảo đảm không cho người lạ tiếp cận” rất khó xác định ở chỗ: “người lạ” là ai? “lạ” là so với ai? “bao che” như thế nào để đảm bảo không tiếp cận được? “tiếp cận” ở mức độ như thế nào? (không đến gần, không tác động vào quạt, hay không thể xâm nhập...).</p>	<p>“Người lạ” hiểu là người không có trách nhiệm liên quan đến quạt. Thiết kế cần thực hiện theo tiêu chuẩn chuyên ngành được lựa chọn áp dụng</p>
<p><b>111.</b> Tại D.13 cần làm rõ trường hợp ống dẫn của hệ thống tăng áp nằm trực tiếp trong khoang đệm, buồng thang thì có được bỏ qua giới hạn chịu lửa của ống dẫn không?</p>	<p>Thực hiện theo tiêu chuẩn thiết kế được lựa chọn áp dụng</p>
<p><b>112.</b> Tại E.1 cần làm rõ các nội dung:</p>	
<p>- “nhà công cộng” lấy theo quy định nào? (Theo phụ lục I Nghị định 06/2021/NĐ-CP trừ nhà ở, nhà công nghiệp thì các loại nhà có công năng khác đều là công trình công cộng hoặc theo phụ lục H cũng tương đồng với Nghị định 06/2021/NĐ-CP).</p>	<p>Theo khái niệm được xác định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP</p>

<p>- “gara để xe” là quy định cho mọi loại xe hay chỉ quy định cho xe ô tô?  “<i>tuong tự như đối với nhà kho</i>” là kho hạng nào?</p>	<p>Hiệu là xe ô-tô và xe gắn máy;  Mọi hạng kho</p>
<p>- Tại Chú thích 3 cần làm rõ:</p>	<p>Tiếp thu ý kiến đề nghị để nghiên cứu đưa vào nội dung tài liệu hướng dẫn</p>
<p>+ “<i>kết cấu lắp ghép dạng khung-tâm</i>” là nhà như thế nào?</p>	<p>Nội dung quy chuẩn có nghĩa là những nhà đó có bậc chịu lửa V, chứ không có nghĩa là các kết cấu đó tương đương bậc V.</p>
<p>+ Nếu kết cấu này tương đương bậc V thì tại sao lại phải tăng 20% khoảng cách?</p>	<p>Lưu ý thêm về bậc chịu lửa của nhà, tương ứng với quy mô nhà theo chiều cao và được hiểu là trong mọi trường hợp không được cao quá 2 tầng.</p>
<p>+ Tại sao kết cấu này chỉ quy định cho nhà 2 tầng? (nhà 1 tầng hoặc nhà từ 3 tầng trở lên thì sao? Không có quy định giới hạn số tầng của loại kết cấu này).</p>	<p>Tiếp thu ý kiến đề nghị để nghiên cứu đưa vào tài liệu hướng dẫn</p>
<p>- Tại Chú thích 4 cần làm rõ:</p>	
<p>+ Đối với trường hợp một nhà có bức tường cao hơn còn nhà kia có bức tường rộng hơn thì sao, khi đó áp dụng như thế nào?</p>	
<p>+ Như vậy điều kiện giảm khoảng cách là một nhà có bức tường phải có thông số cao hơn, đồng thời cũng phải rộng hơn và là tường ngăn cháy. Nếu chỉ cao hơn hoặc rộng hơn thì không được giảm khoảng cách có đúng không?</p>	
<p>- Tại chú thích 5 cần làm rõ:</p>	<p>Tiếp thu ý kiến đề nghị để nghiên cứu đưa vào tài liệu hướng dẫn</p>
<p>+ “<i>khác</i>” ở đây là khác so với cái gì (nhà nào, công trình nào)?</p>	
<p>+ “<i>công trình phục vụ sinh hoạt</i>” cụ thể là công năng gì?</p>	
<p>+ “<i>diện tích đất không xây dựng giữa chúng</i>” được hiểu như thế nào: đất trống xung quanh nhà? (thuộc nhà đó và không thuộc nhà đó...) hay chỉ</p>	<p>Hiệu là khoảng trống giữa hai nhà đang xét</p>



quy định cho khoảng đất nằm giữa 2 nhà (khi đó giới hạn để tính diện tích như thế nào?)	
Ví dụ: nhà văn phòng 9 tầng bậc chịu lửa I, có diện tích khoang cháy theo phương ngang là 5.000m <sup>2</sup> , như vậy 2 nhà có diện tích 2.500m <sup>2</sup> /sàn/nhà thì mới phải có khoảng cách chống cháy?	
<b>113.</b> Tại E.2 cần làm rõ các nội dung:	
- Quy định này chỉ quy định cho các nhà nằm trong khuôn viên của 1 cơ sở có đúng không? (được hiểu như là 1 trong ranh giới đất của 1 chủ sở hữu).	Đây là khoảng cách giữa 2 nhà, có thể cùng hoặc không cùng 1 chủ cơ sở
+ Nếu hiểu như vậy thì cần làm rõ: trường hợp trong khu, cụm công nghiệp thì hiểu như thế nào (cả khu, cụm đó là 1 cơ sở; hay từng cơ sở có các nhà riêng).	
+ trường hợp nhà xưởng của cơ sở này đến nhà xưởng của cơ sở khác thì tính như thế nào (nếu trường hợp này phải tính đến ranh giới đất thì cần làm rõ khoảng cách đến ranh giới đất các mẫu thuẫn gì khi các nhà nằm trong 1 khu đất).	
- Chú thích 2 cần làm rõ:	
+ “tổng diện tích mặt sàn” là diện tích 1 sàn hay diện tích của các mặt sàn.	Các mặt sàn
+ Tại sao chỉ quy định cho nhà 2 tầng trở lên, nhà bậc chịu lửa III, IV. Về mặt an toàn nhà 1 tầng, nhà bậc I, II phải có tính an toàn cháy hơn, do đó cũng cần được giảm khoảng cách. Nếu theo phụ lục H.4 và H.5 nhà 1 tầng, nhà bậc I, II có diện tích khoang cháy lớn, có trường hợp còn không hạn chế diện tích khoang cháy thì có thể quy định thêm “ <i>diện tích không</i> ”	Tiếp thu ý kiến để nghiên cứu đưa vào tài liệu hướng dẫn

<p>được lớn hơn diện tích khoang cháy lớn nhất quy định cho nhà từ 2 tầng trở lên và có bậc chịu lửa III, IV”.</p>	
<p>+ “tính theo hạng nguy hiểm cháy cao nhất, bậc chịu lửa và cấp nguy hiểm cháy thấp nhất” có thể hiểu là tính cho 2 nhà đang xét (nhà nào theo quy định tại phụ lục H có diện tích khoang cháy nhỏ hơn).</p>	Đúng
<p>+ “Nếu tường của nhà cao hơn hoặc rộng hơn quay về phía một công trình khác là tường ngăn cháy loại I”, được hiểu là 1 nhà có tường cao hơn, 1 nhà có tường rộng hơn thì tường của 1 trong 2 nhà là tường ngăn cháy loại 1 là được có đúng không?</p>	Tiếp thu ý kiến đề nghị nên đưa vào tài liệu hướng dẫn
<p>+ Quy định tại mục c, Chú thích 2 có thể hiểu như thế nào? Ý hiểu 1: nhà thứ nhất có bậc chịu lửa III, nhà thứ hai có tường (đôi điện nhà thứ nhất) là tường ngăn cháy loại 2 với lỗ mở được chèn bít bằng cửa hoặc van ngăn cháy loại 2 thì không quy định khoảng cách. Nếu hiểu như vậy thì khá vô lý so với các loại nhà khác (bậc I, II). Ý hiểu 2: 2 nhà có bậc chịu lửa III, mọi hạng, tường đối diện là tường ngăn loại 2 thì không yêu cầu khoảng cách.</p>	Tiếp thu ý kiến đề nghị nên đưa vào tài liệu hướng dẫn
<p><b>114.</b> Tại E.3 cần làm rõ các nội dung:</p>	
<p>- “khu đất liền kề” cụ thể là khu đất nào? (là khu đất liền kề với khu đất xây dựng công trình hay là khu đất trống sát cạnh công trình)?</p>	Là khu đất được xác định tùy theo từng trường hợp liên quan đến “đường quy ước”.
<p>- “đường giao thông tiếp giáp” là đường nào (tiếp giáp với công trình hay với khu đất xây dựng công trình)? Trường hợp: công trình tiếp giáp với đường giao thông nội bộ nằm trong khu đất và tiếp giáp với đường giao thông chung nằm bên ngoài thì tính như thế nào?</p>	Tiếp giáp với nhà, không phụ thuộc là đường chung hay đường nội bộ

<p>- “<i>đường trung tuyến</i>” của đường giao thông là đường nào? Nếu đường không thẳng thì xác định “<i>đường trung tuyến</i>” như thế nào?</p>	<p>Tiếp thu ý kiến để nghiên cứu đưa vào nội dung tài liệu hướng dẫn</p>
<p><b>115.</b> Khi đảm bảo khoảng cách theo quy định tại E.1 và E.2 thì có cần phải đảm bảo khoảng cách quy định tại E.3 không?</p>	<p>Thực hiện theo hướng dẫn trong văn bản số 1091/C07-P3, P4, P7, ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Cục CS PCCC&amp;CNCH</p>
<p><b>116.</b> Tại H.2.4.3 cần làm rõ các nội dung: Theo quy định thì nhà trẻ: 3 - 36 tháng tuổi; mẫu giáo: 3 tuổi - 6 tuổi; mầm non: 3 tháng - 6 tuổi; Như vậy quy định này chỉ quy định cho nhà trẻ? Còn trường mầm non có quy định không? (về bản chất phải quy định cho trường mầm non). Có phải chỉ quy định cho nhà 3 tầng, còn nhà trên 3 hoặc 2 tầng thì sao? có quy định không?</p>	<p>Tiếp thu ý kiến để nghiên cứu đưa vào tài liệu hướng dẫn</p>
<p><b>117.</b> Tại H.2.4.4 cần làm rõ các nội dung:</p>	<p>Tiếp thu ý kiến để nghiên cứu đưa vào tài liệu hướng dẫn</p>
<p>- “<i>trên tầng 3</i>” được hiểu là tầng phía trên tầng 3 hay là tại tầng 3. Nếu hiểu là tầng phía trên tầng 3 thì mâu thuẫn với bảng H.5 (số tầng lớn nhất là 3 tầng).</p>	<p>Hiệu là tầng 3.</p>
<p>- Điều này chỉ quy định đối với “<i>nhà trẻ</i>”, vậy trường mầm non và mẫu giáo thì như thế nào?</p>	
<p>- “<i>Khi đó các phòng có diện tích lớn hơn 50 m2 thì phải có một trong các lối ra thoát nạn dẫn trực tiếp vào buồng thang bộ</i>” quy định này được hiểu là khi nhà có trên 3 tầng, có phòng trên 50m<sup>2</sup> thì phải có tối thiểu 1 buồng thang bộ có đúng không?.</p>	<p>Hiệu là các phòng đang xét nằm tại tầng 3</p>
<p>- “<i>dẫn trực tiếp vào buồng thang</i>” là như thế nào? Có phải là gian phòng có lối ra mở trực tiếp vào buồng thang bộ không?</p>	<p><b>Đúng</b></p>

<p>- “Trong nhà trẻ, mẫu giáo, mầm non, các hành lang nói các buồng thang bộ cần được ngăn cách với các phòng bằng vách ngăn cháy không thấp hơn loại 2”, quy định này chỉ yêu cầu nói các buồng thang kín với nhau, vậy thang bộ loại 1 và buồng thang bộ loại 2 có cần nói với nhau hay không? Trường hợp các thang buồng thang nói với nhau bằng hành lang hở thì tường các gian phòng và cửa ở trên tường phải có GHCL tương đương với vách ngăn cháy không thấp hơn loại 2 có đúng không?</p>	<p>Cần xác định rõ khái niệm “cầu thang bộ loại 1” và “buồng thang bộ”. Không có khái niệm “buồng thang bộ loại 2” Quy định chỉ áp dụng đối với hành lang kín</p>
<p><b>118.</b> Tại H.2.12.3 cần làm rõ “diện tích xây dựng của nhà” là diện tích sàn tầng 1 hay diện tích các sàn cộng lại?</p>	<p>Tiếp thu ý kiến đề nghị nên đưa vào tài liệu hướng dẫn</p>
<p><b>119.</b> Tại mục H.2.12.8 cần làm rõ “Nhà thư viện không được cao quá 28 m”, vậy phòng thư viện trong nhà công năng khác có được bố trí ở chiều cao trên 28m không?</p>	<p>Không</p>
<p><b>120.</b> Tại mục 2) Bảng H.9 cần làm rõ việc “áp dụng NFPA 5000” của Phòng Cảnh sát PCCC&amp;CNCH - Công an các địa phương có cần xin phép Cục Cảnh sát PCCC&amp;CNCH hay không? “tiêu chuẩn tương đương” là tiêu chuẩn như thế nào?</p>	<p>Việc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài phải thực hiện các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Việc đánh giá tính tương đương của các tiêu chuẩn phải được thực hiện bởi các đơn vị tư vấn (hoặc cơ quan chuyên môn) có đủ năng lực, kinh nghiệm trong xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn.</p>

**III. Giải trình, thảo luận cụ thể các đề xuất của Công an tỉnh Tiền Giang về khó khăn vướng mắc do quy định QCVN 06:2022/BXD**

(Kèm theo Công văn số 199/BC-CAT-PCCC&CNCH ngày 21/4/2023 của Công an tỉnh Tiền Giang)

Điều	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
<b>Mục 5</b>	<p>Quy định cấp nước chữa cháy nhưng không có quy định về việc cho phép sử dụng nguồn nước từ các tuyến sông, tuyến kênh để phục vụ cấp nước chữa cháy cho công trình. Từ đó dẫn đến các cơ sở xây dựng ven các tuyến sông, tuyến kênh có nguồn nước dồi dào nhưng phải xây dựng bể nước chữa cháy theo quy định gây tốn kém về kinh phí</p>	<p>Phần 5 của QC đưa ra các quy định về lưu lượng, các yêu cầu an toàn cho cấp nước chữa cháy đối với từng loại nhà theo công năng. Sử dụng bể nước hay nước từ các tuyến sông là giải pháp được đưa ra nhằm đảm bảo các yêu cầu này. Việc sử dụng nước từ sông, kênh không bị hạn chế trong QC tuy nhiên phải đảm bảo lưu lượng nước phục vụ chữa cháy (quy định tại mục 5.1.5)</p>
<b>Mục 6.2</b>	<p>Quy định về đường, bãi đỗ xe chữa cháy. Tuy nhiên, theo đặc thù về địa hình sông ngòi của địa phương thì một số cơ sở xây dựng và hoạt động ven các tuyến sông, tuyến kênh nên không có bãi đỗ xe, đường cho xe chữa cháy tiếp cận (phương tiện giao thông chủ yếu là đường thủy). Mặt khác, một số cơ sở nằm trên các trục đường đảm bảo hoạt động cho xe chữa cháy nhưng không thể bố trí bãi đỗ cho xe chữa cháy đảm bảo theo quy định do chiều rộng của cơ sở tiếp xúc mặt đường nhỏ hơn nhiều lần so với chiều dài của cơ sở.</p>	
<b>Phụ lục E</b>	<p>Quy định khoảng cách phòng cháy và chống cháy. Tuy nhiên, một số công trình tại địa phương xây dựng liền kề với nhau (đã xây dựng hết đất sử dụng) không đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC và không thể áp dụng các giải pháp ngăn cháy lan (do công trình có chiều cao lớn không thể xây tường ngăn cháy được)</p>	<p>Quy định này đã có trong QCVN 06:2010/BXD. Cần làm rõ các công trình xây dựng trước khi ban hành quy chuẩn hay sau quy chuẩn ban hành. Đối với các công trình xây dựng trước khi quy chuẩn ban hành thì xin ý kiến của Cơ quan CSPCCC có thẩm quyền.</p>

**IV. Giải trình, thảo luận cụ thể các đề xuất của Công an tỉnh Gia Lai về khó khăn vướng mắc do quy định QCVN 06:2022/BXD**

(Kèm theo Công văn số 1637/CAT-PC07 ngày 21/4/2023 của Công an tỉnh Gia Lai)

Điều	NỘI DUNG CỦA QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>Hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về PCCC chưa ổn định, thường xuyên thay đổi, còn một số quy định khó áp dụng tại các địa phương (như quy định về đảm bảo lượng nước phục vụ chữa cháy, nhất là tại công trình ở các địa bàn vùng nông thôn, vùng cao chưa có hệ thống cấp nước đô thị, cơ sở kinh doanh khí đốt hóa lỏng, cửa hàng xăng dầu; bố trí hệ thống chữa cháy các tuyến đường giao thông nhỏ hẹp tại đô thị; vật liệu trang trí tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường; bán kính phục vụ của 01 đội, trạm chữa cháy)</p>	<p>Các nội dung của QCVN 06:2022/BXD đều đã có trong QCVN 06:2010/BXD, QCVN 06:2020/BXD và QCVN 06:2021/BXD. QCVN 06:2022/BXD đã làm rõ, bổ sung thêm nhiều giải pháp, lựa chọn cho các đối tượng công trình cụ thể, vẫn kế thừa cơ bản về cấu trúc, nguyên lý, các khái niệm và hệ thống chỉ tiêu kỹ thuật của QCVN 06 các phiên bản trước. Nhìn chung, phiên bản QCVN 06:2022/BXD đã có những cập nhật đáng kể, bổ sung, giảm đáng kể chi phí đầu tư PCCC</p> <p>- Nhà và công trình thuộc phạm vi quản lý của QCVN 06:2022/BXD được quy định tại mục 1.1.2, các công trình kinh doanh khí đốt hóa lỏng, cửa hàng xăng dầu không thuộc đối tượng tuân thủ theo QCVN 06</p> <p>- Các vấn đề liên quan đến cấp nước chữa cháy, vật liệu hoàn thiện trang trí đều đã được quy định từ QCVN 06:2010/BXD. Các công trình/ nhà được xây dựng trước khi quy chuẩn ban hành cần xin ý kiến của cơ quan CSPCCC có thẩm quyền.</p>

V. Giải trình, thảo luận cụ thể các đề xuất của Công an Hà Nội trong cuộc họp ngày 02/8/2023

Điều	NỘI DUNG CỬA SỬA ĐỐI 01 QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	Đề nghị xem xét ctrình có 1 lối thoát nạn cho phép nâng chiều cao lên từ 21 m lên 25 m	không có cơ sở nâng từ 21 m lên 25 m, có thể cân nhắc đối với 1 số nhóm nhà có mức nguy hiểm cháy thấp: trụ sở, văn phòng, không chấp nhận cho F1.1, F1.2 và F2.3, có thể chấp nhận nhóm F4 hoặc từ chiều cao 21 m -25 m có thể đề xuất tách ra và yêu cầu sử dụng thang kín để tránh các luận chứng.
	Hiện nay tiêu chuẩn TCVN 13657-1 đã được ban hành, có thể áp dụng cho các công trình để giảm lượng nước chữa cháy bằng đầu phun, đề nghị cân nhắc đưa vào quy chuẩn	Tiếp thu và xem xét
	Mục 3.1.7 mâu thuẫn với 3.4.12 về tường ngăn cháy loại 2 tại khoảng đệm	Tiếp thu làm rõ
	Điều 3.2.9 cửa 2 cánh phải tự động đóng lân lượt. Đang hiểu là bất kỳ cửa nào cũng phải đảm bảo đóng lân lượt, ví dụ như cửa mở vào hành lang bên của trường học	Nội dung này không áp dụng cho cửa không chống cháy
	Liên quan đến ô lấy sáng thang L1 và thang L2 chưa rõ	Tiếp thu làm rõ
	Điều A.3.1.6 có cân các mái đua ở các tầng trên thay vì chỉ yêu cầu tầng 1 đối với các gara được bố trí trên các tầng nổi	Đã có yêu cầu chống cháy lan theo phương đứng tại mục 4.32 và 4.33
	Mục H.2.4.5 Trên tầng 3 của nhà trẻ cho phép bố trí các phòng dành cho lớp lớn...Khi đó các phòng có diện tích lớn hơn 50 m <sup>2</sup> phải có một trong các lối ra thoát nạn <b>dẫn</b> trực tiếp vào buồng thang nổi.	Tiếp thu và làm rõ câu chữ để không hiểu nhầm
	Bảng H.5 đối với các nhà trẻ lớn hơn 350 cháu thì bố trí như nào	Có thể phân chia thành 2 khoang cháy độc lập sử dụng chung thang bộ loại 2 ở giữa, ở 2 đầu bố trí thêm 2 thang bộ loại 2.
	A.2.29.1 hiểu thế nào là hoạt động độc lập	Độc lập là hoạt động riêng cho từng khu vực, điều khiển bằng hệ thống điện tử.
	5.1.5.9 bán kính phục vụ xe bơm là 400 m chưa phù hợp với loại xe bơm thực tế, hiện tại xe bơm thực tế có thể chuyển nước đến 1,2 km	Nội dung thuộc đề xuất của Cục CSPCCC & CNCH, tiếp thu để làm rõ

Điều	<p style="text-align: center;"><b>NỘI DUNG CỦA SỬA ĐỔI 01 QCVN 06:2022/BXD</b></p>	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>Mục 5.1.5.9: quy định lấy nước từ bồn, bể hoặc hồ không ít hơn 30 m chưa phù hợp, gây khó khăn cho công tác tính toán thấm duyệt và chưa phù hợp với thực tế.</p>	Tiếp thu xem xét
	<p>Mục 5.1.5.10 đang quy định cứng thể tích hố thu tối đa 5 m<sup>3</sup> nếu lớn hơn 5m<sup>3</sup> thì có đc làm không</p>	Tiếp thu, chỉnh sửa thành hố thu trung gian có thể tích tối thiểu 3 m <sup>3</sup>
	<p>Bản sửa đổi 01 đang quy định chiều rộng bản thang là chiều rộng thông thủy , đề xuất giữ nguyên bản cũ là chiều rộng của bản thang</p>	Tiếp thu, xem xét
	<p>Mục 6.12, Thang ngoài nhà loại 3 đề xuất không cần khe hở giữa các thang</p>	Tiếp thu, chỉnh sửa
	<p>Đường quy ước đối với công trình xây dựng trước là khó thực hiện nên đề nghị làm rõ hơn. Chỉ áp dụng đường ranh giới khu đất khi có đủ thông tin của các công trình lân cận.</p>	Tiếp thu nghiên cứu xem xét



## PHỤ LỤC C.3-2

### GIẢI TRÌNH CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ NGHIÊN CỨU SỬA ĐỔI TRONG QCVN 06:2022/BXD CỦA CÁC SỞ XÂY DỰNG, UBND TỈNH, THÀNH PHỐ

1. Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh An Giang .....	5
2. Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu .....	9
3. Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Tỉnh Bắc Kạn .....	12
4. Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Tỉnh Bắc Giang .....	13
5. Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Tỉnh Bắc Ninh - Phụ Lục I (Sở, Ngành, Địa Phương) .....	15
6. Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Tỉnh Bắc Ninh - Phụ Lục II (Ban Quản Lý Các Khu Cn) .....	22
7. Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Bình Định .....	27
8. Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Bình Định .....	28
9. Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Bình Phước .....	31
10. Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Cà Mau .....	32
11. Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Thành Phố Đà Nẵng .....	33
12. Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Đắk Nông .....	34
13. Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Đồng Nai .....	35
14. Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Đồng Tháp .....	42
15. Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Gia Lai .....	43

16.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Hà Nam.....	44
17.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Tỉnh Hòa Bình .....	46
18.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Hưng Yên.....	48
19.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Kon Tum .....	49
20.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Lai Châu .....	50
21.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Tỉnh Lâm Đồng.....	51
22.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Tỉnh Lạng Sơn .....	53
23.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Ninh Bình .....	54
24.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Ninh Thuận .....	56
25.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Phú Thọ .....	57
26.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Phú Yên .....	59
27.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Quảng Nam.....	60
28.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Quảng Ninh.....	61
29.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Quảng Trị.....	62
30.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Nam Định.....	63
31.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Tỉnh Nam Định .....	64
32.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Tỉnh Nghệ An .....	65
33.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Thanh Hóa .....	66
34.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Nghệ An .....	72
35.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Vĩnh Phúc .....	74
36.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Yên Bái .....	77

37.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Tỉnh Yên Bái.....	78
38.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Cần Thơ.....	79
39.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Sóc Trăng.....	80
40.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Tỉnh Quảng Nam.....	81
41.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Tỉnh Quảng Ngãi.....	83
42.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Tỉnh Lạng Sơn.....	86
43.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Hòa Bình.....	87
44.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Điện Biên.....	88
45.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Hà Giang.....	90
46.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xây Dựng Tỉnh Thái Bình.....	91
47.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Thành Phố Hải Phòng.....	97
48.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Tỉnh Ninh Bình.....	99
49.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Tỉnh Tiền Giang.....	100
50.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Tỉnh Vĩnh Phúc.....	101
51.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Tỉnh Thái Bình.....	103
52.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Tỉnh Thanh Hóa.....	104
53.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Thành Phố Cần Thơ.....	109
54.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sxd Thành Phố Hồ Chí Minh.....	110
55.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sxd Trà Vinh.....	112
56.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xd Bắc Kạn.....	113
57.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xd Bắc Ninh.....	114

58.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xd Sơn La.....	115
59.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xd Quảng Ninh .....	116
60.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xd Tiền Giang.....	118
61.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Ban Quản Lý Các Kcn Tỉnh Bắc Giang.....	119
62.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Tỉnh Thanh Hóa .....	122
63.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của UBND Đắk Nông .....	123
64.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Đoàn Đbqh Tỉnh Bắc Giang .....	124
65.	Giải Trình, Thảo Luận Cụ Thể Về Các Đề Xuất Của Sở Xd Tỉnh Long An .....	128

# 1. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG

( theo Công văn số 1369/SXD-SXD-KT&QLXD ngày 20/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh An Giang)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
1.1	<p>Đối với các công trình trường học đòi hỏi phải có thiết kế hệ thống cấp nước chữa cháy là điều bắt buộc; không phù hợp thực tế. Đối với những thành phố lớn, mật độ xây dựng cao, việc quy định thiết kế báo cháy và chữa cháy là cần thiết. Trong khi đó, đối với khu vực nông thôn, hoặc thành phố nhỏ, mật độ xây dựng không cao, việc quy định phải thiết kế hệ thống báo cháy và chữa cháy cần được xem xét lại và điều chỉnh.</p>	<p>Cần có nước để chữa cháy. Nếu không có hệ thống cấp nước chữa cháy thì không rõ sẽ thay thế bằng giải pháp gì. Quy chuẩn 06 không quy định về hệ thống báo cháy. Yêu cầu của TCVN 3890-2023 (Bộ CA) phải lắp đặt hệ thống báo cháy tự động khi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với Nhà trẻ, mẫu giáo, mầm non: Có từ 100 cháu trở lên hoặc khối tích từ 1 000 m<sup>3</sup> trở lên (Cho phép trang bị thiết bị báo cháy cục bộ khi chiều cao dưới 15 m và khối tích dưới 1 500 m<sup>3</sup>);</li> <li>- Đối với trường học: Cao từ 5 tầng trở lên hoặc khối tích từ 5 000 m<sup>3</sup> trở lên (Cho phép trang bị thiết bị báo cháy cục bộ khi khối tích nhỏ hơn 2 000 m<sup>3</sup>).</li> </ul> <p>Như vậy, chỉ đối với các trường học quy mô lớn mới cần trang bị báo cháy tự động. Các trường học quy mô nhỏ hơn (từ 4 tầng trở xuống hoặc khối tích dưới 5000 m<sup>3</sup>) không cần trang bị.</p> <p>Cần tìm hiểu các quy định và rà soát các đề xuất của đơn vị tư vấn PCCC trên nguyên tắc chỉ thực hiện đúng những gì QC, TC yêu cầu.</p>
1.2	<p>Độ tuổi mẫu giáo, các bé chưa nhận thức được đầy đủ, việc quy định thiết kế báo cháy, chữa cháy là hợp lý. Đối với học sinh</p>	<p>Như trên đã trả lời.</p>

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
1.3	<p>tiêu học trở lên, thiết kế báo cháy, chữa cháy là chưa thực sự cần thiết. Chưa kể đến trường hợp quy mô công trình cần được quy định rõ: công trình 1-2 tầng áp dụng như công trình cao tầng là chưa hợp lý. Ngoài ra, công trình trường học không có vật liệu dễ cháy nên cần có quy định thoáng hơn.</p> <p>Quy định về loại công trình phải thực hiện thẩm duyệt phòng cháy cũng cần xem xét lại: năng lực cán bộ phòng cháy, chữa cháy hiện nay không đáp ứng yêu cầu do số lượng công trình phải thẩm duyệt là quá nhiều. Quy mô công trình cần phân biệt về chiều cao, số tầng; không thể áp dụng chung về khối tích hoặc quy mô học sinh (như đã đề cập ở trên).</p>	<p>Đây là nội dung quy định thuộc ND 136/2020/ND-CP. Hiện nay Bộ CA đang sửa đổi ND này và đã có dự thảo lấy ý kiến rộng rãi.</p>
1.4	<p>Yêu cầu thiết kế bể nước chữa cháy có khối tích quá lớn, không cho sử dụng chung nước sinh hoạt, gây khó khăn trong việc bố trí mật bằng, giải pháp thi công (thi công ngầm, đào sâu ...) cho các dự án xây dựng tại vị trí hiện hữu trong đô thị.</p>	<p>Đối với các công trình hiện hữu khó thi công bổ sung bể nước chữa cháy: Xem thêm Hướng dẫn của Bộ CA và Bộ XD về các giải pháp tăng cường, bổ sung đối với công trình hiện hữu.</p> <p>Đối với công trình xây mới: QC 06 cho phép giảm thời gian chữa cháy đối với các công trình quy mô nhỏ (5.1.3.3), cho phép kết hợp với đường ống chữa cháy của khu (5.1.3), kết hợp với nước sản xuất (5.1.2.6), cho phép lấy theo chỉ một phần nhà (không phải toàn nhà) được ngăn bằng tường ngăn cháy (5.1.2.4). Trường hợp khu vực chưa có hạ tầng kỹ thuật đảm bảo cấp nước chữa cháy thì được thực hiện theo hướng dẫn riêng của CS PCCC địa phương (5.1.2.8). Đối với bể nước chữa cháy, cho phép tính đến việc lấy nước từ các nguồn trực tiếp khác (ví dụ</p>

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
1.5	Yêu cầu thiết kế cầu thang thoát hiểm đảm bảo 1 điểm cháy trên hành lang (rất hiểm xảy ra) phải có lối thoát hiểm làm tăng số lượng cầu thang và diện tích sàn xây dựng dùng chung, vượt tiêu chuẩn xây dựng theo qui định.	ao hồ) (5.1.5.2), cho phép tính toán kết hợp vừa chữa cháy vừa cấp thêm nước vào bể, giảm thể tích bể (5.1.5.4), ... Không rõ vượt tiêu chuẩn xây dựng theo quy định là tiêu chuẩn nào. Các công trình lớn thuộc các nhóm công năng tập trung đông người phải có hai lối thoát nạn. QC 06 cũng cho phép nhiều trường hợp công trình vừa và nhỏ có 1 lối thoát nạn (3.2.6).
1.6	Qui định hạn chế chiều cao tiếp cận xe chữa cháy cho công trình bệnh viện tối đa 28m không phù hợp cho các dự án xây dựng tại vị trí hiện hữu trong đô thị, không đáp ứng mật độ xây dựng, không đáp ứng qui mô khám chữa bệnh, không phù hợp kiến trúc cảnh quan, đồng bộ khi đầu nói khối công trình hiện hữu cao hơn 28m.	Nguyên tắc cơ bản là yêu cầu an toàn cháy gắn với nhóm nguy hiểm cháy theo công năng, không theo tên công trình hay dự án. Ví dụ Công trình bệnh viện sẽ có nhiều công năng khác nhau: điều trị nội trú (F1.1), khu hành chính, văn phòng (F4.3), khu điều trị ngoại trú (không có phòng ngủ đêm) nhóm F3.3, ... (bảng 6). Cần hiểu rằng quy định về chiều cao PCCC 28 m là dành cho nhóm F1.1, các công năng khác theo các yêu cầu cụ thể với công năng đó (ví dụ F4.3 có thể bố trí đến 150 m). Không phải cứ công trình tên là Bệnh viện thì xếp toàn bộ vào nhóm F1.1.
1.7	Ngoài các yêu cầu, qui định trên, việc bắt buộc trang thiết bị về vật liệu chống cháy (có thời gian 48 giờ), khoang cháy..... là bất hợp lý làm tăng suất đầu tư các dự án rất lớn, làm vượt tổng mức đầu tư.	Trong tất cả các QC, TC lĩnh vực PCCC không có bất cứ quy định nào về yêu cầu trang thiết bị về vật liệu chống cháy có thời gian 48 giờ.
1.8	Suất đầu tư xây dựng công trình: Suất đầu tư xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành không rõ có cập nhật quy định về phòng	Đề nghị Sở Xây dựng tỉnh An Giang tổ chức rà soát, kiểm tra lại các hồ sơ thiết kế sơ bộ, trường hợp cần thiết mời

<b>TT</b>	<p><b>Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD</b></p> <p>cháy chữa cháy hay chưa. Tuy nhiên, đối với tỉnh An Giang, khi áp dụng quy chuẩn 06:2022/BXD, trung bình phải phát sinh thêm 1,5 tỷ đồng/điểm trường. Trong năm 2023, nếu áp dụng theo QCVN 06:2022 (đại diện ngành phòng cháy đã gia giảm các công trình quy mô nhỏ hoặc công trình chưa bức xúc) thì chi phí phát sinh cho hệ thống phòng cháy, chữa cháy công trình trường học thuộc Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 – 2025 phải phát sinh thêm khoảng 100 tỷ đồng (áp dụng triệt để, không gia giảm thì phát sinh khoảng 500 tỷ đồng cho toàn chương trình của riêng năm 2023). Trong khi đó, nếu áp dụng cho các công trình thuộc lĩnh vực khác thì giá trị còn cao hơn nữa. Điều này cho thấy quy định về thẩm duyệt phòng cháy, chữa cháy đang bất cập đối với tỉnh An Giang.</p>	<p><b>Ý kiến thảo luận, giải trình</b></p> <p>đơn vị tư vấn có năng lực và kinh nghiệm, tổ chức Hội thảo, tập huấn và mời các cơ quan chuyên môn của Bộ CA, Bộ XD hướng dẫn nắm bắt đúng và đầy đủ các quy định của QC, TC.</p>
-----------	---	---



## 2. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

( theo Công văn số 4644/UBND-VP ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
2	UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	
2.1	Vật liệu hoàn thiện, vật liệu ốp lát, vật liệu cách âm, vật liệu phủ sàn trang trí hành lang và gian phòng: Thị trường ít mẫu vật liệu đảm bảo được theo quy định của Bộ Xây dựng, giá thành cao	<p>Các quy định về đặc tính kỹ thuật về cháy của Vật liệu đã có từ QCVN 06:2010/BXD. QCVN 06:2022/BXD chỉ nhóm các đặc tính kỹ thuật lại thành các cấp CV0-CV5, và phân chia các yêu cầu cụ thể hơn với từng nhóm đối tượng theo quy mô, mức độ nguy hiểm cháy, ... Như vậy, đến tận năm 2023 mới đặt ra vấn đề tuân thủ quy định có từ 2010.</p> <p>Về sự cần thiết, khi cháy, chính những vật liệu hoàn thiện này và các nội thất là nguyên nhân chính sinh khói, sinh độc và cháy lan. Trong các TC an toàn cháy của các nước trên thế giới đều có các quy định về vật liệu hoàn thiện (một số nước còn có quy định thêm cả về nội thất).</p>
2.2	Khó đảm bảo quy định về thoát nạn đối với cơ sở kinh doanh Karaoke khó cải tạo sửa chữa để đáp ứng do nhà chuyên đối từ mục đích ở sang, diện tích nhỏ hẹp	<p>Xem thêm Hướng dẫn của Bộ CA và Bộ XD về các giải pháp tăng cường, bổ sung đối với công trình hiện hữu.</p>
2.3	Khó đáp ứng về bể nước chữa cháy	<p>Đối với các công trình hiện hữu khó thi công bổ sung bể nước chữa cháy: Xem thêm Hướng dẫn của Bộ CA và Bộ XD về các giải pháp tăng cường, bổ sung đối với công trình hiện hữu.</p> <p>Đối với công trình xây mới: QC 06 cho phép giảm thời gian chữa cháy đối với các công trình quy mô nhỏ</p>

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
2.4	<p>Khó đáp ứng quy định đối với Khách sạn, nhà nghỉ do chuyển đổi từ nhà ở (số lượng cầu thang bộ thoát nạn, bố trí phân tán, bảo vệ cầu thang bộ,...)</p>	<p>(5.1.3.3), cho phép kết hợp với đường ống chữa cháy của khu (5.1.3), kết hợp với nước sản xuất (5.1.2.6), cho phép lấy theo chỉ một phần nhà (không phải toàn nhà) được ngăn bằng tường ngăn cháy (5.1.2.4). Trường hợp khu vực chưa có hạ tầng kỹ thuật đảm bảo cấp nước chữa cháy thì được thực hiện theo hướng dẫn riêng của CS PCCC địa phương (5.1.2.8). Đối với bể nước chữa cháy, cho phép tính đến việc lấy nước từ các nguồn trực tiếp khác (ví dụ ao hồ) (5.1.5.2), cho phép tính toán kết hợp vừa chữa cháy vừa cấp thêm nước vào bể, giảm thể tích bể (5.1.5.4), ...</p> <p>Xem thêm Hướng dẫn của Bộ CA và Bộ XD về các giải pháp tăng cường, bổ sung đối với công trình hiện hữu.</p>
2.5	<p>Kiến nghị</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp dụng các phiên bản trước cho những công trình đã thực hiện thẩm duyệt hoặc thẩm duyệt điều chỉnh hoặc có sửa chữa;</li> <li>- Niêm yết rộng rãi các vật liệu hoàn thiện, vật liệu ốp lát, vật liệu cách âm, cách nhiệt,... để người dân lựa chọn;</li> <li>- Không quy định phải lắp đặt sprinkler đối với nhà dưới 15 (tại 3.2.6.2); Karaoke dưới 3 tầng không yêu cầu buồng thang.</li> <li>- Không quy định bố trí hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà đối với từng công trình, dự án cụ thể mà phải quy định về trách nhiệm thực hiện của đơn vị đầu tư hạ tầng hoặc chính quyền đô thị.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển tiếp: Bộ CA và Bộ XD đã có văn bản hướng dẫn rõ. Áp dụng QC, TC mới cho các công trình đã được thẩm duyệt theo phiên bản cũ là sai nguyên tắc.</li> <li>- Ghi nhận và nghiên cứu cách thực hiện.</li> <li>- Xem thêm Hướng dẫn của Bộ CA và Bộ XD về các giải pháp tăng cường, bổ sung đối với công trình hiện hữu.</li> <li>- Đề xuất này cần nghiên cứu thêm. Nếu theo đề xuất này thì Nhà nước cần đầu tư chi phí để thực hiện yêu cầu chữa cháy cho các công trình của tư nhân và cả nhà nước?</li> <li>- Cách hiểu cứ quy định hút khói thì phải có trang thiết bị</li> </ul>

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bỏ quy định trang bị hút khói đối với nhà F5 hạng C, D, E do nhà có đủ không gian.</li> <li>- Bỏ sung quy định cụ thể giải pháp thông gió tự nhiên cho gian phòng rộng hơn 40 m;</li> <li>- Bỏ quy định hút khói hành lang không có thông gió tự nhiên dài &gt; 15 m;</li> <li>- Nghiên cứu lại các định mức của QCVN 06:2022/BXD đối với nhà quy mô vừa và nhỏ.</li> </ul>	<p>là hoàn toàn sai và làm phát sinh các chi phí không đáng có. Hoàn toàn có thể sử dụng các cửa trời, cửa hông để thoát khói theo cơ chế tự nhiên, căn cứ trên tính toán phù hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất bỏ hút khói hành lang kín (không có cửa sổ) dài trên 15 m là không hợp lý, rất mất an toàn. Với các nhà công cộng tập trung đông người, nếu hành lang kín không được bảo vệ hút khói thì khói sẽ thoát đi đâu? Trong khi hành lang thường là đường thoát nạn chính của cả tầng.</li> <li>- Xin được ý kiến cụ thể về các nhà quy mô vừa và nhỏ để cơ quan chuyên môn nghiên cứu, tiếp thu.</li> </ul>

### 3. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND TỈNH BẮC KẠN

( theo Công văn số 2436/UBND-NCPC ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
3	UBND tỉnh Bắc Kạn	
3.1	Không đảm bảo được quy định về cấp nước chữa cháy ngoài nhà do hệ thống cấp nước chung chưa có.	- Xem thêm Hướng dẫn của Bộ CA và Bộ XD về các giải pháp tăng cường, bổ sung đối với công trình hiện hữu.
3.2	Các công trình trụ sở cơ quan, trường học đã xây dựng trước đây không đảm bảo yêu cầu hiện nay về về số lượng thang thoát nạn hoặc khoảng phân tán của cầu thang bộ thoát nạn.	- Xem thêm Hướng dẫn của Bộ CA và Bộ XD về các giải pháp tăng cường, bổ sung đối với công trình hiện hữu.
3.3	Cửa hàng xăng dầu, cửa hàng kinh doanh khí đốt: Không thuộc phạm vi của QCVN 06:2022/BXD nên không áp dụng được theo hướng dẫn của Cục CS PCCC&CNCH về cấp nước chữa cháy; Không đảm bảo được quy định của ND 136/2020/NĐ-CP;	Đề nghị nghiên cứu thực hiện theo các Quy chuẩn của Bộ Công thương.
3.4	Quy định tại QCVN 01:2021/BXD và QCVN 01:2020/BCT đối với về diện tích đất tối thiểu của cửa hàng xăng dầu chưa thống nhất với nhau	Xin ghi nhận, nghiên cứu tiếp thu.

#### 4. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND TỈNH BẮC GIANG

( theo Công văn số 1975/UBND-NC ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
4	UBND tỉnh Bắc Giang	
4.1	Khó khăn: – Tư vấn, thiết kế, thi công lắp đặt PCCC năng lực yếu nhưng vẫn đủ điều kiện để hoạt động, chưa có chế tài xử lý; – Các dự án nhà sản xuất thẩm duyệt theo phiên bản trước 2022 khó khăn về kiểm định và đảm bảo bảo vệ chịu lửa.	- Đề xuất này là rất hợp lý. Vấn đề năng lực tư vấn, thi công PCCC đã được nhìn nhận và Bộ CA đã có định hướng xử lý. - Các công trình này được thẩm duyệt điều chỉnh theo QCVN 06:2022/BXD.
4.2	Công trình hiện hữu đang hoạt động, khi sửa chữa cải tạo để đáp ứng nhu cầu mới (đây chuyên công nghệ...) không đáp ứng được quy định mới: bãi đỗ xe chữa cháy, khoảng cách phòng cháy chống cháy,...	- Xem thêm Hướng dẫn của Bộ CA và Bộ XD về các giải pháp tăng cường, bổ sung đối với công trình hiện hữu.
4.3	Đề xuất Bộ Công an – Bổ sung điều kiện về trình độ chuyên môn chuyên ngành kỹ thuật hoặc chuyên ngành PCCC đối với người đứng đầu doanh nghiệp; – Bổ sung chế tài xử lý đối với đơn vị tư vấn, thi công, kinh doanh dịch vụ PCCC khi sản phẩm tư vấn, lắp đặt không đảm bảo quy định về PCCC. – Bổ sung quy định kiểm tra thi công, lắp đặt hệ thống PCCC trong quá trình kiểm tra an toàn về PCCC tại điểm c, khoản 2, điều 16, ND 136	

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
4.4	<p>Đề xuất Bộ Xây dựng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sớm sửa đổi những nội dung chưa rõ trong QCVN 06:2022/BXD;</li> <li>- Nghiên cứu cho phép áp dụng nhiều giải pháp về PCCC để được giảm bớt các quy định về PCCC.</li> </ul>	<p>Xin ghi nhận, nghiên cứu. Trước mắt, các cơ quan chuyên môn Bộ XD sẽ nghiên cứu thực hiện tài liệu Hướng dẫn áp dụng QCVN 06:2022/BXD và tổ chức các lớp tập huấn, phổ biến.</p>

**5. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND TỈNH BẮC NINH - PHỤ LỤC I (SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG)**

( theo Công văn số 35/BC-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
<b>5</b>	UBND tỉnh Bắc Ninh – Phụ lục I (Sở, Ngành, địa phương)	
5.1	Có cơ chế, giải pháp phù hợp để duy trì và khắc phục theo lộ trình, không nên đình chỉ hoạt động đối với các nhà máy, phân xưởng, doanh nghiệp xây dựng từ trước, hiểu hoặc chưa bảo đảm quy định các công trình về PCCC theo Quy chuẩn hiện hành, như: Bê PCCC, hệ thống đường cấp nước, hệ thống chữa cháy tự động, khoảng cách, bậc chịu lửa, hành lang chữa cháy, lối thoát nạn,...	- Xem thêm Hướng dẫn của Bộ CA và Bộ XD về các giải pháp tăng cường, bổ sung đối với công trình hiện hữu.
5.2	Đối với các đơn vị đã được thẩm duyệt và nghiệm thu PCCC theo tiêu chuẩn cũ thì nên kéo dài thời gian được hoạt động tới thiếu từ 2-3 năm để doanh nghiệp có thời gian và kinh phí nâng cấp, sửa chữa, thay thế hệ thống PCCC theo tiêu chuẩn mới đáp ứng yêu cầu của pháp luật.	Nguyên tắc là không hồi tố, không áp quy định mới cho công trình cũ. Điều kiện chuyển tiếp đã được quy định rõ trong các quy chuẩn 06. Vấn đề này còn được làm rõ trong công văn 1091 của Cục CS PCCC&CNCH.
5.3	Quy định về điều kiện đảm bảo phòng cháy chữa cháy chưa khoa học; chưa phân loại theo mức độ rủi ro của ngành nghề sản xuất kinh doanh. Hệ thống PCCC đã được thẩm duyệt, giá trị cao nhưng phải tháo bỏ do không đảm bảo theo tiêu chuẩn mới. Nhiều doanh nghiệp đã và đang sản xuất, kinh doanh nhiều năm buộc phải tạm dừng hoạt động do không đáp ứng được các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy.	Nguyên tắc là không hồi tố, không áp quy định mới cho công trình cũ. Điều kiện chuyển tiếp đã được quy định rõ trong các quy chuẩn 06. Vấn đề này còn được làm rõ trong công văn 1091 của Cục CS PCCC&CNCH. Đánh giá chưa phân loại theo mức độ rủi ro của ngành nghề sản xuất kinh doanh là chưa đúng. QC 06 có phân nhóm nguy hiểm cháy theo công năng thành 5 nhóm lớn, 21 nhóm nhỏ, phân theo hạng cháy nổ thành 5 hạng, theo

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
5.4	Quy định về sơn chống cháy, vật liệu chống cháy gây khó khăn. Trong nước chưa có các loại sơn chống cháy đạt yêu cầu; Vật liệu chống cháy lấy theo tiêu chí của Anh nên chi phí đắt đỏ	<p>quy mô và diện tích bằng hàng trăm con số. Đề nghị nghiên cứu thêm về QC 06 và các TC liên quan khác.</p> <p>Ý kiến này chưa chính xác. Trong nước hiện nay có nhiều loại sơn chống cháy đạt yêu cầu, bao gồm cả sơn tự sản xuất trong nước và sơn nhập khẩu. Nói vật liệu chống cháy lấy theo Tiêu chí của Anh là thiếu căn cứ và không chính xác.</p> <p>Ngoài ra, xin khẳng định là không một quy định nào bắt buộc dùng sơn chống cháy. Có rất nhiều giải pháp khác nhau, và đều được công nhận trong QC 06: bọc bê tông, gạch, thạch cao, vữa trát, ...</p>
5.5	Công trình đưa vào sử dụng từ năm 2000 khi kiểm tra đánh giá về PCCC vào năm 2022 được kết luận là không đảm bảo quy định theo QCVN 06:2010/BXD và yêu cầu khác phục bổ sung. Công trình thi công theo thiết kế được thẩm duyệt theo QCVN 06:2010/BXD nhưng lại nghiệm thu theo QCVN 06:2020/BXD.	Nguyên tắc là không hồi tố, không áp quy định mới cho công trình cũ. Điều kiện chuyển tiếp đã được quy định rõ trong các quy chuẩn 06. Vấn đề này còn được làm rõ trong công văn 1091 của Cục CS PCCC&CNCH.
5.6	Kiến nghị xem xét về quy định PCCC đối với trụ sở cơ quan Nhà nước, tránh lãng phí, khó khăn trong thực hiện (trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, cán bộ tham gia hoạt động PCCC...)	Xin ý kiến cụ thể hơn.
5.7	Chưa có sơn chống cháy được kiểm định cho tiết diện thép hình tròn, khó khăn cho dự án xây dựng	Xin ý kiến cụ thể hơn.
5.8	Tồn tại ở một số công trình trụ sở làm việc của các sở ngành hiện đang sử dụng hoặc có sửa chữa cái tạo nhưng chưa đáp	- Xem thêm Hướng dẫn của Bộ CA và Bộ XD về các giải pháp tăng cường, bổ sung đối với công trình hiện hữu.



TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>ứng quy định hiện hành về PCCC (bao gồm cả trang thiết bị và đảm bảo thoát nạn)</p>	
5.9	<p>Các cơ sở hoạt động trước luật PCCC (năm 2001): không đáp ứng được quy định hiện hành; mất hồ sơ chấp thuận từ giai đoạn trước nên không cấp lại được</p>	<p>- Xem thêm Hướng dẫn của Bộ CA và Bộ XD về các giải pháp tăng cường, bổ sung đối với công trình hiện hữu.</p>
5.10	<p>Các cơ sở kinh doanh sản suất nhỏ không đảm bảo các quy định hiện hành về kết cấu, lối thoát nạn, giải pháp ngăn cháy,...          Kiến nghị: Bổ sung các quy định cụ thể cho các loại hình này như liên quan đến bậc chịu lửa, hệ thống PCCC cần trang bị (hiện nay quy định tại QCVN 06:2022/BXD là quá cao cho các loại hình cơ sở này).</p>	<p>Ý kiến rất chung chung, xin được có ý kiến cụ thể hơn hoặc có buổi làm việc trực tiếp để thảo luận, ghi nhận.</p>
5.11	<p>Đề nghị bỏ quy định về cấp nước chữa cháy ngoài nhà đối với cơ sở kinh doanh Karaoke dưới 3 tầng;          Bỏ quy định đối với hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà đối với những nhà xây dựng ở khu vực chưa có hệ thống cấp nước chữa cháy đô thị.</p>	<p>- Xem thêm Hướng dẫn của Bộ CA và Bộ XD về các giải pháp tăng cường, bổ sung đối với công trình hiện hữu.</p>
5.12	<p>Quy định phải có 2 lối ra thoát nạn tại 3.2.6.1 đối với nhà 01 hoặc 02 tầng nhóm F3, F4, để cho phép có 1 lối ra thì phải trang bị Sprinkler là không phù hợp.          Kiến nghị đối tượng này chỉ nên quy định có 1 lối ra thoát nạn.</p>	<p>- Xem thêm Hướng dẫn của Bộ CA và Bộ XD về các giải pháp tăng cường, bổ sung đối với công trình hiện hữu.</p>
5.13	<p>Không đưa công trình nhà văn hóa có tổng khối tích từ 1.500 m<sup>3</sup> trở lên, công trình nhà lớp học của trường tiểu học, THCS có tổng khối tích từ 5.000 m<sup>3</sup> trở lên vào diện phải thẩm duyệt về PCCC theo Phụ lục V nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày</p>	<p>Kiến nghị này thuộc về phạm vi của ND 136/NĐ-CP.</p>

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	24/11/2020.	
5.14	Không đưa Nhà văn hoá, Nhà hội trường (các nhà văn hoá tổng khối tích nhỏ từ 1.500 m <sup>3</sup> trở lên, nhà một tầng), Trụ sở HĐND-UBND cấp xã (Khối tích từ 5.000m <sup>3</sup> trở lên, nhà 2-3 tầng) vào diện phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo Phụ lục V Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020.	Kiến nghị này thuộc về phạm vi của ND 136/NĐ-CP.
5.15	Công trình trường học hiện hữu có 4 tầng trở lên nhưng bậc chịu lửa chưa đạt bậc I, không sửa chữa cải tạo được do vướng về bậc chịu lửa, khoảng cách	- Xem thêm Hướng dẫn của Bộ CA và Bộ XD về các giải pháp tăng cường, bổ sung đối với công trình hiện hữu.
5.16	Việc quy định khoảng cách phòng cháy, chống cháy giữa các nhà ở, nhà và công trình công cộng và khoảng cách từ các nhà ở, nhà và công trình công cộng đến nhà và công trình sản xuất, nhà kho cần cụ thể hơn nữa cho từng loại, chức năng công trình, hiện trạng hiện có của công trình.	Xin ý kiến cụ thể hơn.
5.17	Quy định lại chiều cao công trình trường học phù hợp với giải pháp phòng cháy chữa cháy để tránh lãng phí trong đầu tư xây dựng: Như phải nâng bậc chịu lửa, cấp công trình để đáp ứng chiều cao nhà của trường học cao 5 tầng.	Xin ý kiến cụ thể hơn, như thế nào là phù hợp?
5.18	Cần quy định rõ bậc chịu lửa của các công trình mái tôn, nhà để xe làm cơ sở bố trí tổng mặt bằng khi thiết kế và thiết kế cải tạo.	Nhà để xe đã được quy định cụ thể, thuộc nhóm F5.2. Căn cứ vào phụ lục H và bảng 4 để lựa chọn bậc chịu lửa phù hợp.
5.19	Bộ Xây dựng nên nghiên cứu, kiểm tra, rà soát tình hình thực tế về PCCC, lấy ý kiến của các địa phương, doanh nghiệp để đảm	Bộ XD đã lấy ý kiến các địa phương về QCVN 06:21, tiếp thu, sửa đổi thành dự thảo QCVN 06:22, tiếp tục lấy ý

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>bảo việc ban hành các văn bản hướng dẫn sát với thực tế.</p>	<p>kiến tất cả các địa phương, một lần nữa tiếp thu, giải trình, rồi mới thẩm định và ban hành QC.</p> <p>Khi lấy ý kiến rộng rãi các địa phương, UBND tỉnh Bắc Ninh đã có văn bản số 2782/UBND-XDCB giao Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh có ý kiến. Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh đã gửi văn bản số 1785/SXD-QLXD ngày 5/10/2022 góp ý cho dự thảo QC 06, trong đó không có những ý kiến nêu trên. Bộ Xây dựng cũng đã giải trình nghiêm túc các văn bản góp ý cho dự thảo QC 06.</p>
5.20	<p>Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Công an và các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, sửa đổi một số quy định về kiểm định các vật liệu PCCC tại QCVN 06:2022/BXD theo nguyên tắc sử dụng các loại vật liệu rẻ tiền nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật để tránh lãng phí trong đầu tư xây dựng.</p>	<p>QCVN 06:2022/BXD không quy định về nội dung kiểm định vật liệu PCCC.</p>
5.21	<p>Giảm khoảng cách an toàn đối với các công trình cải tạo sửa chữa. nếu công trình mà không đáp ứng về khoảng cách an toàn PCCC thì cho phép được lựa chọn nhiều giải pháp ngăn cháy như sử dụng các tường ngăn cháy, kết cấu ngăn cháy hoặc bỏ sung hệ thống chữa cháy tự động...;</p>	<p>Các giải pháp này đều đã có trong QCVN 06:2022/BXD. Đề nghị sở nghiên cứu phụ lục E và các quy định liên quan khác.</p>
5.22	<p>Giảm yêu cầu về trang bị hệ thống chữa cháy ngoài nhà như bể nước, trạm, máy bơm... hoặc cho phép sử dụng các biện pháp chữa cháy khác, đặc biệt là đối với các công trình Nhà văn hóa, trụ sở UBND cấp xã, trạm y tế, quán sủ, công an xã và một số trường học của các xã và các huyện.</p>	<p>Xin ghi nhận và chuyển ý kiến cho Cục Cảnh sát PCCC&amp;CNCH xem xét.</p> <p>Xem thêm Hướng dẫn của Bộ CA và Bộ XD về các giải pháp tăng cường, bổ sung đối với công trình hiện hữu.</p>

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
5.23	Xem xét cho phép áp dụng các giải pháp tăng cường đối với công trình cao đến 25m được bố trí 01 thang bộ thoát nạn an toàn; cho phép chiều rộng vé thang tối thiểu 0,7m được phép áp dụng đối với một số loại công trình đặc thù có quy mô nhỏ dưới 300 m2/ sàn, số lượng người tập trung thấp dưới 20 người/tầng.	Đề xuất này cần được nghiên cứu thêm. Nguyên tắc là không thể chạy theo phát triển làm mất an toàn cho con người. Đối với công trình có chiều cao PCCC 25 m (trương đương 9 tầng), cứ giá sử là dưới 20 người/tầng thì tổng số người cũng là 160 người, mà chỉ sử dụng 1 thang bộ thoát nạn duy nhất, bề rộng thang chỉ đủ cho 1 người di chuyển đồng thời. Nếu thang bộ thoát nạn này bị phong tỏa bởi đám cháy thì 160 người không có đường thoát.
5.24	Làm rõ quy định để cho phép sử dụng cầu thang bộ loại 3 đối với cơ sở kinh doanh karaoke (tại mục A.4.3 QCVN 06:2022/BXD quy định “tối ra thoát nạn từ mỗi tầng nhà kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường phải được dẫn vào buồng thang bộ với cửa ngăn cháy loại 2”), vì đây là thang bộ an toàn.	Cầu thang bộ loại 3 là một trong các cầu thang thoát nạn được cho phép tại phần 3. Quy định tại phụ lục A là quy định “Bổ sung”, nghĩa là vẫn cần áp dụng các quy định tại các phần khác của QC. Cầu thang thoát nạn loại 3 được sử dụng trong cơ sở kinh doanh karaoke, nhưng phải tuân thủ yêu cầu về quy cách thang thoát nạn. Còn thang trong nhà phải được đóng kín để tránh khói lan.
5.25	Cơ quan công an tăng cường số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đẩy nhanh tiến độ công tác thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu PCCC.	
5.26	Khi xem xét hồ sơ đề nghị thẩm duyệt, trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa đề nghị cơ quan thẩm duyệt xem xét tổng thể, đầy đủ các nội dung và hướng dẫn chi tiết hơn để Chủ đầu tư và các vị liên quan thuận tiện hơn trong việc điều chỉnh, hoàn thiện hồ sơ rút ngắn được thời gian thẩm duyệt.	

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
5.27	Bổ sung quy định “Trường hợp chủ đầu tư, đơn vị thiết kế đề xuất áp dụng một số quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn mới ban hành có yêu cầu thấp hơn so với quy chuẩn, tiêu chuẩn cũ trước đây thì có thể nghiên cứu để thẩm duyệt theo nội dung của quy chuẩn, tiêu chuẩn mới” để tiết kiệm chi phí đầu tư, tránh lãng phí.	
5.28	Giảm bớt yêu cầu về đặc trưng kỹ thuật cháy đối với bộ phận ngăn chia hành lang bên.	Chưa rõ kiến nghị này. Quy chuẩn không có khái niệm đặc trưng kỹ thuật cháy.
5.29	Bổ quy định ngăn chia hành lang giữa thành các đoạn có chiều dài 60 m.	Xin ghi nhận, nghiên cứu.
5.30	Bổ nội dung giới hạn chịu lửa của tấm lợp mái và xà gồ, hoặc là ghi rõ giới hạn chịu lửa của 1 số vật liệu lợp và xà gồ, vì kèo thép thông dụng trong Phụ lục F.	Quy định này đã có từ QCVN 06:2010/BXD. QCVN 06:2022/BXD còn cho phép sử dụng tính toán để xác định giới hạn chịu lửa của xà gồ (không phải thử nghiệm).
5.31	Kiến nghị tăng khoảng cách của vị trí bãi đỗ xe chữa cháy (cách tường nhà lớn hơn 10 m) để các công trình có nhiều mặt tiếp xúc đường có thể đặt vị trí đỗ xe chữa cháy ở ngoài khuôn đất thi công xây dựng công trình.	QCVN 06:2022/BXD cho phép cơ quan CS PCCC địa phương có quyền hướng dẫn riêng phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Vì vậy, đề xuất này thuộc thẩm quyền của cơ quan CS PCCC địa phương.

**6. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND TỈNH BẮC NINH - PHỤ LỤC II (BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CN)**

( theo Công văn số 35/BC-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

<b>TT</b>	<b>Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD</b>	<b>Ý kiến thảo luận, giải trình</b>
<b>6</b>	UBND tỉnh Bắc Ninh – Phụ lục II (Ban quản lý các khu CN)	
6.1	Kiểm tra, đánh giá về PCCC đối với công trình đang tồn tại theo các quy định mới	Nội dung chuyển tiếp này đã được hướng dẫn rõ trong CV 1091 của Cục CS PCCC&CNCH. Nguyên tắc là không hỏi tó.
6.2	Yêu cầu về giới hạn chịu lửa đối với xà gò và mái tôn	Cần cứ vào phụ lục H và bảng 4 để lựa chọn bậc chịu lửa phù hợp.
6.3	Quy định về cấp không khí bù	Quy định này có từ năm 2010 (TCVN 5687), QCVN 06:2020/BXD. Cần hiểu rằng, cấp khí bù có thể qua các cửa đi, cửa sổ tự nhiên, miễn là có lỗ cửa dưới chiều cao tầng khói tính toán. Không nên dùng hệ thống cấp cưỡng bức nếu có thể sử dụng các cửa để cấp khí tự nhiên.
6.4	Nhà có bổ sung hệ thống điện mặt trời, chưa thẩm duyệt được	Thực hiện theo CV 2075/2022 của Cục Cảnh sát PCCC&CNCH. Lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện.
6.5	Bể cấp nước chữa cháy chưa đảm bảo theo quy định TCVN 2622:1995	- Xem thêm Hướng dẫn của Bộ CA và Bộ XD về các giải pháp tăng cường, bổ sung đối với công trình hiện hữu.
6.6	Quy định về trang bị sprinkler cho giá để hàng cao hơn 5,5 m chưa rõ ràng	QCVN 06:2022/BXD không có quy định nào về trang bị sprinkler cho giá để hàng cao trên 5,5 m.

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
6.7	Quy định về ngăn cháy lan đối với các khu vực văn phòng đặt trong nhà kho gây tốn kém	QCVN 06:2022/BXD đã có điều chỉnh cho phép không ngăn công năng sản xuất chính và công năng khác. Đề nghị nghiên cứu, sử dụng.
6.8	Thủ tục nghiệm thu về sơn chống cháy gặp nhiều khó khăn	Thuộc thẩm quyền của Bộ CA.
6.9	Nhà xưởng muốn mở rộng phải áp dụng quy chuẩn mới đòi hỏi phải thay thế, bổ sung nhiều bộ phận ở khu vực đang hoạt động, dẫn đến nguy cơ dừng sản xuất.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- QCVN 06:2022/BXD (1.1.4) quy định rõ chỉ áp dụng quy chuẩn mới trong phạm vi đối tượng cải tạo. Đòi hỏi thay thế, bổ sung ở cả khu vực đang hoạt động (không thuộc phạm vi cải tạo) là hiểu chưa đúng.</li> <li>- Xem thêm Hướng dẫn của Bộ CA và Bộ XD về các giải pháp tăng cường, bổ sung đối với công trình hiện hữu.</li> </ul>
6.10	Công trình đã được nghiệm thu vận hành khai thác từ 2012, sau khi kiểm tra đối chiếu với quy định của QCVN 06:2010/BXD thì không đảm bảo (diện tích khoang cháy – bậc chịu lửa của nhà, khoảng cách phòng cháy chống cháy,...)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem thêm Hướng dẫn của Bộ CA và Bộ XD về các giải pháp tăng cường, bổ sung đối với công trình hiện hữu.</li> </ul>
6.11	Công trình đã được nghiệm thu vận hành khai thác từ 2018, sau khi kiểm tra đối chiếu với quy định của QCVN 06:2022/BXD thì không đảm bảo.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công trình nghiệm thu theo quy định tại thời điểm 2018 thì đối chiếu với quy định tại thời điểm đó, không đối chiếu với QCVN 06:2022/BXD.</li> </ul>
6.12	Khó khăn trong việc đáp ứng trang bị phương tiện PCCC (đường ống phòng cháy, vật liệu bảo cháy, bình chữa cháy, bơm chữa cháy, Vật liệu chống cháy).	Thuộc thẩm quyền của Bộ CA, và cũng cần cụ thể hơn về các khó khăn.
6.13	Vướng mắc trong nộp thủ tục thẩm duyệt PCCC online do không còn hồ sơ gốc và không công chứng được các bản sao	Thuộc thẩm quyền của Bộ CA.
6.14	Khó khăn đối với việc cải tạo công trình cũ (công trình đã xây	Không hồi tố, không áp quy định mới cho công trình cũ.

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>dựng xong và đi vào vận hành trước khi quy chuẩn 06 năm 2022 có hiệu lực)</p>	
6.15	<p>Nhiều DN có công trình thiết kế và xây dựng ở giai đoạn QC 06 năm 2021 có hiệu lực nhưng giờ cần nghiệm thu lại là giai đoạn QC 06 năm 2022 có hiệu lực. Hầu hết đều đang tác ở hạng mục sơn chống cháy và bọc bảo vệ kết cấu chịu lực theo phụ lục F của quy chuẩn (QC) vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với việc bọc bảo vệ kết cấu chịu lực: Theo QC 06 cũ (2021) thì việc bọc đảm, cột... có thể làm bằng cách phun vữa và bọc thạch cao chịu lực và ko cần kiểm định; nhưng theo QC 06 (2022) thì biện pháp bọc thạch cao (cho cột), phun vữa lại không được đề cập và doanh nghiệp áp dụng biện pháp (mới) nào thì phải đi chứng minh, thẩm định khả năng chịu lực của phương án đó, khiến doanh nghiệp vướng mắc về kỹ thuật, chi phí phát sinh, đội lên cao nằm ngoài khả năng xử lý của doanh nghiệp.</li> <li>+ Về sơn chống cháy: QC cũ ko yêu cầu thí nghiệm cấu kiện chịu lửa nhưng QC mới có yêu cầu này. Để khắc phục có thể có giải pháp là bọc thạch cao cho cột, dầm... tuy nhiên đội chi phí lên rất cao cho các hạng mục công trình khiến doanh nghiệp tác nghẽn trong thực hiện</li> </ul>	<p>Nguyên tác chuyển tiếp đã nêu rõ ở trên.</p> <p>- Vấn đề này đã được hướng dẫn rõ trong CV 1091 của cục CS PCCC&amp;CNCH.</p> <p>- Tất cả các phiên bản QC 06 đều không yêu cầu gì về sơn chống cháy.</p>



TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
6.16	<p>Về khó khăn với các công trình xây dựng mới: Vương mắc liên quan đến việc đốt kiểm định mái tôn và xà gò, nên tác không thẩm duyệt được cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tôn: thế giới ko cần đốt để kiểm định, nhưng Việt Nam yêu cầu đốt. Tuy nhiên, hiện không có tiêu chuẩn đốt, phải đợi cơ quan chức năng xây tiêu chuẩn và quy trình đốt thì mới thẩm định được tôn công trình dẫn đến công trình dù đã có thiết kế xây dựng thậm chí đã xây dựng nhưng phải “xếp hàng” chờ việc này và chưa rõ khi nào có giải pháp. Chưa nói tới, yêu cầu đốt này chưa chứng minh được sự hợp lý, cần thiết khi so sánh với thông lệ quốc tế.</li> <li>- Việc xác định về chuyên môn liên quan tới “đốt thẩm định” tôn và xà gò cũng vẫn đang có nhiều tranh luận giữa DN với các cơ quan chức năng. Cụ thể: Trong QC06 (2022) có phần chú thích ghi rõ hạng mục/thiết bị nào tham gia chịu lực khi cháy thì phải thí nghiệm (bằng biện pháp đốt); còn không tham gia chịu lực hoặc không tham gia vào phần mất ổn định của nhà thì có 2 cách chứng minh (hoặc qua thí nghiệm hoặc qua đánh giá) do vậy Tôn và xà gò khi nào chịu tải thì mới bắt buộc cần chỉ số R và phải thí nghiệm/đốt; còn khi tôn và xà gò không tham gia chịu tải thì không cần chứng minh chỉ số R và không cần thí nghiệm (không cần đốt). Do cách hiểu chưa nhất quán, giải thích chưa nhất quán nên áp dụng cũng chưa nhất quán và đây là 1 điểm nghẽn lớn của nhiều hạng mục công trình.</li> <li>- Việc đốt để thí nghiệm năng lực chống cháy của các vật</li> </ul>	<p>Các ý kiến mục này mang tính chủ quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định VN không yêu cầu thử nghiệm tôn, xà gò, cũng không yêu cầu thử nghiệm bất cứ cấu kiện nào, mà cho phép sử dụng tính toán để xác định giới hạn chịu lửa. Khi không muốn sử dụng tính toán để chứng minh mới cần thử nghiệm.</li> <li>- Nói thế giới không cần đốt để kiểm định là không chính xác. Các nước đều có yêu cầu về khả năng chịu lửa của cụm lợp mái: Nga (Luật An toàn cháy FZ 123), Mỹ (NFPA 5000, IBC), Anh (Building regulations), Singapore (Fire code 2018), Trung Quốc (GB 50016), ... Một số nước như Mỹ, Nga, ngoài yêu cầu về giới hạn chịu lửa của cụm mái còn yêu cầu cầu khắt khe về khả năng chống cháy lan, tính cháy của các vật liệu, cấu kiện.</li> <li>- Kiến nghị có buổi làm việc trực tiếp với Ban quản lý khu công nghiệp Bắc Ninh để làm rõ các ý kiến chưa đúng.</li> </ul>

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>liệu cũng có nhiều bất cập: Hiện cả nước chỉ có 1 lò đốt của Viện Tư vấn Xây dựng thuộc Bộ Xây dựng (IBST), giá đốt cao, các nhà sản xuất phải xếp hàng chờ đốt nên tiến độ rất lâu.</p> <p>- Về sơn: Hiện chỉ có 2 loại sơn sản xuất trong nước được cấp phép sơn chống cháy, còn các loại sơn nước ngoài chưa có loại nào được cấp phép, khiến lựa chọn của doanh nghiệp rất hạn chế và phải chấp nhận giá cao.</p>	

## 7. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH ĐỊNH

( theo Công văn số 107/SXD-QLXD&VL ngày 11/01/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Định)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
7	Sở Xây dựng tỉnh Bình Định	
7.1	Có quy định riêng về phòng cháy chữa cháy đối với các doanh nghiệp chế biến đá ốp lát do có nguy cơ cháy nổ thấp hơn các ngành nghề khác để giảm chi phí đầu tư về phòng cháy, chữa cháy là cần thiết	- Cơ quan CS PCCC có thẩm quyền hướng dẫn Chủ đầu tư phân hạng nguy hiểm cháy nổ của công trình phù hợp với loại hình hoạt động.
7.2	Đề nghị bổ sung quy định tại Phụ lục V của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: “Cơ sở công nghiệp chế biến đá ốp lát có có hạng nguy hiểm cháy, nổ D, E thuộc dây chuyền công nghệ sản xuất chính có khối tích từ 1.000 m <sup>3</sup> trở lên”	

## 8. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH ĐỊNH

( theo Công văn số 1218/SXD-QLXD&VL ngày 20/04/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Định)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
8	Sở Xây dựng tỉnh Bình Định	
8.1	<p>Về quy định tổng khối tích</p> <p>Theo quy định tại Phụ lục V của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định các dự án, công trình, phương tiện giao thông cơ giới thuộc diện thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo thông số “<i>tổng khối tích</i>” (khác với quy định trước đây của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ theo thông số “<i>khối tích</i>”) với quan điểm tổng khối tích là tổng cộng khối tích của tất cả các hạng mục hiện trạng và các hạng mục cần đầu tư để xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo mà chưa loại trừ các hạng mục đảm bảo khoảng cách phòng cháy chống cháy theo Phụ lục E của QCVN 06:2022/BXD. Quy định này bắt buộc các chủ đầu tư (nhất là chủ đầu tư của các công trình trường học, y tế) phải thực hiện thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy cho không những cho các hạng mục cần đầu tư thêm mà còn cho các hạng mục hiện trạng gây phát sinh thủ tục hành chính, kéo dài thời gian đầu tư, tổng mức đầu tư tăng cao.</p> <p><b>Đề nghị:</b> Bổ sung quy định cụ thể cách tính “<i>tổng khối tích</i>” là tổng cộng khối tích của các hạng mục chưa đảm bảo khoảng cách phòng cháy chống cháy (không bao gồm các hạng mục đã đảm bảo khoảng cách phòng cháy chống cháy) theo Phụ lục E của QCVN 06:2022/BXD trong công trình để từ đó xem xét giám quy mô công trình thuộc diện thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, giám công suất của bể phòng cháy chữa cháy và các thiết bị phòng cháy chữa cháy.</p>	???
8.2	Về giải pháp tường ngăn cháy cho các dãy phòng học:	Chưa hiểu rõ ý hỏi này có liên quan gì đến mục 4.17 trong QCVN 06 (về tường ngăn cháy trong nhà nhằm ngăn chia khoang cháy)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>Giải pháp tường ngăn cháy cho 02 dãy phòng học gần kề (chưa đủ khoảng cách PCCC) bằng cách xây tường bít lối hàng lang nói 02 dãy phòng học là máy móc, chưa hợp lý, hiệu quả mang lại ít nhưng ảnh hưởng lớn đến hoạt động đi lại, giảng dạy của nhà trường.</p> <p><b>Đề nghị:</b> Rà soát lại quy định tại điểm 4.17 QCVN 06:2022/BXD cho phù hợp với thực tế của các công trình công cộng.</p>	
8.3	<p>Tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp chế biến đá ốp lát</p> <p><b>Đề nghị:</b> Bổ sung quy định tại Phụ lục V của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP: “<i>Cơ sở công nghiệp chế biến đá ốp lát có có hạng nguy hiểm cháy, nổ D, E thuộc đây chuyên công nghệ sản xuất chính có khối tích từ 1.000m<sup>3</sup> trở lên</i>” (Tương tự như quy định trước đây tại Điểm 15 Phụ lục IV Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy), có dự thảo Văn bản gửi Bộ Công an, Bộ Xây dựng gửi kèm.</p>	Đã được giải thích ở trên
8.4	<p>Quy định về cấp nước PCCC đối với hạ tầng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo quy định tại điểm 2.10.5 Cấp nước chữa cháy QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng thì “<i>Trên mạng ống cấp nước đô thị, dọc theo các đường phố phải bố trí các họng lấy nước chữa cháy (trụ nổi hoặc họng ngầm dưới mặt đất) đảm bảo các quy định về khoảng cách tối thiểu giữa các họng là 150m. Khoảng cách tối thiểu giữa họng và tường các ngôi nhà là 5m. Họng cứu hỏa bố trí trên vỉa hè đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa họng và mép đường là 2,5m</i>”.</li> </ul>	????

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>Trong khi đó, theo quy định tại điểm 5.1.4.6 QCVN 06:2022/BXD - Quy chuẩn quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình thì <i>“Các trụ cấp nước chữa cháy phải được bố trí ở khoảng cách không lớn hơn 2,5m đến mép đường, nhưng không gần hơn 1m đến tường ngôi nhà”</i>.</p> <p>Việc quy định khoảng cách tối thiểu đặt họng cứu hỏa và khoảng cách tối đa từ mép đường cho xe chữa cháy đến tường nhà dân trong trường hợp này chưa được thống nhất nên khó khăn trong công tác quy hoạch, khó bố trí đảm bảo theo quy định.</p> <p><b>Đề nghị:</b> Đối với nội dung này kiến nghị các Bộ, ngành liên quan xem xét giảm khoảng cách tối thiểu giữa họng cứu hỏa và tường các ngôi nhà hoặc tăng khoảng cách tối đa giữa mép đường cho xe chữa cháy đến tường của nhà trong trường hợp nêu trên để đảm bảo thống nhất, thuận lợi trong công tác lập quy hoạch và triển khai các dự án.</p> <p>- Tại điểm 5.1.5.5, QCVN 06:2022/BXD thì <i>“Khi cấp nước theo 1 đường ống cấp thì phải dự phòng thêm lượng nước bổ sung cho chữa cháy. Cho phép không cần tính đến lượng nước bổ sung cho chữa cháy khi chiều dài của một đường ống cấp không lớn hơn 500m đối với khu dân cư có số dân đến 5000 người, cũng như cho các đối tượng với yêu cầu về lưu lượng nước cho chữa cháy ngoài nhà không lớn hơn 40l/s”</i>.</p> <p><b>Đề nghị:</b> Có hướng dẫn chiều dài 500m được xác định từ vị trí nào? (có phải được xác định từ đầu mạch nhánh hay không).</p>	

## 9. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH PHƯỚC

( theo Công văn số 1079/SXD- CCGĐXD ngày 20/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
9	Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước (0)	
9.1	Chưa có khó khăn gì khi áp dụng QCVN 06:2022/BXD	

**10. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH CÀ MAU**  
( theo Công văn số 1277/SXD-QLXD ngày 21/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau)

<b>TT</b>	<b>Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD</b>	<b>Ý kiến thảo luận, giải trình</b>
<b>10</b>	Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau (0)	
10.1	Chưa có khó khăn gì khi áp dụng QCVN 06:2022/BXD	



## 11. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

( theo Công văn số 2743/SXD-VP ngày 21/4/2023 của Sở Xây dựng Thành phố Đà Nẵng)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
11	Sở Xây dựng Thành phố Đà Nẵng	
11.1	<p>Chậm trong hoàn tất thủ tục tham gia ý kiến, thẩm duyệt thiết kế dẫn đến bị động trong các bước tiếp theo (Thẩm định BCNC khả thi, Thẩm định thiết kế,...)</p> <p>Đề nghị cơ quan CS PCCC quan tâm tăng cường tập huấn, hướng dẫn các quy định về thiết kế PCCC và đẩy nhanh công tác tham gia ý kiến thiết kế PCCC, thẩm duyệt thiết kế</p>	
11.2	<p>Tần suất thay đổi quy định của Quy chuẩn an toàn cháy nhanh; Phiên bản sau không có điều khoản chuyên tiếp áp dụng quy định trước đó;</p> <p>Đề nghị Bộ, Ngành liên quan nhanh chóng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến thủ tục PCCC trong hoạt động đầu tư xây dựng;</p> <p>Rà soát, ban hành quy định có hiệu lực lâu dài, ổn định hơn, có điều khoản chuyên tiếp phù hợp</p>	<p>Nói phiên bản sau không có quy định điều khoản chuyên tiếp là không chính xác.</p> <p>Các phiên bản QC đều có quy định rõ điều khoản chuyên tiếp trên nguyên tắc: đã áp dụng phiên bản nào thì tiếp tục áp dụng phiên bản đó.</p>
11.3	Giữa ND 15/2021/ND-CP và ND 136/2020/ND-CP có những điểm không thống nhất cần nghiên cứu điều chỉnh	Xin ý kiến cụ thể hơn để ghi nhận, tiếp thu.
11.4	Đề nghị có đóng dấu của cơ quan CS PCCC đối với thiết kế cơ sở (tương tự dấu thẩm duyệt PCCC).	

## 12. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐẮK NÔNG

( theo Công văn số 667/SXD-HT&QLN ngày 20/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
12	Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông (0)	
12.1	Chưa có vướng mắc khi áp dụng QCVN 06:2022/BXD.	

**13. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG NAI**  
( theo Công văn số 1332/SXD-QLXD ngày 21/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
13	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	
13.1	<p>Nội dung hướng dẫn quy định xử lý chuyên tiếp khi thực hiện điều chỉnh thiết kế tại Văn bản số 1397/BXD-KHCN ngày 11/4/2023 của Bộ Xây dựng và Văn bản số 98/C07-P4 ngày 12/01/2023 của Cục Cảnh sát PCCC&amp;CNCH chưa đồng nhất với nhau; đề nghị có ý kiến áp dụng theo hướng dẫn nào.</p>	<p>Cục CS PCCC&amp;CNCH đã có văn bản 1091 ngày 11/4/23 đồng nhất với văn bản 1397 của Bộ XD.</p>
13.2	<p>Đề nghị hướng dẫn xử lý đối với trường hợp sau: Theo mục 7.1.1 QCVN 06:2022/BXD quy định “hồ sơ thiết kế xây dựng đã được góp ý hoặc thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trước khi quy chuẩn này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo hồ sơ thiết kế đã được góp ý hoặc thẩm duyệt”, nội dung chuyên tiếp này có thể hiểu đối với hồ sơ đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền góp ý bước thiết kế sơ bộ trong chủ trương đầu tư hoặc thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi thì tiếp tục triển khai các bước tiếp theo tương ứng với quy định của Quy chuẩn về an toàn cháy tại thời điểm góp ý. Tuy nhiên, một số trường hợp các dự án trong quá trình thẩm định, cơ quan đầu mối chủ trì thẩm định tiếp nhận hồ sơ thẩm định chưa gửi lấy ý kiến của cơ quan quản lý về PCCC, các hồ sơ được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định (trong đó có nội dung thẩm định về giải pháp đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ theo các QCVN</p>	<p>Nội dung chuyên tiếp này đã được hướng dẫn rõ trong CV 1091 của Cục CS PCCC&amp;CNCH.</p>

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	06:.../BXD phiên bản trước đây), cơ quan đầu mối tổng hợp trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án. Vậy trường hợp này có thể được xem là thuộc trường hợp quy định chuyển tiếp hay không.	
13.3	Đổi tương áp dụng quy định tại mục 1.1.2 của QCVN 06:2022/BXD (sau đây gọi là Quy chuẩn): tại điểm b có ghi “trừ các công trình trực tiếp sử dụng làm nơi thờ cúng, tín ngưỡng; các công trình di tích”; đối chiếu Phụ lục I ban hành theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ thì có 03 loại công trình liên quan đến các công năng trên là công trình di tích, công trình tôn giáo và công trình tín ngưỡng. Đề nghị có ý kiến công trình tôn giáo có thuộc nhóm các công trình được loại trừ không.	Công trình tôn giáo không thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 06:2022/BXD.
13.4	Khái niệm hành lang bên tại mục 1.4.23 của Quy chuẩn: đề nghị hướng dẫn rõ cụm khái niệm “không bị chắn, liên tục theo chiều dài, với chiều cao thông thủy tính từ đỉnh của tường chắn ở mép hành lang lên phía trên không nhỏ hơn 1,2m”; đồng thời có ý kiến đối với trường hợp các hành lang (nằm về 1 phía) trong các công trình trường học có bố trí một số mảng tường trang trí (chiều cao từ mặt sàn đến trần; nhưng bố trí điểm nhún tại một vài vị trí, không trải dài suốt chiều dài hành lang) có được xem là hành lang bên không, trường hợp không được xem là hành lang bên do khái niệm nói trên thì kiến nghị xem xét không đưa khái niệm trên vào nội dung Quy chuẩn.	Trường hợp cụ thể được đề cập có thể xem là hành lang bên. Nguyên tắc hành lang bên là đường di chuyển có tiếp xúc trực tiếp với khí trời.
13.5	Hướng dẫn xác định giới hạn chịu lửa của cấu kiện này, hướng	Cách xác định hệ số Am/V đã được hướng dẫn rõ trong

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
13.6	<p>dẫn rõ thêm hệ số R8, hệ số Am/V được đề cập trong Quy chuẩn (để Sở Xây dựng Đồng Nai hướng dẫn các đơn vị thiết kế khi được yêu cầu), đồng thời liệt kê giới hạn chịu lửa một số dạng kết cấu mái (không có tầng áp mái) thường được sử dụng trong thực tế thời gian qua để các đơn vị thiết kế tham khảo xác định giới hạn chịu lửa cho phù hợp</p> <p>Đề nghị bổ sung thông tin về giới hạn chịu lửa danh định của các bộ phận có giới hạn chịu lửa E, RE, EW, EIW vào Phụ lục F</p>	<p>QCVN 06:2022/BXD: theo ISO 834-10, hoặc theo TC tương đương (ví dụ EN 1993-1-2). Công thức rất đơn giản, dễ áp dụng.</p> <p>Xin ghi nhận, nghiên cứu thêm.</p>
13.7	<p>Khái niệm nhà hỗn hợp tại 1.4.41 và việc phân nhóm nguy hiểm cháy theo công năng của từng khu vực trong nhà đề nghị chỉ nên áp dụng đối với trường hợp trong một khối công trình có sự thay đổi loại công năng phục vụ (bảng phân loại dự án theo công năng phục vụ và tính chất chuyên ngành của công trình được quy định tại Phụ lục IX theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP), cụ thể như sau: Ví dụ như trong công trình y tế, bố trí công năng dây chuyền hoạt động của bệnh viện gồm nhiều khu vực khu điều trị nội trú, khu khám bệnh, khu làm việc hành chính, khu căn tin, khu giải lao, ... nếu bắt buộc phải chia thành các khu vực theo nhóm nguy hiểm cháy khác nhau và phải có giải pháp ngăn cháy riêng cho từng khu vực là chưa hợp lý, chỉ nên xét chung là thuộc nhóm F1.1 (mục đích sử dụng: bệnh viện), không xét riêng từng khu vực thuộc từng nhóm nguy hiểm cháy khác nhau. Tương tự các loại công trình khác cũng như vậy.</p>	<p>Xin ghi nhận.</p>

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
13.8	Mục A.2 Phụ lục A với tên gọi quy định cho nhà thuộc nhóm F1.2, F4.2, F4.3 và nhà hỗn hợp tùy nhiên nội dung bên trong lại thể hiện yêu cầu cho cả các nhóm khác như F1.3, F3.2, F3.6, ...: Đề nghị có ý kiến điều chỉnh lại tiêu đề cho phù hợp với nội dung bên trong	Nhà hỗn hợp có thể có các công năng này. Ví dụ Nhà hỗn hợp hoàn toàn có thể có công năng F3.2 là dịch vụ ăn uống, F3.6 là khu thể thao.
13.9	Đề nghị hướng dẫn cụ thể cách xác định cấp nguy hiểm cháy kết cấu của nhà, công trình để áp dụng tính toán trong các bảng tính tại phụ lục E, phụ lục G, phụ lục H; liệt kê cấp nguy hiểm cháy kết cấu của nhà đối với một số dạng công trình phổ biến trong thực tế thời gian qua để các đơn vị thiết kế tham khảo xác định cho phù hợp	Cách xác định cấp nguy hiểm cháy kết cấu của nhà đã được quy định cụ thể tại bảng 5 và điều 2.2.3.
13.10	Bảng H.2 đề nghị xem lại quy định về số tầng trên mặt đất, do số tầng trên mặt đất quy định trong bảng không đồng bộ với chiều cao PCCC lớn nhất cho phép, ví dụ như đối với dòng đầu tiên, chiều cao PCCC tối đa được 50m, tuy nhiên diện tích khoang cháy được tính toán tương ứng với số tầng trên mặt đất, ví dụ: 01 tầng thì diện tích khoang cháy lớn nhất là 6.000m <sup>2</sup> , 02 – 09 tầng thì diện tích khoang cháy lớn nhất là 5.000m <sup>2</sup> (các trường hợp này chiều cao PCCC quy định mức 50m là không tương ứng), 10 – 16 tầng thì diện tích khoang cháy lớn nhất là 2.500m <sup>2</sup> . Do đó, kiến nghị không cần đưa quy định về tầng cao vào bảng này, nếu đưa vào thì mặc nhiên công trình nhà công cộng chỉ có tính toán đối với trường hợp từ 16 tầng trở xuống, trong khi tại phần Chú thích 4 lại quy định nhà công cộng có chiều cao PCCC từ trên 50m đến 150m được thực hiện theo	Đó là chiều cao PCCC lớn nhất cho phép, không phải là chiều cao PCCC bắt buộc phải như vậy (ví dụ 50 m là tối đa 50 m, có thể là 20, 30, 40 m). Đề nghị nghiên cứu thêm về phụ lục H và QC 06.

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
13.11	<p>Phụ lục A, nhưng Phụ lục A (cụ thể A.2) lại không quy định về số tầng (tiêu đề của mục A.2 cũng chỉ quy định cho 1 số nhóm như F1.2, F4.2, F4.3 và nhà hỗn hợp chứ không quy định chung cho toàn bộ các loại thuộc nhà công cộng)</p> <p>Bảng H.3 quy định đối với nhóm nhà F3.5: đề nghị xem lại quy định về số tầng do đặt ra quy định nhà thuộc nhóm này chỉ tối đa 06 tầng</p>	<p>Nhóm F3.5 dành cho các công trình dịch vụ dạng như buro điện, buro cục, quỹ tiết kiệm, phòng vé, văn phòng tư vấn luật, văn phòng công chứng, cửa hàng giặt là, nhà máy, sửa, chữa giày và quần áo, cửa hàng cắt tóc); cơ sở phục vụ lễ tang, ... Các nhà này thực tế không có quá 6 tầng. Nếu tính có công trình cụ thể vướng mắc thì đề nghị làm luận chứng hoặc có văn bản gửi Bộ XD đề nghị hướng dẫn cụ thể.</p>
13.12	<p>Bảng H.4 quy định đối với nhóm nhà F3.1: đề nghị xem lại quy định về số tầng như trường hợp bảng H.2 nói trên (mặc nhiên nếu quy định theo bảng H.4 thì nhà của các cơ sở thương mại không có quy định tính toán đối với trường hợp trên 05 tầng do trong bảng chỉ liệt kê đến nhà 5 tầng)</p>	<p>Cần phân nhóm nguy hiểm cháy theo công năng phù hợp với các phân nhà (bảng 6) và áp dụng các quy định của phụ lục H đối với mỗi nhóm nguy hiểm cháy theo công năng khác nhau.</p> <p>Trường hợp khác có thể thực hiện luận chứng.</p>
13.13	<p>Bảng H.5 quy định đối với nhà trẻ, mẫu giáo, mầm non đề nghị xem lại sự cần thiết đưa chỉ tiêu “số chỗ trong nhà” vào bảng tính. Ví dụ như nhà có từ trên 350 chỗ đến 700 chỗ (mức trẻ tối đa trong trường mầm non) thì không có quy định.</p>	<p>Trường hợp nhà trẻ, mẫu giáo, mầm non có trên 350 cháu thì cần chia thành 2 khoang cháy. Còn tổng thể cả trường có thể không hạn chế về số cháu.</p>
13.14	<p>Bảng H.6 quy định đối với nhà của trường phổ thông: đề nghị xem lại như nội dung bảng H.5. Đồng thời cũng đề nghị xem lại việc đưa chỉ tiêu số tầng vào bảng này như các trường hợp đã</p>	<p>Trương tự như đã giải thích ở trên.</p>

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
13.15	<p>nêu trên.</p> <p>Phụ lục H quy định về chiều cao PCCC tối đa, số tầng của nhà, vậy trường hợp các tầng phía trên không bố trí các công năng như đã quy định, chỉ bố trí các công năng phụ trợ thì có được tăng chiều cao PCCC, tầng số tầng không khi vẫn đảm bảo quy định đối với các công năng chính (trước đây Văn bản 2075/C07-P4 ngày 09/8/2022 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH hướng dẫn công tác thẩm duyệt thiết kế PCCC theo QCVN 06:2021/BXD có cho phép tăng đối với một số trường hợp tại mục 4, phần V, Phụ lục II).</p>	<p>Về nguyên tắc là chấp nhận được.</p>
13.16	<p>Đối tượng công trình phải góp ý về PCCC đối với hồ sơ thiết kế cơ sở được hướng dẫn tại Văn bản 2075/C07-P4 và Nghị định 136/2020/NĐ-CP chưa thống nhất với nhau, đề nghị có ý kiến hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp này: các trường hợp không thuộc phụ lục V của Nghị định 136/2020/NĐ-CP thì có bắt buộc gửi cơ quan quản lý về PCCC để lấy ý kiến góp ý kiến về thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế một bước); cơ quan chuyên môn về xây dựng có được coi là cơ quan nhà nước có thẩm quyền góp ý các nội dung liên quan về an toàn cháy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình do Bộ Xây dựng ban hành hay không.</p>	<p>Các nội dung liên quan đến Nghị định 136 thuộc phạm vi quản lý và điều tiết của cơ quan CS PCCC</p>
13.17	<p>Hiện nay các tuyến đường giao thông đô thị sử dụng vốn đầu tư công đa số không đầu tư tuyến ống cấp nước, mà giao cho đơn vị cấp nước đầu tư theo kế hoạch, lộ trình được xác định trong</p>	<p>Câu hỏi liên quan đến thẩm duyệt PCCC</p>



TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>đề án cấp nước sạch tỉnh Đồng Nai được ban hành theo Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh. Đối với các trường hợp này thì thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công sẽ không có hạng mục cấp nước chữa cháy nên sẽ vướng khi thực hiện thẩm duyệt thiết kế về PCCC. Đề nghị Phòng cảnh sát PCCC&amp;CNCH nghiên cứu có ý kiến tháo gỡ khó khăn vướng mắc này.</p>	
13.18	<p>Hiện nay không quy định công trình cấp thoát nước nào phải thẩm duyệt thiết kế về PCCC nên đề nghị có hướng dẫn cụ thể loại công trình cấp thoát nước nào thuộc đối tượng thẩm duyệt PCCC, từ đó chủ đầu tư mới có phương án thiết kế phù hợp, đặc biệt là các công trình thoát nước như: ao, hồ, sông, suối...</p>	<p>Câu hỏi liên quan đến thẩm duyệt PCCC</p>
13.19	<p>Hiện nay có nhiều đơn vị chủ đầu tư chưa rõ loại công trình hạ tầng đô thị nào phải thẩm duyệt PCCC. Để có cơ sở hướng dẫn cho chủ đầu tư, đề nghị phòng cảnh sát PCCC hướng dẫn rõ loại công trình hạ tầng đô thị nào phải thực hiện thẩm duyệt PCCC (quy mô đường giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước; kè sông, suối, ao, hồ; loại công trình sửa chữa, cải tạo, nâng cấp... như thế nào là phải thẩm duyệt).</p>	<p>Câu hỏi liên quan đến thẩm duyệt PCCC</p>

#### 14. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG THÁP

( theo Công văn số 901/SXD-QLXD ngày 21/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp	
14.1	Hạng nguy hiểm cháy của cơ sở xây sát lúa gạo theo quy định của NB số 97/2021/NĐ-CP, ngày 08/11/2021 là D, chưa thống nhất với Hạng C, theo C.3.2.2, Phụ lục C của QCVN 06:2022/BXD.	Hạng nguy hiểm cháy của cơ sở xây sát lúa gạo có thể phân hạng mà không cần tính toán theo TC là hạng C. Tuy nhiên khuyến nghị nên sử dụng tiêu chuẩn để tính toán phân hạng cho phù hợp, tránh thất thoát lãng phí.
14.2	Yêu cầu lắp đặt chữa cháy tự động, kích hoạt theo tín hiệu báo cháy trong các cơ sở xây sát lúa gạo có nguy cơ gây hỏng hàng hóa do báo cháy giả.	QCVN 06 không quy định nội dung này. Đây là nội dung thuộc TCVN 3890:2023.
14.3	Khó khăn trong việc đảm bảo cấp nước chữa cháy ngoài nhà, đặc biệt đối với nhà quy mô nhỏ	- Xem thêm Hướng dẫn của Bộ CA và Bộ XD về các giải pháp tăng cường, bổ sung đối với công trình hiện hữu.
14.4	Quy định của TCVN 3890:2009 về quy mô khối tích các công trình thuộc diện phải trang bị hệ thống báo cháy tự động, chữa cháy tự động, cấp nước chữa cháy bên trong và ngoài công trình nhỏ hơn so với công trình thuộc diện phải thẩm duyệt PCCC theo Phụ lục V của NB 136/2020/NĐ-CP (ví dụ công trình chợ, trung tâm thương mại)	TCVN 3890:2009 đã được thay thế bởi TCVN 3890:2023.

**15. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH GIA LAI**  
( theo Công văn số 844/SXD-QLCL ngày 21/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
15	Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai (0)	
15.1	Chưa có vướng mắc khi áp dụng QCVN 06:2022/BXD	

**16. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH HÀ NAM**  
( theo Công văn số 930/SXD-QLXD ngày 20/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Hà Nam)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
16	Sở Xây dựng tỉnh Hà Nam	
16.1	Chưa thống nhất giữa điểm d, khoản 3, điều 14, NBĐ 15/2021/NĐ-CP với điểm b, khoản 3, điều 37, NBĐ 136/2020/NĐ-CP	
16.2	Quy định bố trí họng nước chữa cháy tại điều 2.10.5 của QCVN 01:2021/BXD khó khăn đối với các tuyến phố cải tạo chính trang	Xin ghi nhận.
16.3	<p>Đề nghị nghiên cứu rà soát chỉnh sửa QCVN 06 về một số khía cạnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghiên cứu, bổ sung quy định về khoảng cách bố trí giữa 02 thang bộ thoát nạn tính theo đường chéo đối với hành lang an toàn; cho phép không quy định chiều rộng khe hở giữa các vé thang bộ thoát nạn trong trường hợp công trình được trang bị hệ thống họng nước chờ khô.</li> <li>+ Nghiên cứu, cho phép áp dụng các giải pháp tăng cường đối với công trình cao đến 25m được bố trí 01 thang bộ thoát nạn an toàn.</li> <li>+ Hướng dẫn, chỉnh sửa quy định ngăn hành lang thành những đoạn nhỏ hơn 60m bằng băng vách ngăn cháy để xác định yêu cầu bảo vệ chống khói theo Phụ lục D - QCVN 06:2021.</li> <li>+ Cần nghiên cứu, chỉnh sửa các quy định về kích thước bãi</li> </ul>	Các đề xuất này đã được giải trình ở trên

TT	<b>Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD</b>	<b>Ý kiến thảo luận, giải trình</b>
	quay xe, tránh xe quy định tại QCVN 06:2021/BXD phù hợp với thực tế thông số phương tiện xe chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hiện nay được trang bị cho các địa phương.	

## 17. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND TỈNH HÒA BÌNH

( theo Công văn số 134/BC-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh Hòa Bình)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
17	UBND tỉnh Hòa Bình	
17.1	Khó khăn do liên tục sửa đổi quy chuẩn về an toàn cháy	Đã được giải trình ở trên. Các phiên bản QC có điều khoản chuyển tiếp rõ ràng, tách bạch. Không hỏi tó, không áp quy định mới cho các công trình trước đó.
17.2	Khó khăn liên quan đến thủ tục đầu tư dẫn đến vướng trong thẩm duyệt thiết kế PCCC	
17.3	Một số quy định trong QCVN 06:2022/BXD khó hiểu, dễ nhầm lẫn, khó áp dụng vào thực tiễn, bao gồm: khoảng cách PCCC, thoát nạn, hệ thống cấp không khí bù, thông gió tự nhiên	Kiến nghị tham gia tập huấn, phổ biến, hướng dẫn. Bộ XD sẽ biên soạn Hướng dẫn QCVN 06
17.4	Công trình Karaoke chuyển đổi từ nhà ở, khó khăn trong đáp ứng các giải pháp ngăn cháy, thoát nạn,	Xem Hướng dẫn các giải pháp tăng cường cho công trình hiện hữu.
17.5	Công trình quy mô nhỏ, thiết kế 1 bước, vượt tổng mức đầu tư do phải đáp ứng quy định về PCCC khi thẩm duyệt thiết kế (mầm non 2 tầng, mỗi tầng 2 phòng lớp học, yêu cầu 2 thang bộ)	Xem lại quy định cho phép 1 thang bộ tại 3.2.6.2.
17.6	Quy định chưa thống nhất giữa các cơ quan quản lý NN đối với cơ sở kinh doanh Karaoke (do chưa có văn bản quy định phương pháp chứng minh tính không cháy, khó cháy của các vật liệu hoàn thiện)	Các quy định kỹ thuật về đặc tính kỹ thuật về cháy, TC liên quan đã có đầy đủ từ QCVN 06:2010/BXD.
17.7	Các đơn vị cung cấp dịch vụ PCCC đứng tên trong hồ sơ nhưng	

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
17.8	<p>không trực tiếp tham gia công việc tại một số dự án, công trình,</p> <p>Kiến nghị:            Bộ Công an, Bộ Xây dựng tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về PCCC theo hướng phân loại từng loại hình cơ sở và bám sát tình hình thực tế tại các địa phương.</p>	Xin ghi nhận.
17.9	Hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn vệ tinh về an toàn PCCC	Xin ghi nhận.

## 18. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH HƯNG YÊN

( theo Công văn số 484/SXD-QLCL ngày 20/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
18	Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên	
18.1	Phân đoạn hành lang để đảm bảo chống khói (chỉ nên áp dụng đối với hành lang giữa)	Đúng là điều khoản này chỉ áp dụng với hành lang giữa. Hành lang bên có một mặt hở không cần tuân thủ quy định này.
18.2	Sửa quy định đối với số lượng lối ra thoát nạn xem xét cho trường hợp hợp khói từ nhiều đơn nguyên	Đã có quy định đầy đủ trong QCVN 06:2022/BXD, mục 3.
18.3	Quy định đối với hành lang thoát nạn cho nhà trường học quy mô nhỏ chưa hợp lý	Chưa rõ không hợp lý ở chỗ nào. Trường học quy mô nhỏ cho phép 1 lối thoát nạn (3.2.6.2)
18.4	Các quy định về ngăn cháy không nên áp dụng đối với hành lang bên	Không cần áp dụng quy định về ngăn cháy, trường hợp này đã được ghi rõ trong phụ lục G, chú thích.
18.5	Lối ra từ buồng thang bộ thoát nạn ra sảnh hở thì không nên yêu cầu tường bao quanh	Sảnh hở (không có tường bao) được coi là không gian ngoài nhà, đã thỏa mãn yêu cầu thoát nạn ra ngoài nhà.



## 19. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH KON TUM

( theo Công văn số 59/BC-SXD ngày 21/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
19	Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum	
19.1	Đề nghị chỉnh sửa quy định cấp nước chữa cháy ngoài nhà đối với công trình có quy mô nhỏ, chỉ nên quy định đối với hạ tầng khu đô thị	Xin ghi nhận và chuyển ý kiến cho Cục Cảnh sát PCCC&CNCH xem xét.
19.2	Tăng diện tích khoang cháy nhà sản xuất để đáp ứng nhu cầu và dây chuyền công nghệ	QCVN 06:2022/BXD đã tăng diện tích khoang cháy lên lớn hơn nhiều so với các phiên bản trước.c
19.3	Yêu cầu về thoát nạn đối với nhà cao đến 25 m, diện tích dưới 300 m <sup>2</sup> , số lượng người đến 20 mỗi tầng, (cho phép 1 thang thoát nạn, chiều rộng nhỏ nhất 0,7 m	Đề xuất này đã được giải thích ở trên.
19.4	Quy định ngăn chia hành lang thành đoạn 60 m; Cửa ra vào hành lang bên không bắt buộc cơ cấu tự đóng;	Đã được giải thích ở trên.
19.5	Quy định về bãi quay xe theo phương tiện chữa cháy	Đã được giải thích ở trên.

**20. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH LAI CHÂU**  
( theo Công văn số 491/SXD-QLXD ngày 20/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu)

<b>TT</b>	<b>Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD</b>	<b>Ý kiến thảo luận, giải trình</b>
<b>20</b>	Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu (0)	
20.1	Không có ý kiến	

**21. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND TỈNH LÂM ĐỒNG**  
( theo Công văn số 96/BC-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
21	UBND tỉnh Lâm Đồng	
21.1	Quy định về đảm bảo nguồn nước chữa cháy ngoài nhà và lối ra thoát nạn cho nhà quy mô nhỏ (dưới 21 m, dưới 200 m <sup>2</sup> là khó đáp ứng	Đã được giải thích ở trên.
21.2	Quy định về thành phần hồ sơ thẩm duyệt còn nhiều loại giấy tờ, tài liệu không cần thiết	
21.3	Một số vi phạm về PCCC như không thẩm duyệt thiết kế, thiếu lối thoát nạn chưa được quy định trong NĐ 136/2020/NĐ-CP nên không có cơ sở đình chỉ hoạt động các cơ sở vi phạm	
21.4	Các cơ sở kinh doanh lưu trú, karaoke, nhà hàng, quán bar... chuyển đổi từ nhà ở đã hoạt động từ nhiều năm trước khó đáp ứng các quy định về PCCC hiện hành.	Đã được giải thích ở trên.
21.5	Một số nhà chung cư chưa quan tâm đến công tác bảo trì, có dấu hiệu xuống cấp, không đảm bảo an toàn về hệ thống điện, PCCC, lối thoát nạn, ... song chưa có quy định về trách nhiệm cụ thể nên dẫn đến buông lỏng quản lý, đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm.	Quy định pháp luật về xây dựng (Luật XD, NĐ 06, NĐ 15) đã quy định rõ về trách nhiệm các bên liên quan.
21.6	Khó đình chỉ hoạt động các cơ sở trường học, trụ sở cơ quan nhà nước, cơ sở tôn giáo có vi phạm về PCCC,...	
21.7	Kiến nghị Bộ Xây dựng nghiên cứu sửa đổi QCVN	Xin ý kiến cụ thể hơn.

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	06:2022/BXD để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc;	
21.8	Sửa đổi điều 3.2.6.6: “Đối với nhà trên 3 tầng hoặc có chiều cao PCCC lớn hơn 9 m khi đã trang bị hệ thống chữa cháy tự động, hệ thống báo cháy tự động cho phép sử dụng thang bộ loại 2 (cầu thang bên trong nhà, để hờ) hoặc loại 3 (cầu thang bên ngoài nhà, để hờ) làm thang thoát nạn.	Thang loại 3 luôn luôn được sử dụng. Thang loại 2 là thang hờ, nguy hiểm trong việc lan truyền khói.
21.9	Không quy định trường hợp chỉ có 1 buồng thang bộ thoát nạn dẫn vào sảnh thì buồng thang này phải có lối ra bên ngoài trực tiếp như điều 3.4.7 hiện nay.	Nếu không quy định như vậy thì khi cháy ở sảnh không có lối thoát nạn nào khác cho người trong nhà. Cần hiểu đúng: lối ra ngoài trực tiếp có thể là cửa ra, có thể là một đoạn đường, hành lang được bảo vệ theo quy định.
21.10	Sửa đổi 3.4.8 theo hướng khi đã trang bị hệ thống chiếu sáng nhân tạo cho buồng thang thì không bắt buộc phải là buồng thang bộ không nhiễm khói.	Đây là hệ thống phân loại thang của QC. Nhìn chung, các thang phải có giải pháp để chống nhiễm khói vì đây là lối thoát nạn chính. Buồng thang bộ thông thường phải khả năng thoát khói tự nhiên (thông qua cửa trời lấy sáng, qua các cửa sổ lấy sáng ở mỗi tầng). Chiếu sáng bằng giải pháp gì không phải vấn đề quan trọng lắm.
21.11	Điều chỉnh quy mô công trình phải bố trí hút xả khói theo điểm c) điều D.2, Phụ lục D, tầng từ 6 tầng trở lên hoặc hành lang dài trên 30 m.	Đề xuất này không hợp lý. Hành lang kín (không có thông gió tự nhiên) mới phải hút khói. Không thể để hành lang kín trong nhà đến 6 tầng mà không có giải pháp thoát khói nào, rất nguy hiểm cho người bên trong.

## 22. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN

( theo Công văn số 468/UBND-NC ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
22	UBND tỉnh Lạng Sơn	
22.1	Quy định về PCCC trong các văn bản QCVN 06:2022/BXD và TCVN 3890:2023 khó áp dụng đối với các công trình quy mô nhỏ (ví dụ về lối thoát nạn, hệ thống chữa cháy tự động,...) Đề nghị nghiên cứu ban hành quy chuẩn riêng đối với các công trình quy mô nhỏ	Theo số liệu thống kê 10 năm 2012-2022 của Bộ Công an, đối tượng nhà ở riêng lẻ, nhà ở riêng lẻ kết hợp kinh doanh hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng chiếm tỉ lệ từ 42-60% tổng số vụ cháy nhà và công trình hàng năm, tỉ lệ thương vong về người chiếm ước lượng 70-80% tổng số. Các quy định tại QCVN 06:2022/BXD đã xem xét đến các đối tượng nhà nhỏ (1 lối thoát nạn, khoảng cách cháy lan giảm, cấp nước chữa cháy giảm, giao thông chữa cháy giảm). Về việc đề xuất giảm tiếp các yêu cầu, cần nghiên cứu và cân nhắc kỹ, trên cả góc độ an toàn cho con người.
22.2	Đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số nội dung liên quan đến ND 136/2020/NĐ-CP	

### 23. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH

( theo Công văn số 1231/SXD-PTĐT ngày 21/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
23	Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình	
23.1	Đề nghị giải thích, hướng dẫn, làm rõ: <ul style="list-style-type: none"><li>– Phạm vi áp dụng đối với nhà ở riêng lẻ kết hợp SX-KD;</li><li>– Chiều cao PCCC đối với nhà có nhiều cửa sổ;</li><li>– Sử dụng cầu thang bộ loại 3 đối với cơ sở kinh doanh Karaoke;</li></ul>	Đã giải thích ở trên.
23.2	Xem xét quy định ngăn chia hành lang để bảo vệ chống khói và cơ cấu tự đóng đối với cửa ra vào trên hành lang hồ	Đã giải thích ở trên.
23.3	Xem xét chỉnh sửa quy định cấp nước chữa cháy ngoài nhà	Xin ghi nhận và chuyển ý kiến cho Cục Cảnh sát PCCC&CNCH xem xét.
23.4	Phân cấp quy định theo quy mô công trình.	Đã phân chia chi tiết các công trình theo nhiều tiêu chí khác nhau.
23.5	Quy định về số lối ra thoát nạn và mức độ phân tán của các lối ra thoát nạn (khó khăn đối với nhà chuyển đổi làm khách sạn, nhà nghỉ,...)	Đã giải thích ở trên.
23.6	Quy định về khoảng cách an toàn PCCC chưa phù hợp thực tế (khoảng cách từ nhà phụ trợ đến nhà sản xuất cao hơn từ nhà sản xuất đến nhà sản xuất)	Đã giải thích ở trên. Đề nghị nghiên cứu thêm phụ lục E của QC 06 mới.
23.7	Các văn bản hướng dẫn về cấp bù không khí không thống nhất,	Đã giải thích ở trên.

TT	<p align="center"><b>Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD</b></p>	<p align="center"><b>Ý kiến thảo luận, giải trình</b></p>
23.8	<p>khó khăn trong áp dụng cũng như quản lý</p> <p>Quy định về đảm bảo nước chữa cháy ngoài nhà nếu mạng đường ống chung không đủ sẽ gây khó khăn cho các công trình khi phải tự đảm bảo.</p>	<p>Đã giải thích ở trên.</p>

## 24. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH THUẬN

( theo Công văn số 1240/ SXD-QLHĐXD&HTKT ngày 20/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
24	Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận (0)	
24.1	Chưa gặp vướng mắc khi áp dụng QCVN 06:2022/BXD	



## 25. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH PHÚ THỌ

( theo Công văn số 695/SXD-QLXD ngày 21/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
25	Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ	
25.1	Nghiên cứu điều chỉnh giảm quy định yêu cầu về khoảng cách an toàn PCCC. Đối với các công trình không đáp ứng yêu cầu về khoảng cách an toàn PCCC thì được lựa chọn nhiều giải pháp ngăn cháy khác để thay thế như sử dụng các tường ngăn cháy, kết cấu ngăn cháy, cũng như trang bị bộ sung hệ thống chữa cháy tự động	Đã giải thích ở trên. Đề nghị nghiên cứu thêm phụ lục E của QC 06 mới.
25.2	Bổ sung quy định cho phép một số trường hợp chỉ cần thiết kế 01 lối ra (cầu thang) thoát nạn hoặc bố trí cầu thang thoát nạn để hờ.	Đã giải thích ở trên.
25.3	Nghiên cứu điều chỉnh giảm yêu cầu về trang bị hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà đối với các khu vực miền núi, nông thôn cũng như các công trình quy mô nhỏ.	Xin ghi nhận và chuyển ý kiến cho Cục Cảnh sát PCCC&CNCH xem xét.
25.4	Bổ sung hướng dẫn xác định giới hạn chịu lửa, khi giới hạn chịu lửa tối thiểu của các cấu kiện được yêu cầu là R 15 (RE 15, REI 15) thì cho phép sử dụng các kết cấu thép không bọc bảo vệ nếu giới hạn chịu lửa của chúng theo kết quả thử nghiệm hoặc theo tính toán từ R 8 trở lên, hoặc hệ số tiết diện $A_m/V$ nhỏ hơn hoặc bằng $250 \text{ m}^{-1}$ .	Đã giải thích ở trên.
25.5	Xem xét quy định cho phép đối với các kết cấu chặn phía trên trong trường hợp bãi đỗ xe chữa cháy bao quanh chu vi nhà.	Đã giải thích ở trên.

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
25.6	Việc chứng minh vật liệu hoàn thiện nên đặt ở bước nghiệm thu công trình khi công trình đã có các vật liệu hoàn thiện và các thí nghiệm vật liệu tương ứng	Đã giải thích ở trên.
25.7	Đề nghị hướng dẫn cụ thể việc áp dụng nội dung quy định tại Phụ lục E.2 và E.3	Công văn 1091, công văn 1397.
25.8	Đề nghị bổ sung ghi chú về kích thước, vị trí lắp đặt và các yêu cầu kỹ thuật của cửa trời khi muốn dùng làm thông gió tự nhiên theo D.2 của Phụ lục D	Đã quy định cụ thể tại chú thích của mục D.2 đối với kích thước tối thiểu các cửa trời cần cho thông gió tự nhiên.
25.9	Đề nghị hướng dẫn cụ thể việc tính toán diện tích lỗ mở trên mái trong Bảng 9	Để phục vụ mục đích gì? Nếu để thoát khói thì tuân thủ phụ lục D và TC thiết kế tương ứng.
25.10	Trong trường hợp yêu cầu bãi đỗ xe chiều dài "toàn chu vi nhà". Khi chủ đầu tư bố trí các công trình phụ trợ 1 tầng sát nhà xưởng dẫn đến khoảng các từ bãi đỗ xe chữa cháy đến tường nhà và từ lối vào trên cao đến bãi đỗ xe chữa cháy > 15m. Trong trường hợp này xử lý quy định tại 6..2.2.3 như thế nào?	Đã giải thích ở trên. Thẩm quyền thuộc CS PCCC địa phương hướng dẫn, quyết định.
25.11	Đề nghị không bổ sung hệ thống cấp bù không khí theo quy định tại điểm i) điều D.10 của Phụ lục D vì có thể làm cho đám cháy phát triển mạnh thêm và chưa có hướng dẫn tính toán cấp bù không khí.	Đề nghị này là không chính xác, gây rủi ro, mất an toàn cho người. Đề nghị nghiên cứu thêm hướng dẫn của Cục CS PCCC về vấn đề này, TCVN 5687 và các TC thiết kế khác như NFPA 92, EN 12101, Fire code Singapore 2018, SP 7.13330 đều có quy định cụ thể về cấp không khí bù và thiết kế.

## 26. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH PHÚ YÊN

( theo Công văn số 711/ SXD-QLXD ngày 21/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
26	Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên	
26.1	Quy định về số lượng và độ phân tán của lối ra thoát nạn (3.2.7 và 3.2.8) gây khó khăn cho nhóm nhà quy mô nhỏ, chỉ có 1 mặt tiền (nhà nghỉ, khách sạn, nhà hàng, trụ sở làm việc)	Đã giải thích ở trên.
26.2	Quy định về cấp nước chữa cháy ngoài nhà gây khó khăn nếu hệ thống chung không đảm bảo năng lực cung cấp	Xin ghi nhận và chuyên ý kiến cho Cục Cảnh sát PCCC&CNCH xem xét.
26.3	Hướng dẫn tính toán kết cấu thép không được bọc bảo vệ chịu lửa	Đã giải thích ở trên.
26.4	Cho phép sử dụng cầu thang bộ hở thoát nạn đối với nhà có chiều cao PCCC trên 28 m.	Đã giải thích ở trên.
26.5	Chỉ nên quy định bãi đỗ xe chữa cháy đối với nhà cao trên 28 m, dưới 28 m chỉ nên yêu cầu đường tiếp cận	Đã giải thích ở trên.

**27. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG NAM**

( theo Công văn số 557/SXD-PGD ngày 20/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam)

<b>TT</b>	<b>Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD</b>	<b>Ý kiến thảo luận, giải trình</b>
<b>27</b>	Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam	
27.1	Chỉ thực hiện thẩm định thiết kế sau khi có chứng nhận thẩm duyệt PCCC; Chỉ nghiệm thu sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý PCCC	
27.2	Công trình đã tồn tại, nếu có sửa chữa cải tạo một phần thì áp dụng quy chuẩn thế nào, nếu áp dụng cho toàn bộ công trình thì sẽ rất khó khăn.	Đã giải thích ở trên.

## 28. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG NINH

( theo Công văn số 1380/SXD-QLXD ngày 20/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
28	Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh	
28.1	QCVN 06:2022/BXD về cơ bản đã tháo gỡ một số các quy định trước đây về PCCC mà tổ chức, doanh nghiệp vướng mắc	
28.2	Quy định cụ thể các trường hợp chuyển tiếp	Đã giải thích ở trên.
28.3	Quy định về vị trí lắp đặt tru nước chữa cháy trong QCVN 06:2022/BXD và QCVN 01:2021/BXD chưa thống nhất	Đã giải thích ở trên.
28.4	Quy định hạn chế chiều cao đối với một số dạng công trình (trường học, bệnh viện) gây khó khăn cho các địa phương có quỹ đất đô thị hạn chế.	Đã giải thích ở trên.
28.5	Quy định về vật liệu chống cháy hoặc sơn chống cháy không có trên thị trường	Đã giải thích ở trên.

**29. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**

( theo Công văn số 818/SXD-SXD-QLXD ngày 19/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
29	Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị (0)	
29.1	Chưa có nội dung vướng mắc hoặc kiến nghị, nếu có sẽ bổ sung trước ngày 26/4/2023	

**30. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH NAM ĐỊNH**

( theo Công văn số 784/SXD-QLXD ngày 20/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Nam Định)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
30	Sở Xây dựng tỉnh Nam Định	
30.1	Nêu trong văn bản gửi UBND tỉnh	

**31. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND TỈNH NAM ĐỊNH**  
( theo Công văn số 225/UBND-VP8 ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Nam Định)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
<b>31</b>	UBND tỉnh Nam Định	
31.1	Đề xuất cho phép sử dụng cầu thang bộ loại 2 để thoát nạn để đáp ứng quy định tại A.4.3 đối với nhà kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường.	Đã giải thích ở trên.
31.2	Đề xuất cho phép sử dụng 01 thang thoát nạn đối với nhà có chiều cao phòng cháy và chữa cháy không quá 15 m, diện tích mỗi tầng không lớn hơn 150 m <sup>2</sup> , có các lối ra thoát nạn khẩn cấp qua ban công, lô gia, lối lên trên mái mà không cần trang bị hệ thống chữa cháy tự động như quy định tại 3.2.6.2	Đã giải thích ở trên.



### 32. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND TỈNH NGHỆ AN

( theo Công văn số 3039/UBND-NC ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
32	UBND tỉnh Nghệ An	
32.1	Các cơ quan chuyên môn về XD chưa thực hiện đối chiếu như quy định của NEĐ 136 mà chỉ dựa vào kết quả thẩm duyệt của cơ quan PCCC; Đề xuất sửa đổi khoản 5, điều 13 NEĐ 136	
32.2	Khó khăn vướng mắc trong thực hiện các quy định về PCCC đối với các cơ sở kinh doanh Karaoke, vũ trường, quán bar khi áp dụng quy định của quy chuẩn; Đề xuất quản lý, xử lý theo từng trường hợp căn cứ thời điểm nghiệm thu về PCCC	Đã giải thích ở trên.
32.3	Khó khăn khi áp dụng quy định đối với vật liệu hoàn thiện đối với “gian phòng tập trung đông người”	Đã giải thích ở trên.
32.4	Vướng mắc khác: – Trình tự giải quyết thủ tục hành chính trên công dịch vụ công của Bộ Công an chưa cho phép rút hồ sơ hoặc bổ sung, thay thế thành phần hồ sơ trong thời gian chờ giải quyết; – Đề nghị Bộ Công an phân cấp thêm một số lĩnh vực; – Đẩy mạnh xã hội hóa công tác PCCC trên tất cả các lĩnh vực (thẩm duyệt, kiểm tra, kiểm định, huấn luyện, ...)	

### 33. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH THANH HÓA

( theo Công văn số 2479/SXD-HĐXD ngày 21/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
33	Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa	
33.1	Việc áp dụng quy định về tường ngăn cháy tại Bảng E.1, Phụ lục E gây khó khăn đối với các công trình trụ sở hành chính, trường học, ... (tính nguy hiểm cháy không cao) có những hạng mục đã xây dựng từ trước và hạn chế về diện tích đất xây dựng. Đề xuất chỉ cần cấu tạo tường ngăn cháy ở 1 trong hai nhà đối diện nhau, không bắt buộc cứ phải cấu tạo ở nhà cao hơn, rộng hơn theo quy định tại Bảng E.1	Đã giải thích ở trên. Đề nghị nghiên cứu kỹ phụ lục E.
33.2	Đề xuất cho phép tính gộp diện tích các nhà công cộng khi không đảm bảo khoảng cách PCCC theo Bảng E.1	QCVN 06:2022/BXD đã cho phép điều này, các phiên bản QC trước chưa cho phép. Đề nghị nghiên cứu phụ lục E mới.
33.3	Đề xuất cho phép tường màn non hành lang bên áp dụng khoảng cách thoát nạn theo Bảng G.2a giống các trường phổ thông	Cần nghiên cứu thêm về đề xuất này, vì các cháu mầm non di chuyển chậm hơn nhiều, tâm lý và sức khỏe chưa được tốt như các cháu phổ thông.
33.4	Đề xuất không áp dụng giải pháp ngăn cháy đối với sảnh thông tầng trong diện tích 1 khoang cháy	Có nhiều giải pháp khác nhau, không nhất thiết phải ngăn cháy cho sảnh thông tầng. Đề nghị nghiên cứu 4.35 của QC 06 mới.
33.5	Đề xuất cho phép không ngăn chia các gian phòng với công năng phụ trợ có diện tích dưới 10 % nhưng có hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ cao hơn các gian phòng với công năng chính theo quy định tại 4.5	Việc này là cần thiết.

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
33.6	Đề xuất cho phép tính khoảng cách thoát nạn từ cửa gian phòng ngay cả trong trường hợp hành lang thoát nạn không được bảo vệ chống cháy đúng theo quy định tại 3.3.5	Khoảng cách thoát nạn liên quan đến thời gian thoát nạn của người. Nếu không ngăn cách phòng thì phải tính từ điểm xa nhất của phòng.
33.7	Đề xuất cho sử dụng cầu thang bộ loại 3 thay thế cho buồng thang bộ được ngăn cách bằng cửa ngăn cháy loại 2.	QC không cấm sử dụng cầu thang bộ loại 3.
33.8	Điều 3.2.6.2 nên quy định phải trang bị chữa cháy tự động cho toàn bộ nhà để được phép có 1 lối ra thoát nạn có xét đến quy mô của nhà.	Đã có xét đến quy mô của nhà (nhà nhỏ, chiều cao PCCC đến 21 m thì diện tích mỗi tầng được 200 m <sup>2</sup> , chiều cao đến 15 m thì diện tích 300 m <sup>2</sup> ).
33.9	Đề xuất cho phép không cần lối ra thoát nạn thứ 2 mà chỉ cần 1 cầu thang bộ loại 2, đối với nhà biệt thự, nghỉ dưỡng, villa có chiều cao dưới 9 m, diện tích dưới 200 m <sup>2</sup> , số người không quá 15 người.	QC không quy định với đối tượng này phải có lối thoát nạn thứ hai, mà chỉ yêu cầu có lối thoát khẩn cấp ra ban công, sân thượng.
33.10	Đề xuất đổi với các công trình sản xuất hoặc kho hạng D, E không yêu cầu phải thiết kế giải pháp chống tụ khói	Chỉ yêu cầu TÍNH TOÁN thoát khói đối với hạng D, E bậc IV (các bậc I-III không yêu cầu). Và hoàn toàn có thể sử dụng giải pháp thoát khói tự nhiên, dựa trên căn cứ tính toán. Hiệu phải có hệ thống, thiết bị thoát khói là sai bản chất.
33.11	Đổi với công tác thẩm duyệt thiết kế về PCCC, các công trình đã được góp ý thiết kế cơ sở, thẩm duyệt theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn cũ trước đây đang triển khai đầu tư xây dựng thì được tiếp tục áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn đó khi thực hiện thẩm duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thẩm duyệt điều chỉnh, điều chỉnh dự án; không kiến nghị, yêu cầu phải thiết kế theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn mới. (bảo đảm theo nguyên tắc tạo	Điều kiện chuyển tiếp đã giải thích ở trên.

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	điều kiện thuận lợi nhất cho chủ đầu tư, doanh nghiệp mà vẫn đảm bảo theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn quy định về PCCC)	
33.12	Đề xuất cho phép cộng diện tích khoang cháy khi không đảm bảo khoảng cách Phòng cháy chống cháy đối với các cơ sở có ít hạng mục trong các khu CN	QCVN 06:22 đã có quy định cho phép cộng diện tích này.
33.13	Đề xuất bố trí sử dụng chung bể nước chữa cháy cho các chủ dự án gần nhau.	Cần làm rõ hơn về đề xuất này.
33.14	Đề xuất cho phép nhà kho hạng nguy hiểm cháy C, bậc chịu lửa IV, cấp nguy hiểm cháy kết cấu S0 được bố trí 2 tầng để có thể bố trí kho loại này trên tầng 2, tránh ảnh hưởng hóa	Cần có thiết kế cụ thể.
33.15	Đề xuất cho phép nhà phụ trợ của nhà nhóm F5 có quy mô nhỏ không phải thiết kế bãi đỗ xe chữa cháy.	QC không yêu cầu có bãi đỗ xe chữa cháy với nhà nhỏ. Đề nghị nghiên cứu chương 6 của QC 06 mới.
33.16	Đề xuất xem giải pháp chữa cháy tự động phun trực tiếp vào kết cấu chịu lực trong thời gian tương đương với giới hạn chịu lửa yêu cầu là giải pháp tăng giới hạn chịu lửa cho kết cấu	Chỉ áp dụng trong một số trường hợp cấu kiện như màn ngăn cháy. Không áp dụng cho kết cấu chịu lực chính, trên thế giới không có quốc gia nào làm như vậy.
33.17	Đề xuất tính toán dự trữ nước cho chữa cháy chỉ cần đảm bảo khối tích theo giải pháp có lưu lượng nước chữa cháy lớn nhất chứ không xét trường hợp sử dụng đồng thời các giải pháp chữa cháy sử dụng nước.	Đã giải thích ở trên.
33.18	Đề xuất cho phép lựa chọn áp dụng phiên bản quy chuẩn, tiêu chuẩn về PCCC ở thời điểm thiết kế xây dựng ban đầu đối với các khu vực sửa chữa, cải tạo cục bộ trong nhà;	Đã giải thích ở trên. Chỉ áp dụng phiên bản hiện hành cho các trường hợp cải tạo sửa chữa sau khi QC có hiệu lực, và chỉ áp dụng trong phạm vi cải tạo. Không áp dụng cho các phần khác.

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
33.19	<p>Các cơ sở đã hoạt động từ lâu năm nhưng không đảm bảo các điều kiện PCCC: đề xuất bổ sung thêm các giải pháp kỹ thuật tăng cường và cho phép chủ cơ sở áp dụng để thay thế cho các yêu cầu chính về khoảng cách an toàn PCCC, nâng bậc chịu lửa công trình, bố trí công năng, hệ thống thông gió, hút khói, cấp khí tươi, phương tiện PCCC, cấp nước chữa cháy và giao thông cho xe chữa cháy tại các khu vực địa hình đồi núi</p>	<p>Đã giải thích ở trên.</p>
33.20	<p>Cần quy định rõ trách nhiệm trong đầu tư hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà của các cơ sở, chủ đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, khu đô thị để tránh việc nhiều đơn vị, cơ sở cùng thực hiện đầu tư, gây tốn kém, lãng phí</p>	<p>Xin ghi nhận.</p>
33.21	<p>Giảm các quy định về kiểm định kết cấu bọc bảo vệ bằng vật liệu không cháy, khó cháy, kiểm định đốt mẫu vật liệu không cháy, khó cháy, chống cháy (thông kỹ thuật cụ thể vật liệu và kết cấu được bọc bảo vệ trên cơ sở công bố hợp chuẩn, hợp quy của nhà sản xuất hoặc công bố tại quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về PCCC).</p>	<p>Thuộc thẩm quyền của Bộ CA.</p>
33.22	<p>Xây dựng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về PCCC hoặc bổ sung yêu cầu kỹ thuật về PCCC đối với loại hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bar, Pub, Lounge, Club, Homestay, các công trình du lịch cộng đồng;</li> <li>- Các công trình văn hóa, di tích lịch sử;</li> <li>- Cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão.</li> </ul>	<p>Xin ghi nhận và nghiên cứu.</p>

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
33.23	Đề nghị xem xét quy định chiều rộng của ban thang bộ dùng để thoát người của lối thoát nạn thứ 2 đối với loại hình nhà ở kết hợp sản xuất kinh doanh tối thiểu là 0,5m (do đa số loại hình công trình này thường tụ tập ít người, chỉ cần có lối thoát để đảm bảo thoát người)	Phân nhà ở không có quy định hạn chế. Chỉ áp dụng cho phần kinh doanh (thường là mặt tiền hoặc tầng 1), không bị ảnh hưởng bởi quy cách thang.
33.24	Đề xuất xem xét giảm các yêu cầu về chữa cháy tự động đối với Karaoke 03 tầng, hệ thống thông gió, hút khói... nếu cơ sở đáp ứng được các yêu cầu về tải trọng cháy (đặt ra các định mức về tải trọng cháy).	Có thể quy định như vậy, và có thể lập luận chứng theo hướng này. Nhưng vấn đề là làm sao để Chủ đầu tư thực hiện được, và làm sao để cơ quan quản lý cơ sở kiểm soát được. Đây là vấn đề thuộc kỹ thuật an toàn cháy chuyên sâu.
33.25	Đối với các giải pháp kỹ thuật về PCCC tại các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định của pháp luật về PCCC hiện hành: Đề xuất có quy định cụ thể với những trường hợp bắt buộc áp dụng trên cơ sở so sánh với các quy định tại các nước trong khu vực; trường hợp khuyến khích áp dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn tại các nước phát triển; tránh việc bắt buộc áp dụng tất cả giải pháp kỹ thuật về PCCC theo hướng dập khuôn, máy móc	Xin ghi nhận và nghiên cứu.
33.26	Đề nghị hướng dẫn, giải thích, làm rõ: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy chuẩn, tiêu chuẩn cho nhà thuộc nhóm quốc phòng, an ninh, di tích lịch sử, công trình văn hóa.;</li> <li>- Các công trình du lịch cộng đồng, homestay có sử dụng vật liệu địa phương, vật liệu thân thiện môi trường;</li> <li>- Xác định chiều cao PCCC đối với nhà có mái dốc, không có tầng áp mái, không có ô cửa sổ;</li> </ul>	Đã có hướng dẫn các nội dung này trong các buổi hội thảo, tập huấn. Bộ XD sẽ nghiên cứu biên soạn hướng dẫn áp dụng QC 06:2022.

TT	<p><b>Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định giới hạn chịu lửa của bộ phận kết cấu bằng kính;</li> <li>- Tiêu chuẩn, hướng dẫn tính toán hút khói theo cơ chế tự nhiên đối với nhà sản xuất, nhà kho</li> </ul>	<p><b>Ý kiến thảo luận, giải trình</b></p>

**34. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH NGHỆ AN**  
( theo Công văn số 1170/SXD-GDCL ngày 19/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Nghệ An)

<b>TT</b>	<b>Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD</b>	<b>Ý kiến thảo luận, giải trình</b>
<b>34</b>	Sở Xây dựng tỉnh Nghệ An	
34.1	Áp dụng quy định mới vào các công trình đã nghiệm thu về PCCC trước đây thì không đủ điều kiện hoạt động tiếp.	Đã giải thích ở trên.
34.2	Quy định phải đánh giá chi tiêu kỹ thuật cháy của vật liệu, cấu kiện theo kết quả thử nghiệm, song số lượng các phòng TN là ít, dẫn đến khó khăn.	Đã giải thích ở trên.
34.3	Yêu cầu tẩm lớp phải đảm bảo giới hạn chịu lửa RE 15 là khó khăn, không phù hợp thực tế.	Đã giải thích ở trên.
34.4	Các công trình đặc thù không thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 06:2022/BXD chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn riêng dẫn đến khó khăn khi triển khai	Đã giải thích ở trên.
34.5	Quy định về nguồn điện tại 3.1.10 được hiểu là mọi thiết bị đều phải sử dụng điện lưới (không cho phép dùng bom bằng động cơ đốt trong).	Hiểu như vậy là không đúng. Ngay trong 3.1.10 đã có quy định cho các thiết bị điện có nguồn dự phòng sẵn.
34.6	Khái niệm “hệ thống bảo vệ chống cháy” chưa thống nhất trong nội dung quy chuẩn (A.3.1.6 và 1.4.2.4)	Xin ghi nhận và nghiên cứu thêm.
34.7	Quy định về ngăn cháy lan giữa 2 nhà theo Bảng E.1 gây khó khăn cho các nhà trường học, công sở,... có những hạng mục đã tồn tại từ trước. Chưa có quy định cho phép giảm khoảng cách PCCC giữa các	Đã giải thích ở trên.



TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
34.8	<p>nhà như nêu tại Bảng E.1 khi có trang bị PCCC bổ sung.</p> <p>Khoảng cách từ cửa phòng học trường mầm non đến lối ra thoát nạn của tầng chỉ là 10 m, có thể dẫn đến tổn kém diện tích xây dựng cho việc đảm bảo số lượng cầu thang bộ thoát nạn.</p>	Đã giải thích ở trên.
34.9	<p>Giải thích, hướng dẫn, làm rõ một số khái niệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích mái tum;</li> <li>- Cửa đặc;</li> <li>- Vật liệu trang trí tường;</li> <li>- Phạm vi áp dụng của Điều 6.12 cho toàn bộ thang hay chỉ cho thang bộ thoát nạn</li> </ul>	Đã giải thích ở trên.

### 35. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH VINH PHÚC

( theo Công văn số 1340/SXD-QLXD ngày 19/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Vinh Phúc)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
35	Sở Xây dựng tỉnh Vinh Phúc	
35.1	Yêu cầu về khoảng cách phòng chống cháy theo Bảng E.1 khó áp dụng đối với dự án có diện tích đất nhỏ, hình dạng khu đất nhiều góc cạnh.	Đã giải thích ở trên.
35.2	Quy định về đường cho xe chữa cháy khó áp dụng đối với công trình có các hạng mục hiện hữu hoặc các hạng mục phụ trợ nhỏ.	Đã giải thích ở trên.
35.3	Quy định các chỉ tiêu kỹ thuật cháy đối với vật liệu trên đường thoát nạn trong các nhà công cộng là bất hợp lý, có thể làm phát sinh chi phí lớn.	Đã giải thích ở trên.
35.4	Quy định về khoảng cách từ cửa gian phòng đến lối ra thoát nạn của tầng nhỏ (15 m, 20 m) đòi hỏi phải lắp cửa ngăn cháy nếu cửa nằm ở khoảng cách xa hơn, dẫn đến tăng chi phí đầu tư.	Đã giải thích ở trên.
35.5	Nên xem xét lại quy định bố trí chữa cháy trên trần (vòi phun hướng lên) do hiện nay hệ thống điện trong các công trình công cộng hiện nay đã được thiết kế từ 3 đến 4 cấp độ bảo vệ, khi có sự cố trên trần sẽ tự động ngắt.	QC không quy định nội dung này.
35.6	Các tham số trong Phụ lục F đối với kết cấu bê tông cốt thép nên xem xét thêm ảnh hưởng của lớp trát, cốt liệu đá	Đã giải thích ở trên.

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
35.7	<p>vôi, kết cấu siêu tĩnh,... để giảm bớt yêu cầu về chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép.</p> <p>Quy định về ngăn chia phân khoang cháy trong nhà bệnh viện gây khó khăn trong việc đảm bảo thông thoáng, đặc biệt là các khoa truyền nhiễm đòi hỏi thông gió, thoáng khí để tránh nhiễm chéo.</p>	<p>Hiểu như vậy chưa chính xác. Cần nghiên cứu lại phụ lục H.</p>
35.8	<p>Cần có những quy định về việc đặt đầu phun sprinkler tại các phòng phẫu thuật, hồi tỉnh, các phòng đặt máy Xquang, CTScanner có giá trị cao, dễ hư hỏng khi nhiễm nước.</p>	<p>QC không quy định nội dung này. Cần làm theo TC thiết kế, ví dụ TCVN 7336:2021.</p>
35.9	<p>Công tác kiểm định, nghiệm thu sơn chống cháy bảo vệ cho kết cấu thép gây khó khăn cho việc sử dụng. Tuổi thọ của sơn chống cháy thấp dẫn đến phải bảo trì nhiều, gây tốn kém chi phí;</p> <p>Sử dụng kết cấu bê tông hoặc tấm thạch cao lưới thép bọc cầu kiện thép gây nặng nề cho kết cấu, không đảm bảo yêu cầu thẩm mỹ, không liên kết được các cầu kiện phụ vào hệ khung thép, thi công khó do ở trên cao.</p> <p>Việc xây dựng, cải tạo, sửa chữa để đáp ứng các yêu cầu về PCCC gây gián đoạn sản xuất, chi phí xây dựng hệ thống chữa cháy cho nhà công nghiệp rất cao so với chi phí xây dựng.</p>	<p>QC không quy định nội dung này.</p> <p>Về điều kiện chuyên tiếp, đã giải thích ở trên.</p>
35.10	<p>Kiến nghị đề xuất:</p>	<p>Xin ghi nhận và nghiên cứu.</p>

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát, điều chỉnh một số bất cập về QCVN 06:2022/BXD như đã nêu.</li> <li>- Bổ sung thêm quy định về các đặc tính kỹ thuật cháy đối với trần thạch cao, vì đây là loại vật liệu vô cơ được dùng phổ biến nhưng không có quy định cụ thể có xếp vào dạng không cháy hay không.</li> <li>- Sớm ban hành các tiêu chuẩn về tải trọng cháy, tính toán kết cấu bê tông cốt thép, kết cấu thép chịu nhiệt độ và các cấu tạo chống cháy phù hợp để giảm thiểu công tác kiểm định vật liệu bảo vệ kết cấu chống cháy; cũng như sử dụng được cấu kiện thép đáp ứng yêu cầu bậc chịu lửa mà không cần bảo vệ;</li> <li>- Có chỉ dẫn, quy định phù hợp hơn về cửa đi phòng mở ra hành lang trên lối thoát nạn với điều kiện và suất vốn đầu tư công trình công cộng hiện nay, tránh lãng phí nguồn vốn.</li> <li>- Xây dựng lộ trình ban hành chứng nhận đặc tính kỹ thuật cháy của vật liệu đưa vào công trình xây dựng.</li> </ul>	

**36. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG YÊN BÁI**  
( theo Công văn số / SXD-QLN&CLCT ngày /4/2023 của Sở xây dựng Yên Bái)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
36	Sở xây dựng Yên Bái	
36.1	Chưa nhận được phản ánh về vướng mắc	

### 37. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND TỈNH YÊN BÁI

( theo Công văn số 1146/UBND-NC ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh Yên Bái)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
37	UBND tỉnh Yên Bái	
37.1	Quy định trang bị phương tiện PCCC đối với cơ sở kinh doanh xăng dầu, kinh doanh khí đốt, chất lỏng dễ cháy,... chưa thống nhất với các quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành, ví dụ QCVN 01:2019/BCT.	QC 06 không quy định các nội dung này.
37.2	Chưa có quy chuẩn đối với các cây xăng dầu nội bộ nên không có cơ sở đối chiếu thẩm duyệt	Xin xem thêm QC của Bộ Công thương.
37.3	Quy định về đảm bảo thoát nạn theo điểm a) điều 3.2.6.1 rất khó thực hiện và không cần thiết đối với cơ sở kinh doanh lưu trú quy mô nhỏ. Đề nghị sửa đổi quy định này.	Thoát nạn là một trong những yêu cầu an toàn cháy cốt lõi. Đề nghị nghiên cứu thêm các quy định tại 3.2.6.2 cho phép 1 lối thoát nạn đối với công trình quy mô nhỏ.
37.4	Đề nghị phân định rõ các công trình có nguy cơ cháy nổ tương ứng với các quy định về PCCC.	Đã giải thích ở trên.

**38. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG CẦN THƠ**

( theo Công văn số 1125/SXD-QLXD ngày 20/4/2023 của Sở Xây dựng Cần Thơ)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
38	Sở Xây dựng Cần Thơ	
38.1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định về đường cho xe chữa cháy khó áp dụng trên địa bàn tỉnh do đặc điểm về địa lý.</li> <li>- Đề nghị Bộ Xây dựng có hướng dẫn cụ thể về quy định tại 6.1 khi cần thực hiện theo hướng dẫn riêng của cơ quan quản lý về PCCC ở các địa phương khi không đảm bảo được đường cho xe chữa cháy.</li> </ul>	Cơ quan CS PCCC địa phương được quyền hướng dẫn cụ thể về giao thông và cấp nước chữa cháy phù hợp với địa phương mình, mà không phải tuân thủ các yêu cầu của QC.
38.2	Sửa đổi quy định của TCVN 3890:2023 về trang bị cấp nước chữa cháy cho cơ sở kinh doanh khí đốt;	TCVN 3890:2023 do Bộ Công an biên soạn.
38.3	Nhiều tiêu chuẩn quốc gia liên quan đến phòng cháy, chữa cháy song song tồn tại và có những tiêu chuẩn đã ban hành từ lâu không còn phù hợp với điều kiện hiện nay. Đề nghị Bộ Xây dựng phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.	Bộ XD đã có rà soát, thống kê và trong thời gian tới sẽ soát xét, sửa đổi, hoặc thay thế các TC này.

### **39. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG SÓC TRĂNG**

( theo Công văn số 918/SXD-KTVL ngày 25/4/2023 của Sở Xây dựng Sóc Trăng)

<b>TT</b>	<b>Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD</b>	<b>Ý kiến thảo luận, giải trình</b>
<b>39</b>	Sở Xây dựng Sóc Trăng (0)	
39.1	Việc áp dụng quy định của QCVN 06:2022/BXD trên địa bàn tỉnh luôn tuân thủ theo quy định và hiện không có vướng mắc, khó khăn trong việc áp dụng quy chuẩn nêu trên.	



#### 40. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND TỈNH QUẢNG NAM

( theo Công văn số 2446/UBND-NCKS ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
40	UBND tỉnh Quảng Nam	
40.1	Bộ Xây dựng xem xét ban hành bộ quy chuẩn riêng cho từng nhóm nhà, công trình nhằm cụ thể hóa các yêu cầu kỹ thuật và sát với thực tế	Xin ghi nhận.
40.2	Bộ Xây dựng sớm ban hành hướng dẫn bằng văn bản cụ thể chi tiết để thống nhất thực hiện các nội dung của QCVN 06:2022/BXD.	Xin ghi nhận.
40.3	Đề nghị cho phép áp dụng các quy định của QCVN 06:2022/BXD đối với những nhà đã thẩm duyệt thiết kế trước 16/01/2023	Có thể thực hiện theo hướng dẫn của Cục CS PCCC&CNCH tại CV 1091/2023. Thực hiện thẩm duyệt điều chỉnh theo QCVN 06 mới.
40.4	TCVN 3890:2023 cần quy định cụ thể cho loại hình cơ sở sản xuất hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ A, B có diện tích từ 300 m <sup>2</sup> trở lên cần đưa ra quy định cụ thể hơn	TCVN 3890:2023 do Bộ Công an biên soạn.
40.5	Bộ KH và CN xem xét sửa đổi, điều chỉnh TCVN 3890:2023 để tháo gỡ những khó khăn khi áp dụng	TCVN 3890:2023 do Bộ Công an biên soạn.
40.6	Làm rõ các vấn đề về quy định chuyển tiếp khi áp dụng các phiên bản quy chuẩn khác nhau	Đã trả lời ở trên.
40.7	Cho phép áp dụng các giải pháp bổ sung, thay thế bằng các trang thiết bị phù hợp khi công trình còn có những điểm chưa đáp ứng được QCVN 06:2022/BXD.	Đã trả lời ở trên.

<b>TT</b>	<b>Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD</b>	<b>Ý kiến thảo luận, giải trình</b>
40.8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm định phương tiện, vật tư, thiết bị PCCC</li> <li>- Kiểm định sơn theo nguyên tắc hợp chuẩn, hợp quy;</li> <li>- Kiểm định mẫu đối với các sản phẩm, vật tư khác (van ngăn cháy, cửa ngăn cháy, ...)</li> </ul>	<p>Không thuộc phạm vi quản lý của Bộ XD. Hiện nay Bộ CA đang thực hiện như đề xuất này.</p>
40.9	Thành phần hồ sơ thẩm duyệt đề nghị xem xét điều chỉnh cho phù hợp với một số trường hợp sửa chữa, cải tạo mà công trình không còn hoặc không cung cấp đủ hồ sơ thẩm duyệt ban đầu.	Không thuộc phạm vi quản lý của Bộ XD.

#### 41. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

( theo Công văn số 73/BC-UBND ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
41	UBND tỉnh Quảng Ngãi	
41.1	Các công ty cấp nước của địa phương chưa cung cấp được việc đảm bảo lưu lượng nước chữa cháy ngoài nhà, ... gây khó khăn cho thẩm duyệt;	Đã giải trình ở trên.
41.2	Việc phối hợp thẩm định thiết kế xây dựng và thẩm duyệt PCCC chưa có sự phối hợp gây khó khăn cho chủ đầu tư	Về quy định pháp luật ngành xây dựng, cơ quan chuyên môn xây dựng không tham định về PCCC, chỉ cần cung cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC.
41.3	Một số chủ đầu tư khu dân cư chưa quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng về đảm bảo an toàn cháy.	
41.4	Một số cơ sở công lập (trường học, trụ sở cơ quan,... ) thiếu nguồn vốn đầu tư cho PCCC.	
41.5	Khó khăn khi thực hiện thẩm định quy hoạch chi tiết 1/2000 hoặc 1/500 trong việc bố trí địa điểm để xây dựng doanh trại cho lực lượng PCCC theo quy định của ND 136/2020/ND-CP và QCVN 01:2021/BXD	
41.6	Thủ tục chứng minh nguồn gốc đất khi trình hồ sơ thẩm duyệt khó;	
41.7	Khó khăn trong bố trí cầu thang bộ loại 2 trong nhà,	Cầu thang bộ loại 2 là cầu thang hở, có tính nguy hiểm cháy cao, cần cân nhắc các trường hợp bố trí và tuân thủ quy định của QCVN 06:2022/BXD (đã cho phép một số

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
		trường hợp được sử dụng).
41.8	Việc xác định vật liệu xây dựng theo đặc tính kỹ thuật về cháy đối với cơ sở karaoke, gây khó khăn cho công tác khác phục.	Đã giải thích ở trên.
41.9	Chưa có hướng dẫn cụ thể cách xác định lưu lượng cấp nước chữa cháy ngoài nhà đối với nhà xưởng rộng hơn 60 m, có lỗ mở thông gió đặt trên kết cấu mái. Các nhà xưởng này bắt buộc phải thiết kế hệ hút khói cưỡng bức, không cho phép sử dụng thông gió tự nhiên	Cần nghiên cứu lại phụ lục D của QCVN 06:2022/BXD. Trong rất nhiều trường hợp nhà xưởng không bắt buộc phải có hút khói cưỡng bức, mà chỉ cần tính toán thoát khói tự nhiên là đủ.
41.10	Quy định về khoảng cách đến đường ranh giới là quá cao đối với các công trình xây dựng trong đô thị.	Đề nghị nghiên cứu lại phụ lục E của QCVN 06:2022/BXD, có rất nhiều giải pháp khác nhau để giảm khoảng cách chống cháy lan (có thể về 0).
41.11	Vướng mắc trong áp dụng TCVN 3890:2023	TCVN 3890:2023 do Bộ Công an biên soạn.
41.12	Vướng mắc trong triển khai thông tư liên tịch 04/2009/TTLT/BXD-BCA, ngày 10/4/2009 về cấp nước phòng cháy, chữa cháy	Xin ghi nhận. Hiện nay Bộ CA và Bộ XD đang soát xét các TT này.
41.13	Kiến nghị Chính phủ chỉ đạo hướng dẫn quy mô giới hạn đầu tư quy hoạch chi tiết 1/2000 hoặc 1/500 các khu đô thị thuộc diện bắt buộc thực hiện việc bố trí địa điểm để xây dựng doanh trại cho lực lượng PCCC; Nghiên cứu đề xuất sửa đổi ND 136/2020/NĐ-CP	
41.14	Kiến nghị Bộ Xây dựng: – Cung cấp thông tin của đơn vị được Viện KHCN Xây dựng cấp chứng nhận kiểm định vật liệu ốp (không cháy và khó	Xin ghi nhận.

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>cháy) để doanh nghiệp biết và trao đổi công việc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định cụ thể đối với cấp nước chữa cháy ngoài nhà;</li> <li>- Hướng dẫn cách xác định lưu lượng nước chữa cháy ngoài nhà đối với nhà có chiều rộng lớn hơn 60 m và có diện tích lỗ mở trên mái lớn hơn 2,5 %;</li> <li>- Nghiên cứu giải pháp bố trí thang thoát nạn trong công trình theo các điều 3.2.1, 3.2.2, 3.3.3 và 4.26</li> <li>- Nghiên cứu ban hành thông tư thay thế thông tư liên tịch 04/2009/TTLT/BXD-BCA, ngày 10/4/2009</li> </ul>	
41.15	<p>Kiến nghị Bộ Công an:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn cụ thể mô số quy định tại TCVN 3890:2023</li> <li>- Hướng dẫn cụ thể phân loại các công trình theo nhóm nguy cơ cháy;</li> <li>- Nghiên cứu đối với giải pháp trang bị hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà;</li> <li>- Tăng cường bổ sung biên chế trang thiết bị phương tiện, dụng cụ PCCC và CNCH cho lực lượng cảnh sát PCCC &amp;CNCH</li> </ul>	

## 42. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND TỈNH LẠNG SƠN

( theo Công văn số 468/UBND-NC ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
42	Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn	
42.1	Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về PCCC cơ bản đã hoàn thiện, trong đó có QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình; TCVN 3890:2023 - Phương tiện PCCC cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng... Qua thời gian áp dụng thực tế, các quy định tại QCVN 06:2022/BXD, TCVN 3890:2023 phù hợp với các công trình có quy mô lớn, tính chất nguy hiểm cháy, nổ cao, nhưng đối với các công trình có quy mô nhỏ, các quy định này lại rất khó thực hiện. Ví dụ như đối với các công trình yêu cầu 02 lối thoát nạn tại mỗi tầng hoặc phải lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler để bố trí 01 lối thoát nạn; các cơ sở kinh doanh Karaoke (dù chỉ cao 01 tầng, không phụ thuộc vào quy mô) phải lắp đặt hệ thống báo cháy tự động liên động với hệ thống âm thanh... Đề nghị Bộ Xây dựng nghiên cứu, ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn riêng đối với những công trình có quy mô nhỏ (các tiêu chuẩn về lối thoát nạn, hệ thống phương tiện PCCC phù hợp) để tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh nhỏ lẻ nhưng vẫn đảm bảo quy định an toàn PCCC.	Bộ XD đã lấy ý kiến rộng rãi về dự thảo TC nhà ở riêng lẻ kết hợp kinh doanh. Đề nghị quý Sở tham gia góp ý. Về bố trí sprinkler, QCVN 06:2022/BXD chỉ yêu cầu có trang bị sprinkler để có thể bố trí 01 lối thoát nạn, trên nguyên tắc là vì chỉ có 01 lối thoát nạn duy nhất thì đám cháy cần được kiểm soát sớm, tự động để kéo dài thời gian và bảo đảm an toàn cho người thoát nạn ra ngoài. Việc khó khăn trong thiết kế sprinkler đối với công trình hiện hữu (khó làm bể nước mới) cần được xem xét từ TCVN 7336:2021 do Bộ Công an biên soạn.

**43. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH HÒA BÌNH**

( theo Công văn số 1126/SXD-QLXD ngày 24/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Hòa Bình)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
43	Sở Xây dựng tỉnh Hòa Bình	
43.1	<p>Tại điểm 3.3.5 thuộc mục “3.3. Đường thoát nạn” có quy định “Các cửa mở vào hành lang phải là cửa ngăn cháy có giới hạn chịu lửa không thấp hơn giới hạn chịu lửa của bộ phận ngăn cháy” không quy định rõ cụ thể đối với công trình nào, bậc chịu lửa bao nhiêu do vậy gặp khó cho công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án sử dụng vốn đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công.</p>	<p>Có quy định cụ thể về giới hạn chịu lửa của bộ phận ngăn cháy bảo vệ hành lang trong chính điều này, phụ thuộc vào bậc chịu lửa của nhà.</p> <p>Bộ phận ngăn cháy bao che đường thoát nạn của nhà có bậc chịu lửa I phải làm bằng vật liệu không cháy với giới hạn chịu lửa ít nhất EI 30, và của nhà có bậc chịu lửa II, III, IV phải làm bằng vật liệu không cháy hoặc cháy yếu (Ch1) với giới hạn chịu lửa ít nhất EI 15. Riêng nhà có bậc chịu lửa II của hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ D, E (xem Phụ lục C) có thể bao che hành lang bằng tường kính.</p>
43.2	<p>2. Tại Phụ lục E quy định khoảng cách phòng cháy chống cháy “Bảng E.1 -Khoảng cách phòng cháy chống cháy giữa các nhà ở, nhà và công trình công cộng và khoảng cách từ các nhà ở, nhà và công trình công cộng đến nhà và công trính sản xuất, nhà kho” chưa quy định cụ thể đối với các công trình dự án được đầu tư xây bổ sung thêm mới các hạng mục như nhà lớp học của các trường học; các hạng mục nhà điều trị của bệnh viện mà quỹ đất không được tăng thêm gây khó khăn trong quá trình lập chủ trương đầu tư, lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư.</p>	<p>Phụ lục E của QCVN 06:2022/BXD đã bổ sung các giải pháp cho vấn đề này (phụ lục E.3). Đề nghị nghiên cứu thêm.</p>

**44. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐIỆN BIÊN**

( theo Công văn số 737/SXD-QLXD ngày 26/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
44	Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên	
44.1	Việc áp dụng các quy định của QCVN 06:2022/BXD vào thực tế các công trình với điều kiện của tỉnh Điện Biên còn nhiều bất cập, nhất là trong công tác đầu tư xây dựng công trình và công tác vận hành, duy tu bảo dưỡng công trình khi đưa vào sử dụng do chi phí đầu tư cho hạng mục phục vụ công tác PCCC theo quy định của QCVN 06:2022/BXD tương đối lớn	Xin nêu tên cụ thể các dự án đã được thẩm duyệt hoặc nghiệm thu theo QCVN 06:2022/BXD trên địa bàn tỉnh? Các công trình đã khai thác sử dụng thì không áp dụng QCVN 06:2022/BXD.
44.2	Một số công trình sau khi đầu tư hệ thống PCCC đưa vào sử dụng gặp khó khăn về công tác vận hành, bảo trì hệ thống do trình độ dân trí tại một số địa phương còn hạn chế	
44.3	Một số công trình tại các xã vùng sâu, vùng xa có điều kiện giao thông khó khăn, chưa đảm bảo về nguồn điện, nguồn nước dẫn đến sau khi đầu tư hệ thống PCCC theo các quy định của QCVN 06:2022/BXD không sử dụng được gây thất thoát, lãng phí	Đề nghị Sở XD Điện Biên gửi các thông tin cụ thể về các dự án này để Bộ XD nghiên cứu, hướng dẫn.
44.4	Đề nghị nghiên cứu, sửa đổi, sắp xếp lại các công trình tại Bảng phân nhóm nhà dựa trên tính nguy hiểm cháy theo công năng đảm bảo sát với thực tế về nguy cơ xảy ra cháy nổ, mất an toàn (tập trung thất chặt các quy định quản lý đối với nhóm đối tượng thường xuyên xảy ra cháy nổ, mất an toàn trong thời gian vừa qua như: các nhóm công trình nhà ở kết hợp kinh doanh, nhà kho, chợ, cơ sở sản xuất... so với các nhóm ít nguy cơ như	Xin ghi nhận.



TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	trường học, Trạm y tế, trụ sở... thực tế nguy cơ ít xảy ra cháy nổ hơn)	
44.5	Sửa đổi, bổ sung các quy định đảm bảo phù hợp một số công trình xây dựng ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, không đảm bảo các yêu cầu để vận hành hệ thống PCCC. Nghiên cứu xây dựng lộ trình áp dụng các quy định về PCCC để phù hợp với điều kiện thực tế	Xin ghi nhận.
44.6	Việc xây dựng quy chuẩn với các quy định quá chi tiết để áp dụng chung cho tất cả các nhóm công trình chưa thật sự hợp lý, gây khó khăn trong việc nghiên cứu áp dụng. Đề nghị xem xét xây dựng quy chuẩn theo hướng chỉ đưa những quy định chung bắt buộc cho từng loại công trình. Đối với từng nhóm công trình cụ thể, xem xét đưa các quy định cần thiết về PCCC áp dụng với nhóm công trình đó tại các tiêu chuẩn thiết kế để áp dụng cho phù hợp	Xin ghi nhận.
44.7	Việc vận hành, bảo trì, khai thác sử dụng hệ thống PCCC rất quan trọng, qua thực tế tại một số công trình, hệ thống PCCC thường xuống cấp, hư hỏng sau một thời gian ngắn đưa vào khai thác, sử dụng. Do đó, đề nghị bổ sung cụ thể các quy định về việc quản lý, vận hành, bảo trì bắt buộc đối với nội dung này	Trách nhiệm này đã được quy định cụ thể trong văn bản pháp luật, thuộc về Chủ đầu tư và đơn vị thi công PCCC.

#### 45. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH HÀ GIANG

( theo Công văn số 595/SXD-PTĐT ngày 19/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Hà Giang)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
45	Sở Xây dựng tỉnh Hà Giang	
45.1	Quá trình thẩm định áp dụng QCVN 06:2022/BXD không có vướng mắc trong thực hiện	
45.2	Đề nghị nghiên cứu và xem xét khoảng cách phòng cháy chống cháy giữa các nhà ở, nhà và công trình công cộng và khoảng cách từ các nhà ở, nhà và công trình công cộng đến nhà và công trình sản xuất, nhà kho được quy định tại Bảng E.1 vì các nhà ở trong đô thị khó có thể đáp ứng được tiêu chí khoảng cách chống cháy như yêu cầu theo quy chuẩn đã ban hành.	Đề nghị nghiên cứu thêm phụ lục E.3, có những giải pháp bổ sung cho vấn đề này.
45.3	Đề nghị nghiên cứu và xem xét quy định tại Bảng 14 về đường cho xe chữa cháy và bãi đỗ xe chữa cháy vì một số nhà ở tại một số khu phố trong đô thị khó có thể đáp ứng được tiêu chí về đường cho xe chữa cháy và bãi đỗ xe chữa cháy như yêu cầu theo quy chuẩn đã ban hành.	Đã giải thích ở trên.

## 46. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI BÌNH

( theo Công văn số 84/BC-SXD ngày 24/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Thái Bình)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
46	Sở Xây dựng tỉnh Thái Bình	
46.1	<p>Khó khăn vướng mắc chung:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Việc đầu tư hệ thống PCCC hiện nay khá tốn kém, yêu cầu bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên nhưng tuổi thọ của hệ thống PCCC thấp hơn so với tuổi thọ của công trình; chi phí đầu tư hệ thống PCCC xét trên toàn xã hội là rất lớn, nhưng tỷ lệ xảy ra cháy nổ lại ở mức nhỏ;</li><li>- Qua thực tiễn cho thấy một số công trình ít có nguy cơ xảy ra cháy như trong các trường học (có các khối nhà học, nhà đa năng, nhà hiệu bộ), trong các bệnh viện (khối nhà hành chính, khối nhà trung tâm kỹ thuật, nhà điều trị), hay các trụ sở làm việc thì chỉ cần bố trí hệ thống chữa cháy tại chỗ; ở những hạng mục thấp tầng xe chữa cháy tiếp cận được chỉ cần bố trí trụ tiếp nước ngoài nhà; đối với những hạng mục có nguy cơ xảy ra cháy cao như chung cư, kho tàng, thư viện mới cần bố trí đầy đủ hệ thống chữa cháy; việc đầu tư đầy đủ hệ thống chữa cháy đối với công trình ít có nguy cơ xảy ra cháy như hiện nay rất lãng phí</li></ul>	QC đã có quy định khá cụ thể theo tính nguy hiểm cháy của từng đối tượng. Các đối tượng có tính nguy hiểm cháy thấp thì ít yêu cầu hơn và yêu cầu thấp hơn.
46.2	Tại Điều 3.3.5 của QCVN 06:2022/BXD quy định “bộ phận ngăn cháy bao che trên đường thoát nạn của nhà có bậc chịu lửa I phải làm bằng vật liệu không cháy với giới hạn chịu lửa ít	Các quy định về bảo vệ an toàn cho hành lang thoát nạn là yêu cầu an toàn cơ bản. Giải pháp thực hiện hoàn toàn phù hợp thực tế, khi chính các tường xây ngăn cách gian phòng

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>nhất EI 30, và của nhà có bậc chịu lửa II, III, IV phải làm bằng vật liệu không cháy hoặc cháy yếu (Ch1) với giới hạn chịu lửa ít nhất EI 15". Hiện nay, do điều kiện nguồn vốn đầu tư còn hạn chế, có rất ít công trình bố trí lối thoát nạn riêng, chủ yếu sử dụng hành lang chung, bên cạnh đó khi xảy ra cháy thì tất cả các hành lang đều là hành lang thoát nạn, do đó quy định này chưa phù hợp với điều kiện thực tế;</p>	<p>với hành lang là bộ phận ngăn cháy. Theo phụ lục F của QC 06 thì chỉ cần tường xây gạch dày 100 mm (rất phổ biến) là đã thỏa mãn các điều kiện này. Đề nghị nghiên cứu thêm.</p>
46.3	<p>Tại phụ lục E của QCVN 06:2022/BXD quy định về khoảng cách phòng cháy chống cháy giữa các nhà và công trình yêu cầu về khoảng cách giữa các khối nhà là khá lớn, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư và không đáp ứng yêu cầu đối với một số công trình có tính chất chuyên ngành phải cần có sự liên thông, khép kín giữa các hạng mục công trình</p>	<p>Đã giải thích ở trên.</p>
46.4	<p>Tại Mục 3.2.7 của QCVN 06:2022/BXD quy định số lối ra thoát nạn từ một nhà không được ít hơn số lối ra thoát nạn từ bất kỳ tầng nào của nhà đó, Mục 3.2.8 quy định về độ phân tán của lối thoát nạn. Với quy định này các cơ sở nằm trong khu dân cư, là nhà liền kề như nhà nghỉ, khách sạn, cơ sở dịch vụ karaoke, nhà hàng thường là dạng nhà ống và 3 phía tiếp giáp nhà dân....vì vậy không đáp ứng được do chỉ có 01 mặt tiền, không thể bố trí lối ra thứ 2 từ tầng 1 ngoài lối ra mặt tiền của tòa nhà;</p>	<p>Đã giải thích ở trên.</p>
46.5	<p>Đối với việc bố trí lượng nước chữa cháy tại một số công trình (Trường mầm non, trường tiểu học, Trung học cơ sở, trụ sở cơ</p>	<p>Đã giải thích ở trên.</p>

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>quan hành chính, nhà nghỉ, khách sạn, karaoke, nhà hàng) quy định tại Bảng 7, Bảng 8, Chú thích 1, 2 (Bảng 8) - QCVN 06:2022 quy định về lưu lượng nước chữa cháy ngoài nhà chưa phù hợp với thực tế gây khó khăn trong việc bố trí quỹ đất để xây bể nước dự trữ</p>	
46.6	<p>Việc khắc phục mỗi tầng nhà chuyên đổi từ nhà ở sang kinh doanh dịch vụ karaoke phải có 02 lối thoát nạn, tức là phải có lối thoát theo quy định của QCVN 06 đòi hỏi phải có thời gian và kinh phí.</p>	<p>QCVN 06 có cho phép các quán karaoke quy mô vừa và nhỏ được 1 lối thoát nạn. Đề nghị nghiên cứu phụ lục A.4.</p>
46.7	<p>Các cơ sở được yêu cầu thay thế đảm bảo yêu cầu “Tuồng, vách ngăn và trần treo của đường thoát nạn, lối thoát nạn, buồng thang thoát nạn, các gian phòng tập trung đông người được thiết kế bằng vật liệu trang trí nội thất, vật liệu cách âm, cách nhiệt là vật liệu không cháy hoặc khó cháy” cần nhiều thời gian và chi phí khác phục tốn kém.</p>	<p>Các quy định này đã có từ TT 47/2015/TT-BCA và TT 147/2020/TT-BCA, QCVN 06:2010/BXD, nghĩa là đã được quy định từ cách đây 13 năm. Vậy tại sao các công trình karaoke hiện hữu lại phải khác phục vấn đề này?</p>
46.8	<p>Vậy các cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke đưa vào hoạt động trong thời điểm Thông tư 147/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an có hiệu lực đối với các gian phòng có diện tích dưới 50m<sup>2</sup> có cần phải yêu cầu sử dụng vật liệu trang trí nội thất, vật liệu cách âm, cách nhiệt là vật liệu không cháy hoặc khó bắt cháy không?</p>	<p>Cần tuân theo các quy định tại thời điểm công trình được thẩm duyệt, nghiệm thu.</p>
46.9	<p>Đối với các cơ sở giao dục thuộc diện thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy, kinh phí để bố trí thực hiện công tác thẩm duyệt thiết kế về PCCC theo đúng quy định là quá lớn</p>	

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
46.10	<p>Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh được xây dựng, đi vào hoạt động từ lâu và tự ý mở rộng quy mô, tuy nhiên khi kiểm tra phát hiện cơ sở hoạt động và xây dựng trên đất thổ cư, đất nông nghiệp, không phải đất để sản xuất, kinh doanh. Thủ tục pháp lý liên quan đến chuyển đổi mục đích sử dụng đất gặp nhiều khó khăn.</p> <p>Công tác quản lý nhà nước về PCCC, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính gặp khó khăn vì nếu tiến hành kiểm tra, làm hồ sơ PCCC là đã công nhận đó là một cơ sở thuộc diện quản lý và công nhận việc sử dụng đất sai mục đích của cơ sở</p>	
46.11	<p>Có nhiều công trình chuyển đổi mục đích sử dụng sau khi xây dựng nên không đảm bảo an toàn PCCC và khó khăn trong công tác cải tạo, sửa chữa</p>	<p>Cần có giải pháp thiết kế phù hợp cho từng công trình cụ thể.</p>
46.12	<p>Tại Mục c, Khoản 3, Điều 16, Nghị định 136/2020/NĐ-CP: Việc giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về PCCC cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý sẽ có những khó khăn, bất cập vì lực lượng làm công tác phòng cháy chữa cháy tại cấp xã còn mỏng nhiều địa phương còn chưa bố trí được cán bộ để thực hiện việc quản lý nhà nước về PCCC, lực lượng Công an cấp xã đa số chưa được đào tạo nghiệp vụ về lĩnh vực quản lý nhà nước về PCCC</p>	
46.13	<p>Các công trình điện mặt trời mái nhà trên địa bàn tỉnh do các hộ dân tự đầu tư, lắp đặt phần nhiều chưa đăng ký và cấp các thủ tục về phòng cháy chữa cháy</p>	

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
46.14	Đề xuất, kiến nghị cắt giảm thủ tục hành chính rườm rà không cần thiết nhưng vẫn đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy theo quy định	
46.15	Đề nghị ban hành danh mục vật tư, vật liệu, cấu kiện chống cháy, thời gian chịu lửa để làm cơ sở phục vụ công tác thiết kế, đồng thời giảm bớt chi phí kiểm định, giám chi phí trong đầu tư xây dựng	Cục CS PCCC&CNCH đã đăng tải các thông tin này trên website của Cục.
46.16	Đổi với công trình sửa chữa, cải tạo không làm thay đổi quy mô, công năng chính của công trình cho phép lựa chọn áp dụng các phiên bản Quy chuẩn, tiêu chuẩn tại thời điểm được thẩm duyệt PCCC trước đó mà không phải sử dụng Quy chuẩn, tiêu chuẩn mới	QCVN 06:2022/BXD không bắt buộc phải áp dụng khi các cải tạo, sửa chữa không làm tăng tính nguy hiểm cháy của công trình. Đề nghị nghiên cứu thêm 1.1.4 của QCVN 06:2022/BXD.  Tuy nhiên, cũng xin lưu ý rằng QCVN 06:2022/BXD có nhiều quy định giảm trừ so với các QC trước. Nên chưa chắc các công trình đó đã đáp ứng được đầy đủ các quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn cũ.
46.17	Hồ sơ trình thẩm duyệt nếu có những lỗi nhỏ hoặc trong việc scan hồ sơ xây ra lỗi như bị thiếu trang thì được phép cập nhật hồ sơ trong quá trình thẩm duyệt, tránh việc cơ quan thẩm duyệt phải trả lại hồ sơ trong trường hợp không cần thiết, làm chậm tiến độ giai đoạn chuẩn bị dự án	
46.18	Đề nghị xem xét phân cấp thẩm quyền thẩm duyệt thiết kế PCCC để giảm bớt thời gian chờ đợi thủ tục; xây dựng quy chế phối hợp giữa Cơ quan quản lý nhà nước về PCCC và các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố trong công tác đầu tư cấp phép cho các công trình đảm bảo tính thống nhất, hiệu quả,	

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
46.19	<p>thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp</p> <p>Đề nghị xây dựng văn bản hướng dẫn ngành Công thương để quản lý các công trình điện năng lượng mặt trời mái nhà và có biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về phòng cháy, chữa cháy cho các dự án điện mặt trời mái nhà.</p>	



## 47. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

( theo Công văn số 920/UBND-NC&KTGS ngày 24/4/2023 của UBND Thành phố Hải Phòng)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
47	UBND Thành phố Hải Phòng	
47.1	Tiêu chuẩn, quy chuẩn nước ngoài được phép áp dụng không được công bố rộng rãi đến các doanh nghiệp, địa phương, gây khó khăn cho cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị áp dụng. Đề nghị xem xét bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn nước ngoài được phép áp dụng và công bố rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng cho các đối tượng liên quan biết, áp dụng kịp thời. Tiêu chuẩn, quy chuẩn nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt để thuận tiện cho việc áp dụng.	Vấn đề này được quy định tại NĐ 136/2020/NĐ-CP, không thuộc phạm vi quản lý của Bộ XD.
47.2	Điều 3 của QCVN 06:2022/BXD đề nghị bổ sung quy định về trường hợp cụ thể loại nhà có thể sử dụng cầu thang bộ hờ loại 2 trong nhà để thoát nạn;	QC đã có quy định cụ thể các trường hợp được sử dụng thang bộ loại 2 (ví dụ điều 3.2.6.2).
47.3	Điểm 3.2.6.2 việc áp dụng đồng thời các quy định gồm lắp đặt chữa cháy tự động cho toàn nhà và bố trí lối ra thoát nạn khẩn cấp là bất cập đối với những công trình quy mô nhỏ; gây lãng phí, tốn kém, nhiều công trình khó thực hiện. Đề nghị xem xét điều chỉnh quy định lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động hoặc lối thoát nạn khẩn cấp.	Lối thoát nạn khẩn cấp ra ban công hoặc sân thượng có lẽ không khó bố trí, vì hầu như nhà nào cũng có sân thượng hoặc ban công. Yêu cầu về chữa cháy tự động đã giải thích ở trên.
47.4	Đề nghị làm rõ khái niệm “chỗ làm việc đơn lẻ” nêu tại 3.3.6 và 3.4.1	Đã giải thích ở trên.
47.5	Điều 5, đề nghị xem xét không tính toán đồng thời trữ lượng	Hai hệ thống này hoàn toàn có thể làm việc đồng thời. Nên

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	nước của hệ thống chữa cháy vách tường và hệ thống chữa cháy tự động sprinkler	chưa rõ cơ sở khoa học của đề xuất này.
47.6	Quy định tại D.9 cần quy định giới hạn chịu lửa của hệ thống hút khói cưỡng bức (từ EI 30 trở lên) tương ứng với bậc chịu lửa của nhà.	D.9 cho phép áp dụng các quy định về giới hạn chịu lửa của ống thu khói theo TC thiết kế.
47.7	Đề nghị bổ sung vào Phụ lục F giải pháp sử dụng đầu phun nước lên các cấu kiện thép chịu lực khi có cháy để nâng bậc chịu lửa của công trình phù hợp, tiết kiệm chi phí, thuận lợi khi thực hiện.	Giải pháp này chưa được nghiên cứu và cũng không được quy định trong các tiêu chuẩn an toàn cháy trên thế giới.
47.8	Đề nghị mở rộng phạm vi áp dụng màn ngăn cháy Drencher bằng nước để ngăn chia khoang cháy và ngăn giữa các khu vực có công năng khác nhau;	QCVN 06:2022/BXD đã có quy định một số trường hợp được dùng màn nước drencher. Xin có ý kiến cụ thể hơn về việc mở rộng phạm vi áp dụng?
47.9	Đề nghị được áp dụng nguyên tắc nhân đôi diện tích khoang cháy đối với các loại nhà (trừ nhà nhóm F5 hạng A, B) có trang bị lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động.	Được phép nhân đôi diện tích khoang cháy đối với các nhà bậc I-III. Ngoài ra, QCVN 06:2022/BXD đã tăng diện tích khoang cháy đáng kể.

**48. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND TỈNH NINH BÌNH**  
( theo Công văn số 167/UBND-VP7 ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh Ninh Bình)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	UBND tỉnh Ninh Bình	
	<p>Các văn bản quy phạm pháp luật về phòng cháy chưa quy định điều khoản chuyên tiếp gây khó khăn khi áp dụng, ngoài ra các văn bản thường xuyên thay đổi và chưa phù hợp với điều kiện tình hình thực tế của Việt Nam</p>	
	<p>QCVN 06:2022/BXD</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ quy định chung cho hạng mục, công trình theo công năng mà không quan tâm đến quy mô đặc điểm, dẫn đến phải áp dụng cả đối với công trình có quy mô nhỏ</li> <li>- Gặp vướng với công trình có mặt tiền nhỏ (karaoke, nhà hàng, khách sạn) có mặt tiền từ 4-5 m, không thể bố trí 2 lối thoát nạn từ tầng 1 đảm bảo độ phân tán</li> <li>- Khoảng cách an toàn PCCC chưa phù hợp thực tế với công trình công nghiệp do trong công trình/ dự án còn có các hạng mục quy mô nhỏ: hạng mục phụ trợ.</li> <li>- Chưa quy định cụ thể cấp bù không khó, thiếu căn cứ thẩm định</li> </ul> <p>Các quy định về nước chữa cháy, chú thích 1, chú thích 2 khó đáp ứng được với khu dân cư.</p>	<p>Xin ghi nhận, nghiên cứu tiếp thu.</p>
	<p>Các tiêu chuẩn TCVN liên quan khác</p> <p>Gặp khó khăn trong TCVN 7336:2021 và TCVN 3890:2023 về vấn đề bể nước, công suất máy bơm, trang bị xe chữa cháy.</p>	

**49. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND TỈNH TIỀN GIANG**  
( theo Công văn số 93/BC-UBND ngày 15/5/2023 của UBND tỉnh Tiền Giang)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>UBND tỉnh Tiền Giang</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vướng mắc thuộc đối tượng không phải thẩm duyệt theo ND 79 nhưng đến ND 136 lại thuộc đối tượng thẩm duyệt</li> <li>- Không lắp đặt đc sprinkler với cترینh đặc thù có chiều cao trên 20m theo TCVN 7336:2021</li> <li>- QCVN 06 không quy định sử dụng nguồn nước tự nhiên như sông, hồ dẫn đến phải sử dụng bể nước chứa cháy</li> <li>- QCVN 06: bãi đỗ xe khó thực hiện do đặc thù địa phương là sông ngòi nhiều</li> </ul> <p>Gặp khó với PL E về khoảng cách phòng cháy</p>	<p>QCVN 06 không có quy định không được phép sử dụng nguồn tự nhiên như sông, hồ</p>

**50. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND TỈNH VĨNH PHÚC**  
( theo Công văn số 135/BC-UBND ngày 18/5/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>UBND tỉnh Vĩnh Phúc</p> <p>QCVN 06:2022/BXD</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khó khăn khi bố trí tổng mặt bằng đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC với gara xe và nhà kho</li> <li>- Công trình công cộng:</li> <li>+ Các vật liệu trên thực tế không đáp ứng đặc tính kỹ thuật cháy theo yêu cầu, nếu có thì chi phí rất lớn;</li> <li>+ Tốn kém khi sử dụng cửa chống cháy trên đường thoát nạn</li> <li>+ Không đề cập đến đặc tính kỹ thuật cháy của trần và vách thạch cao</li> <li>+ Quy định cao về GHCL cho màn, vách kính, cửa kính, bậc chịu lửa</li> <li>- Kết cấu nhà công cộng</li> <li>+ Chiều dày bê tông bảo vệ cốt thép lớn, không phù hợp với các loại dầm bet;</li> <li>+ PL F quy định đa phần là cốt liệu silicj, không phù hợp thực tế đang sử dụng là đá vôi</li> <li>+ Bảng F.3 chỉ áp dụng cấu kiện tĩnh định, trong thực tế hầu hết là kết cấu siêu tĩnh</li> <li>- Công trình y tế</li> <li>+ Quy định buồng thang trên lối thoát nạn yêu cầu phải bị hành lang, buồng thang làm mát đi yêu cầu thông gió, chiếu sáng của bệnh viện;</li> <li>+ Cần quy định yêu cầu đầu phun Sprinkler cho phòng phẫu thuật, hồi tỉnh, Xquang, CTScanner</li> </ul>	<p>Xin ghi nhận, nghiên cứu tiếp thu.</p>

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết cấu thép</li> <li>+ Chi phí son cc đất, bảo trì tốn kém;</li> <li>+ Sử dụng Bê tông, thạch cao bọc ck thép không đảm bảo thẩm mỹ và tăng tải trọng</li> <li>+ QCVN 06:2021/BXD cho phép phun vữa và bọc thạch cao mà không cần kiểm định, nhưng với qcvn 06:2022/BXD đã bỏ đi, gây khó khăn với các công trình đang thực hiện</li> <li>- Hệ thống chống tụ khói: các công trình hạng nguy hiểm cháy nổ hạng D, E vẫn yêu cầu lắp đặt dẫn đến tăng chi phí đầu tư</li> <li>- Giải pháp ngăn cháy lan: Khó khăn bố trí cửa ngăn cháy hoặc khoang đệm ngăn cháy, chiếm nhiều diện tích</li> <li>- Không thể bỏ sung được hệ thống PCCC cho các công trình cũ theo yêu cầu</li> <li>- Cấp nước ngoài nhà: bề ngầm quá lớn</li> <li>- Đường thoát nạn: lằng phí với quy định 2 lối thoát nạn phân tán đặc biệt với các công trình có hàng lang bên, số người trên 1 tầng nhỏ hơn 50 người</li> </ul> <p>Thẩm định dự án và nghị định 136: đề nghị sửa đổi và có quy định cụ thể</p>	

**51. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND TỈNH THÁI BÌNH**

( theo Công văn số 1287/UBND-CTXDGT ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh Thái Bình)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	UBND tỉnh Thái Bình	
	Giao Sở XD Thái Bình tổng hợp báo cáo (xem nội dung tại Sở XD Thái Bình)	

## 52. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND TỈNH THANH HÓA

( theo Công văn số 84/BC-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>UBND tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Ý kiến liên quan đến Luật PCCC năm 2001 và Luật sửa đổi một số điều của luật PCCC năm 2013</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Xây dựng luật về công tác Cứu nạn cứu hộ;</li><li>- Sửa đổi khoản 5, điều 3 của Luật PCCC;</li><li>- Liên quan điều 9a về kinh doanh dịch vụ PCCC: bổ sung ngành nghề về tư vấn thẩm tra thiết kế về PCCC; bảo trì, bảo dưỡng hệ thống phương tiện thiết bị PCCC; cung cấp nhân lực về PCCC;</li></ul> <p>Liên quan điều 44, đưa ra quy định chi tiết về lực lượng PCCC đến các bên cân; quy định rõ hơn về đối tượng cơ sở sản xuất, kho vũ khí, vật liệu nổ phải thành lập các đội PCCC chuyên ngành.</p>	<p>Liên quan đến Luật PCCC</p>
	<p>Ý kiến liên quan đến các nghị định về PCCC và CNCH (NĐ 136/2020/NĐ-CP)</p> <p>Bổ sung thêm các đối tượng “PUB, Lounge, Club” vào cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC và Phụ lục quy định về thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC;</p> <p>Liên quan đến Khoản 4, Điều 13 về thẩm duyệt thiết kế về PCCC;</p> <p>Liên quan đến Điều 14 về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, cơ quan có liên quan trong hoạt động đầu tư xây dựng công trình;</p> <p>Điều 15 quy định về nghiệm thu, kiểm tra nghiệm thu về PCCC;</p> <p>Điều 17 quy định về tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động;</p> <p>Các Phụ lục IV, V;</p>	



TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>Thông tư 149/2020/TT BCA quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật PCCC sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC</p>	
	<p>Thông tư 147/2020/TT BCA quy định biện pháp bảo đảm an toàn PCCC và CNCH đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke, dịch vụ vũ trường: sửa đổi bổ sung thông tư để phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn về PCCC mới được ban hành, đồng thời quy định rõ hơn về các điều khoản chuyển tiếp trong hướng dẫn cơ sở khắc phục các tồn tại về PCCC, các định nghĩa để áp dụng quy định của pháp luật thời điểm các cơ sở karaoke được đưa vào hoạt động</p>	
	<p>Liên quan đến khoảng cách phòng cháy chống cháy trong QCVN 06:2022/BXD:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất cho phép chỉ áp dụng giải pháp tường ngăn cháy cho 01 tòa nhà (không quy định bức tường cao hơn, rộng hơn);</li> <li>- Đề xuất cho phép công khoảng cách đối với các công trình trường học, công sở hoặc từ công trình phụ trợ đến công trình sản xuất;</li> <li>- Đề xuất cho phép sử dụng khoảng cách thoát nạn theo Bảng G.2a đối với trường mầm non có hành lang bên tương tự như đối với trường phổ thông;</li> <li>- Đề xuất cho phép các cơ sở có ít hạng mục công trình trong khu công nghiệp được phép sử dụng giải pháp cộng khoang cháy.</li> </ul>	<p>Xin ghi nhận, nghiên cứu tiếp thu.</p>
	<p>Liên quan đến giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan trong QCVN 06:2022/BXD:</p> <p>Đề xuất không áp dụng giải pháp ngăn cháy đối với sảnh thông tầng trong diện tích của một khoang cháy;</p> <p>Cho phép áp dụng quy định tại 4.5 cho trường hợp các gian phòng với công năng phụ trợ &lt; 10 % có hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ cao hơn gian phòng với công năng chính;</p> <p>Đối với các hành lang bên không được bảo vệ theo quy định tại 3.3.5 đề xuất cho</p>	<p>Xin ghi nhận, nghiên cứu tiếp thu.</p>

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	phép xét khoảng di chuyển thoát nạn tính từ cửa gian phòng.	
	Điều A.4.3 đề xuất cho phép sử dụng thang bộ loại 3 đối với các cơ sở dịch vụ karaoke, vũ trường;	
	Điều 3.2.6.2 Bổ sung trường hợp cho phép có 1 lối ra thoát nạn từ cầu thang bộ loại 3.	
	Cho phép sử dụng 01 thang bộ thoát nạn đối với trường hợp nhà có diện tích xây dựng dưới 100 m <sup>2</sup> mà không cần trang bị hệ thống chữa cháy tự động	
	Các biệt thự, villa nghỉ dưỡng hiện có, với quy mô hạn chế (cao dưới 9 m, diện tích dưới 200 m <sup>2</sup> , số người sử dụng không quá 15 người), ban đầu chỉ có 1 cầu thang bộ loại 2, đề nghị không bắt buộc phải có lối thoát nạn thứ 2 và không phải trang bị hệ thống chữa cháy tự động mà thay thế bằng ban công, loggia để thoát ra ngoài trong trường hợp cần thiết	
	Đề xuất đối với các công trình sản xuất hoặc kho hạng D, E không yêu cầu phải thiết kế giải pháp chống tụ khói.	Xin ghi nhận, nghiên cứu tiếp thu.
	Cho phép sử dụng chung bể nước đối với các dự án cạnh nhau do 1 chủ đầu tư hoặc khi có thỏa thuận của các chủ đầu tư.	Xin ghi nhận, nghiên cứu tiếp thu.
	Sửa quy định tại Bảng H.11, cho phép nhà kho bậc IV, hạng C cấp nguy hiểm cháy S0 được bố trí 02 tầng	Cần lập luận chứng kỹ thuật trong trường hợp này.
	Bổ sung các trường hợp nhà phụ trợ của nhà nhóm F5 không phải thiết kế bãi đỗ xe chữa cháy theo quy định tại Điều 6.2.2.3 mà chỉ cần có bố trí đường cho xe chữa cháy	
	Cho phép nâng bậc chịu lửa của các công trình sản xuất, công trình công cộng bằng biện pháp bố trí hệ thống chữa cháy tự động phun trực tiếp vào các kết cấu chịu lực như cột, dầm, sàn	Đối với công trình có bố trí hệ thống chữa cháy tự động, QCVN 06 đã cho phép tăng diện tích khoang cháy.

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>Tính toán dự trữ của bể nước chữa cháy để đảm bảo khối tích không thực hiện theo phương pháp tính cộng lưu lượng của chữa cháy tự động và chữa cháy vách tường mà tính toán theo giải pháp sử dụng nhiều nước chữa cháy nhất.</p> <p>Đề nghị hướng dẫn chi tiết một số quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 1.1.5 hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với công trình quốc phòng, an ninh;</li> <li>- Tính toán chiều cao PCCC đối với nhà có mái dốc không có tầng áp mái và không có ô cửa (cửa sổ);</li> <li>- Chưa có quy định về giới hạn chịu lửa của các bộ phận kết cấu bằng kính;</li> </ul> <p>Bổ sung hướng dẫn cụ thể về phương pháp tính toán diện tích lỗ mở thông gió, chống tụ khói theo cơ chế tự nhiên đối với nhà sản xuất, nhà kho.</p>	<p>Công trình quốc phòng, an ninh không thuộc phạm vi áp dụng của QCVN 06</p> <p>Các bộ phận bằng kính thường chỉ có tính chất bao che, lấy sáng, không có tính chất chịu lực kết cấu</p>
	<p>Ý kiến đối với TCVN 3890:2023</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Liên quan đến Bảng D.1 Trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới: cần căn cứ vào trữ lượng kho và loại hàng dự trữ quốc gia;</li> </ul> <p>Liên quan đến nhà nhóm F5 đã có hệ thống chữa cháy tự động thì không bắt buộc phải có báo cháy, kiến nghị vẫn phải thiết kế đầu báo cháy kể cả khi đã có hệ thống chữa cháy tự động.</p>	
	<p>Đề xuất một số quy định tổng thể để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các công trình đang quá trình đầu tư xây dựng hoặc cải tạo khi muốn điều chỉnh một phần thiết kế thì có thể lựa chọn áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về PCCC tại thời điểm cơ sở được thiết kế ban đầu hoặc tại thời điểm hiện tại;</li> <li>- Các cơ sở đã hoạt động lâu năm không bảo đảm các điều kiện an toàn PCCC, đề</li> </ul>	<p>Xin ghi nhận, nghiên cứu tiếp thu.</p>

TT	<p style="text-align: center;"><b>Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Ý kiến thảo luận, giải trình</b></p>
	<p>xuất bổ sung thêm các giải pháp kỹ thuật tăng cường và cho phép chủ cơ sở áp dụng thay thế cho các yêu cầu chính về: khoảng cách PCCC, nâng bậc chịu lửa công trình, bố trí công năng, hệ thống thông gió, hút khói, cấp khí tươi, phương tiện PCCC, ...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định rõ trách nhiệm trong đầu tư hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà của các cơ sở, chủ đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp,... để tránh việc nhiều đơn vị, cơ sở cùng thực hiện đầu tư, gây tốn kém, lãng phí.</li> <li>- Giám các quy định về kiểm định kết cấu bọc bảo vệ bằng vật liệu không cháy, khó cháy, kiểm định đốt mẫu vật liệu không cháy, khó cháy, chống cháy;</li> <li>- Xây dựng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về PCCC hoặc bổ sung yêu cầu kỹ thuật về PCCC đối với: Bar, Lounge, Club; Càng cá, khu neo đậu tránh trú bão; Nhà ở riêng lẻ và nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh,...; Các công trình văn hóa, di tích lịch sử,...;</li> <li>- Xem xét giảm các yêu cầu về chữa cháy tự động đối với karaoke 03 tầng, hệ thống thông gió, hút khói... nếu cơ sở đáp ứng được các yêu cầu về tải trọng cháy (đặt ra các định mức về tải trọng cháy).</li> </ul> <p>Đề xuất có quy định cụ thể với những trường hợp bắt buộc áp dụng trên cơ sở so sánh với các quy định tại các nước trong khu vực, các trường hợp khuyến khích áp dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn tại các nước phát triển.</p>	

**53. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ**  
( theo Công văn số 1434/UBND-NC ngày 26/4/2023 của UBND Thành phố Cần Thơ)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	UBND Thành phố Cần Thơ	
	Bộ Xây dựng hướng dẫn cụ thể việc áp dụng điều 6.1 về việc đường cho xe chữa cháy ở những địa phương chưa đủ điều kiện hạ tầng giao thông công cộng khi thực hiện theo hướng dẫn riêng của cơ quan quản lý về PCCC ở địa phương đó	Xin ghi nhận, nghiên cứu tiếp thu.
	Sửa đổi quy định tại Bảng C.1, Phụ lục C TCVN 3890:2023 về đảm bảo lưu lượng cấp nước chữa cháy ngoài nhà đối với cửa hàng kinh doanh khi đốt	
	Rà soát sửa đổi một số tiêu chuẩn quốc gia về PCCC đã ban hành từ lâu, không còn phù hợp: TCVN 4513:1998; TCVN 2622:1995; TCVN 6160:1996; TCVN 6161:1996; TCVN 6379:1998; ...	

**54. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SXD THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
( theo Công văn số 6798/SXD-VLXD ngày 15/5/2023 của SXD Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD SXĐ Thành phố Hồ Chí Minh	Ý kiến thảo luận, giải trình
	Các nhiệm vụ thẩm định tại Sở XD, chưa phát hiện vướng mắc khi áp dụng QCVN 06:2022/BXD. Ghi nhận phản ánh như các điểm dưới đây.	
	Làm rõ cơ sở để xác định yêu cầu về bảo đảm nước chữa cháy 3 giờ ở những khu dân cư chưa có đường ống nước chữa cháy trong QCVN 06:2022/BXD.	
	Xem xét lại yêu cầu về dung tích bể chữa cháy của các công trình trong khu vực đã có đầu tư hạ tầng cho hệ thống chữa cháy (trụ cấp nước chữa cháy lân cận hoặc trong các khu công nghiệp).	
	Thiếu các quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với công trình bện lấy nước PCCC theo tuyến kênh, rạch (đường bộ và đường thủy)	
	TCVN 2622:1995 có quy định về bố trí trụ nước chữa cháy ngoài nhà, tuy nhiên chưa quy định cụ thể là bố trí lắp đặt trên mạng cấp nước cấp 1, cấp 2 hay cấp 3.	
	Yêu cầu phải có giải pháp bảo vệ tính chịu lửa cho cầu thang sắt thoát hiểm ngoài nhà bằng sơn chống cháy hoặc vữa chống cháy là chưa phù hợp	QCVN 06:2022/BXD không yêu cầu bảo vệ chống cháy cho thang ngoài nhà L3
	Yêu cầu về vật liệu chống cháy lan là quá cao, rất ít các cơ sở trong nước đáp ứng được, khi sử dụng các vật liệu khác thì không đảm bảo thẩm mỹ	
	Chưa có các tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với một số loại hình công trình: Bệnh viện trong ngày, không có bệnh nhân lưu trú (bệnh viện thẩm mỹ, bệnh viện chuyên khoa có quy mô 20 giường bệnh); Nhà ở riêng lẻ kết hợp chức năng khác (văn phòng, khách sạn, thương mại dịch	Đối với nhà ở riêng lẻ kết hợp chức năng khác: hiện nay đang biên soạn TCVN riêng cho loại hình công trình này

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>vụ,...);</p> <p>Trường học nhiều cấp (tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông).</p>	<p>Đối với trường học nhiều cấp: cần áp dụng theo điều kiện cao nhất</p>
	<p>Kiến nghị Cục PCCC&amp;CNCH ban hành văn bản có tính pháp lý cao hơn văn bản số 1091, ngày 11 tháng 4 năm 2023</p>	
	<p>Kiến nghị Bộ Xây dựng:</p> <p>Bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn tương ứng phù hợp với đặc thù của Thành phố Hồ Chí Minh theo các vấn đề nêu ở trên;</p> <p>Quy định chi tiết về vật liệu phủ chống cháy khi sử dụng cho các kết cấu thép ngoài trời (vữa, sơn chống cháy,...) đảm bảo và duy trì lâu dài được giới hạn chống cháy của kết cấu cầu thang thép thoát hiểm khi sử dụng loại vật liệu này;</p> <p>Nghiên cứu phương án chữa cháy cho cầu thang thép ngoài trời (dùng loại vật liệu không trơn trượt chữa cháy) thay vì yêu cầu dùng sơn chống cháy hay vữa chống cháy cho cầu thang thép</p> <p>Rà soát và điều chỉnh QCVN 06:2022/BXD, có xem xét tình hình sản xuất trong nước (trình độ công nghệ, khả năng tài chính của doanh nghiệp), để cân nhắc điều chỉnh yêu cầu về vật liệu chống cháy lan, đảm bảo hài hòa giữa công tác PCCC, hiệu quả đầu tư của doanh nghiệp và thúc đẩy sản xuất trong nước</p>	<p>Hiện nay trên thị trường đã có nhiều hãng sản xuất sơn chống cháy được phép cung cấp sản phẩm.</p> <p>Về bọc bảo vệ thang thép ngoài trời: đã trả lời ở trên</p>

**55. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SXD TRÀ VINH**

( theo Công văn số 145/BC-SXD ngày 05/5/2023 của SXD Trà Vinh)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	SXĐ Trà Vinh	
	Khó khăn liên quan đến tải chính, điều kiện vị trí, diện tích, năng lực tư vấn,...) nên có một số công trình không thể đáp ứng được các quy định về an toàn cháy theo QCVN 06:2022/BXD.	
	Việc phải tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan khác như TCVN 5738:2021; TCVN 7336:2021; TCVN 13456:2022; TCVN 3890:2023, QCVN 02:2020/BXD Có thể gây nhiều tổn kém, lãng phí	



**56. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XD BẮC KẠN**

( theo Công văn số 714/SXD-QLXD ngày 21/4/2023 của Sở XD Bắc Kạn)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD Sở XD Bắc Kạn	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<ul style="list-style-type: none"><li>- Quy chuẩn cao đối với khu vực nông thôn quá cao</li><li>- Bổ sung các điều kiện bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn về PCCC</li></ul> Quy định với công trình thực hiện cải tạo, sửa chữa hoặc bổ sung thêm hạng mục công trình	Mục đích của các quy định về PCCC là để bảo vệ an toàn tính mạng cho người trong công trình khi có cháy xảy ra, do đó chỉ phụ thuộc vào công năng sử dụng của công trình, không phụ thuộc vào việc công trình đặt ở khu vực thành thị hay nông thôn

## 57. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XD BẮC NINH

( theo Công văn số 634/SXD-QLXD ngày 20/4/2023 của Sở XD Bắc Ninh)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	Sở XD Bắc Ninh	
	Khó áp dụng quy định mục A.2 Phụ lục A	
	Thông nhất yêu cầu 2 quy định của QCVN 01:2021/BXD và QCVN 06:2022/BXD	
	Đề nghị xem xét lại yêu cầu bảng E.4a và Bảng E.3 Phụ lục E của QCVN 06	Chưa rõ câu hỏi?
	Bổ sung hướng dẫn đối với công trình nhà dịch vụ, thương mại cao trên 6 tầng tại Bảng H.3 và Bảng H.4 Phụ lục H	
	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đề nghị xem xét lại nội dung xác định bậc chịu lửa cho nhà xe, mái tôn và quy định chuyển tiếp tại mục 7.1.1 QCVN 06:2022/BXD với các hồ sơ đã được góp ý hoặc thẩm duyệt PCCC trước khi QCVN06:2022/BXD có hiệu lực.</li><li>- Chưa có hướng dẫn công tác nghiệm thu với các công trình đã được thẩm duyệt theo QC cũ hoặc công trình đã được thẩm duyệt, nghiệm thu theo QC/TC cũ nhưng tại thời điểm ktra không đáp ứng QC mới.</li><li>- Chưa có hướng dẫn cụ thể phân biệt vật liệu chống cháy tại thị trường Việt Nam</li></ul>	Quy định về chuyển tiếp đã được nêu ra trong QCVN 06 Mục 7, dựa trên nguyên tắc là không hỏi tó.
	Kiến nghị Công an tỉnh:	

**58. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XD SƠN LA**

( theo Công văn số 822/SXD-QLXD ngày 20/4/2023 của Sở XD Sơn La)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	Sở XD Sơn La	
	Không có ý kiến	

## 59. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XD QUẢNG NINH

( theo Công văn số 2200/SXD-SXD-KT&QLXD ngày 16/06/2023 của Sở XD Quảng Ninh)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	Sở XD Quảng Ninh (26/6/23)	
	QCVN 06:2022/BXD được ban hành tuy nhiên còn có các tổ chức, doanh nghiệp phản ánh khó tra cứu, hoặc quy định một số vật liệu chống cháy, sơn chống cháy thực tế ít (hiếm) có trên thị trường; do đó đề nghị nghiên cứu hoàn thiện đảm bảo quy chuẩn rõ ràng, dễ tiếp cận, sử dụng, áp dụng, phù hợp với điều kiện thực tiễn.	
	Đề nghị xem xét cách xác định lỗ mở trong bảng E.4a và E.4b.	Xin ghi nhận, nghiên cứu tiếp thu.
	Cần làm rõ, điều chỉnh quy định tại điều 5.1.3.3 theo hướng thời gian chữa cháy ngoài nhà lấy bằng 01 giờ và bổ sung yêu cầu với một số loại hình cụ thể riêng.	
	Xem xét bổ sung Phụ lục D một số nội dung: cần quy định cụ thể khoảng cách giảm xuống, tương ứng với vận tốc lớn hơn 20m/s; xem xét bổ sung bảng tra hệ số tính toán công suất quạt hút khói sự cố, tỷ lệ với khối tích không gian khu vực cần lắp đặt hệ thống hút khói; xem xét bổ sung khả năng thoát khói tự nhiên qua lỗ mở trên mái tại mục D.2; cần nêu rõ diện tích của gian phòng có công năng văn phòng và gian phòng có công năng thương mại yêu cầu phải trang bị hệ thống hút, xả khói khi có cháy được ghi tại điểm g, mục D.2.	Xin ghi nhận, nghiên cứu tiếp thu.
	Xem xét bổ sung vào Bảng 10 cột tra lưu lượng nước chữa cháy ngoài nhà cho nhà nhóm F5 không có lỗ mở trên mái có chiều rộng trên 60m với hạng sản xuất A B C D E.	
	Xem xét bổ sung vào bảng G.9 cột tra hệ số không gian sàn đối với nhóm nhà theo công năng là xưởng sản xuất và nơi khám, điều trị bệnh nhân.	
	Xem xét điều chỉnh Điều 6.2.1.3 một số trường hợp do dây truyền công nghệ sản xuất cho phép các kết cấu chận phía trên (đường dây cáp, đường ống công nghệ có	

	mái che) bãi đỗ xe chữa cháy.	
	Bổ sung chú thích cho phép không xét đến yếu tố R đối với phần tám lợp không cháy và không chịu lực đối với các nhà có bậc chịu lửa II, III, IV, V trong bảng 4.	Xem công văn 1397/BXD-KHCN của Bộ Xây dựng về ý kiến thống nhất một số nội dung hướng dẫn QCVN 06

**60. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XD TIỀN GIANG**

( theo Công văn số 1679/SXD- QLHĐXD ngày 26/6/2023 của Sở XD Tiền Giang)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	Sở XD Tiền Giang	
	Đề nghị làm rõ nghĩa nội dung tại mục 1.5, phần III, Phụ lục ban hành theo dự thảo Nghị quyết là “Đôi với nhà F5 hạng C có quy mô 01 tầng, diện tích đến 1200 m <sup>2</sup> , 01 tầng, diện tích 600 m <sup>2</sup> ”.	Câu hỏi liên quan đến Dự thảo Nghị quyết CP về thảo gỡ khó khăn, vướng mắc trong áp dụng TC, QC kỹ thuật đối với hoạt động đầu tư xây dựng
	Bổ sung giải pháp đường giao thông cho xe chữa cháy đối với công trình xây dựng và hoạt động ven các tuyến sông, tuyến kênh không có bãi đỗ xe, đường cho xe chữa cháy tiếp cận (phương tiện giao thông chủ yếu là đường thủy).	

**61. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KCN TỈNH BẮC GIANG**

( theo Công văn số 1022/KCN-QHXD ngày 03/6/2023 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang	
	2 Về lĩnh vực PCCC:	
	<p>-Điểm a Khoản 12 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định:</p> <p>“a) Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với: Dự án, công trình không phân biệt nguồn vốn đầu tư đáp ứng tiêu chí phân loại dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án, công trình nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công (trừ các dự án, công trình đầu tư xây dựng sử dụng ngân sách nhà nước do cấp tỉnh là chủ đầu tư); công trình có chiều cao trên 100 m; công trình xây dựng trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên; phương tiện đường thủy có</p>	<p>Về QCVN 06 Phụ lục F, Bảng F8, F9:</p> <p>liên quan đến vật liệu bọc bảo vệ cho kết cấu thép, vì vật liệu kết cấu thép thông thường không thể chịu được lửa quá 15 phút nếu không bọc bảo vệ, do đó không thể bỏ được từ “bọc bảo vệ”</p>

chiều dài từ 50 m trở lên vận chuyển hành khách, vận chuyển chất lỏng dễ cháy, khí cháy, vật liệu nổ, hóa chất có nguy hiểm về cháy, nổ; dự án đầu tư xây dựng công trình do Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh đề nghị, trừ các cơ sở quốc phòng hoạt động phục vụ mục đích quân sự và phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy được các cơ sở quốc phòng chế tạo hoặc hoá cải chuyên dùng cho hoạt động quân sự;

Đề nghị sửa đổi Điểm a Khoản 12 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ như sau:

“a) Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với: Dự án, công trình không phân biệt nguồn vốn đầu tư đáp ứng tiêu chí phân loại dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án, công trình nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công (trừ các dự án, công trình đầu tư xây dựng sử dụng ngân sách nhà nước do cấp tỉnh là chủ đầu tư và các dự án, công trình đầu tư xây dựng trong các khu công nghiệp có nguồn vốn đầu tư không phải ngân sách nhà nước); công trình có chiều cao trên 100 m; công trình xây dựng trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên; phương tiện đường thủy có chiều dài từ 50 m trở lên vận chuyển hành khách, vận chuyển chất lỏng dễ cháy, khí cháy, vật liệu nổ, hóa chất có nguy hiểm về cháy, nổ; dự án đầu tư xây dựng công trình do Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh đề nghị, trừ các cơ sở quốc phòng hoạt động phục vụ mục đích quân sự và phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy được các cơ sở quốc phòng chế tạo hoặc hoá cải chuyên dùng cho hoạt động quân sự;”



	<p>- Mục 5 Phụ lục VII Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định:  <b>“5. Mẫu kết cấu được bọc bảo vệ bằng các chất hoặc vật liệu chống cháy; mẫu cấu kiện ngăn cháy (cửa ngăn cháy, vách ngăn cháy, van ngăn cháy, màn ngăn cháy).”</b></p> <p>Đề nghị bỏ cụm từ: <b>“Mẫu kết cấu được bọc bảo vệ bằng các chất hoặc vật liệu chống cháy”</b> và sửa Mục 5 Phụ lục VII Nghị định số 136/2020/NĐ-CP như sau:  <b>“5. Mẫu cấu kiện ngăn cháy (cửa ngăn cháy, vách ngăn cháy, van ngăn cháy, màn ngăn cháy).”</b></p> <p>- Đề nghị Bộ Xây dựng sửa QCVN 06:2020/BXD như sau:      Bảng F. Về Thép kết cấu: đề nghị bỏ cụm từ <b>“được bọc bảo vệ”</b> và quy định <b>tăng khối lượng thép</b> để tăng bậc chịu lửa cho kết cấu thép, cụ thể như sau:      Bảng F.8 <b>Cột chống bằng thép được bọc bảo vệ</b> (khối lượng cột trên 1m dài không nhỏ hơn <b>45 kg</b>). Đề nghị sửa thành: <b>“Bảng F.8 Cột chống bằng thép (khối lượng cột trên 1m dài không nhỏ hơn 50 kg)</b>      Bảng F.9 <b>Dầm bằng thép được bọc bảo vệ</b> (khối lượng dầm trên 1m dài không nhỏ hơn <b>30 kg</b>). Đề nghị sửa thành: <b>“Bảng F.9 Dầm bằng thép (khối lượng dầm trên 1m dài không nhỏ hơn 35 kg)</b></p> <p>- Đề nghị ủy quyền: Trong khi chờ sửa đổi sửa đổi Điều a Khoản 12 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 đề nghị Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các dự án, công trình nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công trong các khu công nghiệp có nguồn vốn đầu tư không phải ngân sách nhà nước;</p>
--	--

## 62. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND TỈNH THANH HÓA

( theo Công văn số 8900/UBND-CN ngày 23/6/2023 của UBND Tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>UBND Tỉnh Thanh Hóa (30/6/2023)</p> <p>Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đang triển khai đầu tư xây dựng các dự án, công trình du lịch, nghỉ dưỡng, các dự án khu TĐC, điểm dân cư và nhiều dự án khác trên địa bàn các huyện miền núi. Đặc điểm chung của các dự án này là xây dựng trên các địa hình đồi núi, đường giao thông đi lại khó khăn, không đảm bảo cho xe chữa cháy tiếp cận đến dự án (chỉ tiếp cận được trên trục đường giao thông chính của khu vực). Để đầu tư xây dựng đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, nhất là đường giao thông trên địa bàn miền núi, cần có nguồn lực tài chính rất lớn; nhiều địa phương (trong đó có tỉnh Thanh Hóa) chưa có khả năng cân đối, bố trí đáp ứng đầy đủ quy định trong trước mắt và trung hạn. Vì vậy, UBND tỉnh Thanh Hóa kính đề nghị Bộ XD xem xét trong quá trình rà soát, sửa đổi Quy chuẩn QCVN 06:2022/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình, có quy định cụ thể cũng như giải pháp để tháo gỡ khó khăn nêu trên; trong đó, đề nghị nghiên cứu, xem xét quy định giải pháp kỹ thuật về phương án phòng cháy, chữa cháy và CHCN đối với các công trình ở địa bàn miền núi đảm bảo hiệu quả, khả thi.</p>	<p>Xin ghi nhận, nghiên cứu tiếp thu.</p>

### 63. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA UBND ĐẮK NÔNG

( theo Công văn số 3592/UBND-SXD ngày 27/6/2023 của UBND Đắk Nông)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	UBND Đắk Nông (27/6/2023)	
	<p>1. Việc xây dựng Nghị quyết của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ cho các công trình hiện hữu trong công tác PCCC là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu thực tiễn.</p>	
	<p>2. Tại mục II. Giải pháp thực hiện đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Các công trình/cơ sở hiện hữu không có khả năng đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn về PCCC tại thời điểm đưa vào sử dụng nhưng có khả năng khắc phục được thì phải có lộ trình và thời gian để thực hiện việc khác phục bổ sung.</li><li>- Các công trình/cơ sở hiện hữu không có khả năng đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn về PCCC tại thời điểm đưa vào sử dụng nhưng không có khả năng khác phục đảm bảo yêu cầu về PCCC thì cần phải có lộ trình và thời gian thực hiện tháo dỡ hoặc chuyển đổi công năng.</li></ul>	Xin ghi nhận, nghiên cứu tiếp thu.

**64. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA ĐOÀN ĐBQH TỈNH BẮC GIANG**  
( theo Công văn số 612/ĐĐBQH-CTQH ngày 17/6/2023 của Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang (17/6/2023)	
	<p>3. Về thẩm duyệt thiết kế PCCC đối với các dự án và về quy chuẩn, tiêu chuẩn PCCC</p>	
	<p><b>3.1. Vướng mắc, bất cập</b></p> <p>(1) Theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định:</p> <p><i>“a) Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với: Dự án, công trình không phân biệt nguồn vốn đầu tư đáp ứng tiêu chí phân loại dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án, công trình nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công (trừ các dự án, công trình đầu tư xây dựng sử dụng ngân sách nhà nước do cấp tỉnh là chủ đầu tư); công trình có chiều cao trên 100 m; công trình xây dựng trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên; phương tiện đường thủy có chiều dài từ 50 m trở lên vận chuyển hành khách, vận chuyển chất lỏng dễ cháy, khí cháy, vật liệu nổ, hóa chất có nguy hiểm về cháy, nổ; dự án đầu tư xây dựng công trình do Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh đề nghị, trừ các cơ sở quốc phòng hoạt động phục vụ mục đích quân sự và phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy được các cơ sở quốc phòng chế tạo hoặc hoàn cải chuyên dùng cho hoạt động quân sự.”</i></p>	<p>Các nội dung liên quan đến ND 136</p>

	<p>Theo quy định nêu trên thì cơ bản các dự án trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các dự án trong KCN đều thuộc thẩm quyền thẩm duyệt của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và thực tế trong thời gian qua việc thực hiện thủ tục phòng cháy chữa cháy mất nhiều thời gian (trung bình khoảng 6 tháng).</p> <p>(2) Theo quy định tại Mục 5 Phụ lục VII Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định: <b>“5. Mẫu kết cấu được bọc bảo vệ bằng các chất hoặc vật liệu chống cháy; mẫu cấu kiện ngăn cháy (cửa ngăn cháy, vách ngăn cháy, van ngăn cháy, màn ngăn cháy)”. Quy định trên không phù hợp với các dự án đã được cấp phép phòng cháy chữa cháy theo quy định trước đây.</b></p> <p><b>3.2. Kiến nghị, đề xuất</b></p> <p>(1) Chính phủ xem xét sửa đổi điểm a khoản 12 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 như sau:</p>	
--	---	--

“a) Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với: Dự án, công trình không phân biệt nguồn vốn đầu tư đáp ứng tiêu chí phân loại dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án, công trình nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công (trừ các dự án, công trình đầu tư xây dựng sử dụng ngân sách nhà nước do cấp tỉnh là chủ đầu tư và các dự án, công trình đầu tư xây dựng trong các khu công nghiệp có nguồn vốn đầu tư không phải ngân sách nhà nước); công trình có chiều cao trên 100 m; công trình xây dựng trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên; phương tiện đường thủy có chiều dài từ 50 m trở lên vận chuyển hành khách, vận chuyển chất lỏng dễ cháy, khí cháy, vật liệu nổ, hóa chất có nguy hiểm về cháy, nổ; dự án đầu tư xây dựng công trình do Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh đề nghị, trừ các cơ sở quốc phòng hoạt động phục vụ mục đích quân sự và phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy được các cơ sở quốc phòng chế tạo hoặc hoàn cải chuyên dùng cho hoạt động quân sự.”

Trong thời gian chờ Chính phủ xem xét sửa đổi điểm a khoản 12, Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP để nghị Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Bộ Công an ủy quyền cho Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an tỉnh thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các dự án, công trình nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công trong các khu công nghiệp có nguồn vốn đầu tư không phải ngân sách nhà nước.

(2) Để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đề nghị Chính phủ xem xét bỏ cụm từ: “**Mẫu kết cấu được bọc bảo vệ bằng các chất hoặc vật liệu chống cháy**” và sửa Mục 5 Phụ lục VII Nghị định số 136/2020/NĐ-CP như sau: “**5. Mẫu cấu kiện ngăn cháy (của ngăn cháy, vách ngăn cháy, van ngăn cháy, màn ngăn cháy).**”

<p>Việc tăng khối lượng thép/m dài hàn như không thể giúp tăng bậc chịu lửa cho kết cấu thép. Đối với giới hạn chịu lửa lớn hơn 15 phút, gần như tất cả các loại kết cấu thép đều phải được bọc bảo vệ.</p>	<p>(3) Đề nghị BXD sửa QCVN 06:2022/BXD như sau:</p> <p>Bảng F. Về thép kết cấu: đề nghị bỏ cụm từ “được bọc bảo vệ” và quy định tăng khối lượng thép để tăng bậc chịu lửa cho kết cấu thép, cụ thể như sau:</p> <p>Bảng F.8. Cột chống bằng thép được bọc bảo vệ (khối lượng cột trên 1m dài không nhỏ hơn 45kg). Đề nghị sửa thành: “Bảng F.8. Cột chống bằng thép .....(mất chữ)</p> <p>Bảng F.9. Dầm bằng thép được bọc bảo vệ (khối lượng dầm trên 1m dài không nhỏ hơn 30kg). Đề nghị sửa thành: “Bảng F.9. Dầm bằng thép (khối lượng dầm trên 1m dài không nhỏ hơn 35kg).</p>	
---	--	--

## 65. GIẢI TRÌNH, THẢO LUẬN CỤ THỂ VỀ CÁC ĐỀ XUẤT CỦA SỞ XD TỈNH LONG AN

( theo Công văn số 2337/SXD-QLXD 22/6/2023 của Sở XD tỉnh Long An)

TT	Nội dung khó khăn áp dụng QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>SỞ XD TỈNH LONG AN</p> <p>3.5. Trường hợp theo QCVN 06:2022/BXD vẫn không thỏa mãn và cần bảo vệ chịu lửa cho kết cấu có thể thực hiện theo 02 hướng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Lập luận chứng kỹ thuật trên cơ sở tính toán tải trọng cháy thực tế trong công trình, nhiệt độ tối đa và tác dụng của sprinkler (nếu có) để chứng minh có thể không cần bảo vệ chịu lửa cho kết cấu.</li><li>+ Tính toán kết cấu chịu lửa, thử nghiệm kiểm chứng mẫu đại diện kết cấu, sử dụng đúng loại sơn hoặc giải pháp như thực tế, kết luận cho công trình;</li></ul> <p>Đề xuất bổ nội dung: giải pháp bảo vệ kết cấu chịu lửa bằng sơn chống cháy.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đề nghị bổ sung giải pháp ngăn cháy lan bằng màn ngăn Drencher tại vị trí chia khoang cháy có dây chuyên công nghệ với diện tích ngăn cháy bằng drencher không quá 25% diện tích tường ngăn cháy chia khoang.</li></ul> <p>Đề xuất sửa một số điểm: cho phép sử dụng giải pháp ngăn cháy bằng màn nước sử dụng các đầu phun Drencher (câu tạo phù hợp với quy định hiện hành) tại vị trí chia khoang cháy có dây chuyên công nghệ với diện tích ngăn cháy bằng màn nước sử dụng các đầu phun Drencher.</p>	<p>Về sơn chống cháy: hiện nay đã có nhiều đơn vị sản xuất/cung cấp sơn chống cháy đủ điều kiện để được áp dụng cho kết cấu thép trên thị trường</p>



	<p>3.6. Đối với các công trình tại vị trí có bồn, bể, trụ nước chữa cháy ngoài nhà, hồ nước chữa cháy tự nhiên, nhân tạo tại vị trí bảo đảm bán kính phục vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Cho phép tính khoảng cách từ vị trí đặt trụ, bồn, bể, bển lấy nước từ hồ nước tự nhiên, nhân tạo đến đường ranh giới của công trình gần nhất.</li><li>- Trước mắt, cho phép các địa phương mà địa bàn theo địa giới hành chính cấp huyện đã được trang bị xe bơm của lực lượng Cảnh sát PCCC thì khoảng cách là 500m; Khi có máy bơm di động của lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp là 300m trong phạm vi hoạt động kỹ thuật của máy bơm.</li><li>- Về sau khi sửa quy chuẩn, TCVN 3890: Không quy định yêu cầu cơ sở thuộc công trình dân dụng, công nghiệp phải trang bị cấp nước chữa cháy ngoài nhà. Vấn đề này chỉ quy định đối với khu đô thị, khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp (thuộc trách nhiệm của nhà nước và chủ đầu tư hạ tầng các khu).</li></ul>	
--	---	--

**PHỤ LỤC C.3-3**

**GIẢI TRÌNH CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ NGHIÊN CỨU SỬA ĐỔI TRONG QCVN 06:2022/BXD  
CỦA CÁC HIỆP HỘI, BAN NGÀNH**

I. Tiếp thu, giải trình các ý kiến của hiệp hội bệnh viện tư nhân .....	2
II. Tiếp thu, giải trình các ý kiến của hiệp hội doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh .....	3
III. Tiếp thu, giải trình các ý kiến của hiệp hội tư vấn xây dựng .....	7
IV. Tiếp thu, giải trình các ý kiến của đoàn đại biểu quốc hội tỉnh Bắc Giang .....	9
V. Tiếp thu, giải trình các ý kiến của cử tri các tỉnh .....	10
VI. Tiếp thu, giải trình các ý kiến của hiệp hội doanh nghiệp .....	12
VII. Tiếp thu, giải trình các ý kiến hiệp hội doanh nghiệp karaoke .....	19
VIII. Tiếp thu, giải trình các ý kiến hiệp hội bệnh viện tư nhân .....	21

## I. Tiếp thu, giải trình các ý kiến của hiệp hội bệnh viện tư nhân

(Kèm theo văn bản số: 55/CV-BVTN ngày 17 tháng 04 năm 2023)

STT	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
1	Các quy định về an toàn cháy đối với bệnh viện quy mô từ 10 đến 30 giường bệnh là không phù hợp và gây nhiều khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là các phòng khám tư nhân có nguy cơ phải đóng cửa.	Không rõ quy định này thuộc điều nào của QCVN 06:2022/BXD.
2	Quá trình kiểm tra đánh giá các bệnh viện, phòng khám tư nhân đã được cơ quan PCCC kiểm tra, đánh giá xác nhận là đủ điều kiện về PCCC và được Bộ Y tế, Sở Y tế cấp giấy phép hoạt động, nếu có trường hợp chưa đủ điều kiện về PCCC hoặc sai sót trong quy định về PCCC do nhiều nguyên nhân khách quan thì nên phân loại để nhắc nhở, hướng dẫn, giúp đỡ và có lộ trình để chủ cơ sở có thời gian khắc phục bổ sung	Theo nghị định 136/2020/NĐ-CP, Bộ Xây dựng không có thẩm quyền trong công tác thẩm duyệt về PCCC
3	Đề nghị Bộ Công an, Bộ Xây dựng tổ chức nghiên cứu khảo sát thực tế hoạt động của các bệnh viện, phòng khám tư nhân để nắm bắt khó khăn, vướng mắc hiện nay, từ đó sửa đổi tiêu chuẩn, tiêu chí và các điều kiện an toàn về PCCC quy định tại Điều 5, NĐ 136/2020/NĐ-CP;	Thuộc thẩm quyền Bộ Công an
4	Quá trình sửa đổi NĐ 136/2020/NĐ-CP hoặc ban hành các quy định pháp luật về công tác PCCC, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần tham vấn rộng rãi ý kiến các chuyên gia, đặc biệt là các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và có liên quan đến chính sách nhằm thu thập thêm thông tin cần thiết, tránh khi ban hành áp dụng sẽ gây tác động, hậu quả xấu đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp	Thuộc thẩm quyền Bộ Công an

## II. Tiếp thu, giải trình các ý kiến của hiệp hội doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo văn bản số: 201/BC-HHDN ngày 24/4/2023)

STT	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
1	<p>Nhóm khó khăn về tiêu chuẩn vật liệu PCCC:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa có hướng dẫn, phổ biến cách làm để nâng bậc chịu lửa cho nhà;</li> <li>- Yêu cầu phải sơn thêm lớp chống cháy đối với kết cấu làm tăng chi phí đầu tư. Số lượng nhà cung cấp sơn chưa nhiều, gây ra tình trạng độc quyền;</li> <li>- Thép là vật liệu không cháy trong 15 phút không cần thiết phải bao phủ bề mặt cấu kiện; Việc phun vữa có thể làm ảnh hưởng đến độ bền của cấu kiện sắt bên trong;</li> <li>- Thị trường chưa có nhiều sản phẩm cửa chống cháy được cấp tiêu chuẩn chống cháy. Đề nghị cơ quan quản lý mở rộng việc cấp chứng chỉ, tạo thuận lợi cho người mua được lựa chọn sản phẩm;</li> </ul> <p>Yêu cầu doanh nghiệp phải thay thế các cửa chưa đáp ứng yêu cầu về PCCC gây khó khăn</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu, bổ sung trong các đợt rà soát;</li> <li>- QCVN 06:22/BXD không yêu cầu phải dùng sơn chống cháy trên kết cấu, có nhiều giải pháp bọc bảo vệ khác;</li> <li>- Về mặt kỹ thuật, kết cấu thép nhà xưởng thông thường (hệ số tiết diện Hp/A ≤ 250 m<sup>-1</sup>) mà không bọc bảo vệ chỉ được chấp thuận đạt giới hạn chịu lửa 15 phút (đã được khẳng định bằng thử nghiệm). Tuy nhiên các kết cấu thép nằm ngoài phạm vi trên cần được tính toán chứng minh đảm bảo R15 trong điều kiện không bọc bảo vệ. Việc bọc bảo vệ không thể ảnh hưởng đến độ bền của thép.</li> <li>- Có rất nhiều đơn vị sản xuất cửa chống cháy, và đã thử nghiệm đạt các giới hạn chịu lửa theo thiết kế.</li> </ul> <p>Việc thay thế các cửa cuốn chưa đáp ứng yêu cầu về PCCC: tùy thuộc vào thiết kế PCCC tại công trình cụ thể.</p>
2	<p>Thời gian đảm bảo nước chữa cháy 3 giờ dẫn đến nhà xây dựng ở khu vực chưa có hạ tầng cấp nước gặp khó khăn;</p>	<p>Theo Khoản 5.1.3.3, thời gian chữa cháy phải lấy là 3 giờ, ngoại trừ những quy định riêng đối với một số nhóm công trình. Do đó cần có thiết kế hạ</p>

STT	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
3	Khó khăn trong đầu tư hệ thống chữa cháy sprinkler;	tăng đồng bộ hoặc các giải pháp thiết kế khác để đảm bảo lưu lượng nước chữa cháy phù hợp với thực tiễn công trình. Việc đảm bảo an toàn cháy có nhiều biện pháp theo phương án thiết kế, không nhất thiết dùng hệ thống Sprinkler
4	Giải pháp chống cháy lan bằng tường, vách ngăn trong cùng mặt bằng xưởng chưa hợp lý đối với nhà xưởng đòi hỏi dây chuyền sản xuất dài;	Đối với những nhà có tính chất đặc thù hoặc có những đặc điểm riêng không có tính phổ biến thường gặp trong thực tế khi áp dụng các quy định của quy chuẩn sẽ gặp khó khăn, vướng mắc (ví dụ như các nhà xưởng đòi hỏi dây chuyền sản xuất dài ) thì cho phép đề xuất phương án để áp dụng các quy định của quy chuẩn với những điều chỉnh nhất định phù hợp với các đặc điểm cụ thể của nhà. Riêng nhà sản xuất hoặc nhà kho (hạng C) nếu cần thiết thì cho phép áp dụng trực tiếp các quy định của NFPA 5000.
5	Ngăn cháy lan bằng tường bao giữa các nhà kho xây sát nhau khó thực hiện đối với nhà hiện có;	Việc ngăn chặn cháy lan giữa các nhà quy định cụ thể phụ thuộc vào bậc chịu lửa, cấp nguy hiểm cháy của kết cấu và hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ.
6	QCVN 06:2022/BXD yêu cầu bọc ống gió bằng thạch cao chống cháy gây tăng chi phí nhiều lần;	QCVN 06:2022/BXD không yêu cầu bọc ống gió bằng thạch cao chống cháy, chỉ quy định chung đối với những đường ống có giới hạn chịu lửa cụ thể phải được chế tạo từ vật liệu không cháy (bao gồm các lớp bọc phủ;
7	Hạn chế chiều cao của giá xếp hàng không quá 5,5 m gây khó khăn cho công tác thẩm duyệt;	Khi chiều cao xếp hàng lớn hơn 5,5m, nếu cần thiết thì cho phép áp dụng trực tiếp các quy định

STT	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
8	<p>Quy chuẩn áp dụng chung cho tất cả các ngành sản xuất kinh doanh có tính chất nhà xưởng khác nhau, không phân biệt về tính nguy hiểm cháy.</p>	<p>Phạm vi áp dụng được nêu trong QCVN 06:2022/BXD áp dụng đối với từng nhóm nhà có công năng, bậc chịu lửa khác nhau chứ không áp dụng chung cho tất cả các ngành</p>
9	<p>Khó khăn trong thẩm duyệt, kiểm định, nghiệm thu Xin thẩm duyệt mất nhiều thời gian do khó đáp ứng các tiêu chuẩn mới; Nhà xưởng xây dựng trên đất thuê không được thẩm duyệt PCCC Thời gian thẩm duyệt kéo dài, không có văn bản phản hồi của cơ quan quản lý; Cơ quan kiểm định về PCCC ít và đều nằm ở Hà Nội nên các doanh nghiệp Tp.. Hồ Chí Minh đều phải gửi mẫu đi xa, mất nhiều thời gian. Công tác nghiệm thu PCCC mất nhiều thời gian ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của cơ sở;</p>	<p>Phụ thuộc vào các quy định hiện hành của đơn vị thẩm duyệt, nghiệm thu PCCC</p>
10	<p>Khó khăn về thay đổi chính sách Thời gian ngắn, ban hành liên tục các quy chuẩn ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp do không theo kịp các quy định mới. Một số tiêu chuẩn PCCC quá cao so với trình độ kinh tế, xã hội và thị trường của đất nước, gây khó khăn cho cả doanh nghiệp và cơ quan thẩm duyệt.</p>	<p>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình của Việt Nam (QCVN 06/BXD) qua các phiên bản đều được biên soạn hoặc soát xét có tham khảo, đối chiếu với các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng của nhiều quốc gia khác nhau bao gồm cả Nhật Bản cùng một số quốc gia trong khu vực châu Á, Đông Nam Á với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội hoặc trình độ phát triển gần với Việt Nam đồng thời có tính đến các yếu tố (bao gồm cả những yếu tố mang tính tổ chức, quản lý), đặc điểm riêng của Việt Nam ở từng giai đoạn. Kết quả nghiên cứu so sánh cho thấy các quy định về an toàn cháy đối</p>

STT	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
11	<p>Kiến nghị Công bố vật liệu, cấu kiện PCCC nhiều sản phẩm đủ tiêu chuẩn để doanh nghiệp lựa chọn</p>	<p>với nhà và công trình nêu tại QCVN 06/BXD chỉ nằm ở ngưỡng trung bình và thấp chứ không phải là quá cao như ý kiến phản ánh</p> <p>Các vật liệu, cấu kiện PCCC nhiều sản phẩm đủ tiêu chuẩn đã được công bố trên trang chủ của Cục cảnh sát PCCC và CNCH.</p> <p>Các quy định liên quan đến thẩm duyệt, nghiệm thu phụ thuộc vào quy định cơ quan thẩm duyệt và nghiệm thu về PCCC</p>
12	<p>Nhà nước nên cho phép mở rộng các đơn vị trong lĩnh vực công tác kiểm định, thẩm duyệt, nghiệm thu PCCC để đẩy nhanh công tác xét duyệt hồ sơ, đưa công trình vào khai thác sử dụng.</p>	<p>Phụ thuộc vào quy định của đơn vị nghiệm thu, thẩm duyệt PCCC</p>
13	<p>Vấn đề chuyển tiếp; Cho phép sử dụng chung hệ thống PCCC của BQL khu công nghiệp cho các cơ sở, doanh nghiệp</p>	<p>Vấn đề chuyển tiếp được quy định tại điều 7 của quy chuẩn QCVN 06:2022/BXD. Việc sử dụng chung hệ thống PCCC cần có các luận chứng phù hợp, được sự chấp thuận của đơn vị thẩm duyệt và nghiệm thu PCCC</p>
14	<p>Bộ quy định ràng buộc thẩm duyệt PCCC với các điều kiện về pháp lý đất đai;</p>	<p>Không thuộc phạm vi nội dung của QCVN 06</p>
15	<p>Các văn bản hướng dẫn đã ban hành chỉ có tính chất nội bộ, không có giá trị phổ quát như văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>Các văn bản lấy ý kiến về dự thảo QCVN 06 được xin ý kiến các bộ, ban, ngành và địa phương trước khi ban hành và công khai trên trang chủ của Bộ Xây dựng.</p>
16	<p>Cơ quan quản lý không cần kiểm định tại nơi lắp đặt mà chất lượng nên do nhà sản xuất tự công bố và chịu trách nhiệm trước pháp luật</p>	<p>Không thuộc phạm vi nội dung của QCVN 06</p>

**III. Tiếp thu, giải trình các ý kiến của hiệp hội tư vấn xây dựng**

(kèm theo văn bản số: 42/2023/CV-VECAS ngày 12 tháng 06 năm 2023)

STT	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
1	<p><b>III. Góp ý sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình (QCVN 06:2022/BXD) ban hành kèm theo Thông tư 06/2022/TT-BXD.</b></p> <p>1. Tương tự như đối với Nghị định 136/2020/NĐ-CP, đề nghị thống nhất về quy định áp dụng quy chuẩn này khi “thay đổi công năng của gian phòng, khoang cháy hoặc nhà” tại mục 1.1.4 (khoản a), trong khi pháp luật PCCC quy định “thay đổi tính chất công trình/hoặc tính chất sử dụng”.</p> <p><b>Đồng thời, hiện nay có nhiều khái niệm được hiểu khác nhau, giải thích khác nhau khi áp dụng QCVN về an toàn cháy cho nhà và công trình qua các giai đoạn như nhà chung cư, nhà chung cư hỗn hợp, để móng, cơ sở điều trị nội trú... dẫn đến khi thẩm duyệt khó khăn. Đề nghị cần được giải thích trong quy chuẩn tạo điều kiện thuận lợi trong thực tiễn.</b></p>	<p>Tiếp thu, rà soát, bổ sung</p>
2	<p><b>2. Tài liệu viện dẫn tại Mục 1.3:</b></p> <p>Đề nghị bổ sung đầy đủ tên tiêu chuẩn viện dẫn (nằm ban hành tiêu chuẩn) để thống nhất với các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia khác do Bộ Xây dựng và Bộ ngành khác ban hành.</p>	<p>Các Tiêu chuẩn được viện dẫn trong QC thường không đề năm ban hành, đề sử dụng bản TC mới nhất. Trừ trường hợp xác định chỉ dùng phiên bản hiện hành thì mới đề năm cụ thể.</p>



3	<p>ngành khác của ngành.</p> <p>3. Các quy định về lối thoát nạn độc lập, diện tích một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy cần xem xét điều chỉnh phù hợp với thực tế, an toàn khi sử dụng có trong điều kiện kinh tế - xã hội chung. Cụ thể:</p> <p>- Mục 3.2.4 - QCVN 06:2022/BXD: Đề nghị xem xét quy định "Các phần nhà có công năng khác nhau và được ngăn chia bởi các bộ phận ngăn cháy thì phải có các lối ra thoát nạn độc lập". Quy định này dẫn đến phải bố trí nhiều thang bộ thoát nạn, khó khăn cho việc bố trí thang và gây lãng phí.</p>	Mục 3.2.4 quy định bố trí lối ra khác nhau chứ không phải bố trí nhiều thang bộ thoát nạn.
4	<p>- Phụ lục H, Mục H.6.2: Diện tích một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy được xác định theo chu vi bên trong tường bao của tầng không tính diện tích các buồng thang bộ, trừ các trường hợp đặc biệt được yêu cầu riêng. Đề nghị xem xét sửa đổi vì các không gian khác đã được bảo vệ ngăn cháy cũng như không có khả năng gây cháy như bể nước, trạm xử lý nước thải, phòng đệm thoát nạn, các phòng kỹ thuật...</p>	Mục H.6.2, phụ lục H nêu rõ diện tích một tầng trong phạm vi một khoang cháy là diện tích tầng được giới hạn bởi các tường bao của nhà và (hoặc) các tường ngăn cháy loại I
5	<p><b>6. Thiết kế hệ thống cấp khí bù:</b></p> <p>Thiết kế hệ thống cấp khí bù tại Phụ lục D mới được quy định rõ trong QCVN 06:2022/BXD nhưng thiếu các tiêu chuẩn viện dẫn để khẳng định cần chú ý thiết kế và các giải pháp thực hiện. Điều này dẫn đến thực tế là các tổ chức, cá nhân liên quan (kể cả cơ quan thẩm duyệt) chưa đủ cơ sở, kiến thức để thực</p>	Tiếp thu, rà soát, bổ sung
6	<p><b>7. Quy định về khoảng cách an toàn PCCC</b></p> <p>Quy định về khoảng cách an toàn PCCC giữa các công trình, nhất là công trình xây mới trong phạm vi dự án đã có công trình cũ gặp nhiều khó khăn (đặc biệt đối với trường mầm non (nhóm F1.1) (F4.1) và các cơ sở kinh doanh chất khó cháy...</p> <p>Quy định khối tích nước cấp cho hệ thống chữa cháy ngoài nhà đối với các trường học, cơ sở sản xuất miền núi còn bất cập, chi phí đầu tư cao, đề nghị xem xét điều chỉnh.</p>	Các dự án cụ thể, cần có luận chứng kỹ thuật khác phục kèm theo. Luận chứng này phải được Bộ Xây dựng cho ý kiến thống nhất và hồ sơ thiết kế xây dựng phải được cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH có thẩm quyền thẩm duyệt theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy

#### IV. Tiếp thu, giải trình các ý kiến của đoàn đại biểu quốc hội tỉnh Bắc Giang

(Kèm theo văn bản số: 612/ĐĐBQH-CTQH, ngày 17 tháng 6 năm 2023)

STT	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>(3) Đề nghị Bộ Xây dựng sửa QCVN 06: 2022/BXD như sau:</p> <p>Bảng F. Về Thép kết cấu: Đề nghị bỏ cụm từ “được bọc bảo vệ” và quy định tăng khối lượng thép để tăng bậc chịu lửa cho kết cấu thép, cụ thể như sau:</p> <p>Bảng F.8 Cột chống bằng thép được bọc bảo vệ (khối lượng cốt trên 1m dài không nhỏ hơn 45 kg). Đề nghị sửa thành: “Bảng F.8 Cột chống bằng thép</p>	<p>Về đề xuất thay đổi khối lượng cấu kiện cột, dầm trên 1m dài trong nội dung Bảng F.7 và Bảng F.8 thuộc Phụ lục F của QCVN 06:2022/BXD: Về mặt kỹ thuật, kết cấu thép nhà xưởng thông thường (hệ số tiết diện <math>H_p/A \leq 250</math> m-1) mà không bọc bảo vệ chỉ được chấp thuận đạt giới hạn chịu lửa 15 phút (đã được khẳng định bằng thử nghiệm). Do đó, nếu diện tích khoang cháy nhà xưởng quá lớn, dẫn đến yêu cầu giới hạn chịu lửa cao hơn 15 phút thì phải tính toán kết cấu chịu lửa theo tiêu chuẩn đề chứng minh không cần bọc bảo vệ, hoặc sử dụng các giải pháp bọc bảo vệ có sẵn trong phụ lục F (cho phép kết cấu thép có thể đạt giới hạn chịu lửa từ 30 phút đến 240 phút), hoặc sử dụng các giải pháp khác. Cột thép có khối lượng 50kg/m hoặc dầm thép có khối lượng 35 kg/m mà không bọc bảo vệ thì không có cơ sở để đảm bảo khả năng chịu lửa từ 30 phút đến 240 phút trong chế độ nhiệt tiêu chuẩn.</p>
	<p>Bảng F.9 Dầm bằng thép được bọc bảo vệ (khối lượng dầm trên 1m dài không nhỏ hơn 30 kg). Đề nghị sửa thành: “Bảng F.9 Dầm bằng thép (khối lượng dầm trên 1m dài không nhỏ hơn 35 kg).</p>	<p>Các đối tượng được đề cập trong Bảng F.7 và F.8 tương ứng là những cấu kiện cột thép và dầm thép sau khi được bọc bảo vệ bằng các giải pháp thích hợp nêu trong nội dung các bảng đó chứ không phải là các cột thép và dầm thép chung chung do vậy không thể bỏ cụm từ “được bọc bảo vệ” như kiến nghị.</p>

**V. Tiếp thu, giải trình các ý kiến của cử tri các tỉnh**

(Kèm theo văn bản số: 742/BDN của Ban Dân nguyện ngày 14 tháng 06 năm 2023)

STT	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
1	Mục 23, ý kiến của cử tri Long An: Kiến nghị bãi bỏ nội dung về giải pháp chống tụ khói cho nhà 01 tầng theo quy định mục D.2.f, phụ lục D, QCVN 06:2022/BXD và đề nghị rà soát, điều chỉnh quy chuẩn QCVN 06:2022/BXD phù hợp với điều kiện kinh tế vừa đảm bảo điều kiện thực thi an toàn phòng cháy.	Khi có cháy trong nhà, khói là yếu tố lớn nhất ảnh hưởng đến sức khỏe và sinh mạng con người. Với nhà 1 tầng, quy chuẩn cho phép dùng giải pháp thoát khói tự nhiên thông qua cửa trời không đón gió vào (nóc gió), cửa chớp, cửa nắp... dựa trên tính toán thoát khói theo tiêu chuẩn thiết kế (các quy định tại điểm f, điều D.2). Quy định của QCVN 06:2022/BXD không có yêu cầu bắt buộc lắp đặt hệ thống hút khói cưỡng bức (quạt, ống). Quy chuẩn QCVN 06:2022/BXD đang được rà soát, sửa đổi theo chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Xây dựng để hoàn thiện hơn
2	Mục 26, ý kiến của cử tri Quảng Ngãi: Đề nghị rà soát, điều chỉnh quy chuẩn QCVN 06:2022/BXD phù hợp với điều kiện kinh tế vừa đảm bảo điều kiện thực thi an toàn phòng cháy	Kiến nghị có các ý kiến cụ thể, Viện xin tiếp thu và lưu ý trong quá trình rà soát, sửa đổi Quy chuẩn QCVN 06:2022/BXD.
3	Mục 54, ý kiến của cử tri Bắc Ninh: Đề nghị rà soát, điều chỉnh quy chuẩn QCVN 06:2022/BXD vì có nhiều quy định, tiêu chuẩn không thể thực hiện được, gây khó cho doanh nghiệp	Kiến nghị có các ý kiến cụ thể, Viện xin tiếp thu và lưu ý trong quá trình rà soát, sửa đổi Quy chuẩn QCVN 06:2022/BXD.
4	Mục 61, ý kiến của cử tri Bình Dương: Hiện nay một số quy chuẩn yêu cầu đối với vật liệu xây dựng sử dụng trong công tác PCCC là khá cao, chưa phù hợp, dẫn tới lãng phí nguồn lực. Đề nghị Bộ xây dựng nghiên cứu, điều chỉnh phù hợp với từng loại ngành nghề	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình của Việt Nam (QCVN 06/BXD) qua các phiên bản đều được biên soạn hoặc soát xét có tham khảo, đối chiếu với các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng của nhiều quốc gia khác nhau đồng thời có tính đến các yếu tố (bao gồm cả những yếu tố mang tính tổ chức, quản lý), đặc điểm riêng của Việt Nam ở từng giai đoạn. Kết quả nghiên cứu so sánh cho thấy các quy định về an toàn cháy đối với nhà và công trình nêu tại QCVN 06/BXD chỉ nằm ở ngưỡng trung bình và thấp chứ không phải là quá cao như ý kiến phản ánh. Phạm vi áp dụng các điều khoản trong QCVN 06:2022/BXD cũng đã phân chia các nhà và công trình có công năng khác nhau, tương ứng với từng loại ngành nghề (Bảng 6 của QCVN 06:2022/BXD phân chia 5 nhóm lớn, 21 nhóm nhỏ, Phụ lục C phân chia theo hạng nguy hiểm

STT	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
5	<p>Mục 64, ý kiến của cử tri Thừa Thiên Huế: Đề nghị Bộ Xây dựng và Bộ Công an hướng dẫn áp dụng thống nhất các vấn đề đối với dự án chuyên tiếp, dự án có nhiều giai đoạn kết nối, dự án cải tạo, dự án hình thành trước khi có Luật PCCC.</p>	<p>Điều kiện chuyên tiếp đã được nêu rất rõ trong Điều 7.1 của QCVN 06:2022/BXD, ngoài ra, trong công văn số 1091/C07-P3,P4,P7 ngày 11 tháng 04 năm 2023 của Cục cảnh sát PCCC và CNCH cũng đã hướng dẫn chi tiết về nội dung này tại mục 1.2.</p>
6	<p>Mục 65, ý kiến của cử tri Thừa Thiên Huế: Đề nghị Bộ Xây dựng và Bộ Công an có hướng dẫn quy định về thí nghiệm, nghiệm thu hạng mục công trình và phương tiện PCCC, công khai các phòng thử nghiệm, vật liệu đạt chuẩn, đưa vào thông báo giá hàng tháng.</p>	<p>Đối với các vật liệu và phương tiện PCCC được thử nghiệm theo các tiêu chuẩn quy định tại QCVN 03:2021/BCA. Việc kiểm định và công khai các sản phẩm đạt chuẩn được công bố trên trang chủ của Cục cảnh sát PCCC&amp;CNCH. Việc nghiệm thu đối với các công trình cụ thể cần theo hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền về PCCC. Hiện nay có nhiều đơn vị thử nghiệm phương tiện PCCC bao gồm: Trường đại học phòng cháy chữa cháy, Viện KHCN Xây dựng, Viện vật liệu xây dựng</p>
7	<p>Mục 72, ý kiến của cử tri Cần Thơ: Quy chuẩn QCVN 06:2022/BXD có các quy định gây tốn kém, nhất là công tác kiểm định vật liệu phòng cháy và chữa cháy. Cần nghiên cứu quy định cụ thể tiêu chí, quy chuẩn về PCCC cho từng loại hình công trình.</p>	<p>Quy chuẩn QCVN 06:2022/BXD chỉ quy định các tiêu chí kỹ thuật đối với vật liệu, cấu kiện được sử dụng tương ứng với quy mô và tính chất sử dụng của nhà. Quy chuẩn QCVN 06:2022/BXD không quy định đối với công tác kiểm định vật liệu PCCC</p>

## VI. Tiếp thu, giải trình các ý kiến của hiệp hội doanh nghiệp

(Kèm theo văn bản số: Công văn ngày 16 tháng 06 năm 2023 của Hiệp hội doanh nghiệp)

STT	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
1	“Áp dụng quy chuẩn 06:2022/BXD và TCVN 2622:1995, cơ sở sản xuất kinh doanh phải nâng bậc chịu lửa công trình; trong khi đó, hướng dẫn đạt được giới hạn bậc chịu lửa thì chưa được phổ biến cụ thể”.	Theo Bảng 4, Bảng 5 và Phụ lục H của QCVN 06:2022/BXD, đã quy định rõ tương quan giữa quy mô, tính chất của công trình với bậc chịu lửa yêu cầu của công trình. Các quy định về bậc chịu lửa đã được kế thừa và ổn định từ nhiều năm nay, công tác thiết kế, thẩm duyệt và nghiệm thu về PCCC đều dựa trên bậc chịu lửa của công trình. QC 06 cũng có phụ lục F quy định sẵn giới hạn chịu lửa danh định của nhiều cấu kiện, kết cấu có thể chuẩn hóa, nhằm đơn giản trong quá trình áp dụng (không phải kiểm tra, kiểm định, tính toán). Riêng đối với nhà sản xuất, QCVN 06:2022/BXD đã có nhiều giải pháp bổ sung, cho phép nâng đáng kể diện tích khoang cháy và giảm bậc chịu lửa công trình.
2	“Đối với sơn chống cháy: quy định “kết cấu chịu lực được bọc bảo vệ bằng chất, vật liệu chống cháy”, phải sơn thêm lớp chống cháy 90p, làm tăng chi phí suất đầu tư khoảng 8 %/m <sup>2</sup> nhà xưởng. Tuy nhiên, thị trường hiện nay chỉ có một vài đơn vị cung cấp, tạo nên sự độc quyền, không đảm bảo giá bán hợp lý và thời gian chờ đợi lâu”.	QCVN 06 không có quy định nào về sơn chống cháy như văn bản đề cập. Sơn chống cháy là một trong những giải pháp bảo vệ kết cấu, còn nhiều giải pháp khác được liệt kê sẵn trong phụ lục F. Sử dụng giải pháp nào là lựa chọn của chủ đầu tư, tư vấn thiết kế tùy thuộc vào những đặc điểm cụ thể của từng dự án. Như trên đã đề cập QCVN 06:2022/BXD đã có những điều chỉnh cơ bản để cho phép mở rộng diện tích khoang cháy mà không làm tăng chi phí bảo vệ chống cháy cho kết cấu, điều này thể hiện rõ trong Bảng H.4 (Phụ lục H, QCVN 06:2022/BXD). Theo quy định pháp luật, Bộ Xây dựng không có thẩm quyền quản lý nhà nước về mặt kiểm định, đánh giá, nghiệm thu sơn chống cháy nói riêng và các cấu kiện, kết cấu nói chung. Về mặt kỹ thuật, liên quan đến các sản phẩm sơn bọc bảo vệ chịu lửa cho kết cấu thép, thực tế từ những năm trước đây đã có rất nhiều nhà sản xuất cả trong và ngoài nước cung cấp vật liệu và giải pháp. Hiện nay cũng đã có nhiều nhà sản xuất vật liệu, cung cấp giải pháp đáp ứng được quy định về quản lý theo các quy định hiện hành và được cấp chứng nhận đề lưu hành trên thị trường. Thông tin chi tiết được cơ quan quản lý là Cục CSPCCC công bố cụ thể trên đường dẫn: <a href="http://canhsatpccc.gov.vn/ArticlesDetail/tabid/193/category/140/id/11581/language/vi-VN/Default.aspx">http://canhsatpccc.gov.vn/ArticlesDetail/tabid/193/category/140/id/11581/language/vi-VN/Default.aspx</a> .
3	“Bể nước chữa cháy: theo quy định mới, DN muốn	Về nguyên tắc, các quy định về cấp nước chữa cháy ngoài nhà là cơ sở để tính toán

STT	<p><b>Nội dung của QCVN 06:2022/BXD</b></p> <p>xây một nhà kho có diện tích từ 2000 - 5000 m<sup>2</sup> thì phải đầu tư một bể nước khoảng 400 m<sup>3</sup> mới có thể đảm bảo đủ nước cho công tác chữa chữa cháy trong 03 giờ nhằm đáp ứng quy định về an toàn cháy....cũng không thể thuê thêm đất cạnh đó do không còn đất trống”.</p>	<p><b>Ý kiến thảo luận, giải trình</b></p> <p>nhu cầu sử dụng nước cho 1 khu vực dân cư hoặc khu công nghiệp để chữa cháy một nhà bất kỳ nằm trong khu vực đó. Nhu cầu này phải được đáp ứng bởi hệ thống hạ tầng cấp nước chung của địa phương, có tính đến các nguồn cung cấp nước khác nhau nằm trong khu vực và đảm bảo các yếu tố kỹ thuật theo các tiêu chuẩn về nguồn nước chữa cháy.</p> <p>Các quy định về cấp nước chữa cháy cho nhà và cơ bản kế thừa và hầu như không thay đổi từ năm 1995 đến nay, chỉ mở rộng thêm phạm vi áp dụng đối với các công trình lớn.</p> <p><b>QCVN 06 không bắt buộc mỗi công trình phải trang bị bể riêng</b>, mà trái lại, đưa ra nhiều hướng cho phép kết hợp với hạ tầng cấp nước ngoài nhà, các nguồn nước sản xuất, sinh hoạt, các nguồn nước từ ao hồ (có thể dẫn từ xa về qua các hố thu trung gian), và cũng không cấm sử dụng bể chung cho nhiều công trình lân cận.</p> <p>Quy định tại điều 6.1 của QCVN 06:2022/BXD đã xét đến điều kiện ở một số địa phương, khu vực mà hạ tầng hệ thống cấp nước chưa đáp ứng được yêu cầu chung thì cho phép thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan quản lý ở những địa phương, khu vực đó.</p>
4	<p>“Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler có giá gần cả tỷ đồng...., đề nghị cho phép DN lắp đặt hệ thống chữa cháy di động thay thế cho các sprinkler có định và sử dụng chung bồn nước chữa chữa cháy của khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm nhà xưởng xung quanh”.</p>	<p>QCVN 06 không quy định về việc phải trang bị sprinkler cho nhà công nghiệp.</p>
5	<p>“Giải pháp chống cháy lan bằng cách ngăn tường, vách chống cháy trong cùng một khuôn viên... không giống nhau nên cũng phải có các giải pháp PCCC phù hợp khác nhau”.</p>	<p>Quy định về phân chia khoang cháy (giới hạn diện tích khoang cháy), ngăn tách các khu vực có công năng khác nhau trong một nhà là một trong số các nguyên tắc cơ bản của bảo đảm an toàn cháy. Quy định này nhằm mục đích hạn chế sự lan truyền, mở rộng của đám cháy khi nó xảy ra ở một khu vực (thường là khu vực có nguy cơ cao) sang những khu vực lân cận và giảm thiểu thiệt hại về sinh mạng cũng như tài sản trong nhà.</p> <p>So sánh giữa các tiêu chuẩn an toàn cháy trên thế giới (Mỹ, TQ, Hàn Quốc, Nhật, Singapore, Indonesia ...) thì hiện nay các quy định của QC 06 về khoang cháy và</p>

STT	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
		<p>ngăn cháy lan thuộc mức trung bình thấp trên thế giới. QC 06 cũng phân ra 5 hạng nguy hiểm cháy nổ cho nhà và 9 hạng nguy hiểm cháy nổ cho gian phòng, theo đó là các giải pháp PCCC phù hợp. Trong trường hợp của nhà sản xuất, có những đặc thù riêng về dây chuyền công nghệ dẫn đến không thể áp dụng được quy định về việc phân khoang cháy, nội dung của QCVN 06 có cho phép áp dụng đồng bộ thiết kế đã được chấp thuận áp dụng ở nước ngoài (điều A.1.1.4, Phụ lục A) hoặc có luận chứng kỹ thuật đảm bảo an toàn cháy cho công trình được các cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng và PCCC chấp thuận (điều 1.1.10 – QCVN 06:2022/BXD).</p>
6	<p>“Trước đây, hệ thống ống gió điều hòa chỉ cần bọc amiăng, nhưng nay, QCVN 06:2022/BXD yêu cầu bọc bằng thạch cao chống cháy có chỉ phí đất đỏ, khiến DN đầu tư đội chi phí lên gấp nhiều lần”.</p>	<p>QC/N 06:2022 và tất cả các phiên bản trước đây không có quy định nào về việc phải bọc ống gió điều hòa bằng thạch cao chống cháy, và cũng không điều tiết đối tượng ống gió điều hòa.</p>
7	<p>“Quy định mới yêu cầu các nhà kho sát nhau phải có lối thông hành 5m xung quanh hoặc phải xây tường xung quanh nhà kho với chiều cao ngang với nóc nhà kho. Quy định này cũng khó thực hiện do việc móng nhà cũ không thể gia cố thêm. Thậm chí, tường cao kín có thể còn ngăn cản các hoạt động cứu hộ, dễ bị sập đổ. Trong trường hợp này, có thể lắp đặt tấm ngăn chống cháy lan, vật liệu nhẹ thay thế”.</p>	<p>Hoàn toàn có thể sử dụng các tấm ngăn chống cháy lan, vật liệu nhẹ (phụ lục E của QCVN 06:2022/BXD), phụ thuộc vào hạng nguy hiểm cháy nổ của từng công trình đang xét. Xây tường chỉ là một trong nhiều giải pháp ngăn cháy lan giữa các công trình với nhau. Ngoài ra, đối với các công trình cũ thì Bộ XD đã trình CP dự thảo nghị quyết tháo gỡ khó khăn vướng mắc về PCCC.</p>
8	<p>“Theo quy chuẩn mới có chiều cao sập xếp hàng hóa và giá cao hàng trên 5,5 m thì thiết kế theo từng dự án cụ thể, trong khi các kho hàng hóa có kệ trên 5,5m là rất phổ biến với các DN các tỉnh phía Nam, phải xin giấy phép các khâu thiết kế và thẩm duyệt, điều này rất tốn kém chi phí và thời gian”.</p>	<p>QCVN 06 tất cả các phiên bản gần đây đều cho phép sử dụng các giá hàng cao trên 5.5 m (hạng C) trong nhà một tầng, hoặc khoang cháy tầng 1 (nghĩa là các tầng trên hoàn toàn có thể bố trí các kho hàng hạng C trên giá đỡ dưới 5,5 m, hoặc các kho hàng hạng E với chiều cao và diện tích không hạn chế). Việc sử dụng các giá để hàng với chiều cao lớn thường đòi hỏi phải có các hệ thống chữa cháy tự động đặc biệt hơn so với quy định thông thường theo các tiêu chuẩn thiết kế hiện hành của Việt Nam (ví dụ TCVN 7336 về hệ thống Sprinkler), do vậy những trường hợp này cần thiết áp dụng thêm các tiêu chuẩn thiết kế của nước ngoài. Gần đây, cục CS PCCC&amp;CNCH đã có văn bản cho phép áp dụng tiêu chuẩn</p>

STT	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
9	<p>“Khâu xin thẩm duyệt PCCC thường mất nhiều thời gian do khó đáp ứng các tiêu chuẩn mới; ví dụ sơn chống cháy đối với các cấu kiện như cột, khung kèo chính... Đặc biệt, nhà xưởng xây dựng trên đất thuê không được thẩm duyệt hồ sơ PCCC, không nghiệm thu được, do đó không được tiếp tục SXKD, làm hoạt động”</p>	<p>nước ngoài để thiết kế các sprinkler cho giá đỡ cao tầng (ví dụ NFPA 13). Theo đó, việc thiết kế các kho hàng nhiều tầng hạng C đã có công cụ để thiết kế phù hợp. Việc rà soát nội dung QCVN 06:2022/BXD đã có lưu ý vấn đề này.</p> <p>Theo luật PCCC và ND 136/2020/NĐ-CP, Bộ Xây dựng không có thẩm quyền trong công tác thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC. QCVN 06:2022/BXD không quy định nội dung nào liên quan đến mục đích sử dụng đất.</p> <p>Mục 7.1 QCVN 06:2022/BXD có quy định chuyển tiếp rõ ràng trên nguyên tắc không hồi tố. Hồ sơ thiết kế của công trình được thẩm duyệt theo quy định nào thì nghiệm thu theo hồ sơ đó, không phải theo quy chuẩn mới.</p>
10	<p>“Cơ quan kiểm định: chỉ có 2 đơn vị thực hiện...gây mất nhiều thời gian và chi phí của DN”.</p>	<p>Hoạt động thử nghiệm cũng như kiểm định thiết bị, phương tiện PCCC hiện đã được xã hội hóa song cần tuân thủ các quy định hiện hành của cơ quan quản lý Nhà nước về PCCC. Các quy định đó không hạn chế doanh nghiệp hoặc cơ sở có nhu cầu tham gia cung cấp dịch vụ kỹ thuật này nếu đảm bảo được yêu cầu về năng lực theo quy định. Hiện nay có 4 phòng thử nghiệm đang thực hiện công tác kiểm định bố trí ở miền Bắc và miền Nam (miền Bắc: Phòng thử nghiệm của trường Đại học PCCC, Phòng thử nghiệm của Viện KHCN Xây dựng (LAS-XD 416/VLAT 1.1060); miền Nam: cơ sở 2 của trường Đại học PCCC, phòng thử nghiệm VLAT-1.0968 của công ty TNHH Công nghệ PCCC Phương Nam), do đó các doanh nghiệp có thể lựa chọn địa điểm phù hợp. Danh sách các cơ sở đủ điều kiện thực hiện công tác thử nghiệm đốt đều được công bố công khai trên phương tiện thông tin của Bộ Xây dựng.</p>
11	<p>“Công tác nghiệm thu công trình PCCC cũng mất nhiều thời gian, làm ảnh hưởng tới khả năng đưa công trình vào kinh doanh của DN. Có trường hợp thiết kế PCCC đã được thẩm duyệt, đã thi công và lắp đặt đầy đủ các trang thiết bị theo như yêu cầu trước đó, tuy nhiên khâu nghiệm thu PCCC thì bị tắc do không đáp ứng yêu cầu quy chuẩn mới”</p>	<p>Theo luật PCCC và ND 136/2020/NĐ-CP, Bộ Xây dựng không có thẩm quyền trong công tác nghiệm thu về PCCC.</p> <p>Mục 7.1 QCVN 06:2022/BXD có quy định chuyển tiếp rõ ràng <b>trên nguyên tắc không hồi tố</b>. Hồ sơ thiết kế của công trình được thẩm duyệt theo quy định nào thì nghiệm thu theo hồ sơ đó, không phải theo quy chuẩn mới.</p>
12	<p>“Việc thay đổi chính sách quá nhanh đã ảnh hưởng tới các kế hoạch đầu tư ....QCVN 06:2020/BXD”.</p>	<p>Phiên bản sau của QCVN 06 chi làm rõ, bổ sung thêm nhiều giải pháp, lựa chọn cho các đối tượng công trình cụ thể, vẫn kế thừa cơ bản về cấu trúc, nguyên lý, các</p>



STT	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
		<p>khái niệm và hệ thống chỉ tiêu kỹ thuật của QCVN 06 các phiên bản trước.</p> <p>Ngoài ra, các phiên bản QC đều quy định rõ điều khoản chuyên tiếp <b>trên nguyên tắc không hồi tố</b>, tóm tắt là công trình đã được góp ý hoặc thẩm duyệt theo phiên bản nào thì tiếp tục thực hiện theo phiên bản đó. Như vậy, việc có các phiên bản khác nhau không ảnh hưởng đến việc xây dựng dự án.</p>
13	“Theo TCVN 3890-2023....đầu tư rất tốn kém”	<p>Tiêu chuẩn này do Cục CSPCCC biên soạn, Bộ Công an đề nghị và Tổng Cục tiêu chuẩn đo lường thẩm định, Bộ KH&amp;CN công bố, các nội dung cần đề xuất đề nghị gửi về đơn vị có thẩm quyền.</p>
14	“Việc tính toán kết cấu thép (có thông số $Am/V > 250 \text{ m}^{-1}$ ) đáp ứng giới hạn chịu lửa R8 là rất khó khăn, không có bất cứ hướng dẫn tính toán nào từ các đơn vị chức năng”.	<p>Trong QC 06 đã chỉ rõ Tiêu chuẩn để hướng dẫn tính toán nội dung này (ISO 834-10), trong đó cách tính hết sức đơn giản, chỉ cần cộng trừ nhân chia là đủ.</p> <p>Tính toán nhiệt độ tới hạn để xác định giới hạn chịu lửa cho các cấu kiện kết cấu thép thực hiện theo các tiêu chuẩn thiết kế như EN 1993-1-2 (Châu Âu), AISC 360 (Mỹ). Các tiêu chuẩn này đã và đang được các đơn vị thiết kế tại Việt Nam áp dụng phổ biến. Về vấn đề này, khuyến nghị Chủ đầu tư cần tìm đơn vị tư vấn đủ năng lực, có kiến thức chuyên môn về xây dựng để thực hiện.</p>
15	“Nhà máy đã có hệ thống thông gió làm mát, nhưng không được xem xét sử dụng liên động, phải lắp thêm quạt hút khói dẫn đến chi phí lớn và không có vị trí để lắp”.	<p>QC 06 không cấm vấn đề này. Mặt khác, đối với các nhà xưởng 1 tầng, QC 06 cũng cho phép sử dụng các giải pháp thoát khói tự nhiên (không sử dụng quạt hút khói) dựa trên Tiêu chuẩn thiết kế.</p>
16	“Khoảng cách ngăn cháy đối với công trình cũ ...ảnh hưởng điều kiện môi trường lao động nhà xưởng”.	<p>Giai trình về quy định khoảng cách phòng cháy chống cháy đã được nêu tại mục 6 ở trên.</p> <p>Ngoài ra, cũng cần lưu ý rằng các quy định của QCVN 06:2022/BXD không áp dụng hồi tố đối với những công trình đã xây dựng trước thời điểm có hiệu lực của quy chuẩn này.</p>
17	“Ngăn cháy nội bộ: yêu cầu nhà xưởng, giữa cầu thang, văn phòng cũng ngăn cháy dẫn đến phát sinh quá nhiều cửa chống cháy, nặng nề, tốn kém diện tích đất, chi phí đầu tư, thí nghiệm.”	<p>Ý hiểu này đã được trả lời tại mục 5. Ngoài ra QCVN 06:2022/BXD cho phép các công năng phụ trong NSX với diện tích &lt;10% không phải ngăn cháy với với công năng chính (điều 4.5), đề nghị nghiên cứu áp dụng.</p>
18	“Thủ tục thẩm duyệt....cần giảm bớt các trường hợp phải thẩm duyệt”	<p>Theo luật PCCC và ND 136/2020/ND-CP, Bộ Xây dựng không có thẩm quyền trong công tác thẩm duyệt về PCCC.</p>
19	“Các yêu cầu về hệ thống hút khói, cấp khí tươi chưa cụ thể và phát sinh nhiều chi phí. Theo đó,	<p>QC 06 đã có phân loại các khu vực cụ thể cần phải bảo vệ chống khói (D.2 phụ lục D).</p>

STT	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	<p>nên phân loại khu vực nào bất buộc phải có thông khói theo hạng mục nguy hiểm cháy nổ”.</p>	<p>Việc cấp bù không khí chỉ đơn giản là sử dụng chính các cửa đi, cửa sổ hoặc lỗ mở, không yêu cầu lắp hệ thống cấp khí bù đối với nhà công nghiệp.</p> <p>Việc cấp bù không khí vào những khu vực được hút khói có ý nghĩa kỹ thuật và thực tiễn rất rõ ràng, nhằm bảo đảm được hiệu quả chống khói theo dự kiến của hệ thống hút khói. Các quy định về bảo vệ chống khói trong QCVN 06/BXD chỉ đưa ra những khu vực phải được bảo vệ chống khói bằng hình thức cấp không khí vào hoặc hút khói ra, chứ không quy định cứng nhắc phải áp dụng một giải pháp, cơ chế cụ thể nào thực hiện những việc đó (tức là giải pháp tự nhiên hay giải pháp cơ khí), đây là lựa chọn của chủ đầu tư trên cơ sở thuyết minh, đề xuất của tư vấn thiết kế. Tính toán thiết kế hệ thống bảo vệ chống khói nói chung (trong đó có hệ thống hút khói và vấn đề cấp bù không khí) thực hiện theo các tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành ( ví dụ VN có TCVN 5687:2010, có thể sử dụng TC nước ngoài như NFPA 204, NFPA 92, EN 12101, Fire code Singapore, SP 7.13330 ...). Về việc này, khuyến nghị CĐT sử dụng đơn vị tư vấn đủ năng lực, có kiến thức chuyên môn về xây dựng để thực hiện đúng việc này, tránh phát sinh những chi phí không đáng có cho CĐT.</p>
20	<p>“Theo bảng H.11 QCVN 06:2022/BXD, công trình dùng kết cấu thép đang được tính là bậc chịu lửa cấp 4, khi xây dựng kho thì không được xây hơn 1 tầng, diện tích khoang cháy nhỏ - ở mức 7 800 m<sup>2</sup>. Việc này ảnh hưởng lớn đến điều kiện sản xuất vì kết cấu thép đang là phương án phổ biến cho xây dựng kho, nhà xưởng sản xuất. Do vậy, cần cân nhắc nâng bậc chịu lửa cho công trình kết cấu thép hoặc cho phép xây dựng đến 3 tầng với một số điều kiện, đồng thời mở rộng diện tích khoang cháy tương tự với diện tích của nhà sản xuất 25 000 m<sup>2</sup>”.</p>	<p>Ý nghĩa của quy định về giới hạn diện tích khoang cháy đã được trình bày tại mục 5 ở trên.</p> <p>Hiện nay các quy định của VN về diện tích khoang cháy tương ứng với bậc chịu lửa ở mức trung bình thấp. Không có quốc gia nào cho phép không cần nâng bậc chịu lửa mà có diện tích khoang cháy và số tầng cao hơn VN.</p> <p>QCVN 06 cũng cho phép thiết kế các nhà kho với diện tích không hạn chế, tương ứng với bậc chịu lửa của công trình. Ví dụ với bậc chịu lửa II, nhà kho hạng C 1 tầng có diện tích không hạn chế, 2 tầng là 25 000 m<sup>2</sup>, 3 tầng trở lên là 10 400 m<sup>2</sup> (bảng H.11).</p> <p>Ngoài ra, điều 1.1.10 của QCVN 06:2022/BXD cho phép thay thế khi có các luận chứng được Bộ Xây dựng chấp thuận. Vì vậy, hoàn toàn có thể mở rộng diện tích khi có luận chứng phù hợp được chấp thuận.</p>
21	<p>“Yêu cầu hầu hết trang thiết bị PCCC phải kiểm định bao gồm cả đèn chỉ dẫn thoát nạn, đèn chiếu</p>	<p>Bộ xây dựng không có thẩm quyền trong công tác kiểm định phương tiện PCCC và QCVN 06:2022/BXD cũng không quy định nội dung nào liên quan đến vấn đề này.</p>

STT	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	sáng sự có ... là không phù hợp vì các thiết bị đèn là thiết bị thông thường để chỉ dẫn thoát nạn không tham gia vào hệ thống báo cháy hay chữa cháy”	
22	“Các tiêu chuẩn phòng cháy, chữa cháy bắt buộc áp dụng nhưng không công khai miễn phí...”	Về cơ bản thì lĩnh vực này thuộc quản lý của Bộ KH&CN. Các tiêu chuẩn nếu do Bộ xây dựng hoặc cơ quan trực thuộc Bộ Xây dựng biên soạn, Bộ KH&CN ban hành đã được công khai trên hệ thống của Bộ xây dựng, các tiêu chuẩn do các đơn vị khác ban hành đề nghị liên hệ với cơ quan chủ quản.
23	“Phân loại rủi ro: chưa khoa học, chưa phân loại theo mức độ rủi ro của ngành nghề sản xuất, kinh doanh; điều kiện quá khác nghiệt và làm tăng chi phí quá mức cho doanh nghiệp”.	QCVN 06:2022/BXD có hệ thống phân loại về rủi ro cháy nổ thuộc dạng chi tiết nhất trên thế giới (5 nhóm lớn, 21 nhóm nhỏ, riêng nhà công nghiệp còn chia thêm thành 5 nhóm lớn và 9 nhóm nhỏ nữa). Nguyên tắc và phương pháp phân loại đều giống với các quốc gia khác, do đó việc nhận định phân loại rủi ro chưa khoa học là nhận định cảm tính.
24	“Bảo hiểm cháy nổ: khi nâng tiêu chuẩn PCCC thì một số nhà bán bảo hiểm chân chừ, nâng giá hoặc không bán bảo hiểm”	Vấn đề này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng.

**VII. Tiếp thu, giải trình các ý kiến hiệp hội doanh nghiệp karaoke**

(kèm theo văn bản số: 3653/VP-CP-NC ngày 23 tháng 05 năm 2023)

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
1	<p>Có văn bản trả lời đơn kiến nghị theo đúng quy định và pháp luật</p>	<p>Về việc trả lời đơn kiến nghị, kiến nghị Vụ KHCN &amp;MT là đầu mối có văn bản trả lời.</p>
2	<p>2. Hướng dẫn bằng văn bản và yêu cầu áp dụng các qui chuẩn, tiêu chuẩn về PCCC đối với các cơ sở đúng với thời điểm mà cơ sở được đưa vào hoạt động và tổ chức hướng dẫn cụ thể mang tính tháo gỡ cho ngành nghề karaoke để các cơ sở kinh doanh có hướng sửa chữa cho phù hợp. Mỗi một ngày chậm vào cuộc từ các cơ quan quản lý nhà nước đều gây thiệt hại kinh tế nặng nề (tới nhà đầu tư chúng tôi, rất mong các cơ quan chức năng nhanh chóng vào cuộc tháo gỡ cho các cơ sở kinh doanh karaoke trên toàn quốc, hạn chế những hệ lụy không tốt từ sự chậm trễ này.</p>	<p>Về việc áp dụng quy chuẩn QCVN 06:2022/BXD, theo quy định Pháp luật, Bộ Xây dựng chỉ có thẩm quyền ban hành QCVN 06. Tất cả các công trình được đề cập đến đều được cấp phép trước khi ND 136/2020/NĐ-CP (có hiệu lực từ 10/1/2021) và Thông tư 147/2020/TT-BCA (có hiệu lực từ 20/2/2021) có hiệu lực nên không thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 06:2021/BXD (có hiệu lực từ 05/7/2021) và QCVN 06:2022/BXD (có hiệu lực từ 16/01/2023). Các quy định chuyển tiếp cũng được nêu cụ thể theo mục 7.1.1 và mục 7.1.2 của quy chuẩn QCVN 06:2021/BXD và QCVN 06:2022/BXD</p>
3	<p>3. Đối với các cơ sở đã chỉnh sửa theo yêu cầu khác phục của các đoàn kiểm tra, kính đề nghị các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra lại để các cơ sở được nghiệm thu và đi vào hoạt động, tránh gây lúng túng và lãng phí cho các cơ sở.</p>	<p>Về việc kiểm tra các hoạt động của cơ sở kinh doanh Karaoke không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng mà thuộc thẩm quyền của cơ quan CSPCCC theo ND 136/2020/NĐ-CP</p>

4	<p>4. UBND Thành phố Hà Nội đã có công văn Số 587/UBND-NC ngày 07/3/2023 gửi tới Chính phủ, Bộ Công An, Bộ Xây dựng về việc báo cáo và đề xuất áp dụng các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bất cập đối với các cơ sở kinh doanh karaoke đã đưa vào hoạt động trước khi QCVN06:2022/BXD có hiệu lực. Rất mong Chính phủ và các bộ ngành có liên quan chấp thuận và đồng ý đề xuất Số 587/UBND-NC của UBND TP Hà Nội làm cơ sở tháo gỡ cho lĩnh vực karaoke toàn quốc.</p>	<p>Về văn bản số 587/UBND-NC của UBND Thành phố Hà Nội, Viện KHCN Xây dựng đã có văn bản số 514/VKH-KHKT ngày 31/3/2023 gửi Vụ KHCN &amp; MT, đã trả lời tất cả các kiến nghị trong văn bản này.</p>
5	<p>5. Tổ chức đối thoại trực tiếp giữa các cơ quan chức năng với tập thể cơ sở kinh doanh karaoke trên toàn quốc cũng như các tình hình để tìm kiếm các giải pháp khác phục cũng như giải đáp thắc mắc của các cơ sở.</p>	<p>Về tổ chức đối thoại trực tiếp, kiến nghị Bộ Xây dựng xem xét chỉ đạo.</p>
6	<p>6. Karaoke là nhu cầu giải trí chính đáng, hợp pháp của con người; Tạo công ăn việc làm cho hàng trăm nghìn người lao động; Nguồn thu thuế vào ngân sách nhà nước không nhỏ; Góp phần vào sự phát triển du lịch... Với tổng số vốn đầu tư cho lĩnh vực này trong cả nước là rất lớn, cần được thu hồi vốn như các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác. Với nguyên tắc thượng tôn pháp luật phải được thực hiện đối với các cơ quan thực thi pháp luật để người dân được quyền kinh doanh theo qui định của luật pháp. Ngành nghề kinh doanh karaoke cũng cần được bình đẳng trước pháp luật như những ngành nghề khác của xã hội, không vì là ngành nghề nhạy cảm mà định chế hoạt động.</p>	<p>Về việc đình chỉ hoạt động của các cơ sở Karaoke, thứ nhất đây không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng, thứ hai mọi ngành nghề kinh doanh đều bình đẳng trước pháp luật.</p>

**VIII. Tiếp thu, giải trình các ý kiến hiệp hội bệnh viện tư nhân**

(kèm theo văn bản số: 90/CV-BVTN ngày 20 tháng 06 năm 2023)

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
1	<p>Mục 2, nội dung công văn có nêu: “Trong quá trình xây dựng dự thảo thông tư số 06/2022/TT-BXD các cơ sở y tế tư nhân là đối tượng chịu tác động đã không được tiếp cận và tham gia góp ý xây dựng, do vậy khi ban hành thông tư đã gặp những vướng mắc khi triển khai thực hiện.”</p>	<p>Trong tất cả các lần biên soạn, soát xét QCVN 06, đều có sự tham gia thường xuyên, trực tiếp của các cán bộ cảnh sát PCCC thuộc Cục Cảnh sát PCCC và CNCH – Bộ Công an, các chuyên gia PCCC từ các trường đại học và các chuyên gia khác. Các lần xin ý kiến đều được đăng tải công khai, rộng rãi và Bộ có văn bản xin ý kiến gửi tất cả các địa phương, các cơ quan cảnh sát PCCC và CNCH và các tổ chức khác cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lần 1, trước khi bắt đầu soát xét quy chuẩn, Bộ Xây dựng đã thu nhận các ý kiến thông qua văn bản góp ý, hội thảo, đối thoại trực tiếp, nhằm tổng hợp các vấn đề cần xem xét để rà soát, sửa đổi.</li> <li>+ Lần 2, khi có dự thảo quy chuẩn, Bộ Xây dựng đã đăng tải công khai trên website của Bộ theo quy định trong tối thiểu 2 tháng, thông báo rộng rãi đến mọi tổ chức, cá nhân để tiếp cận và góp ý. Cũng trong thời gian này, Bộ Xây dựng đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị, mời một số chuyên gia, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực PCCC đến cho ý kiến trực tiếp.</li> <li>+ Lần 3, sau khi hoàn thiện dự thảo trên cơ sở tiếp thu các ý kiến rộng rãi của mọi tổ chức, cá nhân, Bộ Xây dựng có công văn chính thức gửi dự thảo quy chuẩn lấy ý kiến của các bộ ngành (đặc biệt là Bộ Công an), UBND 63 tỉnh thành, cơ quan cảnh sát PCCC 63 tỉnh thành, và nhiều cơ quan, tổ chức, hiệp hội khác. Thời gian góp ý tối thiểu là 01 tháng.</li> <li>+ Lần 4, sau khi hoàn thiện đầy đủ các hồ sơ, tiếp thu, giải trình các ý kiến, Bộ Xây dựng chuyển hồ sơ quy chuẩn sang Bộ Khoa học Công nghệ</li> </ul>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
		<p>lấy ý kiến thẩm định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lần 5, sau khi có ý kiến đồng thuận của Bộ Khoa học Công nghệ, trước khi ban hành, Bộ Xây dựng tiếp tục họp với Bộ Công an, cho đến khi Bộ Công an đồng thuận với phiên bản cuối cùng thì Bộ Xây dựng mới ban hành.</li> <li>+ Như vậy, mọi tổ chức, cá nhân quan tâm đến lĩnh vực PCCC và QCVN 06 đều có đầy đủ thời gian và quyền tiếp cận, góp ý</li> </ul>
2	<p>Mục 2, nội dung công văn cũng nêu: “Việc ban hành và có hiệu lực của quy định tại mục H.2.10 không đảm bảo tính thực tiễn và cũng không có hướng dẫn điều khoản chuyển tiếp.”</p>	<p>Các điều khoản chuyển tiếp được nêu tại Điều 7.1 của QCVN 06:2022/BXD như sau:</p> <p><i>“7.1.1 Hồ sơ thiết kế xây dựng đã được góp ý hoặc thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trước khi quy chuẩn này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo hồ sơ thiết kế đã được góp ý hoặc thẩm duyệt.</i></p> <p><i>7.1.2 Hồ sơ thiết kế xây dựng được góp ý hoặc thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kể từ thời điểm quy chuẩn này có hiệu lực thì phải tuân thủ các quy định của quy chuẩn này.”</i></p> <p>Như vậy, quy chuẩn có hướng dẫn điều khoản chuyển tiếp rõ ràng, trên nguyên tắc không hồi tố. Công trình đã được góp ý hoặc thẩm duyệt trước thời điểm QCVN 06:2022/BXD có hiệu lực (16/01/2023) thì tiếp tục thực hiện theo các quy định trước đó.</p>
3	<p>Mục 3, nội dung công văn đề nghị bỏ việc không chế chiều cao PCCC của nhà khám bệnh đa khoa ngoại trú (nhóm F3.4) tới đa 28m quy định tại</p>	<p>Quy định chiều cao PCCC 28m đối với nhà khám bệnh đa khoa ngoại trú (nhóm F3.4) như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trước hết, đây là yêu cầu “cho sẵn”, nghĩa là nếu nhà F3.4 có chiều cao PCCC từ 28m trở xuống thì chỉ cần đáp ứng các yêu cầu kèm theo trong</li> </ul>

Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
	mục H.2.10 của QCVN 06:2022/BXD.	<p>quy chuẩn sẽ được coi là đảm bảo an toàn cháy.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hoàn toàn có thể bố trí các công năng khác (hành chính, văn phòng, căng tin, phòng họp, phòng nghỉ của bác sĩ, y tá ...) trên các chiều cao lớn hơn 28m. Nghĩa là về tổng thể nhà hoàn toàn có thể cao hơn 28m mà vẫn nằm trong phạm vi quy định của quy chuẩn. Trường hợp Chủ đầu tư muốn xây dựng nhà F3.4 cao hơn 28m (nghĩa là vượt ra khỏi phạm vi các quy định sẵn có của quy chuẩn) thì cần có thiết kế an toàn cháy riêng cho công trình đó.</li> <li>+ Nhà khám bệnh đa khoa ngoại trú là nơi tập trung rất đông người, các bệnh nhân tùy tình trạng sức khỏe và thể chất có thể hạn chế về khả năng di chuyển so với các nhóm người khác, do đó nếu có sự cố cháy thì rủi ro sẽ lớn hơn. Đặc biệt Việt Nam có nét đặc thù so với các nước khác là thường một bệnh nhân vào viện hay đi kèm thêm 1 đến 2 người chăm sóc nên số lượng người càng đông.</li> <li>+ Thực tiễn các xe thang cứu nạn của lực lượng cảnh sát PCCC phổ biến chỉ tiếp cận được đến chiều cao khoảng 28 đến 30 m. Ở các địa phương lớn như Hà Nội hay Thành phố Hồ Chí Minh có xe tiếp cận được cao hơn (50 hoặc 72 m) nhưng rất ít, và có thể bị hạn chế về khả năng tiếp cận công trình (do xe to, dài).</li> <li>+ Điều kiện về thiết bị chữa cháy và cứu nạn của Việt Nam nhìn chung trên cả nước chưa đạt đến mặt bằng các nước phát triển</li> </ul>
4	Kiến đề nghị bỏ mục 3.3.5 của quy chuẩn QCVN 06:2022/BXD,	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Về nguyên tắc, đường thoát nạn phải được bảo vệ để đảm bảo an toàn cho người thoát nạn và nước nào cũng có quy định cụ thể, ví dụ như Mỹ, Nga, Trung Quốc, Sing, Hongkong, Indonesia, ....</li> </ul>



Điều	Nội dung của QCVN 06:2022/BXD	Ý kiến thảo luận, giải trình
		<ul style="list-style-type: none"> <li data-bbox="297 153 553 1171">+ Đối với các tầng nhà có hành lang không được bao che bằng các bộ phận ngăn cháy theo quy định tại 3.3.5 thì khoảng cách giới hạn cho phép của đường thoát nạn phải tính từ điểm xa nhất của gian phòng trên tầng nhà đó (quy định tại mục G.1.2, quy chuẩn QCVN 06:2022/BXD). Như vậy, QCVN 06:2022/BXD không bắt buộc bảo vệ đường thoát nạn, mà đã cung cấp lựa chọn khác, trong trường hợp không bảo vệ đường thoát nạn.</li> <li data-bbox="565 153 727 1171">+ Hiện nay có rất nhiều sản phẩm đáp ứng yêu cầu chống cháy, từ các vách ngăn tường nhẹ, vách thạch cao, ... cho đến các loại cửa nhẹ, cửa gỗ, cửa thép có ô kính. Việc lựa chọn các sản phẩm phù hợp với thực tế của dự án thuộc quyền quyết định của Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn lựa chọn.</li> </ul>